

Naoki Hyakuta

Không chiến

ZERO

Võ Vương Ngọc Chân dịch

rực lửa

Quyển sách
bán chạy nhất
Nhật Bản
năm 2013

Thần phong huyền bí Đông phương

 alpha ALPHA

 **vh** NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

KHÔNG CHIẾN ZERO RỰC LỬA

---***---

Tác giả: Naoki Hyakuta

Dịch thuật: Võ Vương Ngọc Chân

Phát hành: Alphabooks

Nhà xuất bản Văn Học

Naoki Hyakuta

Sinh năm 1956 tại Osaka, hiện đang là tác giả có những tác phẩm bán chạy nhất Nhật Bản.

Không chiến Zero rực lửa là cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông (xuất bản lần đầu tiên năm 2006), và năm 2013 nó đã trở thành cuốn sách bán chạy nhất Nhật Bản với gần 3,5 triệu cuốn được bán ra.

Cuốn tiểu thuyết đã được dựng thành phim và khởi chiếu toàn Nhật Bản vào tháng 12/2013.

Nhân vật

SAEKI KENTARO: Tôi - thi hỏng kỳ thi tư pháp quốc gia, hiện đang chờ kỳ thi tiếp theo

SAEKI KEIKO: Chị gái của Kentaro - Mơ ước trở thành nhà báo

SAEKI KIYOKO: Mẹ của Keiko và Kentaro

OISHI KENICHIRO: Chồng sau của bà ngoại — Luật sư

OISHI MATSUNO: Bà ngoại (đã mất)

MIYABE KYUZO: Chồng trước của bà ngoại, hy sinh trong một cuộc tấn công cảm tử

HASEGAWA UMEO: Cựu thiếu úy Hải quân

ITO KANJI: Cựu trung úy Hải quân

IZAKI GENJIRO: Cựu chuẩn úy Không lực Hải quân

NAGAI KIYOTAKA: Cựu chuẩn úy Bảo trì Hải quân

TANIKAWA MAS AO: Cựu trung úy Hải quân

OKABE MASAO: Cựu trung úy Hải quân

TAKEDA TAKANORI: Cựu trung úy Hải quân

KAGEURA KAIZAN: Cựu thượng đẳng binh tào Không lực Hải quân

ONISHI YASUHIKO: Cựu nhất đẳng binh tào Hải quân

TAKAYAMA TAKASHI: Phóng viên, cộng sự của Keiko trong dự án
Đặc san về cuộc tấn công cảm tử

FUJIKI SHUICHI: Quản lý xưởng Sắt - Trước đây từng làm việc tại
văn phòng ông Oishi Kenichiro

Mở đầu

Đó là thời điểm trước khi chiến, tranh kết thúc. Chính xác vào ngày tháng năm nào, tôi không nhớ rõ, nhưng riêng chiếc Zero đó thì tôi không thể nào quên. Chiếc Zero quỷ ám.

Tôi là pháo thủ phòng không 127 li của hàng không mẫu hạm * Ticonderoga.

Nhiệm vụ của tôi là bảo vệ hàng không mẫu hạm trước các cuộc tấn công của Kamikaze *đang điên cuồng lao đến...

Đạn pháo 127 li của chúng tôi là dạng ngòi nổ gần, loại vũ khí tối tân thời bấy giờ, từ đầu đạn có thể phóng sóng điện với bán kính khoảng 15 mét khi phát hiện được mục tiêu sẽ lập tức phát nổ viên đạn. Hầu hết các Kamikaze đều bay vọt lên cao trước khi tiếp cận hàng không mẫu hạm.

Lần đầu nhìn thấy Kamikaze, tôi cảm thấy rất đổi kinh hoàng. Tôi rất muốn nghĩ chiếc máy bay đánh bom cảm tử điên cuồng đó chỉ là một ngoại lệ. Nhưng không, người Nhật liên tục công kích bằng Kamikaze. Có lúc tôi nghĩ, kẻ địch mà chúng tôi đang chiến đấu không phải là CON NGƯỜI. Họ không sợ chết, thậm chí còn lao đầu vào nó. Hay họ không gia đình, không bạn bè, người yêu, không người thương tiếc khi ngã xuống? Tôi thì khác, tôi có cha già mẹ yếu ở quê hương Arizona, và cũng đã có hôn ước.

Tôi chiến đấu trên Ticonderoga từ đầu năm 1945. Tuy từng nghe những lời đồn về Kamikaze, nhưng khi phải tận mắt chứng kiến, tôi đã run lên và thấy những thứ đó được cử đến để dẫn lối đưa đường xuống địa ngục.

Tuy vậy, hỏa lực của chúng tôi cực kỳ lợi hại, uy lực của ngòi nổ gần rất thần kỳ. Khi tất cả các tàu đồng loạt bắn sẽ tạo nên một màn chắn khiến bầu trời phải đổi sắc. Hầu như không một Kamikaze nào có thể xuyên phá tấm màn chắn đó. Chưa hết, vẫn còn một lễ rửa tội như tắm vòi sen bằng súng máy 20 li và 40 li đang chờ sẵn những Kamikaze nào lọt qua màn chắn đạn pháo. Hầu như tất cả Kamikaze đều bị bắn nổ, bốc cháy và rơi xuống biển.

Chẳng bao lâu, nỗi sợ hãi cũng phai nhạt dần, thay vào đó là sự giận dữ. Mà không! Có lẽ đó là thứ cảm xúc xuất phát từ ý chí phục thù khi đã quá sợ hãi. Các pháo thủ chúng tôi dồn cơn giận vào các khẩu pháo và súng máy mà bắn.

Khi nỗi sợ hãi ban đầu qua đi, cuộc chiến trở thành một trò chơi. Chúng tôi bắn hạ các Kamikaze như bắn mục tiêu trong trò bắn đĩa bay vậy.

Máy bay Nhật hầu hết đều đột kích từ góc hẹp. Lúc bấy giờ, phi công Nhật đều là những tân binh, vì thế hầu như không ai có thể công kích bằng cách bổ nhào bất thành hình. Pháo của chúng tôi tuy có thể điều chỉnh linh hoạt ở nhiều góc độ, nhưng khi bị tấn công theo chiều thẳng đứng ở khoảng cách gần thì không thể điều chỉnh góc ngắm. Tuy vậy nếu tấn công ở góc này thì máy bay lại khó đâm trúng mục tiêu. Theo lời một anh chàng am hiểu về máy bay thì ở vận tốc quá nhanh, bánh lái sẽ không thể hoạt động theo ý muốn của phi công. Tôi cũng đã thấy khá nhiều Kamikaze tấn công bằng cách bổ nhào, nhưng do ước lượng sai vị trí mục tiêu nên đâm xuống biển.

Nhưng việc bắn các Kamikaze dần khó khăn hơn. Chúng tôi bắn hạ những kẻ mạo hiểm sinh mạng mình mà lao tới như chơi một trò chơi, nhưng mục tiêu của chúng tôi không phải là những cái đĩa bay vô hồn, mà là con người.

Xin đừng đến nữa! Tôi không biết mình đã cầu xin điều đó bao nhiêu lần.

Nhưng khi họ đến tôi vẫn phải bắn, bởi nếu không, chính chúng tôi sẽ chết. Các con tàu bị Kamikaze đâm chìm cũng không ít, khiến hàng trăm

người thiệt mạng. Chỉ vì một người Nhật mà hàng trăm người Mỹ phải hy sinh, đó là điều tôi không chấp nhận được. Cho dù không có tàu nào bị nhấn chìm thì khi bị Kamikaze đâm trúng, vài người Mỹ vẫn sẽ phải chết.

Sau trận Okinawa *hồi tháng Năm, công tác bố trí phòng ngự đã gần như hoàn thành. Các tàu cảm chốt phía trước hạm đội 100 dặm sẽ phát hiện Kamikaze bằng sóng radar, sau đó các máy bay đánh chặn đang đợi ngoài khơi sẽ bắn rơi họ ngay trước hạm đội.

Lúc đó, Kamikaze không có máy bay chiến đấu bảo vệ nên chẳng khác nào một bầy cừu không có chó canh gác. Những chiếc máy bay cảm tử mang bom nặng nề, hoạt động chậm chạp gần như không thể đối đầu với dàn máy bay chiến đấu tối tân của chúng tôi. Bởi thế, các Kamikaze hoàn toàn bất lực, thậm chí không thể tiếp cận lực lượng đặc nhiệm trên không của chúng tôi.

Vào mùa hè, cánh pháo thủ phòng không chúng tôi gần như thất nghiệp. Bước sang tháng Tám, binh sĩ đồn nhau rằng có lẽ chiến tranh sắp kết thúc.

Đó là lúc tôi nhìn thấy chiếc Zero ma quái ấy.

HƯƠNG HỒN

Tiếng chuông điện thoại đánh thức tôi. Tôi liếc nhìn đồng hồ, đã quá trưa. Chị tôi gọi:

“Em đang làm gì đó?”

“Em đang đi dạo.”

“Đang ngủ chứ gì?”

“Chiều em sẽ đi tìm việc.”

Chị tôi thoáng khựng lại.

“Đừng có phét lác! Cứ lang thang lê lững suốt ngày, không chịu đi làm, người ta gọi kiểu như em là đồ vô công rồi nghề đó, Kentaro. Nếu hôm nay em rảnh, chị sẽ giới thiệu cho em một công việc làm thêm hấp dẫn.”

Tôi biết ngay lại là chuyện này mà.

Đương nhiên, bản thân tôi cũng không thể thông cảm cho chính mình khi đã 26 tuổi đầu mà chỉ ăn không ngồi rồi.

Được tiếng là thí sinh đang đợi kỳ thi tư pháp quốc gia * thì cũng hay đấy, nhưng năm nay tôi lại không tham dự. Tôi bắt đầu dự kỳ thi này từ năm thứ tư đại học và trượt bốn năm liên tiếp. Năm đầu tiên là đáng tiếc nhất. Tôi đã vượt qua bài thi viết khó nuốt nhất nhưng lại mắc một lỗi nghiêm trọng trong bài thi vấn đáp. Tôi đã khiến vị giáo sư dạy mình năm ấy vô cùng thất vọng.

Năm sau đó, ai cũng nghĩ lần này tôi sẽ ổn, bởi những người đã vượt qua bài thi viết năm trước sẽ được miễn bài thi viết. Nhưng tôi lại tiếp tục sảy chân ở phần thi vấn đáp - chính việc được miễn thi viết đã khiến tôi chủ quan. Năm tiếp theo tôi muối mặt rớt bài thi viết, năm sau nữa thì trượt cả

phần trắc nghiệm. Lúc đó, tôi bị cô người yêu từ thời sinh viên bỏ nên đi thi trong tâm trạng cực kỳ tồi tệ.

Dần dà, tôi gần như mất hết tinh thần và sự tự tin, ngày qua ngày quần quanh tìm cách giết thời gian. Ở trường, người ta luôn nói bằng mọi giá phải vượt qua kỳ thi tư pháp quốc gia mới xứng tầm. Vậy mà tôi liên tục tụt lại phía sau những người bạn cùng khóa. Thỉnh thoảng tôi đi dạy thêm, nếu thích thì làm một số việc lao động chân tay, nhưng cũng chỉ để giết thời gian. Tôi vẫn một mực tin rằng chỉ cần nghiêm túc học hành, tôi sẽ vượt qua được kỳ thi dễ dàng. Nhưng thực tế tinh thần của tôi giờ đã không còn được như xưa nữa. Tôi luôn cảm giác sẽ có một cơ hội hay động lực nào đó, những chúng chưa kịp đến thì một năm thắm thoát đã trôi qua. Trong thời gian đó, chồng sách luật của tôi đã phủ kín bụi mất rồi.

“Việc làm thêm đó là gì vậy?”

“Trợ lý cho chị.”

“Thôi nào, chị khiêm tốn chút đi.”

Chị Keiko hơn tôi bốn tuổi, là nhà báo tự do. Nói vậy nhưng chị cũng chỉ mới vào nghề. Sau khi vào làm cho một tờ tạp chí thông tin bốn năm, Keiko ra ngoài tác nghiệp tự do, nhưng công việc chính vẫn là viết bài phỏng vấn cho tờ tạp chí cũ. Dù vậy, chị vẫn tự thuê được một căn hộ chung cư ở nội thành, có lẽ bằng cách nào đó chị đã xoay xở để có được mức thu nhập ổn định. Keiko luôn nói sẽ trở thành nhà báo chân chính nhất, nhưng dường như đó chỉ là mơ tưởng. Dẫu vậy, quyết tâm của chị quả thực rất lớn.

“Nghe này, thật ra công việc đó là tìm hiểu về ông ngoại của chúng ta.”

“Tìm hiểu gì về ông ngoại chứ?”

“Không phải ông ngoại bây giờ, mà là người chồng trước của bà ngoại ấy.”

“À, ra thế.”

Người chồng đầu tiên của bà hy sinh trong chiến tranh, khi tham gia đội cảm tử quân. Cuộc sống hôn nhân tuy ngắn ngủi, nhưng ông bà đã có một người con là mẹ tôi. Sau chiến tranh, bà tôi tái hôn và người đó là ông

ngoại tôi bây giờ. Chúng tôi được biết sự thật ấy sáu năm trước, khi bà tôi qua đời. Vừa qua bốn mươi chín ngày của bà, ông ngoại gọi tôi và chị Keiko đến, đó là lần đầu tiên chúng tôi được nghe kể về ông ngoại ruột của mình. So với chuyện đó, chuyện người ông tôi vẫn xem là ruột thịt thực ra lại không cùng máu mủ khiến tôi sốc hơn nhiều.

Từ thuở nhỏ, hai chị em tôi đã được ông ngoại thương yêu hết mực. Hơn nữa quan hệ giữa ông và mẹ tôi cũng rất tốt. Bà ngoại sau khi tái hôn với ông đã có thêm hai người con trai - là hai cậu của tôi. Mẹ và các cậu cũng rất thương yêu nhau.

Dù biết vậy, nhưng tôi vẫn không có mấy tình cảm đặc biệt với ông ngoại ruột của mình. Ông đã mất trước khi tôi được sinh ra ba mươi năm, trong nhà lại chẳng còn tấm ảnh nào. Vì thế thật khó để tôi có nhiều tình cảm thương mến dành cho ông. Có vẻ kỳ lạ, nhưng thi thoảng tôi có cảm giác như hương hồn ấy vẫn còn lẩn khuất nơi đây.

Dường như ông ngoại cũng không biết nhiều về người chồng trước của bà. Tôi chỉ biết rằng ông là lính Không lực Hải quân chết trận khi tham gia đội ngũ Kamikaze. Mẹ tôi cũng không có mấy ký ức về ông. Khi ông qua đời, mẹ mới chỉ 3 tuổi. Trước đó, ông cũng chiến đấu suốt ngoài chiến trường.

“Tại sao lại phải tìm hiểu về ông ấy?”

Tôi gọi “ông ấy”, bởi đối với tôi, chỉ có ông của tôi bây giờ mới thực sự là ông ngoại.

“Trước đây, mẹ đã từng thắc mắc người cha đã mất của mình là người thế nào bởi mẹ không biết gì về cha mình...”

Tôi ừm một tiếng rồi nhòm dậy.

“Khi nghe chuyện, chị rất muốn làm gì đó cho mẹ. Chị hiểu tâm trạng của mẹ. Dù sao đó cũng là cha đẻ của mình mà. Đương nhiên đối với mẹ, ông ngoại là người rất quan trọng. Mẹ cũng xem ông ngoại bây giờ như cha ruột vậy. Nhưng, biết nói thế nào nhỉ, đó là một thứ tình cảm khác, mẹ muốn biết rốt cuộc cha đẻ của mình là người như thế nào.”

“Nhưng tại sao lại vào lúc này?”

“Có lẽ do đã có tuổi rồi chẳng.”

“Ông ngoại không biết gì về ông ấy à?”

“Không. Vì hình như bà ngoại không kể gì với ông cả.”

“Hừm.”

Tôi rất yêu ông ngoại. Tôi đặt mục tiêu vượt qua kỳ thi tư pháp quốc gia cũng bởi ông ngoại là luật sư. Ông từng là cán bộ ngành đường sắt, kiên trì đến hơn 30 tuổi mới đậu kỳ thi tư pháp quốc gia. Sau khi tốt nghiệp khoa Luật Đại học Waseda, ông trở thành luật sư, sau đó chạy đông chạy tây giúp đỡ người nghèo khổ. Nếu nói theo lối cổ là *luật sư thanh bần*. Tôi noi tấm gương đó mà đặt mục tiêu làm luật sư.

Ông ngoại thấy tôi thi mấy lần không đỗ, lại ăn không ngồi rồi, nhưng chẳng khi nào nổi giận. Ông còn nói với mẹ rằng, “Thằng bé nhất định sẽ thành công! Đừng lo lắng.”

Những lời đó hình như đã làm mẹ và chị tôi thất vọng.

“VẬY TRONG VỤ ĐIỀU TRA VỀ ÔNG NGOẠI LẦN NÀY, TẠI SAO LẠI CẦN TỚI EM CHỨ.” Tôi hỏi.

“Chị rất bận, lại không thể theo suốt vụ này được. Hơn nữa, việc này cũng liên quan đến em mà. Chị không bắt em làm không công đâu, sẽ trả thù lao đảng hoàng.”

Tôi cười gượng, làm thử cũng được. Dù sao tôi cũng đang rảnh.

“Nhưng chúng ta sẽ tìm ra bằng cách nào?”

“Em đã lên tinh thần chưa vậy?”

“Chúng ta có đầu mối nào chưa?”

“Chẳng có gì cả. Chúng ta hoàn toàn không biết liệu ông có người thân nào hay không. Nhưng chúng ta biết tên thật của ông, nên chắc có thể tra được thời đó ông đã chiến đấu trong binh đoàn nào, đúng không?”

“Không lẽ chị định tìm lại những người đồng đội xưa của ông rồi hỏi về ông à?”

“Kentaro, em thông minh ra phết đấy.”

“Thôi đi! Thứ nhất, đó là chuyện của sáu mươi năm trước rồi. Giả sử có người biết về ông đi nữa thì em cũng không nghĩ họ vẫn còn nhớ đâu. Chưa kể là họ cũng đã qua đời cả rồi.”

“Đó là ông ngoại ruột của em đấy!”

“Đúng vậy, nhưng em không nghĩ là mình thật sự muốn biết đâu.”

“Chị muốn biết!” Keiko gằn giọng. “Chị rất muốn biết ông ngoại ruột của mình là người thế nào. Dù sao đó cũng là cội nguồn của chị. Cũng là cội nguồn của em đấy.”

Lòng tôi chẳng mấy may xúc động, nhưng tôi cũng không hơi sức đâu phản bác.

“Vậy giờ sao đây? Em có tham gia không?”

“Được rồi. Em sẽ tham gia.”

Không hẳn là tôi không muốn biết về ông, chẳng qua chỉ muốn làm bộ làm tịch một chút, kéo mang tiếng làm vì tiền.

Ngày hôm sau, tôi gặp chị ở Shibuya *, cùng ăn cơm và bàn bạc. Đương nhiên là chị ấy trả tiền. Chúng tôi vào một nhà hàng Ý. Chị mặc chiếc quần jeans đã sờn, khuôn mặt để mặc như thường lệ.

“Lần này có thể chị sẽ nhận được một công việc hấp dẫn. Chị đang tham gia dự án của một tờ báo với chủ đề sáu mươi năm kết thúc chiến tranh, sẽ ra mắt vào năm sau.” Keiko có vẻ rất hãnh diện vì đó là một tờ báo lớn.

“Ồ, tuyệt nhỉ! Từ một tạp chí rẻ tiền, chỉ một bước đã nâng tầm rồi.”

“Đừng có dùng từ *re tiền!*” Chị gằn giọng, rồi tiếp tục câu chuyện. “Vì vậy, nếu thuận lợi còn có thể xuất bản được sách nữa.”

“Thật sao? Sách gì?”

“Đặc san các câu chuyện về những người đã kinh qua chiến tranh. Vẫn chưa biết có xuất bản được hay không, nhưng chị nghĩ chắc phải viết cùng ai đó.”

Chị nói mà đôi mắt sáng bừng lên. Ra vậy, điểm mấu chốt là đây. Chị muốn kết hợp sự nghiệp với việc tìm hiểu về ông ngoại, vừa có thể hiểu về ông, vừa có thể giúp mẹ. Tôi chắc chị thật lòng muốn tìm hiểu chuyện này, nhưng mong muốn chứng tỏ khả năng viết báo có lẽ quan trọng hơn. Bởi từ này đến giờ, chị chưa hề nhắc đến ông một lời nào.

Thật lòng mà nói, tôi từng nghĩ chị không thích hợp với nghề phóng viên. Tính khí mạnh mẽ nhưng thường không tiết chế được cảm xúc sẽ khiến chị không thể đặt những câu hỏi sâu hay rất dễ gây khó chịu với đối tượng phỏng vấn. Chuyện đó không cần tôi nói, ngay bản thân chị cũng tự nhận ra. Vì lẽ đó, chắc hẳn Keiko muốn nhờ dự án lần này để lột xác.

“Mà chuyện ông Miyabe hy sinh cảm tử có thật không chị?”

“Bà ngoại nói vậy đó.”

Chị dùng đĩa cuốn mì pasta, rồi nói khơi khơi. “Họ nhà mình cũng có người tuyệt thế chứ!”

Tôi dừng dừng đáp lời. “Ừ!”

“Nhưng hình như đội quân cảm tử bị xem là khủng bố đó.”

“Khủng bố?”

“Một đồng nghiệp của chị nói, nếu có Kamikaze vào thời đại này thì họ sẽ là những tay khủng bố đáng gờm đấy. Chuyện họ làm cũng giống như việc đâm vào tòa tháp đôi ở New York *vậy đó.”

“Em nghĩ Kamikaze không thể nào là khủng bố đâu.”

“Vì thời đại và bối cảnh khác nhau nên cách nhìn nhận cũng khác, nhưng điểm chung là đều một lòng yêu nước điên cuồng.”

Đó quả là một lập luận táo bạo, nhưng lời nói ấy của chị rất có sức thuyết phục.

Người nói với chị những chuyện này rất giỏi, trước đây từng là phóng viên chính trị. Trong một lần đi ăn, chị có kể ông ngoại là cảm tử quân, người đó liền cho mượn một quyển sách tập hợp di thư của các cảm tử quân. Trong đó kín đặc những từ “trung hiếu”, “báo quốc”. Đáng ngạc nhiên là những cảm tử quân không hề sợ cái chết, có những câu làm chị cảm thấy niềm vui của họ khi được chết trong vinh quang. Khi đọc những dòng đó, chị mới biết thì ra Nhật Bản từng có thời nhiều người yêu nước đến vậy.”

“Vậy ư? Nhưng ông Miyabe không thể là một tên khủng bố. Không thể thế được!”

“Cháu của những tên khủng bố Hồi giáo sáu mươi năm sau chắc cũng nói thế đấy.”

Chị vừa cho mì vào đây miệng vừa nói, sau đó tu nước ừng ực. Con gái gì mà chẳng có chút ý tứ nào! Dù chị tôi trông rất ưa nhìn, nhưng chẳng bao giờ chịu chăm chút vẻ ngoài hay để ý tới hành vi cử chỉ.

“Ông có để lại di thư không?”

“Hình như không.”

“Vậy là chẳng có chút dấu vết nào về cuộc đời của ông cả.”

“Thế nên chúng ta mới tìm hiểu.”

“Vậy cụ thể em sẽ phải làm gì nào?”

“Chị muốn em tìm ra những đồng đội xưa quen biết ông. Bây giờ chị đang bận tối mắt tối mũi nên nhờ em vụ điều tra này nhé. Chị sẽ thanh toán trước cho em một khoản.”

Chị nói liền thoảng và mở túi xách, lấy ra một chiếc phong bì đưa cho tôi.

“Dù sao em cũng rảnh mà đúng không? Em có thể điều tra qua điện thoại hoặc fax hoặc bất cứ cách nào em muốn. Tìm được họ rồi thì việc đi gặp và phỏng vấn chị sẽ lo.”

Tôi chán nản cầm lấy phong bì chị đưa.

“Vậy nếu ông Miyabe còn sống thì năm nay bao nhiêu tuổi?”

Chị lấy cuốn sổ tay từ trong túi ra, lật lật giở giở.

“Ông sinh năm 1919, nếu còn sống thì năm nay đã 85 tuổi.”

“Gặp được đồng đội của ông e rằng không dễ. Bọn họ tham gia từ thời khai chiến, bao nhiêu năm đã trôi qua, giờ chắc qua đời hết cả rồi.”

“Ừ... có phải đã quá trễ rồi không?”

Dù đã nhận lời nhưng đến hơn một tuần sau, khi chị gọi điện hối thúc, tôi mới bắt tay vào việc. Tiền nhận rồi, không làm cũng không được.

Tôi hỏi được hồ sơ quân dịch của ông từ Bộ Y tế - Phúc lợi.

“Miyabe Kyuzo, sinh năm 1919 tại Tokyo. Năm 1934 gia nhập Hải quân. Năm 1945 tử trận ngoài khơi quần đảo Nansei.”

Cuộc đời ông ngoại nếu tóm gọn trong một dòng chỉ có như vậy. Đương nhiên, nếu muốn chi tiết thì bao nhiêu cũng viết được. Ban đầu ông

gia nhập Hải quân, làm lính vũ trang, sau đó tham gia huấn luyện trở thành phi công, rồi tham gia chiến tranh Trung-Nhật năm 1937. Năm 1941, chiến đấu trên hàng không mẫu hạm, tham gia oanh kích trận Trân Châu Cảng. Sau đó, ông chuyển xuống chiến đấu tại quần đảo phía Nam. Năm 1945, quay về chiến đấu ở đất liền. Trước khi chiến tranh kết thúc vài ngày, ông hy sinh trong lần tấn công cảm tử Kamikaze.

Từ năm 15 đến năm 26 tuổi, ông đã cống hiến cho quân đội khoảng thời gian mười một năm đẹp nhất đời người. Trong tám năm cuối, ông chiến đấu với vai trò là một phi công. Rồi bị cái chết đuổi kịp trong một cuộc oanh kích cảm tử.

Thật không may, nếu chiến tranh kết thúc sớm vài ngày thôi, thì chắc ông vẫn còn sống.

Về cuộc sống riêng thì năm 1941, ông kết hôn với ngoại rồi sinh mẹ tôi năm 1942. Cuộc sống hôn nhân ấy chỉ kéo dài vồn vẹn 4 năm. Hầu như suốt thời gian đó ông đều ở chiến trường. Dù được trở về đất liền thì thời gian thực sự sống với nhau không biết được bao nhiêu. Bà không kể chuyện về chồng trước của mình, có lẽ không phải vì muốn giấu giếm mà thực sự không có gì đáng kể.

Hồ sơ quân dịch chẳng tiết lộ gì thêm về con người ông. Muốn biết, buộc phải tiếp xúc với những người đồng đội của ông. Nhưng nếu còn sống thì giờ ông ngoại cũng đã 85 tuổi, những đồng đội năm xưa ấy chắc gì đã còn trên cõi đời này.

Đầu tôi văng vẳng những lời chị Keiko nói, có phải đã quá trễ rồi không. Nhưng nhìn ở khía cạnh khác, có lẽ bây giờ là thời điểm cuối cùng còn kịp để điều tra.

Tôi biết thông tin về tổ chức Thủy Giao Hội, chuyên tập hợp những cựu binh hải quân từ Bộ Y tế - Phúc lợi. Tôi hỏi thăm và được chỉ cho vài hội cựu chiến binh.

Có hội từng là hội lính hải quân cùng thời, cũng có hội tập trung quân nhân từ không quân và hàng không mẫu hạm. Thành Viên của hội ngày càng cao tuổi nên vài năm gần đây nhiều hội đã giải tán. Những người đã đi qua chiến tranh đang dần biến mất khỏi vũ đài lịch sử.

Trong những hội cựu chiến binh mà người ta chỉ cho tôi, có bao nhiêu người biết ông ngoại? Dù có thì liệu họ còn nhớ được bao nhiêu về câu chuyện sáu mươi năm trước? Sáu mươi năm sau, nếu được hỏi về những người bạn bây giờ của mình, thì tôi có thể lật lại ký ức của mình đến đâu?

Dù vậy cũng không thể bỏ cuộc, tôi lần lượt viết thư cho từng hội cựu chiến binh, để xem liệu có ai biết về ông ngoại hay không.

Hai tuần sau, có thư hồi âm từ một hội họ, báo có người cùng phi đội với ông tôi ở Rabaul. Người viết thư là cán bộ của hội cựu chiến binh, chữ viết rất bay bướm. Tôi căng mắt vẫn không thể nào đọc được, đành đem bức thư đến gặp chị Keiko. Chị đang bận túi bụi, mãi tôi mới hẹn gặp được ở một quán ăn gia đình. Tốt nghiệp khoa Văn như chị mà dường như cũng rất khó đọc được nét chữ “bay bướm” kia.

“Sáu mươi năm đổi mới rồi, chữ viết có vẻ cũng trở nên khó đọc hơn nhỉ.”

Tôi trông chị nhìn chăm chăm vào bức thư, nghĩ mình đúng là *lươn ngắn chê trạch dài*.

“Chúng ta chỉ biết chữ giản thể, hoàn toàn chưa học qua loại chữ này. Trong đó có cả chữ giống và không giống với chữ gốc. Ví dụ như chữ này.”

Chị chỉ vào một chữ trong bức thư. “Em đọc được chữ này không?”

Tôi hoàn toàn không đọc được.

“Chị tình cờ biết nên đọc được. Là Hạm đội Liên hợp *đấy.”

“Chữ này là chữ *Liên* đó hả? Chẳng giống gì cả. Có thêm bộ *Nhĩ*, cấu tạo chữ cũng khác.”

Chị tôi cười nói. “Hơn nữa, thư này viết theo lối chữ thảo *, đọc rất khó đó.”

“Em có cảm giác như người viết thuộc chủng tộc hoàn toàn khác vậy.”
Tôi thở dài.

“Cũng là con người thôi. Em nghĩ ông ngoại là người chủng tộc khác sao? Đây là ông ngoại của những người khác hiện đang còn sống đấy.”

“Em không nghĩ ông ngoại là người chủng tộc khác. Nhưng với em, ngoài họ hàng nhà mình thì những người trên tám mươi tuổi gần như là một chủng tộc khác.”

Chị đặt lá thư lên bàn, nhấp ly cà phê đá rồi nói. “Họ chắc cũng nghĩ như vậy đấy.”

Nghĩ đến chuyện đi gặp những người đó, lòng tôi thoáng nặng nề.

KẸ HÈN NHÁT

Ông Hasegawa Umeo là cựu thiếu úy Hải quân, nhà ở ngoại thành quận Saitama. Họ cũ của ông là Ishioka, có lẽ sau chiến tranh ông đã được nhận làm con nuôi.

Tôi đi từ Tokyo tới đây mất một tiếng. Xung quanh nhà ga nơi tôi xuống vẫn còn dáng dấp thành thị, nhưng chỉ đi bộ một lúc thì khung cảnh đã thay đổi, những đồng lúa trải dài tít tắp, cơn trùng kêu râm ran. Mặt trời thẳng đứng trên đỉnh đầu, không có nổi một gợn mây. Tháng Bảy mới về mà nắng đã gắt vậy ư? Nóng như thiêu đốt, khác hẳn cái nắng ở thành phố, tôi có cảm giác đây mới thực sự là mùa hè.

“Nóng quá!” Tôi nói với chị Keiko đang đi bên cạnh.

“Chị thấy vui quá!”

Câu trả lời chẳng khớp vào đâu. Tôi bắt đầu thấy sốt ruột. Chị Keiko đã nói sẽ tự mình phỏng vấn vậy mà ngay trước lúc khởi hành lại bảo tôi theo cùng. Chị khẩn khoản nài nỉ, “Chỉ lần đầu này thôi, nhờ em đó.” Tôi cũng vô thức nhận lời, nhưng khi đi trên con đường quê nóng bức này tôi mới thấy hối hận.

“Chị đã tìm hiểu chút gì về thời chiến chưa?”

“Chị đâu có nhiều thời gian đến vậy. Vả lại chị muốn đi phỏng vấn mà không mang những định kiến trong đầu.”

Lại nói năng tùy tiện, tôi chẳng buồn đáp lại. Người tôi đầm mồ hôi, chắc cũng đi được ba mươi phút từ nhà ga rồi. Dọc đường chị tôi cũng không nói gì thêm.

Theo địa chỉ xin được, chúng tôi tìm đến một nông gia nhỏ. Đó là căn nhà một tầng tồi tàn, có lẽ đã được xây từ 50 năm trước. Xung quanh là ruộng lúa, và một chiếc xe tải nhỏ đậu ở sân trước.

Tôi vốn nghĩ, nhà của một cựu thiếu úy Hải quân thì phải nguy nga, đồ sộ cơ, nhưng gia cảnh này khiến vai vế đó phần nào bị lu mờ. Quay sang, chị Keiko vẫn đang chăm chú quan sát ngôi nhà. Tôi nhấn chuông gắn trên cửa kính bên hông nhà, nhưng đợi mãi mà không thấy gì, rõ ràng nó đã hư rồi.

Tôi mở cửa kính, gọi vọng vào. Lập tức từ trong có tiếng sang sàng đáp lại. “Mời vào!”

Một ông lão gầy gò ra tiếp đón. Nhìn ống tay trái chiếc áo sơ mi đung đưa, tôi bỗng sợ hãi khi thấy ông đã mất một cánh tay. Đó chính là ông Hasegawa.

Chúng tôi được mời vào phòng khách kế bên sảnh. Căn phòng có gì đó bất ổn. Trong khoảng bốn chiếc rưỡi chiếu tatami * đó có đặt một chiếc bàn gỗ, tường treo một bức tranh chép, cây đèn chùm rủ xuống từ trần nhà trông có vẻ rẻ tiền. Căn phòng nóng hầm hập. Ngay khi bước vào trong, tôi đã đổ mồ hôi đầm đìa nhưng không dám mở miệng xin bật máy lạnh. Ông Hasegawa mặc áo sơ mi màu xanh và quần dài màu xám, tóc đã bạc trắng và để ria mép. Ông nhìn dò xét chúng tôi qua đôi mắt nhỏ.

Chị tôi thưa chuyện với ông Hasegawa về mục đích của chuyến thăm này, rằng chúng tôi muốn biết ông ngoại Miyabe Kyuzo là người như thế nào, trong khi ông ấy nhìn chăm chăm từng đũa một. Mồ hôi tôi túa ra như tắm trong cái oi nồng của căn phòng.

“Người đứng tên trong thư là nam mà?” Ông Hasegawa cất tiếng hỏi.

“Dạ, em trai cháu là người đã liên lạc.”

Ông ấy gật đầu, sau đó lại nhìn chăm chăm hai đũa một lượt nữa.

“VẬY...” Chị ấp úng mở lời. “VẬY là ông biết ông ngoại của bọn cháu phải không ạ?”

“Biết.” Ông Hasegawa trả lời ngay không cần suy nghĩ. “Hắn là một thằng hèn của Không lực Hải quân 1.”

“Sao ạ?” Tôi bất ngờ.

“Miyabe Kyuzo là thằng nhát chết.

Mặt chị tôi đỏ bừng. Tôi đặt bàn tay lên đầu gối chị Keiko dưới gầm bàn trấn an. Chị cầm tay tôi ý nói không sao, rồi cố gắng hỏi bằng giọng bình tĩnh.

“Chuyện đó là sao ạ?”

“Chuyện đó là sao ư?” Ông ta lặp lại câu hỏi của chị. “Hắn là một thằng quý mạng sống hơn bất cứ thứ gì. Bọn ta lái máy bay là xác định trao mạng sống của mình cho Tổ quốc. Từ khi ngồi lên chiếc máy bay chiến đấu, ta đã không còn nghĩ đó là mạng sống của mình nữa rồi.”

Ông Hasegawa vừa nói vừa chạm vào tay áo trái. Nó khê động.

“Ta luôn cảm nhận được cái chết cận kề. Dù trên bất cứ chiến trường nào chẳng nữa, ta cũng không nghĩ đến việc thương tiếc mạng sống của mình. Nhưng, thằng Miyabe đó thì khác. Hắn ta luôn trốn chạy. Hy vọng lớn nhất đời hắn là cứu lấy mạng sống của chính mình, với hắn điều đó còn quan trọng hơn cả chiến thắng.”

“Quý trọng mạng sống, cháu nghĩ đó là tâm lý tự nhiên.”

Ông Hasegawa nhìn thẳng vào chị tôi.

“Đó là thứ tâm lý của lũ đàn bà.”

“Ý ông là sao?”

Tôi khê gọi nhưng chị Keiko vờ như không nghe thấy.

“Cháu nghĩ nam nữ đều như nhau. Việc quý trọng mạng sống của mình chẳng phải là lẽ đương nhiên sao?”

“Này cô gái trẻ, đó là suy nghĩ trong thời bình. Còn bọn ta lúc đó đang trong trận chiến mà không biết nước Nhật còn hay mất. Nếu hy sinh mà có thể bảo vệ đất nước thì ta cũng cam lòng. Nhưng hắn lại muốn chạy trốn khỏi chiến trường.”

“Cháu thấy suy nghĩ đó hay đấy chứ!”

“Hay?” Ông ta cao giọng. “Binh sĩ mà lúc nào cũng mang suy nghĩ trốn chạy thì xông pha chiến trường để làm gì?”

“Nếu ai cũng nghĩ được vậy thì sẽ chẳng bao giờ có chiến tranh.”

Ông ta sừng sờ, miệng há hốc.

“Mày đã học được gì ở trường thế? Không được học lịch sử thế giới à? Lịch sử nhân loại là lịch sử của chiến tranh. Đương nhiên chiến tranh là

xấu, là tồi tệ nhất, điều đó ai cũng biết, nhưng không ai có thể xóa bỏ nó.”

“Ý ông nói chiến tranh là điều xấu xa cần thiết à?”

“Giờ ta tranh luận với chúng mày xem chiến tranh có phải là xấu xa cần thiết hay không cũng chẳng nghĩa lý gì. Cái đó, chúng mày trở về công ty, thỏa thích tranh luận với sếp và đồng nghiệp của chúng mày ấy. Sau đó, nghĩ ra cách triệt tiêu chiến tranh, rồi viết sách, đem tặng cho các nguyên thủ trên thế giới. Chắc là sau đó chiến tranh sẽ chấm dứt thật đấy. Hoặc chúng mày có thể đến những nơi đang giao tranh rồi bảo với người ta rằng nếu họ chạy trốn thì chiến tranh sẽ kết thúc.

Chị tôi cắn môi.

“Thế nào hả? Chiến trường là nơi chiến đấu, không phải nơi để chạy trốn. Dù đó là chiến tranh xâm lược hay chiến tranh vệ quốc thì cũng không phải là vấn đề của binh sĩ bọn ta. Nếu đã ra chiến trường thì phải tiêu diệt kẻ địch trước mắt, đó là nhiệm vụ của một quân nhân. Còn hòa hay chiến, đó là công việc của chính trị gia. Không phải sao?”

Ông ta vừa nói lại vừa lấy tay phải sờ lên vai trái.

“Miyabe luôn chạy trốn khỏi chiến trường.”

Chị tôi không thể nói thêm gì. Tôi lên tiếng.

“Ông ghét ông ấy phải không?”

Ông ta nhìn tôi.

“Ta nói Miyabe là thằng nhát chết bởi hắn là phi công chiến đấu cơ. Nếu hắn bị gọi nhập ngũ theo Giấy đỏ * thì chuyện hắn tham sống chảng có gì đáng nói. Nhưng thằng ấy là tình nguyện quân, có nguyện vọng trở thành lính phòng không. Vì vậy mà ta không thể nào tha thứ cho hắn. Thế chúng mày có muốn nghe câu chuyện của ta không?”

Thấy chị Keiko ngồi im lặng, tôi đành mở lời

“Xin ông kể ạ!”

Ông Hasegawa khịt mũi. Tôi hỏi liệu có thể bật máy ghi âm không, ông ta đồng ý và bắt đầu câu chuyện.

Ta sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở Saitama, là con thứ sáu trong gia đình tám anh chị em. Ta gia nhập Hải quân vào mùa xuân năm 1936.

Nghe này, nếu không biết gì về quân đội và chuyện lái phi cơ thì chắc hẳn chúng mày không thể hiểu được tại sao ta lại ghét thẳng hèn đó.

Ta được học lớp phổ cập tiểu học. Không phải khoe khoang chứ ta luôn đứng đầu lớp, nhưng lại không được học lên trung học. Học đến được tiểu học nâng cao đã là một may mắn lớn, khi đó trẻ con trong làng đều như vậy cả. Chỉ có con trai trưởng làng mới được học lên trung học. Thầy giáo bảo với cha ta rằng, “Một đứa trẻ ưu tú thế này mà không được học lên nữa thì thật đáng tiếc.” Nhưng thay đổi được gì đâu. Ba anh trai của ta cũng học rất giỏi nhưng nào có ai được vào trung học.

Sau khi tốt nghiệp tiểu học nâng cao, ta được cho đi học nghề để bớt miệng ăn. Đó là một cửa hàng đậu hũ ở Osaka. Công việc rất nặng nhọc, thường từ sớm tinh mơ đến tận đêm khuya khoắt. Mùa đông nào cũng đem đến cho ta sự đau đớn, không thể nào diễn tả nỗi khổ cực khi ngày ngày phải ngâm tay trong nước lạnh, đến nỗi các ngón đều thâm tím, mất cảm giác, da tróc đến tứa máu. Chỗ này chưa lành, chỗ khác đã lại tróc ra. Ngâm những ngón tay ấy vào nước lạnh lại càng đau đớn đến tột cùng.

Ta đã khóc rất nhiều, nhưng chủ tiệm là một gã rất hà khắc, những chuyện như rộp tay lão chỉ xem là làm nũng. Lão bảo, “Tao làm mấy chục năm nay rồi có rộp tay bao giờ đâu.”

Ta thường bị lão đánh đập. Bây giờ nghĩ lại, đó đúng là một chứng bệnh, lão quá tàn nhẫn, xem việc đánh người là niềm vui. Lão thuê ta về như chỉ để đánh đập mua vui mỗi ngày vậy.

Khi đi học nghề, ta định ban đêm sẽ theo học tiếp trung học, nhưng dự định đó lập tức bị dập tắt. Tuy vậy, ta vẫn phải nhẫn nại bởi chẳng còn nơi nào để trốn về. Hai năm sau, ta đã cao gần 1,8 mét, nặng 75kg.

Lão chủ tiệm dường như không nhận ra sự thay đổi đó. Một hôm, tâm trạng không vui, lão ấy lại đánh ta như mọi lần. Vì hoàn toàn không làm gì sai, ta nổi giận và lần đầu tiên phản kháng. Lão nổi điên, lấy gậy định đánh chết ta, nhưng ta tóm được và đánh trả. Lão lập tức khóc lóc cầu xin tha thứ

và quỳ mọp xuống sàn. Vợ lão cũng lao đến van nài. Bà ta trước nay dù thấy ta bị đánh thậm tệ thế nào cũng không ngăn cản, giờ lại khóc xin cho lão chông. Thấy vậy, ta càng giận dữ hơn bao giờ hết, bèn đẩy bà ta sang bên và dùng gậy đánh lão chủ tiếp. Lão vừa khóc vừa kêu van, rồi lăn ra bất tỉnh. Ta bị cảnh vụ bắt. Vì chưa đủ tuổi thành niên nên ta không bị đưa đến Sở Hình vụ, nhưng bị cảnh sát đánh cho bầm dập.

Chỉ còn một nơi duy nhất ta có thể đến. Đó là quân đội. Nguyện vọng gia nhập Hải quân của ta được chấp thuận. Ta trở thành lính hải quân trên tàu tuần dương. Ở đó ngày nào ta cũng bị đánh. Hẳn không nơi nào đánh người tàn bạo như quân đội Nhật Bản, nhất là với lính hải quân. Bởi nếu bị tấn công trong lúc hỗn loạn ở tiền tuyến, lính lục quân thường được trang bị súng rồi nên họ chỉ bị đánh ở mức vừa phải. Còn lính hải quân thì tay không bắt giặc, nên sĩ quan cấp trên đánh rất thẳng tay.

Ta vào Hải quân được ba năm thì nghe tin tuyển mộ lính Không quân. Vì mơ ước được trở thành phi công, ta đã ra sức học hành. Sau khi hoàn tất nhiệm vụ ở hạm đội, ta dùng thời gian rảnh ít ỏi của mình để học tập.

Ta đã vượt qua kỳ thi và trở thành phi công tập sự. Nghe nói tỷ lệ chọi rất lớn, nên ta càng thấy hãnh diện về bản thân. Miyabe cũng xuất thân từ khóa huấn luyện truyền thống của Hải quân. Hẳn trên ta đến vài khóa.

Sự huấn luyện trong Hạm đội Kasumigaura rất khắt khe, nhưng so với việc phục dịch trên tàu thì chẳng thấm vào đâu. Hơn nữa, vì say mê những chiếc máy bay nên ta thấy hào hứng với tất cả các bài tập bay.

Kể từ khi tốt nghiệp tiểu học, đây là lần đầu tiên trong đời ta được nếm trải niềm vui sống. Ta đã nghĩ mình thuộc về nơi ấy. Vào thời đó, việc lái chiến cơ cũng đồng nghĩa vứt bỏ mạng sống của chính mình, bởi phi công thường phải tấn công sâu vào địa phận quân địch, hoặc đối mặt với kẻ thù khi chúng tấn công. Việc lái chiến cơ luôn đồng hành với cái chết. Máy bay thời bấy giờ không mấy an toàn, thường hỏng hóc, trục trặc. Đã có không ít người hy sinh trong khi tập luyện. Tuy vậy, ta tuyệt nhiên không sợ hãi, dù đang luyện tập để giành giật mạng sống có thể lâm nguy.

Chúng ta giao phó thân mình cho những chiếc chiến cơ, lao vào luyện tập bằng cả linh hồn và thể xác, bởi không phải tất cả thực tập sinh đều trở

thành phi công. Người ta sẽ xem xét khả năng của từng người, nếu ai không đủ tiêu chuẩn trở thành phi công sẽ được phiên chế làm lính liên lạc, hoặc làm trinh sát cho máy bay ném bom và máy bay tấn công. Để được sắp xếp lái máy bay chiến đấu, máy bay ném bom hay máy bay cường kích *, học viên còn phải được xem xét tỉ mỉ hơn theo năng khiếu. Những lính dự bị ưu tú nhất sẽ trở thành thành viên của phi đội máy bay chiến đấu. Và ta đã được chọn lái máy bay chiến đấu.

Sau khi hoàn tất khóa huấn luyện, ta được xếp vào Phi đội 12 và được điều đến Hán Khẩu, Trung Quốc. Khi ấy là đầu năm 1941. Tại đó, ta đã được lái máy bay tiêm kích trên hàng không mẫu hạm kiểu 96 *đầu tiên. Không bằng chiếc Zero * nhưng nó đúng là một chiến cơ đáng gờm. Ta đã bắn hạ vài chiếc máy bay Trung Quốc bằng chiếc 96 đó.

Cuối năm đó, chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra. Khi biết việc sẽ oanh kích Trân Châu Cảng, ta ao ước được lên hàng không mẫu hạm Akagi của Hạm đội Không quân Một, chiến đấu với quân Mỹ. Ta từng nghĩ rằng, nếu được chiến đấu trên đó thì dù chết cũng cam tâm.

Nhưng mơ ước đó đã không thành sự thật. Ta được đổi sang lái chiếc Zero nhưng lại không có lệnh điều động sang hàng không mẫu hạm, ngày qua ngày ta vẫn phải chiến đấu với Trung Quốc. Khoảng thời gian đó, không quân Trung Quốc lại triệt để tránh Zero nên ta cũng chẳng có cơ hội bắn hạ chúng bằng chiếc máy bay chiến đấu mới.

Đến tháng Ba năm sau, ta được điều chuyển sang Phi đội số Ba và đến đảo Borneo. Năm trước đó, Không đội Tainan đã tiêu diệt căn cứ quân sự Mỹ tại Philippin của Mỹ. Vì Nhật Bản muốn đặt sự thống trị từ Đông Nam Á đến Đông Ấn Hà Lan *. Ta có cảm giác ở đó không có quân thù.

Chúng ta hòa vào cuộc chinh phạt của quân Nhật, tiến vào các đảo Borneo, Sulawesi, Sumatra, Java *. Ở Java, đâu đâu cũng có dân bản địa da

đen hầu như khóa thân, hết như thế giới trong truyện *Cuộc phiêu lưu của Dankichi* *. Ấy vậy mà họ lại nhìn bọn ta như đám kỳ quái vậy.

Nơi cuối cùng chúng ta đến là căn cứ quân sự Kupang trên đảo Timor, cứ điểm để oanh kích thành phố Darwin của Úc.

Tại đây, lần đầu tiên ta được đối đầu với các máy bay chiến đấu của Anh-Mỹ. Trận đầu tiên, ta đã bắn rơi chiếc P40. Vì được cảnh báo rằng máy bay Anh-Mỹ không như Trung Quốc nên ta hết sức cảnh giác, nhưng hóa ra chúng cũng tầm thường. Một lần nữa, ta được thấy sự lợi hại của Zero. Nó đúng là một chiến cơ tuyệt hảo. Máy bay Anh- Mỹ cũng không thể sánh với nó.

Chẳng khó khăn gì để vượt mặt đối thủ, nhả đạn 20 li là có thể thổi bay máy bay địch. Ta từng chiến đấu với chiếc P39, P40, Hurricane và cả chiếc Spitfire nổi danh của Anh từng xé rách Không quân Đức tại châu Âu, nhưng tất cả đều không phải là đối thủ của Zero.

Zero đúng là đứa con cầu tự của chiến tranh. Mỗi lần xuất trận nó đều càn quét máy bay địch. Đoàn quân Zero đã bắn rơi hơn 100 máy bay địch, trong khi tổn thất phe ta chưa đến 10 chiếc. Chính ta cũng đã bắn rơi 5 chiếc.

Ta luôn tiếp cận máy bay địch và tiêu diệt chúng. Bọn bè trong quân ngũ gọi đó là “chiến thuật áp sát của Ishioka”. Khi đó tên ta là Ishioka.

Khi luyện tập, chúng ta được dạy bắn ở cự li 100 mét nhưng khi chiến đấu thực sự, nỗi sợ hãi vượt lên mọi cảm xúc và lý trí, nên từ cự li 200 mét, các chiến cơ đã đồng loạt nhả đạn rồi. Tất nhiên không phải lúc nào cũng trúng. Còn ta thường tiếp cận địch ở cự li 50 mét mới bắn. Đến gần như vậy, máy bay địch sẽ hiện rõ trong ống ngắm. Vạn lần không trượt. Bởi vậy, ta đã bắn là trúng.

Lúc đó, kỹ năng của chúng ta thuộc loại khá. Mọi người nói phi đội trên hàng không mẫu hạm là những người ưu tú, nhưng kinh nghiệm chiến trường thực tiễn lại là chuyện hoàn toàn khác. Kỹ năng khá thì hiển nhiên

rồi, nhưng chỉ giỏi trong việc điều khiển chiến cơ và đáp tàu, giỏi trong diễn tập không chiến.

Dù có giỏi diễn tập không chiến đến đâu thì đó cũng không phải thực chiến, nó khác xa những người ngày nào cũng phải giành giật mạng sống. Nói ví von, nó như sự khác biệt như giữa kiếm pháp võ đường và kiếm pháp lâm trận vậy. Cũng bởi là phi công hàng không mẫu hạm nên ta khá tự phụ về năng lực của mình.

Mùa thu năm 1942, ta chiến đấu tại Rabaul.

Bắt đầu bằng trận Guadalcanal *, một phần Hạm đội Không quân *. Ba tiến vào Rabaul. Chúng ta tham gia dưới sự chỉ huy của Không đội Tainan.

Đảo Guadalcanal là một chiến trường khốc liệt. Từ Rabaul phải bay một chặng dài hàng nghìn cây số. Trước nay chúng ta chưa từng tấn công ở khoảng cách xa đến thế. Bay chặng đi đã mất ba tiếng đồng hồ. Hơn nữa, máy bay chiến đấu của địch lại lực lưỡng như những gã ở cảng Darwin. Ngày đầu xuất kích, hai tay lão luyện thuộc Phi đội số Ba cùng ta đến Rabaul đã một đi không trở lại.

Chắc hẳn họ đã đến một nơi rất thiêng liêng.

Hầu như ngày nào cũng có đợt xuất kích. Mỗi lần như thế, lại có rất nhiều phi cơ không quay trở về.

Chuyện này chưa từng có ở Kupang. Tuy vậy, các chàng trai ở Rabaul không lấy đó làm ngạc nhiên. Đó là chuyện hết sức bình thường tại nơi đây. Máy bay chiến đấu nào quay về được cũng lãnh đầy thương tích. Rất hiếm chiếc lành lặn trở về.

Vậy mà, Miyabe luôn trở về nguyên vẹn. Dù là trận chiến ác liệt, gần nửa số máy bay chiến đấu xuất kích bị hạ, hẳn vẫn trở về với vẻ mặt thản nhiên. Chiến mã hẳn cười cũng lành lặn, tinh tươm như trước khi xuất kích.

Chắc chúng mày nghĩ rằng hẳn thật cừ khôi đúng không? Sự thật không đẹp đẽ vậy đâu. Ta đã hỏi một phi công có thâm niên ở Rabaul vì sao Miyabe luôn trở về hoàn hảo như thế, có phải do hẳn xuất sắc không. Ông ấy vừa cười cay đắng vừa bảo ta rằng.

“Là do hãn giỏi chạy trốn.”

Thế đấy! Chiến trường trên không hoàn toàn khác với dưới mặt đất. Khi máy bay của quân ta và quân địch bay lẫn vào cuộc hỗn chiến thì chẳng còn biết ai bạn ai thù. Đó là một cảm giác đáng sợ hơn hãn trên bình địa. Trên không chẳng có hầm hào, tất cả đều được phơi bày. Trước sau, trái phải, trên dưới đều có địch. Tên địch trước mặt chạy trốn, ta đuổi theo. Phía sau lại thêm một tên địch khác. Phía sau nữa là đồng đội của ta đang đuổi theo. Đây căn bản không phải là cuộc chiến đối mặt đơn thuần giữa ta và địch.

Đó là khoảng giữa tháng Chín. Trên bầu trời Guadalcanal đã nổ ra cuộc hỗn chiến giữa phe ta với máy bay địch phục kích. Quân địch sử dụng Grumman F4F *, một cỗ máy cứng cáp, vững chãi. Nó không nhanh bằng Zero, nhưng lại rất lì đòn. Ta lạc lối và một mối giữa hai chiếc Grumman có chiến thuật tấn công nhuần nhuyễn. Ta bám theo một chiếc Grumman, lập tức có một chiếc khác nổi gót. Khi ta vừa đánh lạc hướng chiếc bám theo, thì chiếc ban đầu đã vòng lại. Trong đội hình bay, dù đã thống nhất chiến thuật hỗ trợ các góc chết của máy bay từ trước, nhưng lúc thực chiến chúng ta vẫn không thể thực hiện triệt để việc đó được. Có lẽ là do điện đàm. Thời đó, thiết bị điện đàm rất thô sơ, đầy tạp âm, chẳng thể nghe rõ được gì.

Sau nhiều lần bị bám sát, ta vờ hoảng sợ tháo chạy, bay vọt về phía trước, ngay lập tức hai chiếc Grumman đuổi theo. Giây phút ta mong chờ đã đến. Ta kéo mạnh tay lái, làm một màn nhào lộn. Hai chiếc phi cơ cũng đồng thời nhào đuổi theo. Một sai lầm nghiêm trọng! Không gì có thể thắng Zero trong trò lộn nhào này, bán kính quay ngẫn của nó là điểm vượt trội nhất. Điều này quân địch hãn cũng biết, nhưng khi cơ hội đang ở trước mắt, chúng đã nhất thời quên mất. Quay một vòng, một chiếc Grumman đã bị xóa sổ trong chùm lửa. Chiếc thứ hai bay xuống hết tốc độ bỏ trốn. Ta định đuổi theo nhưng vì nhào lộn mất đà nên đành bỏ qua.

Lúc đó, ta nhận ra mình đã cách chiến trường một quãng xa. Khi chiến đấu với hai chiếc Grumman, ta đã bay xuống gần 2.000 mét. Phía trên các

máy bay vẫn đang hỗn chiến. Quay lại chiến trường, ta vô tình phát hiện cách đó không xa, có ba chiếc Zero đang bay nhàn nhã. Đó chính là tiểu đội của Miyabe.

Hắn đã sớm dẫn đồng bọn khoanh tay đứng nhìn cuộc chiến. Đương nhiên là ta không có bằng chứng. Cũng có thể bọn hắn bị rút khỏi chiến trường giống ta, nhưng ta không tin. Vì sao ư? Bởi hắn chính là một thằng hèn!

Mỗi khi bay, hắn đặc biệt cảnh giác. Đối với một phi công thì không điều gì quan trọng hơn việc cảnh giác. Những phi công xuất sắc nhất đều có đôi mắt tinh tường, sức tập trung cao độ và chắc chắn luôn phát hiện ra kẻ thù trước. Thế nhưng sự cảnh giác của hắn cao quá mức. Dù thế nào, hắn cũng chỉ bay dè chừng ở vòng ngoài.

Mọi người rất ngạc nhiên vì điều đó. Có nhiều người nói sau lưng rằng hắn đã quá sợ hãi. Đội bay Rabaul lừng danh đến vậy, sao lại có kẻ thế này, thật là sỉ nhục!

Rabaul được xem là mồ chôn của các phi công. Vậy mà ở nơi khắc nghiệt ấy, hắn vẫn sống sót. Cứ lần trốn thành công thì cái chết sẽ không bao giờ đuổi kịp.

Cái mạng quý giá của hắn là chuyện cười cho cả đời. Không ai không biết tới “danh ngôn” của hắn: “Tôi muốn sống sót trở về.” Ta không biết tin đó lan truyền từ đâu. Nhưng nếu đã lan rộng đến vậy, chắc hẳn hắn đã phun ra không biết bao lần.

Đó là những lời mà một quân nhân Hải quân tuyệt đối không nên nói. Bọn ta không phải quân lính bị triệu tập theo Giấy đỏ. Bọn ta tự nguyện gia nhập Hải quân, tự ứng tuyển lính Không quân. Vậy mà thằng đàn ông như thế lại bảo “Muốn sống sót trở về”. Đáng tiếc ta đã không chính tai nghe những lời đó. Nếu không, chắc chắn ta sẽ đánh hắn một trận như tử. Lúc đó, hắn là Nhất đẳng phi tào *, còn ta là Tam đẳng phi tào *. Đương nhiên, ta biết rõ hình phạt của việc đánh thượng cấp là bị bỏ tù.

Đối với một phi công, không gì cận kề hơn cái chết. Kể từ khi thao luyện cái chết đã luôn đồng hành, nhiều người cùng khóa với ta đã chết trong bài huấn luyện xoay vòng hoặc bổ nhào. Ta nghe nói khi Zero ra đời, rất nhiều phi công tập lái nó đã hy sinh. Vậy mà, ở chiến trường, hẳn lại dám tuyên bố muốn sống sót trở về cơ đấy.

Hằng ngày đều có các đồng đội không trở về, nhưng mọi người vẫn chiến đấu hết mình, trong khi đó, chỉ mình hẳn mong được sống sót lành lặn. Hẳn nghĩ gì vậy chứ.

Hãy còn một chuyện nữa phơi bày sự hèn nhát của Miyabe. Đó là chuyện về chiếc dù. Hẳn không bao giờ quên kiểm tra dù. Một lần ta đã mĩa mai. “Nhất đẳng phi tào Miyabe này, anh định nhảy dù xuống đâu vậy?” Hẳn chỉ cười, đáp lại. “Dù là thứ quan trọng. Tôi luôn trang bị dù trên máy bay.”

Nơi bọn ta chiến đấu là Thái Bình Dương rộng lớn, hơn nữa lại là chiến trường thuộc không phận địch, dù có nhảy thoát, bị quân địch tóm thì cũng xong đời. Hơn nữa, cho dù thoát thân, không chết đuối thì cũng thành mồi ngon cho cá mập.

Lúc đó, những kẻ lái máy bay chiến đấu bọn ta chẳng ai mang theo dù. Xin lỗi vì nói thô tục, chứ bọn ta còn tiểu vào dù. Ai cũng phải ở riết trong máy bay hàng giờ liền. Giữa đường đâu thể ngừng lại để đi tiểu bên lề đường được. Trong máy bay có sẵn túi giấy nhưng vừa điều khiển máy bay, vừa đưa của quý vào cái túi đó thì quá phiền phức. Hơn nữa, còn phải hé kính chắn gió ném túi nước tiểu ra ngoài, nếu làm không khéo thì có mà tắm đầy nước tiểu. Không có tay phi công nào chưa bị gọi nước tiểu vào người. Bởi vậy đành phải tiểu vào dù. Bọn ta kẹp chiếc dù giữa đũng quần, từ từ cho thấm qua. Hầu như tất cả phi công của Rabaul đều làm vậy. Vì thế chiếc dù bốc mùi khai nồng nặc. Bên trong còn hôi đến độ nào thì ta cũng chẳng muốn tưởng tượng thêm.

Vào giai đoạn cuối của cuộc chiến, khi bọn ta không chiến gần đất liền, nhiều phi đội đã chuẩn bị dù nhảy, bởi nơi bọn ta đáp xuống là lãnh thổ Nhật Bản. Và lại, khi đó không còn phải ở trên không hàng tiếng đồng hồ nữa, nên chẳng còn cảnh khốn khổ vì tiểu tiện.

Nhưng Miyabe lại cẩn thận chuẩn bị dù dẫu đang ở Rabaul, nghe nói hẳn còn không quên kiểm tra định kỳ. Ta cũng mong sao hẳn có cơ hội dùng dù để nhảy một lần.

Một hôm, ta nói với Miyabe, lúc hẳn đang gấp dù. “Anh kiểm tra cẩn thận như vậy, chắc sẽ không có chuyện không mở ra được khi gấp bất trắc đâu nhỉ?”

Dường như hẳn chẳng thêm bận tâm đến lời mai mỉa của ta, trả lời không do dự. “Tôi cầu mong sẽ không có cơ hội đó.”

Nghe vậy, ta chán chường buồn nói thêm. Nhưng nhắc đến dù, ta nhớ ra một việc. Hẳn đã bắn chết đám phi công Mỹ đang nhảy dù. Chuyện xảy ra ở Guadalcanal. Đó từng là chuyện gây ồn ào một thời gian. Ta không tận mắt thấy, nhưng có nhiều người đã chứng kiến. Hẳn đã bắn bọn phi công nhảy dù từ các phi cơ Grumman mà hẳn bắn hạ trong cuộc không chiến.

Khi nghe chuyện đó, ta thực sự cảm thấy ghê tởm. Chiến đấu trên không, quyết định thắng thua là lúc bắn hạ máy bay địch. Phi công Mỹ đúng là kẻ thù, nhưng có cần thiết phải giết người đã mất máy bay, chỉ cầu sinh bằng dù hay không. Chuyện hẳn làm cũng giống như giết một người mất vũ khí, mất khả năng chiến đấu, gục ngã trên chiến trường vậy. Khi nghe chuyện đó, tận đáy lòng ta khinh bỉ Miyabe vô cùng, chắc hẳn những người có suy nghĩ như ta cũng không ít.

Ta cũng từng càn quét bằng súng máy, nhưng luôn bắn vào ụ pháo cao xạ và tàu chiến, ta chưa bao giờ bắn một người không có vũ khí. Theo ta đó là hành động của kẻ hèn hạ. Hiểu chứ? Hẳn là một kẻ như vậy đấy. Hẳn là kẻ hết lần này đến lần khác trốn chạy chiến trường, nhưng lại thản nhiên bắn giết người không còn sức phản kháng.

Từ khi lái máy bay chiến đấu, ta đã quyết sẽ chiến đấu oanh liệt và hy sinh anh dũng. Bởi vậy, trong cuộc không chiến, ta chưa bao giờ bỏ chạy, đó chính là tấm huân chương của ta. Dù thực sự ta chẳng nhận được tấm huân chương nào cả, nhưng chỉ riêng điều đó đã là niềm tự hào của ta rồi.

Ta đã mất cánh tay ở chiến trường New Britain vào tháng Mười năm 1942.

Hôm ấy, ta lái máy bay yểm trợ cho các Chuko. Chuko là từ giản lược để gọi máy bay ném bom tầm trung kiểu Một * của Hải quân. Tốc độ của máy bay ném bom khá chậm, nên nếu bị máy bay địch tấn công thì rất khó chạy thoát. Vì vậy, các Chuko nhất thiết cần Zero yểm trợ. Bởi Zero vốn dĩ là chiến đấu cơ hộ tống.

Mục tiêu ném bom của Chuko hôm đó là tàu vận tải địch ở Guadalcanal. Có 12 chiếc Chuko và 12 chiếc Zero bay kèm, trong số đó có Miyabe.

Trên bầu trời Guadalcanal, khoảng 40 máy bay chiến đấu của địch đợi sẵn. Quân Mỹ hôm đó phục kích rất gắt. Hải quân Đế quốc dùng từ “phục kích để chỉ việc mai phục đánh chặn. Bọn ta đã chiến đấu với Grumman để bảo vệ Chuko, nhưng quân địch lại tránh đối đầu, chỉ tập trung tấn công Chuko. Cứ đuổi theo máy bay địch thì sẽ có một tên khác tấn công Chuko. Những chiếc Chuko lần lượt bốc cháy và rơi xuống. Quân địch xâu xé như một bầy sói.

Nhiệm vụ yểm trợ là phải ưu tiên bảo vệ Chuko hơn bất cứ điều gì, quan trọng hơn cả việc bắn hạ máy bay địch. Trong chiếc Chuko có 7 binh sĩ đang ôm bom chờ tấn công hàng không mẫu hạm địch, họ mạo hiểm mạng sống vì cuộc tấn công đó. Chúng ta dù mất mạng cũng phải bảo vệ các Chuko. Đó là nhiệm vụ.

Khi đội Chuko chuẩn bị vào lộ trình ném bom, một khe hở xuất hiện. Trong phút chốc hai chiếc Grumman lao tới. Theo bản năng, ta lướt vội tới chen giữa đội Chuko và chiến đấu cơ địch, không kịp suy nghĩ gì.

Ngay lúc đó, ta bị tấn công từ phía trên. Kính chắn gió bay ra, đầu ta bị va chạm mạnh, mọi thứ trước mắt tối sầm, nhưng ta lập tức lấy lại ý thức, nhìn ra phía sau chiếc Chuko đã an toàn.

Khi đó, ta cảm nhận được cơn đau dữ dội nơi cánh tay trái, nhìn xuống đã thấy máu từ vai chảy xuống ướt đẫm. Ta tạm lùi khỏi khu vực không chiến để kiểm tra máy bay. Cánh và thân máy bay đầy những lỗ thủng, nhưng bình nhiên liệu và động cơ may mắn không bị trúng đạn.

Sau trận không kích, dù mất rất nhiều máu, ta cố gắng bay về Rabaul bằng một tay. Ngày hôm đó, 6 chiếc Chuko đã không trở về. Ba chiếc Zero cũng đã tử nạn. Đó là một trận chiến rất khốc liệt. Đội Zero trở về, không chiếc nào thiếu những lỗ đạn trên thân, vậy mà hân vẫn hoàn toàn lành lặn, không thương tích. Trong khi bọn ta chiến đấu hết mình thì hân ở đâu? Khi ta bị trúng đạn thì hân đã ở đâu?

Cuối cùng, ta đã mất cánh tay trái. Nếu ở đất liền, chưa chắc đã đến mức phải cắt bỏ. Sống cuộc đời phi công tròn một năm rưỡi, và chiến đấu ở Rabaul gần hai tháng, ta cũng không rõ vậy là ngắn hay dài nữa. Nhưng cuộc đời sau chiến tranh mới thực sự là một chuỗi dài đau khổ.

Người đời ghê lạnh ta - kẻ đã mất một cánh tay vì Tổ quốc. Là một thiếu úy xuất ngũ, nhưng chức danh đó trong xã hội sau chiến tranh chẳng có giá trị gì, thậm chí còn bị bõn cợt là “Thiếu úy Potsdam *”. Không có công việc nào cho người cụt tay cả. Thời trẻ phải rời bỏ quê hương để bót miệng ăn, đến cuối đời lại trở về và mắc kẹt nơi đây như vậy đấy.

Tuyên bố Potsdam được Harry S.Truman, Winston Churchill và Tưởng Giới Thạch đưa ra ngày 26/7/1945, trong đó phác thảo các điều kiện cho sự đầu hàng của Nhật Bản như đã thỏa thuận tại Hội nghị Potsdam.

May mắn là ta lấy được vợ, dù phải ở rể nhưng cũng xem như có người chăm sóc. Lẽ nào sau tất cả, ta lại chẳng gặp được nổi một cô gái tốt? Nếu không bị cụt tay, chắc hân ta đã đợi người tốt hơn. À không, nếu không cụt tay thì chưa biết chừng ta hy sinh trên không trung. Như vậy cũng tốt. Ta chưa bao giờ sợ cái chết. So với cuộc sống khổ sở lấm lem bùn đất ở nơi quê mùa này, thì hy sinh oanh liệt như một đấng nam nhi chẳng phải đích đáng hơn sao.

Những năm gần đây, ta suy nghĩ rất nhiều. Ta vẫn ước được hy sinh trong cuộc tấn công cảm tử. Nếu cơ thể còn toàn vẹn thì ta nhất định đã thực hiện được mong ước đó.

Hai năm sau khi ta bị mất cánh tay, Miyabe chết vì cảm tử. Có lẽ đó không phải là ý nguyện của hân. Chắc hân đó là mệnh lệnh mà bất đắc dĩ

hắn buộc phải thi hành. Cái tên xem trọng mạng sống, mong chờ được cứu rỗi đến thế rốt cuộc đã chết.

Đó không phải là sự trở trêu của đời người thì là cái gì?

Đã sáu tiếng đồng hồ trôi qua, vậy mà trời vẫn tỏ. Trên đường trở về nhà ga, bước chân tôi nặng trĩu. Chắc hẳn Keiko cũng vậy, nét mặt chị đầy u ám. Chiếc máy ghi âm câu chuyện của ông Hasegawa nằm trong túi xách kia, nhưng liệu rằng chị có muốn nghe lại nữa hay không.

Cuộc đối thoại ấy thật căng thẳng. À không, đó chỉ là màn độc thoại của ông Hasegawa thôi. Ông ta càng nói càng bùng phát nỗi căm ghét ông ngoại, trắng trợn tỏ thái độ với chúng tôi. Ánh mắt đầy ác ý và thái độ thù địch đó gần như khiến tôi bị áp đảo.

“Ông ta thật đáng ghét.” Cách nhà ông Hasegawa một quãng xa, tôi nói. “Chắc do ông ta hận đời, hận vì mất đi cánh tay nên mới nghĩ mình bị cướp mất cuộc sống sau chiến tranh. Có lẽ ông ta cũng đổ lỗi việc mất cánh tay ấy là do ông ngoại.”

Chị im lặng một lúc lâu rồi nói. “Thật là một người đáng thương.”

Nhất thời, tôi không nói được lời nào.

“Lần đầu tiên chị nghe một câu chuyện về chiến tranh. Thật quá khắc nghiệt! Chị nghĩ chị hiểu được tâm trạng của ông ấy, chắc hẳn sau chiến tranh cuộc sống quá khốn khổ.”

Tôi không nói gì, cảm thấy xấu hổ vì những lời cay nghiệt của mình. Chúng tôi bước đi trong im lặng một lúc lâu.

“Nhưng em không nghĩ câu chuyện về ông ngoại Kyuzo là bịa đặt.”

Chị nhẹ nhàng tiếng thở dài.

“Đúng vậy. Thật lòng mà nói, chị có chút thất vọng về ông ngoại. Vì ông vốn là cảm tử quân nên chị nghĩ hẳn phải dũng cảm lắm, vậy mà hóa ra ông lại là kẻ hèn nhát. Chị chủ trương chống chiến tranh nên cũng chẳng mong muốn ông là một chiến sĩ dũng cảm, nhưng đối với việc này thì chị đặc biệt thất vọng. Em cũng cảm thấy thế đúng không?”

Tôi lặng lẽ gật đầu, trong lòng vẫn đọng lại đầy những lời chê bai ông ngoại là kẻ hèn nhát, xem trọng mạng sống, lẩn trốn chiến trường. Khi đó, lần đầu tiên tôi nhận ra rằng, tôi đã chấp nhận từ *kẻ hèn nhát* như một từ

dành cho chính mình. Bởi vì, bản thân tôi lúc nào cũng chạy trốn. Có phải trong người tôi đang chảy dòng máu của ông?

Dĩ nhiên là ông chạy trốn cái chết, hoàn toàn khác với tôi. Nhưng chuyện ông ngoại trốn tránh nhiệm vụ của một phi công lái chiến đấu cơ là thật.

Thứ mà tôi đang trốn tránh là gì đây?

“Ôi trời, cuộc điều tra này gian nan quá!”

Chị Keiko lẩm bẩm. Tôi cũng mang cảm giác như chị.

TRÂN CHÂU CẢNG

Sau tuần gặp ông Hasegawa, chúng tôi tới thăm ông ngoại, chủ đích là để thừa việc chúng tôi đang điều tra về ông ngoại ruột.

Chị bảo không cần thiết phải nói, nhưng tôi lại ghét phải giấu giếm người ông mà tôi yêu quý. Vả lại, tôi nghĩ ông sẽ không cảm thấy khó chịu vì chuyện này.

Chỉ là, tôi cũng lo lắng. Bởi sau khi căn bệnh tim chuyển biến xấu vào năm ngoái, ông đã ở nhà dưỡng bệnh. Ông nghỉ hưu từ mấy năm trước, văn phòng luật sư cũng đã giao cho người khác. Cuộc sống hằng ngày do bà quản gia chăm sóc.

Câu nói cửa miệng của ông là, “Khi nào cháu trở thành luật sư nhớ nhanh chóng đến văn phòng của ông làm việc đấy.” Giờ ông đã thôi không nói vậy nữa. Có đượm một chút buồn trong đó. Nhưng chắc ông nghĩ chính mình sau khi làm nhân viên đường sắt mười năm mới đỗ kỳ thi tư pháp quốc gia, thì việc tôi đi đường vòng ba, bốn năm cũng không phải chuyện lớn lao gì.

Nhà ông đang có khách. Đó là anh Fujiki Shuiichi từng làm thêm tại văn phòng của ông.

Fujiki là một học sinh cần mẫn, cũng từng đạt mục tiêu đỗ kỳ thi Tư pháp. Sau khi tốt nghiệp, anh vừa làm việc tại văn phòng của ông vừa tiếp tục học. Mấy năm trước, bố anh ở nhà dưỡng bệnh qua đời. Vì phải nối nghiệp xưởng sắt của gia đình nên anh đành bỏ dở kỳ thi tư pháp trở về quê.

Mấy hôm trước, nhân dự buổi họp lớp Đại học, nên giờ anh ghé thăm ông sau khoảng thời gian dài.

“Anh Fujiki, đã lâu không gặp.”

“Lâu quá không gặp.”

Đã hai năm tôi không gặp anh. Mỗi lần lên Tokyo, nhất định anh lại ghé thăm nhà ông ngoại.

“Kentaro dạo này cao lớn quá. Hồi anh mới nghỉ làm ở chỗ thầy, em mới học cấp ba.”

Lần gặp trước anh cũng nói những lời này. Tôi rất sợ anh ấy hỏi “Năm nay thế nào?” Bởi anh thường bảo “Anh chưa thấy ai thông minh như Kentaro, em sẽ đỗ kỳ thi tư pháp khi còn đang đi học thôi.” Tôi luôn nhận được sự yêu thương trù mến từ anh ấy. May sao, anh Fujiki không hỏi gì về tình trạng của tôi hiện nay. Anh thật tốt!

“Xưởng sắt của anh thế nào rồi?”

“Không được thuận lợi lắm.” Anh Fujiki vừa gãi gãi đầu vừa nói. “Công ty càng làm càng lỗ, anh thật sự rất muốn đóng cửa xưởng, nhưng còn bao nhiêu công nhân ở đó nên không thể.”

Cảm nhận được sự mệt mỏi của một người đàn ông trưởng thành, tôi thoáng nao lòng khi thấy dáng vẻ này của anh Fujiki bây giờ, một người trước đây lúc nào cũng hoạt bát, tràn đầy sức trẻ. Tôi chợt thoáng thấy hình ảnh tương lai của mình, những người chờ vượt qua kỳ thi tư pháp.

“Anh lấy vợ chưa?”

“Vẫn chưa. Anh cứ mãi việc xưởng sắt, giờ đã 36 tuổi rồi.” Anh cười nói.

Một lát sau, anh chào tạm biệt ông cháu tôi rồi ra về.

“Hồi thằng nhóc ấy mới đến văn phòng ông, ông vẫn còn hăng hái làm việc.” Ông nói, thả mình vào dòng suy nghĩ.

“Ông à!” Tôi cắt đứt mạch cảm xúc của ông. “Tụi con đang tìm hiểu về ông Miyabe Kyuzo.”

Nét mặt ông đanh lại. Thôi chết! Có vẻ chuyện này khiến ông không vui.

“Chồng trước của bà Matsuno à?”

Tôi bèn lên giải thích chuyện chị nhờ tôi giúp đỡ, chuyện mẹ muốn biết về người cha ruột của mình.

“Kiyoko nó...” Ông nói đến đó thì hạ giọng.

“Con cũng hiểu được tâm trạng của mẹ.”

Ông ngoại nhìn như xoáy sâu vào mắt tôi. Trong mắt ánh lên chút gì đó rất đáng sợ.

Khi bà mất, ông gào khóc thảm thiết ôm chặt lấy bà không rời. Lần đầu tiên tôi thấy ông khóc. Các y sĩ ở bệnh viện cũng cảm động, bất giác khóc theo. Sâu thẳm trong trái tim ông rất yêu bà. Có lẽ vì vậy mà việc bà từng là vợ của một người đàn ông khác hẳn là một ký ức tồi tệ đối với ông. Thời xưa, đàn ông thường đòi hỏi sự trinh bạch của phụ nữ, nhưng bà lại có con với người đàn ông khác. Chắc chắn ông ngoại không hoan nghênh sự tồn tại của người đàn ông tên Miyabe Kyuzo này.

“Cháu điều tra được rằng, bà ngoại và ông Miyabe Kyuzo sống chung với nhau chẳng được mấy ngày. Nghe nói ông ấy kết hôn xong thì ra chiến trường suốt.”

Tôi cảm thông cho nỗi lòng của ông ngoại, nhưng ông chỉ khẽ gật đầu.

“Vậy các cháu tìm hiểu về người đó bằng cách nào?”

“Cháu viết thư cho vài hội cựu chiến binh, tìm những người biết về ông Miyabe Kyuzo. Bọn cháu đã gặp được một người rồi ạ. Ông ấy đã chiến đấu cùng phi đội với ông Miyabe ở Rabaul trong hai tháng.”

“Ông ấy nói sao?”

Tôi thoáng do dự, rồi cũng nói thật.

“Nghe nói ông Miyabe là một kẻ hèn nhát, luôn trốn chạy trên chiến trường.” Tôi nói thêm, có pha chút tự giễu. “Cháu thiếu ý chí thể này chắc cũng do mang dòng máu của ông Miyabe.”

“Cháu nói nhảm gì thế?” Ông mắng. “Mẹ cháu từ nhỏ đã là một đứa mạnh mẽ, chưa bao giờ nói những lời yếu đuối. Cha cháu mất đi, một tay mẹ cháu đã quản lý văn phòng tài chính, nuôi lớn các cháu. Chị cháu cũng kế tục dòng máu đó, là một đứa biết nỗ lực. Trong người cháu, hoàn toàn không có thứ máu của kẻ hèn nhát.”

“Cháu xin lỗi, cháu không có ý đó.”

Ông nhìn dáng vẻ chán nản của tôi, hiển từ nói.

“Kentaro à, cháu là một đứa khá hơn cháu nghĩ đấy. Một lúc nào đó cháu sẽ nhận ra.”

“Ông lúc nào cũng tốt với cháu, mặc dù...”

“Mặc dù chẳng có quan hệ máu mủ gì phải không?”

“Ta yêu thương cháu vì cháu là một đứa trẻ có trái tim nhân hậu. Chị Keiko của cháu tính tình mạnh mẽ nhưng cũng là một cô bé hiền lành.” Ông mỉm cười. “Nói về hiền lành thì Fujiki cũng là một chàng trai tốt. Thằng bé ấy dù chính mình chịu khổ, vẫn muốn cố gắng vì người khác. Chính bởi tính cách đó nên bây giờ nó vẫn khổ sở với xưởng sắt.”

Tôi gật đầu. Anh Fujiki đúng là một chàng trai thật thà, tốt bụng.

“Người như vậy, đáng ra nên trở thành luật sư...” Ông nói trong niềm tiếc nuối.

Khi anh Fujiki mới đến văn phòng của ông ngoại thì tôi chỉ là học sinh tiểu học, chị Keiko đang học trung học. Anh ấy đã cho tôi biết rất nhiều thứ: tiểu thuyết, những câu chuyện về lịch sử, về các nghệ sĩ vĩ đại... Cả tôi và chị đều mê những câu chuyện của anh. Ông ngoại đã từng truyền nhiệt huyết cho anh về ước mơ trở thành một luật sư cao quý, và anh truyền lại nhiệt huyết ấy cho tôi. Trong tuổi thơ tôi, anh ấy là chàng siêu nhân mà tôi vô cùng ngưỡng mộ.

Nhưng thật đáng tiếc, anh Fujiki không giỏi. Hay nói rõ hơn, anh ấy đã không vượt qua được kỳ thi Tư pháp. Anh ấy yêu tiểu thuyết và âm nhạc hơn là sách luật. Vì vậy, ngay cả bài thi trắc nghiệm anh ấy cũng không qua nổi. Chị tôi suốt ngày trêu chọc anh, nhưng đó là mặt trái của tình yêu mà.

Một lần trước khi về quê, anh thuê một chiếc xe chở hai chị em tôi đến Hakone. Tôi đang là học sinh năm thứ ba trung học, còn chị học đại học năm thứ tư. Trước đây khá lâu tôi nài nỉ anh đưa đi Hakone chơi, thế rồi quên mất, nhưng anh lại nghiêm túc giữ lời. Khi đó, ở trong xe chị tôi nói: “Công sức mười năm, giờ thành vô nghĩa. Anh đã thành ông chủ công xưởng ở miền quê Yamaguchi rồi nhỉ.” Khi đó, lời trêu đùa của chị không còn thân thương như mọi lần, nhưng anh Fujiki không nổi giận, chỉ gượng cười. Nghe vậy, tôi thật sự rất giận chị, bởi tôi luôn mong anh Fujiki được hạnh phúc.

Tối hôm đó, đã rất lâu rồi tôi mới ăn tối cùng với mẹ. Vì bận quản lý văn phòng tài chính nên mẹ thường về muộn, chúng tôi hiếm khi ăn tối

cùng nhau. Ban đầu, văn phòng do bố mẹ tôi cùng nhau gây dựng, nhưng mười năm trước bố tôi mắc bệnh qua đời, từ đó mẹ phải một tay lèo lái.

“Mẹ không biết gì về ông Miyabe hả mẹ?”

“Bà không kể gì với mẹ cả. Có lẽ ông ấy không phải người bà chung sống vì tình cảm. Ngày xưa nhiều người kết hôn chỉ qua mai mối, có khi còn chưa gặp nhau lần nào mà.”

“Mẹ đã bao giờ hỏi liệu bà có tình cảm với ông hay không?”

“Khi còn nhỏ, mẹ có hỏi bà một lần duy nhất.”

“Bà đã trả lời ra sao ạ?”

Gương mặt mẹ mơ màng nhớ lại chuyện xưa cũ.

“Bà hỏi mẹ muốn nghe câu trả lời như thế nào.”

“Như vậy nghĩa là sao ạ?”

“Mẹ đã nghĩ là không có... Nhưng giờ nghĩ lại có lẽ không phải vậy. Mà giả sử có tình cảm thật thì bà cũng không nói ra. Bởi lúc ấy bà đang yêu ông ngoại bây giờ của con.”

Tôi gật đầu. Trong ký ức của tôi, bà luôn lo nghĩ cho ông. Hễ ông có chuyện gì bà lại chăm sóc ông từng ly từng tí. Ông ngoại cũng rất quý trọng bà. Thật ra, bà hơn tuổi ông, nhưng khó có thể nhìn ra được điều đó. Khi nghe chuyện bà đã có một đời chồng trước khi kết hôn với ông, tôi khá bất ngờ.

“Mẹ nghĩ chuyện cha mẹ đẻ của mình có yêu nhau hay không sẽ vĩnh viễn là bí ẩn. Dù vậy, mẹ muốn biết cha mình là một thanh niên như thế nào?”

“Thanh niên ạ?”

“Đúng vậy. Khi mất ông chỉ mới 26 tuổi. Bằng Kentaro bây giờ đấy.”

Lật lại trong đầu tiểu sử ông Miyabe Kyuzo, giờ tôi mới để ý việc ông qua đời khi hãy còn trẻ.

“Mẹ đã rất muốn nghe bà kể chuyện về thời trẻ của ông.”

Tôi bạo gan hỏi mẹ một câu rất khó mở lời.

“Nếu ông Kyuzo bị đánh giá là người không tốt thì sao hả mẹ?”

“Thật vậy hả?”

“Không ạ. Con chỉ giả sử thôi, lỡ trong lúc điều tra phát hiện những chuyện ta không mong muốn đó.”

“Khó nhỉ.” Mẹ suy nghĩ một chút rồi nói. “Mẹ nghĩ lý do bà không kể lại cho con cái, bởi không chừng như vậy lại tốt hơn.”

Những lời của mẹ khiến tâm trạng tôi có chút ảm đạm.

Tuần sau đó, tôi đến Matsuyama ở vùng Shikoku gặp một nhân vật khác biết về ông ngoại.

Ban đầu chị Keiko định sẽ đi một mình, nhưng ngay trước lúc lên đường chị lại nhờ tôi: “Dù thế nào chị cũng không bỏ công việc được, em đi thay chị nhé.”

Tôi đã từ chối nhưng chị than thở rằng “Vị trí của một nhà báo tự do thật thấp bé!” nên tôi không nỡ từ chối. Tôi không nghĩ Keiko nói dối, nhưng chắc hẳn trong lòng chị không còn muốn nghe thêm bất cứ câu chuyện nào như câu chuyện của ông Hasegawa.

Thế là tôi buộc phải xuống Shikoku một mình. Tôi không hiểu sao bỗng dưng mình lại tốt bụng đến vậy, nhưng tâm trạng tôi dần khá hơn, bởi nhờ tiền công tác gấp đôi từ chị, tôi được đi du lịch một chuyến. Tôi dự định sau khi phỏng vấn xong sẽ thông thả đi tắm suối nước nóng Doto.

Nhà của cựu trung úy Hải quân Ito Kanji nằm trong một khu dân cư gần trung tâm nội thành. Dáng người ông bé nhỏ, nhưng rắn rỏi, rất hoạt bát. Tuy đã 85 tuổi nhưng nom chỉ chừng 70.

Ông dẫn tôi vào một phòng khách lớn, rồi đưa tôi tắm danh thiếp của ông, trong đó đề khá nhiều chức danh. Hình như ông là một nhân vật quan trọng của Hiệp hội Công thương địa phương. Tôi thoáng thấy hàng chữ ghi Hội trưởng Sản vật gì đó.

“Ông mở công ty kinh doanh ạ?”

“Ta đã giao lại nó cho con trai nên bây giờ sống khá an nhàn. Hơn nữa, đó cũng không phải một công ty lớn.”

Nói đến đây thì bà quản gia mang trà tới.

“Sắp đến tháng Tám rồi. Mỗi năm đến thời gian này, ta lại nhớ về thời chiến tranh.” Ông Ito trầm ngâm. “Cháu là cháu của Miyabe à... Người ấy có một đứa cháu thế này sao?”

Ông ấy chăm chú nhìn vào mặt tôi.

“Ta chưa từng nghĩ sáu mươi năm sau chiến tranh, cháu của Miyabe lại đến tìm ta. Đúng là cuộc đời!”

Tôi nhớ đến câu chuyện của ông Hasegawa, tâm trạng rất căng thẳng nên nhanh miệng nói một hơi.

“Thật ra cháu không biết gì về ông ngoại. Bà ngoại cháu sau chiến tranh đã tái giá, mà trước khi qua đời cũng không kể về ông cho bất kỳ ai trong gia đình. Mẹ cháu cũng không có ký ức nào về ông. Vì vậy, cháu muốn tìm hiểu về cội nguồn của mình, ông ngoại cháu là người như thế nào. Cháu phải tìm đến những người đã từng biết ông cháu để nghe những câu chuyện của họ.”

Ông Ito lặng yên nghe tôi nói. Sau đó, ông lắc lắc đầu như thể gọi các ký ức xa xưa về, rồi đăm chiêu ngược nhìn trần nhà, dường như không biết bắt đầu câu chuyện từ đâu.

“Nghe nói ông ngoại cháu là một phi công khá nhát gan.” Tôi mở lời.

Ông Ito nhìn tôi. “Nhát gan? Miyabe ấy hả?”

Ông ấy lặp lại nhưng không phủ định điều đó, rồi lại ngược mắt suy nghĩ.

“Ta nghĩ Miyabe không phải một phi công dũng cảm, nhưng ông ấy là một phi công xuất sắc.”

Như ta đã nói trong điện thoại, ký ức của ta về Miyabe không nhiều. Ta từng trò chuyện với ông ấy nhiều lần, nhưng dù sao cũng là chuyện của sáu mươi năm trước nên khó mà nhớ hết.

Ta chiến đấu cùng Miyabe hơn nửa năm trên chiến trường, từ Trân Châu Cảng đến trận Midway^{*}. Cả hai đều là phi công trên mẫu hạm Akagi.

Mẫu hạm là cách nói tắt của hàng không mẫu hạm. Cả chiến hạm như một sân bay thu nhỏ, đây là chiến hạm mạnh nhất trong chiến tranh Thái Bình Dương.

Sau khi tốt nghiệp tiểu học nâng cao, ta tham gia khóa đào tạo phi công dự bị. Từ nhỏ đến lớn ta đã trông thấy những chiếc máy bay của Phi

đội Hải quân Iwakuni gần nhà và ao ước trở thành phi công. Đó là mẫu thanh niên Đế quốc Nhật điển hình. Khi đó, khóa phi công dự bị rất được ưa chuộng nên tỷ lệ chọi lên đến cả trăm. Khi trúng tuyển, ta vui mừng đến mức nhảy cẫng lên. Khóa phi công dự bị khác với khóa thao luyện. Khóa phi công dự bị ngay khi gia nhập Hải quân đã là lính không quân, còn khóa thao luyện lại tuyển lính không quân từ lính thủy. Miyabe đi lên từ khóa thao luyện.

Sau khi hoàn thành khóa huấn luyện bay, đầu tiên ta được phân vào Phi đội Yokosuka. Chiến đấu tại đây được hai năm, tới mùa xuân năm 1941 ta trở thành thành viên phi đội Akagi. Khi đó, lần đầu tiên ta được lái chiếc máy bay tiêm kích tinh nhuệ Reisen. Đúng vậy, nó chính là chiếc Zero. Thời đó, bọn ta gọi chiếc chiến đấu cơ kiểu mới là Reisen.

Tại sao nó lại được gọi là Reisen?

Reisen chính thức được sử dụng vào năm Đế chế Nhật *2600, tức là năm 1940, giờ thì chẳng còn ai sử dụng lịch Đế chế nữa. Máy bay ném bom được đưa vào sử dụng năm trước đó - năm Đế chế Nhật 2599 là máy bay ném bom trên mẫu hạm kiểu 99 *. Chiếc máy bay tấn công từ hai năm trước đó thì gọi là máy bay tiêm kích trên mẫu hạm kiểu 97 *. Cả hai đều là thành phần chủ lực trong cuộc không kích Trân Châu Cảng. Tên chính thức của Reisen là máy bay tiêm kích Mitsubishi kiểu số 0 trên hàng không mẫu hạm.

Reisen là một chiếc tiêm kích tuyệt hảo, là chiếc chiến cơ làm Nhật Bản có thể ngẩng đầu kiêu hãnh trước thế giới. Tính năng chiến đấu của nó vượt trội tất thảy. Khả năng xoay vòng và lộn nhào rất ưu việt. Nó có thể xoay vòng với bán kính cực ngắn, hơn nữa tốc độ lại rất nhanh. Có lẽ nó là chiếc máy bay tốc độ cao nhất trên thế giới vào thời đầu cuộc chiến.

Vốn dĩ, đây là hai điểm đối lập của một chiếc chiến cơ. Nếu xem trọng tính năng chiến đấu thì tốc độ sẽ giảm xuống, tăng tốc độ thì sẽ phải giảm tính năng chiến đấu. Tuy vậy, Reisen lại là chiến đấu cơ kết hợp được cả

hai điểm này. Nỗ lực của hai nhà thiết kế trẻ đầy nhiệt huyết Horikoshi Jiro và Sone Yoshitoshi đã biến điều đó thành hiện thực.

Ngoài súng máy thông thường 7.7 li, nó còn được trang bị thêm pháo 20 li. Đạn súng máy 7.7 li chỉ tạo được lỗ thủng trên máy bay, nhưng đạn pháo 20 li là đạn nổ nên nếu bắn trúng, nó sẽ làm nổ tung máy bay địch. Một phát bắn bay đối thủ. Tuy nhiên, súng 20 li có nhược điểm là vận tốc phát pháo chậm, số lượng đạn ít.

Dù vậy, thật sự không có thứ vũ khí nào đáng gờm hơn Reisen. Tầm hoạt động của nó cũng vượt trội, có thể bay tới 3.000 cây số. Thời đó, tầm hoạt động của chiến cơ một chỗ ngồi chỉ khoảng vài trăm cây số. Thế nên, 3.000 là con số khó mà tưởng tượng nổi.

Nói ngoài lề một chút, Đức Quốc Xã đã thất bại trong cuộc tấn công Anh Quốc. Tại Đức, lực lượng Hải quân đã bị tê liệt. Vì thế, họ đã dùng máy bay ném bom để tấn công Anh. Đó là trận chiến nước Anh *. Liên tiếp những chuỗi ngày máy bay ném bom Đức vượt eo biển Dover *. Tuy nhiên, không quân Anh dồn tổng lực đánh chặn nên lực lượng Luftwaffe * đành từ bỏ cuộc đánh bom Anh Quốc.

Không quân Đức thất bại trước Anh là do máy bay ném bom không được máy bay tiêm kích yểm trợ. Máy bay ném bom chứa lượng bom đạn nặng nề, chậm, không linh hoạt. Một khi bị chiến đấu cơ tấn công thì khó mà thoát được. Vì thế, máy bay ném bom nhất định phải có chiến cơ hộ tống, nhưng họ lại không có.

Quân Đức có một loại máy bay tiêm kích tinh nhuệ là Messerschmitt, nhưng nó lại có một nhược điểm cực lớn, đó là tầm hoạt động ngắn. Vì thế, nó chỉ có thể chiến đấu vài phút trên bầu trời nước Anh. Nếu cuộc chiến kéo dài, trên đường về nếu không qua được eo biển Dover thì xem như phải chết đuối trên biển. Bay đi và bay về qua eo biển Dover chỉ vón vện 40 cây số mà đã khó khăn đến vậy, nếu là Reisen thì đã có thể chiến đấu hơn một tiếng đồng hồ trên bầu trời London. Khi ấy, nếu quân Đức sở hữu chiếc Reisen thì nước Anh hẳn đã lâm nguy.

Reisen có tầm hoạt động chiến đấu xa như vậy vì nó là máy bay tiêm kích chiến đấu trên Thái Bình Dương. Máy bay đang trên biển, nếu không kịp đáp vào đất liền xem như chết, nên phải bay liên tục với cự li dài 3.000 cây số. Và lại, nó cũng được chế tạo cho cuộc chiến trên Trung Hoa đại lục.

Có câu: Ngựa chiến tốt có thể chạy đi nghìn dặm, chạy về nghìn dặm. Reisen chính là con ngựa chiến như vậy.

Reisen là chiến cơ vô địch khi kết hợp tất cả những điểm ưu việt như tính năng vượt trội, tốc độ cao và tầm chiến đấu rộng. Điều ngạc nhiên hơn cả là Reisen không phải máy bay chiến đấu trên đất liền, mà được trang bị cho mẫu hạm, có thể cất cánh hạ cánh trên cái boong nhỏ hẹp của hàng không mẫu hạm.

Nước Nhật thời đó bị xem là kém xa các nước công nghiệp Âu Mỹ, ấy thế mà lại bất ngờ chế tạo ra chiếc máy bay chiến đấu đạt đến độ tối ưu như thế. Ta nghĩ đây thật sự là niềm tự hào của nhân dân Nhật Bản.

Ta không cho rằng đi qua chiến tranh là điều đáng khoe khoang, nhưng đến bây giờ, ta vẫn xem việc lái Reisen bay khắp bầu trời là một niềm tự hào trong đời. Nếu so với tám mươi lăm năm cuộc đời thì gần hai năm chiến đấu cùng với Reisen chỉ là một khoảng thời gian ngắn, nhưng thật đáng sống! Những điều đó, khi về cuối đời càng trở nên quý giá.

Nói những điều này với một chàng trai trẻ kể cũng khó mà hiểu được. Sau khi chiến tranh kết thúc, bản thân ta đã quên đi những trải nghiệm lái chiến đấu cơ vì mãi làm việc kiếm cái ăn nuôi gia đình, dưỡng dục con cái. Có lẽ đến cuối đời, khi nhìn lại cuộc đời chính mình, ta mới thấy được thời huy hoàng của tuổi trẻ. Cháu cũng vậy thôi, sẽ đến lúc cháu nhìn lại đời mình và thấy bản thân hoàn toàn khác bây giờ. Chà, ta lại lan man sang chuyện khác rồi.

Miyabe lên tàu Akagi vào mùa hè năm 1941. Cậu ấy từ binh đoàn Trung Hoa đại lục chuyển đến, cùng lúc với vài phi công chuyển từ Trung Quốc sang. Việc đầu tiên họ phải làm khi đến mẫu hạm là hạ cánh trên tàu. Khác với đường băng trên đất liền, việc đáp máy bay xuống boong tàu đang lắc lư dữ dội là rất khó, vì thế đối với những người mới thực hành lần đầu đây quả là một việc rất đáng sợ.

Phi cơ của Hải quân khác phi cơ của Lục quân ở phương pháp tiếp đất ba điểm *. Cần phải ngoắc chiếc móc ở đuôi máy bay vào dây hãm đà, nếu không ngoắc được thì không thể đáp lên khoanh boong nhỏ của mẫu hạm được.

Mặc khác, trong phương pháp Tiếp đất ba điểm, để phần đuôi chúc xuống thì đầu máy bay phải hướng lên. Ghế điều khiển sẽ bị đầu máy bay che khuất. Không thấy được sàn đáp, phi công phải đáp xuống boong bằng trực giác. Nếu đáp vội thì đuôi tàu sẽ bị lắc mạnh. Nhưng nếu vì sợ mà cần trọng thái quá, không móc vào được dây hãm đà thì sẽ đâm vào thanh chắn ở đầu tàu. Nếu làm không khéo sẽ bay từ đầu tàu xuống biển, do đó những phi cơ đâm xuống biển không phải là cảnh hiếm thấy. Vì thế, trong các buổi tập huấn hạ cánh trên tàu, luôn phải có tàu khu trục * “câu chuồn chuồn”. Tên gọi đó là do nó dùng cần trục câu máy bay rơi xuống biển, hệt như câu chuồn chuồn vậy.

Nhắc đến đây, việc dây hãm đà bị đứt dù hiếm nhưng vẫn xảy ra, điều này cực kỳ khủng khiếp. Dây thép đứt giống như roi quất trên boong. Ta từng chứng kiến chân một người lính bảo trì bị cắt phăng, khiến cả ngày hôm ấy ta không nuốt nổi cơm. Sau đó, vì còn chứng kiến nhiều cảnh tượng khủng khiếp hơn trên chiến trường, nên ta dần không kinh sợ nữa...

Bọn ta đứng xem buổi huấn luyện hạ cánh của những đồng đội từ Trung Quốc đến. Y như dự đoán, lần đầu họ hạ cánh rất kém. Nhưng tất cả đều là những phi công lão luyện trên đất liền nên cũng có người xoay sở được, dù cũng nhiều người thất bại, lao thẳng xuống biển, khiến bọn ta ôm bụng cười.

Vậy mà, trong số đó, lại có người cho bọn ta xem một màn hạ cánh xuất sắc. Nhẹ nhàng đáp xuống gần chính giữa băng góc hẹp, ngoắc vào dây hãm đà gần đầu tàu nhất, dừng máy bay gần sát thanh chắn ngăn va chạm.

Từ đuôi tàu đến đầu tàu có mười sợi dây hãm đà, nếu móc vào dây gần đầu tàu nhất thì mới không cản trở thời gian hạ cánh của máy bay phía sau. Nhưng nếu dừng ở dây hãm đà này thì khả năng máy bay đâm vào thanh chắn, lao xuống biển là rất lớn. Vậy mà chiếc máy bay đó lại móc vào sợi dây phía trước nhất, chuẩn xác đáp xuống tàu.

Chúng ta ai cũng bất ngờ, thốt lên tán thưởng. Đó chính là Miyabe.

“Chắc do ăn may thôi.” Ai đó đã nói vậy.

Sau buổi hạ cánh đó, ta bắt chuyện với Miyabe cũng bởi ngưỡng mộ sự điêu luyện của cậu ấy trong buổi tập huấn. Miyabe là một chàng trai cao lớn, khoảng một mét tám.

“Một màn hạ cánh ngoạn mục!”

Cậu ấy cười đáp lại ta. Nụ cười đó thực sự rất thân thiện.

“Đây là lần đầu tôi hạ cánh trên mẫu hạm, nhưng nhờ làm theo hướng dẫn của đàn anh nên đã xoay sở được.”

Lần đầu tiên hạ cánh trên tàu đã giỏi đến thế, thì phản ứng tinh thần của cậu ấy quả là không tệ. Khi đó, dù đã hạ cánh trên tàu đến ba mươi lần rồi, nhưng lần nào ta cũng thấy rất căng thẳng.

“Tôi vẫn chưa biết gì về mẫu hạm nên mong được anh chỉ giáo.”

Miyabe cúi đầu nói. Ta đã hơi bối rối, bởi hiếm thấy binh sĩ nào có cách nói chuyện như vậy. Đương nhiên, đối với cấp trên, bọn ta cũng nói năng lịch sự như thế. Vì nếu không lễ phép sẽ bị đánh. Nhưng Miyabe lại rất lễ độ với người ngang cấp. Quân nhân như vậy trong Hải quân Đế quốc rất hiếm.

Ta nghĩ Miyabe bị xem thường trong phi hành đoàn có lẽ cũng bởi cách nói chuyện này. Hải quân là nơi thô lỗ, đặc biệt là thế giới của các phi công, giống như nơi tập hợp của những gã du côn vậy. Có lẽ là do cảnh sống mà không biết ngày mai sẽ ra sao. Vậy mà, chỉ riêng Miyabe là không thế.

Vì sao ngay từ lần đầu gặp ta đã quý Miyabe? Hoàn toàn đối lập với cậu ấy, ta rất nóng tính, trong đội ta là kẻ chuyên gây gổ cãi nhau. Chắc là vì tính cách trái ngược nhau vậy nên mới thu hút. Ngay cả những binh sĩ hạ

cấp cũng đối xử với Miyabe bằng thái độ vô lễ, nhưng cậu ta không quan tâm, luôn trả lời rất nhã nhặn. Vì thế, cậu ấy bị xem thường.

Dù vậy, trước mặt Miyabe, không một ai dám tỏ thái độ, bởi kỹ thuật điều khiển máy bay của cậu ấy thuộc hàng cực kỳ điêu luyện.

Lần đầu cậu ấy hạ cánh trên tàu sân bay, có người xấu miệng bảo rằng đó là do ăn may, nhưng sự thật không phải vậy. Những lần sau đó Miyabe vẫn luôn đáp ở đầu tàu. Rất nhiều thành viên phi hành đoàn muốn xem màn hạ cánh hoàn hảo của Miyabe. Có lẽ kỹ thuật hạ cánh của cậu ấy trong Hải quân Đế quốc Nhật là số một.

Kỹ thuật hạ cánh trên tàu và năng lực chiến đấu thường khác xa nhau. Thế nhưng trong các cuộc không chiến, Miyabe cũng xử lý rất tài tình. Cậu ấy đã từng bắn rơi hơn 10 chiếc chiến cơ địch ở Trung Hoa đại lục. Khi đó, bắn được trên 5 chiếc đã là rất giỏi rồi. Ở nước ngoài người ta gọi những người như vậy là Át chủ bài.

Dường như sự khác nhau giữa thành tích xuất sắc và vẻ ngoài bình dị đã kéo theo những lời nói xấu sau lưng từ các đồng đội.

Để hiểu về cuộc chiến của bọn ta thì cháu cần phải biết Kanko và Kanbaku. Đây là những từ giới trẻ bọn cháu nghe không quen tai, nhưng ở cả hai phía Mỹ và Nhật Bản, không có loại máy bay nào chiến đấu oanh liệt và có nhiều chiến công như Kanko và Kanbaku. Hơn nữa, tỷ lệ bị bắn hạ của chúng là cao nhất.

Kanko là tên gọi tắt của máy bay tấn công trên mẫu hạm, chở được ba người, nhiệm vụ chủ yếu là phóng ngư lôi. Ngư lôi không phải là vũ khí của riêng tàu ngầm. Tấn công bằng ngư lôi được gọi là Lôi kích - lối tấn công khủng khiếp nhất đối với các con tàu. Bởi chúng sẽ phá thủng bụng tàu và khiến nước ồ ạt chảy vào nhấn chìm tàu. Cả Yamato lẫn Musashi vốn được cho là những thiết giáp hạm * không bao giờ chìm cũng đã bị đánh chìm bằng ngư lôi.

Kanbaku là tên gọi tắt của máy bay ném bom trên tàu sân bay, chứa được hai người, nhiệm vụ chính là ném bom xuống các mục tiêu dưới mặt

đất. Đây cũng là một kiểu tấn công đáng sợ. Từ độ cao hơn 2.000 mét, nó bổ nhào xuống, ném bom phá vỡ boong và phát nổ ngay trong tàu. Bên trong chiến hạm chứa đầy đạn pháo và nhiên liệu, nếu bị nổ thì sẽ là một thảm họa.

Đương đầu với các cuộc tấn công của chúng là nhiệm vụ của pháo đối không và súng máy. Tuy nhiên, những vũ khí đó chẳng phải lúc nào cũng bắn trúng. Bắn một chiến cơ đang bay với vận tốc hơn 150 mét/giây bằng pháo hay súng là việc rất khó.

Vì vậy, thứ hiệu quả nhất có thể bảo vệ chiến hạm khỏi Kanko và Kanbaku là chiến cơ. Các máy bay chiến đấu sẽ bắn hạ địch trước khi chúng tấn công tàu. Cả Kanko lẫn Kanbaku đều mang bom và ngư lôi rất nặng, nếu bị chiến cơ nhanh nhẹn tấn công thì xem như xong đời. Vì thế, để bảo vệ chúng, phải có chiến cơ yểm trợ. Nói tóm lại, chiến cơ trên hàng không mẫu hạm được chế tạo với hai nhiệm vụ chính là bảo vệ tàu khỏi Kanko, Kanbaku của phe địch và hộ tống Kanko, Kanbaku của phe ta.

Từ khi bọn ta trở thành thành viên phi hành đoàn tàu Akagi thì những buổi tập trận khốc liệt cứ nối dài mãi. “2234566” * là vậy. Khoảng thời gian đó, giờ bay của các phi công Hạm đội Không quân Một và Hạm đội Không quân Hai đã vượt quá 1.000 giờ. Tất cả đều đã là những phi công dày dạn kinh nghiệm. Ta nghĩ, năng lực chiến đấu của bọn ta lúc đó chắc hẳn phải thuộc hạng mạnh nhất thế giới. Bởi bọn ta là những phi công giỏi nhất lái những chiến cơ tốt nhất thế giới.

Sau khi kết thúc khóa huấn luyện khắc nghiệt ở Vịnh Saiki đảo Kyushu vào giữa tháng Mười một, Hạm đội cơ động được chỉ đạo lên phương Bắc. Các phi công được phát trang phục mùa đông, nhưng lại không được biết nơi đến là đâu. Bọn ta cảm giác rằng nơi này rất đặc biệt, dù hoàn toàn không biết đó là gì.

Lúc đó, đang là thời điểm gay cấn nhất của chiến tranh Trung-Nhật, đối thủ Trung Quốc đã rất khó xoay sở, bọn ta không nghĩ sẽ phải chiến đấu với cả Mỹ. Đồng Minh Đức sớm đã giao chiến với Anh nên trong tình

hình đó, Nhật cũng sẽ giao chiến với Anh hoặc Mỹ. Hơn nữa, Hải quân đã huấn luyện bọn ta chiến đấu với kẻ thù giả định là Mỹ suốt thời gian qua.

Nơi đến là vịnh Hitokappu thuộc đảo Iturup. Ta còn nhớ biển Okhotsk tháng Mười một rất lạnh. Trong lớp sương mù lạnh lẽo, những chiến hạm của Hạm đội liên hợp đã sẵn sàng. Quang cảnh ấy rất hùng tráng.

Ngày 26 tháng Mười một, toàn bộ phi công của mẫu hạm được triệu tập, Phi đội trưởng đã báo rằng: “Chúng ta sẽ tấn công Trân Châu Cảng đồng thời với việc tuyên chiến.”

Tuy rất kinh ngạc nhưng ta nghĩ điều gì đến cũng phải đến thôi. Cảm giác căng thẳng tràn ngập các giác quan mà trước nay ta chưa từng có. Các phi công khác chắc hẳn cũng vậy. Không một ai ngần ngại, ai cũng mong đợi giáng cho quân Mỹ chết tiệt một đòn.

Sau đó là thông báo phân công nhiệm vụ.

Trong danh sách của đội tấn công không có tên ta. Trước mắt ta mọi thứ tối sầm lại. Nhiệm vụ của ta là tuần tra và yểm trợ trên không cho hạm đội, để bảo vệ mẫu hạm khỏi máy bay địch.

Ta khóc lóc cầu xin Phi đội trưởng cho tham gia không kích Trân Châu Cảng, nhưng không được. Dù vậy, ta vẫn không tâm im lặng được. Các thành viên nằm ngoài danh sách tham gia không kích và phi công dự bị cũng khóc xin cấp trên.

Tối hôm đó, đã có vài cuộc tranh cãi giữa các thành viên phi đội. Ta hiểu tâm trạng đó, mọi người đều chịu khổ kiên trì tập luyện chỉ vì dịp này. Nếu chiến dịch thành công thì dù có chết cũng cam lòng. Đặc biệt là những người bị luân chuyển dự bị cho phi công của Kanko và Kanbaku, tất cả đều mang dáng vẻ ủ ê, mất nhuệ khí.

Tối hôm đó, Miyabe đã bắt chuyện với ta ở boong sau. Dưới sàn đáp chính, đầu và đuôi của tàu Akagi đều có sàn phụ. Đó là dấu tích của tàu chiến tuần dương được cải tiến thành mẫu hạm.

“Ito à, bảo vệ hạm đội là nhiệm vụ rất quan trọng.”

Miyabe được chọn vào đội không chế không phận của đợt công kích lần thứ nhất.

“Cậu có hiểu tôi hụt hẫng đến thế nào không?”

“Tôi nghĩ bảo vệ hạm đội còn quan trọng hơn cả tấn công, bởi nhiệm vụ này bảo vệ tính mạng của rất nhiều con người.”

“Vậy ta đổi đi.”

“Nếu được thì tôi cũng muốn đổi cho cậu.”

“Nếu vậy thì đổi đi.”

Nhưng cả hai đều biết điều đó là không thể. Bảng phân công mà Phi đội trưởng đã công bố không bao giờ thay đổi theo ý nguyện của các phi công.

Ta ngồi bệt xuống sàn, giàn giụa nước mắt tiếc nuối. Miyabe cũng ngồi xuống bên. Ta thần thờ nhìn ra biển. Bầu trời không sao, đêm giá như đóng băng nhưng ta không cảm nhận được cái lạnh.

Miyabe không nói gì, chỉ ngồi cạnh. Một lúc sau, ta đã dần bình tĩnh hơn, có lẽ cũng nhờ Miyabe. Bất ngờ cậu ấy nói nhỏ. “Tôi từng nói rằng tôi đã cưới vợ rồi nhỉ?”

Ta gật đầu.

“Khi từ Thượng Hải trở về, trước khi đi Omura, tôi đã kết hôn. Hai vợ chồng mới chỉ sống với nhau được một tuần.”

Lần đầu nghe cậu ấy tâm sự thế này, nên ta hơi ngạc nhiên.

“Nếu biết trước sẽ tham gia không kích Trân Châu Cảng thì tôi đã không cưới cô ấy.”

Miyabe chỉ nói vậy rồi cười, nhưng sao ta vẫn nhớ mãi. Tại sao khi đó Miyabe lại nói với ta chuyện đó. Có phải cậu ấy kết hôn vì tình yêu không? Ta đã không hỏi. Thời ấy, chuyện kết hôn vì tình yêu rất hiếm. Cũng có trường hợp cưới gấp trước khi ra chiến trường, bởi người thân ở nhà luôn nghĩ phải cho con kết hôn trước khi tử trận. Dĩ nhiên là muốn có người nối dõi. Thời ấy, chấp nhận việc kết hôn chẳng có gì to tát. Hay đúng hơn, kết hôn là chuyện phải làm, ta chưa từng nghĩ kết hôn là vì điều gì khác.

Những người trẻ bây giờ thì không nghĩ vậy đâu nhỉ? Họ chỉ kết hôn khi tìm ra người bạn đời tốt nhất cho mình. Cháu gái của ta cũng vậy, thế nên đã 30 tuổi rồi mà nó vẫn độc thân. Con bé nghĩ rằng nếu không tìm được đối tượng tốt thì sống độc thân suốt đời cũng được. Thật khổn khổ!

Ta không rõ vì sao Miyabe lại kết hôn vội vã như thế. Có lẽ là vì yêu. Việc cậu ấy bảo sẽ không kết hôn nếu biết sẽ tham gia trận Trân Châu Cảng là hoàn toàn có thể hiểu.

Tuy đêm đó các phi công ồn ào cãi vã, nhưng sáng hôm sau, tất cả đã chẳng còn chút xích mích, mỗi người đều tận lực làm tốt nhiệm vụ được giao. Ta cũng tập trung tâm trí để hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ hàng không mẫu hạm.

Bình minh ngày 8 tháng Mười hai, ta cất cánh tuần tra trên không. Chẳng bao lâu sau đội không kích lần thứ nhất cất cánh. Ta nghiêm chào tiền đội hình.

Trong suốt cuộc chiến, trên bầu trời của mẫu hạm không có chiếc máy bay địch nào xuất hiện, nên ta cũng chẳng có cơ hội chiến đấu.

Như cháu đã biết rồi đấy, trận Trân Châu Cảng giành chiến thắng vang dội. Lần đầu tiên trong lịch sử, cuộc không kích của hạm đội chỉ dựa vào chiến đấu cơ, đánh chìm 5 chiến hạm và phá hỏng 3 chiếc, phá hủy hơn 200 máy bay của căn cứ quân sự này, lập nên một chiến công vang dội chưa từng có.

Ngay sau trận không kích Trân Châu Cảng, phi công chúng ta và thủy thủ đoàn mẫu hạm tổ chức ăn mừng rộn rã. Riêng Miyabe là khác.

“Sao vậy Miyabe, trông cậu không vui?”

“Nghe nói hôm nay có 29 chiếc đã không quay về.”

“Đáng tiếc thật. Nhưng so với chiến công, thì thiệt hại của chúng ta rất khiêm tốn.”

Miyabe im lặng gật đầu. Khi nhìn gương mặt của cậu ấy, ta cảm thấy hụt hẫng.

“Chiến tranh thì nhất định sẽ có người chết.” Ta nói.

“Hôm nay tôi đã tận mắt chứng kiến một Kanko tấn công cảm tử.” Miyabe khẽ nói.

“Sau khi phóng ngư lôi, chiếc Kanko ấy bay lên cao trên chiến hạm địch, nó đã bị trúng đạn của pháo phòng không. Tôi bay ngay bên cạnh nên có thể thấy nhiên liệu tủa ra từ cánh. May mắn sao, nó chưa bị bắt lửa. Chiếc Kanko đã quay đầu hướng trở về tàu, nhưng nó lại nhanh chóng xoay

vòng, một lần nữa hướng về Trân Châu Cảng. Tôi cũng xoay lại bay bên cạnh. Khi đó, phi công điều khiển Kanko quay về phía tôi, chỉ ngay phía dưới, rồi bổ nhào xuống, đâm vào chiến hạm địch.”

Ta nghe câu chuyện của Miyabe, bất giác rùng mình. Thực ra ta đã nghe nói nhiều máy bay không quay về hôm ấy là vì cảm tử. Chúng ta đã được lệnh rằng, nếu bị trúng đạn trong cuộc không kích và thấy khó có thể quay về thì phải tấn công cảm tử. Chúng ta cũng được dạy rằng, không thể sống mà chấp nhận sự nhục nhã của một tù nhân, nên ta nghĩ điều đó là đương nhiên.

“Trước khi đâm xuống, ba thành viên phi đội hướng về phía tôi, nghiêm chào với gương mặt tươi cười.”

“Họ là những chiến binh chân chính!”

Miyabe lại gật đầu.

“Từ lúc họ tạt bay lên cao cho đến khi bay hướng về Trân Châu Cảng một lần nữa, chưa đến vài phút. Trong khoảnh khắc đó, họ đã nhận thấy tình trạng hư hại của máy bay nên không bay về hạm đội. Trong khoảng thời gian rất ngắn, cả ba đã quyết định cảm tử.”

Máy bay cường kích trên tàu sân bay có phi hành đoàn gồm ba người: phi công, trinh sát viên, thông tin viên. Cả đội phải đồng tâm hiệp sức, nếu không chung một hơi thở thì không thể phóng ngư lôi thành công được. Mỗi liên kết này đôi khi còn khăng khít hơn cả tình bạn. Mà không, tình bạn là từ không diễn tả hết được. Có câu *Vẫn cảnh chi hữu**, giữa phi công máy bay công kích và phi công máy bay ném bom là thứ tình bạn như vậy. Có thể việc tấn công cảm tử là do phi đội trưởng quyết định, rồi truyền đạt cho hai người còn lại. Sau đó, hai người ấy đồng ý lập tức.

“Gương mặt họ rất tươi cười, tôi đã không nghĩ rằng đó là gương mặt của những người đang đi vào cõi chết.”

“Có lẽ do họ đã đem về chiến thắng vẻ vang.”

“Đúng vậy.” Miyabe suy nghĩ một chút rồi đáp.

“Tôi cũng muốn khi mình chết đi, có thể mãn nguyện vì đã góp phần mang lại một chiến thắng vẻ vang.”

Miyabe im lặng một lúc lâu, rồi bất ngờ khẽ nói. “Tôi không muốn chết.”

Ta thật sự kinh ngạc. Ta chẳng thể ngờ những lời ấy lại phát ra từ miệng của một quân nhân Hải quân Đế quốc.

Hiển nhiên, con người không ai muốn chết. Nhưng ta nghĩ đã là quân nhân thì phải dẹp bỏ bản năng đó. Giống như con người kiếm chế nhiều bản năng và dục vọng để sống trong xã hội, quân nhân có thể dẹp bỏ khao khát *muốn sống* là việc rất quan trọng. Phải vậy không? Nếu cứ mãi suy tính về việc phải sống sót thì không thể tập trung chiến đấu cho ra trò được.

Trong trận chiến lần này, quân đội chúng ta đã giành chiến thắng rực rỡ. Dù vậy, chúng ta cũng mất 29 chiếc máy bay và 55 người hy sinh. Bây giờ ta đã hiểu ra. Đối với những người thân của các phi công đã hy sinh, nỗi đau mất mát lớn hơn nhiều so với niềm vui chiến thắng, nhưng... Dù là cuộc chiến hàng ngàn người hy sinh oanh liệt hay chỉ có một người ngã xuống, thì đối với những người đang sống, nỗi mất mát người thân đều đau đớn như nhau.

Nhưng lúc đó ta không hiểu điều ấy. Ta còn nhớ cảm giác khinh bỉ của ta đối với câu nói “không muốn chết” của Miyabe. Lời đó một quân nhân Hải quân Đế quốc, hay ít ra là phi công chiến đấu, tuyệt đối không được nói ra. Từ khi trở thành phi công, bọn ta đã phải nhận thức rõ rằng *Sẽ không chết trên tấm chiếu Tatami*.

“Tại sao cậu không muốn chết?”

“Tôi đã có vợ. Vì vợ mình, tôi không muốn chết. Đối với tôi, sinh mệnh quan trọng hơn tất cả.” Miyabe nhỏ nhẹ trả lời.

Trong khoảnh khắc, ta không nói được lời nào, thực sự thấy rất khó chịu. Tâm trạng này giống việc chúng ta hỏi một tên trộm “Tại sao mà lại trộm đồ?” và nhận được câu trả lời rằng “Bởi vì tao cần tiền.”

“Ai mà không quý mạng sống của mình chứ. Hơn nữa, ai mà không có gia đình. Tuy chưa có vợ nhưng tôi cũng có cha mẹ mà.” Ta kịp nuốt lại câu: “Dù không muốn chết cũng đừng có nói ra chứ.”

Miyabe cười gượng. “Tôi là nỗi nhục của Hải quân Đế quốc phải không?”

“Có lẽ vậy.” Ta nói.

Miyabe cúi mặt, im lặng.

Ông Ito đột nhiên im lặng.

Ông khoanh tay, nhắm mắt lại, không nói gì nữa. Một lúc lâu sau, ông mới khẽ nói tiếp. “Miyabe là một chàng trai kỳ lạ. Khoảng thời gian đó, phi công bọn ta sống trong một thế giới lạ thường, thế giới gắn liền với cái chết và cái chết đã chiếm mất gần một nửa rồi. Một thế giới mà chúng ta không được phép sống bằng cảm giác sợ hãi. Vậy mà Miyabe lại sợ chết. Cậu ấy đã sống cuộc sống thường nhật trong thời chiến, tại sao cậu ấy lại có thể có suy nghĩ đó chứ?”

Đó không phải là câu mà tôi trả lời được, hoặc giả ông đang tự hỏi chính mình.

“Sau chiến tranh, ta xuất ngũ và cưới vợ. Khi có gia đình ta đã hiểu được suy nghĩ vì vợ mà không muốn chết của Miyabe... Dù vậy, chiến tranh không phải cuộc chiến của một người. Có lúc phải hy sinh bản thân để chiến đấu.”

“Cháu không hiểu.”

“Thật ra cũng có chuyện như vậy. Tháng Hai năm 1942, khi oanh kích Cảng Darwin, do súng máy gặp sự cố nên Miyabe đã quay về rất sớm. Chiến cơ yểm trợ dù không bắn được cũng có thể xua đuổi kẻ thù. Hơn nữa, đối với Kanbaku thì chỉ cần có Reisen ở bên cạnh là vững tâm rồi. Mặc dù vậy, Miyabe đã rút lui quá sớm.”

“Nói nghe hơi có vẻ khoe khoang, nhưng nếu là ta, ta sẽ cứ thế mà đi, cho dù có bị bắn rơi đi nữa.”

Tôi lặng lẽ gật đầu.

“Mong cháu đừng hiểu lầm. Ta không có ý trách quan điểm của Miyabe. Chỉ là, dù thế nào ta cũng không thấy nó chính đáng. Trước mặt cháu mà lại nói những lời như thế thật xin lỗi. Mong cháu bỏ qua cho.”

Ông Ito cúi thấp đầu và nói. Tôi cảm nhận được thành ý từ ông. Ngay lúc đó, có tiếng gõ cửa, một bà lão quý phái bước vào.

“Đây là vợ ta.”

Bà đặt cà phê đá và bánh lên bàn rồi nói. “Mời dùng!” Sau đó rời khỏi phòng.

“Ta cưới bà ấy sau chiến tranh.” Ông nói và cười bẽn lễn. “Là kết hôn nhờ mai mối.”

Ông chuyển hướng nhìn, lướt nhanh qua một tấm hình hai người chụp chung.

“Bà thật chu đáo ạ!”

“Đó là điểm tốt của bà ấy. Đúng vậy, bà ấy thực sự tận tâm với ta.” Ông Ito trầm ngâm nói.

“Tấm hình này chụp ở đâu vậy ạ?”

“Ở Hawaii. Ba năm trước chúng ta đi du lịch để kỷ niệm đám cưới vàng *.”

Nghe nói đến Hawaii, tôi hơi ngạc nhiên. Ông Ito như đoán được nên nói thêm. “Lần đầu ta đến đó.”

Tôi nhìn lại tấm hình. Ông Ito đứng thẳng, tay phải nắm chặt tay vợ, đằng sau là biển xanh vỗ bờ.

“Khi cháu ta còn nhỏ, ta thường hay nói với nó rằng: ‘Ông đã từng đến Hawaii đấy.’ Nhưng sự thật là ta chưa bao giờ bay trên bầu trời Hawaii. Đã qua 60 năm rồi, đến giờ ta vẫn còn tiếc.”

“Vậy sao ông?”

“Nhưng nếu đã có mặt ở đó, không chừng ta đã chẳng thể gặp những đứa cháu hay vợ ta rồi.” Ông Ito cười.

Tôi chợt nhớ đến chuyện 55 phi công đã hy sinh trong trận Trân Châu Cảng. Dường như ông Ito cũng nhớ đến chuyện đó, cặp mắt nhìn xuống.

Sau một khoảng lặng, ông Ito nói tiếp.

“Trận Trân Châu Cảng cũng có điều đáng tiếc.”

“Là gì vậy ạ?”

“Là chuyện chúng ta đánh lén, tấn công mà không tuyên chiến.”

“Nói đúng hơn, lời tuyên chiến đã đến muộn.”

“Đúng vậy. Chúng ta được nghe chỉ thị rằng sẽ tấn công Trân Châu Cảng cùng lúc với lời tuyên chiến. Nhưng mọi việc đã không diễn ra như vậy, bởi nhân viên Đại sứ quán Nhật tại Mỹ mất nhiều thời gian để giải mã bản tuyên chiến, nên khi đưa đến tay bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ thì đã trễ. Nguyên nhân là ngày hôm trước, nhân viên Đại sứ quán có tiệc chia tay gì đó nên họ uống đến khuya và hôm sau đã đi làm muộn.”

“Vậy ạ?”

“Vì một bộ phận nhân viên Đại sứ quán mà chúng ta phải mang cái danh ô nhục là quân đánh lén. Cả nước Nhật bị dán cái nhãn dân tộc hèn hạ. Chính tai bọn ta đã nghe rằng sẽ tấn công cùng lúc với tuyên chiến. Việc đó lại thành ra thế này... Thật chẳng có gì đáng tiếc hơn.”

Mặt ông Ito méo mó.

“Thời đó, Mỹ luôn gây áp lực lên Nhật Bản, nhưng dư luận trong nước họ lại phản đối tham chiến. Trước chiến tranh chúng ta đã nghe nói Mỹ là quốc gia không có lịch sử, dân tộc cũng hỗn tạp nên không có lòng yêu nước, quốc dân thì vui sống hưởng lạc với chủ nghĩa cá nhân. Họ hoàn toàn không có lòng cống hiến sinh mệnh cho Tổ quốc hay Thiên hoàng như chúng ta. Đô đốc Yamamoto định nhấn chìm thiết giáp hạm của họ trên Thái Bình Dương trong trận này để làm mất tinh thần của nhân dân Mỹ.”

“Kết quả hoàn toàn ngược lại ông nhỉ.”

“Đúng thế. Nhờ tuyên truyền về sự bi ối của kẻ đánh lén, dư luận Mỹ qua một đêm đã đổi sang ‘đánh Nhật’, người đến đăng ký gia nhập Hải quân Lục chiến tăng ò ạt.”

Ông Ito kể tiếp.

“Hơn nữa, thực sự cũng không thể nói đó là một chiến thuật hoàn toàn thành công. Quân ta đã tiêu diệt tàu chiến và máy bay Mỹ nhưng ụ tàu, kho trữ dầu và các cơ sở quan trọng khác trên đất liền của họ vẫn nguyên vẹn. Nếu phá hủy hoàn toàn những thứ đó mới xóa được vai trò căn cứ quân sự của Hawaii, quyền bá chủ Thái Bình Dương cũng hoàn toàn thuộc về đất nước chúng ta. Các phi đội trưởng đã đệ trình kế hoạch đợt công kích thứ ba, nhưng không được chấp thuận. Đô đốc Hải quân Đại tướng Nagumo Chuichi đã chọn rút quân. Bây giờ nghĩ lại, Đô đốc Nagumo không có tài

chỉ huy. Sau đó, tại Thái Bình Dương, Hải quân Nhật đã nhiều lần bỏ lỡ các cơ hội quyết định, đều do sự thiếu năng lực quyết đoán và sự dũng cảm của người chỉ huy.”

Ông Ito thở hắt ra. “Ta lại nói lan man rồi, phê phán Hải quân giờ cũng chẳng có ý nghĩa gì. Chúng ta quay lại chuyện của Miyabe nào.”

Sau khi kết thúc trận không kích Trân Châu Cảng, trên đường trở về Nhật Bản chúng ta nghe những phi công của đội chiến cơ kể lại rằng đội không kích tấn công rất oanh liệt. Đội trực phòng vệ mẫu hạm bọn ta nghe rất háo hức nhưng đồng thời cũng có chút đổ kỵ.

Ai đó đã vô tình hỏi Miyabe. “Tàu chiến của Mỹ như thế nào?” Khi đó Miyabe trả lời rằng “Hàng không mẫu hạm không có ở đó.”

Mọi người đều sững sờ, Miyabe không quan tâm và nói tiếp. “Ở Trân Châu Cảng chỉ toàn tàu chiến.”

Chuyện đó thì ai cũng biết rồi. Việc không thấy bóng dáng của hàng không mẫu hạm đã khiến đội không kích ngậm ngùi tiếc nuối. Vì thế, giờ nói lại chuyện đó thì để làm gì.

Miyabe không màng để ý đến tâm trạng của bọn ta, nói tiếp. “Một lúc nào đó hàng không mẫu hạm Mỹ sẽ tấn công chúng ta, như chúng ta đã làm hôm nay. Chính vì thế chúng ta đã muốn tiêu diệt hàng không mẫu hạm trước.”

“Đúng vậy, một lúc nào đó chúng ta sẽ chiến đấu với chúng.” Ai đó đáp.

“Chẳng phải tung đòn trước mới thú vị sao.”

Mọi người cười ồ trước câu nói đùa của ai đó. Một người trong nhóm tự vệ nói. “Chẳng chừa phần cho bọn ta gì cả.”

“Đúng đấy. Lần sau tôi muốn tham gia đội tấn công, không phải là bảo vệ mẫu hạm nữa.”

Các phi công trong đội phòng vệ mẫu hạm đều đồng thanh: “Đúng vậy, đúng vậy.” Mọi người đều cười, nhưng riêng Miyabe thì không.

“Rồi ngày đó sẽ đến.” Cậu ấy lặng lẽ nói.

“Nếu ngày đó đến, mẫu hạm Mỹ sẽ dễ dàng bị đánh bại. Chẳng phải vậy sao?”

Ai đó đáp lại, và lần đầu tiên Miyabe mỉm cười.

“Tôi cũng nghĩ vậy. Hôm nay là lần đầu tôi thấy Kanko và Kanbaku không kích, thực sự quá ngoạn mục. Kỹ năng của họ rất tinh nhuệ. Tôi không rõ máy bay tấn công của Mỹ thế nào nhưng chắc không đạt đến kỹ thuật như vậy đâu.”

Đó không phải là lời khí thế của một người anh dũng, mà do người trầm tính như Miyabe hững hờ nói, nhưng lại làm những lời đó đầy sức hút. Chính vì mọi người đều biết tài năng của cậu ấy nên những nhận xét đó rất có trọng lượng. Trong lòng ta lúc ấy rất tiếc nuối vì không thể chứng kiến cuộc tấn công của phi đội ta tại Trân Châu Cảng.

“Chúng ta sẽ thắng chứ?”

“Thật lòng mà nói, tôi nghĩ chúng ta sẽ chiến thắng áp đảo.” Miyake trả lời.

Những lời của Miyabe đã đúng, nhưng theo một khía cạnh khác lại sai.

Chiến hạm cơ động do Đô đốc Nagumo chỉ huy sau đó đã càn quét Thái Bình Dương. Chiến hạm cơ động chính là hàng không mẫu hạm. So với thiết giáp hạm thì tàu sân bay có tốc độ và tính cơ động tốt hơn nên được gọi như vậy.

Quân ta tung hoành ngang dọc từ New Guinea ở phía Nam sang Ấn Độ Dương ở phía Tây. Trong lúc đó, nhiều tàu địch đã bị máy bay trên tàu sân bay đánh chìm. Đô đốc Yamamoto Isoroku đã nói: “Nửa năm là đủ để chúng ta bành trướng.” Nó đúng là một cuộc chiến bất khả bại.

Dĩ nhiên, đội cơ động của ta cũng bị máy bay địch công kích không ít lần, nhưng đội Reisen bảo vệ mẫu hạm đã không để cho chúng làm được gì. Khi đó, chẳng có chiếc chiến đấu cơ nào thắng nổi Reisen. Hơn nữa, nếu nói lực lượng phi công chiến đấu của quân đoàn Nagumo là số một thế giới cũng không sai.

Kỹ thuật của đội tấn công gần như đến mức xuất thần. Xác suất đánh trúng của máy bay ném bom bổ nhào khi đánh chìm tuần dương hạm và mẫu hạm cỡ nhỏ của Anh tại Ấn Độ Dương là gần 90%.

Quân đoàn của tướng Nagumo đã kiểm soát toàn bộ Thái Bình Dương. Bây giờ, kẻ nắm được quyền kiểm soát đại dương, không còn là quốc gia có thiết giáp hạm mạnh nhất, mà là đất nước có hàng không mẫu hạm mạnh nhất. Điều này đã làm thay đổi kiến thức quân sự từ trước đến nay.

Trong một thời gian dài, thế giới được cho là thời đại của *Chủ nghĩa tàu to súng lớn*, các cuộc hải chiến được định đoạt bởi cuộc chiến của những thiết giáp hạm. Thiết giáp hạm là binh khí lợi hại nhất trong lịch sử. Để đoạt được quyền kiểm soát hải phận thì phải có những chiến hạm hùng mạnh.

Đế quốc Anh thống trị thế giới cũng vì sở hữu nhiều thiết giáp hạm hùng mạnh. Nhìn cảnh những con tàu đen * của Mỹ đến Uruga đã gây kinh hoàng đến thế nào cho chế độ Mạc phủ * mới hiểu thiết giáp hạm là thứ vũ khí lợi hại đến thế nào. Thiết giáp hạm đã làm nên một phần lịch sử thế giới.

Hàng không mẫu hạm xuất hiện sau Thế chiến I. Tuy vậy, máy bay thời bấy giờ là máy bay cánh kép. Mẫu hạm cũng chỉ là những chiếc tàu đóng vai trò hỗ trợ, có thể đánh chìm các tàu cỡ nhỏ, chứ không đánh chìm được những tàu lớn như thiết giáp hạm.

Tuy nhiên, nhờ sự phát triển thần kỳ của máy bay, sức mạnh của tàu sân bay đã tăng lên lúc nào không hay.

Điều này được chứng minh bằng cuộc mở màn không kích Trân Châu Cảng. Chỉ bằng máy bay mà 5 thiết giáp hạm đã bị đánh chìm. Cho đến lúc đó, thiết giáp hạm vẫn được xem là yếu tố chủ lực của cuộc chiến giành quyền kiểm soát biển trong suốt hàng trăm năm, nhưng giờ đã phải nhường ngôi vị đó cho mẫu hạm.

Còn có một cuộc chiến khác nữa chứng minh thiết giáp hạm không còn đóng vai trò chủ chốt trên biển.

Đó là hai ngày sau trận Trân Châu Cảng. Ngoài khơi vùng biển phía Đông bán đảo Mã Lai, cuộc công kích bằng máy bay đã đánh chìm chiếc thiết giáp hạm mới toanh Prince of Wales và tuần dương hạm Repulse của

Hạm đội Viễn Đông, niềm tự hào của Anh quốc. 30 máy bay tiêm kích trên tàu sân bay kiểu 96 xuất phát từ căn cứ Sài Gòn đã tiến hành tấn công bằng ngư lôi, đánh chìm hai chiếc chiến hạm đó của Anh. Đây là cuộc hải chiến mà sau đó Churchill * gọi là “Sự kiện gây sốc nhất trong Thế chiến II.”

Các chiến hạm bị đánh chìm trong trận Trân Châu Cảng vì bị đột kích tại nơi neo đậu, còn hai chiếc chiến hạm Anh này bị tiêu diệt hoàn toàn trong lúc đang chiến đấu, nên theo cách nào đó sự kiện này gây chấn động hơn hẳn Trân Châu Cảng. Cuộc hải chiến này đã chứng minh rằng các thiết giáp hạm không có chiến cơ yểm trợ sẽ trở thành mồi ngon cho các phi cơ. Cuộc quyết chiến giữa các hạm đội thiết giáp hạm như chiến tranh Nga-Nhật sẽ không còn xảy ra nữa. Cuộc quyết chiến hạm đội thật sự sẽ trở thành cuộc chiến giữa các mẫu hạm. Thời đó, quân ta có 6 mẫu hạm chính quy, trong khi Hạm đội Mỹ trên Thái Bình dương có 5 chiếc. Bọn ta nóng lòng chờ cuộc quyết chiến giữa các tàu sân bay mà một ngày nào đó sẽ xảy ra.

Cơ hội đó cuối cùng cũng đến sau nửa năm kể từ khi khai chiến. Đó là vào tháng Năm năm 1942, khi mẫu hạm của quân ta đang chi viện cho tàu vận tải của Lục quân trong chiến lược đánh chiếm cảng Moresby và mẫu hạm của Mỹ có nhiệm vụ ngăn chặn chiến lược chiếm đóng Moresby đung độ. Đó là cuộc chiến của những mẫu hạm chính quy lần đầu tiên trong lịch sử thế giới. Nhân nói đến đây, cho đến tận bây giờ không có trận chiến nào giữa các mẫu hạm ngoài trận Nhật-Mỹ.

Thật đáng tiếc, con tàu Akagi lại không tham gia vào trận chiến đó. Tham chiến bên phe ta là các mẫu hạm Shokaku và Zuikaku của Hạm đội Không quân Năm, phe địch là các mẫu hạm Lexington và Yorktown.

Trong trận hải chiến Biển San Hô này, phe ta đã đánh chìm chiếc Lexington và khiến Yorktown hư hỏng nặng. Shokaku phe ta chỉ bị hư hỏng một nửa, còn Zuikaku vẫn nguyên vẹn. Trong cuộc chiến giữa các mẫu hạm lần đầu tiên trong lịch sử, Hải quân Nhật Bản đã được công nhận là bên chiến thắng.

Khi đó kỹ thuật của phi công tàu Akagi và Kaga của Hạm đội Không quân Một được cho là cao nhất. Họ được gọi tắt là Không chiến Một. Tiếp theo là Hiriyuu và Souryuu của Hạm đội Không quân Hai, Shokaku và Zuikaku của Hạm đội Không quân Năm có phần hơi kém. “Nếu bướm bướm, chuồn chuồn cũng là chim thì Hạm đội Không quân Năm cũng là chim.” Đó là bài hát xuyên tạc chúng ta vẫn hay hát. Vì thế khi nghe tin về trận hải chiến Biển San Hô, phi công đội Một bọn ta tiếc rẻ, “Nếu là chúng ta thì thế nào cũng đánh chìm cả hai mẫu hạm Mỹ đó.”

Trong lòng bọn ta cũng sôi sục mong muốn sớm giao chiến một trận với mẫu hạm địch. Và cơ hội đó đã đến sau đó một tháng.

Đúng, đó là trận hải chiến Midway. Trận này cũng khá nổi tiếng. Kết quả là 4 chiếc mẫu hạm Nhật bị đánh chìm một lúc, gồm Akagi và Kaga của Hạm đội Một, hạm đội mạnh nhất mà Hải quân tự hào cùng Hiriyuu và Souryuu của Hạm đội Hai.

Sau chiến tranh, ta đọc nhiều sách viết về nguyên nhân thất bại của trận Midway. Có lẽ tất cả là do sự kiêu ngạo của quân ta.

Kế hoạch tấn công Midway đã bị rò rỉ toàn bộ từ trước. Nguyên nhân là mật mã đã bị phá. Tuy vậy, lúc đó Ban giải mã của Mỹ không biết mục tiêu công kích được gọi là AF của quân đội Nhật Bản là nơi nào. Vì thế, quân Mỹ ở căn cứ quân sự Midway đã gửi đi một dòng điện tín giả với câu văn đơn thuần là “Thiết bị lọc nước biển bị hỏng, thiếu nước ngọt.” Trong ngày hôm đó, quân Nhật đã gửi đi bức mật mã “AF đang trong tình trạng thiếu nước.” Nhờ thế, quân Mỹ đã biết AF chính là Midway.

Quân Mỹ đã chuẩn bị sẵn sàng đợi quân ta. Đương nhiên, Bộ Tư lệnh Hạm đội liên hợp hẳn cũng đã dự đoán được việc này. Chiến lược tấn công đảo Midway vốn cũng bao gồm mục đích nhử và tiêu diệt mẫu hạm. Nói cách khác, đó là lý do Hạm đội Mỹ đã xuất hiện.

Toàn bộ Hải quân đang dâng tràn khát vọng chiến thắng. Các tham mưu vẫn nghĩ phải chăng tàu sân bay Mỹ sợ quân ta nên không xuất hiện. Sau chiến tranh ta mới biết, trong khi diễn ra trận chiến, một Tư lệnh nọ dò hỏi Tham mưu Không quân Genda Minoru: “Nếu mẫu hạm đến Midway thì phải làm sao?” Nghe nói tướng Genda đã trả lời rằng: “Dễ như búng ngón

tay.” Dĩ nhiên là thế. Hơn nữa, trước đó không lâu, tại vịnh Hashirajima thuộc Hiroshima trong lúc diễn tập trên bản đồ trận Midway phân chia ta và địch, các tham mưu đã giả định cho mẫu hạm Nhật Bản trúng chín quả bom. Khi đó, tham mưu Ugaki đã nói: “Bây giờ là một phần ba, ba phát.” Sau đó họ tiếp tục diễn tập bình thường, dường như không hề suy nghĩ lại về chiến lược. Ta không hiểu diễn tập để làm gì nữa.

Còn những sơ suất khác. Chúng ta đã bố trí hạm đội tàu ngầm để thăm dò việc xuất hiện của mẫu hạm ngoài khơi Hawaii, thực tế đội tàu ngầm đã chậm hơn sau khi mẫu hạm Mỹ có mặt. Có lẽ việc này là do chúng ta vẫn nghĩ rằng mẫu hạm Mỹ sẽ không xuất kích.

Diễn biến ngày hôm ấy hơn sáu mươi năm rồi ta vẫn còn nhớ rõ. Đó là ngày tồi tệ nhất đối với Hải quân, không, chính xác là đối với Nhật Bản. Dĩ nhiên, những thất bại kinh khủng hơn thế đã lặp lại rất nhiều lần sau đó, nhưng tất cả đều bắt đầu từ trận Midway này.

Hôm đó, từ sáng ta đã tham gia đội hộ tống máy bay ném bom tấn công căn cứ đất liền đảo Midway.

Kế hoạch là không kích căn cứ trên đảo Midway. Dù vậy, chúng ta cũng không quên cảnh giác đội cơ động của địch có thể ở đâu đó. Vì vậy, chúng ta đã chuẩn bị các máy bay trinh sát.

Cuộc chiến giữa các mẫu hạm được quyết định bởi những máy bay trinh sát. Phát hiện và tấn công các đội cơ động đang di chuyển với vận tốc cao trên Thái Bình Dương rộng lớn trước quân địch dù chỉ một giây, chính là cuộc chiến của các hàng không mẫu hạm.

Thực ra, lúc đó có một chuyện kỳ lạ đã xảy ra. Mỹ và Nhật đều đưa đội tấn công đi tìm đối phương nhưng cả hai đều không tiếp cận được quân địch, đợt tấn công đầu tiên chưa đánh đã tan, khi đó đã xảy ra một chuyện.

Đội tấn công của Hạm đội Không quân Năm không phát hiện được đội cơ động của địch mà trời đã chập tối nên quyết định quay về mẫu hạm. Tuy nhiên việc hạ cánh trên tàu vào ban đêm là rất khó. Vì thế, chiếc máy bay đầu tiên không hạ cánh được cứ thế bay qua bên trên. Chỉ đến khi tiếp cận chiếc chiến hạm, họ mới phát giác đó là mẫu hạm Mỹ mà họ đã cất công

tìm kiếm. Phi công máy bay trinh sát muốn hạ cánh khi ấy chắc hẳn đã rất hoảng sợ khi tưởng rằng đó chính là mẫu hạm phe ta.

Cuộc chiến của các phi đội cơ động tốc độ cao là thứ phiền hà đến mức đó. Mẫu hạm hai bên đều di chuyển với tốc độ cao, mỗi giờ xấp xỉ 50 cây số. Qua hai giờ đồng hồ thì khoảng cách giữa ta và địch đã lệch khỏi vị trí xa nhất là 200 cây số. Bởi thế, đội tấn công phe ta nhằm lẫn một khoảng cách lớn từ vị trí xuất phát khi trở về tàu sân bay là đương nhiên. Chính vì thế, nên mới có chuyện suýt hạ cánh nhằm vào tàu địch. Chắc hẳn tàu sân bay địch cũng rất kinh ngạc.

Cuối cùng, đội tấn công đó bay khỏi mẫu hạm địch trở về phe mình. Thực là một chuyện hài hước!

Sáng hôm sau, mẫu hạm của hai bên lại đưa đội trinh sát đi tìm mục tiêu. Khi gần hết nhiên liệu, máy bay trinh sát của tàu Shokaku mới tiếp cận hạm đội của địch, liền gửi thông báo. Ngay lập tức đội tấn công từ Shokaku và Zuikaku xuất phát, giữa đường thì gặp đội trinh sát đang trên đường trở về tàu. Máy bay trinh sát bèn quay đầu lại, dẫn đội tấn công phe ta đến vị trí tàu sân bay của địch. Máy bay trinh sát đã gần hết nhiên liệu, nên việc đó đồng nghĩa với việc bản thân họ không thể còn sống quay trở về.

Chiếc máy bay trinh sát đó là máy bay tấn công trên mẫu hạm kiểu 97, cơ trưởng là Hạ sĩ trinh sát Kanno Kenzo. Trên cùng chiếc phi cơ đó là phi công Nhất đẳng phi tào Goto Tsuguo, điện tín viên Nhị đẳng phi tào * Kishida Seijiro. Cả ba người họ vì mong đội tấn công của phe ta thắng trận nên đã không màng đến mạng sống của mình.

Ta xin lỗi, đến từng này tuổi rồi còn mau nước mắt. Đội tấn công thật sự đã không uổng phí sự hy sinh của nhóm Hạ sĩ Kanno. Họ đã tiêu diệt hoàn toàn hạm đội cơ động địch, đánh chìm Lexington và phá hỏng Yorktown.

Cùng lúc đó, Shokaku và Zuikaku cũng bị máy bay công kích của địch tấn công, nhưng nhờ uy lực dũng mãnh của Reisen yểm trợ nên máy bay ném bom và máy bay tấn công của địch hầu như đều bị bắn hạ. Shokaku bị

trúng ba phát pháo nhưng Zuikaku thì vẫn lành lặn. Khi đó, trong đội yểm trợ hạm Zuikaku có Iwamoto Tetsuzo, người sau này trở thành phi công át chủ bài của Nhật.

Mặc dù trận này thắng về chiến thuật nhưng lại thua về chiến lược, bởi mục đích ban đầu của Nhật là đánh chiếm cảng Moresby đã bị phá sản.

Nhiệm vụ của Hạm đội Không quân số Năm là hộ tống tàu vận tải của Hạm đội Lục quân. Nhưng sau cuộc chiến của các mẫu hạm, Đô đốc Inoue Shigeyoshi đã cho rút tàu vận tải về. Mặc dù Hạm đội cơ động địch đã rút về sau khá xa, nhưng ông vẫn lo lắng và cho ngưng chiến dịch. Quyết định này đã khiến mọi sự cố gắng của các binh sĩ ở tuyến đầu thành ra vô nghĩa. Vì vậy mà sau đó, trong kế hoạch đánh chiếm cảng Moresby, Lục quân chỉ mang theo lương thực cho một lượt đi, quyết thực hiện chiến lược cực kỳ liều lĩnh là vượt dãy Owen Stanley bằng đường bộ, khiến hàng vạn người hy sinh.

Dù sao, theo cách nhìn chiến lược thì ở Biển San Hô, trong trận chiến của các mẫu hạm, các phi đội đã không thua. Còn trong trận Midway lần này, Hạm đội Một và Hạm đội Hai tham chiến, mạnh hơn hẳn Hạm đội Năm nên chúng ta nghĩ không thể nào thua được.

Hạm đội Năm đã không tham gia trận Midway. Bởi trong trận Biển San Hô, họ đã bị tổn thất một số lượng lớn phi cơ và thành viên các phi đội. Tuy vậy, ta nghĩ điều này thật kỳ lạ. Hà có gì mà không bổ sung máy bay? Hay ít ra, chiếc Zuikaku còn nguyên vẹn vẫn có khả năng tham chiến đầy chứ. Ý định thực sự của Bộ Tư lệnh Hạm đội liên hợp là không sử dụng tất cả các mẫu hạm.

Về điểm này, quan điểm của quân Mỹ lại hoàn toàn khác. Chiếc Yorktown đáng ra cần một tháng để sửa chữa thì sau ba ngày sửa khẩn cấp họ đã kịp tham gia trận hải chiến Midway. Trong tàu vẫn còn nhiều công nhân đang sửa chữa. Bọn ta đã từng nghĩ người Mỹ rất thông dong, không có lòng can đảm, nhưng không phải vậy. Họ là những người rất có khí phách.

Quay trở lại trận Midway ngày 5 tháng Sáu. Sau khi trở về từ đợt không kích thứ nhất, ta đang ngồi nghỉ ở phòng chờ lệnh thì đột nhiên trên

boong bắt đầu tháo ngư lôi của các máy bay tấn công để thay bằng bom. Rõ ràng đã có quyết định vội vàng tấn công đảo Midway đợt hai. Cho đến lúc đó, các máy bay tấn công đều được trang bị ngư lôi nhằm tấn công chiến hạm, nhưng theo tình hình thám thính thì không có hạm đội cơ động địch ở xung quanh. Vì thế, chúng ta chuyển sang dùng bom để tấn công các căn cứ mặt đất. Bây giờ nghĩ lại, đó là sai lầm đầu tiên.

Ví von đơn giản là thay ngư lôi bằng bom không giống như thay một đôi giày. Phải tuân theo các trình tự như sau: đưa từng máy bay xuống khoang chứa bằng thang máy, tháo ngư lôi, gắn bom vào, sau đó lại dùng thang máy đưa lên boong. Toàn ngư lôi và bom cả nên không thể xử lý cầu thả được. Máy bay có mười mấy chiếc, thay xong chắc cũng phải mất hai giờ đồng hồ. Khi đó, có vài chiếc máy bay tấn công của địch tiến tới nhưng đội Reisen phòng vệ bên trên đã dễ dàng xua đi.

Khi vừa hoàn thành việc tái trang bị thì các máy bay trinh sát lại truyền tin phát hiện hạm đội cơ động của địch. Bọn ta nghĩ: “Mẫu hạm Mỹ đã đến rồi sao?” Nhưng giờ đây trên boong, các máy bay tấn công đều chỉ được trang bị bom tấn công mặt đất. Trớ trêu thay!

Đô đốc Nagumo lại ra lệnh thay bom tấn công mặt đất bằng ngư lôi. Chẳng có cách xử trí nào khác nữa! Không thể phá hay đánh chìm tàu của địch bằng bom tấn công mặt đất được. Mục tiêu của chiến lược Midway là thu hút mẫu hạm Mỹ rồi tiêu diệt một lần. Nếu đánh chìm được toàn bộ mẫu hạm Mỹ thì đồng nghĩa với việc không còn đối thủ trên Thái Bình Dương. Do đó, tuyệt đối phải tấn công bằng ngư lôi.

Tất cả lại đồng loạt tháo bom, trang bị ngư lôi, làm ngược lại các thao tác vừa hoàn tất. Ta nôn nao nhìn trình tự đó. Hạm đội cơ động địch chỉ còn cách 200 hải lý, nên bọn ta muốn tập trung tấn công lập tức. Nếu lúc này không tái trang bị thì đã có thể tấn công lâu rồi. Cảm giác lúc ấy bức bối không sao tả xiết. Và không biết tự lúc nào Miyabe đã đứng ngay cạnh ta.

“Sao trì trệ thế này chứ? Phải tấn công ngay chứ?” Miyabe nói, giọng không còn kiên nhẫn như mọi khi.

“Tấn công bằng bom thì sẽ không đánh chìm mẫu hạm được.”

“Dù không đánh chìm được cũng phải ra tay trước.”

“Phải đánh chìm tàu bằng được chứ? Nếu chỉ khiến nó bị thương và chạy thoát thì sẽ mất tất cả.”

“Như vậy còn tốt hơn là không làm gì.”

“Kế hoạch lần này là nhằm tiêu diệt mẫu hạm địch. Nếu để chúng thoát thì chẳng còn ý nghĩa gì nữa cả.”

“Nếu vậy tại sao lúc đầu lại thay ngư lôi bằng bom? Nếu mục tiêu quan trọng nhất là mẫu hạm, lẽ ra nên giữ ngư lôi rồi chờ tin phát hiện tàu địch chứ?”

Ta ghen lời, đúng là vậy. Chiến lược đảo Midway lần này là chiến lược hai mặt nên cần thận trọng trong chiến thuật.

“Không chừng đang thay bom thì địch đến.” Miyabe thì thầm như nói một mình. Thật ngớ ngẩn, lần đầu tiên ta nhận ra điều này. Ta chỉ biết nghĩ một chiều rằng chỉ có phe ta phát hiện ra hạm đội cơ động địch.

Lúc đó, dường như máy bay tuần tra trên không cần chi viện, phi đội trưởng ra lệnh cho Miyabe và vài phi công nữa bảo vệ trên không.

Miyabe nhẹ vẫy tay với ta, nói. “Tôi đi đây!” Rồi chạy về phía chiếc Reisen trên boong. Đó là lần cuối cùng ta nói chuyện với cậu ấy.

Nhóm Miyabe đã bay lên rồi mà việc trang bị ngư lôi vẫn chậm chạp chưa xong. Không biết khi nào địch sẽ phát hiện ra hạm đội của quân ta. Lần đầu tiên ta có cảm giác thấp thỏm khi không thể tấn công mà cũng không biết được địch đang ở đâu. Không tham gia vào đội tấn công mà ta đã cảm thấy bứt rứt đến thế, chắc hẳn các đồng đội trong đội tấn công còn nôn nóng hơn.

Đột nhiên có tiếng hét lên: “Máy bay địch!” Ta ngược nhìn lên, bên trái mạn tàu đội hình mười mấy chiếc máy bay của địch đang sà xuống, chỉ còn cách hơn 7.000 mét. Khi đó, đội bảo vệ trên không đã hướng về phía đó. Máy bay địch là máy bay phóng ngư lôi. Nếu bị trúng dù chỉ một quả, thì cũng là đòn chí mạng.

Sự căng thẳng và sợ hãi lan khắp người ta.

Nhưng Reisen như chó săn, tấn công và tiêu diệt toàn bộ máy bay địch chỉ trong vài phút. Quá ngoạn mục! Tuyệt đến nỗi bất giác các lính bảo trì trên tàu đồng loạt vỗ tay.

Khi đó ta nghe có tiếng hô: “Bên phải!”, quay lại thì thấy 8 chiếc máy bay ném ngư lôi đang tiến đến gần. Tuy nhiên, phía sau đã có 3 chiếc Reisen kèm cặp. Trước khi vào tầm tấn công chúng đã lần lượt bị bắn hạ. Cuối cùng chỉ còn lại 2 chiếc đã vút ngư lôi bỏ chạy nhưng cũng bị các Reisen tiêu diệt.

Thành viên các phi đội đang đợi lệnh trên boong đều ngưỡng mộ tài năng điêu luyện của đội Reisen. Phía sau, các máy bay phóng ngư lôi tấn công chiếc Kaga cũng bị đội bảo vệ bắn rơi tan tác.

Ta lại được chứng kiến uy lực của Reisen. À không, là chứng kiến tài năng của những chàng trai giữ cần điều khiển Reisen. Họ đúng là những anh hùng *Nhất tướng địch vạn quân*.

Cuộc chiến kéo dài liên tục gần hai tiếng. Máy bay địch đến tấn công có tất cả hơn 40 chiếc, gần như toàn bộ đều bị Reisen bắn hạ. Chúng ta hoàn toàn không bị trúng một quả ngư lôi nào.

Trong khi bị tấn công thì chúng ta vẫn tiếp tục nỗ lực tái trang bị ngư lôi. Đúng lúc đó, ta nghe một tiếng kêu thất thanh. Tiếng hét đó, suốt đời ta không thể quên được.

Có đến mấy chiếc máy bay ném bom đang đâm xuống. Ta tuyệt vọng nghĩ: “Không xong rồi!” Ta chỉ biết đứng ngây ra nhìn. Ta đã thấy bom rơi ra từ bốn chiếc máy bay đó. Sự việc chỉ xảy ra trong phút chốc, giống như cuốn phim quay chậm vậy. Bốn quả bom từ từ rơi xuống như đang giễu cợt. Âm thanh xé toạc bầu không khí như một tiếng cười nham hiểm. Có lẽ nó đang cười nhạo sự kiêu ngạo và sơ suất của chúng ta.

Trên sàn đáp vang lên tiếng hét cùng tiếng nổ lớn. Ta cũng bị thổi bay, va vào tháp chỉ huy. Nếu không có tháp chỉ huy chắc ta đã rơi xuống biển.

Ta nhìn boong tàu đang cháy, gần như mất nửa phần ý thức. Những chiếc máy bay cũng lần lượt bị thiêu rụi. Các phi công bị lửa đốt, văng ra khỏi ghế điều khiển. Máy bay không người điều khiển, cánh quạt vẫn còn đang quay bay loạn xạ, có chiếc bị va đập, có chiếc lao xuống biển. Trên boong hỗn loạn. Trong khoang chứa cũng liên tục phát nổ. Bom và ngư lôi đã bắt lửa. Mỗi lần phát nổ là con tàu rung lắc dữ dội. Nhìn về bên phải,

chiếc Kaga cũng đang bốc cháy. Phía sau, ta còn thấy bóng dáng một chiếc tàu sân bay nữa đang cháy. Trong phút chốc 3 chiếc mẫu hạm đã bị tiêu diệt.

Ta chạy xuống sàn phụ nhằm tránh sàn đáp chính đang cháy. Các phi hành đoàn Kanko cũng đang tập trung ở đó. Trên boong nhiều người đã bị thương, rất nhiều trong số đó bị mất tay, mất chân. Sàn nhuộm đỏ một màu máu như cảnh địa ngục. Từ trong khoang chứa tiếng nổ vẫn không ngừng vang lên. Bọn ta xách nước dập lửa, nhưng cũng chỉ như đã trảng se cát. Được một lúc, chúng ta không tạt nước nữa, hoàn toàn bất lực.

Ngọn lửa đốt cháy con tàu cao hàng chục mét, khói cũng bốc cao hàng trăm mét. Cả con tàu nóng như thiêu đốt. Cầu thang rùng rục đến mức giày nóng chảy, nếu vô ý dưng vào lan can chắc chắn sẽ bị bỏng nặng. Bọn ta đứng sững sờ ở sàn phụ, hoàn toàn bất lực.

Khi đó, ta thấy trên mũi tàu các thành viên thuộc Bộ Tư lệnh, trong đó có Đô đốc Nagumo, xuống một con thuyền nhỏ và rời tàu. Đến chỉ huy cũng đã rời bỏ Akagi, vậy là số phận của nó đã kết thúc rồi.

Ít lâu sau, xuồng của tàu khu trục đến để cứu bọn ta. Tất cả cùng leo lên đó, bỏ Akagi lại phía sau. Từ xuồng cứu hộ ta quay lại nhìn. Tàu Agaki giờ đã bị một ngọn lửa khổng lồ nuốt chửng. Trên đời lại có ngọn lửa khủng khiếp vậy sao? Dù đã rời xa hơn trăm mét, bọn ta vẫn cảm nhận được làn sóng nhiệt đó một cách rõ rệt.

Dù vậy, tàu Akagi vẫn không chìm. Bởi nó không bị trúng ngư lôi mà là trúng bom, cả con tàu bốc cháy nhưng không chìm. Nhưng như thế lại càng đau đớn hơn bởi cái chết kéo dài. Các thanh sắt bị nung đỏ rục rời tan chảy. Khói đen bốc lên hàng cây số.

Hai luồng khói đen giống như vậy nữa cũng bốc lên. Ba chiếc mẫu hạm đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

Ta bật khóc. Tất cả thành viên phi đội trên xuồng đều khóc.

Trên không, những chiếc Reisen bị mất mẫu hạm để quay về đang bay trong tuyệt vọng. Chắc Miyabe cũng nằm trong số đó.

Đó là trận Midway mà ta đã chứng kiến.

Sau chiến tranh, sự kiện đó nổi tiếng với tên gọi “Năm phút định mệnh”.

Người ta bảo rằng nếu có thêm năm phút trì hoãn, đội tấn công của phe ta có thể hoàn tất việc tái trang bị, toàn phi đội có thể cất cánh. Vậy nên, giả sử có bị ném bom cũng có thể tránh khỏi việc nổ bom trên sàn đáp chính, và có lẽ tàu sân bay đã không bị chìm. Và lại, phi đội của ta sẽ tấn công quyết liệt, có thể đánh chìm mẫu hạm địch. Vì thế, mọi chuyện đều do không may.

Nhưng những điều đó hoàn toàn là bịa đặt. Khi bị ném bom, việc tái trang bị vẫn đang được thực hiện. Bao lâu thì ta không biết, nhưng *năm phút* là không thể.

Lịch sử không có chuyện “giả sử”. Thất bại đó cũng không phải do đen đui. Nếu cố gắng tấn công nhanh hơn một chút thì chắc đã có thể cất cánh. Bom tấn công mặt đất cũng được hay bất cứ vũ khí nào cũng được, chỉ cần tấn công mẫu hạm địch trước thì hay biết mấy. Chính vì kiêu căng, chúng ta đã không làm như vậy.

Ngoài ra, máy bay phóng ngư lôi của Mỹ đến tấn công khi đó không có máy bay tiêm kích yểm trợ. Máy bay phóng ngư lôi mà không có máy bay tiêm kích yểm trợ là tự sát. Và sự thật là tất cả đã bị Reisen bắn hạ. Nhưng nghĩ về chiến thuật thì chúng chính là mồi nhử. Những chiếc Reisen phòng vệ tàu sân bay bị máy bay phóng ngư lôi làm phân tâm, lơ là cảnh giác trên không. Sau đó, máy bay bổ nhào ném bom mới đột nhập vào khe hở rồi tiêu diệt mẫu hạm.

Chuyện này có thể gọi là định mệnh, nhưng ta không nghĩ như vậy. Sau này ta mới biết, khi quân Mỹ phát hiện ra tàu sân bay Nhật, họ đã quyết định dù thế nào cũng phải lập tức tấn công. Dù chưa kịp chuẩn bị đủ máy bay chiến đấu, họ vẫn liên tục cử đi các máy bay đã sẵn sàng. Nghĩ về tâm trạng của những phi công máy bay phóng ngư lôi của Mỹ lúc đó, ta rất xúc động. Hẳn họ đã biết tấn công mà không có máy bay chiến đấu yểm trợ là như thế nào. Chắc rằng họ cũng đã biết rõ về sức mạnh của Zero. Chắc hẳn họ đã biết trước sẽ không thể sống sót quay về. Dù thế, họ vẫn dũng cảm xuất kích.

Sau đó, họ ra sức tấn công mẫu hạm của ta và lần lượt bị các Reisen bắn rơi. Tuy thế, đợt tấn công liều mình đó đã tập trung các máy bay bảo vệ mẫu hạm của ta ở tầm thấp, mở đường cho thành công của máy bay ném bom.

Ta nghĩ người chiến thắng thật sự trong trận Midway này là đội máy bay ném ngư lôi của Mỹ. Cũng như trong trận hải chiến Biển San Hô, đội trinh sát của ta dù biết hết nhiên liệu vẫn dẫn đường cho đồng đội, đội máy bay phóng ngư lôi của Mỹ lần này đã vì chiến thắng mà hy sinh.

Không chỉ có người Nhật mới biết hy sinh vì Tổ quốc. Chúng ta mong danh nghĩa là chiến đấu vì Thiên Hoàng, nhưng người Mỹ thì không vứt bỏ mạng sống của mình vì Tổng thống của họ được, phải không? Vậy họ chiến đấu vì điều gì? Chẳng phải vì Tổ quốc hay sao?

Mặc khác, sự thật thì người Nhật chúng ta chiến đấu không màng tính mạng vốn không hẳn vì Thiên Hoàng mà còn vì tinh thần yêu nước.

Trong trận chiến này, 4 mẫu hạm Nhật bị đánh chìm. Phía Mỹ chỉ bị đánh chìm một chiếc, chính là chiếc Yorktown bị hư hỏng nặng trong trận Biển San Hô mà Đề đốc Spruance ra lệnh sửa chữa tạm thời rồi cho tham gia ngay trận Midway dù thương tích đầy mình. Nhưng nó vẫn giáng cho những mẫu hạm Nhật một cú rồi mới chịu chìm xuống biển. Nó đúng là một hồn ma chịu chơi, phải không?

So với nó, chiếc Zuikaku cũng chiến đấu trong trận Biển San Hô, dù hoàn toàn vô sự, lại nằm nghỉ dưỡng thành thoi tại biển Seto... Trận Midway này từ sớm đã thua rồi.

Tuy nhiên, có một điều đáng khen ngợi cho phe ta. Đó là sự dũng cảm chiến đấu của tàu Hiryu, chiếc duy nhất tránh được đợt tấn công của địch. Sau khi 3 mẫu hạm bị tiêu diệt, Hiryu được dẫn dắt bởi Tư lệnh Hạm đội Không quân Hai, mãnh tướng Yamaguchi Tamon. Đúng như câu “Cô quân chiến đấu”, một mình nó chống chọi với 3 mẫu hạm địch, sống chết với Yorktown rồi bị đánh chìm. Thiếu tướng Yamaguchi cũng quyết chịu chung số phận với tàu của mình. Ông cũng là người đã phản đối kịch liệt quyết định tái trang bị ngư lôi của Đô đốc Nagumo và đề nghị phải cho tấn công

ngay. Trong trận Trân Châu Cảng, ông cũng là người đã quyết liệt xin tiến hành đợt công kích thứ ba.

Thêm nữa, phi đội trưởng đội công kích trên tàu Hiryu là Đại úy Tomonaga Joichi đã dũng cảm xuất kích bằng chiếc máy bay tấn công kiểu 97, dù nó đã bị bắn trúng thùng nhiên liệu, chỉ còn đủ nhiên liệu cho một lượt đi. Nếu trong thể thao thì sau khi kết thúc trận đấu, không chừng các phi công Yorktown và Hiryu có thể nảy sinh tình bằng hữu. Nhưng đây là chiến tranh, hai bên bắn giết lẫn nhau và cả hai mẫu hạm đều có rất nhiều người hy sinh.

Có ý kiến cho rằng, việc mất nhiều phi công giỏi trong trận Midway là cú đánh mạnh nhất vào Hải quân Nhật Bản. Điều đó không đúng. Các phi hành đoàn của 3 tàu sân bay bị đánh chìm đa số đều được cứu. Chỉ các phi công của tàu Hiryu chiến đấu đến cùng là gần như hy sinh cả.

Còn Miyabe ư? Có thể cậu ấy đã chiến đấu cho đến lúc cạn nhiên liệu và hạ cánh khẩn cấp khi đang trên biển. Hoặc giả cậu ấy đã đáp lên tàu Hiryu, sau đó tham gia tấn công Yorktown.

Dù sao, cậu ấy vẫn còn sống và trở về đất liền. Chỉ là, sau đó ta không lần nào gặp lại Miyabe nữa. Hình ảnh cuối cùng ta còn nhớ là khi cậu ấy cất cánh khỏi tàu Akagi. Ta nghe nói sau trận Midway, Miyabe và nhiều thành viên của phi đội đã được điều tới Rabaul.

Sau khi bị trận bom thổi bay, mắt ta bị tổn thương, thị lực hai mắt đều giảm xuống chỉ còn 2/10, không thể lái máy bay chiến đấu nữa. Ta trở về đất liền, làm giảng viên trong các khóa huấn luyện phi công dự bị. Nếu mắt không hỏng, chắc sau đó ta cũng được chuyển đến các nơi khác chiến đấu, và khó mà còn sống đến bây giờ. Nhiều thành viên của phi đội thuộc Rabaul đã hy sinh oanh liệt ở biển Solomon.

Solomon được xem là mồ chôn của các phi công. Từ sau giữa năm 1942, lệnh điều chuyển đến Solomon được gọi là tấm vé một chiều.

Ta nghe nói rằng Miyabe vẫn sống sót sau hơn một năm ở chiến trường khủng khiếp đó. Có thể nhờ tính nhát chết mà mạng sống của cậu ấy được kéo dài. Bởi bầu trời là nơi mà cái chết sẽ bắt đầu từ những người dũng cảm. Miyabe sẽ không hành xử như Hạ sĩ quan Kanno trong trận

chiến Biển San Hô, người đã dẫn đường cho đội tấn công phe ta và không bao giờ quay trở về nữa, hay như Đại úy Tomonaga xuất kích tấn công quyết tử trong trận Midway. Nhưng nhất chết không phải là lý do chính đáng để không bị lên án.

Tuy nhiên, ta chỉ nói một điểm này. Kỹ thuật lái máy bay của Miyabe là số một. Chính miệng ta nói ra thật là xấu hổ, nhưng việc được chọn vào Hạm đội Không quân Một vào thời đầu khai chiến là minh chứng cho một phi công thượng đẳng. Sau đó, ở chiến trường tàn khốc Guadalcanal mà vẫn có thể sống là bởi cậu ấy thật sự là một phi công tài giỏi.

Đá trong hai ly cà phê trước mặt đã tan hết. Tôi quên cả uống vì choáng ngợp với câu chuyện của cựu Trung úy Hải quân Ito Kanji. Đối với một đứa trước giờ hầu như không biết gì về trận chiến Thái Bình Dương như tôi, mọi thứ đều quá đổi kinh ngạc.

Cuộc chiến của các mẫu hạm cuối cùng lại chính là cuộc chiến giữa con người với nhau. Sự chênh lệch về lực lượng không phải là nhân tố quyết định thắng bại, mà chính lòng dũng cảm, sự quyết đoán, hơn hết, năng lực bình tĩnh phán đoán mới là nhân tố phân định thắng-thua, sinh-tử.

Ngay cả như vậy, những binh sĩ thời đó sống trong một thế giới mới tàn nhẫn làm sao. Sáu mươi năm trước, thực sự đã xảy ra một cuộc chiến như vậy. Ông ngoại cũng là một chiến sĩ trên chiến trường đó.

Ông Ito đã nói, ông ngoại tuy nhất chết nhưng lại là một phi công tài giỏi. Câu chuyện đó đã an ủi tôi phần nào.

“Miyabe đã mất trong cuộc tấn công cảm tử à?” Ông Ito đột nhiên hỏi.

“Ông cháu tử trận vào tháng Tám năm 1945, ngoài khơi quần đảo Nansei ạ.”

“Tháng Tám ư? Ngay trước khi chiến tranh kết thúc. Vậy là lúc đó ngay cả những phi công lão luyện như Miyabe cũng phải lái máy bay cảm tử.”

“Hiếm có phi công giỏi giàu kinh nghiệm nào tham gia đội quân cảm tử hay sao ạ?”

“Phần nhiều phi công hy sinh trong các cuộc tấn công cảm tử đều là những phi công trẻ, học viên của khóa huấn luyện dự bị. Hải Lục quân đã

chọn họ để đào tạo cấp tốc cho cuộc tấn công, đòi hỏi họ phải liều mình.”

Gương mặt ông Ito trở nên đau khổ.

“Ta cũng từng là người hướng dẫn, đào tạo các học viên dự bị. Hoàn tất đào tạo một phi công thật sự thì ít nhất phải mất hai năm. Nhưng huấn luyện bay cho họ thì chưa đầy một năm đã xong rồi. Đối với những phi công chỉ cần đào tạo để cảm tử thì như thế là đủ rồi phải không?” Mắt ông gần lệ.

“Thật khủng khiếp!” Tôi thốt lên.

“Đúng vậy. Dù vậy, chiến thuật cần đổi bằng mạng các phi công giàu kinh nghiệm bằng một đợt tấn công như vậy đúng là lãng phí. Các phi công lão luyện được giao nhiệm vụ hộ tống các máy bay cảm tử đến hạm đội của địch. Hơn nữa, họ còn có nhiệm vụ phòng không trên lãnh thổ. Tuy nhiên, khi thất bại đã không thể tránh khỏi vào giai đoạn cuối của cuộc chiến, trong không khí “Một trăm triệu người quyết tử cho vinh quang” *, thì nhất định cũng có lệnh xuất kích cảm tử dành cho những người kỳ cựu như Miyabe.”

Lần đầu tiên tôi đã có thể hiểu được một chút sự bất mãn của ông ngoại. Chiến đấu suốt từ cuộc chiến tranh Trung Nhật, rốt cuộc lại bị dùng một lần rồi vứt trong cuộc tấn công cảm tử. Ông ngoại, người vốn yêu mạng sống đến thế đó, hẳn đã thất vọng đến độ nào.

“Cho cháu hỏi một câu được không ạ?” Tôi nói. “Ông cháu có từng nói là yêu bà cháu không ông?”

“Yêu ư? Cậu ấy chưa từng nói câu đó. Thời đại của bọn ta không dùng những lời yêu đương. Miyabe cũng thế. Nhưng cậu ấy từng nói: Vì vợ mình, tôi không muốn chết.” Ông Ito nhìn xa xăm, rồi nói tiếp. “Ở thời của bọn ta, câu nói đó chẳng phải có nghĩa là yêu hay sao?”

RABAUL

“Ngạc nhiên thật!” Chị Keiko thốt lên trong điện thoại.

Sau khi trở về từ Shikoku, tôi đã đưa chị chiếc máy ghi âm câu chuyện của ông Ito. Ngày hôm sau, chị gọi điện ngay cho tôi.

“Chị đã nghe hết một mạch.”

Giọng chị có chút phấn khởi, dường như rất vui mừng vì ông ngoại đã là một phi công thật sự xuất sắc, nhưng hơn thế, có lẽ việc ông ngoại rất yêu thương bà còn làm chị xúc động hơn.

Chị Keiko hỏi tối nay tôi có thể cùng dùng bữa với người bên tòa soạn mà chị làm việc được không.

“Anh ấy biết chuyện điều tra của chúng ta nên rất quan tâm và muốn mời chúng ta dùng cơm.”

Tôi chưa có dự định gì khác nên nhận lời ngay.

Địa điểm là khách sạn ở Akasaka. Khi tôi đến thì chỉ có mình chị, người của tòa soạn vì có việc bận nên sẽ đến muộn.

Tôi và chị vào nhà hàng trước, quyết định vừa ăn vừa chờ.

“Vậy là ông đã rất yêu thương bà.” Sau khi chọn món, chị nói giọng sôi nổi.

“Còn bà ngoại thì sao nhỉ?” Tôi hỏi.

Chị nhìn tôi, tư lự. “Bà rất yêu ông ngoại của chúng ta bây giờ, nên chị không thể hình dung việc bà đã từng yêu ai khác.”

Trong trí nhớ của tôi, bà với ông ngoại lúc nào cũng như hình với bóng. Trước mặt con cháu, bà cũng không ngại nũng nịu với ông, rất dễ thương. Mặc dù hơn ông vài tuổi nhưng thật sự không thể nhìn ra điều đó.

“Dù sao chúng ta cũng không biết được suy nghĩ trong lòng mọi người. Cũng có thể bà từng yêu ông Miyabe.”

Chị tôi gọi ông ngoại là “ông Miyabe”.

“Cuộc hôn nhân bốn năm, lại chỉ sống với nhau chẳng được mấy ngày, nên dù ông ấy tử trận có lẽ cũng không khó để quên.”

Lát sau, một người đàn ông cao lớn mặc âu phục bước vào. Đó là nhà báo Takayama Takashi. Anh ấy xin lỗi đã đến muộn, sau đó tỏ ý rằng có việc gấp nên không ở lại lâu.

Takayama có gương mặt hiền lành, 38 tuổi, nhưng trông trẻ hơn nhiều.

“Chắc cậu là Kentaro. Chị cậu đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong công việc.”

Takayama gọi một tách cà phê, gương mặt tươi cười thân thiện. Nghe chị bảo anh ấy là một gã có đầu óc nên tôi cứ nghĩ anh thuộc tuýp người đầy tự tin, nhưng không phải vậy, anh trông rất điềm đạm và hiền lành. Takayama nói năm sau là kỷ niệm sáu mươi năm kết thúc chiến tranh, nên tòa soạn có mấy dự án đặc san viết về thời hậu chiến. Vì thế khi biết chuyện điều tra về người ông đã hy sinh trong trận tấn công cảm tử, anh rất quan tâm.

“Tôi nghĩ trong đặc san về chiến tranh, Kamikaze là một đề tài nhất định phải nói tới.” Anh ấy nói. “Những người tham gia Kamikaze thật đáng thương.”

Gương mặt đượm buồn, bất giác anh nhắm mắt, khoanh hai tay trên bàn như đang mặc niệm.

“Tuy vậy, Kamikaze không chỉ xảy ra trong quá khứ. Qua vụ khủng bố 11 tháng Chín, có thể thấy tình trạng đánh bom tự sát giống như Kamikaze khi xưa đang bao trùm thế giới. Vì sao vậy chứ? Thật đau buồn!”

Anh khẽ thở dài rồi hơi vờn người, nói. “Tôi nghĩ để biết được điều đó, ta cần phải nghiên cứu những cuộc tấn công Kamikaze của Nhật Bản từ một quan điểm khác.”

“Anh định nói những tên đánh bom liều chết và cảm tử quân Kamikaze có cùng một cơ cấu tổ chức đúng không?”

Anh gật đầu trả lời tôi. “Nhìn lại lịch sử thế giới, chỉ có hai tổ chức tấn công cảm tử là Kamikaze khi xưa và những phần tử Hồi giáo cực đoan

đánh bom liều chết. Đây là chuyện hy hữu, nên người ta sẽ dễ cho rằng hai nhóm này có điểm chung nào đó. Và thật sự hai nhóm này rõ ràng có điểm chung. Bây giờ, báo chí Mỹ đang gọi các vụ khủng bố đánh bom liều chết là Kamikaze.” Takayama trả lời tôi, nhưng ánh mắt lại không rời khỏi chị.

Ý kiến về sự giống nhau giữa đội cảm tử quân và khủng bố mà trước đây chị từng *nghe theo lời ai đó* thì ra là của anh ta. Sau đó, tôi tra cứu trên Internet cũng thấy có không ít những lời khẳng định “Tấn công cảm tử là khủng bố”. Dường như đây không phải là một quan điểm hiếm gặp. Vài phát thanh viên nổi tiếng trên tivi cũng từng phát ngôn như thế. Thật đáng tiếc, đối với kẻ hoàn toàn không biết gì về đội cảm tử quân như tôi thì đó lại là vấn đề tôi không thể phủ định hay khẳng định.

“Khi đọc hồi ký của các thành viên đội quân cảm tử, tôi biết rằng nhiều người đã hy sinh tính mạng của mình với tinh thần tử vì đạo mang tính tôn giáo. Có người viết rằng ngày xuất kích là một ngày vui lớn. Tuy nhiên, đó không phải là việc đáng ngạc nhiên. Nhật Bản trước chiến tranh là đất nước của các vị thần, bị chi phối bởi sự hiện thân của thần linh, nên việc có nhiều người trẻ vui mừng được chết vì đất nước là đương nhiên.” Takayama cúi mặt, hướng mắt nhìn xuống. “Đây rõ ràng là tinh thần tử vì đạo. Chính điều này là điểm chung với hành động khủng bố đánh bom liều chết của các phần tử Hồi giáo cực đoan hiện tại.”

Lập luận của Takayama rất chặt chẽ nhưng tôi lại không thể chấp nhận tất cả. Có lẽ bởi tôi không muốn thừa nhận rằng ông mình cũng là một tên khủng bố.

Anh ấy dò hỏi chị. “Hình như ông ngoại của cô cũng là phi công của đội quân Kamikaze?” Keiko gật đầu.

“Biết chuyện của ông ngoại cô mà lại nói những lời thế này, thật không phải nhưng...”

“Không sao. Anh cứ nói.”

“Tôi nghĩ những phi công tấn công cảm tử là những người yêu nước cuồng nhiệt, cả đời nguyện hiến dâng mạng sống cho Tổ quốc và Thiên hoàng.”

Chị gật đầu, nhưng tôi phản biện.

“Ông của chúng tôi là một người quý trọng sinh mạng, là một người của gia đình.”

“Thời đại nào cũng có tình yêu gia đình. Nhưng trước chiến tranh, nhiều người chịu ảnh hưởng tư tưởng của nền giáo dục rằng Thiên hoàng là hiện thân của thần linh. Dù vậy, đó không phải lỗi của ông ấy. Đó là lỗi của thời đại.”

“Tôi nghĩ ông ngoại chúng tôi không xem trọng Thiên hoàng hơn gia đình đâu.”

Takayama gật đầu, đưa ly cà phê lên miệng.

“Cậu không hiểu về thời đại đó rồi, Nhật Bản trước chiến tranh là quốc gia cuồng tín. Nhiều quốc dân đã bị quân đội tẩy não, họ cảm thấy việc chết vì Thiên hoàng dẫu có gian khổ thế nào cũng không màng, thậm chí còn vui sướng. Phóng viên chúng tôi xem việc không để đất nước này rơi vào thứ tư tưởng đó lần thứ hai là sứ mệnh của mình.”

“Nhưng sau chiến tranh tôi cũng chưa từng nghe bà mình tung hô Thiên hoàng. Hơn nữa, gia đình cũng chẳng dạy chúng tôi rằng Thiên hoàng là một người vĩ đại.”

“Đó là nhờ việc tẩy não đã được xóa bỏ. Tôi nghĩ rằng nhiều nhà tư tưởng sau chiến tranh và các phóng viên đàn anh của tôi đã thức tỉnh quốc dân. Tôi trở thành nhà báo cũng vì muốn noi gương những người đi trước đó. Và giờ đây, tôi đặt việc đó làm mục tiêu của mình.”

Takayama nói, nụ cười có chút e dè, tỏ vẻ mình đang rất thành thật. Chị tôi nhìn anh ta đầy tin tưởng.

Đầu tôi vang vọng những lời nói của Takayama. Có thể anh ta đúng nhưng lòng tôi vẫn rất hoang mang. Tại sao thì tôi không rõ.

Suy nghĩ một lát, tôi nói.

“Tôi không nghĩ người Nhật và các phần tử Hồi giáo cực đoan lại giống nhau.”

“Tôi không nói là toàn bộ người Nhật. Tôi chỉ đang nói về điểm chung của cảm tử quân và những tên khủng bố đánh bom liều chết.”

“Thế thì, anh nghĩ cảm tử quân là những thành phần cá biệt sao?”

Takayama nghiêng đầu. “Ý cậu là sao?”

“Cảm tử quân có phải là những người cá biệt như vậy không ư? Theo tôi, không phải vậy. Họ cũng giống những người bình thường, có điều nhiệm vụ của họ là phi công, phải vậy không?”

Takayama nhắm mắt, im lặng một chút.

“Đây là vấn đề cơ bản. Cảm tử quân là những binh lính tự nguyện. Họ không bị quân đội bắt nhập ngũ, hay bị đẩy ra chiến trường theo lệnh triệu tập bằng Giấy đỏ thông thường. Nếu Kamikaze do những người lính nghĩa vụ thực hiện thì ta sẽ nhìn ở một góc độ khác. Nhưng toàn bộ không quân thời đó là quân nhân tình nguyện. Cả những học viên dự bị, lẫn những thiếu niên phòng không. Nếu nói theo cách đó, thì tất cả cảm tử quân đều là những người mong muốn làm quân nhân, mong muốn được chiến đấu.”

Là vậy sao? Tôi thầm nghĩ.

“Ông ngoại cậu 15 tuổi đã gia nhập Hải quân phải không? Vậy không phải là đi nghĩa vụ quân sự mà là tình nguyện rồi.” Trước khi tôi kịp trả lời, chị đã chen vào.

“Ý anh muốn nói rằng tinh thần ban đầu của lính nghĩa vụ và lính tình nguyện là khác nhau đúng không? Rằng các quân nhân tự nguyện có xu hướng chấp nhận tham gia đội quân cảm tử.”

“Đúng vậy đấy, cô Saeki. Tuy nhiên, cũng không hoàn toàn khác nhau, chỉ là những người lính tự nguyện ngay từ đầu đã sẵn lòng hy sinh vì Tổ quốc lớn hơn những người bình thường.”

Những chuyện Takayama đang nói một điều có lý hai điều cũng có lý. Đúng là không thể đánh đồng lính nghĩa vụ và lính tình nguyện.

Ngay từ đầu, tại sao ông lại gia nhập Hải quân chứ?

Ông Hasegawa vì chạy trốn hiện thực, ông Ito thì vì mơ ước làm phi công nên gia nhập Hải quân. Chắc ông ngoại cũng là một thiếu niên mong ước trở thành phi công chẳng?

“Mặt khác, tôi có một chuyện muốn nhờ cậu Saeki. Tôi có thể viết bài về hành trình tìm hiểu ông ngoại của cậu lần này được không?”

“Chuyện của tôi sao?”

“Chị của cậu cũng được, nhưng tôi nghĩ viết về một chàng trai trẻ thì tốt hơn. Hình thức thế nào thì tôi vẫn chưa quyết định, nhưng tôi nghĩ

chuyện một người trẻ vốn không biết về chiến tranh lại đi thăm hỏi những cựu chiến binh, tìm về dấu vết của người ông đã mất trong cuộc tấn công cảm tử sẽ là một đề tài mang ý nghĩa rất sâu sắc.”

“Chuyện này...” Tôi định từ chối.

“Như vậy chẳng tốt sao, Kentaro?” Chị tôi xen vào.

“Để tôi suy nghĩ thêm.”

“Đương nhiên rồi. Cậu cứ từ từ suy nghĩ.”

Sau khi Takayama ra về, tôi nói với chị. “Chuyện này là sao chứ? Dùng chuyện của em làm dự án. Ngay từ đầu, mục đích là vậy à?”

“Không phải đâu. Hôm nay anh Takayama mới nói thế. Có lẽ anh ấy nghe chuyện của chị nên chợt nghĩ ra.”

“Anh chàng đó mê chị.”

Keiko không phủ định. Chị tôi từ xưa đã được nhiều người yêu mến. Năm nay 30 tuổi nhưng nhìn chị trẻ hơn tuổi nhiều, vẫn là một cô gái xinh đẹp.

“Anh chàng đó còn độc thân à?”

“Ừ, anh ấy đã ly dị.”

Theo như chị nói, anh Takayama và chị mới chỉ quen biết nhau hồi đầu năm nay qua công việc, nhờ sự giới thiệu của anh ấy mà chị đã được nhân viên viết báo cho tuần san của tòa soạn. Người lên tiếng đề xuất dự án sáu mươi năm kết thúc chiến tranh cũng là anh ta.

“Vì mê chị nên anh ta làm cho chị nhiều thứ quá nhỉ.”

“Em đừng nói kiểu đó.”

“Vậy chị thì sao? Chị có thích anh ta không?”

“Chị không biết. Cũng không ghét, chị nghĩ anh chàng này khá được.”

“Chị bị anh ta theo đuổi rồi à?”

“Khá tích cực đấy.” Chị cười. “Nhưng chị không thấy khó chịu về việc tích cực theo đuổi của anh ấy. Hơn nữa, cũng đã đến tuổi phải ổn định, nên chị nghĩ nếu là đối tượng để kết hôn thì cũng không cần gì hơn.”

“Chị có vẽ tính toán trong hôn nhân quá đấy.”

“Đối với đàn ông, dù kết hôn với ai thì cuộc sống cũng không có sự khác biệt gì lớn. Nhưng với phụ nữ, đó là cả một sự khác biệt, đặc biệt là về

sự nghiệp. Kết hôn với người đàn ông thế nào cũng sẽ quyết định thu nhập và cuộc sống cả một đời. Chọn lựa cẩn thận thì gọi là tính toán sao?” Chị lộ vẻ khó chịu.

Tôi xin lỗi và chị cũng nói luôn. “Thôi được rồi. Chị cũng vô cơ nổi nóng. Xin lỗi nhé.”

“Những cô gái chưa kết hôn, bao gồm cả chị, có thể gọi là tự do. Giả sử có chuyển công tác cũng không thể hiện trên sổ hộ khẩu, nhưng nếu ly hôn thì sẽ là trở ngại lớn trong công việc đấy.” Keiko cười nói, nhưng gương mặt đượm chút buồn.

Cuối tuần đó, tôi và chị đến thăm cựu Chuẩn úy Không lực Hải quân, ông Izaki Genjiro.

Ông Izaki đang nằm tại bệnh viện Đại học Y thành phố. Chúng tôi nhận được liên lạc từ con gái của ông. Lần này, tôi đã quyết định cùng đi phỏng vấn ngay từ đầu. Bởi sau khi nghe câu chuyện của ông Ito, tôi bắt đầu có hứng thú với cuộc điều tra về ông ngoại.

Khi chúng tôi đến bệnh viện, người phụ nữ trạc ngũ tuần, con gái ông Izaki đã chờ tại sảnh. Bà nói, “Tôi là Emura Reiko, con gái ông Izaki.” Rồi bà quay sang giới thiệu chàng trai trẻ đứng bên cạnh. “Đây là con trai tôi.”

Thằng nhóc kiêu ngạo hất cằm. Đó là một thanh niên khoảng 20 tuổi, tóc nhuộm vàng, mặc áo Aloha * sắc sỡ, tay phải cầm mũ bảo hiểm mô tô in tên một nhóm đua xe nào đó.

“Sức khỏe bố tôi không được tốt nên không thể nói chuyện lâu. Xin đừng khiến ông quá sức.” Bà nói. “Chuyện về ông Miyabe tôi cũng từng nghe bố kể qua. Bố tôi nói ông ấy vẫn còn sống đến bây giờ là nhờ ơn ông Miyabe.”

“Thật vậy ạ?”

“Con chưa từng nghe chuyện này.” Thằng nhóc lắc các xen vào, nhưng cô Emura lờ nó đi.

“Khi biết có tin tức từ cháu ông Miyabe, bố tôi đã rất kinh ngạc.”

“Hình như tối qua ông khóc cả đêm. Hộ lý bảo thế.” Thăng nhóc lại chen vào.

“Vì tình trạng sức khỏe khá xấu nên bác sĩ dặn đừng để ông quá xúc động. Nhưng bố tôi không nghe, bảo rằng dù thế nào cũng phải gặp.”

“Chúng cháu thật có lỗi quá!”

“Thực ra, bố tôi muốn cho thằng cháu ngoại cùng nghe, nên nếu con trai tôi vào cùng, sẽ không phiền gì chứ?”

“Dạ đương nhiên ạ.”

“Sao phiền phức vậy chứ?” Thăng nhóc lăm lăm nhưng không lọt vào tai bà mẹ.

Phòng bệnh là phòng cá nhân, bước vào đã thấy ông lão gầy gò ngồi kiểu Seiza trên giường. Khi thấy thế, bà Emura hốt hoảng.

“Bố à, ngồi thế có được không?”

“Không sao.” Giọng ông lão rất có lực. Ông cúi đầu nói với tôi và chị. “Ta là Izaki Genjiro.”

“Chúng cháu làm phiền ông rồi, xin thứ lỗi ạ.”

Ông Izaki xin lỗi vì tiếp chúng tôi trong bộ đồ bệnh viện, rồi chăm chú nhìn gương mặt của tôi và chị.

“Ta chưa từng nghĩ rằng sáu mươi năm sau khi chiến tranh kết thúc, các cháu của Miyabe lại đến thăm ta.”

“Ba mươi năm sau khi ông ngoại mất cháu mới ra đời ạ.” Chị tôi nói.

“Nghe nói Miyabe tử trận trong cuộc tấn công cảm tử phải không?”

“Vâng ạ.”

Ông Izaki nhắm nghiền mắt lại.

“Nhận được liên lạc từ các cháu, một tuần nay, ta nhớ lại rất nhiều chuyện của Miyabe, nhớ lại thời chinh chiến sáu mươi năm trước.”

Sau đó, ông quay sang thằng cháu. “Seiichi, cháu hãy cùng nghe đi.”

“Chuyện này chẳng liên quan gì tới cháu.”

“Không liên quan. Nhưng ta nhất định muốn cháu phải nghe.”

Seiichi phẩy tay, ra bộ “Biết rồi.” Ông Izaki quay lại phía tôi, chỉnh lại tư thế ngồi một lần nữa.

“Ta đã gặp Miyabe ở Rabaul.”

Ông Izaki bắt đầu câu chuyện.

Sau khi hoàn thành khóa huấn luyện bay ở Yatabe, Ibaraki, đầu tiên ta được phân vào Phi đội Tainan. Đó là vào tháng Hai năm 1942, tính theo âm lịch thì ta 20, dương lịch cũng đã hơn 18.

Sau khi tốt nghiệp trường tiểu học nâng cao, ta làm việc tại một nhà máy dệt địa phương, 15 tuổi thì gia nhập Hải quân. Năm đầu ta làm pháo thủ của thiết giáp hạm Kirishima, nhưng rồi nghe tin có đợt tuyển không quân từ lính thủy, nên ta tham dự kỳ thi thao luyện và trở thành phi công.

Tại sao ta lại gia nhập Hải quân ư? Thời đó, con trai đủ 20 tuổi sẽ bị gọi nhập ngũ, ta nghĩ nếu đăng nào cũng phải vào quân đội thì vào Hải quân sẽ tốt hơn. Hơn nữa, làm việc ở nhà máy dệt lương rất thấp, công việc nặng nhọc, lại không có tương lai. Theo cách nhìn bây giờ, vì thế mà tình nguyện xin vào quân đội, sống nay chết mai, chắc là rất lạ lùng nhỉ? Nhưng ở thời đó lại là bình thường. Bây giờ nghĩ lại, lý do gia nhập Hải quân của ta chính là sự nghèo khổ.

Cuộc chiến chống Mỹ đã bắt đầu từ tháng Mười hai năm trước. Ở phi đội Yatabe, ta đã được nghe chuyện Trân Châu Cảng. Sau đó, ta được cử đến căn cứ Clark tại Philippines. Đó là căn cứ không quân của Mỹ, nhưng ngày thứ hai sau khi khai chiến, các máy bay ở đó đều bị Phi đội Tainan tiêu diệt, sau đó bị quân Nhật chiếm đóng. 34 chiếc Reisen của Phi đội Tainan gần như đã bắn hạ cả 60 chiến cơ của Mỹ. Phe ta chỉ bị thiệt hại một chiếc.

Khi ta đến Philippines, quân Mỹ đã bị quét sạch, khung cảnh hoàn toàn bình lặng. Phi đội Tainan toàn các chiến binh kỳ cựu, chỉ riêng ta là còn non nớt. Khi đó, cấp bậc của ta là Nhất đẳng binh *. Trong Hải quân phân ra các quân hàm tuần tự là binh sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan.

Vừa đến căn cứ Clark, một hạ sĩ quan đã bảo ta. “Tập không chiến nào!” Nói vậy nhưng cũng chỉ là diễn tập không chiến, đánh bọc hậu đối phương như trận không chiến thật.

“Ta đã lâu không tham gia thực chiến, muốn thử làm đối thủ của chú mày.”

Hạ sĩ quan đó nói, nhưng ta hiểu ý là hãy học theo kỹ thuật của anh ta.

“Vậy xin nhờ anh lần này!”

Tuy khiêm tốn nói thế nhưng thật sự ta rất tự tin vào khả năng diễn tập không chiến của mình. Ở Yatabe, ta cũng thuộc diện nhất nhì. Ta đã nghĩ sẽ cho các bậc đàn anh biết thằng lính mới này cũng không tệ đâu.

Trong cuộc không chiến, ta bắt đầu từ vị trí ưu thế, giống như được chấp một nước trong một trận đấu vây. Người ở độ cao lớn hơn thì có lợi thế áp đảo.

Ta từ trên cao đâm xuống, tức thì đối phương phải bỏ trốn. Tuy nhiên lợi thế của ta cũng không thay đổi, dùng tốc độ để nuốt chửng đối phương. Đối phương lại định lộn nhào bỏ chạy. Ta vẫn theo sát. Nhưng ngay sau đó, phi cơ đối phương vụt mất khỏi tầm mắt. Chuyện này lần đầu tiên xảy ra với ta. Không thấy phi cơ đối phương đâu cả, ta ngoảnh lại phía sau dè chừng.

Anh ấy bay ngang ta, mở kính chắn gió, ra hiệu thử thêm một lần nữa. Ta lại bắt đầu từ vị trí ưu thế, nhưng kết quả vẫn vậy. Ta vẫn theo sát nhưng không biết từ lúc nào đối phương đã ở phía sau ta.

Anh ta lại ra hiệu tiếp tục thử. Nhưng rồi lần này cũng chỉ sau vài phút, ta đã bị bọc phía sau.

Khi trở về cứ địa, đám hạ sĩ quan cười nhạo ta. “Tài nghệ như thế, dù có mấy cái mạng cũng không đủ đâu.” Đối thủ của ta lúc này là Tam đẳng phi tào Hayashi, hơn ta một năm.

“Tôi đã về đây.”

“Tam đẳng phi tào Hayashi tài nghệ thật phi thường.” Ta thành thật nói.

“Ta ấy à, vẫn là tên tệ hại nhất trong Phi đội Tainan đấy. So với Chuẩn úy Miyazaki và Nhất đẳng phi tào Sakai thì ta chẳng so sánh được.”

“Vậy sao?”

“Núi cao còn có núi cao hơn mà.”

Tam đẳng phi tào Hayashi cười rồi vỗ vai, khiến ta mất hết tự tin.

Điều khiển máy bay không đơn giản như xe hơi, xoay cần điều khiển là quay được. Trong pha xoay vòng phải sử dụng bàn đạp làm nghiêng thân máy bay, xử lý bánh lái cũng phải kết hợp với tốc độ. Không chỉ bay ngang mà còn có cả những chuyển động thẳng đứng. Ta đã từng rất tự tin về thao luyện, nhưng kỹ thuật của một phi công thượng đẳng thật quá sức tưởng tượng. Sau này các tiền bối cũng diễn tập không chiến cho ta rất nhiều, hoàn toàn khác hẳn như diễn tập ở Yatabe. Ta tự hỏi đây có phải tập huấn thực chiến không? Ta ra sức rèn luyện, sở dĩ ta có thể sống sót trong chiến tranh như vậy, phần lớn là nhờ vào sự huấn luyện tận tình của các bậc tiền bối khi đó.

Mặc dù gọi là tiền bối nhưng họ chỉ mới ngoài 20 tuổi. Hạ sĩ quan thâm niên nhất là Nhất đẳng phi tào Sakai Saburo khi đó cũng chỉ 25 tuổi. Nhưng ta tôn trọng họ như bậc cha chú. Bây giờ nhìn lại, tất cả mọi người thật trẻ trung.

Khoảng thời gian đó, hạm đội cơ động Nagumo lần lượt xâm chiếm các đảo phía Nam. Tại những nơi này, Hải quân tạo lập các căn cứ tấn công, sau đó lần lượt đưa các Phi đội máy bay trong nước ra những căn cứ đó.

Chẳng mấy chốc đã có lệnh xuất tiến Phi đội Tainan đến Rabaul. Rabaul thuộc đảo New Britain bên dưới xích đạo, đông bắc New Guinea. Thời đó gọi là đảo Rabor, nơi chúng ta vừa chiếm được vào tháng Hai năm 1942, cách Nhật Bản 6.000 cây số. Vì vậy, đây là cứ địa tuyến đầu của Nam Thái Bình Dương.

Chúng ta đến Rabaul bằng tàu vận tải Komaki Maru vào mùa xuân 1942. Ta còn nhớ cảm giác trơ trọi khi đến Rabaul. Trong chuyến đi có tin chúng ta bị tàu ngầm bám đuôi. Theo hộ tống tàu vận tải chỉ có một chiếc tàu săn tàu ngầm loại nhỏ. Vì thế ta nghĩ, nếu tàu ngầm địch tấn công thật thì khó mà thoát được. Tàu vận tải ngay sau hôm đến Rabaul đã bị chìm do trúng bom của máy bay địch. Tên chiếc tàu ấy sau này được đặt tên cho bến tàu Komaki.

Sau này ta nghĩ, nếu chiếc Komaki bị đánh chìm trong chuyến đi, thì Phi đội Tainan, không, là Hải quân Đế quốc, ắt sẽ bị một đòn đau. Không

thể nói bị mất các phi công chiến đấu ưu tú cùng một lúc là tổn thất lớn đến độ nào. Trong khi đó, phần lớn các tàu của Hạm đội liên hợp đều neo đậu an toàn ở đảo Truk, điều động một hoặc hai chiếc tàu khu trục vòng quanh bảo vệ phi công chẳng phải tốt hơn sao. Chắc hẳn các vị chỉ huy trên cao nghĩ rằng phi công là thứ muốn bao nhiêu cũng thay thế được.

Rabaul là một hòn đảo xinh đẹp. Mặt biển xanh trong nhìn như xuyên thấu tận đáy. Bên bờ biển là những hàng cọ rậm rạp, xa xa có thể nhìn thấy bóng dáng của núi lửa.

Trước chiến tranh có một thị trấn cổ gần sân bay, vẫn còn sót lại nhiều ngôi nhà mà người phương Tây từng sống. Nhưng ngoài thị trấn đó ra, hòn đảo gần như được thiên nhiên bao bọc. Gọi là sân bay nhưng nó giống một bình nguyên rộng lớn. Khi bọn ta đến thì vẫn chưa có máy bay, chỉ có vài chiếc thủy phi cơ trong vịnh. Tại Rabaul có một cảng tự nhiên, sau này trở thành nơi neo đậu tàu thuyền.

Ta thấy như mình vừa đặt chân đến chốn thiên đường của Nam Hải vậy. Dù nằm mơ ta cũng không thể nghĩ rằng vùng đất này sau sẽ được gọi là mồ chôn các phi công.

Sau đó, Reisen được chuyển đến bằng Kasuga Maru, chiếc tàu được cải tạo thành tàu sân bay. Bọn ta đã đi nhận những chiếc phi cơ đó. Lần đầu tiên trong đời ta được trải nghiệm việc cất cánh từ tàu sân bay. Việc đó dễ dàng hơn ta tưởng.

“Tàu sân bay cũng không phải thứ ghê gớm lắm.” Khi trở về Rabaul ta nói với một tiền bối hạ sĩ quan.

“Những lời đó hãy để dành sau khi hạ cánh hăng nói.” Anh ta lập tức trả lời gay gắt.

Khi đó ta nghĩ, chắc anh ta chỉ đang cố ra vẻ đàn anh thôi. Thế nhưng không lâu sau, khi trở thành thành viên phi đội mẫu hạm, ta mới được nếm trải sự kinh hãi của việc hạ cánh trên tàu.

Sau đó, bọn ta di chuyển từ Rabaul sang căn cứ xa hơn về phía Nam là Lae thuộc Guinea. Đây cũng là căn cứ tiến công đánh chiếm cảng Moresby thuộc New Guinea. Rabaul cách Moresby hơn 400 hải lý, dù với Reisen, đó cũng là một quãng đường gian nan. 400 hải lý tương đương với 700 km.

Lae còn hoang vắng hơn cả Rabaul. Trước chiến tranh, nơi này từng có một thị trấn nhỏ của người Úc. Cuộc tấn công của quân ta vừa diễn ra đã đốt cháy gần như cả thị trấn. Tuy vậy, sau đám cháy vẫn sót lại vài gian nhà. Phi hành đoàn bọn ta kê vài chiếc giường đơn giản vào các căn nhà đó làm nơi ở.

Cảng Moresby nằm ở phía Nam dãy Owen Stanley, cũng thuộc New Guinea. Bọn ta ngày ngày yểm trợ cho các Chuko, vượt biển đánh chiếm Cảng Moresby. Chuko là loại máy bay ném bom tầm trung hai động cơ. Vào lúc đó, chủ lực là máy bay ném bom từ căn cứ mặt đất kiểu số Một có bảy người ngồi. Hạm đội không quân chủ lực ở Cảng Moresby là máy bay Anh-Mỹ. Ở đó, bọn ta giao chiến với máy bay chiến đấu của Anh-Mỹ gần như hằng ngày.

Lần đầu tiên ta được trải nghiệm thực chiến là khi đảm nhiệm vị trí thứ ba của Tiểu đội Ba trong một trận không kích Cảng Moresby. Khi đó, tiểu đội máy bay chiến đấu của Nhật tổ chức theo đội hình ba chiếc, trong đó tiểu đội trưởng sẽ cùng hai chiếc phi cơ chiến đấu. Nhiệm vụ của ta là khống chế không phận của căn cứ địch.

Trên bầu trời Moresby, tiểu đội trưởng đột nhiên xoay vòng gấp, chiếc thứ hai cũng xoay theo gần như cùng lúc. Ta hoảng hốt bám theo, nhưng chiếc thứ hai di chuyển quá nhanh, chẳng mấy chốc ta đã bị bỏ lại. Toàn trung đội bắt nhịp chuyển động rất gấp. Ta hoàn toàn không hiểu tại sao lại phải di chuyển nhanh đến mức đó. Tuy nhiên, ta chỉ có thể đuổi theo tiểu đội trưởng. Thời đó, trên chiếc Reisen có trang bị máy điện đàm, nhưng nó là thứ hoàn toàn vô dụng. Bọn ta chiến đấu bằng tâm ý tương thông nhưng cũng có giới hạn. Nếu lúc đó có điện đàm tốt thì có thể chiến đấu thoải mái rồi đúng không?

Máy bay của tiểu đội trưởng và chiếc máy bay số hai cứ bay lên bay xuống. Ta gắng sức đuổi theo. Sau vài phút, cuối cùng đã vào đường bay ngang. Sau mọi nỗ lực ta đã bắt kịp tiểu đội.

Ta trở về căn cứ địa mà vẫn chưa hiểu chuyện gì xảy ra, sau đó mới được biết ở đó đã nổ ra trận không chiến đầu tiên giữa ta với địch.

Ta rất kinh ngạc, bởi ta đã không thấy bất cứ một chiếc máy bay địch nào. Khi hỏi tiểu đội trưởng mới biết có hơn 10 chiếc máy bay địch bị bắn hạ. Vì vậy, tiểu đội trưởng và chiếc số hai đã bắn một chiếc. Việc đó khiến ta sững sờ.

Trong cuộc chiến, phe ta đã bắn hạ toàn bộ hơn 10 chiếc máy bay địch. Ta gần như suy sụp vì không hề thấy máy bay địch vậy mà đã có một trận không chiến sao.

Nhưng hạ sĩ Hayashi an ủi rằng. “Lần đầu ta cũng hoàn toàn không thấy máy bay địch.”

Thật phi thường, lần không chiến thứ hai ta đã thấy rõ quân địch. Khác hơn trận đầu rồi đấy chứ? Tân binh nếu không bị bắn hạ trong trận không chiến đầu tiên, chắc sẽ sống sót được khá lâu đấy. Cuộc không chiến lần thứ hai cũng diễn ra trên bầu trời Cảng Moresby.

Đó là cuộc không chiến với máy bay chiến đấu địch đánh chặn, khi đó mắt ta đã thấy đội hình của quân địch. Nhưng trước khi xuất kích, tiểu đội trưởng Ono đã căn dặn gắt gao. “Tuyệt đối không được bỏ đội hình.” Vậy nên ta nghiêm chỉnh bám theo phi cơ của tiểu đội trưởng.

Đột nhiên, nó biến thành một cuộc hỗn chiến. Đạn đánh dấu của súng máy bay loạn xạ, ta cũng thấy những chiếc máy bay rơi nhưng không rõ đó là quân ta hay quân địch. Dù sao ta cũng nỗ lực theo sát tiểu đội trưởng. Đạn đánh dấu là loại đạn cháy khi bay, trong bốn phát đạn súng máy sẽ có một phát đạn đánh dấu. Vì nó vừa bay vừa phát sáng nên có thể xác định được đường đạn, nhờ đó phi công sẽ có thể điều chỉnh ống ngắm. Súng máy của địch cũng có đạn đánh dấu, trường hợp bị bắn cũng có thể thấy đạn đánh dấu bay về phía mình.

Ta đã thấy tiểu đội trưởng và chiếc phi cơ thứ hai bắn hạ một chiếc máy bay địch. Tiếp đó tiểu đội trưởng lại bắn hạ thêm một chiếc. Trông thấy cảnh bắn hạ ngoạn mục trước mắt, ý chí chiến đấu của ta cũng sôi sục. Ta cũng muốn tự tay bắn rơi máy bay địch. Nhìn lướt xung quanh, dưới góc phải 500 mét, ta phát hiện một chiếc. Ngay lập tức ta rời máy bay của tiểu đội trưởng để đuổi theo nó. Địch vẫn chưa phát giác và ta nghĩ mình có thể bắn hạ được.

Toàn thân ta cứng đờ vì căng thẳng và vui sướng. Do đó, ta đã mắc sai phạm. Trước khi ống ngắm nhắm được địch ta đã nổ súng. Địch lập tức phát hiện, quay ngược lại. Thấy thế, ta cũng hết hoảng, nổ súng loạn xạ. Địch hoảng sợ, liên vội vã xoay vòng. Nhưng lúc đó, đạn súng máy của ta đã bắn trúng địch.

Chiếc máy bay địch bốc cháy, xoay vòng vòng, rồi lao xuống biển. Phút chốc ta hoảng hết nhìn quanh, không thấy chiếc máy bay nào cả. Trong lúc mải mê, ta đã rời xa khu vực không chiến. Nghiêng máy bay quay lại phía sau, thấy hai chiếc phi cơ, người ta đông cứng.

Ta hoảng hết định bỏ nhào bỏ trốn, nhưng một chiếc Reisen có hình mặt trời bay ngay cạnh ta. Là tiểu đội trưởng Ono! Máy bay ta tưởng của địch hóa ra lại là người phe ta. Phía sau là máy bay của Tam đẳng phi tào Hayashi.

Thì ra, họ thấy ta rời bỏ đội hình nên theo yểm trợ. Họ muốn để ta thử bắn hạ một lần, nhưng nếu gặp nguy hiểm thì lúc nào cũng có thể tiếp cứu. Chuyện này sau khi về đến cứ địa ta mới biết.

Phát súng đầu tiên của ta là chuyện cười cho cả đội. Nghĩ sao mà lại nổ súng từ cự li cách xa hơn 500 mét? Bắn ở cự li đó thì không thể trúng được, chẳng khác nào lạy ông tôi ở bụi này. Thế nhưng việc địch đảo chiều cũng là một sai lầm lớn. Khi có sự chênh lệch độ cao, người phía dưới đảo chiều để đối đầu chiến đấu là hành động tự sát. Máy bay địch lập tức nhận ra chuyện đó nên định xoay vòng bỏ chạy, nhưng đó lại là lựa chọn còn tệ hại hơn. Và đó là lý do vì sao đạn súng máy của ta bắn trúng. Theo các đàn anh thì đó dường như là “Cuộc đối đầu giữa những tay gà mờ.”

Ta đã dùng toàn bộ đạn trong súng máy để bắn hạ một chiếc máy bay. Chuyện này cũng trở thành chuyện tếu cho mọi người.

“Dùng tất cả đạn để bắn một chiếc thì chú mày có bao nhiêu đạn cũng chẳng đủ đâu.” Nhất đẳng phi tào Ono chế giễu. Cả anh ấy lẫn Hayashi đều là những cấp trên giỏi, hai người đều là phi công kỳ cựu từ chiến tranh Trung- Nhật. Nhưng chính năm đó cả hai đều hy sinh trong vận Guadalcanal.

Ở Lae, ta đã học được nhiều kinh nghiệm quý giá mà trong khóa huấn luyện bay không bao giờ được học. Đối với việc lái máy bay chiến đấu, kinh nghiệm không chiến mới chính là bài học quan trọng nhất. Nó khác với học ở trường lớp vì nếu học không xong thì sẽ mất mạng. Học ở trường nếu có thi hỏng thì cũng chỉ bị đánh rớt, nhưng trong không chiến thì thi rớt có nghĩa là chết.

Chính vì thế bọn ta luôn nỗ lực. Việc Lae sản sinh ra nhiều phi công át chủ bài theo cách nào đó là lẽ đương nhiên. Bởi họ đều được lọc qua cái sàng của sự sống chết. Anh Sakai Saburo lừng danh, Nishizawa Hiroyoshi và Trung úy Sasai Junichi đều là những người được rèn giũa thành phi công át chủ bài ở đây.

Trung úy Sasai là phi công tốt nghiệp từ trường Quân sự Hải quân. Rất hiếm sĩ quan xuất thân từ trường Quân sự Hải quân có thể trở thành phi công át chủ bài.

Sự thật thì hầu hết các phi công át chủ bài của Hải quân đều được nhào nặn từ binh sĩ, từ những phi công hạ sĩ quan xuất thân từ các khóa thao luyện và đào tạo phi công dự bị. Sĩ quan trường Quân sự Hải quân không thể sánh về kỹ thuật điều khiển và kỹ thuật không chiến với các hạ sĩ quan được. Dù vậy, quân đội Nhật Bản chỉ xem trọng sĩ quan. Phân đội trưởng các đội hình từ trung đội trở lên nhất thiết phải xuất thân từ trường Quân sự Hải quân. Thực tế là trong Hải quân, dù tài nghệ có khá đến đâu, hạ sĩ quan cũng không thể trở thành phân đội trưởng của đội hình trung đội trở lên.

Thật chẳng có thời gian để liệt kê các trận đánh tệ hại do lỗi phán đoán của các phân đội trưởng gây nên. Nhiều lần ta nghĩ, nếu phân đội trưởng là chuẩn úy Miyazaki Gitaro hay Nhất đẳng phi tào Sakai thì hay biết mấy.

Trên bầu trời, cấp bậc chẳng có ý nghĩa gì. Đó là thế giới chỉ biết đến kinh nghiệm và năng lực, trong đó kinh nghiệm là thứ vũ khí lợi hại khó có thể thay thế. Những anh hùng ở Rabaul thời đó đã thu thập những kinh nghiệm quý báu qua vô số trận thực chiến, từ việc đánh cược mạng sống của chính mình. Tuy vậy, những sĩ quan xuất thân từ trường Quân sự Hải quân đã không có kinh nghiệm lại còn tự cao, họ không có ý định học hỏi

từ các hạ sĩ quan và binh sĩ. Riêng Trung úy Sasai lại khác. Anh ấy tích cực giao thiệp thân thiết với các hạ sĩ quan như Nhất đẳng phi tào Sakai, và chẳng nề hà chuyện được cấp dưới chỉ dạy. Nhất đẳng phi tào Sakai dường như cũng cảm nhận được tình bạn vượt qua cấp bậc đối với Trung úy Sasai. Nhờ sự dìu dắt của Sakai, kỹ thuật của Trung úy Sasai được nâng cao nhanh chóng.

Ngoài ra, sự đãi ngộ đối với các binh sĩ và hạ sĩ quan trong hải quân tồ tộ đến khủng khiếp. Nơi nghỉ của sĩ quan là phòng riêng kèm lính tháp tùng, được chuẩn bị chu đáo. Còn hạ sĩ quan trở xuống thì ngủ như cá mèi trong một gian phòng lớn. Hơn nữa, nơi nghỉ ngơi lại cách xa nhau nên gần như không có giao thiệp giữa hai bên. Bữa ăn cũng khác biệt như trời với đất. Cùng là phi công chiến đấu dưới một bầu trời vậy mà lại hoàn toàn hưởng ưu đãi khác nhau. Tuy vậy, về chuyện ăn uống, phi công như vậy là được ưu đãi lắm rồi. Bữa ăn của lính bảo trì và lính cơ khí còn tộ hại hơn. Nói cách khác, quân đội là một thế giới phân chia cấp bậc triệt để. Sau này, khi ta chiến đấu trên mẫu hạm được biết ở đó còn có một căn phòng sang trọng gọi là Gunroom chuyên dụng dành cho sĩ quan.

Chuyện này nói ra hơi thô tục, nhưng ở Rabaul còn có nhà tiêu khiển. Nhà tiêu khiển của sĩ quan và hạ sĩ quan trở xuống cũng khác nhau. Phụ nữ dùng để tiêu khiển cho hạ sĩ quan và binh sĩ liệu có thể làm người tiêu khiển cho sĩ quan được sao?

Dù sau này Sakai Saburo cũng trở thành thiếu úy, nhưng việc đó phải mất đến hơn mười năm. Vậy mà những kẻ vừa tốt nghiệp trường Quân sự đã nghiệm nhiên là Thiếu úy tốt nghiệp trường thiếu sinh quân *. Việc này giống như quan chức có lý lịch và không có lý lịch hiện nay vậy. Hơn thế, những thiếu úy đi từ binh sĩ lên sẽ bị gọi là sĩ quan đặc vụ, không được coi trọng bằng các sĩ quan tốt nghiệp trường Quân sự. Đó là Hải quân đấy.

Cấp bậc cuối cùng của ta là chuẩn úy, chẳng qua là được thăng một cấp sau chiến tranh. Là Chuẩn úy Potsdam đấy. Trở lại câu chuyện nào.

Lực lượng Reisen vào thời đầu chiến tranh Thái Bình Dương là vô địch. Nói tính năng chiến đấu của nó không thua ai cũng chẳng phải quá lời. Các phi công địch dùng cảm bay đến tấn công trực diện cũng đồng nghĩa với tự sát. Năng lực không chiến của Reisen thuộc loại ưu việt bậc nhất, máy bay địch thông thường nếu rơi vào cuộc hỗn chiến, chưa kịp xoay hết ba vòng đã bị bắn rơi. Hỗn chiến là cuộc đua bay lượn lòng vòng đôi bên cùng cố bám vào phía sau của đối phương. Bên này gọi bên kia là Dogfight.

Ta nghe nói trong tài liệu tịch thu được từ chiến cơ địch bị bắn thời gian này có ghi một điều khá bất ngờ, rằng những trường hợp có thể ngừng thi hành nhiệm vụ và rút lui là khi gặp bão tố và chạm trán với Zero.

Sau chiến tranh, ta gặp gỡ nhiều phi công của lực lượng Đồng Minh. Một trong số đó là Charlie Burns đã từng chiến đấu tại Cảng Moresby nói rằng:

“Zero thật sự rất đáng sợ, nhanh đến mức không thể tin được. Tốc độ đó là thứ chúng tôi không thể dự đoán, như ma trôi vậy. Mỗi lần chiến đấu, chúng tôi lại bị cảm giác yếu thế bao trùm. Thế nên, mới có mệnh lệnh rằng không để xảy ra không chiến với Zero.”

“Tôi có nghe tin đồn về mệnh lệnh đó.”

“Chúng tôi biết việc chiến đấu cơ tinh nhuệ mới của Nhật Bản được đặt tên mã là Zero. Cách đặt tên kỳ lạ thật. Chẳng phải Zero có nghĩa là *không gì cả* hay sao. Thối mà nó đã bỏ bùa chúng tôi với chuyển động không thể tin được. Tôi từng nghĩ đó chính là sự huyền bí của phương Đông.”

Ta trả lời rằng chúng tôi cũng đã rất nỗ lực, tập luyện gần chết.

“Chúng tôi đã từng nghĩ những chàng trai lái Zero không phải là *người*. Các anh là ma quỷ nếu không thì cũng là những cỗ máy chiến tranh.”

Ta nói bọn ta cũng là con người bình thường đó chứ. Giờ ta vẫn đang chiến đấu nhưng vì miếng ăn, kinh doanh công ty vận tải. Không lái Zero nữa mà lái xe tải. Ông ta cười ồ nói. “Còn tôi, bây giờ đang điều khiển những chú ngựa ở trang trại của mình.”

Charlie là con của một chủ trang trại ở Úc. Sau này ta vẫn trao đổi thư từ với ông ấy, nhưng 5 năm trước, ta nhận được tin rằng ông ấy đã ngã bệnh qua đời.

Ta đã nói đi nói lại nhiều lần, Reisen là một chiến cơ vô địch. Lực lượng Đồng Minh không có máy bay chiến đấu nào có thể sánh với Reisen. Chiếc Spitfire niềm tự hào của Không quân Anh quốc cũng không phải địch thủ của Reisen. Chiếc máy bay lừng danh bảo vệ London khỏi chiếc Messerschmitt của Đức trong cuộc Không chiến Anh quốc, đứng trước Zero cũng bị bắn rơi trong vô vọng.

Cũng là do địch không biết cách chiến đấu với Reisen. Hoàn toàn không có chiếc máy bay chiến đấu nào thắng trong trận so tính năng với Reisen. Lực lượng Đồng Minh không biết điều đó mà chỉ hướng đến đấu trực diện, mới rước lấy kết cục bi thảm. Có lẽ cũng vì họ xem thường Nhật Bản, cho rằng bọn “khỉ vàng” * ở đất nước hạng ba không thể chế tạo được những chiến cơ ưu việt. Thực ra lúc đó Nhật Bản ngay cả xe hơi cũng chưa chế tạo được, nên Reisen là kỳ tích mà một đất nước hạng ba sản sinh ra được. Đó là một kiệt tác mà những nhà thiết kế trẻ tuổi đã nỗ lực tạo ra.

Tuy thế, Reisen không phải chiếc máy bay chiến đấu bất tử. Nếu bị bắn trúng nó vẫn bắt lửa và rơi. Nhược điểm của Reisen là khả năng phòng vệ kém. Chiếc Reisen không bao giờ thua trong các cuộc chiến tấn công trực diện nhưng cũng có thể trúng đạn lạc trong các cuộc hỗn chiến, hoặc có khi đang truy sát quân địch trước mặt thì bị một kẻ địch khác bắn.

Đáng sợ nhất là kiểu tấn công bất ngờ. Nếu bị lén tiếp cận và tấn công bất ngờ từ góc chết thì ngay đến Reisen cũng xong đời. Chuẩn úy Miyazaki Gitaro, người được xếp vào hàng ưu tú cùng Nhất đẳng phi tào Sakai Saburo cũng vì một đòn tấn công bất ngờ này mà bị tiêu diệt. Hôm ấy, Chuẩn úy Miyazaki đang cơn bệnh nhưng vẫn tham gia chiến đấu, vì một phút sơ suất đã bị bắn rơi. Tin tử trận của anh được thông báo cho toàn quân, và anh được đặc cách thăng hai bậc. Vậy mới biết anh ấy được xem trọng đến thế nào.

Nguy hiểm nhất là khi lơ dềnh sau khi kết thúc trận không kích. Quân địch sau nhiều lần bị Reisen gây thiệt hại từ một phía trong trận không chiến đã nhận ra rằng tấn công trực diện không có cơ hội chiến thắng, nên chúng sử dụng tối đa chiến thuật tấn công bất ngờ và mai phục.

Đã một tháng kể từ khi bắt đầu trận chiến Cảng Moresby, lực lượng Đồng Minh dường như tránh việc chiến đấu với cùng số binh lực. Nếu quân ta có binh lực gấp bội thì đã có thể tự tin khiêu chiến. Ở Lae, ta cũng đã trang bị được những kỹ thuật khá khá, bắt đầu có cảm giác tự tin. Từ tháng Tư, trong vòng bốn tháng, đội máy bay chiến đấu ở căn cứ Lae đã bắn hạ 300 chiếc. Trong khi đó, phe ta chỉ thiệt hại vền vẹn 20 chiếc.

Charlie cũng nói, khi đó các phi công Anh-Mỹ gọi phi công Reisen là “quỷ dữ”. “Những anh chàng đó là những con quỷ cầm cần điều khiển.” Ta nghĩ những lời này cũng chẳng có gì quá đáng. Những phi công lão luyện của Lae thật sự dũng mãnh. Anh Sakai và Nishizawa đối với chúng ta cũng như những con *quỷ* vậy.

Nói về hai người họ, có một tình tiết rất vui nhộn. Nhất đẳng phi tào Sakai, Nishizawa và Ota làm thành một đội nhào lộn trên bầu trời căn cứ địa của địch. Ota là át chủ bài máy bay đồng đội * của Sakai, không hề thua kém hai người kia. Khi đó, ba người hợp sức chắc hẳn đã bắn được hơn trăm chiếc ấy chứ. Nghe nói kế hoạch nhào lộn là do anh Sakai lên tiếng trước. Ngày hôm đó, trước khi xuất kích anh đã bảo với cả hai. “Hôm nay nhé!”

Sau khi kết thúc không kích và không chiến, ba người phối hợp tạo thành một đội hình trên sân bay địch và diễn cho bọn chúng xem một màn nhào lộn vô cùng đẹp mắt, liên tục ba lần. Cả ba chiếc máy bay chuyển động đồng nhất, không chút hỗn loạn. Chúng tôi hoàn toàn không được biết trước nên chỉ đứng sững sờ ngắm nhìn.

Ba người ấy gan to đến mức vừa hạ độ cao vừa nhào lộn một lần nữa. Phải là bậc thầy điêu luyện mới có thể tạo ra một màn nhào lộn đẹp mắt đến thế.

Điều ngạc nhiên là trong khoảng thời gian đó không có một phát pháo đối không nào từ sân bay địch. Khi nhào lộn lần thứ hai, các anh đã hạ cao độ xuống khá thấp nên xác suất pháo cao xạ có cơ hội bắn trúng rất lớn. Họ không làm vậy là do tinh thần mã thượng. Nếu là các sĩ quan trường Quân sự Hải quân mặt đỏ au, chắc hẳn họ sẽ hét lên: “Bắn! Bắn! Bắn hạ chúng cho ta!”

Nhất đẳng phi tào Ota đã thừa nhận sự rộng lượng của địch. “Mấy gã đó là những người đàn ông thật sự.”

Vài ngày sau, Lae gặp trận không kích của địch. Khi đó địch đã ném xuống một lá thư. “Màn nhào lộn của đội hình hôm trước rất hấp dẫn. Lần sau khi các người tới, bọn ta sẽ đón tiếp.”

Giữa màn giành giật mạng sống gay gắt ấy lại có những chuyện như vậy đấy! Đó là một chương được viết nên nhờ tài nghệ của các phi công tại Rabaul.

Ta nghĩ lực lượng Reisen của đội phòng không Rabaul thời đó, nói không ngoa, là số một thế giới.

Miyabe đến Rabaul vào giữa tháng Bảy năm 1942.

Khi đó các thành viên phi đội từ đất liền liên tiếp được đưa ra Rabaul, trong đó có nhiều người đã có kinh nghiệm chiến đấu trên tàu sân bay.

Mặc dù không được công bố nhưng tin đồn 4 chiếc tàu sân bay bị đánh chìm trong trận Midway hồi tháng Sáu đã âm thầm lan truyền khắp phi hành đoàn. Chúng ta cũng cảm nhận cuộc chiến đang trở nên gay go nhưng không thấy lo ngại. Bọn ta nghĩ rằng chỉ cần có Reisen, phe ta gần như bất khả chiến bại, lực lượng chiến cơ của Anh-Mỹ sẽ không tài nào đo được.

Nghe nói trong những phi công đến lần này có những người từng thuộc Hạm đội Không quân Một nên bọn ta cũng có lòng ganh đua. Đã là phi công của phi đội mẫu hạm thì chắc chắn là những người ưu tú, nhưng có phải ngày nào cũng có không chiến đâu. Ngược lại, bọn ta hằng ngày đều giành giật sinh mạng ở đây. Thêm nữa, thẳng thắn mà nói bọn ta cũng nghĩ nếu họ thật sự là những phi công ưu tú thì đã không mắc phải sai lầm để tàu bị chìm như vậy.

Nhóm của Miyabe đã được các Chuko dẫn đường, điều khiển Reisen từ đất liền ra Đài Loan, Hijima, qua đảo Truk, bay một đoạn đường dài 6.000 km đến Rabaul.

Sau khi mọi người chào hỏi nhau rồi giải tán thì ta được một thành viên phi đội bắt chuyện. Đó là Miyabe.

Miyabe khá cao lớn. Nhìn huy hiệu cấp bậc ta biết anh ấy là Nhất đẳng phi tào, cấp bậc cao nhất của Hạ sĩ quan. Ta hơi bối rối nên nói khá lớn. “Tôi cũng mong anh giúp đỡ!”

“Cách chiến đấu ở Rabaul như thế nào?” Miyabe cười hỏi ta.

Ta trả lời “Vâng.” Rồi cũng chẳng biết nên đáp thế nào.

“Địch chiến đấu ra sao?”

“Vâng. Địch cũng rất đáng nể.”

“Mong cậu chỉ bảo giúp tôi.”

Ta khá bối rối trước những lời lịch sự của anh Miyabe. Trong quân đội cấp bậc là tất cả. Giữa Nhất đẳng phi tào và Nhất đẳng binh là một khoảng cách vô cùng lớn.

Ta chỉ trả lời đồng dục. “Tôi là Nhất đẳng binh Izaki.”

“Nhất đẳng binh Izaki! Tôi là Nhất đẳng phi tào Miyabe Kyuzo. Mong anh giúp đỡ.”

Anh Miyabe khẽ cúi đầu. Ta không biết phải tỏ thái độ như thế nào cho phải. Vào quân đội chưa lâu nhưng đây là lần đầu tiên ta gặp một thượng cấp như vậy. Ta đã nghĩ không biết con người này có giáo dục cao hay là loại ngớ ngẩn đây.

“Anh Miyabe đã từng chiến đấu trên tàu sân bay phải không?”

Miyabe đột nhiên im bật. Ta nghĩ ngay rằng trận Midway là cơ mật quân sự, hoảng hốt định đổi chủ đề, nhưng trước khi ta kịp mở miệng thì anh ấy đã nói. “Tôi từng chiến đấu trên tàu Akagi. Đã không còn có thể chiến đấu trên đó nữa rồi.” Lời đồn quả là có thật. “Không thể xem thường quân Mỹ. Họ là một đối thủ khó đối phó.”

Miyabe nói rất rõ ràng. Ta cũng không thể hỏi gì hơn thế. Chúng ta im lặng một khoảng lâu. Sau đó, ta kể anh ấy nghe cách chiến đấu thông thường ở đây. Quân địch cũng đến thách thức không chiến theo đội hình

như chúng ta. Ta cũng nói về các đợt tấn công bất ngờ, nhằm vào những nơi tập trung sau khi trận không chiến kết thúc. Anh Miyabe chăm chú nghe.

Thái độ của anh ấy thật ngoài tưởng tượng của ta. Những phi công lão luyện đã từng chiến đấu tại Trung Quốc thường đặc ý về kinh nghiệm chiến đấu của mình, và hầu như không thèm nghe chuyện của bọn ta. Không chiến ở Trung Quốc chủ yếu là một đối một. Tuy nhiên, ở đây địch liên lạc với nhau qua điện đàm, không chiến theo đội hình. Có những người vì cứ nghĩ chiến đấu một đối một như tại Trung Quốc nên bám sát địch, rồi bất ngờ bị một chiếc phi cơ khác tiêu diệt.

Ngày hôm sau, chúng ta xuất kích ở Cảng Moresby.

Bọn ta thuộc đội không chế không phân. Đội hình ba tiểu đội gồm 9 chiếc. Anh Miyabe lái chiếc thứ hai thuộc đội của Nhất đẳng phi tào Hashimoto, ta lái chiếc thứ ba.

Ngày hôm đó khu vực New Guinea có nhiều mây. Mây đối với phi công rất đáng ghét, bởi không thể thấy được kẻ thù nấp trong đó. Mây trước mặt thì còn đỡ, nhưng mây bên hông hay ở đằng sau gây một cảm giác rất khó chịu. Bởi nó tiềm ẩn mối nguy máy bay địch đột nhiên xuất hiện từ trong đó và giáng đòn. Hiển nhiên, chúng ta cũng có thể lợi dụng mây như vậy để chiến đấu nhưng thường thì phía phục kích đánh chặn sẽ có lợi thế.

Trong khi bay, ta dõi theo Miyabe nhiều lần. Anh ấy có vẻ thấp thỏm, thường xuyên nhìn xung quanh, thỉnh thoảng thay đổi góc độ bay, cảnh giác xung quanh. Nhiều lần anh ấy còn bay ngửa, không lơ là góc chết phía dưới. “Một người quá thận trọng.” Ta đã nghĩ vậy. Phi công Rabaul bọn ta vốn đã nổi tiếng là thận trọng, nhưng tính thận trọng của Miyabe có phần hơi quá.

Xuất kích được gần một tiếng đồng hồ thì các thành viên đều cười hành động đó, vì đang bay trong một đội hình đều như vậy, một chiếc thường xuyên bồn chồn, thăm dò xung quanh trở nên rất nổi bật.

Ta luôn tự hỏi không biết con người này quá hèn nhát hay quá thận trọng. Là loại nào đây?

Trước mắt bọn ta đã là dãy Owen Stanley, dãy núi hùng vĩ cao 4.000 mét. Nó chia New Guinea thành hai phần, phía Nam là Cảng Moresby và phía Bắc bên này là Lae. Ta thật sự thích dãy núi này, vẻ đẹp của nó mới khắc nghiệt làm sao. Thật kỳ lạ, mỗi lần bay phía trên nó ta thấy mình dũng cảm hơn nhiều.

Khi chúng ta vượt qua dãy Stanley, chỉ còn một chút nữa là có thể nhìn thấy Cảng Moresby, thì đột nhiên từ khe hở của đám mây trước mặt máy bay địch bất ngờ ồ ạt tấn công. Chúng ta xoay gấp về bên trái nhưng tiểu đội của ta ở phía sau cùng của đội nên xoay chậm. Chiếc máy bay đầu tiên của địch đã nhắm lấy ta mà bám theo. Địch đã thoáng thấy lưng máy bay của ta. “Xong đời rồi!” Lúc đó ta chỉ kịp nghĩ vậy.

Đột nhiên chiếc máy bay đuổi theo ta bốc lửa và nổ tung. Máy bay của ta cũng bị trúng những mảnh vỡ của nó. Giây sau đó, trước mắt ta một chiếc Reisen lướt qua với vận tốc kinh khủng - đó là máy bay số hai của Miyabe. Anh ấy lại bắn rơi một chiếc nữa, rồi lén xoay vòng bám gắt phía sau chiếc máy bay địch đang định xoay vòng bỏ trốn, lại bắn rơi một chiếc nữa. Tất cả chỉ diễn ra trong vài giây.

Điều luyện làm sao! Tài cán làm sao!

Ta nổi hết da gà. Nãy giờ vẫn tưởng máy bay của Miyabe đang bay bên cạnh, không biết từ khi nào đã di chuyển đến vị trí có thể bắn hạ địch.

Đội Reisen của ta lấy lại đội hình, sau đó chiến đấu với địch một trận ác liệt. Địch có ưu thế ban đầu nhưng ngay sau đó chúng ta đã đảo lộn tình thế. Ta cũng lấy lại tinh thần và bắn rơi một chiếc.

Địch thấy mình yếu thế nên rút lui. Chúng ta cũng không truy sát, lập lại đội hình tiến vào bầu trời Cảng Moresby. Bị phục kích nhưng phe ta không thiệt hại gì.

Trên bầu trời Cảng Moresby không có bóng dáng của máy bay đánh chặn, chỉ có pháo phòng không.

Kết thúc trận không kích, ta lập tức đến cảm ơn Miyabe khi trở về cứ địa, nhưng anh ấy chỉ cười.

“Khi đó anh đã thấy địch ở trên đám mây phải không?”

“Thoáng thấy máy bay địch từ khe hở của đám mây, tôi lập tức nổ súng thông báo cho đội trưởng. Sau đó, tôi định bay lên trước đội hình nhưng địch bổ nhào quá nhanh nên không kịp. Nếu tôi thông báo sớm một chút thì chắc chúng ta đã không bị bất ngờ.”

Ta thầm khâm phục Miyabe tự đáy lòng. Đội Reisen hôm nay đều là những chiến binh kỳ cựu của Rabaul. Vậy mà anh ấy đã phát hiện kẻ thù đánh chặn khi toàn đội chưa ai thấy bao gồm cả ta, hơn thế, còn tiêu diệt kẻ thù. Người này hẳn phải là phi công hạng nhất.

Tuy nhiên, thực sự có một chuyện ta nghĩ không thông. Đáng vẻ chiến đấu của Miyabe trong trận hỗn chiến và vẻ đáng sợ khi bị tấn công bất ngờ là hai con người hoàn toàn khác. Anh chú tâm vào nhiệm vụ hộ tống tiểu đội trưởng nhưng, nói sao nhỉ, có cảm giác như không tích cực chiến đấu. Dường như anh ấy cố không để bị bắn hơn là bắn địch.

Chẳng bao lâu anh Miyabe đã trở thành đề tài bàn tán của cả đội, về chuyện quá cảnh giác khi đang bay.

“Dù thực sự phải thận trọng, nhưng nó lố quá.” Một phi công kỳ cựu nói.

“Đúng đó. Tụi mình cũng cảnh giác nhưng nó thì đã vậy ngay từ giây phút rời Rabaul. Sau đó cứ thế suốt cho đến khi quay lại căn cứ.”

“Nó không có não à?”

“Hay là sợ quá?”

“Hoặc giả đó là một thằng nhát gan bẩm sinh.”

Nhiều người ở đó đã cười. Ta cũng cười. Nhưng có một người không hòa theo. Đó là Nhất đẳng phi tào Nishizawa Hiroyoshi.

“Chúng ta cũng không thể không học tập cậu ấy.” Anh ấy nói. Lập tức tất cả đều im bật.

Nhất đẳng phi tào Nishizawa là chiến binh kỳ cựu giữ vị trí quan trọng trong không chiến. Sau này địch khiếp sợ gọi anh là “Ma vương của Rabaul.” Mắt của anh và Nhất đẳng phi tào Sakai tốt hơn hẳn những người khác. Họ luôn phát hiện được địch trước.

Không chiến thường được ví như võ judo. Điều đó cũng đúng, nhưng hơn thế nó là cách tấn công mà người phát hiện trước, tấn công từ vị trí ưu

thế luôn đạt hiệu quả hơn.

Theo nghĩa đó, mắt sáng là thứ vũ khí lợi hại. Tuy nhiên, nói mắt sáng nhưng không chỉ có nghĩa là thị lực. Sức tập trung hay trực giác cũng rất cần thiết. Trên bầu trời mở rộng bốn bề 360° thì việc tìm thấy quân địch nhỏ như hạt hoa anh túc không hề dễ chút nào. Chỉ dựa vào mắt tốt thì không thể tìm thấy kẻ thù. Việc phát hiện kẻ thù trước dù chỉ một giây thôi cũng có lợi thế rất lớn.

Một câu nói khi đó của Nhất đẳng phi tào Nishizawa khiến mọi người im bật. Dù vậy không ít kẻ nghĩ về thận trọng của Miyabe là xuất phát từ sự hèn nhát. Còn ta ư? Ừm... thú thật thì ta cũng đã nghĩ như vậy. Ta từng được anh ấy cứu mạng vậy mà lại có thứ suy nghĩ tùy tiện ấy. Thật là...

Ngay sau đó, Miyabe trở thành tiểu đội trưởng, ta là thành viên đội bay của anh ấy. Nhân cơ hội này, ta đã yêu cầu anh.

“Xin anh đừng nói những lời trịnh trọng như thế nữa. Anh đã là tiểu đội trưởng, xin hãy nói những lời nghiêm khắc như một thượng cấp, nếu không sẽ bị những người của tiểu đội khác cho là kỳ quặc.”

Tiểu đội trưởng Miyabe suy nghĩ một lúc rồi cười nói. “Được, ta hiểu rồi.”

Thành tiểu đội trưởng rồi, Miyabe vẫn không lơ đãng mà luôn cảnh giác. Dù thế nào anh vẫn không ngừng ngoảnh lại phía sau. Mỗi lần như thế sẽ thay đổi góc độ của máy bay nên thành viên đội bay như tôi khá chú ý. Và lại, anh ấy cũng thường xuyên bay vòng lại.

Đối với máy bay, phía dưới hầu như đều là góc chết. Dù vậy đa phần địch đều lợi dụng cao độ từ phía trên tấn công xuống nên khu vực phía dưới không cần lo lắng đến thế. Cũng vì thế mà có nhiều trường hợp để sơ suất khu vực dưới. Nên không chừng đó có thể là nơi nguy hiểm nhất. Như anh Sakai khi phát hiện địch chủ định tấn công thì sẽ bọc phía sau bên dưới, rồi bắn vào bụng dưới của địch.

Công kích từ bên dưới sẽ gặp nguy hiểm trong trường hợp bị địch phát hiện trước, bởi lúc đó địch sẽ tấn công từ vị trí có ưu thế hơn. Dù hiểu cảnh giác không phải việc thừa nhưng ta nghĩ đáng về thận trọng của Miyabe có phần hơi quá.

Còn một lý do nữa làm ta nghĩ Miyabe nhát gan, cũng xuất phát từ dáng vẻ chiến đấu đó. Ta biết được chuyện này vì ta cũng là một thành viên của đội bay. Anh ấy tuyệt nhiên không lưu lại lâu trong khu vực không chiến. Khi nó trở thành cuộc hỗn chiến thì anh ấy nhanh chóng rút khỏi đó và nhắm vào các máy bay địch cũng đang trốn chạy.

Khi đó, vì còn trẻ nên ta cũng mê hỗn chiến, bởi có thể tiêu diệt dù chỉ là một máy bay địch. Nhưng nếu tiểu đội trưởng thoát ly khỏi khu vực không chiến thì thành viên đội bay cũng không thể không theo. Ta rất tức tối vì đã vài lần bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt địch chỉ vì lý do đó.

Tuy vậy, có một lần ta đã bất tuân lời căn dặn mà truy sát địch. Ta bám vào phía sau chiếc P40 định bỏ trốn sau khi tấn công Chuko. Địch định bỏ nhào để thoát nhưng ta đã bám theo. Ta đuổi hăn chạy vòng vòng đến gần mặt biển thì nổ súng 7.7 li và pháo 20 li, máy bay địch đâm xuống biển. Đúng lúc đó, ta nhìn thấy bên hông thân máy bay của ta có làn đạn đánh dấu. Ta đã bị bắn từ phía sau.

Quái lạ, không phải là hai chiếc P40 đang bám sát, đánh gọng kìm sau lưng ta đấy chứ? Khi này ta nhìn phía sau đâu thấy chúng, vậy mà... Tuy vẫn còn xa nhưng vì địch bỏ nhào nên trong nháy mắt khoảng cách đã thu hẹp. Ta đã thấy đạn đánh dấu chạy dọc hai bên thân máy bay. Trái phải, tránh bên nào cũng không được. Ta gần như đã sẵn sàng để chết.

Khoảnh khắc sau đó, làn đạn đánh dấu bao quanh ta biến mất. Ngoảnh lại một máy bay địch đã bốc cháy, rơi xoáy xuống. Chiếc còn lại bỏ nhào chạy trốn. Phía sau ta có một chiếc Reisen. Là tiểu đội trưởng. Ta được Miyabe cứu mạng lần thứ hai.

Khi trở về Guadalcanal, ta đã nói với Miyabe.

“Tiểu đội trưởng, hôm nay cảm ơn anh.”

“Được rồi Izaki.” Miyabe nói nhưng không cười. “So với việc bắn rơi địch thì việc không bị địch bắn trúng luôn quan trọng hơn.”

“Vâng.”

“Hay là cậu sẽ đổi mạng của mình lấy mạng của một người Mỹ?”

“Không ạ.”

“Vậy, lấy bao nhiêu mạng của địch thì đổi được?”

Ta suy nghĩ một chút rồi trả lời.

“Chắc khoảng 10 người là được.”

“Đồ ngốc.” Tiểu đội trưởng Miyabe nở nụ cười đầu tiên. Sau đó, bất ngờ thẳng thắn nói. “Mạng sống của cậu rẻ vậy sao?”

Ta cũng bất giác mỉm cười.

“Nếu còn sống thì vẫn còn cơ hội để bắn hạ máy bay địch. Nhưng...”
Mặt của tiểu đội trưởng không còn cười nữa. “.. để bị bắn dù chỉ một lần thì cũng xem như chấm hết.”

“Vâng.”

Tiểu đội trưởng nói giọng như mệnh lệnh cuối cùng.

“Vì thế, trước hết hãy suy nghĩ về việc sống sót.”

Những lời tiểu đội trưởng nói khi đó đã ảnh hưởng sâu đậm tới ta. Sau này, ta vẫn sống sót qua các cuộc không chiến đều nhờ câu nói ấy của tiểu đội trưởng Miyabe. Có lẽ vì vừa cảm nhận được cái chết gần kề nên ta càng tiếp thu nó nghiêm túc hơn.

Những điều tiểu đội trưởng Miyabe dạy bảo không phải chỉ có thế. Tiểu đội trưởng luôn rời phòng ngủ vào nửa đêm, hơn một tiếng vẫn chưa trở về. Khi trở về toàn thân đầy mồ hôi, thở hắt. Ta nghĩ có lẽ tiểu đội trưởng Miyabe đến nơi nào đó xa phòng nghỉ để thủ dâm.

Chúng ta đều là những chàng trai trẻ tráng kiện trên dưới 20 tuổi. Dù chiến đấu cả ngày lẫn đêm không biết đến ngày mai thì cũng có tính dục. Mà có lẽ vì cận kề cái chết nên càng sôi sục hơn. À không, cái đó thì ta không biết. Tuổi thanh xuân của chúng ta chỉ có một lần, vì thế không thể so sánh với những quãng đời khác được.

Nói chuyện này cũng thật xấu hổ, bản thân ta cũng đã làm vậy nhiều lần. Ban đêm trên giường ngủ cũng có, trong nhà xí cũng có. Đôi khi lại đi xa khỏi phòng ngủ ra cánh đồng không có ai xung quanh. Ở Rabaul có nhà tiêu khiên, ta cũng đã đến đó vài lần, nhưng ở nơi khi ho cò gáy Lae này thì không có gì cả. Ta còn bị dục tính quấy nhiễu thì người đã có vợ như Miyabe hẳn lại càng nôn nao mãnh liệt hơn chứ. Vậy nên, ta không tìm hiểu việc tiểu đội trưởng đi đâu vào ban đêm.

Một hôm khi trời đã chạng vạng, một mình đi câu ở con sông cách doanh trại khá xa, ta nghe có tiếng rên trong bụi cỏ. Dù rất sợ nhưng do không thắng được tính tò mò nên ta chầm chậm lén đến gần hướng phát ra âm thanh.

Phía sau đám cỏ, có một người đàn ông đang nâng một vật. Đó là tiểu đội trưởng Miyabe. Tiểu đội trưởng ở trần, tay phải nắm nòng súng máy của chiếc máy bay hồng, nâng lên hạ xuống. Ta không thể lén lút đến gần rồi xưng danh nên đành đứng nhìn trộm.

Toàn thân tiểu đội trưởng Miyabe đỏ rần rần. Anh nghỉ một lát, rồi vắt chân treo ngược lên cành cây gần đó, tập trung cao độ. Khuôn mặt anh ấy đỏ lựng, các huyết mạch trên trán đua nhau nổi lên, căng phồng, Ta từng nghĩ liệu nó có vỡ ra không. Anh ấy đã tập như thế rất lâu.

Rốt cuộc ta cũng hiểu tại sao tiểu đội trưởng Miyabe lại tập luyện chăm chỉ đến vậy, đó là để rèn luyện cho các cuộc không chiến. Máy bay chiến đấu khi xoay vòng hay nhào lộn thì sức nặng của cần điều khiển sẽ lớn hơn rất nhiều do trọng lực. Phi công vừa phải điều khiển chiếc cần đó bằng một tay vừa chiến đấu. Bình thường chúng ta cũng tập chống đẩy và nâng xà đơn để luyện lực tay, nhưng ta chưa từng thấy cách luyện tập nào như thế này. Treo ngược cũng là một bài tập để khi xoay vòng, lộn nhào trong không chiến, phi công có thể chịu được việc máu dồn xuống đầu.

Sau khi tiểu đội trưởng Miyabe đi rồi, ta đến nắm thử chiếc nòng súng, và hoàn toàn sửng sốt vì không tài nào nhấc nổi. Dù có tận lực xoay sở, chiếc nòng súng vẫn bám dính vào mặt đất chẳng hề suy chuyển.

Dồn toàn bộ sức, ta dùng cả hai tay nắm chặt và nâng nòng súng lên, cuối cùng mới làm được. Sao anh ấy có thể nâng nó lên xuống chỉ bằng một cánh tay thôi vậy? Kỹ thuật điều khiển tuyệt xảo của Nhất đẳng phi tào Miyabe ắt được hỗ trợ bởi sức mạnh siêu nhiên này.

Ngày hôm sau, ta nói với Miyabe khi anh ấy định ra khỏi phòng ngủ.

“Cho tôi đi cùng được không ạ?”

Tiểu đội trưởng lộ vẻ ngạc nhiên nhưng lập tức mỉm cười. “Bị cậu bắt gặp rồi à?”

“Xin lỗi. Tôi không có ý nhìn trộm. Trên đường đi câu cá về tôi vô tình trông thấy.”

“Không sao, cũng chẳng phải bí mật gì.”

Tiểu đội trưởng đến nơi hôm trước, lặp lại bài luyện tập. Không lý nào lại im lặng nhìn tiểu đội trưởng ra sức tập luyện, ta cũng tập chống đỡ.

Tập xong, ta nói. “Tiểu đội trưởng giỏi thật. Tôi đã thử nhưng hoàn toàn không nhắc nổi.”

“Tất cả do thói quen thôi. Chỉ cần kiên trì, sức mạnh sẽ tăng lên rõ rệt.”

“Vậy ạ?” Ta biết tiểu đội trưởng nói vậy chỉ để động viên, nhưng vẫn vui vẻ đáp lại. “Tiểu đội trưởng oách thật.”

“Chẳng oách gì đâu. Chuyện đó ai cũng làm mà.”

“Vậy à?”

“Sakai, và cả Nishizawa nữa, mọi người đều vậy.”

“Tôi không hề biết chuyện đó đấy.”

Tiểu đội trưởng Miyabe cười. “Đâu có ai làm thế cho mọi người xem chứ.”

Đúng thật, anh Sakai cũng thường dùng cây cột kéo trong phòng để tập xà đơn. Ta thật ngỡ ngàng khi nghĩ đó chỉ là sở thích, và rằng những người như anh ấy sinh đã là thiên tài.

Thời còn là thực tập sinh, mỗi ngày ta đều phải khổ luyện với những bài tập như chạy cự li xa, bơi dài, xà đơn. Khi trở thành phi công, ta thấy biết ơn những bài tập đó hơn bất cứ thứ gì. Nghĩ lại, tất cả cũng là cho chính mình thôi.

“Rất mệt phải không?” Ta hỏi tiểu đội trưởng như ngụ ý biện cho chính mình.

“Tất nhiên rồi. Nhưng so với nỗi đau của cái chết thì có đáng gì.”

“Tiểu đội trưởng ngày nào cũng tập sao?”

Tiểu đội trưởng Miyabe im lặng gật đầu.

“Ngay cả những ngày chúng ta xuất kích?”

Anh ấy lại gật đầu. Ngưỡng mộ thật! Mỗi tối sau ngày xuất kích, ta mệt đến mức chẳng cựa nổi mình. Vậy mà...

“Có ngày nào anh nghĩ ‘Thôi! hôm nay ngưng một bữa’ không?”

Tiểu đội trưởng không trả lời mà chậm rãi rút từ trong túi áo trước ngực ra một chiếc túi vải. Trong đó là một tờ giấy gấp lại, gói một tấm ảnh được dán giấy bóng rất cẩn thận.

“Đây là ảnh gia đình ta.”

“Cho tôi xem được không?”

Tiểu đội trưởng Miyabe nhẹ nhàng đưa cho ta như một báu vật. Ta cũng đưa hai tay ra nhận lấy. Trong hình là một thiếu phụ trẻ đang bồng đứa bé sơ sinh.

“Nghe nói chụp ở tiệm ảnh gần nhà.”

Ta cảm nhận được sự trân trọng trong lời nói của tiểu đội trưởng Miyabe. Chắc vì lúc ấy chỉ có hai người, nên anh ấy mới bộc bạch về mình nhiều như vậy.

Người phụ nữ trong bức ảnh ấy rất đẹp. Ta vẫn còn nhớ cảm giác mình đã ganh tỵ thế nào.

“Đó là Kiyoko. Viết là Thanh Tử.”

“Cô Kiyoko thật xinh đẹp.”

Tiểu đội trưởng cười như có chút ngượng.

“Vợ ta tên là Matsuno. Kiyoko là con gái ta.”

Mặt ta đỏ ửng vì xấu hổ, liền lúng túng nói. “Cô bé dễ thương quá.”

“Con bé sinh vào tháng Sáu, đúng lúc ta từ Midway trở về. Nhưng vì không lấy được ngày phép nên đến giờ ta vẫn chưa một lần được gặp con.”

Vậy ra tin đồn những người sống sót trong trận Midway bị quản thúc một thời gian là có thật.

“Mỗi khi mệt mỏi quá, muốn bỏ cuộc, ta lại nhìn tấm ảnh này. Những lúc như vậy, ta lại có thêm dũng khí.” Tiểu đội trưởng Miyabe cười có chút ngượng ngùng. “Không nhìn ảnh thì không có dũng khí. Nghe thảm hại quá phải không?”

“Không phải vậy đâu.”

Ta nói nhưng chắc tiểu đội trưởng Miyabe chẳng còn nghe nữa, anh ấy đang thả hồn chăm chú nhìn tấm ảnh.

Sau đó, tiểu đội trưởng cất ảnh vào túi áo và thăm thì. “Để được gặp con gái, dù thế nào ta cũng không thể chết.”

Từ đó về sau, ta đã thay đổi hẳn cách nhìn về tiểu đội trưởng. Ta được dạy một điều còn hơn trăm ngàn lời nói về việc sống sót quan trọng như thế nào.

Ta nghe theo bất cứ điều gì tiểu đội trưởng chỉ bảo. Trước khi xuất kích, tiểu đội trưởng thường nhấn mạnh. “Tuyệt đối không được phá vỡ đội hình. Dù có chuyện gì cũng không được tách khỏi ta.”

Giờ ta có thể nói chuyện với các cháu ở đây cũng vì ta đã luôn tuân theo những lời căn dặn của Miyabe đấy.

Hỗn chiến trên không là việc rất khủng khiếp, bởi ta không thể biết khi nào sẽ bị tiêu diệt từ phía sau. Đó chính là định mệnh. Thế nhưng Miyabe không thích đặt cược bản thân vào vận mệnh như thế.

Ta luôn mong muốn sẽ được trở thành một phi công át chủ bài như Sakai. Nhưng sau khi là thành viên đội bay của tiểu đội trưởng Miyabe, ta nghĩ rằng việc sống sót còn quan trọng hơn. Nhưng chẳng bao lâu, trận chiến quanh đảo Guadalcanal bắt đầu. So với Guadalcanal thì trận chiến Cảng Moresby chỉ như khúc dạo đầu. Đối với các thành viên phi đội, Guadalcanal mới đúng là cánh cửa địa ngục.

Guadalcanal là một hòn đảo nhỏ thuộc quần đảo Solomon, phía nam Thái Bình Dương, lệch về phía đông Rabaul trên đảo New Britain. Hòn đảo hoang này có rừng rậm bao phủ. Nếu không có chiến tranh Thái Bình Dương, cái tên và sự tồn tại của nó sẽ chẳng được mấy người biết đến.

Khi ấy, quân Nhật có ý định cắt đứt đường liên lạc giữa Mỹ và Úc. Phe ta đã xây phi trường tại Guadalcanal và tạo ra một tàu sân bay không thể chìm, để chứng tỏ uy quyền ở phía nam Thái Bình Dương.

Mùa xuân năm 1942, Nhật tiến đến Guadalcanal, bắt đầu xây dựng phi trường ở đây, dự định sau khi hoàn thành sẽ di chuyển hầu hết máy bay ở Rabaul sang Guadalcanal.

Đội xây dựng Hải quân xẻ rừng, mất một tháng để xây dựng đường băng. Vừa xong thì Guadalcanal bị quân Mỹ tấn công ác liệt, rất cuộc, phi trường vừa hoàn thành đã bị chiếm mất. Quân Mỹ đã đợi đến khi đường

bằng được xây xong mới tấn công. Quân Nhật ở Guadalcanal hầu hết đều là lính công binh nên không chống cự được. Quân ta trong phút chốc đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

Tuy nhiên, những chuyện này ta chỉ biết được sau chiến tranh. Còn khi đó, ta hoàn toàn không biết gì về cái tên Guadalcanal và việc Hải quân xây dựng căn cứ trên đó.

Chắc Đại bản doanh cũng không nghĩ rằng quân Mỹ lại công kích trực tiếp một hòn đảo nhỏ như thế. Họ chỉ nghĩ đó là một trận chiến nhỏ. Thế nhưng hòn đảo ấy lại là chiến địa khốc liệt nhất Thái Bình Dương.

Ngày 7 tháng Tám năm 1942 là một ngày định mệnh. Như đã dự liệu, vài ngày trước chúng ta đã từ Lae trở về Rabaul bảo trì máy bay, kết hợp cho thành viên phi đội nghỉ dưỡng sức.

Tin Guadalcanal bị chiếm cũng truyền đến Rabaul trong ngày hôm đó. Phi đội nhanh chóng ngừng không kích Cảng Moresby, chuyển sang tấn công đoàn tàu vận tải của địch ở Guadalcanal.

“Guadalcanal ở đâu vậy?”

Ta hỏi Tam đẳng phi tào Saito cùng phân đội.

“Ta không biết. Còn chưa từng nghe chuyện có sân bay trên cái đảo đó.”

Các thành viên phi đội không một ai biết về nó. Ngay lúc ấy, tin về đội bảo vệ hòn đảo Tulaghi đối diện đảo Guadalcanal đó tự sát đang lan truyền. Trong đội tràn ngập không khí nặng nề.

Bộ tư lệnh triệu tập mọi người và phát bản đồ hàng không. Theo đó, ta biết nó cách Rabaul 560 hải lý, tức khoảng 1.000 km.

“Không thể được.” Tiểu đội trưởng Miyabe tự nói “Không thể chiến đấu với khoảng cách như thế được.”

Miyabe nói giọng đau đớn. Lúc đó ta nghe tiếng quát lớn.

“Ai vừa mới nói *Không thể được?*”

Một viên sĩ quan trẻ với cơn giận xung thiên, dáng vẻ hung tợn đi tới.
“Mày, vừa nói gì?”

Tên sĩ quan vừa nói đã đâm thẳng vào mặt Miyabe.

“Sáng nay, các anh em chiến sĩ đã cảm tử ở Tulaghi. Đội thủy phi cơ Tulaghi bị tiêu diệt hoàn toàn. Chiến đấu phục thù mới đúng là quân nhân!”

“Thành thật xin lỗi!”

Miyabe cương quyết nói, nhưng tên sĩ quan lại đấm anh ấy một lần nữa, rách cả miệng.

“Mày là Miyabe? Tao đã nghe những lời đồn về mày rồi. Thằng hèn!” Tên sĩ quan gào lên. “Lần sau, nếu mày còn nói những câu yếu hèn như khi này, thì không xong với tao đâu!”

Tên sĩ quan nói rồi bỏ đi.

“Tiểu đội trưởng! Tệ thật. Sao lại nói những lời ấy chứ?” Ta lấy khăn quàng cổ của mình lau máu trên miệng anh ấy.

Mắt Miyabe tối sầm, hạ giọng nói. “Trận chiến lần này, mọi tính toán cho đến bây giờ hoàn toàn là sai lầm.”

“Anh biết Guadalcanal à?”

“Không, nhưng ta biết khoảng cách 560 hải lý là như thế nào.” Miyabe nói nhỏ. “Nó không phải khoảng cách mà Reisen có thể chiến đấu được.”

Sáng sớm hôm đó, đội không chế không phận được chọn gồm những phi công kỳ cựu của Rabaul gồm Trung úy Sasai, Nhất đẳng phi tào Sakai, Nhất đẳng phi tào Nishizawa và Nhất đẳng phi tào Ota. Không có tên Miyabe và đương nhiên cũng không có tên ta.

Nhất đẳng phi tào Sakai Saburo... từ thời đó đã là cái tên nổi tiếng đến độ trong các phi hành đoàn Hải quân không ai là không biết. Anh ta đích thị là phi công át chủ bài tài năng. Khi ấy, anh đã bắn rơi hơn 60 máy bay địch. Anh là người có mắt sáng đến mức thấy được cả những vì sao vào ban trưa, bậc thầy đã đạt đến cảnh giới nhập thần trong kỹ thuật không chiến. Còn Nhất đẳng phi tào Nishizawa là người sau này trở thành phi công át chủ bài mà quân Mỹ kinh hãi nhất.

Cả Trung úy Sasai và Nhất đẳng phi tào Ota đều là những chiến binh lão luyện. Ngoài ra, những thành viên đội Reisen được chọn vào đội công kích Guadalcanal buổi sáng hôm đó còn có Nhất đẳng phi tào Takatsuka

Toraichi, Nhị đẳng phi tào * Yamazaki Ichirobei, Nhị đẳng phi tào Endo Masuaki. Họ đều là những bậc thầy không chiến cả.

Chắc hẳn Bộ Tư lệnh cũng phán đoán được công kích ở khoảng cách 560 hải lý là quá nguy hiểm. 18 chàng trai đặc tuyển đã tham gia vào cuộc công kích.

7 giờ 50 phút sáng, tại phi trường trên núi Vunakanau, 24 chiếc máy bay tấn công mặt đất kiểu số 1 cất cánh. Từ sân bay phía Đông dưới chân núi, 18 chiếc Reisen cất cánh, có một chiếc do động cơ gặp vấn đề nên phải rút lui.

17 chiếc Reisen tạo thành một đội hình đẹp trên bầu trời Rabaul, bay hướng về bầu trời phía đông rực đỏ ánh bình minh. Quang cảnh các phi công đẳng cấp nhất của Hải quân Nhật Bản tạo nên ngày hôm đó cho tới giờ ta vẫn không quên. Chúng ta cứ vậy tay theo suốt.

Ngày hôm đó, trễ hơn một chút, 9 chiếc máy bay trên tàu sân bay kiểu 99 cũng tiến công. Nhưng vì tầm hoạt động của máy bay ném bom kiểu 99 không đủ xa, nên từ đầu họ đã xác định chỉ tấn công một chiều. Sau khi công kích đoàn tàu vận tải của địch ở Guadalcanal, họ dự định sẽ hạ cánh khẩn cấp xuống biển và chờ được cứu trợ. Khi hay tin về cuộc công kích quyết tử đó, bụng ta thót lại.

“Sẽ không sao chứ?” Sau khi tiễn đội Reisen, ta hỏi Miyabe đứng bên cạnh.

“Ta nghĩ có Saikai và Nishizawa thì sẽ không có gì khinh suất.” Miyabe lại nói thêm. “Dù thế, khoảng cách 560 hải lý không hề dễ dàng. Bay với tốc độ tiết kiệm xăng nhất phải mất ba giờ. Thời gian chiến đấu trên không tại Guadalcanal chỉ vón vện mười phút phải không.”

“Đến độ như vậy sao?”

“Tính đến nhiên liệu cho đoạn đường trở về, cuộc không chiến chỉ bấy nhiêu thôi cũng đã nguy hiểm rồi. Chuko có tầm hoạt động xa hơn Reisen, lại có trinh sát viên tính toán đường bay giữa đường nên ta còn yên tâm,

nhưng Reisen chỉ có một mình phi công. Nếu bị nhầm phương hướng, bay theo một đường vô định thì e là không thể quay.”

“Nhưng đi kèm với Chuko nên chắc sẽ không thể đi lạc?”

“Khi đi thì không sao nhưng sau khi xảy ra không chiến trên bầu trời Guadalcanal, nếu lạc mất đội hình thì sau đó chỉ có thể tự lực trở về Rabaul. Bay trên biển 560 hải lý chỉ với bản đồ và compa không phải là chuyện đơn giản.”

Khi nghe Miyabe nói, ta nghĩ đúng là những lời của một nguyên phi công tàu sân bay, đã từng lặp đi lặp lại việc phải bay mấy trăm hải lý trên vùng biển rộng lớn để nhắm vào các tàu của địch mà không có đánh dấu, chẳng có gì cả, sau đó lại bay trở về tàu sân bay.

Trong buổi sáng hôm ấy, toàn căn cứ tràn ngập không khí nặng nề. Những thành viên phi đội đã nêu cao tinh thần quyết tử cho đội bảo vệ Guadalcanal, khi bình tĩnh lại xem xét, cũng hiểu việc không kích một hòn đảo cách xa 560 hải lý là chuyện thế nào.

Nhìn vào bản đồ, nếu bay theo hướng Đông vượt đảo thì có thể đến được. Nói cách khác dù có bị lạc khỏi đội hình thì chỉ cần bay ngược lại là có thể về được. Thế nhưng, nếu bị những đám mây dày đặc bao phủ không thể thấy được đảo mục tiêu, thì chỉ có thể dựa vào bản đồ và compa.

Quá trưa, nghe thấy tiếng gầm rú quen thuộc, ta chạy thật nhanh ra khỏi doanh trại, nhìn lên bầu trời thì thấy máy bay của quân ta. Các máy bay của đội công kích Guadalcanal đã trở về. Từ khi xuất kích đến giờ đã hơn bảy giờ đồng hồ.

Các máy bay không còn bay theo đội hình mà tiếp đất từng nhóm hai ba chiếc một. Các Chuko hầu như đều đầy lỗ đạn. Nhìn là đoán được cuộc chiến đã gay go đến độ nào. Chấn động nhất là số lượng Reisen, trong số 17 chiếc xuất kích, chỉ có 10 chiếc trở về. Gần nửa số Reisen đã bị tiêu diệt.

Các phi công Reisen đáp xuống đường băng, ai nấy mặt mày phờ phạc vì kiệt sức. Nhất đẳng phi tào Nishizawa mặt mày hốc hác, như thế cuối cùng anh cũng được xuống khỏi máy bay. Sau đó ta mới biết rằng, ngày hôm đó Nishizawa đã nỗ lực bắn hạ 6 chiếc Grumman.

Bọn họ lập tức đi đến phòng chỉ huy, báo cáo tình hình chiến đấu. Ta chạy đến bên Nhất đẳng phi tào Nishizawa.

“Nhất đẳng phi tào Sakai đâu ạ?”

“Ta nghĩ không có chuyện gì đâu, Sakai mà. Anh ấy đâu phải là người dễ bị hạ gục.” Nhất đẳng phi tào Nishizawa cười, vỗ vai ta. Gương mặt kiệt sức ấy cuối cùng cũng nở được một nụ cười.

Hóa ra, do bị tan tác trên bầu trời địch nên các máy bay trở về rải rác vài ba nhóm. Vì vậy, cũng không phải lo lắng quá mức. Tuy nhiên, trong 7 chiếc chưa trở về có cả Nhất đẳng phi tào Sakai khiến sự bất an của ta càng lớn.

Nhất đẳng phi tào Nishizawa là một tiểu đội trưởng rất ưu tú. Đến tận lúc đó, anh chưa để mất một thành viên đội bay nào. Chuyện Sakai Saburo đã bắn hạ mấy chục chiếc máy bay luôn tràn ngập ánh hào quang, nhưng riêng với ta, việc Nishizawa chưa một lần để thành viên đội bay bị tiêu diệt mới là tuyệt vời hơn cả. Nhắc đến chuyện này, Nishizawa cũng chưa lần nào để mất thành viên đội bay. Ta nghe nói anh ấy chỉ để mất thành viên đội bay vào trận không chiến cuối cùng của đời mình.

Dù sao đi nữa, Nhất đẳng phi tào Sakai mà bỏ đội bay, tách khỏi đội hình là việc bất thường.

Không lâu sau, có tin từ đảo Buga, nằm về phía Đông Rabaul, 5 chiếc Reisen đã hạ cánh vì hết nhiên liệu nên không thể trở về Rabaul. Tuy thế, theo báo cáo trong số đó cũng không có máy bay của Nhất đẳng phi tào Sakai.

Một giờ nữa trôi qua, Sakai vẫn chưa quay về. Theo lẽ thường thì lúc đó máy bay đã hết nhiên liệu.

Hơn 4 giờ chiều, đột nhiên, phía xa xuất hiện một chiếc Reisen. Dưới căn cứ huyền ảo. Chiếc Reisen đó loạng choạng hạ cánh. Có gì đó không ổn. Sakai chưa bao giờ tiếp đất đảo như thế.

Chiếc Reisen dần hạ xuống. Ta thấy kính chắn gió đã vỡ, có nghĩa là ghế điều khiển đã bị bắn. Chiếc Reisen giống như do một người mới tập hạ cánh điều khiển, nảy lên tiếp đất, rồi cứ thế trượt tới, chẳng bao lâu thì dừng lại.

Phi đội trưởng thiếu tá Nakashima và trung úy Sasai leo lên cánh, mở kính chắn gió bị hỏng, kéo Nhất đẳng phi tào Sakai từ ghế ngồi ra ngoài. Nhìn cảnh đó, tất cả phi công chạy đến xem đều rung mình. Bởi gương mặt anh nhuốm sẫm máu, toàn thân trên cũng bê bết.

Nhất đẳng phi tào Sakai vừa xuống đã nói với giọng sắc bén. “Đi báo cáo.” Trung úy Sasai hét lên. “Chữa thương trước đã.” Sasai và Nishizawa đỡ lấy Sakai. Ta cũng đỡ người anh từ phía sau. Mùi tanh của máu xộc lên cả mũi.

“Không. Phải báo cáo trước.”

Nhất đẳng phi tào Sakai nói chắc nịch. Con người ấy là quý hay sao vậy.

Nishizawa nói. “Phi công tiền nhiệm, anh không hiểu tình trạng thương tích của mình.” Nhưng Sakai vẫn kiên quyết tự mình bước đến phòng chỉ huy. Sau khi anh báo cáo ở phòng chỉ huy xong, lập tức được đưa đến phòng y tế.

Câu chuyện của Sakai nhanh chóng lan khắp phi đội. Nhất đẳng phi tào Sakai sau trận không kích Guadalcanal, trên đường trở về đã nhìn nhầm đội hình máy bay ném bom trên tàu sân bay địch là đội hình máy bay chiến đấu, nên đã tấn công từ phía sau.

Người như Nhất đẳng phi tào Sakai lại mắc một lỗi lớn như thế. Phía sau máy bay chiến đấu một người ngồi hoàn toàn không được trang bị phòng vệ, nhưng phía sau máy bay ném bom là một xạ thủ với hai khẩu súng máy linh hoạt. Nhất đẳng phi tào Sakai lại đột kích từ phía sau đội hình 8 chiếc máy bay ném bom đó. Súng của máy bay ném bom so với súng của chiến đấu cơ thì xác suất trúng thấp hơn rất nhiều, nhưng nếu bị 8 chiếc nhắm phải thì khó tránh khỏi. Nhất đẳng phi tào Sakai đã đột kích trong màn mưa đạn của 16 khẩu súng máy.

Đạn bắn xuyên vào ghế điều khiển của máy bay, trúng đầu của Sakai. Rồi mảnh kính vỡ lại đâm vào mắt, khiến hai mắt của anh đều bị thương nặng. Với đôi mắt như vậy và tay trái bị tê liệt, anh ấy đã bay về Rabaul chỉ bằng một tay trong tình trạng máu từ đầu chảy xuống không ngừng.

“Chính vì anh ấy là Nhất đẳng phi tào Sakai nên mới có thể trở về. Quả thật là một con người phi thường.” Tiểu đội trưởng Miyabe run run nói. “Thật sự, Sakai quá phi thường!”

Tiểu đội trưởng lặp lại. Ta cũng lẳng lặng gật đầu.

“Tuy nhiên, chúng ta không phải là Sakai. Nishizawa và Sakai là những chiến binh kỳ cựu. Không phải ai cũng có thể làm được vậy. Cuộc chiến lần này sắp gay go rồi đây.”

Ngữ điệu của tiểu đội trưởng đã không còn vẻ cảm động nữa, mà trở nên bi đát, dự đoán trận chiến tàn khốc sắp đến.

Ngày hôm đó có 5 chiếc Chuko không trở về, số lượng Reisen không trở về gồm cả những chiếc bị rơi ở Buga là 7. Đau lòng nhất là 9 chiếc Kanbaku tấn công một chiều. Đội Kanbaku đã định sau khi cuộc tấn công kết thúc sẽ buộc phải hạ cánh bất đắc dĩ trên biển. Tàu sân bay chỉ cứu được 4 chiếc. 14 phi công lão luyện đã hy sinh.

Ngày hôm sau, lúc 8 giờ sáng, ta xuất kích hướng đến Guadalcanal với nhiệm vụ là máy bay thứ hai của tiểu đội trưởng Miyabe. Tổng số Reisen xuất kích là 14 chiếc. Đó là toàn bộ những chiếc còn sử dụng được của Rabaul. Đội Chuko có 23 chiếc. Hôm đó, toàn bộ đều được trang bị ngư lôi. Trong cuộc công kích hôm trước Chuko được trang bị bom. Mục tiêu tấn công ban đầu là Moresby gấp rút được thay đổi thành các đoàn tàu vận tải Rabaul, vì thế hôm trước đó đã không kịp tái trang bị ngư lôi.

Đội Reisen chúng ta bay kèm Chuko, bay mãi bay mãi mà chỉ thấy toàn mây và biển. Ta mới cảm nhận được Guadalcanal xa đến chừng nào.

Chuko có tốc độ chậm, chênh lệch so với Reisen, nên bọn ta phải bay zigzag, được gọi là kiểu bay kéo xén tóc. Tâm hoạt động của Reisen ngắn hơn, chính vì thế phải cố gắng tiết kiệm nhiên liệu. Vậy nên việc bay zigzag không phải một cảm giác dễ chịu. Đội Reisen trên đường đi sẽ kèm Chuko nhưng khi về có lẽ phải về đơn lẻ, chính vì thế ta vừa bay vừa dùng thước và compa đánh dấu vị trí trên bản đồ.

Trước khi xuất kích, tiểu đội trưởng Miyabe không ngừng dặn dò. “Không chỉ chiến đấu trong lúc giao chiến mà phải chiến đấu cho đến lúc

trở về.” Ta đã từng nghe rằng trên đại dương, không hiểm phi công lạc mất vị trí và không thể trở về.

Ta nhìn đồng hồ, đã hơn 11 giờ, đoán chừng sắp đến nơi rồi. Thoát khỏi đám mây xa xa phía trước là có thể nhìn thấy đảo Guadalcanal. Khi liếc nhìn mặt biển Guadalcanal, ta không khỏi kinh hãi. Phía dưới là vô số tàu thuyền neo đậu quanh cảng. Ta sửng sốt, chẳng lẽ để cướp một hòn đảo nhỏ bé thế này mà phải dùng đến lượng tàu lớn đến thế ư? Với số lượng quân địch ở đó thì 23 chiếc Chuko có thể làm được gì đây?

Tâm trạng ta u ám nhưng nếu đã tấn công thì phải tấn công cho ra trò. Ta lấy lại tinh thần, phấn chấn trở lại. Ngày hôm đó, ta nằm trong đội yểm trợ Chuko. Máy bay hộ tống có hai nhóm, một là đội không chế không phận, hai là đội yểm trợ. Đội không chế có nhiệm vụ không chế không phận trên bầu trời địch, đội yểm trợ phải theo sát, bảo vệ Chuko khỏi chiến cơ địch.

Ta đã thấy chiến đấu cơ của địch phía trước. Đội không chế không phận xuất kích trước đang chiến đấu với chúng. Họ nỗ lực chiến đấu không cho máy bay địch tiếp cận Chuko. Thế nhưng, chúng vẫn lọt qua được. Chiếc đầu tiên ta thấy là Grumman. Sau chiến tranh ta mới biết, đội chiến cơ của Mỹ lúc đó gồm những chiếc máy bay chiến đấu trên 3 mẫu hạm Saratoga, Enterprise và Hornet. Vì trận Guadalcanal, quân Mỹ đã dồn hết toàn bộ mẫu hạm đến đây.

Máy bay địch từ trên không tấn công xuống, sử dụng chiến thuật *Bắn và chạy*, tức là kiểu tấn công đơn thuần từ phía trên đâm xuống, bắn xả, sau đó cứ thế trốn xuống phía dưới.

Reisen không phải là mục tiêu của địch. Chúng chỉ tập trung tấn công Chuko. Nhiệm vụ chính của chúng ta là yểm trợ Chuko nên ta tập trung vào xua đuổi máy bay chiến đấu của địch hơn là không chiến. Hơn nữa, sứ mệnh của đội yểm trợ là dù hy sinh bản thân cũng phải bảo vệ Chuko.

Đội không chế không phận cũng cần nhiên liệu để trở về được nên không thể đuổi sát. Địch trốn xuống dưới lại quay đầu bay lên tiếp tục tấn công.

Đội không chế không phân tiến đến những máy bay chiến đấu địch bố trí phía trên, nhưng chúng lại né tránh và hướng vào đội Chuko. Trận chiến hôm đó, chúng ta bị tấn công lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu lần.

Máy bay yểm trợ cố hết sức bảo vệ Chuko nhưng các cuộc tấn công cứ lặp đi lặp lại không ngừng khiến các Chuko lần lượt bị tiêu diệt. Đám tàu địch ở ngay trước mắt mà các Chuko lại bốc lửa, rơi xuống. Không còn gì đau đớn hơn thế.

Chuko là loại máy bay ném bom tiêu biểu cho Hải quân nhưng có một nhược điểm là phòng vệ rất kém, đến mức bị quân Mỹ đặt cho cái tên lóng khó ưa là “bật lửa dùng một lần” *. Dù Chuko là máy bay ném bom nhưng lại không có bình nhiên liệu chống đạn, đến cả giáp bảo vệ ghế điều khiển cũng không có. Vì thế, nếu bị tấn công, nó rất dễ bị bắn hạ. Nhắc đến đây, năm 1943 chiếc máy bay mà Tổng tư lệnh hạm đội liên hợp, Đại tướng Yamamoto Isoroku, đã dùng và bị bắn hạ chính là chiếc máy bay tấn công căn cứ mặt đất kiểu 1 này.

Dù vậy, cuối cùng đội Chuko cũng đã tiếp cận tàu vận tải của địch. Các chiến cơ địch vừa tản ra, từ dưới một cơn bão pháo đối không dữ dội thổi lên. Các máy bay yểm trợ cũng tránh pháo đối không, phải rút lên trên nhưng đội Chuko vì nhiệm vụ phóng lôi kích nên đã bay xuống thấp hơn trong màn lửa hung tợn.

Chẳng bao lâu đội Chuko đã bay là là mặt biển vào đường bay ném ngư lôi. Đạn pháo đối không dữ dội từ tàu địch vây bủa. Các Chuko lần lượt bốc cháy, và chìm xuống biển. Dù thế, đội Chuko dũng cảm vẫn đột phá vào màn pháo lửa đó. Thật sự kinh hoàng.

Ta thấy các tàu vận tải của địch bị trúng những quả ngư lôi chết người. Nhưng ngay sau đó, các chiến cơ địch lại tiếp tục tấn công đội Chuko. Đội Reisen cũng kiên quyết bám chặt. Trận công kích của địch kéo dài khiến đội Chuko khá căng thẳng.

Ngày hôm đó nghe nói phe ta đã bắn chìm 2 tàu địch và 9 chiếc tàu vận tải. Nhưng khi ta xem lại tư liệu của quân Mỹ sau chiến tranh thì được

biết chúng ta chỉ đánh chìm tàu khu trục và tàu vận tải mỗi loại một chiếc.

Hôm đó, ta xuất kích vào lúc 8 giờ sáng, trở về lúc 3 giờ chiều, ngồi trên ghế điều khiển suốt bảy giờ đồng hồ. Trận không kích Guadalcanal đầu tiên này khiến ta mệt mỏi đến kiệt sức. Khi đáp xuống Rabaul, toàn thân ta như rã rời. Cuối cùng cũng được bước khỏi máy bay. Ta vẫn còn nhớ cảm giác mặt đất như chao đảo bồng bềnh khi đi về phía doanh trại. Nếu có thể, ta muốn ngã lăn ngay ra đất.

Những phi cơ không trở về ngày hôm đó gồm 18 chiếc Chuko và 2 chiếc Reisen.

Trong vòng hai ngày ngắn ngủi, đã mất 9 chiếc Kanbaku kiểu 99, 23 chiếc tấn công mặt đất kiểu 1, và 10 chiếc Reisen. Gần hết máy bay tấn công và một nửa Reisen ở Rabaul bị tiêu diệt. Tổn thất phi hành viên là 150 người. Phi hành đoàn máy bay tấn công mặt đất kiểu 1 gồm 7 người, nên nếu một chiếc bị bắn rơi thì 7 mạng người cùng mất. Những chàng trai điêu luyện, những phi công, trinh sát, xạ thủ, thông tin viên đều là những thành viên phi hành đoàn quý giá, được rèn giũa qua nhiều năm. Thế mà chỉ trong hai ngày 150 người đã tử trận.

Ta nhớ lại những lời Miyabe đã nói. “Cuộc chiến đang trở nên cam go.” Và tổn thất ngày hôm ấy, tuyệt nhiên không phải là ngoại lệ.

GUADALCANAL

“**T**a nghỉ một chút có được không?”

Ông Izaki nói rồi ngả lưng xuống giường. Cô Emura nhấn chuông gọi hộ lý.

“Ông không sao chứ ạ?”

Ông Izaki nằm im trên giường trả lời. “Tôi hơi đau.”

Cô hộ lý vào tiêm thuốc. Một lát sau, ông Izaki nhắm mắt lại, người dần thả lỏng.

“Vậy tụi cháu xin phép ạ!”

Chị tôi nói với cô Emura. Vừa nghe thế, ông Izaki nói lớn. “Hãy chờ đó. Ta vẫn còn chuyện cần kể.”

“Bố à, bố không sao chứ?” Con gái ông lo lắng hỏi.

“Ta ổn. Đã hết đau rồi.”

Ông Izaki ngồi dậy, nhưng nét mặt cho thấy ông đang cố chịu đựng cơn đau.

“Ông ơi, hôm khác tụi cháu lại đến thăm ông ạ!”

“Không cần phải vậy đâu.” Ông Izaki nói. “Sống đã 80 năm rồi thì cơ thể chỗ này chỗ kia có chút bất ổn là đương nhiên mà.”

Cô hộ lý nói cũng vừa hết giờ làm nên sẽ ở lại đây thêm một lát.

“Có cô hộ lý kèm thì yên tâm rồi.” Ông Izaki cười nói nhưng tôi có cảm giác ông đang gắng gượng. Cô Emura Reiko nhìn cha lo lắng.

“Hồi trẻ ta rất tự tin về sức khỏe của mình. Khi ở Rabaul ta chỉ... bằng tuổi Seiichi hiện giờ.”

Câu trai trẻ Seiichi phút chốc cứng mặt.

“Ông và ông cháu có mối quan hệ thân thiết đến thế ạ?” Chị Keiko hỏi.

“Nhờ là thành viên đội bay của tiểu đội trưởng Miyabe mà ta có thể sống sót trong cuộc chiến đó. Khi vừa đến Rabaul, ta hoàn toàn không sợ cái chết. Một thanh niên 19 tuổi thì chắc không thể biết quý trọng mạng sống. Có thể so sánh một cách hơi bông đùa, nhưng nó cũng giống việc ta không có số tiền lớn mà đi đánh bạc vậy, nghĩ rằng dù thế nào cũng thua nên bình thản đặt cược hết số tiền mình có. Thế nhưng, vì lý do nào đó ta lại liên tục thắng, cứ như thế đến lúc biết được cảm giác sợ hãi, bắt đầu không muốn thua. Đó là thứ tâm trạng giống như vậy đấy.”

“Cháu hiểu.”

“Mùa thu năm 1942, những phi công lão luyện còn sống trong trận Midway lần lượt được đưa từ nội địa ra. Tuy nhiên, dù là những phi công đầy kinh nghiệm thì Rabaul vẫn quá tàn khốc.”

“Là mồ chôn của các phi công phải không ạ?”

Ông Izaki gật đầu.

“Nhưng bọn ta dù thế vẫn còn may mắn. Những người thấy địa ngục thật sự...” Ông Izaki khẽ thở hắt. “... là lính lục quân chiến đấu trên đảo Guadalcanal.”

Các cháu biết về trận chiến của Lục quân tại đảo Guadalcanal chứ? Lớp trẻ bây giờ chắc không biết gì về chuyện ấy đâu nhỉ?

Chuyện này không liên quan tới tiểu đội trưởng Miyabe nhưng ta cũng muốn các cháu biết về lính lục quân chiến đấu trên đảo Guadalcanal. Không, nếu đã là người Nhật, ta không muốn ai quên bi kịch này. Ta cũng muốn Seiichi biết. Hơn nữa, nếu không biết về nó, chắc chắn không thể hiểu phi đội Rabaul của ta và tiểu đội trưởng Miyabe vì sao lại đánh đổi mạng sống để chiến đấu như vậy.

Tuy vậy, sau chiến tranh ta mới biết về những điều xảy ra ở Guadalcanal, đó chính là hình ảnh thu nhỏ của chiến tranh Thái Bình Dương. Những thành phần ngu xuẩn nhất của Tổng hành dinh Đế quốc và quân Nhật đều hiện rõ trong trận chiến trên đảo này. Đó là chiến trường bộc lộ một phần tồi tệ nhất của nước Nhật. Chính vì thế, ta muốn toàn bộ người Nhật đẹp biết về trận Guadalcanal. Trận chiến kéo dài nửa năm này là bước ngoặt thật sự của chiến tranh Thái Bình Dương.

Ngày 7 tháng Tám, khi quân đội Mỹ tấn công đảo Guadalcanal, ban đầu Tổng hành dinh Đế quốc chỉ nghĩ đó là cuộc chiến nhỏ, và Mỹ chỉ tấn công vì Guadalcanal có phòng vệ mỏng. Những điều này cũng là sau chiến tranh ta mới biết.

Lúc này, ta có kế phi đội Rabaul lập tức tấn công tàu vận tải của Mỹ. Sau đó, nhằm cướp lại sân bay trên đảo Guadalcanal, tháng sau Tổng hành dinh Đế quốc đã đưa Lục quân tham chiến. Đó chính là lúc bi kịch bắt đầu.

Tổng hành dinh Đế quốc không cho trinh sát tình hình địch trước mà phán đoán rằng quân đội Mỹ có khoảng hai vạn người, cho nên đưa tới đó hơn 9.000 quân.

Ta không rõ con số hai vạn từ đâu ra, nhưng điều khiến ta ngạc nhiên là họ lại cho rằng có thể cướp lại sân bay và hòn đảo với binh lực chỉ bằng một nửa binh lực địch mà họ ước đoán. Họ nghĩ rằng Lục quân Đế quốc mạnh đến thế sao? Mặt khác, trên thực tế lực lượng Thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ lên đảo là 13.000 người.

Theo một tài liệu ta đọc sau chiến tranh, đêm trước đột kích, lực lượng đổ bộ của Lục quân Nhật đã sẵn tâm lý chiến thắng. Chỉ huy trưởng, Đại tá Ichiki lại là người kiêu ngạo. Khi vừa nhận lệnh tiến hành kế hoạch lần này, ông ta đã hỏi Tổng tư lệnh. “Không chỉ Guadalcanal mà chúng ta tấn công cả Tulaghi bờ đối diện được không?”

Đây là cuộc quyết đấu đầu tiên giữa Lục quân Nhật Bản và Thủy quân lục chiến Mỹ. Binh lính Lục quân chắc hẳn đã mang tâm lý sẽ tiêu diệt sạch bọn Yankee * hèn yếu. Thời đó, chúng ta luôn được dạy rằng người Mỹ hèn nhát và yếu đuối. Với bọn chúng gia đình là số một, chúng chỉ chờ đợi cuộc sống an nhàn khi trở về nước. Bọn chúng ghét chiến tranh, yêu sinh mạng hơn bất cứ thứ gì khác. Chính vì thế khi cuộc chiến trở nên khắc nghiệt thật sự, chúng sẽ không ngần ngại đầu hàng. Ngược lại, quân đội Đế quốc lại mang tinh thần quyết tử, thà hy sinh anh dũng còn hơn là phải làm tù binh. Vì vậy, không có lý nào chúng ta lại thua. Việc ước lượng binh lực chỉ bằng phân nửa quân địch thế này có lẽ cũng do định kiến đó. Vậy nên cũng

không thể trách các binh sĩ trung đoàn Ichiki khi họ vui đùa “Ngày mai sẽ chiến thắng dễ dàng thôi”.

Thế nhưng kết cuộc thì... nói ra cay đắng quá. Trung đoàn Ichiki đã bị tiêu diệt hoàn toàn ngay trong đêm công kích. Trước hỏa lực áp đảo của quân Mỹ, cuộc đột kích giáp lá cà của quân đội Nhật Bản hoàn toàn thất bại.

Về cơ bản, cuộc chiến của Lục quân Nhật Bản là cuộc đột kích lưỡi lê, là cách đánh liều lĩnh tiến vào trại địch, đâm chết quân địch bằng lưỡi lê. Trong khi đó, quân Mỹ được trang bị cả pháo hạng nặng, súng máy hạng nặng và súng máy hạng nhẹ. Quân Mỹ trút pháo như mưa vào quân Nhật, xả súng máy vào binh lính Nhật vốn tay không đến đột kích.

Chắc chắn không thể nào thắng nổi trong một trận chiến như thế. Hay nói cách khác, quân Nhật giống như đoàn kỵ binh của Takeda trong trận Nagashino * khiêu chiến với binh đoàn súng hỏa mai của Oda Nobunaga *. Làm sao lại có thể cho tiến hành kế hoạch ngu xuẩn như vậy được? Bộ Tổng tham mưu đã nghĩ gì vậy chứ? Ta hoàn toàn không thể hiểu được căn nguyên vì đâu mà họ cho rằng sẽ thắng quân Mỹ với cách tác chiến như thời chiến quốc vậy.

Sau chiến tranh, ta có dịp xem những tấm ảnh chụp hàng loạt xác binh lính Nhật trên bãi cát vào buổi sáng sau khi trận chiến kết thúc. Trên thi thể họ không còn vết máu nào, phải chăng sóng đã gột sạch rồi? Tấm ảnh nào cũng đầy đau thương. Tất cả họ đều là những chàng trai có cha mẹ hoặc vợ con nơi quê nhà. Ta không thể tiếp tục xem những bức ảnh đó vì nhòa lệ.

Người ta nói rằng chỉ trong một đêm, cứ khoảng 800 người xuất kích thì 777 người thiệt mạng. Lữ đoàn trưởng Ichiki đã đốt cờ và tự vẫn. Số quân Mỹ tử trận rất ít.

Khi nhận được tin Lữ đoàn Ichiki bị tiêu diệt hoàn toàn, Tổng hành dinh Đế quốc quyết định đưa thêm 5.000 quân đi, đinh ninh rằng như vậy là đủ. Thế nhưng, quân Mỹ đã bổ sung lực lượng. Tuy đã đẩy lùi quân Nhật

nhưng họ dự đoán rằng sau đó quân Nhật sẽ tăng viện, nên đã tăng quân đồn trú lên đến 18.000 người.

Chiến lược của các tham mưu Tổng hành dinh Đế quốc hoàn toàn bốc đồng. Ban đầu là không điều tra lực lượng địch, chỉ thuần đánh giá theo điều kiện của phe mình, nghĩ rằng đưa đi lữ đoàn chưa đến 1.000 người là đủ. Trận ấy không xong thì quan niệm đơn giản là đưa tiếp 5.000 người sẽ thắng. Chiến thuật “xuất quân nhỏ giọt” này là nên tránh nhất. Thế nhưng, tầng lớp ưu tú của Tổng hành dinh Đế quốc lại không hiểu kiến thức cơ bản này. Binh pháp Tôn Tử có một câu nổi tiếng: “Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng”. Không biết gì về địch mà lại muốn chiến đấu, thật không còn gì để nói!

Thương tâm nhất là những binh sĩ được sử dụng như những quân tốt thí trong các chiến lược bốc đồng này.

Lần tấn công thứ hai, quân Nhật cũng bị đánh tan tác, nhiều binh lính đã phải trốn vào rừng để rồi lại bị cái đói hành hạ. Ta gọi Guadalcanal là đảo Ga, đôi khi viết là đảo Đói cũng là vì thế. Sau này Tổng hành dinh Đế quốc liên tục lặp lại việc đưa người nhỏ giọt, tất cả những binh sĩ đến đó đều phải chịu đựng cái đói. Và rồi họ chết không phải vì chiến đấu mà chết vì đói.

Các chiến sĩ đảo Ga đã bị định đoạt số mệnh như thế đấy.

“Người còn đứng được thì sống được 30 ngày, còn ngồi được thì 3 tuần, nằm liệt thì còn 1 tuần, không còn nói được nữa thì còn 2 ngày, đến khi không còn chớp mắt được nữa thì chỉ còn sống một ngày thôi.”

Cuối cùng, quân Nhật đổ bộ tổng cộng hơn 30.000 quân, nhưng 20.000 binh sĩ đã mất mạng ở Guadalcanal. Trong 20.000 quân đó, số người chết vì chiến đấu là 5.000. Số còn lại chết vì đói. Trên thân thể của các binh sĩ còn sống đều lên gòi. Bi thảm đến nhường nào các cháu có hiểu nổi không?

Nói đến đây, các chiến dịch mà quân Nhật phải chịu đựng cơn đói còn nhiều. Cả New Guinea, cả Leyte, cả Luzon, cả Imphal, hàng chục nghìn sĩ quan và binh lính đã chết vì đói.

Vì họ không được chuẩn bị quân lương. Lục quân Nhật Bản chỉ chuẩn bị lương thực cho kế hoạch tác chiến trong vài ngày, sau khi chiếm được đồn địch sẽ lấy lương thực ở đó cho những ngày tiếp theo, hơn nữa sau khi tấn công vào đồn địch sẽ bổ sung lương thực. Chắc họ nghĩ các chiến sĩ không có lương thực, vì bị dồn vào chân tường nên sẽ phải chiến đấu điên cuồng. Các binh lính Lữ đoàn Kawaguchi được đưa đến sau Lữ đoàn Ichiki gọi lương thực của quân Mỹ là “Lương Roosevelt” và trông chờ vào đó.

Tuy thế, chiến tranh lại không dễ dàng diễn biến theo kế hoạch. Sự thật thì trên chiến trường, chính những binh đoàn của ta mới bị địch xóa sổ. Sau đó sẽ là trận chiến với cái đói trong rừng già. Hậu cần quân sự, nghĩa là việc tiếp tế lương thực và đạn dược cho quân đội, luôn là nền tảng của cuộc chiến.

Thứ mà các võ tướng thời chiến quốc xem trọng nhất trong cuộc chiến chính là hậu cần. Thế nhưng các tham mưu của Tổng hành dinh Đế quốc lại không nghĩ đến cả điều này. Tất cả họ đều là những nhân tài ưu tú hàng đầu của Đại học Lục quân, mà tầng lớp hàng đầu của Đại học Lục quân khi đó chẳng hề thua kém tầng lớp hàng đầu của Khoa luật Đại học Tokyo.

Vậy là 30.000 sĩ quan và binh lính đã bị bỏ rơi tại Guadalcanal. Dù Hải quân đã đưa rất nhiều tàu vận tải tiếp lương thực và đạn dược đến Guadalcanal, nhưng trước khi đến gần đảo, chúng đã bị các máy bay địch đến từ phi trường Guadalcanal đánh chìm.

Sau đó, bằng một biện pháp tuyệt vọng, việc vận chuyển lương thực được giao cho các tàu khu trục tốc độ cao thi hành. Gạo được đóng thùng và đưa vào bờ biển bằng dây thừng. Hạm trưởng của các khu trục hạm chế giễu rằng đây là *Vận tải chuột* *. Tuy nhiên nỗ lực này với một chiếc khu trục hạm cũng chỉ vận chuyển được lượng lương thực vài ngày cho số binh sĩ lên đến hơn 20.000 người. Sau đó, liên tiếp nhiều tàu khu trục bị địch phục kích đánh chìm. Hơn nữa, nhiều thùng bị súng máy của chiến cơ Mỹ bắn chìm.

Sau cùng, các tàu ngầm vốn có nhiệm vụ quan trọng là thả ngư lôi lại được giao việc vận chuyển gạo.

Trong thời gian đó, tại biển Solomon, nhiều trận hải chiến cũng nổ ra. Hạm đội liên hợp đánh bại quân Mỹ cũng có, nhưng ngược lại, hạm đội Mỹ cũng đánh chìm tàu của Nhật. Tuy vậy, hải chiến Guadalcanal đã từng có một cơ hội lớn.

Ngày 7 tháng Tám, quân Mỹ đã đột kích Guadalcanal, khi đó Hạm đội số Tám ở Rabaul lập tức xuất kích nhằm tấn công tàu vận tải địch. Đêm hôm sau, ngày 8, họ đã gặp hạm đội Mỹ yểm trợ cho đoàn tàu vận tải ở ngoài khơi đảo Savo. Nó được gọi là “Trận chiến biển Solomon lần thứ nhất”, trong trận chiến đó, Hạm đội Tám do Tư lệnh Mikawa Gunichi chỉ huy đã đánh bại hoàn toàn hạm đội tuần dương Mỹ.

Cuộc đột kích ban đêm do Hải quân Nhật tiến hành đã thành công.

Thế nhưng, hạm đội Mikawa lại lập tức lui quân. Nếu khi đó tiếp tục tiến lên tấn công đoàn tàu vận tải địch thì có thể đã tiêu diệt hoàn toàn đoàn tàu vận tải. Thuyền trưởng Hayakawa của tàu tuần dương Chokai đã xin tấn công đoàn tàu vận tải ấy nhưng Đô đốc Mikawa vẫn cho rút quân.

Đô đốc Mikawa e sợ tàu sân bay Mỹ. Dù có cho tiêu diệt được đoàn tàu vận tải, thì khi trời sáng, nếu bị các máy bay trên tàu sân bay Mỹ tấn công, đối với hạm đội không được máy bay chiến đấu yểm trợ như thế, họ sẽ lâm vào một cuộc chiến tuyệt vọng.

Nhưng sự thật là khi đó, 3 chiếc tàu sân bay Mỹ đều ở khá xa Guadalcanal. Do ngày 7 hôm trước, Nhật đăng phi tào Sakai và Nhật đăng phi tào Nishizawa đã chiến đấu anh dũng. Sáng hôm đó, đội Reisen ở Rabaul mà trong đó có ta và tiểu đội trưởng Miyabe tham gia, lại tấn công địch kịch liệt nên đội chiến đấu cơ trên tàu sân bay Mỹ đã bị thiệt hại tương đối. Vì thế, chỉ huy mẫu hạm là Đô đốc Fletcher tưởng rằng tàu sân bay Nhật đang tiến đến gần. Vì cho rằng không thể ngăn chặn cuộc tấn công của tàu sân bay Nhật trong tình trạng tổn thất nhiều máy bay chiến đấu như vậy nên ông ta đã rút lui về phía đông. Cuộc tấn công quyết liệt trong hai ngày của đội Reisen Rabaul đã đẩy lùi đám tàu sân bay Mỹ.

Vậy mà hạm đội Mikawa đã không thể nắm bắt cơ hội chiến thắng này. Khi ấy, đoàn tàu vận tải địch không thể cho đổ bộ những thứ như pháo hạng nặng, nên nếu hạm đội Mikawa tấn công, rất nhiều vũ khí đạn dược của đoàn tàu vận tải Mỹ sẽ phải chìm xuống biển. Nếu thế thì các trận chiến của trung đoàn Ichiki và trung đoàn Kawaguchi diễn ra sau này sẽ diễn biến theo một hướng hoàn toàn khác. Các sĩ quan và binh lính ở tuyến đầu chiến đấu hết mình, vậy mà sự yếu đuối của Bộ Tổng tư lệnh lại khiến nó thành ra thế này, thật là đáng tiếc.

Đây cũng là chuyện sau chiến tranh ta mới biết. Khi Đô đốc Mikawa được bổ nhiệm làm Tư lệnh Hạm đội Tám, Tham mưu trưởng Hải quân Nagano đã nói. “Nền công nghiệp nước ta còn non kém, cố hết sức đừng làm chìm thuyền.” Trời ạ! Đó là lối suy nghĩ gì vậy? Sinh mạng của binh lính và phi công bị xem như vật hiến tế, còn mấy chiếc chiến hạm lại thành quan trọng đến thế ư!

Ta còn nghe được một tin đồn không hay khác. Đối với một tư lệnh Hạm đội, tiêu chí đánh giá quan trọng để được trao tặng huân chương danh dự nhất, huân chương Điều hâu vàng, là đánh đắm nhiều chiến hạm trong cuộc hải chiến. Xem chiến hạm là quan trọng nhất, tiếp xuống lần lượt là tuần dương hạm và khu trục hạm, còn tàu vận tải thì đánh chìm bao nhiêu chiếc cũng không ghi nhận. Nhưng nếu để mất tàu thì lại bị điểm trừ rất lớn. Nếu nói rằng Đô đốc Mikawa vì thành tích mà sau khi bắn chìm tuần dương hạm và khu trục hạm đã chẳng thèm để mắt đến các tàu vận tải mà nhanh chóng rút lui, thì cũng không phải quá lời.

Dù sao việc Hạm đội Mikawa lui quân là một nỗi hối tiếc lớn đối với trận hải chiến Guadalcanal.

Sau đó, Hạm đội Nhật Bản đã giáng cho Hạm đội Mỹ nhiều đòn đau. Vào tháng Tám, chiếc tàu ngầm I-26 của ta đã phóng ngư lôi làm tàu sân bay Saratoga của Mỹ mất khả năng chiến đấu, cũng trong tháng Tám chiếc I-19 đã bắn chìm mẫu hạm Wasp.

Ngày 26 tháng Mười, trong trận Hải chiến Nam Thái Bình Dương, cuộc quyết đấu giữa các tàu sân bay từ sau trận Midway, phi hành đoàn mẫu hạm chúng ta tấn công kịch liệt đánh chìm mẫu hạm Hornet, làm hư

hại nặng mẫu hạm Enterprise. Chiếc Hornet chính là mẫu hạm đã tiến hành không kích Tokyo. Nghe nói khi đó phi đội mẫu hạm của ta dùng cảm tấn công từ cự li xa, có nhiều người hy sinh nhưng cuối cùng đã đánh chìm được Hornet.

Thực ra, có một điều mà quân Nhật không biết, đó là ngay sau trận hải chiến Nam Thái Bình Dương, quân Mỹ rơi vào tình thế nguy hiểm, bởi trên Thái Bình Dương họ không còn một chiếc mẫu hạm nào có thể hoạt động. Ngày hôm ấy, hình như được đặt là ngày kỷ niệm Hải quân Mỹ, gọi là “Ngày kỷ niệm Hải quân tồi tệ nhất trong lịch sử”. Khi đó, đội đồn trú Guadalcanal của Mỹ đã nghĩ đến việc rút quân.

Sau chiến tranh, nhiều sử gia chiến tranh Mỹ đã nói rằng: “Khi đó, nếu Hạm đội liên hợp Nhật dồn tất cả binh lực để tấn công thì họ đã có thể chiếm lại Guadalcanal.” Thế nhưng, một lần nữa Hải quân Đế quốc lại chọn chia nhỏ binh lực, bỏ lỡ cơ hội ngàn năm có một đó. Ngược lại, kẻ dồn hết binh lực chiến đấu đến cùng lại là quân Mỹ.

Chiến hạm lớn nhất thế giới Yamato nằm yên bình ở đảo Truk cách hơn 1.000 cây số về phía Bắc Rabaul, chưa một lần xuất kích đến Guadalcanal. Các sĩ quan thuộc Bộ Tổng tư lệnh từ Đô đốc Yamamoto trở xuống, vừa ăn bữa trưa thịnh soạn trong khi ban quân nhạc diễn tấu, vừa hạ lệnh cho sĩ quan và binh lính tuyển đầu. Các cháu có biết những người lính thủy gọi Yamato là gì không? Là Khách sạn Yamato đấy!

Trong khi đó, các chiến sĩ chiến đấu ở tiền tuyến lại luôn nỗ lực. Ngoài khơi Lunga, hạm đội khu trục “Vận tải chuột” bị bốn chiếc tàu tuần dương hạng nặng tấn công bất ngờ, nhưng chúng ta chỉ mất một tàu khu trục, đánh chìm một và phá hỏng ba chiếc tàu tuần dương hạng nặng. Đó là một chiến công đáng tuyên dương. Vốn dĩ, khu trục hạm không đấu với tuần dương hạm hạng nặng được. Việc đó giống như một chiếc xe hơi nhẹ đâm vào chiếc xe tải đồ sộ vậy. Tuy nhiên, Tư lệnh Tanaka Raizo đã phản công táo bạo, và đánh bại tàu tuần dương hạng nặng đó.

Nói ngoài lề một chút, Tư lệnh Tanaka, người đã lập nên thành quả chiến tranh đó, sau trận hải chiến này không biết vì lý do gì lại bị giáng

cấp. Ông ấy là người mà chính quân Mỹ vinh danh, ca ngợi đến tận mây xanh là “Vị tướng bất khuất, dũng cảm nhất Hải quân Nhật Bản.”

Nhắc đến đây, tàu ngầm I-26 khiến chiến hạm Saratoga lâm vào tình trạng mất khả năng chiến đấu suốt ba tháng do bị một quả ngư lôi phóng trúng. Đây là vinh dự không gì hơn cho toàn thủy thủ đoàn. Họ đã nhẫn nại chịu đựng sau trận lôi kích suốt 12 giờ đồng hồ, lại liên tục bị tấn công bằng bom chống tàu ngầm mà vẫn sống sót.

Nhìn chung, Hải quân Đế quốc rất lạnh nhạt đối với các chiến sĩ chiến đấu hết mình ở tuyến đầu. Nó là tổ chức mà các sĩ quan xuất thân từ trường Đại học Hải quân dù có mắc lỗi thế nào cũng vẫn có thể thăng tiến, trong khi các sĩ quan binh lính khác hiếm khi được thưởng. Những người tốt nghiệp trường Đại học Hải quân với thành tích xuất sắc sẽ được bảo đảm tương lai, nhưng những người chỉ dừng lại ở Học viện Quân sự thì không thể thăng tiến cao được. Chúng ta, binh sĩ và hạ sĩ quan, ngay từ đầu chỉ là công cụ của bọn họ, đối với các sĩ quan, mạng sống của hạ sĩ quan và binh lính cũng chỉ như những viên đạn của khẩu súng. Tổng hành dinh Đế quốc và Bộ Tổng tư lệnh không phải là con người!

Xin lỗi. Ta đã quá xúc động rồi. Trở lại câu chuyện nào. Ừm... Tuy vậy, những trận mà chúng ta bị đánh bại cũng không phải ít.

Trong trận chiến đêm trên biển Savo, tàu tuần dương hạng nặng đã bị đánh chìm bằng súng radar, trong trận chiến trên biển Solomon lần thứ ba, quân ta cũng mất hai thiết giáp hạm đời cũ vì súng radar. Ngay cả lúc đó, Hạm đội Liên hợp cũng không nỡ đưa Yamato vào tham chiến mà chỉ cho thiết giáp hạm hạng hai xuất kích.

Tuy nhiên, khó khăn của từng trận hải chiến là không dễ dàng gì mà tiến hành được các chiến dịch vận tải. Đó là do chúng ta không có khả năng kiểm soát không phận. Thậm chí dù định hạm đội bằng máy bay nhưng khoảng cách 560 hải lý từ Rabaul là quá xa. Sau này khi đã xây dựng căn cứ không quân tại Buin trên đảo Bougainville, nằm giữa Rabaul và Guadalcanal thì dễ thở hơn chút ít, nhưng đó cũng không phải khoảng cách có thể giành lại quyền không chế không phận.

Chiến thuật còn lại là dùng mẩu hạm yểm trợ tàu vận tải, nhưng việc đến gần căn cứ không quân hùng mạnh của địch là hành động vô cùng nguy hiểm.

Huống chi, sau khi 4 chiếc mẩu hạm bị đánh chìm trong trận Midway, Tổng hành dinh Đế quốc và Bộ Tổng tư lệnh Hạm đội liên hợp sẽ không dám đề ra những chiến lược mạo hiểm như vậy nữa.

Chẳng hiểu tại sao Lục-Hải quân Nhật Bản lại có thể tác chiến trong tình trạng không được chi viện kéo dài đến thế. Dù sao, trận chiến đã nổ ra. Để chiếm lại phi trường trên đảo Guadalcanal thì buộc phải tiêu diệt lực lượng không quân địch. Gánh vác trọng trách đó là phi đội Rabaul chúng ta. Câu chuyện ta sắp kể sau đây chính là việc Rabaul bắt đầu được gọi bằng cái tên *Mồ chôn của các phi công*.

Phi đội Rabaul bị tiêu hao nhanh chóng từ sau trận hải chiến Guadalcanal. Việc xuất kích diễn ra hằng ngày. Mỗi lần như vậy, số lượng máy bay không trở về khá nhiều.

Trong các phi đội, đội có nhiều người hy sinh nhất là các Chuko, máy bay tấn công mặt đất kiểu số 1, bởi tính phòng ngự rất yếu. Reisen cũng là máy bay có tính phòng ngự yếu nhưng khả năng chiến đấu và tính năng xoay vòng hiểm có đã bù lại cho tính phòng vệ yếu kém. Còn Chuko tốc độ lại chậm, nếu đã bị máy bay chiến đấu nhắm vào thì không thể cứu nổi.

Mùa thu năm 1942, gần nửa số máy bay xuất kích của phi đội Chuko đã không trở về. Đôi khi có những đợt tấn công mà tất cả đều bị tiêu diệt. Các thành viên phi đội Chuko có vẻ đều từ bỏ hy vọng sống. Chẳng phải vậy sao? Vì rằng xác suất bị bắn rơi trong không chiến với Mỹ là trên năm mươi phần trăm. Và lại, việc xuất kích lại lặp lại nhiều lần. Gương mặt họ chẳng còn chút sinh khí nào, chỉ hần lên vẻ kiệt sức vì chiến đấu. Tuy vậy, họ vẫn can trường đến phút cuối, không ca thán một câu mà tận lực thi hành nhiệm vụ được giao. Sau này các cảm tử quân của đội Kamikaze cũng can trường chấp nhận vận mệnh của mình mà xuất kích như thế. Đội Chuko Rabaul cũng chiến đấu khi cầm chắc là mình sẽ chết.

Ngay cả đội Reisen mỗi lần xuất kích cũng mất một hoặc hai chiếc. Trong phòng nghỉ của thành viên phi đội dần xuất hiện những vật dụng

không còn chủ nhân. Những thứ đó được gom lại và gửi về cho gia đình ở đất liền. Trong số đó có cả những bức di thư. Trong phi đội có người viết di thư, nhưng cũng có người không viết. Ta cũng từng nghĩ đến lúc bất trắc và viết di thư, nhưng không ít người có cảm giác rằng viết di thư nghĩa là mình sắp chết trận nên đã không viết.

Nỗi đau buồn vì mất đồng đội không cảm nhận được ngay khi trận chiến kết thúc mà là vào bữa cơm tối. Những đồng đội mới cùng ăn bữa sáng với chúng ta, buổi tối đã không còn xuất hiện nữa. Cơm tối luôn được chuẩn bị phần cho tất cả phi đội. Nhà ăn không quy định ai ngồi ở đâu nhưng do thói quen mỗi người đều luôn ngồi những chỗ cố định. Trong cuộc họp ở công ty cũng định những vị trí ngồi giống như vậy phải không?

Nếu một chiếc ghế trống trong giờ cơm tối, nghĩa là người ngồi ở đó đã hy sinh. Nếu đó là anh chàng vẫn thường ngồi cạnh ta thì càng không thể chịu đựng nổi. Những người lính lái máy bay thì khi chết thi thể cũng chẳng còn. Sau những trận chiến ác liệt, có khi trống rất nhiều chỗ. Chính vì thế, tại bữa cơm tối, chúng ta tuyệt nhiên không thể cười đùa nổi.

Tại bữa ăn sáng vào một ngày tháng Chín, Nhị đẳng phi tào Higashino, đàn anh của ta cũng từng ở phi đội Yatabe, đã nói to rằng. “Ta muốn ăn bánh Đại phúc *, dù chỉ một lần thôi cũng được.”

Nghe anh ấy nói thế, ta cũng ứa nước miếng. Từ khi đến Rabaul, bọn ta chưa từng được ăn những thứ như vậy.

“Chúng ta chiến đấu cật lực, cũng nên được ăn bánh Đại phúc hoặc thứ gì đó đại loại như thế chứ nhỉ.”

Nghe Higashino nói đùa, mọi người cùng cười vang.

Tối hôm đó, trên bàn ăn bày bánh Đại phúc. Các nhân viên nhà bếp đã nghe được những lời đó nên cố gắng chuẩn bị bánh Đại phúc cho chúng ta. Nhưng bữa tối hôm đó đã trống chỗ Higashino. Không ai động tay vào chiếc bánh Đại phúc nào.

Chẳng bao lâu, cảnh đó trở thành chuyện hằng ngày.

Nhất đẳng phi tào Sakai sau đó bị mất một mắt và được trở về đất liền. Át chủ bài của Rabaul là Trung úy Sasai Junichi cũng đã không trở về khi trận Guadalcanal bắt đầu chưa được ba tuần. Tháng Chín, chiến binh kỳ cựu Chuẩn úy Takatuka Toraichi và Tam đẳng phi tào trẻ tuổi nhưng thành thạo không chiến Uto Kazushi cũng hy sinh. Đến tháng Mười, Nhất đẳng phi tào Ota Toshio, người từng cùng tạo đội hình nhào lộn với Nhất đẳng phi tào Nishizawa và Nhất đẳng phi tào Sakai tại Cảng Moresby, cũng đã không trở về.

Những chuyện đó thật không tin được. Ta không biết đám phi công Mỹ mới hiện nay thế nào, nhưng những phi công - niềm tự hào của Không lực Hải quân Nhật bản thì đã dần một đi không trở lại.

Nghĩ lại thì đó cũng là chuyện đương nhiên. Bởi lẽ chúng ta đã bay đi bay về với khoảng cách trên 2.000 km, chiến đấu trên bầu trời của địch ngày nối ngày. Một lượt tấn công ngòi suốt bảy giờ đồng hồ trên ghế điều khiển. Và lại luôn cận kề cái chết, thật sự rất mệt mỏi.

Xuất kích bay đến đảo Guadalcanal không thể lơ là, bởi chúng ta không biết địch sẽ đến tấn công lúc nào. Cứ thế cho đến khi vào không phận địch, tiếp theo là chờ đối đầu với máy bay đánh chặn của địch. Địch đã dò tìm được đội không kích của ta trước bằng thiết bị định vị, nên thường phục kích tại những vị trí chiếm ưu thế. Đó là Hệ thống dò tìm và định vị bằng sóng vô tuyến radar. Thời đó, kỹ thuật này đã tạo ra sự khác biệt rất lớn.

Dù là Reisen thì khi bắt đầu trận không chiến từ vị trí yếu thế cũng không dễ dàng. Hơn nữa, đối với đội Reisen, nhiệm vụ quan trọng là bảo vệ đội Chuko. Không tùy ý chiến đấu được. Và lại, do còn chất đầy nhiên liệu để trở về nên thân máy nặng nề, không chuyển động linh hoạt được.

Kết thúc trận ném bom của phe mình, lại phải tránh máy bay địch đuổi theo, quay lại lộ trình hơn ngàn cây số một lần nữa. Vì trên đường trở về cũng có quân địch theo đuôi phục kích nên không thể khinh suất dù chỉ một giây. Sự mệt mỏi cả về thể xác lẫn tinh thần đó là thứ trước giờ ta chưa từng trải qua. Ngoài ra, trên đường trở về, nếu bị lạc mất đội hình của mình thì chỉ có thể trở về bằng cách dùng bản đồ và compa tính toán đường bay.

Nhiều trường hợp bị trúng đạn trong lúc chiến đấu, dù không bị bắn hạ ngay thì chẳng bao lâu sau cũng sẽ bị thương nghiêm trọng. Ta đã nói nhiều lần, khoảng cách giữa Rabaul và Guadalcanal là 1.000 cây số. Máy bay là một cỗ máy rất mỏng manh, dù chỉ trục trặc nhỏ ở động cơ cũng sẽ không thể tiếp tục vận hành.

Còn vấn đề nhiên liệu nữa. Nhiên liệu để Reisen đi và về Guadalcanal rất khít khao. Nếu tiêu hao một lượng nhiên liệu lớn trong trận không chiến trên bầu trời Guadalcanal thì sẽ không đủ nhiên liệu cho chặng về. Hơn nữa, nếu thùng nhiên liệu bị trúng đạn, cháy ra ngoài thì cũng không thể quay về. Giữa đường, điều hướng sai, lạc mất thì cũng không quay về được. Chỉ một quãng đường vòng ngắn cũng biến thành sai lầm chết người.

Chuyện bị trọng thương mà một mình vẫn có thể trở về từ Guadalcanal như anh Sakai Saburo là kỳ tích hiếm có. Phi công như thế không có mấy ai.

Một lần xuất kích phải mất một, hai ngày mới hồi sức. Thế nhưng trước khi cơn mệt mỏi qua đi thì lại có lệnh xuất kích tiếp. Một tuần mỗi phi công xuất kích ba bốn đợt không phải là chuyện hiếm. Nhiều thành viên phi đội, bao gồm cả ta đều chiến đấu trong tình trạng cận giới hạn chịu đựng của mình. Vì thế một số phi công bị bắn rơi vì những sai sót do mệt mỏi. Trung úy Sasai bị bắn hạ cũng vì anh ấy là trung đội trưởng, phải xuất kích năm ngày liên tiếp. Không chỉ có Trung úy Sasai, những phi công khác nếu được nghỉ dưỡng đầy đủ thì có lẽ đã không tử trận.

Những ngày không xuất kích thì dù thế nào ta cũng ngủ. Đây cũng là điều mà tiểu đội trưởng Miyabe dạy ta.

“Izaki. Nghe rõ đây! Nếu có thời gian thì phải nghỉ ngơi. Ăn uống đầy đủ vào và dù thế nào cũng phải ngủ. Đây là cuộc chiến dựa vào việc cậu nghỉ ngơi được bao lâu.”

Ta đã chân thành nghe theo lời dặn dò của tiểu đội trưởng. Ngay khi có thời gian rảnh là ta ngủ. Lạ lùng thay, ngủ cũng là một kỹ thuật. Nếu mình đã quyết tâm phải ngủ thì dù xung quanh có ồn ào thế nào, sáng đến đâu cũng vẫn ngủ được.

Sau chiến tranh, ta bắt đầu nghề vận tải. Ta nói đi nói lại với nhân viên của mình là dù thế nào cũng phải ngủ, đừng nghĩ sẽ lái xe bằng sức mạnh tinh thần. Có phải nhờ thế hay không thì ta không rõ, nhưng công ty vận tải của ta hầu như chưa hề xảy ra sự cố nào nghiêm trọng.

Tuy nhiên, tiểu đội trưởng Miyabe lại bị một bộ phận thành viên phi đội nói xấu sau lưng. Đó là do cách chiến đấu của anh khi đảm nhiệm vai trò bảo vệ Chuko, hỗ trợ họ ném bom. Nhiều phi công Reisen ưu tú vì bảo vệ Chuko mà đã mất mạng.

Tiểu đội trưởng cũng truy đuổi máy bay chiến địch đến tấn công Chuko, nhưng anh ấy quyết không dùng thân mình đỡ đạn thay Chuko. Anh ấy cũng không cho bọn ta làm thế. Cách tác chiến như thế bị một bộ phận thành viên phi đội gọi là “Thằng tồi.” Ta nhiều lần đảm nhiệm vị trí thành viên đội bay của tiểu đội trưởng nên cũng bị đánh giá như vậy.

Các cháu muốn hỏi ta nghĩ sao phải không? Cầu hỏi khó trả lời đấy.

Reisen chỉ có một người lái. Phi hành đoàn Chuko thì có 7 người. Nếu đổi một mạng người mà có thể cứu được 7 người, về chiến thuật thì chắc hẳn là việc đáng hy sinh. Nhưng nếu mất đi một phi công ưu tú như tiểu đội trưởng thì có phải là có nhiều sự hy sinh hơn không. Chuyện này khó mà trả lời được. Miyabe nghĩ thế nào ta không biết. Nhưng ta nghĩ, có thể người đó không muốn chính mình phải chết.

Từ nửa sau năm 1942, chiến thuật của Mỹ đối với Reisen đã thay đổi hoàn toàn.

Đến lúc đó quân Mỹ vốn đã ít chiến đấu trực diện với Reisen, nhưng sau năm 1942, họ bắt đầu né tránh giao chiến với Reisen một cách rõ rệt. Sau khi thực hiện triệt để Bản và thoát thì hai chiếc lập tức tạo thành một nhóm tấn công, chiến thuật mới của quân Mỹ đã khiến chúng ta bối rối.

Sau chiến tranh khá lâu ta mới biết, vào tháng Bảy năm 1942, quân Mỹ đã có được một chiếc Reisen nguyên vẹn. Sau khi xem xét nó, họ đã đưa ra biện pháp đối phó.

Đó là do một Reisen phải hạ cánh bất đắc dĩ tại đảo Akutan trong chiến dịch quần đảo Aleutian. Phi công do hạ cánh khẩn cấp đã tử thương, sau đó chiếc Reisen này bị máy bay tuần tra Mỹ phát hiện.

Cho đến lúc đó, Reisen là một máy bay chiến đấu hoàn toàn bí ẩn đối với quân đội Mỹ. Vì thế, trong lúc cố gắng chụp bắt một chiếc Zero Fighter nhưng chỉ lấy được những mảnh xác máy bay vỡ nát, thì tin báo phát hiện một chiếc Zero hầu như nguyên vẹn khiên họ rất vui sướng.

Chiếc Reisen được đưa về lãnh thổ Mỹ và phân tích triệt để. Thế rồi tấm màn bí mật về Reisen thần bí đối với quân Mỹ từ trước đến giờ đã hoàn toàn bị vén lên.

Người ta nói rằng, các giới chức trách hàng không Mỹ rất kinh hoàng trước kết quả phân tích. Họ ngạc nhiên vì biết rằng bọn “khỉ vàng” và Jap * mà họ khinh miệt đã chế tạo được một chiếc máy bay chiến đấu thật sự đáng sợ. Rồi họ thừa nhận rằng, tại thời điểm đó đất nước họ không tồn tại máy bay nào có thể chiến đấu ngang với Reisen. Đó là câu trả lời đáng sợ đối với họ.

Tuy thế, quân Mỹ cũng nhìn thấu được nhược điểm của Reisen. Không được trang bị tấm chắn đạn, tốc độ bổ nhào hạn chế, tính năng giảm ở tầm cao... Sau đó, quân Mỹ đã đưa ra các chiến thuật tập trung triệt để vào các nhược điểm của Reisen.

Quân Mỹ đã ra lệnh cho tất cả phi công quán triệt “Ba không” khi chiến đấu với Reisen: Không đánh giáp lá cà với Zero; Không chuyển động giống Zero với tốc độ dưới 300 dặm/giờ; Không đuổi theo Zero ở bên trên khi vận tốc thấp. Những người phạm các lỗi “Không” này sẽ phải chịu số mệnh bi Zero bắn rơi.

Bằng cách này, quân Mỹ đã triệt để chuyển sang chiến thuật Bắn và thoát. Thêm nữa, đối đầu với một Reisen thì bắt buộc phải phối hợp chiến đấu từ hai máy bay chiến đấu trở lên. Chiến thuật này hiệu quả nhờ vào nguồn lực dồi dào của Mỹ. Chúng áp đảo về nguồn lực, và luôn rất xem trọng sinh mạng của các phi công. Còn lực lượng phe ta lại ngày càng bị hao hụt.

Vào mùa thu, các tù binh phi công Mỹ được đưa về Rabaul.

Các phi công Mỹ bị bắn rơi trong trận không chiến tại Guadalcanal được khu trục hạm của ta vớt lên và bắt làm tù binh. Những câu chuyện của họ khiến chúng ta quá đỗi ngạc nhiên. Nào là sau khi chiến đấu một tuần họ sẽ được quay về hậu phương, ở đó nghỉ ngơi đầy đủ, sau đó mới lại ra tiền tuyến. Hơn nữa, nếu chiến đấu vài tháng thì sẽ được rời khỏi chiến trường.

Khi tin này lọt ra, thành viên phi đội bọn ta mang một tâm trạng khó nói. Chúng ta không bao giờ được ban phát những thứ như nghỉ phép, lại phải xuất kích gần như hằng ngày.

Các phi công ưu tú ngày càng giảm như lược mất răng. À không, chính là cái chết bắt đầu với những phi công như thế. Với lý do các phi công ít kinh nghiệm sẽ có khả năng bị bắn hạ và đánh mất những chiếc máy bay quý giá, nên các phi công lão luyện được ưu tiên xuất kích. Họ xem trọng những chiếc máy bay hơn phi công. Bay quãng đường một chiều hơn ba giờ đồng hồ, chiến đấu bảo vệ Chuko trên bầu trời địch đã mai phục, sau đó lại quay về hơn ba giờ đồng hồ. Chuyện đó lặp đi lặp lại, khiến thể lực và khả năng tập trung tất yếu bị giảm sút. Chúng ta dù chỉ một lần mắc sai lầm cũng là chấm hết. Thất bại với chúng ta không phải là thứ dẫn tới thành công để mà được phép tái diễn. Thất bại một lần tất cả sẽ chấm dứt. Ta thường nghe trong các trận bóng chày chuyên nghiệp câu “Ném hụt một quả chết người”. Lái máy bay chiến đấu nếu *ném hụt một quả* thì đúng với chữ *chết người*.

Nói sang chuyện khác, sau chiến tranh ta đọc tài liệu về các phi công át chủ bài của Đức, có một chuyện đã làm ta kinh ngạc. Đứng đầu là Hartmann đã hạ 350 chiếc, các Ace bắn hạ hơn 200 máy bay có đến mười mấy người. Chuyện đó Hải quân Nhật Bản không thể nào nghĩ đến. Nhưng thiết nghĩ đó là do họ chiến đấu trên bầu trời Đức Quốc Xã. Đây chính là lợi thế lớn của sân nhà. Dù bị bắn rơi, họ vẫn có thể thoát thân bằng cách nhảy dù, dù động cơ trục trặc cũng có thể tiếp đất kịp thời. Bởi vì họ chặn đánh quân địch đến tận công nên có thể phục kích, lại không phải lo về nhiên liệu. Chúng ta thì không được cho cơ hội thứ hai. Trong cuộc chiến khốc liệt như thế, những người bắn hạ hơn trăm chiếc như anh Iwamoto Tetsuzo và anh Nishizawa Hiroyoshi thực sự là những chiến binh ưu tú.

Nửa sau năm 1942, trận chiến đã trở nên khốc liệt.

Việc bổ sung máy bay không được tiến hành nhanh chóng, việc bổ sung các phi công cũng vậy. Mà không, vấn đề phi công còn nghiêm trọng hơn. Dù máy bay có ít, nếu đưa thêm máy bay mới đến là ổn nhưng không thể nào thay thế được các phi công lão luyện. Để đào tạo các phi công giỏi phải mất vài năm. Bổ sung những thành viên phi đội như thế là điều không thể.

Những trận đánh quanh các hòn đảo nhỏ nổi trên Nam Thái Bình Dương mang dáng dấp của một cuộc chiến tổng lực giữa Nhật Bản và Mỹ. Dù thế, đánh mãi đánh mãi mà địch vẫn đưa thêm người mới đến. Ta đã nghĩ rằng nguồn lực của bọn họ là vô hạn.

Vào tháng Chín năm 1942, nỗ lực chiến đấu của đội Reisen và cuộc không kích của quân ta đã đem về những chiến tích lớn lao. Chúng ta đã hạ rất nhiều máy bay địch và bắn phá vô số máy bay trên mặt đất. Tuy nhiên hai ngày sau, ta thấy số lượng máy bay trên phi trường đảo Guadalcanal vẫn giống y như hai ngày trước. Khi đó, ta cảm giác sợ hãi cực độ, cứ như kẻ thù mà chúng ta đang chiến đấu là một con quái vật bất tử.

Việc này khiến ta nhớ ra chuyện tiểu đội trưởng Miyabe bắn các binh sĩ Mỹ nhảy dù.

Hình như chuyện xảy ra khoảng một tháng sau khi trận hải chiến Guadalcanal bắt đầu. Ngày hôm đó, sau khi kết thúc trận không kích Guadalcanal, đột nhiên chúng ta bị hai chiếc Grumman tấn công bất ngờ trên đường trở về Rabaul. Nơi đó đã cách Guadalcanal cả trăm hải lý. Trên bầu trời bỗng xuất hiện hai chiếc Grumman bổ nhào công kích đội hình chúng ta. Hoàn toàn bất ngờ. Trước mắt ta một chiếc Reisen bốc cháy.

Ta lập tức bổ nhào đuổi theo, không bao lâu đã bị bỏ lại phía sau. Không thể đuổi kịp chúng với chiếc Reisen có tốc độ bổ nhào chậm chạp này được. “Chết tiệt!” Thế nhưng ta cũng không thể làm gì khác.

Khi đó, ta thấy một chiếc Reisen đuổi theo chiếc Grumman, đó là tiểu đội trưởng Miyabe. Tiểu đội trưởng đã phát hiện cuộc đột kích của địch, nên đã lập tức bổ nhào, bọc bên dưới. Ta thấy súng máy của tiểu đội trưởng lóe sáng, một chiếc Grumman phát nổ.

Lúc đó, một chiếc Grumman khác đảo chiều, hướng vào tiểu đội trưởng. Dường như trong phút chốc, tiểu đội trưởng cũng bị đột kích. Ta đã ngỡ sẽ có một vụ va chạm giữa không trung. May sao, tiểu đội trưởng tránh được trong đường tơ kẽ tóc. Khoảnh khắc tiếp theo, chiếc Grumman bốc cháy. Ta thấy từ thân máy bay rơi, phi công thoát ra, bung dù.

Ta đã có thể thở phào nhẹ nhõm. Bây giờ mới nói thì hơi muộn, nhưng ta rất khâm phục tài cán của tiểu đội trưởng.

Tuy nhiên, sự việc kinh ngạc đã xảy ra ngay sau đó. Tiểu đội trưởng xoay một vòng lớn, hướng đầu máy bay về người lính Mỹ đang nhảy dù thoát thân, nổ súng. Súng máy xé rách dù nhảy, tên lính Mỹ bắt đầu rơi xuống. Đúng là chúng ta đã mất một đồng đội nhưng đó là chuyện không thể tránh trên chiến trường, đâu cần bắn giết người phi công không có sức kháng cự đang cố thoát thân bằng dù chứ.

Chắc hẳn nhiều người cũng đã thấy cảnh ấy. Khi trở về Rabaul, chỉ huy đội hình tiến về phía tiểu đội trưởng và bất ngờ quát lớn.

“Mày không có lòng độ lượng của một võ sĩ à?”

Các thành viên phi hành đoàn khác không ai nói gì nhưng ánh mắt của họ lộ vẻ khinh miệt tiểu đội trưởng. Tâm trạng ta cũng có gì đó không chịu được.

“Chẳng phải là không truy cùng giết tận kẻ địch khi chúng không thể phản kháng hay sao?”

“Vâng.” Tiểu đội trưởng đáp.

“Phi công chúng ta cũng nên là những chiến binh Samurai. Đừng bao giờ lặp lại việc dùng kiếm trúc đâm chết võ sĩ đã ngã đó.”

“Vâng.”

Chuyện này chẳng mấy chốc đã lan truyền cả đội, nhiều thành viên phi đội bàn tán chuyện này, lọt cả vào tai ta. Hầu hết đều nói Miyabe “không đáng mặt đàn ông!”

Ta còn nhớ người điều khiển chiếc máy bay số ba là Nhất đẳng binh Koyama cũng tức giận vì hành động của tiểu đội trưởng, cắn nhả với ta rằng, “Tao không muốn làm thành viên đội bay của tiểu đội trưởng Miyabe nữa.”

“Đừng ăn nói nhảm nhí. Không biết từ trước đến giờ tiểu đội trưởng giúp đỡ chúng ta bao nhiêu à?”

“Chuyện đó và chuyện này khác nhau. Izaki, mày nghĩ hành động của tiểu đội trưởng là đúng à?”

“Đồng đội mình bị bắn ngay trước mắt nên anh ấy muốn trả thù cũng là đương nhiên.”

“Trả thù chẳng phải bắn rơi là xong rồi sao? Tao nghĩ không cần phải cướp đi mạng sống của phi công.”

Ta đã không thể phản biện. Koyama vốn đã mang lòng bất mãn với tiểu đội trưởng. Cậu ấy không thể chịu được việc bị nói móc sau lưng là thẳng tệ hại hay đại loại như vậy.

Ngày hôm sau, ta quyết định hỏi thẳng tiểu đội trưởng.

“Tiểu đội trưởng, tôi có việc muốn hỏi ạ?”

“Chuyện gì?”

“Mấy hôm trước, tại sao anh lại bắn chiếc dù đó?”

Tiểu đội trưởng nhìn thẳng vào mắt ta nói. “Để giết phi công.”

Thật lòng mà nói, ta đã muốn nghe tiểu đội trưởng nói “Tôi rất hối hận”. Nhưng câu nói vừa bật ra từ miệng của tiểu đội trưởng là thứ ta hoàn toàn không dự liệu.

“Chúng ta đang chiến đấu. Chiến đấu nghĩa là giết kẻ thù.”

“Vâng.”

“Nền công nghiệp Mỹ rất mạnh. Những thứ như máy bay chiến đấu họ có thể lập tức chế tạo. Thứ chúng ta không thể không giết chính là phi công.”

“Nhưng...”

“Ta là kẻ giết người!” Khi đó, tiểu đội trưởng quát lớn tiếng.

“Sao ạ?”

“Những kẻ lái máy bay chiến đấu Mỹ cũng là những kẻ giết người. Nếu bắn rơi một chiếc Chuko, thì sẽ có bảy người Nhật chết. Nhưng nếu Chuko ném bom vào tàu thì càng có nhiều quân Mỹ phải chết hơn. Để tránh chuyện đó, các phi công Mỹ sẽ phải giết các thành viên phi hành đoàn Chuko.”

“Vâng.”

Ta chưa từng thấy tiểu đội trưởng gay gắt đến thế.

“Kẻ địch của chúng ta là máy bay, nhưng kẻ thù thật sự chính là các phi công. Nếu có thể, không chỉ trong không chiến, mà ta còn muốn giết chúng bằng cách bắn phá mặt đất!”

“Vâng.”

“Tài năng của tên phi công đó là quá rõ ràng, dự đoán đúng đường về của chúng ta rồi ẩn nấp trong mây. Sau đó, khi quay lại, một phát đạn đã bắn thủng kính chắn gió ghế điều khiển của ta. Nếu lệch một tấc thì đã xuyên qua thân máy bay của ta rồi. Kỹ thuật thật đáng sợ. Ất hẳn hẳn ta đã bắn rơi khá nhiều máy bay Nhật. Ta thắng được chỉ là nhờ may mắn. Nếu để thắng đó sống trở về thì sẽ có thêm bao nhiêu người Nhật nữa bị giết. Và rồi, ta có thể sẽ là một người trong số đó.”

Thì ra là vậy sao. Lần đầu tiên ta nhận ra chiến tranh là như thế đó. Cuộc chiến của chúng ta không phải là thứ tốt đẹp. Xét cho cùng chính là chém giết lẫn nhau. Chiến tranh là một người không bị giết thì có thể giết thêm nhiều quân địch.

Dù vậy, lần đầu ta thấy tiểu đội trưởng bị kích động đến thế. Nhìn dáng vẻ đó, ta đã nghĩ rằng khi tiểu đội trưởng bắn tay lính Mỹ nhảy dù ấy, chắc anh đã rất đau đớn.

Phần tiếp theo của câu chuyện này cũng thật đáng ngạc nhiên. Thật ra tay phi công Mỹ lúc đó vẫn còn sống. Năm 1970 sau chiến tranh, ta đã gặp người đó tại “Triển lãm hàng không Thế chiến thứ II” ở St. Louis, Mỹ.

Triển lãm này tập trung nhiều cựu phi công chiến đấu cơ của Mỹ, Đức và Nhật, là *Cuộc hội ngộ vĩ đại* mà các tờ báo địa phương đã rầm rộ đưa tin. Khi đó, phi công lực lượng Hải quân Mỹ thuộc Không lực Cactus trong trận Guadalcanal có mặt rất đông.

Tại đó, ta đã được nhiều phi công Mỹ bắt chuyện thân mật. Quả thật là kỳ lạ, lúc gặp nhau, đôi bên đều như gặp lại người bạn cũ. Ta còn gặp Ace đã bắn rơi hơn 20 chiếc máy bay Nhật. Bình tâm suy nghĩ lại thì đó chính là kẻ đã giết hơn 20 đồng bào của ta, ấy vậy mà sao ta không hề cảm thấy căm ghét hay hận thù. Có lẽ thời gian đã xóa nhòa tất cả, hoặc cũng có thể vì

chúng ta đã chiến đấu đường đường chính chính trên bầu trời. Ất hẳn họ cũng có cảm giác giống như vậy.

Họ đều nhất trí nói rằng “Phi công Zero rất dũng mãnh.”

Tại đó, ta đã gặp cựu Đại úy Hải quân Tony Bailey từng chiến đấu tại phi trường Henderson, Guadalcanal. Tony chiến đấu tại Guadalcanal từ năm 1942 đến năm 1943. Chính xác trên cùng chiến trường vào đúng thời gian chiến đấu của ta.

Đối chiếu sổ tay của nhau thì có đến bảy lần chúng ta chiến đấu cùng một ngày. Chúng ta đã ôm lấy nhau. Lạ thật phải không?

Khi đó, Tony đã kể một câu chuyện ngạc nhiên, chuyện một lần ông ấy bị Zero bắn rơi. Tony đã đùa rằng, “Không chừng là ông đấy?”

Hỏi ra thì đó là ngày 20 tháng Chín năm 1942. Đúng vào ngày ta xuất kích.

Chuyện của Tony khiến ta khá sốc. Khi đó, ông ta định tiêu diệt các máy bay Nhật tập kết trên đường về, nên đã cùng thành viên đội bay mai phục trong đám mây. Nhưng vừa tấn công thì bị một chiếc Zero phát hiện, đồng đội của ông đã bị bắn rơi. Nhìn thấy đồng đội hy sinh ông ấy đã phản đòn thay vì bỏ chạy. Thế nhưng ông bị bắn trực diện, động cơ bị trúng đạn nên đã phải thoát thân bằng dù nhảy.

Ta còn nhớ khi nghe câu chuyện đó, toàn thân ta đã run lên.

“Phi công khi đó không phải là ông đấy chứ?”

Ta lắc đầu trả lời câu hỏi của Tony. Sau đó hỏi lại. “Cho tôi hỏi câu này, khi rơi xuống bằng dù nhảy, ông đã không bị bắn trúng à?”

“Sao... ông biết chuyện đó?” Tony ngạc nhiên dang rộng hai tay.

“Bởi vì tôi đã chứng kiến chuyện đó. Tôi nghĩ ông đã chết.”

“Tôi cũng đã tưởng vậy. Nhưng chiếc dù nhảy bị bắn rách đã bay đến gần mặt biển rồi, và trước khi phát sinh vận tốc rơi thì tôi đã đâm xuống biển nên không chết. Thật may mắn.”

“May thật.”

“Ông có biết người phi công đã bắn rơi tôi không?”

“Đó là tiểu đội trưởng của tôi.”

“Ô!” Ông ấy bật thốt lên. “Anh ta vẫn còn sống chứ?”

“Anh ấy mất rồi.”

“Bị bắn rơi à?”

“Không. Anh ấy mất trong cuộc tấn công Kamikaze.” Giây phút ấy, Tony há hốc miệng, rồi lẩm bẫm “Lạy chúa tôi!” Giây tiếp theo, Tony nhắm nhúm mắt, bật khóc.

“Tên anh ta là gì?”

“Miyabe Kyuzo.”

Tony lặp đi lặp lại. “Miyabe... Kyuzo.” Rồi nói. “Tôi đã rất muốn gặp anh ấy.”

“Ông hận anh ấy lắm à?”

“Tại sao lại hận?”

“Anh ấy đã bắn ông khi đang rơi xuống với dù nhảy.”

“Chiến tranh đương nhiên là phải vậy. Chúng tôi đang trong một cuộc chiến. Anh ấy có bắn hạ một tù nhân đâu.”

Là vậy sao? Ta thăm nghĩ.

“Anh ấy đã nói rằng ông là một phi công đáng gờm. Hơn nữa, anh ấy rất đau đớn khi bắn ông.”

Tony nhắm mắt lại. “Miyabe là một Ace đích thực. Sau đó tôi đã chiến đấu với các Reisen nhiều lần, nhưng không có phi công nào giỏi như thế.”

“Anh ấy là một người bản lĩnh.”

Tony liên tục gật đầu, vẻ như muốn nói “Tôi biết.”

“Phi công Mỹ tại Guadalcanal rất tuyệt.”

Tony lắc đầu đáp lại câu nói của ta. “Chúng tôi thắng là nhờ vào những chiếc Grumman. Không có cỗ máy nào kiên cố như vậy. Tôi còn sống đến bây giờ là nhờ tấm ốp lưng của ghế điều khiển.”

“Chúng tôi bắn Grumman nhiều lần nhưng mãi mà nó không rơi.”

“Chúng tôi luôn dè chừng Reisen. Khi đó, máy bay của Nhật ít nhưng các chàng trai cầm lái đều là những tay tài năng. Mỗi lần đánh chặn, máy bay của tôi đều bị thủng lỗ chỗ. Không biết đã bao nhiêu chiếc bị biến thành đồng sắt vụn. Chúng tôi tham gia trận chiến mà như thế mười lần bị đánh mới có một lần phản công. Dù vậy với một cú đâm, chiếc Zero đã bốc cháy. Trong trận Guadalcanal, quân chúng tôi đã xuất hiện nhiều Ace, tôi

cũng là một trong số đó nhưng...” Tony cười tinh quái. “Nhưng, cả tôi, tất cả đều từng bị Zero bắn. Các Ace tự hào của Thủy quân lục chiến Smith, Carl, Foss, Everton đa phần đều một lần bị Zero bắn. Ngay cả Carl, người đã bắn rơi Ace Sasai Junichi của Nhật Bản, cũng bị đánh bại. Chúng tôi vẫn còn sống chỉ vì được chiến đấu trên sân nhà.”

“Vậy sao? Ngay cả Marion Carl, người bắn hạ Trung úy Sasai cũng từng một lần bị bắn rơi sao?”

Tony gật đầu. “Các phi công Zero rất tuyệt. Không phải khen nịnh đâu. Tôi đã nhiều lần bị bắn đầy lỗ trên thân máy bay. Các ông đã có những phi công thực thụ.”

“Tôi nghĩ nếu những đồng đội đã hy sinh trên bầu trời Rabaul của tôi nghe được những lời này, họ sẽ vui lắm.”

“Đồng đội của tôi chết cũng nhiều. Không chừng bây giờ bọn họ đang tán gẫu với nhau trên thiên đường ấy chứ.”

Ta cũng mong là thế. Cái quá khứ từng phải bắn giết lẫn nhau với những người đàn ông tốt như vậy thật đau buồn không thể tả xiết.

Tony là một người hoạt bát, sáng sủa, bây giờ chắc hẳn vẫn khỏe mạnh. Ông ấy nói rằng đã có năm người cháu, còn cho ta xem hình nữa đấy.

Nhất đẳng binh Koyama, người nói muốn từ bỏ nhiệm vụ làm thành viên đội bay của tiểu đội trưởng Miyabe, sau đó chẳng bao lâu đã chết.

Koyama là người lái chiếc máy bay thứ ba trong tiểu đội của tiểu đội trưởng Miyabe. Vào một ngày tháng Mười, trên bầu trời Guadalcanal, cậu ấy đã xem thường mệnh lệnh của tiểu đội trưởng, và truy sát quân địch. Cậu ấy đáng được tuyên dương vì đã bắn rơi hai chiếc Grumman. Nhưng ngày hôm đó lại là trận chiến cuối cùng trong đời cậu ấy.

Sau trận không chiến, tiểu đội của chúng ta bị lạc khỏi đội hình, chỉ có ba chiếc nhắm Rabaul trở về.

Bay được khoảng một giờ đồng hồ thì Koyama bay ngang với tiểu đội trưởng Miyabe, ra hiệu là sẽ quay lại. Ta cũng tiến đến gần, cậu ta ra hiệu hình như nhiên liệu còn ít, cậu ấy không có khả năng trở về nên sẽ quay lại Guadalcanal liều mình tấn công.

Chúng ta, không chỉ là những phi công lái máy bay chiến đấu, mà còn là phi công của Hải quân, đều được huấn luyện rằng khi máy bay gặp sự cố, khó lòng trở về thì phải tấn công liều chết vào tàu hoặc căn cứ địch. Đặc biệt là khi bị trúng đạn trên không phận địch thì nhất định phải làm thế. Tại Guadalcanal, ta đã từng nhiều lần nhìn thấy các Chuko bị trúng đạn đâm vào sân bay địch. Khi đó ta nghĩ rằng việc ấy là hiển nhiên, nếu là ta thì cũng không do dự mà đâm vào căn cứ hay tàu địch.

Bây giờ nghĩ lại, có lẽ vùng đất này đã sản sinh ra đội cảm tử quân Thần phong sau này. Nhưng bấy giờ, khi thấy người bạn chiến đấu vì không đủ nhiên liệu nên sắp phải tấn công liều chết trước mắt, ta không đành lòng. Koyama là đàn em sau ta một năm ở Yatabe, là đồng đội cùng ăn cùng ngủ, là bạn thân nhất của ta tại Rabaul.

Tiểu đội trưởng thấy thế cũng giơ tay ra hiệu. Thời đó, máy bay của chúng ta có trang bị bộ đàm nhưng nó hoàn toàn vô dụng, đầy tạp âm, chẳng thể nghe thấy gì. Chính vì thế, các thành viên phi đội chỉ có thể trao đổi với nhau bằng tay. Trong trận Trân Châu Cảng, cũng vì không thể dùng điện đàm mà các phi công đội công kích đã sử dụng pháo tín hiệu.

Đáp lại câu hỏi “Còn khoảng bao nhiêu nữa?” Koyama cho biết, “Trước Buin khoảng 100 hải lý.” 100 hải lý nghĩa là khoảng 180 cây số.

Tiểu đội trưởng Miyabe ra dấu “Dù thế nào cũng gắng lên, hãy bay về!” Nhất đẳng binh Koyama đáp “Rõ!”

Ta định động viên Koyama nên bay đến khá gần, ghe cánh máy bay của ta vào cánh của cậu ấy. Cậu ấy nhận ra, dùng tay ra hiệu “Đánh nhau đi!”

Cả hai chúng ta đều cười. Kỳ lạ thật, con người lại có thể cười ngay cả trong những lúc như vậy.

Máy bay của tiểu đội trưởng chậm rãi tăng độ cao để tiết kiệm nhiên liệu hơn. Và lại khi hết nhiên liệu, ở độ cao lớn thì quãng đường trượt sẽ dài hơn. Nhưng, ở trên cao không khí loãng, nhiệt độ thấp, đối với phi công không phải hành trình dễ dàng gì. Hơn nữa, nếu tăng độ cao quá gấp sẽ ngốn một lượng nhiên liệu khổng lồ.

Tiểu đội trưởng đã nghĩ vậy nên từ từ nâng độ cao lên, còn chỉ thị cận kề cho Koyama về tốc độ và van tiết lưu. Koyama vẫn hoàn toàn bình tĩnh. Cậu ấy cười đáp lại nụ cười của ta.

Chúng ta tiếp tục nhắm Rabaul bay về như thể không có chuyện gì. Chẳng bao lâu ta đã có thể thấy đảo Bougainville. Chỉ còn một chút nữa thôi.

Chúng ta vẫn bay. Còn 30 hải lý là đến đảo. Chiếc máy bay dự liệu sẽ rơi 100 hải lý trước khi đến Buin đã có thể đến được đây rồi. Thêm chút nữa thôi. Chỉ cần bay thêm 10 phút nữa thôi sẽ sống.

Ta không nghĩ Koyama sẽ chết. Ta không thể nào tin chàng trai mỉm cười như thế sẽ chết. Thế nhưng, thời khắc đó đã đến. Buin đã ở ngay trước mắt, đột nhiên máy bay của Koyama rơi xuống.

Ta và tiểu đội trưởng cũng lao ngay theo. Trong lúc lao xuống, tiểu đội trưởng vẫn không quên xoay tròn máy bay, cảnh giác xung quanh.

Lúc rơi xuống, cánh quạt của Koyama đã ngừng quay, cứ thế rơi dần rơi dần, chẳng mấy chốc đã rơi xuống biển rồi nổi lên. Koyama nhanh chóng thoát ra khỏi ghế điều khiển, đứng lên cánh máy bay, ngược nhìn. Ta xoay vòng phía trên, dùng hết sức gào tên Koyama. Chắc hẳn cậu ấy cũng lớn tiếng hét lại. Ta thấy cậu ấy vẫy chiếc khăn quàng cổ màu trắng, hét lên gì đó, vẫn đang nở nụ cười.

Chiếc máy bay của Koyama dần chúi đầu chìm xuống biển. Trước khi chìm hẳn, Koyama đã nhảy xuống biển. Theo ta biết, áo phao có thể giữ được bảy giờ đồng hồ. Gối lương thực mang theo vào khăn quàng cổ ném xuống, ta thật không nở rời đi, cứ bay nhiều vòng phía trên.

Trên nhưng không thể cứ ở đó suốt. Máy bay của ta cũng đang cạn dần nhiên liệu. Sau cùng, ta đảo một vòng lớn, nghiêng cánh. Koyama cũng vừa bơi vừa chào đáp lại.

Trong lúc đó, tiểu đội trưởng đang bay chờ phía trên một chút. Vì là tiểu đội trưởng nên luôn cảnh giác việc địch bất ngờ xuất hiện.

Chúng ta đáp xuống phi trường Buin, thông báo địa điểm rơi của Koyama. Lập tức một thủy phi cơ được phái đi, nhưng một giờ sau họ vô

vọng trở về, báo rằng tại điểm rơi không thấy bóng dáng của Koyama, và có vài con cá mập đang bơi ở đó.

Nghe tin báo ấy, ngực ta như bị xé nát. Ta không thể tin nổi Koyama lại chết trong hàm cá mập. Đau đớn và uất ức. Nụ cười cuối cùng của Koyama cứ hằn mãi trong tâm trí ta. Cố gắng đến vậy, chỉ còn một chút nữa thôi là trở về, vậy mà lại mất mạng. Còn gì đớn đau hơn thế. Nếu điện đàm có thể nghe rõ thì đã gọi được cứu trợ rồi. Hoặc giả có điện tín giống như máy bay ném bom thì mọi việc hẳn đã khác. Càng nghĩ càng dâng trào tiếc nuối. Về đến doanh trại, ta không còn kiềm chế được cơn giận dữ.

“Tiểu đội trưởng! Tại sao anh không để Koyama tấn công liều chết?”

Tiểu đội trưởng Miyabe dừng chân.

“Koyama chắc sẽ hạnh phúc hơn nhiều nếu được chết vinh quang khi tấn công, còn hơn là chết trong hàm cá mập!”

“Tại thời điểm đó vẫn có khả năng cứu.”

“Anh luôn nghĩ là sẽ cứu được sao?”

“Điều đó ta không biết, nhưng nếu tiếp tục bay thì có lẽ sẽ được cứu. Còn nếu tự sát thì chắc chắn chết.”

“Nhưng thông thường chẳng phải sẽ không cứu được sao? Thế nên cậu ấy mới muốn đón nhận giây phút cuối cùng như một phi công chiến đấu cơ.”

Ta vừa nói vừa khóc trong cơn tức tối.

“Cái chết có thể đến bất kỳ lúc nào. Nên phải cố gắng mà sống.”

“Dù thế nào chúng ta cũng không thể cố sống theo kiểu đó. Nếu tôi bị trúng đạn, xin hãy để tôi tự sát như một người đàn ông!”

Ngay khi đó, tiểu đội trưởng Miyabe túm lấy cổ áo ta. “Izaki! Đừng có nói những lời ngớ ngẩn như vậy! Sinh mệnh chỉ có một thôi!”

Ta đã không thể đáp lại trước thái độ giận dữ của tiểu đội trưởng.

“Cậu không có gia đình sao? Khi cậu chết không có ai đau lòng sao? Hay cậu sống cô độc một mình trên thế gian này?” Trong mắt của tiểu đội trưởng lúc này cơn giận dữ bốc lên ngùn ngụt. “Trả lời đi! Izaki!”

“Tôi có cha mẹ ở quê.”

“Chỉ thế thôi sao?”

“Còn em trai nữa.” Gương mặt đưa em 5 tuổi Taiichi hiện lên trong đầu ta.

Cậu chết rồi gia đình cậu không thương tiếc à?”

“Không phải vậy.”

Khi đó ta như nhìn thấy gương mặt khóc nức của Taiichi. Nước mắt ta giàn giụa.

“Nếu thế thì đừng chết! Dù có khổ sở thế nào cũng phải cố mà sống!”

Tiểu đội trưởng buông tay khỏi quân phục của ta, rồi bước về phía doanh trại. Đó là lần duy nhất tiểu đội trưởng lên tiếng chỉ trích ta, nhưng những lời nói ấy mãi mãi ta không quên được.

Những lời của tiểu đội trưởng lại vang lên vào một năm sau. Khi đó, ta rời Rabaul và trở thành thành viên phi đội mẫu hạm Shokaku.

Tại cuộc hải chiến tại quần đảo Mariana vào năm 1944, sau trận không chiến kịch liệt với máy bay chiến đấu mai phục của địch, thùng nhiên liệu của ta bị bắn trúng. Cũng may chưa bắt lửa, nhưng không thể trở về tàu nữa. Trước đó, ta đã bị vô số máy bay địch bao quanh, chắc chắn là bị bắn. Hơn nữa, máy bay chiến đấu địch lúc đó là chiếc Grumman F6F, ưu việt hơn hẳn F4F trước đó. Reisen đã không còn vượt trội. Mặt khác, thiếu số dầu với đa số thì không thắng được. Đã sống sót sau nhiều trận chiến ác liệt, nhưng lần này ta nghĩ mạng mình đã tận rồi.

Dù sao cũng sẽ bị bắn nên ta đã quyết định chí ít cũng cố liều mình kéo theo máy bay địch làm bạn đồng hành.

Đột nhiên khi đó trong đầu ta vang lên tiếng hét của tiểu đội trưởng Miyabe. “Izaki!” Âm thanh đó rõ mồn một bên tai ta. “Cậu vẫn không hiểu sao?” Đồng thời, gương mặt của Taiichi cũng hiện lên.

Giây tiếp theo, ta bổ nhào thoát thân. Chiếc Grumman đuổi theo sát nút. Tốc độ bổ nhào của Grumman hơn hẳn Reisen. Ta xoay gấp mấy vòng hòng trốn thoát, chẳng bao lâu đã hạ xuống gần mặt biển, rồi cứ thế bay là là trên mặt biển. Địch từ trên cao không thể nhắm bắn, bởi lẽ sẽ bị đâm xuống biển. Tuy nhiên, phi công của hai chiếc Grumman bám đuôi ta quá thực có năng lực, chúng theo sát, nã đạn liên tục. Ta hét lên “Còn thế này thì sao?” Rồi hạ độ cao xuống đến mức cánh quạt gần chạm mặt biển. Một

chiếc Grumman đâm xuống biển. Chiếc còn lại từ bỏ việc bám đuôi, bay lên. Ta cứ thế tiếp tục bay là là trên mặt biển. Chiếc Grumman còn lại theo ta từ trên không hơn 30 phút nhưng rồi đành đảo chiều bỏ đi. Cuối cùng ta cũng thoát khỏi những chiếc Grumman.

Thế nhưng nhiên liệu đang cạn dần. Ta đáp máy bay xuống biển rồi nhảy xuống. Từ đó cách đảo Guam khoảng 20 hải lý. Để được cứu, chỉ còn cách bơi. Nếu nhắm sai hướng của đảo thì chết chắc. Giữa đường kiệt sức cũng chết. Hơn nữa, nếu bị cá mập tấn công thì cũng mất mạng. Thế nhưng ta vẫn còn sống tới tận bây giờ, bởi ta đã chiến đấu hết mình vì sự sống.

Ta cởi quần, tháo Fundoshi *, thả cho nó dài ra. Bởi ta được học rằng cá mập sẽ không tấn công những vật lớn hơn nó.

Ta bơi ròng rã suốt chín giờ đồng hồ, cuối cùng cũng đến được đảo Guam. Áo phao sau bảy giờ đồng hồ sẽ không sử dụng được nữa, sau đó ta trần truồng, bơi bằng toàn bộ sức mình. Bản thân ta cũng bất ngờ về việc bản thân còn nhiều sức lực đến vậy.

Thứ truyền cho ta tinh thần khi nhiều lần định bỏ cuộc là gương mặt của đứa em trai. Là gương mặt của Taiichi khóc gọi “Anh ơi! Anh ơi!”

Thế nhưng, ta nghĩ người cứu ta thật sự chính là tiểu đội trưởng Miyabe.

Chúng ta trở lại câu chuyện ở Rabaul nào.

Reisen chính xác là một máy bay chiến đấu tuyệt vời. Nó đã áp đảo các máy bay của quân Đồng Minh trong chặng đua đầu tiên. Nhưng như ta nói đó, họ đã học được cách chiến đấu với Reisen.

Hơn nữa, quân địch lại được chiến đấu trên sân nhà. Dù bị bắn cũng có thể lập tức trở về căn cứ, và dù bị bắn rơi cũng chỉ cần nhảy dù thoát thân. Bổ sung đạn súng hay nhiên liệu đều dễ dàng, chính vì thế nên chúng có thể chiến đấu quyết liệt, đạn cũng bắn thỏa thích. Chúng ta thì dù chỉ bị bắn một phát cũng có thể thành đòn chí mạng.

Ta không thể nào quên những lời tiểu đội trưởng Miyabe nói khi chạm vào cánh Reisen. “Bản thân ta oán hận người tạo ra chiếc máy bay này.”

Ta rất ngạc nhiên, bởi luôn cho rằng Reisen chính là chiếc máy bay chiến đấu tuyệt hảo nhất thế giới.

“Tôi không định phản bác anh, nhưng tôi nghĩ Reisen rất ưu việt. Chỉ nhìn tầm hoạt động của nó thôi...”

Tiểu đội trưởng chặn lời tôi. “Chính xác là tầm hoạt động của nó vô cùng kinh khủng. Thật không thể nghĩ một chiếc máy bay chiến đấu một người lái lại có thể bay đến 1800 hải lý. Bay liên tục 8 giờ đồng hồ quả là đáng nể.”

“Tôi nghĩ công suất của nó hẳn phải rất lớn.”

“Ta cũng nghĩ vậy. Reisen có thể bay đến bất cứ đâu trên Thái Bình Dương rộng lớn, điều này thật sự tuyệt vời. Bản thân ta, khi chiến đấu trên mẫu hạm, luôn có cảm giác tự tin như cưỡi con chiến mã chạy nghìn dặm vậy. Thế nhưng...”

Nói tới đó, tiểu đội trưởng nhìn một lượt xung quanh. Sau khi chắc chắn không có ai, anh nói.

“Thế nhưng thứ quý giá ấy giờ đây đang hành hạ chúng ta. Bay 560 hải lý, chiến đấu ở đó rồi bay 560 hải lý quay về. Chính bởi năng lực của Reisen mà kế hoạch khủng khiếp này mới được lập nên.”

Ta đâu hiểu những điều tiểu đội trưởng muốn nói.

“Ta nghĩ chiếc máy bay có thể bay 8 giờ đồng hồ là thứ tuyệt diệu. Thế nhưng người ta không nghĩ cho những phi công điều khiển nó. Suốt 8 tiếng đó, phi công không được lơ là dù chỉ một giây. Chúng ta không phải là phi công lái máy bay dân dụng. Việc bay 8 giờ trên chiến trường mà không biết khi nào địch sẽ tấn công là một việc vượt quá giới hạn thể lực. Chúng ta không phải là những cỗ máy. Chúng ta là con người bằng xương bằng thịt. Những người tạo ra chiếc máy bay có thể bay đến 8 tiếng đã dự liệu việc con người sẽ lái chiếc máy bay đó sẽ thế nào hay chưa?”

Ta không có lời đáp nào. Đúng như những gì tiểu đội trưởng nói. Việc ngồi trên ghế điều khiển suốt bằng ấy tiếng đồng hồ thật sự vượt quá giới hạn thể lực và chúng ta đã bù đắp chỉ bằng sức mạnh tinh thần.

Bây giờ ta đã hiểu những lời tiểu đội trưởng Miyabe nói khi đó là đúng. Ngay cả thời hiện đại, khi nghe kể về Reisen, nhiều người đã trầm trồ

năng lực vận hành kỳ diệu của nó. Nhưng chính vì năng lực đó mà nó đã phải thực hiện một chiến dịch liều lĩnh đến thế nào. Sau chiến tranh, ta đã từng nghe giảng viên Lực lượng phòng vệ trên không nói thế này: Giới hạn thể lực và sức tập trung của phi công lái máy bay chiến đấu là khoảng một tiếng rưỡi. Còn chúng ta bay khoảng hơn 3 tiếng để đến Rabaul là đã mất khá nhiều thể lực và sức tập trung. Dĩ nhiên giảng viên ấy đang nói đến máy bay phản lực, nhưng dù là cánh quạt hay phản lực thì khác gì nhau chứ?

Đó thực sự là một cuộc chiến khốc liệt.

Các trận chiến quanh đảo Guadalcanal bắt đầu vào tháng Tám năm 1942 và kết thúc vào tháng Hai năm 1943. Trải qua nửa năm, cuối cùng cuộc chiến ác liệt đã hạ màn.

Tổng hành dinh Đế quốc đã từ bỏ việc giành lại đảo Guadalcanal, rút 10.000 binh sĩ còn lại trên đảo bằng khu trục hạm. Khi nhìn thấy các chiến sĩ gầy nhom trên đảo Guadalcanal, các thuyền viên trên khu trục hạm đã không thể thốt nên lời.

Trong nửa năm ấy, có quá nhiều hy sinh trong các trận chiến trên đảo Guadalcanal. Số người chết vì chiến đấu trên bộ là 5.000, số người chết đuối là 15.000. Hải quân cũng đổ nhiều máu xương. Số tàu bị đánh chìm là 24, thiệt hại 839 máy bay, số phi công tử trận là 2.362. Tổn thất lớn đến thế mà cuối cùng lại bại trận. Hơn nữa, sau khi cuộc chiến kết thúc, hầu hết những phi công lão luyện quý như châu ngọc mà hải quân tự hào đều đã hy sinh.

Bây giờ nghĩ lại, thất bại của Nhật Bản đã quá rõ ràng. Tuy nhiên, cuộc chiến với Mỹ vẫn kéo dài hơn hai năm nữa. Dù mất đảo Guadalcanal, nhưng hải vực Solomon vẫn là chiến tuyến quan trọng trong cuộc đụng độ Mỹ-Nhật.

Tháng Tư, đô đốc Yamamoto Isoroku đã phát lệnh tiến hành chiến dịch I-Go nhằm bắn phá lực lượng không quân địch. Chiến dịch tập trung các máy bay và thành viên phi đội ít ỏi còn lại tại các căn cứ địa quanh Rabaul, công kích tổng lực, phá hủy máy bay địch.

Đích thân chỉ huy, Đô đốc Yamamoto đã đến Rabaul. Binh lính tiền tuyến chúng ta được trực tiếp nghe những lời của Đô đốc Hạm đội liên hợp,

các thành viên phi đội đều cảm thấy phấn chấn.

Chiến dịch I-Go đã thành công, dự định ban đầu là trong 15 ngày nhưng qua 13 ngày đã có thể kết thúc. Tuy nhiên, để đổi lấy thành quả đó, chúng ta đã tổn thất khá nhiều máy bay và thành viên phi đội.

Hơn nữa, thảm kịch đã xảy ra ngay sau đó. Sau khi chiến dịch kết thúc, chiếc máy bay tấn công căn cứ mặt đất kiểu số 1 chở Đô đốc Yamamoto đến căn cứ đảo Buin, tiến xa hơn nữa từ Rabaul đã bị máy bay địch bắn rơi.

Quân Mỹ đã giải mã được bức điện mật của quân đội Nhật Bản và cho phục kích máy bay Đô đốc. Máy bay Đô đốc được hộ tống bởi 6 chiếc Reisen, nhưng họ đã không thể chống lại được cuộc tấn công bất ngờ của địch khi chúng mai phục trong đám mây.

Cái chết của Đô đốc Yamamoto là một nỗi đau không thể đong đếm được đối với toàn thể lực lượng Hải quân. Tất nhiên, cả bi kịch của sáu phi công thất bại trong việc hộ tống máy bay của Đô đốc khi đó nữa.

Họ phải xuất kích liên tiếp trong nhiều ngày như một sự trừng phạt. Chỉ trong vòng 4 tháng, 4 người đã tử trận, một người mất cánh tay phải. Chỉ có Phi đội trưởng Sugita Shoichi đã sống sót trong các trận chiến điên cuồng này, lập kỷ lục rạn vỡ bắn hạ hơn 100 chiếc máy bay. Anh ấy đã chiến đấu khùng khiếp như để an ủi linh hồn Đô đốc Yamamoto. Dù vậy, vào năm cuối cùng của chiến tranh, anh đã hy sinh tại căn cứ Kanoya, vùng Kyushu. Sau chiến tranh, ta đã được nghe kể về phút cuối của anh ấy.

Ngày hôm đó, máy bay chiến đấu địch đến công kích, Thượng đẳng phi tào Sugita định lên máy bay đánh chặn nhưng địch đã tiến sát rồi. Thiếu úy Sakai đã hét lên: “Không kịp rồi. Quay lại đi!” Đúng, chính là Nhất đẳng phi tào Sakai đã sống sót thần kỳ tại Guadalcanal. Khi ấy, anh đã là Thiếu úy của Phi đoàn Hải quân 343. Mặc dù Thiếu úy Sakai đã ngăn cản, nhưng Sugita vẫn dũng cảm leo lên chiếc Shidenkai *, trượt trên đường băng. Sau đó, khi vừa cất cánh, anh đã bị máy bay địch từ trên cao bắn trúng và rơi xuống đường băng.

Sau khi chiến dịch I-Go kết thúc, nhằm bổ sung thành viên cho các phi đội mẫu hạm đã bị tiêu diệt, ta được chuyển sang mẫu hạm Shokaku. Shokaku là chiến hạm kỳ cựu từ sau trận Trân Châu Cảng. Nó cùng với mẫu hạm Zuikaku thuộc Hạm đội Không quân Một là nòng cốt của đội cơ động. Tuy nhiên, đội cơ động đã không còn uy thế như xưa, mà đang chờ đợi cuộc chiến tuyệt vọng với Hạm đội cơ động Mỹ không ngừng lớn mạnh.

Tiểu đội trưởng Miyabe vẫn tiếp tục ở lại Rabaul. Từ tháng Mười một năm trước, danh xưng của các cấp từ Hạ sĩ quan trở xuống đã được thay đổi. Nhất đẳng phi tào Miyabe trở thành Thượng đẳng phi tào. Ta từ Nhất đẳng binh thành Phi hành binh trưởng, đồng thời được thăng một bậc thành Nhị đẳng binh tào.

Dù chiến dịch giành lại Guadalcanal đã chấm dứt nhưng Rabaul vẫn là địa điểm chiến lược tại Nam Thái Bình Dương. Giờ nó là căn cứ quan trọng nhất, và phải một mình nhận các đợt phản công của địch. Thực tế thì khoảng thời gian này các đợt không kích của địch từ các đảo như New Guinea diễn ra hằng ngày.

Đúng là cảnh đi cũng chết mà ở cũng chết.

Khi ta nhận lệnh rời Rabaul, làm phi công của mẫu hạm, ta và Miyabe đã đứng ngắm nhìn Hanabuki *.

“Izaki, không được chết đấy nhé!”

“Vâng, tôi sẽ không chết đâu.”

“Dù cho mẫu hạm có chìm cũng đừng dại dột tấn công liều chết đấy.”

“Chết ấy à? Tôi đã sống sót trên Rabaul hơn một năm rồi. Không thể chết dễ dàng đâu. Hơn nữa mạng của tôi là được tiểu đội trưởng hai lần cứu. Nếu để mất nó đơn giản thế thì thật có lỗi với tiểu đội trưởng.”

Thượng đẳng phi tào Miyabe bật cười. Khi đó, chúng ta thấy ngọn núi Hanabuki đang phụt khói.

“Hôm nay nó sôi sục thật.” Miyabe nói.

“Có lẽ hôm nay là lần cuối tôi ngắm ngọn núi đó.”

Miyabe không đáp lại. Ngọn núi Hanabuki mà trước đây ta nhìn đến phát chán, khi nhìn nó lần cuối, sao lại đột nhiên xúc động, muốn ghi sâu hình ảnh này. Ngay cả đến bây giờ, nhắm mắt lại, hình ảnh của ngọn núi ấy vẫn hiện lên trong tâm trí ta. Nói ngoài lề một chút, gần 50 năm sau chiến tranh, ngọn núi lửa ấy đã phun trào dữ dội, cả thành phố lẫn sân bay bên dưới đều biến thành tro. Những thứ gợi nhắc về thời đó đã không còn lại gì. Chắc là ngọn núi muốn nói: “Ta sẽ quên hết tất cả mọi thứ về chiến tranh.”

Sau khi chiến tranh kết thúc, ta cũng định khi nào đó sẽ quay lại thăm Rabaul, nhưng mãi đến hôm nay vẫn không có cơ hội. Tuy vậy, ta cũng chẳng hối tiếc lắm.

“Ông của ta là Gokenin * của Mạc phủ Tokuyama.” Bất chợt Thượng đẳng phi tào lẩm bẩm. “Khi còn nhỏ, ta thường được nghe ông kể chuyện xưa. Hễ ông dẫn ta đến Ueno, thì chắc chắn ta sẽ được nghe ông kể chuyện tham gia Shogitai * và chiến đấu với quân triều đình tại núi Ueno. Không chỉ ở đó, mà hễ ta đi cũng xuống phố, ông cũng kể lể ‘Ngày xưa con phố này...’ Kỳ lạ nhỉ. Chuyện về thời đại Edo nghe cứ như chuyện kể Kodan * hay kịch nghệ vậy đó. Thế mà ông của ta lại từng chiến đấu với những người như Saigo Takamori trong giai đoạn đó.”

Thượng đẳng phi tào Miyabe cười thích thú.

“Khi ấy, với con mắt của một đứa trẻ thì đó là một chuyện rất đáng sợ. Trên người ông có cả những vết sẹo bị đạn bắn. Ông nói đạn vẫn còn nằm trong cơ thể.”

“Nếu ông mà biết thằng cháu ông bây giờ đang chiến đấu với quân Mỹ, chắc ông ngạc nhiên lắm.” Miyabe bật cười. “Một ngày nào đó, ta cũng sẽ kể với những đứa cháu về cuộc chiến này. Trong khi phơi nắng dưới hiên nhà, ta sẽ bảo rằng: Khi xưa ông đã lái máy bay chiến đấu, đánh nhau với Mỹ đấy.”

Khi nghe những lời ấy, ta có cảm giác rất kỳ lạ. Tuy không thể tưởng tượng ra chuyện mấy chục năm sau, nhưng ta cảm nhận được ngày ấy rồi sẽ đến.

“Khi đó, Nhật Bản sẽ trở thành một quốc gia như thế nào nhỉ? Cháu ta có lẽ cũng xem chuyện này như chuyện ngày xưa ngày xưa giống như ta nghe chuyện thời Edo mà ông đã kể thôi.”

Ta cũng thử tưởng tượng cảnh ta ngồi dưới mái hiên, các cháu vây quanh nài nỉ. “Ông ơi, kể chuyện cho bọn cháu đi.” Và ta sẽ kể, “Ngày xưa ông từng chiến đấu tại các hòn đảo ở phương Nam...”

“Mong rằng nó sẽ là một quốc gia hòa bình.”

Ta chợt giật mình về câu nói bất giác thốt lên, như thể không ngờ đó là câu nói của chính mình. Phi công lái máy bay chiến đấu đánh cược mạng sống mà chiến đấu, huống gì bản thân đã chấp nhận hy sinh trong cuộc chiến này, vậy mà lại nói những lời đó. Miyabe không nói gì, chỉ gật đầu.

Sáng sớm ngày hôm sau ta đã bay khỏi Rabaul. Miyabe vẫy chào, nhìn theo ta.

Sau khi rời khỏi mặt đất, ta xoay một vòng trên bầu trời, thấy Miyabe đang gào lên gì đó, hình như anh ấy nói “ĐỪNG... CHẾT... ĐẤY!” Đó là hình ảnh cuối cùng của Miyabe mà ta thấy.

Ta chào anh ấy và bỏ lại Rabaul sau lưng.

Một năm sau khi chiến tranh kết thúc, ta mới biết việc Miyabe tử trận vì tấn công cảm tử. Ta đã khóc thương anh ấy. Ta thực lòng nghĩ rằng, một đất nước đã giết người con ưu tú như thế bằng một cuộc tấn công cảm tử thì thật đáng bị diệt vong.

Chị bật khóc nức nở từ nửa sau câu chuyện. Ông Izaki nhìn chị chăm chú, đôi mắt ấy cũng đã rơi lệ tự lúc nào, rồi trầm lắng nói.

“Thật ra, ta bị ung thư.”

Tôi giật mình.

“Nửa năm trước bác sĩ đã bảo ta chỉ còn sống được ba tháng nữa thôi. Chẳng biết vì sao, ta vẫn còn sống đến bây giờ.” Ông Izaki nhìn thẳng về phía chúng tôi nói. “Đến giờ thì ta đã biết. Ta có thể sống tiếp là để kể cho các cháu nghe câu chuyện này. Khi từ biệt ở Rabaul, Miyabe đã nói chuyện đó với ta là để một ngày nào đó, ta thay anh ấy, kể câu chuyện này cho các cháu.”

Khi đó, thằng nhóc cháu ông Izaki khóc lớn, chẳng ngần ngại ánh mắt của mọi người. Con gái ông Izaki và cô hộ lý cũng dùng khăn chặm mắt nhiều lần.

“Tiểu đội trưởng! Tôi đã gặp các cháu của anh rồi đấy. Cả hai đều rất ưu tú. Cháu trai thật giống anh, là một thanh niên oai vệ đấy. Tiểu đội trưởng! Anh có nhìn thấy không?” Ông Izaki ngược nhìn trần nhà nói.

Chị tôi lấy hai tay lau mắt. Ông Izaki nhắm mắt, ngả người xuống.

“Xin lỗi. Ta hơi mệt một chút.”

“Ông không sao chứ ạ?” Cô hộ lý vội chạy đến kể bên.

“Không sao. Nhưng ta phải nghỉ một lát.”

Cô hộ lý dùng mắt ra hiệu với chúng tôi.

“Chúng cháu rất cảm ơn ông ạ!”

Tôi đứng dậy nói nhưng ông Izaki dường như không nghe thấy. Ông thực sự đã dốc hết sức để kể chuyện cho chúng tôi. Tôi đặt tay lên vai Keiko đang lau nước mắt. Chị lẳng lặng gật đầu, đứng lên.

“Ông hơi mệt phải không? Chúng cháu sẽ để ông yên tĩnh một lúc nhé.” Cô hộ lý nói.

Ông Izaki chìm vào giấc ngủ với gương mặt yên bình. Tôi cúi gập người chào ông và rời khỏi phòng bệnh.

Khi ra đến sảnh, mẹ con cô Emura theo kịp chúng tôi.

“Đây là lần đầu tiên cô nghe cha mình kể câu chuyện đó.”

“Tôi cũng lần đầu tiên nghe ông kể chuyện như vậy.” Nước mắt của cậu trai trẻ ấy vẫn đang rơi. “Tệ quá! Ông chưa hề kể chuyện cổ tích nào cho cháu. Cháu đã rất muốn ngồi ở hiên nhà nghe ông kể đấy.”

Thế rồi cậu ấy khóc, quay sang mẹ.

“Mẹ... Con xin lỗi... Con...”

Cuối cùng cậu ấy nói gì tôi không nghe rõ. Cô Emura nhìn đứa con trai rồi cũng bật khóc.

“Đối với chúng tôi hôm nay là một ngày rất đáng ghi nhớ. Cảm ơn các cháu!” Cô Emura lau nước mắt, cúi gập người. “Cha cô có thể còn sống trở về từ cuộc chiến đó là nhờ ông Miyabe. Cô nghe cha kể mà xúc động lắm. Thật lòng cảm ơn các cháu!”

Tôi không biết phải nói sao nên chỉ cúi đầu đáp lại. Bản thân tôi cảm thấy hổ thẹn. “Cháu trai thật giống anh, là một thanh niên oai vệ!” Lời ông Izaki nói lúc này như đâm vào ngực tôi.

Keiko vẫn lặng im cho đến khi ra khỏi bệnh viện. Tôi cũng không nói câu nào. Ra ngoài đường một lúc, chị mới thì thầm. “Ông ngoại là một người tuyệt vời em nhỉ.”

“Đúng vậy.” Tôi đáp. “Em cũng nghĩ thế.”

“Ông có gặp được mẹ không nhỉ? Có gặp được bà không?”

“Không rõ nữa. Em cũng không nghĩ ông ở suốt ngoài chiến trường...”

“Nếu tìm hiểu thì chắc có thể biết được chứ. Chị... muốn tìm hiểu một cách nghiêm túc.”

“Trước giờ chúng ta không nghiêm túc sao?” Nhưng câu nói của tôi bị phớt lờ.

Tôi tạm biệt chị ở cửa tàu điện ngầm, chúng tôi đi hai chuyến ngược hướng nhau.

“Chị nghĩ bà được ông yêu đến vậy thật sự rất hạnh phúc.” Khi chia tay Keiko đã nói vậy. Tôi lại thấy chị rơi nước mắt, nhưng trước khi tôi kịp nói gì, chị đã bảo “Vậy nhé!” rồi bước xuống cầu thang.

Tôi ngẫm nghĩ câu nói của chị. Có phải bà đã thật sự hạnh phúc không? Có phải bà hạnh phúc vì ông yêu bà đến thế không?

Đó là điều tôi không biết.

ẢNH NUDE

“Việc điều tra tiến triển đến đâu rồi?”

Sau khi đến thăm ông Izaki một ngày, trong bữa cơm tối, bất chợt mẹ hỏi tôi. Tôi vẫn chưa kể với mẹ chuyện ông ngoại. Bởi chị đã nói trước khi biết được toàn bộ sự tình, thì đừng nên kể với mẹ. Đặc biệt chúng tôi thống nhất giấu mẹ chuyện ông ngoại bị lên án.

Tôi chỉ nói hai tuần nay, chúng tôi đã gặp được ba người.

“Vậy cơ à? Thế chuyện của ông, họ có còn nhớ không?”

Tôi biết trong giọng của mẹ có sự khẩn trương. “Bọn con đã nghe được rất nhiều chuyện. Vốn con định tóm gọn chi tiết từng chuyện rồi mới thưa với mẹ, nhưng ông ngoại... nói thế nào nhỉ, là người rất yêu thương bà ngoại và mẹ.”

Trong mắt mẹ ánh lên niềm vui sướng nhưng không nói gì, ngược nhìn trần nhà.

“Ông còn là một phi công xuất chúng nhưng đồng thời cũng quý trọng mạng sống đến mức dường như hèn nhát.”

“Chà! Nghe đầy mâu thuẫn nhỉ?”

“Con không hiểu người yêu cuộc sống đến vậy tại sao lại tình nguyện gia nhập Hải quân. Sau đó còn tự nguyện ứng tuyển vào lực lượng không quân. Thời đó hình như lái máy bay rất nguy hiểm nên nhiều phụ huynh đã khuyên can con em mình đừng làm phi công mà.”

“Mẹ nghĩ điều đó chẳng có gì khó hiểu.” Mẹ đặt đĩa xuống, nhìn tôi. “Có lẽ đó là tính bông bột của tuổi trẻ, nếu thích phiêu lưu mạo hiểm thì cũng dám làm những chuyện nguy hiểm thôi. Mẹ rất vui vì biết sau khi kết hôn, ông đã vì mẹ và bà mà quý trọng mạng sống của mình. Ông rất yêu thương mẹ và bà mà, phải không?”

Những lời cuối của mẹ ghen lại. Trong mắt mẹ ánh lên điều gì đó. Tôi cố không nhìn mẹ, lảng lạng lùa cơm.

“Con vẫn tiếp tục điều tra chứ?”

“Vâng, vẫn còn vài người nhớ đến ông ngoại.”

“Thế cơ à!”

Khi mới bắt đầu cuộc điều tra này, tôi đã nghĩ rằng chỉ cần tìm được một người nhớ đến ông thôi cũng thật may mắn rồi, thế nhưng cũng đã gặp được đến ba người. Tôi cảm giác như mình đã được liên kết bởi một sợi dây kỳ lạ nào đó.

Khi về phòng, tôi lại nghĩ về chuyện của ông. Người ông mà cách đây hai tuần tôi hoàn toàn không biết tới, giờ lại như hình bóng đứng ngay sau lưng tôi, như chỉ cần quay đầu lại là có thể thấy.

Ba ngày sau tôi gặp chị. Ngày hôm đó, hai chị em tôi đến nhà một cựu Chuẩn úy bảo trì Hải quân sống ở Wakayama. Vì là ngày thường nên chị phải hoãn công việc của mình để đi chuyến này.

Trên máy bay, tôi kể lại cuộc nói chuyện với mẹ hôm trước.

“Hiểu rồi. Chị nghĩ khi còn trẻ, ông là một thanh niên liều lĩnh, nhưng sau khi yêu bà, ông đã biết trân trọng mạng sống hơn.”

Tôi lừng khừng như muốn nói.

“Sao thế? Có gì à?” Chị hỏi.

“Không có gì. Em hiểu được việc ông yêu bà nên mới xem trọng mạng sống của mình. Nhưng lý do gia nhập Hải quân là do sự bông bột của tuổi trẻ thì nghe không thuyết phục cho lắm.”

“Tại sao?”

“Em có cảm giác điều đó không hợp với hình tượng Miyabe Kyuzo hay nói đúng hơn là không xứng. Nhưng theo cảm giác đó thì không chừng lúc nhỏ ông là một thiếu niên quân quốc * cũng nên.”

“Chị không muốn ông là thiếu niên quân quốc.”

“Có lẽ em bị ám ảnh bởi những lời anh Takayama bên tòa soạn nói hôm trước.” Chị không nói gì. “Khi tham gia tấn công cảm tử, xả thân vì

nước, chắc trong ông vẫn có niềm vui nào đó.”

“Chị thì nghĩ khác. Khi tấn công cảm tử, chắc hẳn ông không hề cảm thấy vui vẻ.”

Chị nói thế, sau đó khẽ nói thêm rằng. “Chị nghĩ anh Takayama đã sai rồi.”

Từ sân bay Kansai chúng tôi đi xe điện và xuống ga Kokawa ở Wakayama. Chúng tôi vừa ra đến vòng xoay trước nhà ga thì có tiếng gọi. “Cô cậu nhà Saeki phải không? Tôi là con trai ông Nagai.”

Người đàn ông trạc 50 tuổi, mặc bộ đồ lao động đã bạc màu xưng tên. Chú ấy đã đến tận đây đón chúng tôi.

“Cô cậu cất công từ Tokyo đến đây nghe câu chuyện của cha tôi à. Thật vất vả quá!” Trong xe, người đàn ông ấy cười nói. “Cha tôi trước kia đã từng tham gia chiến tranh với Mỹ. Ghê thật đấy! Cùng chiến đấu với ông nhà cô cậu ở Rabaul phải không?”

“Vâng ạ.”

“Chẳng biết cha tôi nhớ được đến đâu nhưng nếu được nghe một câu chuyện hay thì thích quá!”

“Chúng cháu cảm ơn ạ.”

Nhà của cựu Chuẩn úy bảo trì Hải quân, Nagai Kiyotaka là một ngôi nhà kiểu nông thôn, tuy cũ nhưng khá lớn. Trước nhà có một khoảng sân rộng, cây cối được chăm sóc kỹ lưỡng.

Ông Nagai chống gậy đứng chờ chúng tôi.

“Cha tiếp khách một mình được không?”

“Không sao đâu.” Ông Nagai cười.

“VẬY, con có chút việc bên Hiệp hội Nông nghiệp.”

Con trai ông Nagai quay về phía chúng tôi. “Khi nào về, cô cậu cứ gọi điện, tôi sẽ đưa hai người ra nhà ga.”

Nói rồi chú ấy liền lên xe đi. Tôi và chị được dẫn vào căn phòng kiểu Nhật rộng rãi.

“Ta vẫn còn nhớ rõ về Miyabe đấy.” Ông Nagai nói. “Chúng ta gặp nhau ở Rabaul. Ta là lính bảo trì động cơ của máy bay Reisen.”

Máy bay khác với xe hơi, không phải cứ gắn động cơ vào là chạy ngay được, nó luôn cần được bảo trì thường xuyên. Sau khoảng 100 giờ bay là phải tháo mô-tơ Reisen ra bảo trì.

Rabaul là đảo núi lửa, ngọn Hanabuki vẫn luôn hoạt động, nên phi trường lúc nào cũng đầy tro bụi. Khi máy bay cất cánh, cả đường băng mịn mù cát bụi, không thể mở mắt ra được.

Việc đầu tiên ta phải làm khi thức dậy vào buổi sáng là dùng chổi cọ quét tro núi lửa phủ đầy trên các cánh máy bay. Trong động cơ bụi cũng đóng đầy nên rất cực. Nếu không bảo trì kỹ, giữa đường động cơ ngừng hoạt động thì các thành viên phi đội sẽ chết, chúng ta cũng chết chắc.

Bình trưởng * Kimura Heisuke cùng thời với ta đã mổ bụng tự sát khi chiếc Reisen mà ông bảo trì bị rơi trên biển vì động cơ trục trặc, phi công cũng thiệt mạng. Ta thì không đến mức đó nhưng khi làm việc sẽ rất chú tâm, nghiêm túc. Dù vậy, vẫn có những máy bay sau khi cất cánh gặp bất ổn và quay lại. Những khi như thế chúng ta rất khó xử.

Tuy chỉ là lính bảo trì nhưng chúng ta lại luôn chiến đấu cùng với các Reisen. Khi những chiếc máy bay do mình bảo trì xuất kích mà không trở về, ta rất đau lòng. Cảm giác như mất đi đứa con của mình vậy. Hơn nữa, phi công lái cũng tử trận nên nỗi thương tiếc còn gấp bội. Ta luôn băn khoăn có phải do mình bảo trì không tốt mà máy bay bị thua trong trận chiến không? Liệu có phải do sự cố của mô-tơ mà trên đường trở về máy bay đã rơi xuống biển hay không? Cứ nghĩ tới là ngực ta đau nhói.

Toàn bộ thành viên phi đội trở về hết là chuyện rất hiếm. Việc những người buổi sáng còn cười nói khỏe mạnh, buổi tối đã không còn trên cõi đời dần trở thành bình thường. Ban đầu, ta sốc không sao nuốt nổi cơm nhưng chẳng bao lâu ta đã quen dần. Đó là chuyện đương nhiên ở Rabaul. Nhưng với các thành viên phi hành đoàn trên máy bay tấn công mặt đất nếu một chiếc rơi thì cả bảy người cùng chết nên vẫn khiến ta rất buồn. Ở Rabaul, có hơn 1.000 thành viên phi hành đoàn máy bay tấn công đã hy

sinh. Bây giờ nghĩ lại, lính không quân thật đáng thương. Hầu như mỗi ngày đều phải xuất kích đến Guadalcanal.

Các tham mưu thường đùa rằng. “Phi công là hàng tiêu hao.” Nhưng dường như đó lại là sự thật. Còn lính bảo trì bọn ta chỉ là các trang thiết bị.

Nói thật lòng, ta đã từng mong muốn trở thành một phi công. Họ thật hào sảng, anh dũng, thật sự rất khí khái. Ta từng nghĩ thế mới đáng mặt nam nhi. Khi đó, ta chỉ chừng 18, 19, hoàn toàn không sợ cái chết. Tuổi trẻ nông nổi mà. Nhưng thật ra các trận không kích rất đáng sợ, chết vì bệnh tật cũng đáng sợ nhưng được chết khi chiến đấu oanh liệt trong một trận không kích chẳng phải đáng thỏa lòng sao. Dù đó là một sự nhầm lẫn lớn, nhưng khi ấy, ta đã nghĩ vậy đấy. Ta còn tiếc rằng nếu mình vẫn đang ở nội địa thì đã có thể dự thi khóa huấn luyện bay rồi.

Nhưng nếu trở thành phi công, chắc ta đã không còn sống đến ngày hôm nay. Còn một điều nữa, nói ra nghe thật xấu hổ, đó là thức ăn của phi công ngon và có chất dinh dưỡng hơn. Nếu nhìn từ vị trí của một lính bảo trì thì đó là một điều đáng ghen tị.

Lính bảo trì bọn ta có một niềm vui là được nghe báo cáo không chiến từ các phi công. Bọn ta rất thích nghe các thành viên phi đội khi trở về kể rằng: “Hôm nay tôi đã bắn rơi mấy chiếc.” Ta luôn nài nỉ để nghe các câu chuyện, có cảm giác như chính mình đã tham gia không chiến vậy.

Trong đội không quân Miyabe có chút khác biệt. Nói thế nào nhỉ... anh ấy chẳng có điểm nào gọi là can đảm cả. Ngôn từ lại lễ độ, giống như nhân viên công sở nhã nhặn thời bây giờ vậy. Thật không thể nhìn ra một phi công lái chiến đấu cơ. Dù có gọi chuyện thế nào, anh ấy cũng không bao giờ kể cho bọn ta nghe về trận chiến.

Có nhiều tin đồn không hay về Miyabe. Ta không nhớ rõ lắm. Hình như nhiều thành viên phi đội gọi cậu ấy là “Thằng hèn.” Thú thật ta nghĩ những tin đồn ấy cũng không quá khác thực tế. Vì hầu như không khi nào trở về mà anh ấy bị trúng đạn. Dù có ưu tú đến độ nào cũng không thể luôn trở về lành lặn, đặc biệt là khi yểm trợ Chuko. Máy bay yểm trợ dù có phải lãnh đạn của địch cũng bảo vệ Chuko cho bằng được, nên rất khó mà trở về lành lặn được. Chúng ta mất nhiều phi công ưu tú cũng là vì vậy.

Thế nhưng Miyabe lại luôn trở về nguyên vẹn, việc này có khác gì anh ta đã không đem thân mình bảo vệ chuko. Vì vậy ta nghĩ những lời nói sau lưng của một số người có thể là đúng. Thêm một lý do nữa là đạn của anh ấy lúc nào cũng còn, nghĩa là anh ấy hầu như không tham gia chiến đấu.

Dù là phi công của Hải quân Đế quốc nhưng không phải tất cả đều là những quân nhân khí phách, vẫn có những phi công không hay ho gì. Ví dụ, ta đã nghe một phi công vênh váo hùng hồn bảo: “Hôm nay ta đã bắn rơi một chiếc.” Nhưng khi kiểm tra máy bay thì thấy băng đạn còn nguyên. Không dùng một viên đạn nào mà lại bắn hạ được máy bay địch, hẳn dùng kỹ thuật quật của Mifune * sao?

Các phi công mới thường còn nguyên đạn. Bởi họ vẫn còn khá căng thẳng nên không tìm thấy máy bay địch. Tuy tham gia không chiến nhưng thực chất họ chỉ hoàn thành được mỗi việc trốn thoát mà thôi. Dù vậy, bình yên vô sự trở về đã là may mắn rồi. Ta nói như thế tận mắt chứng kiến vậy nhưng toàn bộ là nghe các phi công lão luyện kể lại.

Ngoài ra, máy bay của các chỉ huy cũng thường còn đạn, bởi họ thường được các hạ sĩ quan kỹ thuật dày dặn kinh nghiệm bảo vệ. Họ sẽ bay ở tầm cao, không tham gia hỗn chiến mà chỉ huy chiến đấu. Mặc dù máy bay thời đó trang bị bộ đàm rất kém, vậy mà cũng có chỉ huy không trung. Chính vì lẽ đó, nên khi bảo trì máy bay của Miyabe, ta đã nghĩ anh ấy gần như không chiến đấu, chỉ giỏi trốn chạy đúng như mọi người đàm tiếu.

Một điểm này nữa, thực ra chỉ là cảm nhận của riêng ta thôi, nhưng Miyabe khá phiền phức, rất khó tính trong việc bảo trì máy bay. Anh ấy thường nói “Tôi vẫn cảm thấy có gì đó không ổn” về các động cơ đã được lính bảo trì kiểm tra. Nếu nói thẳng ra nghĩa là “Có thể kiểm tra lại một lần nữa được không?” Anh chàng đó khá nhạy cảm với vấn đề động cơ. Mà không chỉ động cơ, cả cánh liệng * hay bất cứ chỗ nào anh ấy cảm thấy có chút kỳ lạ là lập tức đến tìm chúng ta. Ta nghĩ điểm này cũng là một lý do khiến Miyabe bị gọi là thằng hèn.

Chỉ tiêu tháo động cơ và bảo trì đối với mô-tơ của Reisen là 100 giờ bay. Nhưng Miyabe chưa bay đủ 100 giờ cũng đến nhờ chúng ta tháo ra kiểm tra. Anh ta rất căng thẳng dù chỉ là động cơ có chút âm thanh khác lạ. Vì thế trong đám lính bảo trì cũng có những người ghét Miyabe ra mặt.

Tuy điều này nghe có vẻ mâu thuẫn với chính lời ta nói, nhưng Miyabe không nhạy cảm, lo xa một cách vô cớ. Mỗi khi anh ấy nói động cơ bất ổn, thì xác suất rất lớn là thật sự có trục trặc gì đó. Chính điều đó lại là điểm mà lính bảo trì không ưa.

Anh ấy không bao giờ quên bày tỏ lòng biết ơn đối với bọn ta. “Nhờ anh em bảo trì, tôi mới có thể chiến đấu hết mình được.” Đó là câu cửa miệng của Miyabe. Nhưng những binh lính bảo trì xấu miệng vẫn nói sau lưng rằng, “Không chiến đấu hết mình thì đừng có nói là mình đã chiến đấu.”

Tuy vậy, ta không biết vì lý do gì mà mình lại được Miyabe yêu mến.

“Được Nagai kiểm tra cho, tôi thấy yên tâm lắm.”

Nghe anh ấy nói thế, không hiểu sao ta cảm thấy rất vui. Con người là như vậy đấy, phải không?

Thực lòng mà nói, ta rất tự tin vào kỹ thuật bảo trì của mình nên khi có người công nhận điều ấy, ta rất phấn khích. Trong Hải quân thời đó, hạ sĩ quan mở lời khen ngợi công việc của binh lính là rất hiếm. Vì thế, dù ghét tính hèn nhát của Miyabe, ta lại cảm mến con người anh ấy.

Bảo trì máy bay cho Miyabe rất nhẹ nhàng, bởi cách anh ấy bay không quá ép máy.

Máy bay là thứ rất tinh vi, nếu bay bất cẩn thì bảo trì chúng ta sẽ biết ngay. Ví dụ, chiếc máy bay cố bố nhào thì miếng kim loại của cánh sẽ có nếp nhăn và những vết nứt nhỏ. Ngoài ra, nếu bắn súng liên tục, nòng bị đốt nóng thì cũng sẽ hư hỏng, có chiếc còn bị chính súng máy của nó bắn vào cánh quạt. Thông thường, súng máy sẽ bắn qua khe hở của cánh quạt đang quay, do đạn bắn ra được đồng bộ với chuyển động của cánh quạt. Nhưng khi nòng bị đốt nóng, sức nóng đó sẽ làm nổ đạn, trúng cánh quạt.

Tuy nhiên, máy bay của Miyabe lúc nào cũng sạch sẽ. Là lính bảo trì, nếu máy bay được người dùng trân trọng, ta rất vui. Có câu “Vô sự thị chiến mã *”, riêng với trường hợp Miyabe, theo nghĩa đen hay nghĩa bóng đều đúng.

Reisen là một chiếc máy bay tốt, nhưng từ sau năm 1943, chất lượng của nó đã giảm sút. Không còn được sản xuất nhiều mà lại cấu thả hơn trước. Đó là điều mà chỉ lính bảo trì chúng ta nhận ra. Vậy mà ngạc nhiên thay, Miyabe cũng nhìn thấu việc ấy.

“Các Reisen được đưa đến đạo này chất lượng có thay đổi phải không?”

Một ngày nọ, trong lúc đang bảo trì động cơ, Miyabe hỏi thế. Dù khá ngạc nhiên trước con mắt sắc bén của anh ấy, nhưng ta cũng không dễ thừa nhận.

“Không thay đổi nhiều lắm đâu.” Ta dừng việc bảo trì, rồi đứng nghiêm trả lời.

“Vậy sao? Chắc do tôi tưởng tượng.” Miyabe nói thế và khẽ cúi đầu khiến ta cảm thấy hơi khó chịu.

“Chính xác thì so với trước, việc chế tạo có phần hơi cấu thả, nhưng không ảnh hưởng đến chuyến bay đâu.”

“Vậy thì tôi yên tâm rồi.”

“Sao anh lại nhận ra được vậy?”

“Lái nên biết thôi.” Miyabe mơ hồ nói.

Việc đó khiến ta rất khâm phục.

“Nghe đồn rằng,” ta hạ giọng. “Các công nhân có tay nghề đang dần ít đi. Lục quân tuyển lính nghĩa vụ quân sự nên đã ban hành Giấy đỏ. Vì vậy, công nhân của các nhà máy cũng lần lượt phải đăng lính.”

“Có chuyện đó sao?”

“Anh biết đấy, Reisen là chiếc máy bay đặc biệt có nhiều đường cong, không chỉ bên ngoài mà cấu tạo cũng vậy. Việc cắt những đường cong tinh xảo như thế bằng máy tiện, nếu không phải do công nhân có tay nghề tương

đổi thì rất khó. Tôi nghĩ những công nhân ấy mà phải đi lính, công xưởng sẽ rất khó khăn.”

“Tôi không biết chuyện đó. Hóa ra Reisen là do những thợ lành nghề chế tạo. Theo tôi, nó là chiến cơ hoàn hảo.”

Miyabe nói thế rồi đưa tay chạm vào cánh Reisen. Sau đó khẽ nói. “Chiến tranh là cuộc chiến bắt đầu từ các nhà máy công xưởng nhỉ.”

“Đúng vậy. Để một chiếc máy bay có thể cất cánh, đằng sau đó là công sức của rất nhiều người.”

Ta cố ý ám chỉ sự tồn tại của lính bảo trì.

“Tôi cũng nghĩ vậy. Công nhân xưởng chế tạo và các anh em bảo trì rất quan trọng.”

Ta có chút ngượng ngùng. “Nói ra thì cũng hơi khó, không phải một lúc mà có thể thay thế được các thợ lành nghề. Trong nước đang huy động lao động là học sinh trung học và phụ nữ. Nhưng họ không thể thay thế những thợ lành nghề bậc nhất được.”

“Nói vậy, có lẽ càng về sau càng tệ rồi.”

“Có thể. Tuy nhiên, đáng lo hơn cả là...” Ta khựng lại, có chút hối hận vì đã lỡ lời.

“Là gì thế?”

“Động cơ.” Ta mạnh dạn nói.

“Động cơ cũng cần bàn tay của các thợ lành nghề phải không?”

“Điều đó cũng cần, nhưng khi các máy sản xuất bị hao mòn, thì số lượng động cơ được sản xuất chắc sẽ giảm xuống.”

“Máy sản xuất sao?”

“Bởi vì động cơ cần máy sản xuất cắt kim loại chính xác đến từng một phần trăm. Nếu không có máy sản xuất tốt thì không thể chế tạo một động cơ tốt. Nếu loại máy đó mà hao mòn đi thì việc sản xuất cũng sa sút.”

“Máy sản xuất đó không phải là máy Nhật sao?”

Ta lặng lẽ gật đầu. Thật ra đây là chuyện ta nghe từ các giảng viên đội huấn luyện phi công. Họ kể rằng ngày xưa chúng ta cũng có xưởng chế tạo động cơ nhưng người ta lại khen ngợi các máy sản xuất của Mỹ, bảo rằng ở Nhật chẳng có máy nào tốt thế.

Nghe ta nói thế, Miyabe buông một tiếng thở dài lớn. “Chúng ta đang chiến đấu với đất nước đó mà.”

“Dù vậy, động cơ Sagae của Reisen là hàng Nhật. Sử dụng máy sản xuất của Mỹ nhưng chế tạo ra động cơ tuyệt hảo này lại là người Nhật.”

“Nhưng, một lúc nào đó Mỹ sẽ chế tạo được một chiến cơ ưu việt hơn phải không?”

“Cũng có thể, nhưng tôi nghĩ ngay cả là Mỹ cũng không dễ đâu.”

“Nếu thế thì tốt rồi.” Miyabe nói vậy nhưng tỏ ra không mấy yên tâm.

Thế rồi nỗi lo của Miyabe không may đã thành sự thật. Chiếc máy bay vượt trội Reisen, Grumman F6F đã xuất hiện trên bầu trời Rabaul vào cuối năm 1943.

Chuyện về Miyabe ngoài việc chiến đấu à? Chà, ở Rabaul ngoài chuyện chiến đấu ra thì chẳng còn gì khác. Đúng rồi! Ta nhớ ra rồi! Miyabe rất thích đánh cờ vây. Sao ta lại quên chuyện này được nhỉ. Lính bảo trì bọn ta, thường chơi bài Hanafuda *, cờ Shogi và cờ vây.

Công việc của lính bảo trì chỉ vất vả trước khi máy bay xuất kích và sau khi xuất kích trở về, các khoảng thời gian khác trong ngày khá rảnh rỗi. Đến giờ nghỉ trưa, dưới bóng râm của mái hiên doanh trại bảo trì, người thích chơi Shogi, cờ vây tụ tập lại với nhau. Đó là trước khi hải chiến Guadalcanal bắt đầu. Đến năm 1943 thì chúng ta chẳng còn thời gian nào cho việc đánh cờ nữa.

Mùa thu 1942, lính bảo trì vẫn như mọi khi tập trung trước doanh trại đánh cờ. Bất ngờ, Tham mưu Bộ Tư lệnh Hạm đội Tsukino vô tình xuất hiện tại doanh trại bảo trì. Tại Rabaul không chỉ có phi đội, còn có cảng quân sự là căn cứ của nhiều tàu thuyền. Ngoài ra còn có lục quân, một số lượng lớn lính bộ binh cũng ở đó. Thiếu tá Bộ tư lệnh Hạm đội đối với binh sĩ cao như mây trên trời, nên bọn ta căng thẳng đến cứng đờ người. Nhưng thiếu tá Tsukino lại nói chuyện với bọn ta khá thoải mái, còn ngồi xuống thăm cở xem đánh cờ vây. Sau khi xem vài ván, Thiếu tá bảo Hashida — người chơi giỏi nhất ban bảo trì rằng, “Chơi với ta một ván được không?”

Hashida giật mình, còn bọn ta rất ngạc nhiên. Dù sao thì thiếu tá cũng không phải đối tượng mà binh sĩ có thể dễ dàng nói chuyện, đến mức đánh cờ nữa thì chẳng thể nghĩ đến. Ta nhớ vẻ mặt của Hashida nhìn chúng ta như sắp khóc.

Khoảnh khắc đó đối với bọn ta như nghẹt thở. Trước mặt thiếu tá nên không ai dám nói nhiều như bình thường. Khi xem cờ cũng đứng yên bất động. Thiếu tá cười mở nói với chúng ta.

“Khi đánh cờ, không xem cấp bậc. Nhưng chỉ đến lúc có báo hiệu bị không kích thôi đấy!”

Nghe thế, mọi người cười phá lên. Khoảng thời gian đó, thỉnh thoảng hay có các trận không kích từ Cảng Moresby đến.

Dù thiếu tá đã nói “Thoải mái đi!” nhưng bọn ta chẳng như thế được. Thấy dáng vẻ bọn ta như vậy, thiếu tá mở lời. “VẬY... Ta ra lệnh! Thoải mái đi!” Tiếng cười vang lên giữa các binh sĩ. Thế là mọi người ngồi lên ghế dài, ngồi cả xuống đất xem cờ.

Kỹ thuật của thiếu tá rất khá, Hashida giỏi nhất ban bảo trì cũng bị thua đậm. Thiếu tá Tsukino nói, “Kỳ thủ chuyên nghiệp chấp ta hai quân đấy.” Ta nghe không hiểu lắm, nhưng nhìn Hashida thua dễ dàng như vậy cũng đủ biết kỹ thuật của thiếu tá rất khá rồi.

Thế là từ đó, thiếu tá thường xuyên đến xem đám lính bảo trì đánh cờ. Khi đến ông ấy thường mang theo bánh bao hấp nên bọn ta rất thích. Thiếu tá Tsukino là người yêu cờ vây bẩm sinh, ông ấy xem trọng cờ vây hơn cả Shogi.

Một lần ông ấy đã nói. “Đô đốc Yamamoto rất thích Shogi, nhưng có vẻ ông ấy không biết chơi cờ vây. Ta nghĩ nếu ông ấy biết chơi cờ vây, cuộc chiến này đã đánh theo cách khác rồi.”

Đây là câu nói nghiêm trọng. So sánh Shogi và cờ vây mà đánh giá Đô đốc Yamamoto thì khó chấp nhận được.

“Xin hỏi thiếu tá! Shogi và cờ vây khác nhau sao ạ?” Ai đó hỏi.

“Trong Shogi trận cờ sẽ kết thúc khi chiếu bí vua của địch. Dù binh lực có kém, có yếu thế đến mức nào, chỉ cần chặt đầu vua địch là chấm hết.”

“Vâng.”

“Nói cách khác, nó giống như Oda Nobunaga với hai ngàn quân đã đánh bại hai vạn quân của Imagawa Yoshimoto *. Vốn dĩ hai ngàn quân thì không lý nào thắng được hai vạn quân, nhưng do đã lấy được đầu Yoshimoto nên cuộc chiến kết thúc. Đó chính là Shogi.”

“Cờ vây thì không giống vậy sao?”

Thiếu tá khẽ gật đầu nói tiếp. “Cờ vây vốn là trò chơi bắt nguồn từ Trung Quốc. Dựa trên 361 điểm, ban đầu nó dùng để tính toán, dự báo những sự việc sẽ diễn ra trong một năm, nhưng không biết từ bao giờ nó lại trở thành trò chơi chiến thuật. Nói cách khác, cờ vây cũng giống một cuộc chiến tranh giành lãnh thổ vậy.”

“Nó cũng giống như chiến tranh giành Thái Bình Dương với Mỹ phải không?”

“Có thể nói như vậy. Trong chiến tranh Nhật-Nga trước đây, Hạm đội Liên hợp đã đánh bại Hạm đội Baltic. Hạm đội Liên hợp từ đó cứ nghĩ rằng chỉ cần đánh bại vua của phe địch, hạm đội chủ lực sẽ chiến thắng. Thế nhưng, cuộc chiến lần này không phải chỉ cần chiếu tướng địch là thắng đâu.”

Những lời của thiếu tá Tsukino mang sức nặng không ngờ, đánh vào lòng chúng ta. Bọn ta hiểu rằng giành thắng lợi trên Thái Bình Dương trước quân đội Mỹ đang tiến tới với quân lực khủng khiếp không phải là chuyện dễ dàng.

Sau chiến tranh ta mới bắt đầu đam mê cờ vây, nhưng hồi đó thì không. Ta nhìn những quân cờ trắng đen bày trên bàn mà cứ ngỡ là những hòn đảo trên Thái Bình Dương. Sau chiến tranh, ta bắt đầu chơi cờ cũng bởi tâm trạng kỳ lạ lúc đó.

“Đô đốc Yamamoto cũng đã bắt đầu một cuộc chiến khó khăn.” Thiếu tá Tsukino khẽ nói.

Ta từng thấy Miyabe đánh cờ một lần. Đối thủ không ai khác chính là Thiếu tá Tsukino.

Hôm đó, thiếu tá Tsukino cũng đến doanh trại lính bảo trì chơi. Như mọi lần, ông xem các binh lính chơi cờ. Khi đó, thiếu tá nhìn Miyabe và bắt chuyện. “Cậu đang chơi cờ vây à?”

Trong đám lính bảo trì lại có một phi công quả là chuyện hiếm có phải không?

“Vâng.” Miyabe đáp.

Thiếu tá gật đầu bảo. “Tốt! Chơi một ván nào!”

“Xin ngài chỉ giáo cho.” Miyabe cúi đầu thấp và ngồi xuống trước mặt thiếu tá. “Tôi xin đi trước.” Miyabe nói và rút một quân đen. Chúng ta ai nấy đều ngạc nhiên. Ngay cả anh Hashida chơi cờ giỏi nhất đám lính bảo trì cũng không thể so tay mà. Tuy vậy, thiếu tá không tỏ vẻ gì khó chịu mà im lặng lấy quân trắng.

Trận cờ bắt đầu, ban đầu thiếu tá đánh rất khí thế, Miyabe ngược lại đánh chậm rãi từng bước từng bước một.

Nếu ta có thể tả lại thế của ván cờ thì hay quá, nhưng sau chiến tranh ta mới biết chơi cờ. Trận chiến trên bàn cờ đó ta hoàn toàn không hiểu. Thế nhưng, đến trung bàn chiến * thì dễ nhận thấy thiếu tá Tsukino suy nghĩ lâu hơn. Ngược lại Miyabe vẫn tiếp tục đánh như đoạn bố cục. Thiếu tá khi đánh thường ngừng lại một chút rồi nắm quân cờ nhẹ nhàng đặt lên bàn, không gây ra tiếng động. Hoàn toàn không giống kiểu các lính bảo trì thường đánh như đập quân cờ.

Đến đoạn thâm quan, thiếu tá vừa đánh vừa lẩm bẩm. Nhìn vậy ta nghĩ không phải ông ấy đã thua rồi đấy chứ. Nếu thế thì sẽ rất tuyệt. Không phải ta có ác cảm với thiếu tá Tsukino, nhưng dù chỉ là trò chơi mà hạ sĩ quan thắng được sĩ quan thì thật sự rất vinh quang. Sự mong mỏi của bọn ta dâng trào. Kết thúc ván, đếm điểm trên bàn cờ thì thiếu tá hơn một điểm.

Mọi người, kể cả ta, đều xưng tụng chiến thắng của thiếu tá nhưng thật tâm thì có phần thất vọng.

“Cảm ơn ngài rất nhiều!”

Miyabe nói thế và cúi gập người. Anh ấy làm vậy khiến thiếu tá cũng bối rối cúi đầu nói. “Không chính ta mới phải cảm ơn!”

Rồi thiếu tá liếc nhìn lại trận cờ. “Cậu tên gì?”

Miyabe đứng thẳng người xưng tên và cấp bậc.

“Nhất đẳng phi tào Miyabe à? Đánh thêm một ván nữa được không?”

“Vâng.” Miyabe gật đầu quả quyết.

Thiếu tá mỉm cười, lần này ông ấy kéo quân đen về mình. Mọi người đều ngạc nhiên. Các cháu có biết không, trong cờ vây người giỏi sẽ lấy quân trắng. Quân đen đi trước có lợi, quân trắng đi sau phải có kỹ thuật cao để cứu vãn sự bất lợi đó. Trong cờ vây chuyên nghiệp hiện nay người đi trước chấp sáu điểm rưỡi cho đối phương, nhưng thời đó không có chuyện như vậy.

“Không. Chuyện này...” Miyabe vội nói, định lấy quân đen.

“Không. Ta đi quân đen.”

Thiếu tá chặn tay Miyabe lại. Miyabe không còn cách nào khác, đành lấy quân trắng. Chuyện sau đó càng bất ngờ hơn. Thiếu tá cầm hai quân đen đặt lên bàn.

“Có hơi ít, nhưng như vậy được không?”

“Tôi hiểu rồi. Xin chỉ giáo.” Miyabe khẽ nói.

Thiếu tá tự hào là kỳ thủ cờ vây mà lại muốn Miyabe chấp hai quân như vậy, chứng tỏ tài năng của Miyabe cũng không thua kém chút nào.

Trận này khác trận trước, từ đầu cả hai đều suy nghĩ kỹ lưỡng từng bước một. Đến trung bàn chiến, ván cờ đột ngột thay đổi. Thiếu tá đã chấp nhận thua. Đối với một người không biết về cờ vây như ta thì không hiểu chuyện gì đã đành, nhưng ngay cả những người cao cờ của ban bảo trì cũng phải nghiêng đầu thắc mắc. Nên chắc hẳn ván cờ này đã kết thúc đột ngột. Thế nhưng Miyabe không tỏ vẻ gì ngạc nhiên khác thường, chỉ lặng lẽ cúi đầu.

“Đúng là không thể đấu lại.” Thiếu tá nói. “Nhất đẳng phi tào Miyabe đã theo học kỳ thủ chuyên nghiệp phải không?”

“Vâng. Tôi đã theo học thầy Segoe Kensaku.”

“Thầy Segoe à? Thầy của Go Seigen *.”

Cái tên Go Seigen thì ai cũng biết. Ông ấy là thần đồng Trung Quốc, rất nổi tiếng trong giới cờ vây Nhật Bản trước chiến tranh. Danh tiếng của ông ngay cả những người không biết chơi cờ như tôi cũng biết, đến mức có cả bài thơ hài đại loại như “Go Seigen người mà Hangyoku thương thầm”. Hangyoku là geisha trinh nữ nổi tiếng thời bấy giờ. Ông Go Seigen bây giờ vẫn còn sống. Tuy đã qua tuổi 90 và vẫn đang nghiên cứu cờ vây. Giỏi thật!

Ta nhớ được cái tên Segoe cũng vì chuyện này.

“Bạn có nguyện vọng trở thành kỳ thủ chuyên nghiệp không?” Thiếu tá hỏi.

“Không.” Miyabe nói. “Tôi đã từng mong muốn thế, nhưng cha tôi không cho phép.”

“Vậy à?” Thiếu tá không hỏi gì thêm nữa, rồi thu dọn các quân cờ. “Cám ơn nhé. Ta đã học được nhiều điều. Sau này có cơ hội, mong cậu lại chỉ bảo.”

Miyabe cúi đầu. Nhưng không có ván cờ nào giữa họ nữa. Hai tuần sau, thiếu tá Tsukino chuyển công tác sang phục vụ trên hạm đội, chiến đấu trên khu trục hạm Ayanami. Ông cũng chịu chung số phận với con tàu trong đêm pháo kích đảo Guadalcanal vào cuối năm đó.

Thiếu tá trở về trại sĩ quan. Miyabe cũng rời trại lính, ngồi dưới gốc cọ. Ta đuổi theo sau và ngồi cạnh Miyabe.

“Nhất đẳng phi tào Miyabe chơi nghiêm túc nhỉ.”

“Đó là môn cha tôi thích, bởi vậy nên tôi mới được học cờ vây, nhưng sau lại quá ham mê nên định trước khi lên trung học sẽ trở thành kỳ thủ chuyên nghiệp.”

“Anh bị cha phản đối phải không?”

“Cha tôi là người buôn bán nên muốn tôi kế thừa sự nghiệp. Dù bị phản đối nhưng tôi vẫn lén đến lớp của thầy Segoe tiếp tục học cờ vây. Tôi không thể trả học phí hằng tháng nhưng thầy bảo không cần.”

“Ông ấy quả thực là một thầy giáo tốt.”

“Nhưng hình như cha tôi đã bí mật trả học phí cho thầy. Ông ấy yêu cầu vậy hơn tất cả, nên dù không muốn tôi trở thành kỳ thủ chuyên nghiệp nhưng có lẽ vẫn muốn tôi giỏi lên.”

“Sau đó thì sao?”

“Sau đó chẳng bao lâu, cha tôi lỡ bước trong kinh doanh, cửa tiệm tiêu tán rồi phá sản. Sau đó cha tôi treo cổ tự vẫn, thay lời xin lỗi đến các chủ nợ.”

Một câu chuyện hết sức chấn động, ấy vậy nhưng giọng kể của Miyabe lại rất hững hờ.

“Những người ở lại cũng không chịu đựng nổi. Tôi thôi học trung học. Mẹ ngã bệnh, rồi không bao lâu cũng qua đời. Chỉ trong nửa năm tôi đã trở thành kẻ cô cút trên cõi đời này. Tiền bạc không có, người thân không có, họ hàng để nhờ cậy cũng chẳng còn. Trong tình cảnh đó, tôi không biết phải làm gì, nên đã gia nhập Hải quân.”

Lần đầu tiên ta nghe về quá khứ của Miyabe.

“Thầy Segoe bảo tôi đến chỗ ông học nghề rồi ông sẽ nuôi tôi. Nhưng nhà thầy cũng chẳng khá giả gì, nên tôi đã từ chối. Tôi dự định nếu rớt kỳ tuyển quân, tôi sẽ xin học nghề trong một tiệm buôn nào đó.”

Thì ra Miyabe cũng vậy. Các hạ sĩ quan Hải quân thường là những người nhập ngũ vì muốn giảm miệng ăn trong gia đình. Con trai thứ trong một nông gia chỉ có hai con đường sống là lên đô thành làm công học việc hoặc gia nhập quân đội. Rất ít trẻ con có thể học lên trung học. Thực ra, học viên trường Hải quân phần nhiều xuất thân từ gia đình không mấy khá giả. Vì học trường quân sự không mất học phí nên nhiều đứa trẻ ưu tú không có điều kiện học lên cao đẳng, đã đến trường quân sự. Thời đó Nhật Bản rất nghèo, xã hội phân chia giai cấp, các cháu bây giờ khó lòng tưởng tượng nổi.

Miyabe không phải con thứ nhưng gia cảnh bất hạnh nên cũng đành nhập ngũ.

Bản thân ta là con thứ ba trong một gia đình tá điền. Sau khi tốt nghiệp tiểu học, ta vào làm trong một xưởng làm tương. Xưởng đóng cửa, ta không còn nơi nào để đi nên đã vào quân đội. Có lẽ đây là chuyện mà thế hệ trẻ

bây giờ không thể tưởng tượng được, nhưng bọn ta đều vì miếng ăn nên nhập ngũ.

“Sau khi chiến tranh kết thúc, anh sẽ lại đặt mục tiêu làm kỳ thủ chuyên nghiệp chứ?” Ta hỏi Miyabe.

Anh ấy chỉ cười, không hiểu có phải vì giả định “nếu chiến tranh kết thúc” của ta thú vị không.

“Không được nữa rồi. Tôi đã lỡ mất thời gian quý báu để làm kỳ thủ chuyên nghiệp rồi.”

“Nếu nỗ lực thì vẫn được chứ?”

“Để trở thành kỳ thủ chuyên nghiệp, thời niên thiếu phải trang bị rất nhiều thứ, tôi đã không thực hiện được. Bây giờ đã 23 tuổi rồi. Giả sử chiến tranh kết thúc, dù tôi có cố gắng đến chết cũng không trở thành kỳ thủ chuyên nghiệp được.”

“Tiếc nhỉ.”

“Cũng không đáng tiếc lắm.” Miyabe nói không chút do dự. “Khi còn bé, vì một chuyện nhỏ cũng buồn cũng vui. Đến khi học trung học, lại đau đầu về việc sẽ học cao đẳng hay trở thành kỳ thủ chuyên nghiệp. Sau đó, tôi rất đau khổ khi cả hai ước mơ đều tan vỡ. Thế nhưng so với việc mất cha, mất mẹ, điều đó chúng chẳng có nghĩa lý gì.”

Nói đến đây, Miyabe bắt giắc mỉm cười.

“Nhưng bây giờ nhìn lại, ngay cả việc đó cũng chẳng còn to tát. Trong cuộc chiến này, những chuyện khủng khiếp vẫn xảy ra hằng ngày. Mỗi ngày lại có nhiều chàng trai phải hy sinh. Các gia đình trong đất liền khi nghe tin báo tử sẽ thế nào.”

Ta không thể tán đồng câu nói đó. Bởi vì tử trận là hy sinh danh dự, phải vui mừng, không thể biểu lộ đau buồn. Những lời của Miyabe vô tình mang tính phản động.

Nhìn khuôn mặt hoang mang của tôi, Miyabe nở nụ cười buồn. Một lát sau, anh nói. “Cậu có biết ước mơ lớn nhất của tôi bây giờ là gì không?”

“Là gì?”

“Là còn sống và trở về nhà.”

Ta vẫn còn nhớ sự thất vọng cực độ của mình khi nghe cậu ấy. Đó là lời nói của một phi công lái chiến đấu cơ của Không lực Hải quân sao? Tin đồn về “Thằng hèn” đúng là thật rồi.

Đối với ta khi ấy, gia đình là nơi ta bắt đầu cuộc hành trình. Cả cha mẹ đều tiễn ta ra trận. Vì thế, câu “muốn trở về” đó nghe yếu ớt như đàn bà. Ta chưa thể hiểu nổi việc “gia đình” là thứ mà “người đàn ông phải bảo vệ”, mãi cho đến khi chiến tranh kết thúc, ta xuất ngũ và có gia đình. À không, cũng chưa hẳn. Phải đến lúc có con, lần đầu tiên ta mới hiểu cuộc đời này không chỉ của riêng mình. Đối với một thằng đàn ông thì phải gánh vác gia đình bằng tất cả sức lực của mình. Lúc đó, ta mới nhận ra lời nói của Miyabe có sức nặng đến thế nào. Thật đáng xấu hổ.

Các cháu có biết sở thích của ta bây giờ là gì không? Là cờ vây đấy. Mỗi tuần đánh cờ một lần ở Hội người cao tuổi, đó là niềm vui lớn nhất của ta hiện giờ.

Nếu có thể ta cũng muốn Miyabe dạy ta chơi một ván.

Sau mùa hè 1943, ngay cả Rabaul cũng bị không kích hằng ngày. Cả phi trường Lae mà các phi công thiện chiến của Phi đội Tainan xưa kia chiến đấu cũng rơi vào tay địch, các đảo xung quanh lần lượt bị chiếm, Rabaul như đèn treo trước gió.

Sau đó, cuối năm 1943, chiếc Grumman F6F xuất hiện, nó là một chiến cơ vô cùng dũng mãnh, vượt xa Grumman F4F.

Ta nhớ đã rất sững sốt khi lần đầu nhìn thấy chiếc Grumman F6F rơi tại Rabaul. Thân máy gồ ghề, động cơ bên trong khổng lồ, đáng sợ như một con quái vật. Do va đập khi rơi nên nó đã hỏng, nhưng đội trưởng đội bảo trì ước lượng công suất của nó khoảng 2.000 mã lực. Gấp hai lần Reisen. Nhờ mã lực khổng lồ đó, các vũ khí hạng nặng và thiết bị chống đạn cũng được trang bị đầy ấn tượng.

Dưới sự lãnh đạo của đội trưởng đội bảo trì, mọi người tháo rời động cơ đã hỏng ra nghiên cứu. Ta đã thấy nó được chế tạo tinh xảo đến thế nào. Đội trưởng lắc đầu nói. “Chế tạo một cỗ máy thế này ở Nhật là việc vô cùng khó khăn.”

Chiến cơ thiện chiến của địch không chỉ có Grumman. Chiếc Sikorsky có cánh dạng chim mòng biển ngược cũng rất lợi hại và có trang bị động cơ công suất lớn. Lính bảo trì chúng ta đã cảm nhận được thời thế đang dần thay đổi.

Các phi công cũng nói chiến cơ lợi hại mới của địch rất ưu việt. Mặc dù vậy các phi công Reisen ở Rabaul vẫn anh dũng chiến đấu.

Thời gian này cuộc chiến giành lại Guadalcanal không còn nữa mà chủ yếu là các trận mai phục đánh chặn quân địch, nên phi công có thể chiến đấu với lợi thế sân nhà, chiến đấu không cần lo lắng đến nhiên liệu, cũng như về đạn dược. Lúc gặp bất trắc, nhảy dù thoát ra là được cứu. Trước đây dù là thứ không ai mang theo, nhưng khoảng thời gian đó, phần lớn phi công đều đã trang bị dù.

Dù thế những trận chiến ấy cũng tuyệt đối không dễ dàng. Grumman và Sikorsky đều ưu việt hơn Reisen, lại áp đảo về số lượng. Mỗi trận không kích đều có khoảng 200 máy bay địch tấn công, nhưng quân ta bay lên đánh chặn chỉ vồn vện chừng 50 chiếc. Địch bị bắn hạ bao nhiêu máy bay cũng chẳng nhằm nhò, trong khi phe ta bổ sung vài chiếc máy bay đã khó, bổ sung các phi công lão luyện lại càng không thể.

Cả đội phi công Reisen chỉ sau một tháng hầu như đã thất sắc. Những người vẫn giữ được phong thái như Nishizawa Hiroyoshi, Iwai Tsutomu, là rất ít. Nishizawa vang danh là Át chủ bài của Hải quân Đế quốc. Iwai cũng là một tay lão luyện, là một trong 13 người tham gia trận Reisen đầu tiên vào năm 1940. Đó là trận không chiến huyền thoại khi phe ta không mất một chiếc nào mà tiêu diệt sạch 27 chiếc máy bay của không lực Trung Quốc. Sau này, khi làm giảng viên anh được các học viên dự bị đặt cho biệt danh là “Chiến thần Zero”, ta nghe nói kỹ thuật không chiến đã đạt đến mức thần kỳ.

Cả Nishizawa lẫn Iwai đều nói, “Chỉ cần qua được cú đầu tiên thì máy bay Mỹ cũng chẳng có gì ghê gớm đến thế.” Nhưng là họ nên mới có thể nói thế, mới có thể tự tin đến vậy phải không?

Iwamoto Tetsuzo nổi tiếng cũng cùng chiến đấu ở Rabaul thời đó, nhưng ở phi trường Torabe cách phi trường phía Đông chỗ ta khá xa nên ta

không có cơ hội nói chuyện. Anh ấy là chiến binh ưu tú sánh ngang với Nishizawa nên không được gặp mặt cũng thật tiếc.

Ngoài ra, trong những người luôn giữ được phong thái còn có Miyabe. Bây giờ nghĩ lại, vì vẫn sống sót trên chiến trường đó nên có lẽ Miyabe không chỉ đơn giản là một kẻ hèn nhất.

Nửa cuối năm 1943 chủ yếu là các cuộc đánh chặn địch nên ở Rabaul có nhiều máy bay địch bị bắn hạ. Hầu hết phi công đều nhảy dù xuống. Nếu là phi công Hải quân chúng ta thì đã tấn công liều chết, nhưng họ lại nhảy dù. Họ hoàn toàn không cảm thấy nhục nhã khi bị bắt làm tù binh. Chuyện này khiến bọn ta có phần ngạc nhiên, bởi bọn ta vẫn luôn được huấn luyện rằng “Không được sống trong nỗi nhục của tù binh.”

Một lần nọ, các máy bay ném bom B17 của Mỹ đến Rabaul không kích bị đội pháo cao xạ của phe ta bắn hạ. B17 rơi ngoài rìa phi trường. Các phi công đều thoát thân bằng dù trước khi máy bay rơi, nhưng do không đủ độ cao, dù nhảy không thể bung ra hết, tất cả họ đều chết.

Trong đó, có một người rơi xuống gần phi trường của Rabaul. Lính bảo trì chúng ta và các phi công đi xem, thì thấy dù bị mắc trên cây. Thân thể của người lính Mỹ đó không có vết thương nào nghiêm trọng nhưng anh ta đã ngừng thở.

Chúng ta lôi thi thể người lính Mỹ đó từ trên cây xuống. Bất chợt một người kêu lên, trong tay cậu ta cầm một tấm ảnh.

“Thằng đó đem theo thứ này đi chiến đấu này!”

Cậu ấy chuyển cho mọi người xem tấm ảnh. Đó là ảnh khỏa thân của một cô gái. Nói vậy nhưng chỉ là nửa thân trên thôi. Khi thấy bộ ngực trần đó, ta thật sự bị sốc, sốc vì tấm hình khỏa thân đó hơn cả việc tên lính Mỹ mang theo tấm hình như vậy bên mình. Trước đó ta chưa từng xem qua thứ gọi là ảnh khỏa thân phụ nữ.

Trong phút chốc, ta quên cả việc đang ở chiến trường, chăm chú nhìn tấm ảnh khỏa thân của người phụ nữ da trắng. Cả đám người ồn ào ban đầu cũng lặng phắc ngắm tấm ảnh.

Mọi người truyền tay nhau rồi đến lượt Miyabe. Anh ấy cũng như mọi người im lặng ngắm trong chốc lát rồi đột nhiên xoay nhìn mặt sau tấm

ảnh. Khi thấy Miyabe nhìn chăm chăm vào mặt sau, ta đã có một suy nghĩ thật ngu ngốc, “Mặt sau cũng có à?”

Miyabe bỏ lại tấm hình vào túi áo ngực của thi thể. Khi một phi công vươn tay định lấy tấm ảnh ra lần nữa, Miyabe hét lên, “Dừng lại!” Thế nhưng anh chàng đó không quan tâm, vẫn cho tay vào túi áo. Lúc ấy, Miyabe vung tay đánh cậu ta. Anh chàng bị đánh đó rất bất ngờ, nhưng ngay cả Miyabe cũng giật mình về hành động đó.

“Xin lỗi!” Miyabe nói như sắp khóc.

“Chuyện này là sao?” Anh chàng bị đánh biến sắc hét lớn.

“Đó là hình vợ người đàn ông đó.” Miyabe nói như rít lên. “Mặt sau viết dành tặng người chồng yêu dấu... cũng có thể là người yêu. Nếu được, tôi muốn chôn nó cùng anh ta.”

Khi nghe vậy, anh chàng bị đánh cũng im bật. Sau đó, Miyabe lại xin lỗi một lần nữa, và một mình quay lại phía phi trường.

Ta nhìn lại người lính Mỹ đã chết. Anh ta còn trẻ, chỉ trạc 20 tuổi. Ta nhớ lại tấm ảnh cô gái kia, nụ cười có vẻ ngượng ngùng. Có lẽ đây là tấm ảnh mà cô ấy lấy hết can đảm để chụp tặng cho người chồng trước khi ra trận. Vậy mà người chồng ấy giờ đã chết tại hòn đảo nhỏ bên Nam Thái Bình Dương, và người vợ đang ở nhà ngóng trông chồng trở về vẫn chưa biết chuyện này. Sau đó, tấm hình được chôn cùng người lính Mỹ đã chết trong khu rừng già trên đảo.

Đến bây giờ ta vẫn nhớ như in câu chuyện đó. Trên chiến trường, ta đã thấy rất nhiều thi thể, phải nói là không đếm xuể. Xác của đồng đội cũng có, xác của lính Mỹ cũng có. Nhiều hình ảnh đã phai nhòa trong ký ức. Thế nhưng sao hình ảnh đó còn hằn sâu mãi trong tâm trí ta đến thế.

Sau đó, chắc vợ của anh ta ở đất liền sẽ nhận được tin báo về cái chết của chồng. Đối với người đã chết, bỏ người yêu thương lại thì còn gì đau đớn hơn.

Ta trở về quê hương sau khi chiến tranh kết thúc, và tìm được người bạn đời. Không phải ta thành tâm mong muốn kết hôn, chỉ là cảm thấy đã đến lúc phải ổn định cuộc sống và lập gia đình. Đối tượng tuổi tác cũng xấp xỉ chắc cũng mong muốn ổn định nên mới đến với ta. Sau khi xem mặt,

không có ấn tượng xấu về nhau nên đã cưới. Dù vậy, ta lại không nhớ gì về cảm giác lúc đó.

Cảm giác yêu thương xuất hiện sau khi bọn ta đã kết hôn được một năm. Đêm hôm đó, ta vô tình ngắm vợ mình. Dưới ánh đèn, bà ấy đang ngồi khâu lại chỗ rách trên chiếc quần cho ta. Khi đó, ta là nhân viên bưu cục, đạp xe đi phát thư mỗi ngày.

Trước đó ta chưa từng ngắm vợ mình chuyên tâm khâu vá, ta bỗng nhìn xuống chiếc áo mình đang mặc, chỗ khuỷu tay cũng có miếng vá. Ta chăm chú nhìn bà ấy khâu từng mũi, từng mũi thận trọng. Giây phút thấy cảnh đó, ta cảm thấy một thứ tình cảm không diễn tả được bằng lời. Người phụ nữ này, họ hàng không có, nhan sắc cũng không. Người phụ nữ này đã khâu vá quần áo cho ta, đã chuẩn bị bữa cơm cho ta. Người phụ nữ này đây...

Ta bất ngờ ôm chầm lấy vợ. “Cẩn thận!” Bà ấy khẽ kêu, lo kim may sẽ đâm vào tay ta. Ta mặc kệ, nhất mực ôm chặt lấy. Khi đó, lần đầu tiên ta gọi tên bà ấy. Vợ ta khá ngạc nhiên vì chuyện bất ngờ này, ngại ngần đáp nhỏ “Dạ.” Chính giây phút đó ta đã yêu.

Các cháu có biết thứ hiện lên trong đầu ta lúc đó là gì không? Chính là người lính Mỹ năm xưa. Và rồi hình ảnh Miyabe bỏ tấm hình vào túi áo anh ta.

Ta ôm chặt lấy bà ấy. Sau đó bà ấy bảo ta đã khóc. Ta không nhớ, nhưng bà ấy đã nói thế, nên chắc là vậy.

Chúng ta đã có con trai vào lúc đó. Là người đã đón hai cháu lúc này. Giờ con ta đã là thành viên hội đồng thị trấn này rồi đấy. Một báu vật nữa trong cuộc đời ta.

Còn một lần nữa ta nhớ đến Miyabe và bật khóc.

Đó là ngày hội thể thao đầu tiên khi con trai ta lên tiểu học, năm 1955. Bọn trẻ mặc áo thể thao màu trắng chạy quanh sân. Ta và vợ ngồi ngoài rìa sân vận động, cổ vũ cho con trai. Mọi người đều rất vui vẻ. Cả người lớn lẫn trẻ con đều cười sảng khoái. Thắng con trai về áp chót trong cuộc đua nên mếu máo. Dù thế ta vẫn rất đổi vui mừng.

Khi đó, nhìn khung cảnh vui vẻ xung quanh, bất chợt lòng ta tràn đầy cảm giác lạ kỳ, như bản thân lọt vào một thế giới nào khác. Ta đột nhiên nhận ra, mười năm trước, đất nước này đây vẫn còn chìm trong chiến tranh loạn lạc.

Những người cha đang cười nói nơi đây, trước kia đều là những binh sĩ cầm trên tay cây súng. Đều là những binh sĩ đã chiến, đấu ở Trung Quốc, ở Liên bang Đông Dương*, và các hòn đảo tại Nam Thái Bình Dương.

Hiện tại họ là thương gia, là công nhân viên chức đang ngày ngày nỗ lực làm việc vì gia đình, nhưng 10 năm trước, họ đều là những chàng trai chiến đấu quên mình vì đất nước này.

Lúc đó, ta bỗng nhớ tới Miyabe. Nếu còn sống, Miyabe cũng có thể cùng con đến tham gia Hội thao như thế này. Không còn là phi công Hải quân, không còn là người lái Reisen, chỉ là một người cha hiền từ, đến reo hò cổ vũ cho đứa con gái đang chạy trong sân trường. Không chỉ một mình Miyabe mà tất cả các sĩ quan và binh lính bị bắn ở Guadalcanal, hy sinh trong rừng già tại Imphal hay chìm cùng soái hạm Yamato. Quá nhiều chàng trai đã hy sinh trong cuộc chiến đó, tất cả họ đều bị cướp mất hạnh phúc này.

Ta đã không ngăn được nước mắt. Vợ ta ngẩn ra không hiểu nhưng vẫn giữ im lặng. Ta đứng dậy, đi về phía cuối sân trường, sau lưng lại vang lên tiếng reo mừng của bọn trẻ,

Ta ngồi sụp xuống bên gốc cây dẻ mà khóc.

Từ lúc câu chuyện được giải bày, chị Keiko sụt sịt mãi, tôi cũng ngây cả người. Sau một hồi trầm mặc, ông Nagai nói.

“Đến cuối năm 1943, Rabaul đã không còn là căn cứ không quân nữa, toàn bộ phi công bị rút về. Những người còn lại cũng không còn máy bay để đánh chặn quân Mỹ. Hằng ngày, chúng ta đào đường hầm, chuẩn bị cho cuộc chiến trên mặt đất. Tuy nhiên, quân Mỹ không hề để mắt đến Rabaul mà hướng thẳng đến Saipan. Nếu khi đó họ tấn công Rabaul chắc mạng ta đã không còn. Rabaul bị cắt đường tiếp tế nên với cả Mỹ và Nhật, nó đều

trở thành hòn đảo bị lãng quên. Ta ở Rabaul suốt đến khi chiến tranh kết thúc nhưng cuộc sống ở đó thực sự quá cực nhọc nặng nề.

Tôi khó khăn gạt đầu. Ông Nagai nói tiếp.

“Dù vậy, cũng may mắn là nhờ đó kéo dài được mạng sống. Sau chiến tranh ta ra sức làm việc. Ta đã tìm được niềm vui trong lao động. Không chỉ riêng mình ta. Nhiều người đàn ông hạnh phúc khi được sống và được lao động. Không, ta nghĩ không chỉ đàn ông mà cả phụ nữ cũng thế. Nhật Bản đã hồi phục thần kỳ sau chiến tranh. Nhưng mà này, cô cậu Saeki à, ta nghĩ đó là bởi những người đàn ông ngập tràn niềm vui sống, lao động và nuôi dưỡng gia đình. Và hạnh phúc đó là nhờ những người như Miyabe đã đổ máu và ngã xuống.”

Ông Nagai lau nước mắt.

“Chỉ là có một điều ta thắc mắc. Miyabe là người rất quý trọng mạng sống, dù bị rêu rao là kẻ hèn nhát vẫn chọn con đường sống. Con người ấy...” Ông Nagai khẽ nghiêng đầu. “Tại sao lại tự nguyện tham gia cuộc tấn công cảm tử? Đúng là chuyện quá mức lạ lùng.”

ĐIÊN CUỒNG

Sau khi gặp ông Nagai, tôi đã lùng sục tìm đọc những cuốn sách nói về trận chiến Thái Bình Dương. Tôi muốn biết các trận chiến đã diễn ra như thế nào tại nhiều chiến trường khác nhau.

Càng đọc càng cảm thấy căm phẫn. Các binh lính và hạ sĩ quan ở hầu hết các chiến trường đều bị sử dụng như những viên đạn pháo. Chắc các tham mưu cấp cao của Bộ Tổng tư lệnh và Tổng hành dinh Đế quốc chẳng hề quan tâm đến sinh mạng của binh sĩ. Chắc họ cũng chẳng quan tâm đến việc các binh lính còn có gia đình hay người thương. Chính vì thế họ mới nghiêm cấm việc đầu hàng, nghiêm cấm việc trở thành tù binh, kêu gọi việc xả thân vì danh dự. Họ đã ra lệnh “Chết!” cho những người đã tận lực chiến đấu nhưng cuối cùng vẫn chỉ nhận được thất bại.

Trung đoàn Ichiki tận diệt tại Guadalcanal cũng vậy. Sau khi trận chiến kết thúc, bờ biển lúc rạng đông đầy rặt những thương binh. Thấy quân Mỹ đến gần, dù không thể di chuyển nhưng họ vẫn cố dùng hết sức lực cuối cùng nã súng, những người không còn đạn thì tự sát bằng lựu đạn. Chuyện này lặp đi lặp lại ở bất cứ đâu.

Không quân cũng vậy. Họ được huấn luyện rằng nếu bị trúng đạn, không còn hy vọng trở về thì phải tự phát nổ.

Thế hệ ông ngoại đã sống một thời kỳ vĩ đại làm sao. Trong cuộc chiến chiến đấu anh dũng hết mình, sau chiến tranh lại dựng xây đất nước từ tro bụi.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều điều tôi chưa hiểu về Kamikaze. Có sách viết tất cả đều do tự nguyện nhưng cũng có cuốn lại cho rằng đó là do ép buộc. Rốt cuộc ông ngoại tôi thuộc nhóm nào đây? Dù thế nào thì những

người như ông ngoại đã không được tự do tận hưởng tuổi thanh xuân của mình.

Cựu Trung úy Hải quân Tanikawa Masao đang sống ở viện dưỡng lão Okayama.

Keiko nói muốn đi cùng tôi. Không biết từ bao giờ tôi đã dẫn dắt chính trong vụ này, bởi việc liên lạc với các hội cựu chiến binh đều do tôi thực hiện.

Chúng tôi đi tàu điện đến Okayama.

“Em nói với chị trước...” Vừa ngồi xuống ghế, tôi đã nói ngay với Keiko. “Chuyện anh Takayama nói sẽ viết báo về cuộc tìm hiểu ông ngoại, em chính thức từ chối.”

Chị Keiko chỉ gật đầu.

“Có thể anh Takayama sẽ thấy khó chịu nhưng em không thích đem chuyện của ông lên báo.”

“Anh Takayama sẽ hiểu mà.”

Tôi thoáng để ý biểu hiện của chị.

“Chị có gì với anh Takayama phải không?”

“Có gì đâu.” Keiko nhìn ra ngoài cửa sổ, tôi biết chị đang nói dối. Xưa nay chị tôi không giỏi che giấu cảm xúc, thế nên tôi thường bản khoản liệu chị có hợp với nghề phóng viên.

“Anh ta nói gì với chị à?”

“Anh ấy cầu hôn chị.” Chị nhún vai.

Tôi ngạc nhiên dò xét gương mặt chị nhưng không biết được chị vui hay buồn.

“Chị nói cho chị thời gian suy nghĩ.”

“Chị đùa giỡn anh ta đấy à?”

“Chị đâu phải con nít. Chuyện một đời người, không thể trả lời đơn giản thế được.”

“Thực lòng thì chị nghĩ sao?”

“Chị nghĩ anh Takayama là người tốt, điều kiện cũng khá. Vì thế chị định sẽ đồng ý.”

Tôi vừa định mở miệng nói thì chị chặn ngay.

“Chuyện này đến đây thôi!”

Tôi nhắm mắt muốn ngủ nhưng cuối cùng cứ miên man trong dòng suy nghĩ. Tôi không chắc anh Takayama có hợp với chị hay không. Dù thế nào, đó cũng không phải việc tôi quản được.

Nhiều lần hé mắt, tôi vẫn thấy chị thẫn thờ nhìn ra ngoài cửa sổ. Gương mặt nghiêng nghiêng của một phụ nữ 30 tuổi, chị Keiko của tôi thật xinh đẹp mặn mà.

Bỗng nhiên lúc đó, trong đầu tôi chợt hiện lên khung cảnh tám năm về trước, lúc anh Fujiki an ủi cô chị mít ướt của tôi ngày anh trở về quê. Đó là tuần sau khi chúng tôi lái xe đến Hakone. Hôm đó, tôi đến văn phòng của ông chơi, lâu lắm rồi mới lại mò lên sân thượng. Trên sân thượng có trồng nhiều cây cảnh nên tôi rất thích lên đó ngồi yên tĩnh một mình.

Nghe thấy tiếng con gái khóc đâu đó gần cửa sân thượng, tôi rón rén lén nhìn qua cửa kính. Chị đang ngồi sụp xuống đất khóc. Anh Fujiki đứng bên cạnh với vẻ mặt đầy khổ sở. Anh Fujiki nói gì đó, nhưng tôi không nghe được. Mỗi lần anh nói gì chị lại lắc đầu bật khóc. Ban đầu tôi nghĩ anh Fujiki đã làm gì chị nhưng hình như không phải. Chị khóc như một đứa trẻ vùi vĩnh vậ. Đó là lần đầu tiên tôi thấy người chị mạnh mẽ của mình khóc, cũng chưa từng thấy gương mặt đau khổ của anh Fujiki khi nhìn chị như vậy. Tôi lẳng lặng bước xuống cầu thang.

Tôi không biết lúc đó giữa hai người đã xảy ra chuyện gì. Nhưng khi ấy, cô sinh viên Đại học mới lớn là chị, đang một lòng yêu anh Fujiki.

Viện dưỡng lão nằm ở ngoại ô Okayama, là một tòa nhà màu trắng mang kiến trúc cận đại, thoạt nhìn giống một căn hộ chung cư. Ngay sau viện là núi, thiên nhiên rất hài hòa. Keiko đã tìm hiểu trên internet và nói rằng chỉ cần nộp vài chục triệu yên là có thể sống ở đây đến cuối đời.

Chúng tôi đến văn phòng hỏi gặp ông Tanikawa và được mời vào phòng khách. Gọi là phòng khách nhưng nó giống như một phòng họp nhỏ. Giữa phòng đặt một cái bàn.

Không lâu sau, một ông lão ngồi xe lăn được hộ lý đưa đến.

“Ta là Tanikawa. Xin thứ lỗi vì không thể đứng dậy chào được.”

Chúng tôi chào đáp lại.

“Rất lâu rồi mới lại có người đến thăm ta.”

Cô hộ lý pha trà mời chúng tôi. Ông Tanikawa cẩn trọng cầm chén, chậm rãi nhấp trà.

“Ta chưa từng nhắc lại chuyện thời chiến khi ấy. Ta ghét bị nghĩ rằng mình khoe khoang chiến công, cũng không muốn bị thương hại. Chưa nói đến chuyện ta không thể chịu nổi thói tọc mạch. Chắc đó là tâm trạng chung của nhiều người từng trong cuộc chiến đó.”

Chị định nói gì đó, nhưng ông Tanikawa quặt tay chặn lại. “Ta biết cháu muốn nói gì. Có lẽ đây thực sự là chuyện phải kể cho thế hệ sau, là nhiệm vụ của những người từng ra chiến trường. Ta nghĩ nhiều người kể về những trải nghiệm chiến tranh như sứ mệnh của mình.” Ông Tanikawa đặt chén trà lên bàn. “Ta không còn sống lâu nữa. Vợ ta đã đi trước rồi, sau khi chỉ còn một mình trên đời, ta đã suy nghĩ về việc này nhiều năm, nhưng vẫn chưa có đáp án. Không chừng một ngày không xa nữa ta sẽ ra đi.” Ông Tanikawa nhìn vào mắt tôi nói. “Nhưng, hôm nay ta sẽ kể.”

Ta và Miyabe cùng chiến đấu với nhau trong Phi đội 12 tại Thượng Hải, Trung Quốc. Miyabe là một phi công dũng cảm, không biết sợ hãi. Hơn nữa, lại là thiên tài về kỹ thuật điều khiển trong các cuộc không chiến. Một khi đã bám theo địch thì tuyệt đối không buông tha. Ta còn nhớ có ai đó đã nói, “Miyabe giống như con ba ba trợn vậy.”

Thời gian đó ở Thượng Hải đầy rẫy những tay có tiếng như Akamatsu Sadaaki, Kuroiwa Toshio, Kashimura Kanichi. Cả Iwamoto Tetsuzo nữa, nhưng thời ấy vẫn còn là phi công dự bị.

Akamatsu thường hay gây gổ. Cứ rượu vào là mất kiểm soát. Các hành vi sai trái của anh ta không sao đếm xuể, đến mức không được đề xuất huân chương. Sau chiến tranh, anh ta bị đánh giá không tốt, nhưng về tài điều khiển thì không ai có thể chối cãi được. Anh ta khoác lác rằng đã bắn rơi 350 máy bay nhưng kỹ thuật không chiến thì thực sự không hề khoác lác.

Kuroiwa là người kỳ cựu trong các cuộc không chiến tay đôi. Chuyện anh ấy quay cậu Sakai Saburo như chong chóng trong trận diễn tập không chiến khá nổi tiếng.

Trước chiến tranh Thái Bình Dương, anh ấy làm việc tại hãng hàng không dân dụng. Trong cuộc chiến lại nhận nhiệm vụ vận chuyển. Đến năm 1944, anh đã hy sinh ngoài khơi biển Mã Lai. Ta nghĩ nếu anh ấy là người cầm cần điều khiển máy bay chiến đấu thì tuyệt đối đã không bị bắn.

Còn Kashimura nổi tiếng trong vụ bay một cánh. Trong trận không chiến Nam Xương, chiếc chiến cơ trên mẫu hạm kiểu 96 của anh ấy bị mất một cánh. Với khả năng điều khiển tài tình của mình, anh đã bay về được. Chuyện khi đó còn được đăng báo, anh là phi công hải quân nổi tiếng nhất cả nước thời tiền chiến. Hiển nhiên kỹ thuật không chiến cũng siêu việt. Ta cũng được diễn tập không chiến cùng anh ấy vài lần nhưng hoàn toàn không thể địch nổi. Dù vậy, năm 1943, Kashimura đã tử trận tại Guadalcanal.

Tài điều khiển của Miyabe cũng không hề thua kém các đàn anh. Akamatsu từng nói, “Thằng nhóc ấy có vẻ là một thiên tài đấy.”

Thế nhưng, Kuroiwa lại bảo, “Cứ liều lĩnh như thế thì có mấy cái mạng cũng chẳng đủ đâu.”

Ta với Miyabe không mấy thân thiết. Bọn ta cùng tuổi, vào hải quân cùng lúc nhưng Miyabe trở thành thực tập sinh khóa huấn luyện bay sớm hơn, tay nghề cũng cao hơn hẳn nên ta không mang lòng ganh đua. Duy có một điều khiến ta kiêu hãnh, đó là trước khi chiến tranh Thái Bình Dương bắt đầu, chương trình huấn luyện vô cùng cao. Thời của ta, trong 8.000 người dự thi chỉ có 50 người đỗ, cuối cùng chỉ còn 20 người có thể trở thành phi công lái máy bay chiến đấu trên mẫu hạm. Tỷ lệ chọi vào khoảng 400.

Mùa xuân năm 1941, cả hai bọn ta đều được gọi về nội địa, lên chiến đấu trên mẫu hạm. Tuy nhiên, Miyabe chiến đấu trên tàu Akagi, còn ta thuộc Soryu đến cuối trận chiến. Vì vậy, từ sau trận Trân Châu Cảng, dù cùng hoạt động trong một hạm đội suốt nửa năm nhưng chúng ta không có dịp gặp gỡ. Đó là khoảng thời gian quân ta bành trướng. Nơi chúng ta tiến đánh không hề có đối thủ. Nhưng liệu đó có phải là điều tệ hại nhất không? Các đô đốc vì thế đều không tin rằng họ lại thua trận.

Thế nhưng, vì chúng ta luôn luôn chiến đấu ở tuyến đầu, dù có trăm trận trăm thắng cũng không thể tránh được thiệt hại của các thành viên phi đội. Trong cuộc chiến dù áp đảo đến mức nào vẫn luôn có những chiếc máy bay không trở về. Ngay cả trận Trân Châu Cảng cũng thiệt hại đến 29 chiếc. Bởi thế, bọn ta luôn phải nỗ lực hết mình, bởi nếu xảy ra sơ suất, chính bọn ta là người thiệt mạng.

Ngay cả trong trận Midway, đội Reisen chúng ta đã bắn hạ hơn cả trăm máy bay tại căn cứ và trên mẫu hạm địch. Kẻ gây ra thất bại của trận hải chiến đó và cả trận Harada nữa, có lẽ là Nagumo *.

Sau khi trở về từ Midway, phi công bọn ta bị giam giữ gần một tháng trong đất liền. Việc 4 mẫu hạm bị đánh chìm được ban lệnh tuyệt đối giấu kín. Nếu để lộ ra ngoài, sẽ phải chịu hình phạt nặng nề trước tòa án quân sự. Thật ngớ ngẩn! Tại sao lại không để cho quốc dân biết sự thật chứ? Hơn thế nữa, còn giấu nhem sự thật đó với cả Lục quân. Vì thế đến khi đánh trận Guadalcanal, Lục quân ngạc nhiên trước việc vì sao Hải quân có ưu thế hơn quân Mỹ lại không thể chiếm được quyền kiểm soát biển và không phận.

Sau đó, ta được phân về hạm đội không quân mới được hình thành. Các đồng đội không được phân lên mẫu hạm đã bị đưa đến Rabaul. Ta lên chiến đấu trên con tàu được cải tiến thành mẫu hạm Hiyo, tham gia chiến dịch cướp lại Guadalcanal. Chiến đấu trong cả trận hải chiến Nam Thái Bình Dương * vô cùng cam go. Qua nhiều đợt tấn công, chúng ta đã đánh chìm chiếc Hornet, thế nhưng quân ta lại mất quá nhiều phi công kỳ cựu, đặc biệt là các chàng trai ưu tú của Kanbaku và Kanko.

Kết cục vẫn không thể chiếm lại Guadalcanal. Cuộc chiến cứ thế kéo dài nửa năm, phần lớn các phi công sống sót từ trận Midway đã hy sinh trên bầu trời Solomon. Ta nghĩ chúng ta đã mất tám mươi phần trăm phi công giàu kinh nghiệm quý giá tại đó. Hải quân Đế quốc đã để xảy ra một lỗi lầm không thể nào khắc phục.

Sau đó ta quay về nội địa làm giảng viên nửa năm, rồi được phân đến chiến đấu tại căn cứ Kupang trên đảo Timor thuộc Indonesia. Tại đây chúng ta ngày ngày tấn công cảng Darwin của Úc.

Khoảng thời gian đó, Mỹ hoàn toàn nắm thế chủ động Đông Nam Thái Bình Dương. Rabaul đã phải hứng chịu các chiến dịch phản công của Mỹ. Trong tình thế đó, việc tấn công Úc hoàn toàn không thích hợp.

Người ta bảo Rabaul là mồ chôn các phi công. Từ nửa cuối năm 1943, số đồng đội gạo cội ít ỏi bằng kỹ thuật lão luyện của mình đã chống đỡ lại các đợt phản công của địch để sống sót. Đó là giai đoạn đánh chặn những đợt tấn công của đối phương, nên cũng là cuộc chiến trên sân nhà của chúng ta.

Iwamoto Tetsuzo khi ấy hình như cũng chiến đấu tại Rabaul. Anh là phi công át chủ bài tuyệt vời trong cuộc chiến Thái Bình Dương. Cuối cùng số máy bay anh bắn hạ có lẽ đã vượt quá con số 200 chiếc.

Có cả Nishizawa Hiroyoshi nữa. Có một khoảng thời gian anh trở về đất liền nhưng đến năm 1943, anh đã trở lại Rabaul. Có lẽ tài nghệ của Nishizawa còn hơn cả Iwamoto, được quân Mỹ đánh giá rất cao, đến độ Bộ Quốc phòng Mỹ vẫn còn trưng ảnh của anh.

Ngoài ra, còn có Iwai Tsutomu và Komachi Sadamu. Komachi là một người trẻ có tài. Dù không nhiều nhưng họ thật sự là những người xuất sắc, không dễ dàng bị bắn rơi. Miyabe cũng trong số đó.

Nhờ sự cố gắng của những người như Nishikawa, Rabaul đã được giữ vững trong một khoảng thời gian nhưng thật tiếc, đó vẫn là thiếu số chống đa số. Hơn nữa, chúng ta đã bị tước mất quyền kiểm soát biển nên không thể nhận được sự viện trợ. Vì lý do đó, Rabaul rơi vào bế tắc. Địch cũng nhận thấy không cần thiết phải cố gắng xâm chiếm Rabaul khi nó đã rơi vào tình cảnh như vậy. Sau khi cô lập Rabaul, Mỹ quyết định một bước tấn công thẳng Saipan.

Đầu năm 1944, ta trở thành phi công mẫu hạm Zuikaku, chiến đấu trên Đảo Bắc, tức Philippines. Zuikaku đã chiến đấu từ trận Trân Châu Cảng, đánh chìm Lexington trong trận Biển San Hô và Hornet tại Nam Thái Bình Dương. Nó là mẫu hạm may mắn, chưa một lần bị thiệt hại. Khi gia nhập

thủy thủ đoàn Zuikaku, ta cảm thấy thật may mắn. Ta nghĩ nếu chiến đấu trên mẫu hạm này không chừng có thể kéo dài được mạng sống của mình. Binh lính lại là những kẻ quá tin vào vận mệnh.

Nhiều phi công từ các nơi được gom lại đưa lên mẫu hạm.

Tại đó, ta đã bất ngờ gặp lại một người. Miyabe. Cả hai chúng ta đều vô cùng ngạc nhiên. Bởi khi ấy, hầu như những người còn sống từ thời chiến tranh Nhật-Trung đều đã tử trận, nên khi gặp lại chiến hữu xưa, chúng ta vui mừng khôn xiết.

Ta và Miyabe không có mối quan hệ thân thiết đặc biệt nhưng lần gặp lại ấy, vui mừng khôn xiết. Dường như Miyabe cũng vậy.

“Cậu vẫn còn sống à?”

“Tanikawa, anh cũng vẫn bình an.” Miyabe nói.

“Thôi ngay! Chúng ta cùng tuổi, cậu cứ xưng kiểu đó tôi khó nói chuyện lắm. Cứ xưng hô ‘tôi’ với ‘cậu’ là được rồi!” Miyabe mỉm cười. Sống trong quân đội mười năm, cấp bậc của cả hai đều là Chuẩn úy.

“Được rồi, Tanikawa.”

Không ai kể về những trận chiến của mình nhưng cả hai đều hiểu rõ việc còn sống được đến tận bây giờ là điều hết sức khó khăn.

“Đợt này là tấn công tổng lực.” Ta nói.

“Sẽ là một cuộc chiến gay go đây.”

“Không chừng đợt này chúng ta lại mất mạng.”

Nghe ta nói vậy, Miyabe chỉ giữ im lặng.

Hạm đội cơ động Nhật đánh chặn đội cơ động Mỹ phản công gồm Shokaku và Zuikaku, hai mẫu hạm kỳ cựu từ trận Midway, và mẫu hạm cỡ lớn mới chế tạo Taiho. Ngoài ra còn có 8 mẫu hạm khác, nhưng chỉ có mỗi 3 mẫu hạm này chính quy, những chiếc còn lại là mẫu hạm cỡ nhỏ được chế tạo từ các tàu buôn. Mặt khác, quân Mỹ liên tục đầu tư mẫu hạm cỡ lớn như Essex. Theo thông tin từ máy bay trinh sát, mẫu hạm địch có 10 chiếc. Binh lực giữa ta và địch quá mức chênh lệch. Các mẫu hạm Essex này vô cùng kiên cố. Đến cuối cuộc chiến, Hải quân Nhật vẫn không thể đánh chìm một chiếc nào.

Tuy nhiên, dù địch có hùng mạnh đến cỡ nào, ta vẫn phải chiến đấu. Đó là chiến tranh.

Có một niềm khích lệ rằng các phi cơ thuộc Hạm đội Không quân Một gồm Shokaku, Zuikaku, Taiho đều là những chiếc tối tân. Máy bay chiến đấu là Reisen đời 52 kiểu mới, Kanbaku là Suisei *, Kanko là Tenzan *. Phe ta đã không thể chiến đấu với Kanbaku 99 và Kanko 97 đời cũ nữa. Sự xuất hiện của các máy bay đời mới đó giúp chúng ta vững tâm hơn. Đặc biệt, chiếc Kanbaku Suisei có tốc độ nhanh hơn cả chiến cơ địch nên khá được kỳ vọng.

Hơn nữa, mẫu hạm mới Taiho lại là loại chiến hạm cỡ lớn 40.000 tấn, sàn đáp được bọc thép và có thể chịu được các cuộc ném bom bổ nhào với 500kg bom.

“Nếu có chiếc Taiho trong trận Midway thì có lẽ chúng ta đã thắng rồi nhỉ?”

Đứng trên boong tàu Zuikaku ngắm chiếc Taiho, ta nói với Miyabe. Bốn mẫu hạm trong trận Midway đều bị đánh chìm bằng bom 500kg.

“Nói vậy là ngược rồi. Chẳng phải chính vì chúng ta thảm bại trong trận Midway nên mới chế tạo chiếc hàng không mẫu hạm thế này sao?” Miyabe cười nói.

“Đúng vậy thật!”

“Hơn thế, tôi còn muốn được trang bị máy bay có khả năng phòng vệ.”

Ta cũng nghĩ như thế. Đã có bao nhiêu phi công lão luyện đã hy sinh vì không có tấm chắn đạn. Chỉ vì một viên đạn lạc mà mất mạng thật hết sức vô lý.

Những chiếc như Grumman F6F dù bị cả trăm phát súng máy 7.7 li cũng chẳng hề hấn gì. Khi ở căn cứ Kupang, có lần ta đã nhìn thấy xác chiếc F6F bị phe ta bắn rơi. Lúc đó, ta đã sửng sốt trước độ dày của tấm chắn đồng. Đặc biệt, tấm chống đạn dày được đặt sau lưng phi công là thứ mà súng máy 7.7 li không thể đâm thủng.

Ta khâm phục việc quân Mỹ thực sự coi trọng sinh mạng phi công của họ. Ngoài ra, mỗi khi đến không kích, quân Mỹ luôn bố trí tàu ngầm dọc đường đi. Việc đó nhằm cứu những phi công buộc phải hạ cánh khẩn cấp trên biển.

Khi ta nói chuyện đó với Miyabe, cậu ta bảo.

“Việc máy bay bị bắn hạ nhưng phi công vẫn có thể trở lại chiến trường sẽ giúp họ tận dụng những kinh nghiệm từ thất bại của mình.”

“Còn chúng ta dù chỉ một lần thất bại, cũng xem như chấm hết phải không?”

“Đúng vậy. Còn bọn họ làm vậy sẽ tích lũy kinh nghiệm và dần được đào tạo thành những phi công thuần thục.”

“Có phải đó là nguyên nhân các phi công lão luyện của chúng ta bị hao hụt đi không?”

Vào khoảng thời gian đó, kỹ thuật của quân Mỹ đã được nâng cao, khác xa so với thời khai chiến. Ngoài ra, hai chiến cơ tinh nhuệ mới Grumman F6F và Sikorsky đã hơn hẳn Reisen. Bọn họ điều khiển các chiến cơ ưu việt đó, liên lạc bằng điện đàm, thực hiện các cuộc không chiến với đội hình khéo léo. Hơn nữa, còn áp đảo về mặt số lượng. Dù thế nào, cuộc chiến này sớm đã không thể thắng được.

Ngược lại, phi công phe ta hầu hết đều là những người trẻ chưa tròn hai năm kinh nghiệm bay. Sự sụt giảm kỹ thuật đó không gì có thể phủ lấp được. Điều đó hiện rõ như ban ngày khi ta xem buổi tập cất cánh, hạ cánh trên tàu tại bến Tawi Tawi ở Bắc Đảo. Họ liên tục đáp hỏng, hết đâm vào đuôi tàu, lại lật ngược trên boong, dùng dư lực từ đầu tàu khiến máy bay rơi xuống. Mỗi buổi tập huấn đáp tàu lại tổn thất một số lượng tương đối lớn máy bay và phi công, chính xác là hơn 50 vụ như thế. Chỉ tập huấn đáp tàu mà mất binh lực tương đương một chiếc mẫu hạm.

“Trời ơi, chuyện gì đang diễn ra thế?” Ta nói khi trong phòng chờ chỉ còn lại Miyabe. “Phi công không thể hoàn thành nổi việc đáp tàu thì làm sao chiến đấu được đây?”

Miyabe ngồi xuống ghế, vất chân.

“E rằng họ đã rút ngắn thời gian tập huấn, cho tham gia thực chiến ngay. Trước đây, tôi có hỏi những phi công trẻ về số giờ bay, chỉ 100 giờ. Với 100 giờ bay mà đáp được xuống mẫu hạm là việc quá sức.”

“100 giờ thì chỉ bay thôi cũng đã khó khăn rồi.” Miyabe gật đầu, ta nói tiếp. “Chúng ta khi tấn công Trân Châu Cảng, tất cả đều vượt quá 1.000 giờ.”

Miyabe nhìn xuống. “Thẳng thắn mà nói, hoàn toàn khác Hạm đội Không quân Một khi xưa.”

Chẳng bao lâu sau, chương trình tập huấn đáp tàu bị ngưng lại. Bởi nếu cứ tiếp tục tập huấn như vậy, chỉ hao tổn vô số phi công và máy bay. Còn một lý do khác, tàu ngầm địch thường di chuyển ngoài cảng Tawi Tawi. Vì vậy, tập đáp tàu tại nơi như thế rất nguy hiểm. Tàu thuyền khi tránh tàu ngầm sẽ di chuyển theo hình chữ chi, hay còn gọi là zigzag, nhưng khi các máy bay cất và hạ cánh, mẫu hạm phải di chuyển thẳng theo hướng gió. Đó là mục tiêu tấn công tuyệt hảo cho tàu ngầm.

Khu trục hạm của ta lại thiếu trầm trọng khả năng chống tàu ngầm, không thể tiêu diệt các tàu ngầm địch đang hoành hành. Đó cũng là bởi các thiết bị định vị và đo lường dưới nước ưu việt của địch. Hay nói cách khác, đó là do sự chênh lệch về kỹ thuật công nghệ. Bộ Tổng tư lệnh chắc hẳn cũng không thể để các mẫu hạm quý giá rơi vào tình trạng nguy hiểm bằng việc tập huấn đáp máy bay.

Tối hôm nghe tin ngưng tập huấn đáp máy bay, ta rủ Miyabe lên sàn đáp chính.

“Họ định làm gì mà cho ngưng tập huấn vậy chứ?”

Một làn gió ấm áp thổi qua, hai chúng ta ngồi xuống sàn boong.

“Phải chăng Bộ tham mưu nghĩ chỉ cần cất cánh khỏi tàu là được. Bởi vì cất cánh là việc có thể xoay sở được.” Miyabe nói.

“Nếu vậy nghĩa là chỉ có thể tiến hành tấn công một lần?”

Miyabe gật đầu. “E rằng Bộ Tổng tư lệnh định tấn công cảm tử.”

“Chuyện đó là sao?”

“Chắc hẳn họ định đánh cược vào một đợt công kích.”

Nghe vậy, tâm trạng ta trở nên u ám. Việc ngưng tập huấn là một tổn hại to lớn đối với các phi công. Sự thành thạo của một phi công được duy trì bởi việc tập luyện, giống như trong thể thao vậy.

Gần một tháng trước trận chiến lớn nhất nổ ra, chúng ta không được bay.

Và rồi tháng Sáu năm 1944, sau cùng quân Mỹ cũng tấn công mạnh vào Saipan.

Đây dường như là điều các tham mưu không dự đoán được. Khu vực Saipan và Guam có rất nhiều căn cứ địa của quân ta, nên chắc họ không nghĩ rằng quân Mỹ sẽ đến tấn công. Đây cũng là một sự sơ suất nữa.

Hạm đội cơ động Mỹ đưa một số lượng lớn máy bay đến những căn cứ đó. Đội phòng không tại căn cứ Nhật từng chiếc một gần như bị phá hủy hoàn toàn.

Tuy nhiên, Saipan là nơi mà quân đội Nhật phải cố giữ. Guadalcanal và Rabaul là những hòn đảo quân ta chiếm giữ từ khi chiến tranh Thái Bình Dương bắt đầu, nhưng Saipan thì khác. Đây là lãnh thổ thống trị của Nhật từ thời tiền chiến, có khu phố Nhật, có nhiều cư dân đang sinh sống. Hơn nữa, nếu để mất Saipan, lãnh thổ Nhật Bản có thể sẽ gặp nguy hiểm bởi các cuộc tấn công của máy bay ném bom đời mới B29. Chính vì thế, quân đội Nhật Bản xem nơi đây là khu vực quốc phòng tuyệt đối phải bảo vệ.

Đô đốc Hạm đội Liên hợp khi biết việc quân Mỹ đổ bộ vào Saipan đã phát lệnh tác chiến chiến dịch A. Chiến dịch A là chiến dịch hủy diệt Hạm đội cơ động Mỹ.

Đô đốc Jisaburo Ozawa chỉ huy Hạm đội cơ động số 1 từ Tawi Tawi tiến đến Saipan, ngày ngày đưa máy bay đi thám thính địch. Đây là bài học rút ra từ thất bại của trận Midway.

Sau cùng, vào ngày 18, máy bay thám thính đã phát hiện Hạm đội cơ động Mỹ. Thế nhưng vừa lúc mặt trời lặn, cự li lại quá xa nên cuộc tấn công được dời sang ngày hôm sau.

Ngày hôm sau, khoảng cách giữa ta và địch đã gần 400 hải lý. Thời điểm đó, Hạm đội cơ động của ta vẫn chưa bị Mỹ phát hiện. Đối với ta, đây là một cơ hội lớn. Dù vậy, giả sử có bị phát hiện thì cũng chẳng sao, bởi

máy bay Nhật có tầm hoạt động xa hơn máy bay Mỹ, chúng ta có thể tấn công từ khoảng cách mà đối thủ không với tay tới được. Nó cũng giống như độ dài tay của võ sĩ quyền anh vậy.

Đây là chiến thuật Outrage * của Đô đốc Ozawa trứ danh khắp Thế giới. Bởi tấn công từ cự li Hạm đội cơ động Mỹ không thể tấn công nên nó được cho là chiến thuật không có rủi ro.

Nghe thì đúng là chiến dịch lý tưởng, nhưng thực tế chuyện lại không thuận lợi như thế. Đúng là đối với Hạm đội cơ động thì không có rủi ro nhưng đối với đội không quân thì lại khác. Các phi đội bay 400 hải lý tấn công địch không hề dễ dàng. 400 hải lý tương đương 700km. Cần phải bay trên biển hơn hai giờ đồng hồ để đến không phận địch. Nếu là căn cứ địa cố định như Hawaii thì tốt rồi, nhưng mục tiêu tấn công lần này là Hạm đội cơ động di chuyển với tốc độ cao. Lúc đến được không phận địch thì địch cũng đã di chuyển cả trăm cây số rồi. Thực sự có thể chạm trán được Hạm đội cơ động địch hay không cũng không biết. Nhiệm vụ dẫn đường do các phi công kỳ cựu thực hiện, nhưng giữa đường gặp máy bay đánh chặn của địch, đội hình tan rã, quân ta gần như không còn khả năng đến được Hạm đội cơ động địch.

Vả lại, hầu hết phi công của ta bấy giờ đều là người mới, ý chí vô cùng mạnh mẽ, hơn hẳn những phi công lão niên đã mệt mỏi vì cuộc chiến. Thế nhưng, trên bầu trời chỉ có tinh thần thôi thì không đủ. Nó thuần túy là cuộc chiến của tính năng máy bay và kỹ thuật điều khiển.

Sau khi kết thúc thành công đợt tấn công, những phi công không đủ tự tin để quay lại mẫu hạm thì nhận lệnh bay đến căn cứ địa đảo Guam, trang bị nhiên liệu, vũ khí, lập lại các cuộc tấn công.

Cột buồm chính trên chiếc soái hạm Taiho ngày hôm trước đã treo cờ Z *. Đó là tín hiệu cờ danh tiếng mà khi xưa Đô đốc Togo Heihachiro đã treo ngay trước trận Hải chiến biển Nhật Bản *. Trong cuộc chiến lần này, lá cờ Z chưa được treo lại lần nào từ sau trận Trân Châu Cảng. Đúng là “Sự hưng vong của Đế quốc phụ thuộc vào trận đánh này.” *

Tâm trạng bọn ta lại ngày thêm căng thẳng.

Và rồi, vào một sáng tháng Sáu năm 1944, Phi đội Ba cất cánh khỏi mẩu hạm tiến hành đợt không kích thứ nhất. Tiếp theo Phi đội Một sẽ thực hiện đợt không kích thứ hai. Ta đảm nhiệm vai trò máy bay yểm trợ cho Suisei của đội không kích thứ hai.

Ngày hôm đó, Hạm đội cơ động phe ta đã cho xuất kích sáu đợt tấn công, con số khổng lồ tổng cộng vượt quá 400 máy bay. Đợt tấn công như vậy trước nay chưa từng có. Quy mô vượt xa trận Trân Châu Cảng. Hơn nữa, tham chiến đều là các máy bay tinh nhuệ mới như Reisen đời 52, Kanbaku Suisei, Kanko Tenzan.

Chỉ có điều đáng buồn là những phi công điều khiển chúng lại khác thời Trân Châu Cảng. Điều đó hiện rõ ngay sau khi máy bay cất cánh khỏi tàu. Họ không thể tạo nên một đội hình đẹp tập trung mật độ cao. Không còn là đội Không lực Hải quân năm xưa nữa.

Kết quả à? Như các cháu tưởng tượng đấy.

Địch với thiết bị dò tìm định vị tính năng cao đã bắt sóng được đội không kích phe ta cách cả trăm hải lý, ngạc nhiên hơn là họ còn đọc được cả cao độ. Nhưng tất cả đều là việc sau chiến tranh ta mới biết. Ta không biết rằng các tham mưu từ Đô đốc Ozawa trở xuống có biết được khả năng của thiết bị định vị Mỹ hay không. Có lẽ không, nhưng bọn ta buộc phải biết bằng chính trải nghiệm của bản thân.

Quân Mỹ sử dụng toàn bộ các máy bay chiến đấu cho nhiệm vụ đánh chặn, chờ mai phục đội không kích của ta. Với chiến thuật Outrange, chúng ta sẽ bắt đầu tấn công trước nhưng ngược lại, ngờ đâu kẻ bị tấn công lại chính là chúng ta.

Máy bay chiến đấu địch tấn công với số lượng lớn hơn gấp bội từ vị trí cao. Ta loay hoay thoát khỏi cuộc tấn công nhưng thành viên đội bay của ta nhanh chóng biến thành một ngọn lửa và rơi xuống. Ta tìm cách tiêu diệt chiếc Grumman nhưng lại rơi vào tình trạng cứ bám đuôi một chiếc, lại bị một chiếc khác bắn từ phía sau, không thể nào bắn trả được.

Máy bay quân ta lần lượt bị bắn rơi. Các phi công non kinh nghiệm ngay cả bay tránh cũng không thể, cứ thế liên tục làm mồi cho địch.

Các cháu có biết cuộc chiến khi đó được binh lính Mỹ gọi là gì không? “Trận bắn gà tây tại quần đảo Mariana.”

Gà tây thế nào ta không biết nhưng nghe nói nó di chuyển rất chậm chạp, ngay cả một đứa con nít cũng có thể bắn hạ. Đối với phi công Mỹ, máy bay Nhật khi đó giống như đám gà tây vậy.

Dù lọt qua trận thứ nhất thì còn có trận thứ hai. Địch bố trí mấy tầng máy bay chiến đấu. Kết cuộc chẳng có mấy chiếc đột phá qua hàng phục kích đó, rất nhiều đã bị bắn rơi.

Dù vậy ta cũng hộ tống được vài chiếc Kanbaku Sao chổi, đưa đến không phận địch. Suisei có tốc độ cao nên có thể xoay sở được nhưng các Kanko Tenzan tốc độ chậm đều bị tiêu diệt hết.

Ta vẫn nhớ mình đã run rẩy thế nào khi đến được không phận địch. Có khoảng 10 mẫu hạm cỡ lớn đang tập trung. Số mẫu hạm chính quy Hải quân Nhật đầu tư cho trận chiến này chỉ có 3 chiếc, như là một võ sĩ hạng nhẹ khiêu chiến với một võ sĩ hạng nặng vậy.

Trên không phận địch vẫn còn vô số các máy bay bảo vệ đang đợi sẵn. Ta đã chấp nhận rằng vận mệnh của mình đến đây là kết thúc. Nếu phải chết, ta cũng muốn để cho Kanbaku ném trúng địch một phát.

Ta tiến tới xấp lá cà với các chiến cơ địch đến tấn công Kabanku Suisei. Không biết có phải nhờ ta chăm sóc kỹ lưỡng không mà đạn địch không thể đến được Suisei. Ta bám sát Suisei, xua đuổi chiến cơ địch, chờ đến lúc cần thiết sẽ làm vật thế thân.

Ta đã nhìn thấy Suisei bổ nhào xuống. Tàu địch bắn pháo đối không lên dữ dội, màn đạn khủng khiếp nhất mà ta từng thấy. Cả bầu trời tối đen. Suisei vẫn dũng mãnh xông vào màn đạn ấy. Ta thầm cầu mong “Cố lên nhé! Bất kể là châu chấu đá xe, cho chúng một cú. Dù không thắng nổi cũng chém nó một nhát đi.”

Nhưng giây tiếp theo, thật không thể tin vào mắt mình. Kanbaku Suisei lần lượt bốc cháy, rơi xuống, lửa pháo đối không của quân Mỹ đã

bắn rơi Kanbaku Suisei như bắn tia bằng súng có ống ngắm. Ta ngẩn ngơ nhìn những chiếc Suisei rơi.

Cuối cùng, Kanbaku Suisei hầu như không thể mang về chiến tích nào. Ta cũng bị Grumman tấn công, chỉ có thể chạy trốn bằng bản năng, không thể đánh trả lại. Địch liên tục đến tấn công kiểu mèo bắt chuột, né chiếc này thì lại bị chiếc khác tấn công. Trốn được khỏi làn đạn của địch đã là một sự cố gắng lắm rồi.

Mãi rồi mới thoát ra khỏi không phận địch, đám Grumman đã thôi đuổi theo. Có lẽ chúng nhận nhiệm vụ bảo vệ hạm đội, nếu kiên trì truy đuổi, chắc ta đã tiêu thật rồi.

Ta quyết định trở về hạm đội. Xung quanh không hề có một chiếc máy bay nào phe mình. Ta cũng nghĩ sẽ bay đến căn cứ đảo Guam, nhưng cuối cùng lại mạnh dạn chọn quay về mẫu hạm. Quyết định này đã cứu sống đời ta. Đội tấn công đợt thứ ba xuất kích sau ta đã không thể tìm ra mẫu hạm địch, không trở về tàu mà hướng đến Guam nhưng tất cả đều bị chiến cơ địch mai phục trên không phận Guam bắn diệt.

Khi ta trở về tàu, mẫu hạm phe ta chỉ còn mỗi một chiếc. Không thấy bóng dáng Taiho và Shokaku đâu, dù có vẻ như máy bay địch chưa đến tấn công.

Ta hạ cánh xuống Zuikaku, báo cáo tình hình chiến đấu với Phi đội trưởng, rằng cuộc đánh chặn của địch đã khiến chúng ta mất nhiều máy bay tấn công, và địch gần như không chút hề hấn nào.

Phi đội trưởng nghe xong, chỉ nói “Vậy à?” Rồi lặng im.

Sau khi báo cáo xong, ta dò hỏi các thủy thủ đoàn về Taiho và Shokaku thì được biết chúng đã bị tàu ngầm địch dùng ngư lôi đánh chìm. Toàn thân ta rã rời. Trong trận công kích tổng lực của bọn ta kết thúc trong thảm bại thì 2 chiếc mẫu hạm cũng bị đánh chìm... Thua đậm rồi!

Không lâu sau, một chiếc Reisen khác cũng trở về. Là Miyabe. Cậu ta đã mất đồng đội. Trong trận không chiến ấy, hầu như không ai dẫn được thành viên đội bay về. Máy bay Miyabe cũng bị trúng nhiều phát đạn. Miyabe từ máy bay bước xuống, trông hoàn toàn kiệt sức.

Sau khi báo cáo tình hình chiến đấu, Miyabe nhìn thấy ta, có vẻ ngạc nhiên. Ta biết rằng ánh mắt đó như muốn nói “Cậu cũng giỏi sống sót đấy!”

Hai chúng ta vào phòng chờ phi hành đoàn, căn phòng trống trải. Thành viên các phi đội xuất kích hôm nay hầu như đều không trở về.

“Chúng ta bị thiệt hại thê thảm quá!”

“Có lẽ do thiết bị định vị của địch.” Miyabe đáp.

“Cậu đã đến được không phận địch phải không?”

Miyabe gật đầu.

“Vậy cậu thấy nó rồi chứ?”

Miyabe lặng yên một lát rồi đáp. “Thấy.”

“Cậu có báo cáo không?”

“Nói qua rồi nhưng dường như Phi đội trưởng lẫn các cán bộ đều thờ ơ.”

“Tôi cũng vậy. Tôi cố hết sức báo cáo mà họ chẳng thèm chú tâm.”

“Có lẽ không tận mắt chứng kiến thì không thể hiểu được.”

“Nó là cái quái quỷ gì vậy?”

Miyabe lắc đầu.

“Tôi không biết nó là gì nhưng tôi biết nó khủng khiếp không thể tin được. Có lẽ chúng ta sẽ không thể đánh chìm mẫu hạm địch được nữa.”

Thứ mà bọn ta đang nói đến là pháo đối không của địch, có thể bắn trúng các máy bay ném bom với xác suất khủng khiếp.

Và bọn ta đều đã đoán đúng.

Thứ vũ khí bí mật đó được gọi là ngòi nổ gần, có biệt danh Magic fuze hay VT fuze *, một thứ vũ khí đáng sợ. Đầu đạn pháo có một radar cỡ nhỏ, nếu có máy bay tiến đến trong phạm vi đạn vài chục mét sẽ lập tức tự phát nổ.

Những chuyện này nhiều năm sau chiến tranh ta mới biết. Để phát triển VT fuze, quân Mỹ đã bỏ số tiền tương đương với dự án phát triển bom nguyên tử Manhattan. Khi biết chuyện đó, ta đã hiểu tư tưởng của Mỹ và Nhật hoàn toàn khác nhau. VT fuze là vũ khí phòng vệ khỏi các đợt tấn

công, ý tưởng đó quân Nhật hoàn toàn không có. Quân Nhật chỉ suy nghĩ chế tạo các loại vũ khí tấn công địch. Chủ yếu là các chiến cơ, với đầy đủ các ưu điểm: tầm hoạt động xa, tính năng không chiến tuyệt vời, lại có pháo 20 li hùng hậu nhưng lại không có gì phòng vệ.

Về căn bản tư tưởng đã khác nhau. Quân Nhật ngay từ đầu đã thấm sâu tư tưởng xem thường sinh mệnh con người. Và đó chính là nguyên do dẫn đến những cuộc tấn công cảm tử sau này.

Nhật Bản khi đó hoàn toàn không biết về VT fuze. Vậy nhưng theo bản năng của mình, các đồng đội Kanbaku Suisei may mắn sống sót vẫn nhận biết được.

“Nó đột nhiên phát nổ trước mắt tôi, như thể có cơ chế nào đó.” Đó là lời một phi công Kanbaku Suisei kể lại với ta khi trở về. Cậu ta là phi công máy bay ném bom sống sót từ sau trận Trân Châu Cảng nên những lời của cậu ấy rất có trọng lượng. Tuy nhiên, dù có cố gắng truyền đạt thế nào, các tham mưu đều không muốn tin về sự xuất hiện của một thứ vũ khí bí ẩn mới. Họ chỉ nghĩ có lẽ kẻ thù đã gia tăng số lượng pháo đối không. Dù vậy, giả sử có biết về VT fuze, ta nghĩ họ cũng không thể vạch ra được một đối sách hiệu quả.

Trong cuộc chiến tổng lực của Hải quân Đế quốc Nhật Bản — Hải chiến quần đảo Mariana, trong ngày đầu tiên, phe ta đã mất hơn 300 máy bay và 2 mẫu hạm quý báu. Chỉ trong vài giờ binh lực đều bị tàn phá. Ngược lại, tổn thất của quân Mỹ gần như là con số không.

Ngày thứ hai, đến lượt Hạm đội cơ động Mỹ tấn công hạm đội đang tẩu thoát của phe ta. Vô số máy bay chiến đấu trên mẫu hạm tiến đến không kích hạm đội ta. Ta lên đánh chặn nhưng cũng bất lực trong cảnh thiếu số chống đa số ấy. Vừa bắn máy bay ném bom, vừa phải cố hết sức không để bị chiến cơ địch bắn hạ. Mười mấy chiếc chiến cơ sao có thể bảo vệ được mấy trăm chiếc máy bay ném bom cơ chứ?

Trong trận này, chiếc Zuikaku bị trúng bom, hư hỏng nhẹ. Đây là lần đầu tiên từ sau khi khai chiến, chiếc Zuikaku bị bắn trúng. Cuối cùng, phe ta đã thoát được sau khi mất mẫu hạm cải biến Hiyo và hai tàu chở dầu.

Ta hạ cánh khẩn cấp xuống biển, rồi được khu trục hạm cứu. Chắc Miyabe cũng được cứu ở đâu đó.

Vậy là trận đánh cuộc Hải chiến quần đảo Mariana đã hoàn toàn đại bại, Hạm đội Liên hợp đã mất khối lượng lớn binh lực, hoàn toàn không thể động được gì đến bộ binh của địch tại Saipan.

Lục quân Nhật Bản tại Saipan hầu như đều bị tiêu diệt, người dân cũng hy sinh rất nhiều. Nhiều người Nhật đã nhảy xuống vách núi Vạn Tuế * tự sát. Sau chiến tranh, khi xem bộ phim do Mỹ dựng, quay cảnh từng người từng người dân Nhật Bản từ trên vách đá nhảy xuống, ta đã không thể cầm được nước mắt. Trong lòng ta vang lên câu “Xin thứ lỗi cho chúng tôi!” không biết bao nhiêu lần.

Sau khi từ Mariana trở về đất liền, Zuikaku được đưa vào bến tàu sửa chữa. Phi công chúng ta được phân về các nơi. Khi ấy, chúng ta được mấy ngày phép. Ta không nhớ Miyabe được phân đến phi đội nào, nhưng vẫn còn nhớ cuộc nói chuyện của ta và cậu ấy trước khi chia tay.

“Đã lâu rồi tôi chưa gặp lại gia đình.” Miyabe nói. “Tanigawa, cậu định làm gì?”

“Tôi chỉ có ba ngày phép, thời gian di chuyển Okayama đã ngốn hết thời gian. Tôi sẽ về khi có nhiều ngày phép hơn.”

Miyake suy nghĩ một chút rồi hỏi.

“Cậu không có người thương hả?”

“Phụ nữ ấy à?”

Miyabe gật đầu.

“Làm gì có ai. Đám phụ nữ tôi gặp chỉ có ở nhà tiêu khiển thôi.”

“Ở quê không có sao?”

“Không có.” Ta cười nói nhưng bất giác lúc đó lại nhớ đến khuôn mặt của một cô gái.

“Thực ra có một người.” Ta nói. “Đó là cô bạn thời thơ ấu. Thời con nít ngây ngô ấy mà. Chắc đã lấy chồng lâu rồi.”

Nói đến đó, lòng ta chợt man mác buồn. Ta đã sống trong Hải quân từ hồi 15 tuổi. Giờ đã 25, nhưng ngoài Hải quân ta chẳng biết gì khác. Không có thời thanh xuân nào khác.

Câu chuyện chỉ có vậy nhưng nó đã tạo nên một bước ngoặt thay đổi cuộc đời ta.

Ta làm giáo quan * tại Kisarazu một thời gian ngắn, rồi mùa thu lại quay ra chiến trường. Nơi ta đến là Bắc Đảo.

Sau khi có quyết định trở lại chiến trường, trong lúc chờ sắp xếp tàu vận tải, ta lấy được một tuần phép.

Trở về quê hương sau một khoảng thời gian dài, dân làng làm một buổi tiệc đón tiếp ta. Vì là phi công từng tham gia Trận Châu Cảng nên từ hai năm trước ta đã trở thành người hùng của làng. Nhưng thật khó xử khi bị dân làng hỏi về tình hình chiến trận. Bởi những phát ngôn của Tổng hành dinh Đế quốc đều hoàn toàn là bịa đặt. Thế nhưng, dân làng lại tin vào những điều ấy nên buộc lòng ta phải nói những lời hoa mỹ. Cuộc sống thường nhật thiếu thốn vật chất nhưng khi đó lãnh thổ vẫn chưa bị không kích, nên người dân hậu phương vẫn chưa cảm nhận thật sự nỗi sợ hãi chiến tranh.

Ta cũng chẳng thể mở miệng kể chuyện xảy ra ở Mariana cho họ. Hơn nữa ta được lệnh rằng trong lúc nghỉ phép, tuyệt đối không được bàn tán tình hình chiến sự.

Khi ấy, đến phụ giúp có một cô gái khá xinh đẹp tên là Shimada Kae. Thời tiểu học, cô bạn ấy chính là tình yêu đầu của ta, người mà ta đã nói với Miyabe.

“Masao giờ đã ra dáng rồi nhỉ.” Cô ấy nói.

“Cám ơn.”

Cố gắng lắm ta cũng chỉ nói được vậy. Khi ấy, ta vẫn chưa biết gì về phụ nữ. Rất nhiều lần được rủ đến nhà tiêu khiến nhưng sự thật là ta chưa đi lần nào.

“Masao bây giờ lại là anh hùng dân tộc, thật không thể tin được.” Cô ấy nói, bật cười khanh khách.

“Tôi cũng nghĩ vậy.” Ta trả lời nghiêm túc nên cô ấy càng cười dữ dội hơn.

“Ngày xưa có lần tôi còn làm Masao khóc nữa.”

“Tôi nhớ chứ.”

Chính xác là vào khoảng năm một tiểu học. Kae là một cô bé mạnh mẽ. Khi đó, bọn ta cãi nhau chỉ vì một chuyện nhỏ nhặt. Ta bị Kae đánh liên tục vào đầu nên òa khóc. Kỷ niệm đó thật bẽ mặt nên trong suốt một thời gian dài ta vẫn nhớ rất rõ.

“Nhưng giờ cậu đã là phi công bắn máy bay Anh Mỹ.”

“Ừ.”

“Cậu đã vất vả vì quốc gia rồi.”

Kae gập người chào rồi rời khỏi ghế, không quay lại lần thứ hai.

Trong suốt buổi tiệc, ta nghĩ mãi về cô ấy. Có lẽ do ta uống nhiều rượu chăng? Cuối buổi, ta hỏi bác trưởng thôn. “Cô Shimada Kae bây giờ đang sống một mình ạ?”

“Cậu để ý Kae rồi à? Có hơi trễ đấy, nó là hoa khôi của làng mà.”

“Cô ấy đã chọn được ai rồi ạ?”

“Chuyện đó thì chưa. Cậu muốn cưới Kae không?”

Ta trả lời không cần suy nghĩ.

Thế là trưởng thôn bảo “Ta biết rồi.” Chuyện ở đó chỉ vậy thôi. Ngày hôm sau, khi ta đang nghỉ ngơi ở nhà thì trưởng thôn và cha của Kae đến. Hai người nói chuyện với cha và anh trai ta, đồng ý cho ta và Kae thành hôn với nhau.

Sau đó, quyết định tổ chức hôn lễ vào hai ngày sau. Ba ngày sau ta phải trở về quân đội.

Đây không phải lúc có thể chờ đợi được nữa, ta đã sẵn sàng. Hai ngày sau, hôn lễ diễn ra tại nhà ta. Từ sau ngày hôm đó, chúng ta chưa từng nói chuyện lại. Sau buổi tiệc, khi chỉ còn hai người, đêm cũng đã khuya.

Kae cúi đầu nói. “Từ nay trông cậy vào anh đấy.” Ta cũng nhẹ nhàng đáp lại. “Chính anh mới là người phải nói câu đó.” Bây giờ ta đã rất căng

thắng, ở chiến trường cũng chưa từng căng thẳng đến thế.

Dù vậy, ta bấm bụng nói.

“Anh có chuyện không thể không nói với Kae.”

“Dạ.”

“Tổng hành dinh thông báo với quốc dân rằng Nhật Bản đang giành thắng lợi nhưng sự thật là chúng ta đang dần thua trận.”

Kae lẳng lặng gật đầu. Ta hiểu ra sự thật rằng dân làng không tin vào những phát ngôn của Tổng hành dinh. Mặc dù chưa bị không kích nhưng họ cảm nhận được tình hình chiến sự đang diễn biến xấu đi.

“Ngày mai, anh phải trở về quân đội. Lần này không biết sẽ đi đâu. Nếu lại phải ra chiến trường, không chừng khó có thể sống sót trở về.”

“Dạ.”

“Hôn lễ vừa xong lại nói những lời này... Nếu có nói gì không phải, anh xin lỗi. Nhưng nếu anh hy sinh, em sẽ trở thành góa phụ. Khi đó, em đừng quan tâm gì đến chuyện nhà anh, hãy tìm cho mình một người đàn ông khác.”

“Xin anh hãy cố sống trở về.”

“Anh không thể hứa. Anh muốn giữ Kae vẫn là một cô gái còn trong trắng. Bởi nếu anh không trở về, em đến với người khác sẽ tốt hơn.”

Kae chăm chú nghe những lời ta nói. Im lặng một lúc lâu sau, cô ấy nói.

“Tại sao anh lại muốn em trở thành cô dâu của anh?”

“Vì anh yêu em.”

“Anh có biết vì sao em lại đồng ý lấy anh không?”

“Vì sao?”

“Vì em cũng yêu anh.”

Cả đêm hôm ấy, ta ôm chặt lấy Kae không rời.

Bắt các cháu nghe chuyện tào lao rồi. Bỏ qua cho ta nhé. Ngày hôm sau, ta từ biệt Kae.

Ba ngày sau, ta rời Nhật Bản. Địa điểm phản công kế tiếp của quân Mỹ là đảo Leyte ở Bắc Đảo.

Hạm đội Liên hợp đã triển khai kế hoạch tác chiến nhằm tiêu diệt quân Mỹ đổ bộ xuống Leyte. Gọi là chiến dịch Ichi-go *.

Mabalacat *... âm thanh nghe mới chướng tai làm sao. Không, đó không phải là lỗi của tên vùng đất ấy. Nhưng với ta, chỉ cần nghe tên thành phố đó thôi tâm trạng đã phủ một màn u ám rồi.

Một đêm không lâu sau khi ta đến, toàn bộ thành viên phi hành đoàn từ hạ sĩ quan trở xuống được gọi tập trung tại sở chỉ huy. Trước đông đủ các thành viên, phó chỉ huy nói.

“Tôi tập trung các cậu đến đây, không gì khác hơn là muốn nói: Hiện nay, Nhật Bản đang rơi vào tình cảnh nguy hiểm chưa từng có. Tình hình chiến sự vô cùng cam go. Vì thế, từ bây giờ, chúng ta sẽ tổ chức các đợt tấn công cảm tử với quân đội Mỹ.”

Ta lập tức hiểu ra điều đó có nghĩa gì. Họ bảo chúng ta dùng thân mình đi công kích.

“Tuy nhiên, vì tấn công cảm tử là chiến thuật chỉ có chết chứ không thể sống, nên chỉ những người tự nguyện mới được tham gia.”

Không khí trở nên căng thẳng, một sự im lặng nặng nề bao trùm khắp căn phòng chỉ huy.

“Những người tự nguyện bước lên một bước!”

Sĩ quan đứng bên cạnh Phó chỉ huy lớn tiếng ra lệnh.

Thế nhưng chẳng ai động đậy. Đây không phải là việc có thể dễ dàng bước lên và bảo “Có tôi.” Làm sao có thể lập tức trả lời khi được bảo “Bây giờ, ở đây, những cảm tử quân hãy tự ứng cử đi.” Chuẩn bị sẵn sàng cho cái chết và chuyện này là hoàn toàn khác nhau.

“Có đi hay không?”

Một sĩ quan gằn giọng. Vào giây phút đó, có vài người tiến lên trước một bước. Như bị lôi kéo, toàn đội đều bước lên một bước. Bất giác nhìn lại ta cũng đã tiến lên cùng mọi người.

Sau chiến tranh, ta đã đọc một quyển sách viết về chuyện lúc ấy. Nó viết rằng thành viên các phi đội chen chúc nhau tiến ra “Hãy để tôi đi!” đáp

lại lời kêu gọi của sĩ quan. Đối trá!

Như vậy đấy, đó là một mệnh lệnh bất thành văn. Bọn ta đã không được cho thời gian để suy nghĩ. Chúng ta chỉ làm theo mệnh lệnh như một phản xạ quen thuộc của một quân nhân và chột nhận ra, điều đó đồng nghĩa với việc ký tên vào bản án tử hình của chính mình vậy.

Khi trở về doanh trại, không khí nặng nề lan truyền. Người đầu tiên ta nghĩ tới chính là Kae. Ta không thể giữ lời hứa với cô ấy được nữa rồi. Thứ hiện lên trong đầu ta không phải gương mặt giàn giụa nước mắt của Kae mà là gương mặt giận dữ của cô ấy. Là gương mặt của Kae khi còn nhỏ đã đánh ta. Trong lòng ta cảm thấy thật có lỗi.

Đến lúc ấy, ta chưa từng viết qua thư gọi là di thư, nhưng đó là lần đầu tiên ta viết. Ta không nhớ khi ấy mình đã viết gì, chỉ nhớ câu mở đầu rằng: “Gửi Kae yêu dấu!”

Thực lòng mà nói, ta không sợ chết, không phải vì cố làm ra vẻ như vậy đâu. Từ sau trận Trân Châu Cảng, ta đã không còn nghĩ nhiều về mạng sống nữa. Nhiều phi công ưu tú hơn ta đã hy sinh. Bản thân ta đến lúc ấy đã trải qua gần trăm trận không chiến, nhiều lần máy bay bị trúng đạn của địch. Chúng đều không phải những đòn chí mạng nhưng nhiều lần chỉ cần xô dịch vài chục centimet là bị tiêu diệt rồi. Ta còn sống đến bây giờ chẳng qua nhờ may mắn thôi. Sau cùng rồi ta cũng phải đi theo đồng đội.

Tuy nhiên, việc sẵn sàng cho cái chết khi đi tấn công và việc xuất kích xác định trước cái chết là hai chuyện hoàn toàn khác nhau. Cho đến tận lúc đó, dù khả năng rất nhỏ nhoi nhưng chúng ta vẫn còn một tia hy vọng trong chiến đấu. Thế nhưng, cuộc tấn công đặc biệt này khó lòng may mắn. Tất cả mọi nỗ lực để sống sót đều vô ích. Nếu xuất kích nhất định sẽ chết.

Dù vậy, một khi đã tình nguyện tham gia thì phải chết như một đấng nam nhi. Ta chỉ cảm thấy hối tiếc về chuyện của Kae. Tận sâu trong đáy lòng, ta hối hận vì đã kết hôn, nhưng một mặt, ta lại nghĩ vì Kae ta có thể hy sinh.

Ta còn nhớ việc Đô đốc Hạm đội Không quân Một Onishi Takijiro đến Mabalacat sau khi chúng ta đã tự nguyện tham gia.

Theo lịch sử thì Đô đốc Onishi đến Mabalacat để đưa ra phương án tấn công cảm tử và giao nhiệm vụ đội trưởng cho Đại úy Seki Yukio nhưng chuyện đó thật kỳ lạ. Bởi vì, các hạ sĩ quan trước đó đều đã bị bắt tình nguyện tham gia tấn công cảm tử. Chắc chắn trước khi Đô đốc Onishi đến, cuộc tấn công cảm tử đã được định.

Sau đó chẳng bao lâu, thành viên đội tấn công cảm tử được công bố. Gồm 24 người với đội trưởng là Đại úy Seki.

Ta thở phào khi trong danh sách không có tên mình. Ta cũng biết rằng một khi đã đăng ký tự nguyện thì sớm hay muộn cũng phải tham gia tấn công nhưng lúc ấy ta vẫn thấy nhẹ nhõm. Ta cũng ghê tởm chính bản thân mình.

Tâm trạng các phi công được chọn rất khó diễn tả. Không thể nhìn họ bằng con mắt đáng thương hay xui rủi. Các cháu có hiểu không? Sắc mặt của họ không đổi. Đúng như sự chờ đợi của họ. Ta tự hỏi nếu là mình, liệu ta có cư xử được như thế không. Có lẽ nhiều phi công không bị chọn cũng nghĩ vậy.

Đô đốc Onishi nói trước các phi công được chọn.

“Nước Nhật đang đứng trước hiểm nguy. Người có thể cứu quốc gia khỏi cơn nguy này không phải là Bộ trưởng, Đại tướng, cũng không phải là các chỉ huy quân sự. Dĩ nhiên càng không phải Đô đốc ta. Đó chỉ có thể là những chàng trai trẻ tràn đầy sinh lực như các cậu đây. Thay mặt cho trăm triệu quốc dân, tôi xin nhờ các cậu. Cầu mong thành công. Mọi người từ lâu đã quyết hy sinh tính mạng mình nên chắc cũng không mong muốn gì phải không? Chỉ là, nếu không thể cho quốc dân biết thành quả chiến đấu của mình thì thật đáng tiếc. Tôi sẽ là chứng nhân cho việc này và nhất định sẽ trình báo lên Thiên hoàng.”

Sau khi kết thúc lời huấn thị, ông bước xuống bục và nắm lấy tay từng người, từng người trong đội tấn công cảm tử.

Đội tấn công cảm tử được đặt tên là Đội tấn công đặc biệt Thần Phong. Lúc ấy đọc là Shinpu, nhưng về sau được gọi là Kamikaze. Sau đó, các phi đội được đặt tên là “Shikishima *”, “Yamato *”, “Asahi *”,

“Yamazakura *”. Những tên gọi trên được rút ra từ bài thơ của Motoori Norinaga. “Nếu có ai hỏi bạn về linh hồn của nước Nhật, hãy trả lời đó là đóa anh đào trên núi đang tỏa hương dưới ánh ban mai.”

Cùng lúc, Hạm đội Liên hợp phát lệnh tiến hành chiến dịch Ichi-go. Đó là chiến dịch Hạm đội Liên hợp đưa tổng lực ngăn chặn việc quân Mỹ đổ bộ xuống Bắc Đảo.

Nhật Bản đã sắp bị dồn đến đường cùng.

Quân Mỹ đã vây hãm Saipan và mục tiêu tiếp theo là Bắc Đảo. Nếu Bắc Đảo bị Mỹ chiếm thì chúng ta sẽ bị cắt liên lạc hoàn toàn với phía Nam. Như vậy thì nguồn nhiên liệu như dầu mỏ cũng sẽ bị cắt đứt. Vì vậy, Lục quân và Hải quân đều quyết sống chết cố thủ Bắc Đảo.

Hạm đội Liên hợp đã xuất quân tấn công quân Mỹ đổ bộ lên Bắc Đảo.

Tiêu diệt đoàn tàu vận tải địch. Đó là sứ mệnh được giao, chính vì thế, Hạm đội Liên hợp đã nghĩ ra một chuyên vô cùng khủng khiếp. Sử dụng Hạm đội cơ động làm mồi nhử, dẫn dụ Hạm đội cơ động Mỹ. Trong lúc đó, sẽ cho lực lượng tàu nổi dẫn đầu bởi hai chiếc Yamato và Musashi đột kích vào vịnh Leyte, chôn vùi một loạt đoàn tàu vận tải địch. Đó chính xác là chiến lược chịu đấm ăn xôi.

Dù vậy, toàn bộ những chuyện ấy sau chiến tranh ta mới biết. Lúc bấy giờ, các phi công tại căn cứ quân sự hoàn toàn không biết toàn bộ tình hình chiến sự đang diễn ra thế nào, chỉ chiến đấu như đã được lệnh.

Đội tấn công đặc biệt được giao nhiệm vụ yểm trợ lực lượng tàu nổi đột kích Leyte từ mạn sườn. Nếu tấn công cảm tử vào sàn đáp của mẫu hạm Mỹ thì các máy bay chiến đấu trên đó không thể cất cánh được. Như vậy sẽ giảm thiểu việc lực lượng tàu nổi bị tấn công từ trên không, đột kích vào vịnh Leyte sẽ dễ dàng hơn.

Nếu phe ta có đầy đủ máy bay chiến đấu thì phi đội ở căn cứ có thể yểm trợ lực lượng tàu nổi, hoặc trực tiếp tiêu diệt Hạm đội cơ động Mỹ. Thế nhưng, không quân Nhật không còn khả năng thực hiện tấn công quy mô lớn như thế nữa.

Trong tình hình đó, cuộc tấn công cảm tử đã ra đời.

Phi toán Shikishima dưới sự chỉ huy của Đại úy Seki Yukio, xuất kích vào ngày 21 tháng Mười. Thế nhưng hai ngày liên tiếp không gặp được địch, đành phải quay về căn cứ. Ta nghĩ đây là một việc vô cùng tàn nhẫn.

Đại úy Seki mới cưới vợ. Bỏ lại cô ấy mà chết thì thật quá đỗi cay. Anh ấy trước khi xuất kích đã nói với đồng đội thân thiết rằng: “Tôi không hy sinh vì Tổ quốc, tôi hy sinh vì người vợ yêu quý của mình.” Tâm trạng đó ta hiểu. Ta nghĩ ngoài Đại úy Seki, các đồng đội khác trước khi chết đều suy nghĩ về sự hy sinh của mình, sau nhiều lần đấu tranh tinh thần mới tấn công bình thản.

Không phát hiện ra địch, tâm trạng mỗi khi trở về sẽ ra sao? Thêm chút thời gian hưởng thụ cuộc sống, đối với họ đau khổ đến nhường nào. Cứ nghĩ đêm nay là đêm cuối cùng của cuộc đời nhưng tối hôm sau lại phải trải qua một đêm nữa. Đau đớn tột cùng!

Thế nhưng các thành viên trong phi đội, gồm cả Đại úy Seki đều không để lộ sự đau khổ ấy. Thật xứng là những người đàn ông vĩ đại!

Đến lần xuất kích thứ tư thì họ đã không còn quay trở về.

Ngày hôm đó, yểm trợ phi đội Shikishima là 4 chiếc Reisen được dẫn dắt bởi Chuẩn úy Nishizawa hôm trước được gọi đến từ căn cứ không quân Clark. Đúng, chính là Nishizawa huyền thoại của Rabaul. Chắc hẳn ngoài việc hộ tống máy bay cảm tử anh ấy còn được gọi đến với nhiệm vụ dẫn đường đến tàu địch.

Toàn bộ 5 chiếc máy bay thuộc phi đội Shikishima của Đại úy Seki đã công kích thành công, đạt chiến tích lớn, làm hư hỏng nặng 3 mẫu hạm hộ tống. Chuyện này ta nghe qua điện báo từ căn cứ đảo Cebu. Cuộc tấn công cảm tử đầu tiên trong lịch sử đã kết thúc thành công. Người báo cáo thành quả chiến đấu là Chuẩn úy Nishizawa. Báo cáo khi ấy của Nishizawa rất chính xác. Sau này, quân đội Mỹ phát ngôn rằng họ đã bị đánh chìm một chiếc và hư hỏng nặng 2 chiếc.

Chuẩn úy Nishizawa đã bảo vệ phi đội Shikishima khỏi các chiến cơ của địch. Sau khi chứng kiến cuộc đột kích trong làn đạn pháo đối không

hung tợn, anh đã truy đuổi và bắn hạ hai chiếc Grumman F6F rồi bay đến căn cứ đảo Cebu.

Ta nghe các thành viên phi hành đoàn chiến đấu tại căn cứ đảo Cebu nói, Chuẩn úy Nishizawa từ Reisen bước xuống, sát khí kỳ quái, không ai dám bắt chuyện.

Ngoài ra, trận tấn công khi ấy có chiến tích lớn nhất trong các chiến dịch tấn công cảm tử cho đến cuối cuộc chiến. Gây cho quân Mỹ một đòn bất ngờ là yếu tố thành công lớn nhất, nhưng có phi công giỏi nhất Hải quân Nhật Bản hộ tống cũng là một lý do quan trọng phải không? Thật mỉa mai, không chừng chính thành công rực rỡ khi ấy lại làm cho Bộ quân lệnh tin tưởng rằng chính cuộc tấn công cảm tử là con bài quyết định.

Tối hôm ấy, Nishizawa đã thì thầm với đồng đội rằng, “Chẳng bao lâu sau tôi cũng sẽ nổi gót theo họ.”

Trong trận công kích ngày hôm ấy, Nishizawa đã mất chiếc máy bay đồng đội thứ hai bởi pháo đối không. Nghe nói đó là lần đầu tiên anh ấy để mất thành viên đội bay. Huy chương thực sự đáng tự hào nhất của chàng trai đã tham gia mấy trăm trận xuất kích, bắn rơi hơn trăm máy bay địch ấy chính là chưa một lần để cấp dưới của mình mất mạng. Ngoài chàng trai này ra chỉ có anh Sakai Saburo. Cũng không hẳn. Có thể nói chiến đấu tại địa ngục Rabaul đó hơn một năm mà chưa từng để mất một thành viên đội bay nào, Nishizawa còn tài năng hơn cả anh Sakai.

Nishizawa cho rằng mình “sẽ nổi gót” bởi nghĩ về phi đội Shikishima của Đại úy Seki hay về thành viên đội bay bị mất? Nhưng những lời đó của Nishizawa đã thành sự thật.

Hôm sau, Nishizawa định quay về cứ địa Mabalacat nhưng chỉ huy ra lệnh anh ấy phải để Reisen ở lại, chỉ có phi công quay về căn cứ thôi. Nishizawa cùng hai phi công khác lên máy bay vận tải Douglas, hướng về Mabalacat. Chiếc máy bay vận tải ấy đã bị máy bay chiến đấu địch bắn rơi. Đó là giây phút thương tâm cuối cùng của chàng trai được quân Mỹ khiếp sợ gọi là Ma vương Rabaul.

Nishizawa chắc hẳn đã uất ức biết chừng nào. Nếu anh ấy cầm cần điều khiển Reisen, tuyệt đối đã không bị bắn rơi. Giây phút cuối cùng của

cuộc đời lại ngồi trên chiếc máy bay vận tải chậm chạp không có vũ khí ấy.

Ngày sau đó, phí công át chủ bài huyền thoại của Hải quân Nhật Bản đã hy sinh trong trận tấn công cảm tử ở tuổi đời 24.

Đại úy Seki là vị thần chiến tranh được ca tụng khắp Nhật Bản, lớn lên trong cảnh một mẹ một con. Mẹ anh mất đứa con duy nhất, cũng được ca ngợi là người mẹ anh hùng. Vậy mà sau chiến tranh, xoay một vòng lại thành mẹ của tội nhân chiến tranh, phải chịu sự tẩy chay của người đời, bán hàng rong kiếm sống. Cuối cùng, bà được thuê vào làm tạp vụ trong một trường tiểu học. Đến năm 1953 thì một mình lạnh lẽo mất trong phòng tạp vụ. “Ít ra cũng cố xây mộ cho Yukio.” Đó là lời cuối của bà. Trong xã hội chủ nghĩa dân tộc sau chiến tranh, những chiến sĩ cảm tử hy sinh anh dũng vì Tổ quốc bị đối xử như tội phạm chiến tranh, ngay cả việc xây mộ cũng không được phép. Nghe nói vợ của Đại úy Seki sau chiến tranh đã tái hôn.

Ta sẽ kể cho bọn cháu cả chuyện chiến dịch Ichi-go. Dù không được mắt thấy tai nghe, nhưng sau này ta biết được qua vô số tài liệu.

Cùng lúc phi đội Shikishima liên tục lặp lại các cuộc tấn công cảm tử, Hạm đội Kurita nhắm vào vịnh Leyte lại bị máy bay trên mẫu hạm địch không kích dữ dội tại biển Sibuyan. Dưới các đợt tấn công như sóng vỗ, nhiều tàu phe ta đã bị thiệt hại, các cuộc tấn công đó đều nhắm vào chiếc Musashi. Musashi là chiếc tàu chị em với Yamato, là chiến hạm lớn nhất Thế giới, được mệnh danh là chiến hạm không bao giờ chìm. Thế nhưng, trước các đợt không kích của hàng trăm máy bay địch thì Musashi vĩ đại cũng mình đầy thương tích.

Mặt khác, Hạm đội mẫu hạm dưới sự chỉ huy của Đô đốc Ozawa Jisaburo tiến vào phía nam vịnh Leyte lôi kéo các đợt tấn công của địch vào Hạm đội Kurita về phía mình, và nhằm thu hút sự chú ý của Hạm đội cơ động địch, đã cố tình phát điện tín và cho xuất phát nhiều máy bay thám thính.

Sau đó, cuối cùng đã phát hiện ra Hạm đội cơ động địch và cho đội tấn công xuất phát. Trận tấn công này không phải là tấn công cảm tử nhưng cũng gần như vậy, bởi chúng ta không thể quay về. Mẫu hạm được dùng làm mồi nhử nên phải chịu số phận bị đánh chìm. Hay nói khác đi, khi đội

tấn công quay trở về, mẫu hạm vốn đã không còn nữa. Các phi công được ra lệnh rằng sau khi tấn công Hạm đội cơ động địch, trong trường hợp khó trở về thì hãy bay đến các căn cứ địa rải rác ở Philippines. Tuy nhiên, đối với các phi công trẻ, chưa quen thực hiện phi hành trên Thái Bình Dương rộng lớn, đó là chuyện không thể. Hơn nữa, sống sót trước các đợt đánh chặn của máy bay chiến đấu cất cánh từ mẫu hạm hùng hậu của địch là chuyện quá sức.

Sự thật thì đội tấn công khi ấy hầu như đều bị tiêu diệt. Dù vậy, kế hoạch quyết tử của Đô đốc Ozawa đã thành công. Hạm đội cơ động Mỹ được dẫn dắt bởi tướng Halsey đã phát hiện ra hạm đội của Ozawa và lầm tưởng rằng đây là hạm đội chủ lực.

Vào lúc ấy, hạm đội của Kurita chuyển hướng, nên Halsey nghĩ rằng hạm đội ta rút lui vì bị thiệt hại nặng nề. Halsey đã không đuổi theo hạm đội Kurita mà dùng toàn lực nhắm vào hạm đội Ozawa. Hạm đội Ozawa dự đoán Hạm đội cơ động Mỹ sẽ tiến đến vị trí của mình, vì thế đã đi về phía Bắc, buộc Halsey phải đuổi theo.

Suy tính này của Halsey hẳn là điều đương nhiên. Bởi từ sau trận Trân Châu Cảng, các trận chiến trên Thái Bình Dương đều dựa vào mẫu hạm làm chủ lực. Hơn nữa, hạm đội Ozawa còn có mẫu hạm Zuikaku mạnh nhất Hạm đội Liên hợp, đã từng lập chiến công lớn trong trận Trân Châu Cảng, sau đó còn đánh chìm 2 mẫu hạm Mỹ. Nó là chiếc hàng không mẫu hạm đáng sợ mà địch phải chịu đựng trong suốt ba năm.

Ta nghe kể đợt tấn công của Hạm đội cơ động Mỹ rất khủng khiếp. Hạm đội Ozawa bị đánh chìm vô phương cứu giúp. Zuikaku, chiến hạm kỳ cựu từ trận Trân Châu Cảng, được trang bị rất nhiều vũ khí chiến đấu của Hạm đội Liên hợp phe ta, cuối cùng đã chìm ngoài khơi mũi Engano.

Tuy nhiên, Halsey đã bị dụ đi khá xa, hải vực xung quanh đảo Leyte hoàn toàn trống rỗng.

Thực sự lúc ấy, hạm đội Kurita không còn bị địch không kích, đã tiến vào vịnh Leyte lần nữa. Mặc dù bị máy bay và tàu ngầm của địch tấn công, nhiều tàu và cả chiếc Musashi đã bị đánh chìm nhưng hạm đội Kurita với chiếc Yamato hùng hậu nhất thế giới, vẫn còn lực lượng của nhiều tàu khác.

Hạm đội Mỹ chỉ gồm 6 mẫu hạm hộ tống cỡ nhỏ và 7 khu trục hạm đột nhiên nhìn thấy hạm đội Nhật ngoài khơi biển Samar, cực kỳ sửng sốt. Giăng màn khói, cho khu trục hạm phóng ngư lôi, định ra sức đào tẩu. Hạm đội cơ động tốc độ cao đã bị Ozawa dẫn dụ. Hạm đội Mỹ biết mình sắp bị tiêu diệt toàn bộ.

Cuối cùng chiến thuật chịu đấm ăn xôi của Hải quân Nhật đã đạt được mục đích. Thế nhưng, kỳ tích đã xảy ra với quân đội Mỹ. Hạm đội Kurita đột ngột chuyển hướng. Đây là “Sự chuyển hướng bí ẩn của Kurita” nổi tiếng trong lịch sử.

Tại sao hạm đội Kurita lại quay đầu? Có vô số những giả thuyết nhưng Đô đốc Kurita mất sau chiến tranh và chưa một lời biện minh về chuyện đó.

Đô đốc Kurita hoàn toàn không biết việc Hạm đội cơ động của Halsey bị hạm đội Ozawa nhử ra khoảng xa phía Bắc Philippines. Chịu nhiều đợt tấn công máy bay, nên có lẽ ông phán đoán rằng Hạm đội cơ động địch vẫn còn ở gần. Và nếu cứ thế tiến vào vịnh Leyte thì hạm đội của ông sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn.

Lịch sử không có mệnh đề “nếu”, nhưng nếu khi ấy hạm đội Kurita tiến sâu vào vịnh Leyte thì ắt hẳn các tàu vận tải đạn dược của Mỹ đã bị tiêu diệt rồi. Và chắc chắn chiến dịch xâm chiếm Philippines của Mỹ sẽ gặp trở ngại vô cùng lớn. Quân Mỹ bị mất khối lượng lớn vũ khí và binh lính, sẽ phải mất hơn một năm xây dựng lại chiến dịch ấy. Ít nhất có thể hạn chế mấy trăm ngàn binh lính Lục quân Nhật Bản chết trong trận đánh bộ trên đảo Leyte diễn ra sau này.

Tuy nhiên, vì hạm đội Kurita chuyển hướng, chúng ta đã mất cơ hội cuối cùng phản công quân đội Mỹ. Số lượng binh lính hạm đội Ozawa đã hy sinh vô ích. Hơn nữa, mọi cố gắng chiến đấu của chiếc Musashi một mình chịu tấn công của máy bay trên mẫu hạm địch rồi bị đánh chìm tại eo biển Surigao cũng hoài phí.

Cuộc tấn công cảm tử của phi đội Shikishima diễn ra vào ngày hôm sau hạm đội Kurita chuyển hướng. Dù thế, cơ hội giành chiến thắng đã trôi qua rồi.

Người ta nói rằng tấn công cảm tử là ý tưởng của Trung tướng Onishi Takijiro. Ban đầu nó là chiến thuật phục vụ cho chiến dịch Ichi-go, nhằm hỗ trợ hạm đội Kurita đột kích Leyte, liều thân đâm mình vào sàn đáp mẫu hạm địch. Nếu khiến sàn đáp chính không sử dụng được, chúng ta sẽ không bị máy bay trên mẫu hạm địch tấn công. Tấn công cảm tử chỉ giới hạn trong chiến dịch đảo Leyte.

Tuy nhiên, hạm đội Kurita đã bỏ lỡ cơ hội và dù kế hoạch Ichi-go đã thất bại nhưng cuộc tấn công cảm tử không ngừng lại, mà bắt đầu phát triển theo một hướng riêng. Có phải các Đô đốc đã bị nó ám ảnh chăng?

Hằng ngày, các máy bay cảm tử vẫn xuất kích từ Mabalacat. Vì lý do nào đó, ta chưa vướng vào cuộc tấn công cảm tử mà được giao nhiệm vụ bảo vệ. Có thể vì số lượng phi công thiện chiến ít ỏi mà nhiệm vụ bảo vệ lại không hề dễ dàng gì. Quân Mỹ sau khi chịu các cuộc tấn công quyết liệt của quân đội Nhật, đang ngày càng tăng cường lực lượng đánh chặn. Khó có thể bảo vệ máy bay cảm tử trước hàng chục chiến cơ mai phục tính năng cao của Mỹ. Nhiều máy bay yểm trợ đã hy sinh trong lúc làm nhiệm vụ bảo vệ máy bay tấn công cảm tử. Thiếu úy Minami Yoshimi, một phi công lão luyện, chiến đấu từ chiến tranh Trung-Nhật cũng đã không thể trở về.

Thiếu úy Minami là một phi công thiện chiến, anh đã chiến đấu vô số trận hải chiến từ sau đợt không kích Trân Châu Cảng, là phi công lái máy bay chiến đấu quý giá của Không lực Hải quân. Là người nỗ lực đi lên từ hạ sĩ quan, về nhân cách cũng là một người tuyệt vời. Anh là một người trầm tính, hiền lành đã chỉ dạy ta rất nhiều điều ở Thượng Hải. Anh từng là phi công thuộc mẫu hạm trong trận hải chiến ngoài khơi vịnh Leyte. Khi bay về thì mẫu hạm đã mất, rơi vào tình thế thập tử nhất sinh, anh đáp xuống Bắc Đảo. Sau đó không may hy sinh trong khi làm nhiệm vụ hộ tống máy bay tấn công đặc biệt.

Ta cũng từng cảm nhận cái chết tại nơi ấy.

Vài ngày sau, trên đường trở về từ đợt tấn công, động cơ xảy ra sự cố nên ta tiếp đất tại căn cứ Nichols. Tại đây, ta đã tái ngộ Miyabe. Hỏi ra thì Miyabe chiến đấu trên mẫu hạm Zuikaku, sau khi bị địch tấn công cậu ấy đã đáp xuống phi trường này.

Miyabe đã biết chuyện tấn công cảm tử. Chuyên của phi đội Shikishima dưới sự chỉ huy của Đại úy Seki Yukio được bố cáo toàn quân. Tại căn cứ Nichols vẫn chưa có chiếc máy bay nào tấn công đặc biệt nhưng chí khí của các phi công đã tụt giảm mạnh.

Sau chiến tranh, có không ít cuốn sách viết rằng khi đợt tấn công đặc biệt của phi đội Shikishima được công bố toàn quân, sĩ khí của toàn thể phi công dâng trào nhưng tuyệt nhiên không hề có chuyện đó! Sĩ khí của phi đội giảm sút rõ rệt. Đương nhiên là vậy rồi!

Hôm sau khi ta đến căn cứ Nichols, toàn thể phi công được tập trung. Nhìn dáng vẻ căng thẳng của Đô đốc và Phi đội trưởng, ta đã đoán được ngay cả nơi này chuyện phải đến cũng đã đến. Ất hẳn các phi công khác đều nghĩ như vậy.

Đô đốc sau khi lặp lại những lời đao to búa lớn về việc hiện nay nước Nhật đang gặp nguy hiểm sống còn, đã nói, “Tình nguyện viên tham gia tấn công đặc biệt tiến lên phía trước!”

Toàn đội tiến một bước về phía trước. Có lẽ các phi công sau khi nghe chuyện phi đội Shikishima đã chấp nhận việc này. Cũng như lần trước ở Mabalacat, ta tiến lên một bước. Giờ không còn là lúc có thể nói ngừng lại được nữa rồi.

Khi ấy, ta thấy một chuyên không thể nào tin được. Duy nhất một người không hề động đậy. Đó là Miyabe. Mặt Phi đội trưởng tím tái, hét lớn.

“Tình nguyện viên tham gia bước lên một bước!”

Thế nhưng Miyabe vẫn đứng yên như phỗng. Phi đội trưởng giật run người.

“Chuẩn úy Miyabe!” Phi đội trưởng hét lên. “Mày yêu mạng sống lắm à?”

Miyabe không trả lời.

“Sao? Trả lời!”

Miyabe nói như kêu lên. “Mạng sống rất đáng quý ạ!” Phi đội trưởng sửng sốt như vừa nghe thấy chuyện không thể tin được.

“Mày... còn là quân nhân của Hải quân Đế quốc không?”

“Tôi là quân nhân ạ.”

Miyabe nói rõ ràng rành mạch. Phi đội trưởng nhìn về phía Đô đốc. Đô đốc nhỏ giọng: “Giải tán!”

Sĩ quan quát: “Giải tán!” Các phi công theo hàng trở về phòng nghỉ, chẳng ai bắt chuyện với Miyabe.

Sáng hôm sau, không có đợt xuất kích nhưng một bầu không khí kỳ lạ bao trùm toàn đội. Việc tình nguyện tham gia tự sát hôm qua đè nặng tâm trạng các phi công.

Ta rủ Miyabe leo lên ngọn đồi cách xa phi trường một khoảng. Cả hai không nói một lời nào. Leo đến phía trên ngọn đồi nhỏ, ta và Miyabe ngồi xuống bãi cỏ.

Sau đó, Miyabe nói. “Tôi tuyệt đối không tham gia tấn công tự sát. Tôi đã hứa với vợ rằng sẽ sống sót trở về.”

Ta lẳng lặng gật đầu.

“Tôi chiến đấu đến tận bây giờ không phải để đi chết.”

Ta vẫn không thể nói gì.

“Dù trong trận chiến tàn khốc đến thế nào, dù cơ hội sống sót có mong manh đến đâu, tôi cũng có thể cố hết sức chiến đấu. Nhưng tôi không thể nào chấp nhận được cuộc chiến định sẵn sẽ chết.”

Ta cũng có suy nghĩ ấy. Tuy nhiên bây giờ nhìn lại. Hàng ngàn phi công thời ấy, mấy ai có thể mở miệng nói ra những lời này. Thế nhưng, những gì Miyabe nói chính là những suy nghĩ tự đáy lòng của hầu hết các phi công.

Dù vậy, khi nghe thế, ta cảm thấy sợ hãi. Một cảm giác kinh sợ lạ lùng không hiểu vì sao. Đó là nỗi sợ nhìn thấy hình ảnh của chính bản thân mình.

Bỗng Miyabe hỏi. “Tanikawa lần đầu đăng ký tình nguyện à?”

“Lần thứ hai. Lần đầu là ở Mabalacat.”

“Tôi đã có vợ rồi.” Miyabe nói.

“Tôi cũng vậy.”

Nghe ta nói thế, Miyabe tỏ ra ngạc nhiên. Ta kể cậu ấy về việc ta đã cưới vợ trước khi rời Nhật Bản ba ngày.

“Cậu yêu vợ cậu chứ?”

Ta gật đầu không suy nghĩ trước câu hỏi của Miyabe. Vậy sao, ta yêu vợ mình sao?

“Nếu vậy, tại sao cậu lại tham gia tấn công cảm tử?” Câu hỏi của Miyabe mang ý trách móc.

“Tôi là phi công của Hải quân Đế quốc!”

Ta hét lên rồi bật khóc. Lần đầu tiên ta rơi nước mắt từ sau khi trở thành phi công lái máy bay chiến đấu. Miyabe nhìn chăm chăm không nói gì.

Khi ta dợm đứng lên, Miyabe nói.

“Nghe này Tanikawa. Nếu cậu được lệnh tấn công cảm tử thì hãy hạ cánh khẩn cấp lên bất cứ hòn đảo nào.”

Ta sửng sốt đến độ sợ hãi, câu nói ấy nếu bị đem ra Tòa án binh chắc hẳn sẽ bị xử tử.

“Nếu cậu chết vì tấn công cảm tử thì chiến cục cũng không thay đổi nhưng nếu cậu chết thì cuộc đời vợ cậu sẽ thay đổi rất lớn đấy.”

Trong tâm thức ta bỗng hiện lên hình ảnh của Kae.

“Đừng nói nữa. Nếu được lệnh tấn công cảm tử thì tôi chỉ biết làm theo thôi.”

Miyabe không nói gì thêm. Khi đó, còi cảnh báo vang lên, xa phía sau nghe thấy cả tiếng bom. Địch đến tấn công. Chúng ta chạy vào hào phòng không. Dưới phi trường các máy bay đã sớm được lính bảo trì đưa vào boong-ke. Khoảng thời gian ấy, chúng ta không xuất quân đánh chặn, chọn đối sách bảo tồn máy bay hơn việc đánh chặn ít ỏi rồi bị đội hình khổng lồ của địch bắn giết. Số máy bay có thể hoạt động ở Nichols chỉ còn vài chiếc.

Dù vậy, ngày hôm đó thật không may. Phe ta phát hiện ra địch quá muộn nên nhiều máy bay đã bị bắn phá trên mặt đất. Kết quả, không còn chiếc máy bay nào tại Nichols có thể hoạt động.

Không lâu sau có lệnh đưa các phi công ở căn cứ Nichols về nội địa. Từ căn cứ không quân Clark ngồi máy bay vận tải qua Đài Loan đến Omura, Kyushu. Tại đó, các phi công trở về phi đội của mình.

Ta từ biệt Miyabe ở Omura. Ta không còn nhớ cuối cùng bọn ta đã nói những gì. Sau đó ta không còn gặp lại Miyabe nữa. Sau khi trở về Iwakuni, ta làm giáo quan, rồi nhận nhiệm vụ ở Phi đội Yokosuka, chiến đấu bảo vệ lãnh thổ. Tháng Ba năm 1945, nhiều máy bay tấn công cảm tử từ Nam Kyushu đã bay đến Okinawa. Giai đoạn cuối cuộc chiến được gọi là “Toàn quân tấn công cảm tử”. Ta nghe nói rằng khoảng thời gian ấy, dù không tình nguyện cũng có lệnh bắt buộc phải tham gia.

Ta cũng nghĩ rằng một lúc nào đó mình sẽ được lệnh tấn công cảm tử nhưng may thật, ngày ấy đã không đến. Ta đã ở Iwakuni đến khi chiến tranh kết thúc. Nhiều năm sau ta mới biết chuyện Miyabe hy sinh vì tham gia tấn công cảm tử.

Sau chiến tranh ta trở về quê, cách nhìn của mọi người đã thay đổi. Họ nhìn ta như thứ gì đó dơ bẩn, không ai đến gần. Những người trong làng nói sau lưng ta rằng, “Thằng đó chẳng phải là tội phạm chiến tranh sao?” Một hôm khi đi bộ trên bờ kè, những đứa trẻ trong làng vừa ném đá về phía ta vừa hét: “Tội phạm chiến tranh đến kìa!”

Lòng ta đau khôn xiết. Những người mới hôm qua còn gọi quân Đồng Minh là “quái vật Anh-Mỹ” nay đã quay sang tung hô Mỹ. Ta từng là người hùng của làng, giờ lại như trở thành kẻ gieo rắc bệnh dịch hạch. Sau khi cha ta mất, anh trai hưởng thừa kế. Ta và Kae ở tách biệt với nhà anh trai nhưng anh ấy lại đối xử ra mặt với ta như một kẻ phiến toái.

Không biết từ đâu có tin đồn lan truyền rằng những người không kích Trân Châu Cảng sẽ bị xem là tội phạm chiến tranh, rồi bị bắt và treo cổ. Ai che giấu tội phạm cũng sẽ bị buộc tội. Ta lo âu chuẩn bị cho số phận mình. Một ngày, anh trai đưa cho ta chín cân gạo xem như tiền biệt, bảo ta trốn lên Tokyo. Ta dẫn Kae rời khỏi miền quê.

Chúng ta đến Tokyo vào cuối tháng Mười. Tất cả là một bình nguyên cháy rụi. Ta và Kae ngủ trong một túp lều bằng thép mạ kẽm. Mỗi ngày đều đi tìm việc, nhưng chẳng tìm được việc gì. Chín cân gạo cũng mau chóng cạn hết. Ta đi làm công ngày, xoay sở mãi cũng không đủ ăn.

Thời gian đó thật sự rất khổ. Trên đường phố đầy quân chiếm đóng. Binh lính Mỹ dẫn theo phụ nữ Nhật Bản. Chuyện đánh nhau mới ba tháng

trước nghe như chuyện đùa.

Lúc ấy bọn ta xoay sở được cái ăn là nhờ Kae nhìn thấy một tấm áp phích “Tuyển thợ may” và được thuê vào một tiệm trang phục nhỏ. Ta cũng có thể ở cùng. Bọn ta sống trong một căn phòng chỉ khoảng hai chiếu Tatami nhưng nó là cả thiên đường so với việc ngủ trong túp lều trước đây.

Năm sau, được sự giúp đỡ của thượng cấp cũ trong Hải quân, ta được nhận vào làm nhân viên thời vụ của Cục cấp thoát nước. Nhưng một năm sau lại có đợt thanh lọc công chức nên ta bị sa thải. Trải qua mười một năm sống trong Hải quân, cấp bậc cuối cùng của ta là Trung úy, vì thế bị xem là quân nhân chuyên nghiệp. Khi biết ta bị mất việc, Kae an ủi.

“Quân nhân chuyên nghiệp nghe thật ghê tởm! Em thật không thể chấp nhận việc nói những người chiến đấu hết mình vì Tổ quốc như kẻ chiến đấu để kiếm ăn.”

Vô cùng vui sướng vì câu nói ấy của Kae, ta đã quyết tâm sống vì người phụ nữ này.

Ta quyết định tự mình làm ăn, đầu cơ vào nhiều ngành kinh doanh. Nhiều lần ta đã bị lừa, bị bội phản. Sau chiến tranh, con người hoàn toàn khác với thời tiền chiến. Những đêm sau khi bị lừa, ta thường nhớ về những đồng đội của mình, ta nghĩ chắc rằng họ hạnh phúc hơn ta, ganh tỵ rằng họ thật may mắn đã chết trước khi thấy Nhật Bản thành ra thế này.

Tuy nhiên, sự hỗn loạn và bần cùng sau chiến tranh chỉ là tạm thời. Phần đông người Nhật có lòng thương người và trái tim ấm áp. Có những người nghĩ mình còn có thể sống nên gắng giúp đỡ những người gặp khó khăn. Ta nghĩ chính vì thế mà bọn ta mới có thể sống sót trong thời đại bi thảm đó. Hai vợ chồng ta có được căn hộ nhỏ ở Tokyo cũng là nhờ sự giúp đỡ của nhiều người.

Người Nhật bị biến chất là chuyện về sau này.

Nhật Bản trở thành nước Chủ nghĩa dân tộc, xã hội hòa bình, phát triển kinh tế tốc độ cao, người người hưởng thụ cuộc sống tự do, giàu có. Thế nhưng sau cái bóng ấy, đất nước đã mất đi một thứ rất quan trọng. Sự phồn thịnh và chủ nghĩa dân tộc sau chiến tranh đã cướp mất *đạo đức* của con người Nhật Bản.

Trên đường phố đầy rẫy những người chỉ cần bản thân mình tốt là được. Sáu mươi năm trước không phải như vậy. Ta đã sống quá lâu rồi chẳng?

Anh chiều đã chiếu vào căn phòng khách.

Chỉ vừa qua vài giờ đồng hồ nhưng tôi có cảm giác như đã lâu lắm rồi. Ông Tanikawa khi kể chuyện giống như một chàng thanh niên, có thể thấy được bóng dáng một chàng trai trẻ dũng cảm, tràn đầy sinh khí.

Giờ ông Tanikawa trước mặt tôi đây lại là một ông lão gầy nhom ngồi trên chiếc xe lăn. Cánh tay mảnh khảnh của ông như thể sắp gãy ra ngay tức thì vậy. Cánh tay ấy khi xưa đã từng cầm cần điều khiển Reisen, tung hoành chiến đấu trên bầu trời. Nghĩ về ngày tháng sáu mươi năm trước, trong lòng tôi dâng trào cảm xúc.

Ông Tanikawa nói nhỏ nhẹ.

“Đến bây giờ, đôi lúc ta vẫn mơ hồ không biết chuyện khi ấy ở căn cứ Nichols là thật hay mơ.”

“Chuyện ông ngoại cháu từ chối tham gia tấn công cảm tử phải không ạ?”

“Đó không phải là mệnh lệnh nhưng vậy vẫn là kháng lệnh phải không?”

“Kháng lệnh là sao ạ?”

“Là chống lại mệnh lệnh. Trong quân đội tương đương với án tử.

Ông ngoại là người như thế nào đây?

“Tuy thế, chuyện ta không hiểu được là khi được lệnh tấn công cảm tử vào năm cuối thế chiến, sao anh ấy lại không hạ cánh khẩn cấp. Người khi đó đã bảo ta hãy hạ cánh khẩn cấp ở đâu cũng được nhưng đừng tự sát, tại sao lại tự sát chứ?”

Ông Tanikawa khoanh tay nói tiếp.

“Nhiều phi công giàu kinh nghiệm đã hy sinh tại Leyte, có lẽ là do hỗn loạn. Tuy không phải tấn công cảm tử nhưng thiếu úy Minami xuất kích từ hạm đội Ozawa, sau khi tấn công Hạm đội cơ động địch, đáp đến Echague. Tại đây anh được giao nhiệm vụ yểm trợ máy bay tấn công cảm tử và hy sinh.”

“Thực chất vẫn giống tấn công cảm tử phải không ông?” Ông Tanikawa gật đầu.

“Thời đó, những người như thiếu úy Iwai từ hạm đội Ozawa bay đến Bắc Đảo đều bị bắt tham gia tấn công cảm tử. Tuy nhiên, các phi công lão luyện không tham gia trong trận tấn công cảm tử Okinawa bắt đầu từ tháng Ba năm 1945. Bởi vì chúng ta cần các phi công giàu kinh nghiệm cho việc huấn luyện và bảo vệ lãnh thổ.”

“Như vậy tấn công cảm tử phần nhiều là các phi công trẻ tuổi phải không ạ?”

“Các đợt tấn công cảm tử đa phần diễn ra vào trận Okinawa năm cuối thế chiến. Khi đó, những người chết vì tấn công cảm tử hầu như là các học viên dự bị và những phi công trẻ. Theo ta, việc đưa các phi công giàu kinh nghiệm vào cuộc tấn công đặc biệt là một sai lầm. Đương nhiên dù là phi công lão luyện hay những tân binh thì sinh mệnh đều đáng quý như nhau. Tuy nhiên, ta vẫn không chấp nhận cấp trên lệnh cho Minami tấn công cảm tử.” Ông Tanikawa lớn tiếng. “Hèn hạ nhất là những kẻ oang oang rằng *Tao sẽ tiếp bước theo sau* rồi ra lệnh cho cấp dưới phải hy sinh. Đến khi chiến tranh kết thúc thì lại sống an nhàn!”

Ông Tanikawa đập bàn làm chiếc gạt tàn bật lên khiến tôi giật cả mình.

“Xin lỗi! Ta có hơi kích động.”

“Không sao ạ.”

Ông Tanikawa lấy thuốc từ trong túi áo ra, bỏ vào miệng. Chị tôi đứng dậy, lấy cốc rót nước đưa cho ông.

“Cám ơn.” Ông Tanikawa nhận lấy cốc nước và uống thuốc. Một lát sau, ông nói. “Ta vẫn không hiểu vì sao Miyabe không hạ cánh khẩn cấp. Với khả năng của Miyabe nếu cậu ấy đã quyết định thì chắc chắn sẽ làm được.”

“Có phi công đã từng làm thế sao ạ?”

Ông Tanikawa cau mày. “Có những thành viên đội tấn công cảm tử với lý do thất bại trong việc tiếp cận địch hoặc động cơ xảy ra sự cố nên đã quay trở về.”

“Có nghĩa là...”

Ông Tanikawa lắc đầu mạnh trước câu nói của chị.

“Ta không biết có ý đồ khác không nhưng đúng là có những phi công như thế.”

Cả căn phòng im bật.

“Ông ngoại cháu chết trận trên vùng biển Okinawa. Nếu động cơ gặp sự cố thì có thể hạ cánh khẩn cấp ở đâu đó phải không ạ?” Tôi mở lời.

“Đảo Kikaijima.” Ông Tanikawa lập tức đáp lời. “Những máy bay cảm tử cất cánh từ phía nam Kyushu, trong trường hợp động cơ gặp trục trặc, không thể tiến hành tác chiến thì sẽ hạ cánh ở đảo ấy.”

“Vậy ạ?”

“Tuy nhiên, ngay trước khi chiến tranh kết thúc, vùng trời đảo Kikaijima cũng nằm dưới quyền kiểm soát không phận của địch nên có thể ngay cả Miyabe khi phải ôm một lượng bom nặng nề cũng đành chấp nhận số phận.”

Tôi gật đầu.

“Dù thế nào đó cũng là chuyện của sáu mươi năm trước. Ta không rõ chân tướng thế nào.”

Ông Tanikawa buông tiếng thở dài. Sau đó, ông với tay nhấn công tắc trên tường, mở đèn trong phòng rồi chậm rãi rút từ trong túi ra một tấm ảnh.

“Đây là hình bà xã ta. Bà ấy mất năm năm trước. Khi Kae thấy dáng vẻ của ta lúc xuất ngũ trở về quê, bà ấy đã khóc lớn. Người phụ nữ mạnh mẽ ấy, trước sau chỉ khóc mỗi lần ấy.”

Nhìn tấm ảnh vợ ông Tanikawa, bất giác mắt tôi ướt đẫm.

“Nếu không vì những lời khi xưa của Miyabe, chắc ta và bà ấy đã không thể thành vợ chồng.”

“Hai ông bà yêu nhau lắm ạ?” Ông Tanikawa gật đầu đáp lại câu nói của chị. “Tuy không thể có con nhưng chúng ta đã sống một cuộc đời hạnh phúc.”

Sau khi ra khỏi viện dưỡng lão, tôi thấy chị lấy khăn lau nước mắt.

“Chị đau lòng quá.” Chị ấy nói. “Ông ngoại đem lại hạnh phúc cho mọi người, bản thân ông lại hy sinh. Chuyện đó sao có thể, thật không công bằng.”

“Đâu phải chỉ có mỗi ông ngoại hy sinh. Trong trận chiến đó có 3.000 người chết, chỉ binh lính thôi cũng đã 2.300 người chết trận. Ông ngoại chỉ là một trong số họ.”

Chị không nói gì thêm. Ngồi trong taxi chị cũng không nói câu nào. Khi xuống xe đi vào nhà ga, chị đột nhiên phản bác.

“Lúc này em bảo ông chỉ là một trong 2.300 người tử trận, nhưng đối với bà thì ông là người chồng duy nhất. Hơn nữa với mẹ, ông cũng là người cha duy nhất.”

“Cũng như ông là người chồng duy nhất đối với bà, 2.300 người hy sinh kia, từng người từng người đều là những người không thể thay thế được đối với ai đó.”

Chị ngạc nhiên nhìn tôi.

“Nói ra thì chắc chị cười em nhưng bây giờ, em cảm nhận được nỗi đau của nhiều người đã chết trong cuộc chiến tranh đó.”

“Chị không cười đâu.” Chị Keiko gật đầu.

Trên tàu điện cả hai chị em cùng im lặng.

Chị mãi suy nghĩ về chuyện gì đó. Tôi thì trầm tư về câu chuyện của ông Tanikawa. Nếu nhắm mắt lại, dường như tôi sẽ nhìn thấy hình ảnh của ông hiện lên trong đầu. Thế nhưng đó chỉ lờ mờ như làn khói, không thể bắt được hình ảnh rõ ràng. Tàu vừa qua Shin Osaka một lúc, bất ngờ chị bắt chuyện.

“Nghe câu chuyện của những người từng tham gia chiến tranh, chị cảm giác các binh sĩ đúng là bị sử dụng một lần rồi vứt.”

“Tôi gật đầu.

“Chỉ cần một tờ Giấy đỏ thì có thể bổ sung bao nhiêu cũng được. Các binh sĩ ngày xưa còn bị thượng cấp khinh miệt: *Chiến mã quan trọng hơn mào, mào chỉ đáng một đồng năm cắc, bao nhiêu cũng có thể thay thế được*”

“Một đồng năm cắc là sao?”

“Là giá tiền của tờ lệnh chiêu quân. Hay nói cách khác, đối với sĩ quan cấp cao của quân đội, binh lính Lục quân, binh sĩ Hải quân và cả phi công là thứ chỉ cần tốn một đồng năm cắc là có thể triệu tập bao nhiêu cũng có.”

“Vậy mà mọi người vẫn dũng cảm chiến đấu vì đất nước.”

Chị gật đầu, gương mặt thương xót. Sau một lúc im lặng chị lại mở lời. “Nghe này! Chị đã tìm hiểu nhiều về chiến tranh Thái Bình Dương và nhận ra một điều.”

“Đó là sự yếu kém của hàng ngũ Đô đốc Hải quân.”

“Chẳng phải quân đội Nhật Bản toàn lập những kế hoạch tác chiến kiên trì táo bạo sao?”

“Là thiếu suy nghĩ thì đúng hơn. Họ lập ra nhiều chiến dịch liêu lĩnh. Guadalcanal, New Guinea, trận hải chiến ngoài khơi Mariana và cả trận hải chiến vịnh Leyte đều như vậy. Cả trận Imphal * nổi tiếng nữa. Nhưng đừng quên Bộ Tổng tư lệnh và Tổng hành dinh Đế quốc, những người nghĩ ra các chiến dịch đó đều hoàn toàn không phải lo lắng về việc mình có thể chết.”

“Vì người chết trong các chiến dịch là binh lính nên họ có thể lập các chiến dịch bất hợp lý đến thế nào cũng được phải không?”

“Đúng, nhưng khi chỉ huy trên tiền tuyến, khả năng thiệt mạng cao, thì họ lại hành xử vô cùng yếu đuối. Dù trong thế thắng trận, họ cũng sợ bị phản công, lập tức tháo lui.”

“Ra thế.”

“Là yếu đuối hay thận trọng? Như trong trận Trân Châu Cảng, mặc dù chỉ huy tại mặt trận đã đề trình đợt không kích thứ ba nhưng Đô đốc Nagumo đã nhanh chân trốn thoát quay về. Trong trận hải chiến Biển San Hô cũng thế. Sau khi đánh chìm mẫu hạm Lexington của địch, Đô đốc Inoue đã cho rút lực lượng đổ bộ hải cảng Moresby. Trong khi chiến dịch lại vốn nhằm chi viện cho lực lượng tiến chiếm. Còn tại trận hải chiến đảo Solomon lần thứ nhất, trong các cuộc chiến quanh Guadalcanal, Đô đốc Mikawa sau khi đánh bại hạm đội địch, toại nguyện rút lui, không đuổi theo

đoàn tàu vận tải địch. Trong khi mục đích ban đầu là phá hủy tàu vận tải địch. Khi ấy nếu tàu vận tải bị tiêu diệt thì không chừng chuyện bi thương ở Guadalcanal sau đó đã không xảy ra. Có lẽ đúng như những gì Halsey nói, nếu bị quân Nhật giáng thêm một đòn thì phe ông đã bị tiêu diệt. Đỉnh điểm là việc quay đầu của Đô đốc Kurita trong trận hải chiến Leyte lúc này chúng ta vừa nghe.”

Tôi giật mình khi nghe những chuyện của Keiko, đúng là chị ấy đã đọc kha khá sách.

“Có lẽ, chỉ là nhận định cá nhân nhưng chị nhận thấy số Đô đốc như thế nhiều quá, có lẽ đó là do cơ cấu tổ chức.

“Các Đô đốc đều là tầng lớp tinh hoa của trường Đại học Hải quân, được chọn từ các sĩ quan ưu tú tốt nghiệp trường Quân sự Hải quân. Có thể nói là lớp tinh túy nhất trong những người được chọn. Đây là ý kiến cá nhân của chị thôi, nhưng có phải chính vì là tầng lớp tinh hoa nên họ mới yếu kém đến thế, hoặc giả trong đầu họ lúc nào cũng nghĩ đến sự thăng tiến.”

“Thăng tiến? Trong thời chiến sao?”

“Có thể do chị đọc nhiều sinh đa nghi nhưng, có quá nhiều tình tiết khiến chị nghĩ như vậy. Dường như họ chỉ cố làm sao để không gây lỗi lầm hơn là nghĩ phải làm sao để bắn phá được nhiều quân địch. Giống như ông Izaki đã nói, trong việc thẩm định huân chương cho Đô đốc Hải quân thì việc đánh chìm chiến hạm được ghi điểm cao nhất. Vì thế dù có bắn phá cảng đóng tàu, phá hủy kho chứa dầu, bắn chìm tàu vận tải thì cũng không được cộng điểm trong việc đánh giá. Vì thế...”

“Nhưng không thể vì vậy mà nói họ lo nghĩ nhiều về việc thăng tiến được.”

“Có lẽ chị đã nghĩ nhiều, nhưng tầng lớp tinh hoa Đại học Hải quân đó, khoảng mười mấy tuổi vào trường Quân sự Hải quân, giành thắng lợi trong các cuộc tranh giành khùng khiếp, sống còn của thế giới Hải quân nhỏ hẹp, việc thăng tiến đã ăn sâu vào tiềm thức của họ. Đặc biệt là tầng lớp quan chức từng là học viên ưu tú nổi bật thì tâm lý đó càng mạnh mẽ. Các Đô đốc thời chiến tranh Thái Bình Dương tất cả đều trên 50 tuổi đúng không? Sự thật là từ sau trận Hải chiến biển Nhật Bản gần bốn mươi năm,

Hải quân chưa thực hiện trận hải chiến nào khác. Nói cách khác, các Đô đốc suốt từ khi gia nhập Hải quân, cho đến chiến tranh Thái Bình Dương chưa từng có kinh nghiệm thực chiến, họ chỉ sống trong thế giới tranh đấu thăng tiến trong nội bộ Hải quân.”

Sự phong phú về kiến thức không ngờ của Keiko làm tôi kinh ngạc và hơn thế nữa tôi khâm phục cái nhìn sắc bén của chị.

“Khi tìm hiểu về Hải quân thời đó, chị khá quan tâm đến một chuyện. Đó là nhân sự Hải quân Nhật Bản căn bản dựa vào thứ tự ưu tiên của Đại học Hải quân. Hình như được gọi là Hammock Number *. Đó mới là chuyện đáng nói.”

“Thành tích tốt nghiệp quyết định một đời đây.”

“Đúng thế. Giống công chức bây giờ ấy. Những học viên ưu tú sẽ cứ thế mà thăng tiến. Và chỉ cần không gây ra lỗi lớn sẽ cứ thế mà tiến thân. Có thể chị suy nghĩ cực đoan nhưng các học viên ưu tú được xác định qua các bài kiểm tra viết thì lý thuyết vô cùng giỏi, nhưng thực hành thì có phần yếu kém hơn. Điều đó khiến chị nghĩ mình không sai.”

“Nghĩa là, các chỉ huy thường dự đoán trước các tình huống trong chiến tranh chỉ nhờ lý thuyết thôi sao?”

“Chị không biết sự yếu kém của Hải quân có phải do điểm này không nữa.”

Tôi gật đầu đồng tình. “Còn Mỹ thì sao?”

“Chị chưa tìm hiểu kỹ đến đó, nhưng về sự thăng tiến thì Mỹ dường như cũng thế. Tuy nhiên thứ tự ưu tiên tốt nghiệp Đại học Hải quân chỉ có trong thời bình. Khi chiến tranh trở nên khốc liệt, các nhân vật ưu tú trong chỉ huy chiến đấu được chỉ định. Tổng Tư lệnh Thái Bình Dương Đê đốc Nimitz đã được chọn ra như vậy. Hiển nhiên họ cũng phải nghiêm túc chịu trách nhiệm trước các thất bại. Việc hạm đội tại Trân Châu Cảng bị quân đội Nhật bắn phá, đã khiến Tư lệnh hạm đội Thái Bình Dương Đô đốc Kimmel bị bãi nhiệm, ngoài ra ông còn bị giáng từ Đại tướng xuống Thiếu tướng. Thảm bại Trân Châu Cảng có phải trách nhiệm của Kimmel hay

không cũng thật khó nói, nhưng trong quân đội Mỹ, thất bại thì phải chịu trách nhiệm. Thêm một điểm nữa, trong quân đội Mỹ hầu như không có chỉ huy nào nhu nhược, tất cả đều vô cùng quyết đoán.”

Chị Keiko đã tìm hiểu nhiều đến vậy ư? Từ xưa chị ấy đã có năng lực tập trung đáng nể. Trong lần điều tra này, dường như chị ấy thật sự rất nghiêm túc.

“Ra thế, không chừng đây là điểm mạnh của Mỹ.”

“Chúng ta đang nói về Hải quân nhưng dường như Lục quân Đế quốc cũng thế. Đại học Hải quân và Đại học Lục quân thời tiền chiến còn gắt gao, khó qua hơn cả Đại học Tokyo thời bây giờ. Càng tìm hiểu về quân đội Nhật Bản xưa chị càng nhận ra nhiều điểm chung với cơ cấu quan chức của nước Nhật ngày nay.”

Tôi lặng lẽ nhìn Keiko, không lẽ bấy lâu tôi chưa hiểu hết về con người của chị.

“Thật ra khi tìm hiểu về quân đội em cũng nhận ra vài điều.”

“Là gì?”

“Như chị nói đấy, đó là cách nhận trách nhiệm của các sĩ quan cao cấp Hải quân Nhật Bản. Bọn họ dù có gây ra thất bại trong chiến dịch cũng không ai nhận trách nhiệm. Tại Midway, Đô đốc Nagumo đã phạm một sai lầm lớn, làm mất 4 mẫu hạm. Ngay trước trận hải chiến ngoài khơi Mariana, Tham mưu trưởng Trung tướng Fukudome bị du kích kháng Nhật bắt, để quân Mỹ cướp mất hồ sơ tác chiến quan trọng. Mặc dù bị địch bắt giữ nhưng Trung tướng Fukudome * lại không bị cấp trên chất vấn. Nếu là binh lính thông thường chắc chắn đã không được bỏ qua dễ dàng như vậy.”

“Ra lệnh cho binh sĩ phải chết để không bị bắt làm tù binh, trong khi bản thân tướng lĩnh rơi vào hoàn cảnh ấy thì lại được lờ đi.”

“Trong Lục quân, việc không truy cứu trách nhiệm của lớp tinh hoa cao cấp cũng giống vậy. Trung tướng Mataguchi lập ra kế hoạch tái chiếm làm 30 vạn binh lính chết đói đã không chính thức nhận trách nhiệm. Tsuji Masanobu cho tái diễn kế hoạch tác chiến ngu ngốc tại Guadalcanal cũng

không bị tra vấn trách nhiệm, thậm chí chiến dịch ấu trĩ Nomonhan * của ông ta đã khiến không biết bao nhiêu người hy sinh, vậy mà sau này ông ta vẫn tiếp tục được thăng tiến. Thay vào đó, trách nhiệm lại bị đổ cho các tướng sĩ hạ cấp tại mặt trận. Nghe nói có nhiều phân đội trưởng đã bị ép tự sát.”

“Khủng khiếp quá!”

“Nếu thời Nomonhan, các tham mưu cao cấp nghiêm túc nhận lãnh trách nhiệm thì đã không có bi kịch Guadalcanal sau này.”

“Nhưng tại sao họ lại không nhận trách nhiệm?” Mặt chị lộ rõ vẻ bất bình.

“Chuyện này em không rõ... nhưng em nghĩ có thể là vì tổ chức quan liêu.” Tôi nói.

“Có lẽ vậy. Giới tinh hoa ấy muốn bao che lẫn nhau, nếu truy cứu thất bại của người này thì người kia cũng sẽ không tránh khỏi bị truy xét.”

“Em nghĩ điều đó đúng. Trong trận Imphal, Sư đoàn trưởng Sato Kotoku trái lệnh Mataguchi cho rút quân lại không bị đưa ra Tòa án quân sự. Ông được cho là tâm trí bất ổn nên không bị tra hỏi. Nếu mở phiên tòa quân sự, sẽ liên quan đến vấn đề trách nhiệm của Tổng tư lệnh Mataguchi. Vì thế để bảo vệ ông ta, cũng không truy xét lỗi lầm của Sư đoàn trưởng Sato nữa. Nói xa hơn, bởi vì nó còn liên quan đến trách nhiệm của các tham mưu Tổng hành dinh Đế quốc, những người đã chấp thuận kế hoạch Imphal, tức là chính bản thân bọn họ. Nhắc đến chuyện này, Trung tướng Kawabe, cấp trên của Mataguchi, người đã thông qua chiến dịch Imphal còn được thăng cấp Đại tướng.”

“Tệ hại thật!” Chị nói thầm. “Các binh lính đã nỗ lực chiến đấu vì những con người như thế ư?”

“Cũng liên quan đến vấn đề trách nhiệm, trong trận Trân Châu Cảng, Đô đốc Yamamoto Isoroku đã căn dặn nhiều lần rằng *Đừng để mang danh đánh lén*. Vậy mà việc trao thư tuyên chiến vẫn trễ. Kết cục, việc chúng ta đột kích một cách hèn hạ là do sự lơ là nhiệm vụ của nhân viên Đại sứ quán

tại Washington Mỹ. Thế nhưng sau chiến tranh, chẳng một ai nhận lãnh trách nhiệm.”

“Lơ là nhiệm vụ sao?”

“Ngày hôm ấy, họ mãi mê nhậu nhẹt trong buổi tiệc chia tay, dù đã nhận được điện báo 13 bản vô cùng quan trọng về *Đối sách chống Mỹ*. Sáng hôm sau, khi điện báo bản tuyên chiến được gửi đến, lúc ấy họ mới hốt hoảng dịch từ bản đối sách. Trễ càng thêm trễ, khi lời tuyên chiến đến tay Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hull * thì đợt không kích Trân Châu Cảng đã kết thúc rồi. Điện báo tuyên chiến vốn vẹn chỉ có tám dòng, vậy mà...”

“Tội này đáng phải xử lý kỷ luật!”

“Phải hơn thế chứ. Vì sai phạm ấy mà nước Nhật ta phải chịu mang tiếng như là ‘hèn hạ’. Khiến Mỹ khăng khăng việc đáp trả bằng bom nguyên tử là điều hiển nhiên dành cho quân đê tiện Nhật Bản. Các phương tiện truyền thông Mỹ đã so sánh vụ khủng bố ngày 11 tháng Chín với trận Trân Châu Cảng. Mặc dù gây ra sự ô nhục đến vậy cho nước Nhật, nhưng các quan chức cấp cao Đại sứ quán tại Mỹ đương thời không ai bị truy cứu trách nhiệm. Một quan chức có lý lịch đố lỗi cho nhân viên điện tín.”

Keiko thở dài.

“Kết cục, các quan chức cao cấp đương thời không bị truy cứu trách nhiệm đã đành, mà vài người còn leo lên cả chức thư ký thường trực của Bộ Ngoại vụ. Nếu lúc đó, chúng ta truy cứu gắt gao trách nhiệm của bọn họ thì người Nhật đã không bị mang tiếng *Dân tộc hèn hạ*, không chừng đã có thể phục hồi danh dự. Mỹ cũng có thể hiểu rằng chúng ta không phải quân đánh lén. Thế nhưng đến tận bây giờ, Bộ Ngoại vụ vẫn không chính thức thừa nhận lỗi này. Đối với thế giới, không kích Trân Châu Cảng là đòn đánh lén của người Nhật.”

“Nhật Bản là đất nước như vậy sao?” Chị vò đầu bứt tai.

Không có câu trả lời nào cho câu hỏi ấy. Chắc hẳn chị cũng chỉ nói vậy chứ không chờ đợi gì.

“Đất nước này được chống đỡ bởi những con người vô danh như vậy. Trong cuộc chiến ấy, các binh lính và hạ sĩ quan đã chiến đấu kiên cường. Dù việc liều mình hy sinh trong trận chiến là tốt hay xấu, thì họ cũng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.”

“Họ đã chiến đấu hết mình vì quốc gia này.” Chị Keiko đưa mắt ngắm bầu trời đêm ngoài cửa sổ. Tấm kính phản chiếu gương mặt chị đang đanh lại. Rồi chị lẩm bẩm. “Chị nghĩ ngay cả ông Hasegawa mất một cánh tay kia, sâu thẳm trong lòng ông hẳn cũng có một nỗi đau vì không được đáp đền.”

“Vì thế ông ấy đã đem cơn phẫn nộ trút vào ông Miyabe chẳng?”

“Chị nghĩ đó còn là vì cách đối xử lạnh nhạt của những người xung quanh nữa. Họ nhìn ông bằng con mắt binh lính chuyên nghiệp tự làm tự chịu hơn là biết ơn vì công sức ông bỏ ra.”

Tôi gật đầu.

“Chính vì thế, hãy tha thứ cho ông ấy vì đã nói những điều không hay về ông ngoại.”

“Em biết mà.”

Nãy giờ chị mới cười được một chút. Thế mà ngay lập tức nụ cười đã tắt ngúm.

“Nhưng, chị vẫn nghĩ các nhân vật lớn của quân đội Nhật Bản thật sự đã sử dụng sinh mệnh của các chiến sĩ như một thứ công cụ.”

“Điển hình là cuộc tấn công cảm tử Kamikaze.”

Tôi nhắm mắt lại, nghĩ đến nỗi bất bình của ông ngoại.

HOA ANH ĐÀO

Vài ngày sau, tôi gọi điện cho chị.

“Em liên lạc được với một người từng là cảm tử quân rồi đấy.” Tôi cảm nhận được sự ngạc nhiên của chị từ đầu dây điện thoại. “Người đó có biết ông ngoại.”

Nhưng không ngờ chị Keiko lại bảo. “Chị không muốn đi.”

“Tại sao? Chẳng phải chị muốn nghe câu chuyện của một cảm tử quân sao?”

“Chị muốn chứ. Nhưng chị không muốn nghe thêm những chuyện đau lòng về ông ngoại nữa.” Chị ấy nói như đang tức giận. “Bản thân chị đã tìm hiểu về tấn công cảm tử, đau lòng đến độ không thể đọc tiếp.”

“Em hiểu.”

“Chính vì thế, trong câu chuyện của người cảm tử quân từng quen biết ông ngoại kia, có thể sẽ nhắc tới chuyện ông ngoại khi tấn công cảm tử. Chị không thể chịu đựng nổi nữa, em có thể sao?”

“Tất nhiên em cũng thấy khó khăn lắm. Nhưng em có cảm giác chuyện lần này sẽ mang đến điều gì đó. Miyabe Kyuzo không ai biết đến trong suốt sáu mươi năm qua, giờ đang bắt đầu hiện rõ trước mặt em.”

Tôi biết chị đang ngăn người ở đầu dây bên kia.

“Có lẽ nào đó là kỳ tích không? Những người đi qua chiến tranh đang dần biến mất khỏi vũ đài lịch sử. Đúng vào lúc này, chúng ta lại bắt đầu cuộc điều tra, không thể không nghĩ đây là vận may của số mệnh. Nếu chậm năm năm nữa thôi, chuyện về ông Miyabe Kyuzo sẽ mãi chôn vùi trong lịch sử. Chính vì thế, em nghĩ, chúng ta phải nghe câu chuyện của tất cả những người biết về ông ngoại.”

Chị im lặng chốc lát rồi nói. “Kentaro, em đã thay đổi rồi.”

“Em hiểu tấm trạng khổ sở của chị khi phải nghe những chuyện ấy, bởi em cũng cảm thấy vậy. Thôi, lần này cứ để mình em đi.”

Chị Keiko chỉ im lặng.

“Chị đã đồng ý với anh Takayama chưa?”

Tôi vừa lái xe vừa hỏi chị đang ngồi bên ghế phụ. Nhà của cựu thiếu úy Hải quân Okabe Masao ở Narita, thuộc tỉnh Chiba.

“Vẫn chưa nhưng chị định sẽ đồng ý.”

Trước hôm xuất phát, Keiko lại đổi ý bảo rằng chị sẽ đi.

“Chị này, chị từng thích anh Fujiki phải không?”

Chị nhìn tôi vẻ kinh ngạc.

“Đã có lần em vô tình nhìn thấy chị khóc khi ở cạnh anh Fujiki.”

Chị lặng thinh. Cả hai im lặng khá lâu. Sau đó chị Keiko bắt đầu nói.

“Nói ra em đừng cười chị nhé, được không? Đúng là chị từng thích anh Fujiki. Chị đã mơ ước sau khi anh ấy đỗ kỳ thi tư pháp, sẽ trở thành vợ anh. Bởi thế nên khi hay tin anh ấy từ bỏ kỳ thi tư pháp rồi trở về quê, chị rất sốc. Chị từng nói với anh ấy rằng một khi đã quyết định sự nghiệp thì đừng trở về quê.”

“Chị và anh Fujiki đã từng hẹn hò với nhau à?”

“Bọn chị còn chưa nắm tay nữa cơ. Cũng chưa từng bày tỏ tình cảm, cũng chưa từng đi chơi riêng hai người với nhau. Cho nên vẫn chưa phải là người yêu hay gì của nhau cả.”

“Vậy sao?”

“Có thể nói, việc chị khóc khi ấy cũng giống như một lời tỏ tình.” Chị cười, đượm chút buồn bã. “Vậy nhưng, anh ấy đã bỏ về mà không nói một lời nào.”

Tôi nghĩ thầm trong đầu, người như anh Fujiki sẽ không bao giờ nói đâu. Anh ấy không phải là người sẽ bảo ai đó đi cùng mình khi biết sẽ phải cực khổ lẫn lộn với cuộc sống.

“Chị không hối hận sao?”

“Hối hận ư? Tại sao chứ? Chị nghĩ mình đã chọn lựa đúng. Chị thấy thật may khi lúc đó anh ấy không bảo chị theo cùng. Với một đứa trẻ như chị khi ấy, không chừng sẽ từ bỏ việc học Đại học mà đi theo ấy chứ.” Chị

cười, sau đó hỏi tôi. “Em biết nhà máy của anh Fujiki đang rất khó khăn không?”

Tôi gật đầu.

“Nếu kết hôn với anh Fujiki thì hẳn chị đã phải chịu cực chịu khổ rồi.”

Chị lấy từ trong túi ra một điếu thuốc rồi châm lửa. Tôi có hơi ngạc nhiên.

“Chị hút thuốc à?”

“Chị không hút trước mặt mẹ thôi.”

Chị mở cửa sổ. Một làn gió nóng ùa vào.

“Hôm qua, anh Fujiki ngỏ lời cầu hôn chị đấy.”

Trong phút chốc tôi không hiểu chị ấy đang nói gì.

“Chị đã viết thư cho anh Fujiki bảo rằng chị được một chàng trai cầu hôn và sẽ lấy chồng. Đây là lần đầu tiên chị viết thư đấy. Sau đó, khoảng mười ngày, đột nhiên anh Fujiki gọi điện đến.”

“Chị làm gì vậy hả?”

Tôi quay về phía chị ấy, quát lên. Chị giật bản mình. Suýt chút nữa thì xe của chúng tôi va chạm, tôi hốt hoảng đạp phanh.

“Có phải chị muốn trả thù vì bị anh ấy từ chối không?”

“Chị chỉ muốn phân biệt rạch ròi thôi. Quan trọng hơn là em chú ý phía trước mà lái xe đi!”

“Vậy chị trả lời anh ấy như thế nào?”

“Chẳng phải rõ ràng là chị từ chối sao?”

Tôi cho xe vào làn đường vượt, đạp ga. Chị nín thinh. Tôi cảm thấy rất khó chịu khi nghĩ cho tâm trạng của anh Fujiki. Cứ như thế cho đến khi ra khỏi đường cao tốc, hai người chúng tôi không ai nói với ai một lời nào.

Cựu thiếu úy Hải quân Okabe Masao đã đảm nhiệm vai trò nghị viên hội đồng tỉnh Chiba bốn nhiệm kỳ. Trước đó, ông làm việc khá lâu với chức vụ ủy viên giáo dục của tỉnh. Ban đầu khi vừa biết lý lịch đó, tôi đã khá ngạc nhiên về việc nguyên cảm tử quân lại trở thành một nghị viên nhưng ngẫm kỹ lại cũng không phải là việc quá kỳ lạ. Tất cả những thanh niên trẻ thời đó đều đi lính, hầu hết những người gây dựng nước Nhật sau

chiến tranh đều từng là binh sĩ. Trong số đó có cả người từng tham gia cảm tử quân cũng không có gì đáng kinh ngạc.

Nhà ông Okabe nằm trong khu dân cư yên tĩnh của Narita. Thật không ngờ căn nhà nhỏ, ấm cúng này lại là nhà của người từng là nghị viên hội đồng tỉnh bốn nhiệm kỳ.

“Ngôi nhà bình dị quá!” Chị cũng đồng cảm với suy nghĩ của tôi.

Chúng tôi bấm nút chuông bên hông cửa, lập tức cánh cửa mở ra, một ông lão dáng người nhỏ nhắn xuất hiện.

Cựu cảm tử quân đã là một ông lão hói đầu, nụ cười mỉm dễ gây thiện cảm. Tôi hơi hăng vì vốn tưởng tượng cựu cảm tử quân với hình tượng hống hách, oai dũng hơn.

“Bà nhà ta đang đi dạy cắm hoa ở nhà văn hóa. Một mình ta không tiếp đãi khách chu đáo được.”

Ông Okaba nói rồi dẫn chúng tôi vào căn phòng kiểu Nhật truyền thống.

“Hai ông bà già sống với nhau nên cũng chẳng biết đem gì ra tiếp các vị khách trẻ.” Ông nói và đem ra ít rượu táo.

“Ông đừng bận tâm ạ.” Tôi vội đáp.

Ông lão điềm tĩnh ngồi trước mặt tôi hoàn toàn không mang chút hình tượng nào của phi công cảm tử quân.

“Thầy Miyabe là một giáo quan tuyệt vời.”

“Giáo quan là sao ạ?”

“Là giảng viên của Đội không quân thực hành. Cùng là giảng viên nhưng sĩ quan thì gọi là giáo quan còn hạ sĩ quan thì gọi là giáo viên. Quân đội là nơi mà cả chuyện đó cũng phân biệt sĩ quan và hạ sĩ quan.”

“Cháu không biết ông ngoại từng là giáo quan ạ.”

“Thầy Miyabe đến làm giáo quan tại Đội không quân thực hành Tsukuba vào đầu năm 1945”

Ta là học viên dự bị khoa phi hành. Học viên dự bị nói đơn giản là sĩ quan tốt nghiệp Đại học. Hải quân vốn sử dụng số ít học viên dự bị nhưng từ năm 1943, quân đội tuyên bố sẽ chiêu mộ học viên dự bị với số lượng lớn.

Khoảng thời gian ấy, không phải ai cũng có thể vào Đại học như bây giờ, chắc cả trăm người cũng không có lấy một người vào được Đại học đâu. Đó là lý do vì sao ngay cả quân đội cũng không sử dụng thành phần này. Nhưng đến năm 1943, khi chiến cục chuyển biến xấu, không thể nhàn nhã như vậy nữa. Năm đó là năm chúng ta thảm bại tại Guadalcanal, cũng là năm Đô đốc Yamamoto Isoroku * tử trận.

Vì vậy, ngay cả sinh viên Đại học từ trước đến nay được hoãn nghĩa vụ quân sự cũng bị bắt đi quân dịch. Chúng ta bước vào thời đại cả quốc dân đều là lính chiến. Nhiều sinh viên vì được hoãn nghĩa vụ quân sự vô cùng đau khổ. Những thanh niên đồng trang lứa đi lính, chiến đấu và hy sinh, vậy mà chúng ta có thể thanh thản ngồi yên học tập được sao? Đương nhiên, vẫn có một số người ghi danh vào Đại học nhằm trốn tránh quân dịch. Các tuyển thủ bóng chày chuyên nghiệp thời đó, cũng có người ghi danh học Đại học buổi tối để trốn nghĩa vụ quân sự. Nhưng chắc số người trốn tránh như vậy cũng không nhiều.

Năm ấy có hơn 100.000 người đăng ký dự tuyển, các trường Đại học trên toàn quốc đều trở nên vắng vẻ.

Định mệnh thật mỉa mai! Phần nhiều đội cảm tử quân được Hải quân chọn từ học viên dự bị khóa 13 năm đó. Điều khiển máy bay không hề đơn giản như lái một chiếc xe, những điều cần nhớ trước khi bay nhiều vô số. Vì thế các học viên khóa huấn luyện hay thực hành dự bị trước chiến tranh đều là những thiếu niên ưu tú được chọn lọc rất gắt gao. Nói cách khác, không quân cần những nhân tài ưu tú, bởi sinh viên có kiến thức và thông minh, là đối tượng thích hợp để truyền đạt kỹ thuật lái một cách nhanh chóng. Chúng ta đã được huấn luyện tốc hành để trở thành phi công cho các cuộc tấn công cảm tử. Có hơn 4.400 người chết vì tấn công cảm tử. Gần một nửa số đó là các phi công xuất thân từ học viên dự bị.

Ta là học viên dự bị khoa phi hành khóa 14 năm sau. Nhiều cảm tử quân cũng được chọn từ khóa này ra.

Đội Shikishima của Đại úy Seki được tuyên truyền rộng rãi là đội cảm tử quân đầu tiên nhưng cảm tử quân số một thực sự là Thiếu úy Kuno Kofu của đội Yamato cũng tại Leyte. Thiếu úy Kuno là học viên dự bị khóa 11.

Đội Shikishima của Đại úy Seki tấn công vào ngày 25 tháng Mười nhưng đội Yamato của Thiếu úy Kuno lao mình xuống vào ngày 21. Ngày hôm đó, cả hai đội Shikishima và Yamato đều không thể tiếp cận địch, quay về căn cứ địa nhưng chỉ riêng Thiếu úy Kuno không trở về mà tìm đến quân địch và cuối cùng không trở lại.

Thiếu úy Kuno là cảm tử quân đầu tiên, nhưng anh ấy không được nhận danh dự đó. Cũng có thể do không xác nhận được thành quả chiến đấu, nhưng lý do quan trọng hơn là vì Thiếu úy Kuno là sĩ quan xuất thân từ học viên dự bị.

Đối với Hải quân, vinh dự cảm tử quân số một phải của sĩ quan tốt nghiệp trường Quân sự Hải quân, nên họ công bố rằng cảm tử quân số một là Đại úy Seki. Nhìn từ điểm này có thể thấy được Hải quân xem trọng sĩ quan trường quân sự và xem nhẹ học viên dự bị đến nhường nào.

Sau đó, một số lượng lớn học viên khóa 13,14 được chọn làm phi công, với mục đích huấn luyện thành cảm tử quân.

Việc các phi công giàu kinh nghiệm tham gia tấn công là rất hiếm. Trên mặt trận Bắc Đảo năm 1944 cũng có vài phi công kỳ cựu được lệnh tấn công cảm tử, nhưng đến trận Okinawa * vào năm sau 1945 việc đó không còn nữa. Vào giai đoạn đó, các phi công kỳ cựu từ thời kỳ đầu khai chiến gần như đã hy sinh cả, nên đối với quân đội các chiến binh kỹ thuật cao thật sự rất quý báu.

Trận đánh kéo dài trong 82 ngày, từ tháng 3 đến tháng 6 năm 1945, kết quả quân Mỹ chiếm được Okinawa. Đây cũng là một trong những trận đánh có số thương vong cao nhất trong Thế chiến II: phía Nhật mất hơn 100.000 quân và quân Đồng Minh (chủ yếu là lính Mỹ) thương vong hơn 50.000 người trong đó hơn 12.000 người chết. Ngoài ra hàng nghìn dân thường trên đảo chết do bom đạn, bệnh tật và tự sát.

Hầu hết các phi công lão luyện được giao nhiệm vụ bảo vệ địa bàn, xuất kích yểm trợ đội cảm tử quân hoặc trở thành giảng viên của thực tập sinh. Như ta đã nói, các học viên dự bị và các phi công trẻ của khóa dự bị thực hành được chọn dùng rồi vút vào cuộc tấn công cảm tử.

Ta từ học viên dự bị trở thành học viên phi hành dự bị khóa 14 vào năm 1944. Nửa năm sau đó, cuộc tấn công của Đại úy Seki mới diễn ra, nhưng có lẽ Hải quân đã suy tính chiến thuật tấn công cảm tử từ trước đó. Ta nghĩ họ đã quyết định sẵn việc dùng các học viên dự bị khóa 13 và 14 cho đội cảm tử. Hiển nhiên, chuyện đó bọn ta không tài nào biết được.

Chúng ta không được dạy bất cứ thứ gì về không chiến hay ném bom, chắc vì sợ uổng công vô ích. Bởi bọn ta chỉ cần ôm đạn được đâm vào tàu địch thôi mà.

Khóa huấn luyện bay rất khắc nghiệt, bình thường kéo dài hai, ba năm giờ gói gọn chưa đầy một năm khiến cả người dạy lẫn người học đều phải cố sống cố chết. Bởi Hải quân cũng muốn bọn ta nhanh nhanh chóng chóng có thể bay được để tấn công cảm tử.

Tuy nhiên, vì giảng viên là hạ sĩ quan nên dạy rất kiêng nể. Bởi học viên dự bị chúng ta là sĩ quan nên so về cấp bậc lại cao hơn so với giảng viên. Hơn nữa, khi khóa huấn luyện kết thúc sẽ được thăng hàng thiếu úy. Kiểu sĩ quan không có bất kỳ kinh nghiệm chiến đấu nào. Các binh lính thông thường thì phải mất hơn mười năm mới có thể leo lên cấp sĩ quan, điều này quá sức phi lý.

Hơn nữa, dù là đội không quân thực hành thi cấp bậc của người học cao hơn người dạy cũng làm đôi bên rất khó xử. Các giảng viên rất e dè với bọn ta, dù họ có muốn nghiêm khắc, nhưng sự chênh lệch cấp bậc như vậy cũng không thể. Dù thế nào, chúng ta vốn cũng chỉ được đào tạo để trở thành phi công cảm tử.

Ấy vậy bọn ta lại không hề biết mình sẽ là những cảm tử quân, luôn nỗ lực tập luyện mong sớm trở thành phi công chính thức đi tiêu diệt máy bay địch. Thật nực cười!

Đến khi biết chuyện của đội Shikishima vào tháng Mười năm 1944, sau đó lại nghe tin tại Bắc Đảo nhiều đội cảm tử Thần Phong liên tiếp xuất

kích, bọn ta dần cảm nhận có lẽ bản thân mình cũng phải tham gia tấn công.

Đầu năm 1945, thầy Miyabe đến làm giáo quan vào lúc chúng ta sắp kết thúc huấn luyện.

Ta vẫn còn nhớ rất rõ ấn tượng đầu tiên về thầy, phong thái thầy thật khác thường. Có vài người ở phi đội Tsukuba từ chiến địa trở về, họ đều mang vẻ uy nghiêm của người vượt qua sinh tử. Thầy Miyabe cũng mang phong thái như thế.

Kỳ lạ là thầy không hề kể chuyện về chiến trường ác liệt, cũng chẳng kể gì về kinh nghiệm chiến đấu. Thầy ấy là người hoàn toàn không nói những chuyện hào nhoáng và chiến công.

Cấp bậc của thầy Miyabe là thiếu úy nhưng thầy luôn dùng những lời trịnh trọng với chúng ta. Các giáo quan ít ỏi xuất thân từ trường Hải quân hầu như ngôn từ đều thô lỗ, quát tháo to tiếng là chuyện đương nhiên. Nhưng thầy Miyabe thì chưa một lần như vậy với học viên. Hơn nữa, thầy Miyabe lại là thiếu úy đặc vụ, thấp hơn một bậc. Sĩ quan thăng tiến từ hạ sĩ quan được gọi là sĩ quan đặc vụ, bị đối xử thấp hơn sĩ quan tốt nghiệp từ trường Hải quân. Một lần, ta đã từng thấy cảnh một thiếu úy trẻ xuất thân từ trường Hải quân quát một trung úy đặc vụ lớn tuổi nọ. Đó là chuyên của quân đội đấy.

Tuy nhiên, khác hẳn với sự trịnh trọng trong lời nói, thầy Miyabe là một giảng viên vô cùng nghiêm khắc. Thầy ấy nổi tiếng với việc kiên quyết không chẫm bọn ta điểm đạt, trái ngược hẳn với các giảng viên khác. Thầy bị nhiều học viên dự bị bao gồm cả ta không vừa lòng.

“Chắc ý của lão rằng, dưới con mắt của người từ chiến trường trở về thì chúng ta chỉ là gà mờ. Như thế còn đáng ghét hơn cả những kẻ ra về từng trải.”

“Hắn ông ta không ưa việc chúng ta là sĩ quan dự bị, nhưng cũng không cần gây khó dễ kiểu đó chứ.”

Ta cũng cảm giác rằng cách làm ấy của thầy Miyabe độc đoán. Như ai đó đã nói, phải mất mười năm cố gắng mới lên được cấp bậc thiếu úy, thì

chắc thầy ấy có tâm trạng khó chịu với các học viên dự bị không cần phải bỏ chút công lao nào. Tâm trạng đó ta hiểu, nhưng đâu phải lỗi của bọn ta.

Sau khi thầy Miyabe đến, tốc độ giáo trình của bọn ta chậm hẳn. Vì thế, vài học viên dự bị đã báo cáo việc đó lên giảng viên cấp trên.

Ngày hôm sau, chúng ta được thầy Miyabe đào tạo kỹ thuật xoay vòng nhưng một lần nữa thầy lại cho cả lớp không đạt. Nếu là phần đông không đạt thì còn chấp nhận được nhưng cả lớp không đạt thì quả là gây khó dễ quá lộ liễu.

Chúng ta lại đi mách với giảng viên cấp trên. Thế nhưng thái độ của thầy Miyabe vẫn cố chấp. Bọn ta cũng thấy khâm phục đối thủ của mình về việc này. Người giảng viên này quả là có cốt cách không ngờ. Nhưng rồi ít lâu sau, thầy Miyabe bị bãi miễn chức giáo quan.

Tuy nhiên, vì số lượng giảng viên không đủ nên chẳng bao lâu sau thầy Miyabe lại được phục hồi chức giáo quan. Dù thế, thầy Miyabe chỉ được giao đào tạo kỹ thuật bay, còn đánh giá kỹ thuật đạt hay không lại do một giảng viên khác đánh giá. E rằng đó là lệnh của thượng cấp.

Có vẻ thầy Miyabe cũng phải chịu nhẫn nhục vì chuyện ấy. Làm thầy mà không thể đánh giá học sinh đạt hay không, ắt hẳn thầy Miyabe cũng cảm thấy tổn thương lòng tự trọng nặng nề. Kể từ sau chuyện đó, cách dạy của thầy ấy với chúng ta càng kiên nhẫn hơn trước. Trong lòng chúng ta cười cợt, “Nhìn dáng vẻ của ông kìa!”

Tuy nhiên, khi thầy Miyabe bảo “Khá rồi đấy!” kèm thái độ khó chịu, biểu cảm ấy lại khiến chúng ta tức điên.

Một hôm, sau khi kết thúc bài xoay vòng, thầy Miyabe bảo ta “Tiến bộ hơn rồi đấy!” nhưng có thể thấy rõ lời nói không xuất phát từ trong tâm. Vì bản thân thể hiện cũng tạm ổn nên ta thẳng thừng nói.

“Có phải thầy không hài lòng khi kỹ năng của tôi khá dần không?”

Gương mặt thầy Miyabe lộ vẻ ngạc nhiên, trả lời.

“Không có chuyện đó đâu. Nếu làm cậu cảm thấy như vậy thì đó là do sự khinh suất của tôi.”

Thầy Miyabe nói, rồi cúi đầu xuống thấp. Thái độ ấy lại khiến ta cảm thấy thầy thật đạo đức giả.

“Nếu thật sự nghĩ thế, thầy phải tỏ ra vui mừng hơn khi nói lời ấy với tôi chứ?”

Thầy Miyabe im lặng.

“Hay thầy nghĩ nó thực sự tệ hại?”

Dù thế, thầy vẫn không đáp trả.

“Sao hả? Hay thầy làm thế chỉ để cho bồ ghét?”

Lúc ấy, thầy mới đáp lời. “Thật lòng mà nói, tôi nghĩ kỹ thuật lái của học viên Okabe hoàn toàn không được.”

“Thầy lấy gì mà...” Mặt ta đỏ bừng, chỉ nói được có thế.

“Nếu bây giờ đưa học viên Okabe ra chiến trường thì chắc chắn cậu sẽ bị bắn.”

Ta muốn đáp trả lại nhưng không nói được gì.

“Tôi liên tục chấm rớt mọi người không phải làm cho bồ ghét. Trên chiến trường, tôi đã thấy nhiều phi công mất mạng. Ngay cả những phi công kỳ cựu, kỹ thuật tốt hơn ta rất nhiều cũng bị bắn rơi. Reisen đã không còn là chiếc chiến cơ vô địch nữa. Chiến cơ địch vừa tinh nhuệ lại áp đảo quân ta về số lượng. Chiến trường là nơi thật sự khắc nghiệt. Cậu có nghĩ là tôi đang ra vẻ hiểu biết về chiến trường không?”

“Không.”

“Cả ở Mariana, cả ở Leyte, nhiều phi công trẻ chưa được đào tạo đầy đủ đã bị đưa ra chiến trường. Và hầu hết bọn họ đều hy sinh ngay trong trận đầu tiên.”

Ta không thể nói gì trước những lời thầy Miyabe đang chậm rãi nói.

“Tôi cũng từng nói chuyện này với Phi đội trưởng. Thế nhưng, anh ấy không hiểu cho tôi. Ngược lại, tôi còn bị ra lệnh nếu không có vấn đề gì thì cứ chấm đọt cho các cậu qua, trong lúc khó khăn như bây giờ thì chỉ một phi công họ cũng cần.”

Ta chỉ biết gật đầu.

“Đào tạo những người ưu tú như các cậu, nói thật tôi thấy không thích hợp trở thành phi công. Các cậu phải làm những việc to lớn, vĩ đại hơn thế. Nếu có thể, tôi không muốn các cậu phải chết.”

Những lời khi ấy của thầy vẫn còn đọng lại trong tim ta mãi sau chiến tranh. Mỗi khi mệt mỏi vì công việc, ta luôn nhớ đến những lời nói ấy.

“Tôi đã nói những lời vô lễ rồi. Thành thật xin lỗi.”

Thầy cúi đầu nói và hướng về phía phòng nghỉ tập thể.

Ta cảm thấy rất xấu hổ, không thể tha thứ cho mình khi dùng trí óc nông cạn mà bình phẩm thầy Miyabe.

Cuối tháng Hai, chúng ta đã kết thúc tất cả các giáo trình đào tạo trong chưa đầy một năm. Vì thời gian đào tạo khóa thực hành dự bị thông thường phải mất hai năm, nên chúng ta cũng hiểu bản thân được đào tạo tốc hành đến thế nào.

Đêm ấy chúng ta được phát một tờ giấy viết câu hỏi “Có ý nguyện tham gia đội cảm tử quân không?” Chúng ta được yêu cầu nộp lại vào ngày hôm sau. Chuyện phải đến cũng đã đến rồi sao? Tuy nhiên, cơn sốc khi được phát tờ giấy ấy quá lớn, vượt xa sự giác ngộ của bản thân ta.

Từ khi gia nhập quân đội làm học viên dự bị ta đã nhận thức được cái chết. Chuyện ấy ta cũng từng tâm sự với các chiến hữu khi đó. Nhưng đó chỉ là sau khi ta đã chiến đấu hết mình rồi hy sinh, còn việc tình nguyện tham gia cảm tử quân, định sẵn cái chết là chuyện vượt quá sự giác ngộ.

Tuy nhiên, vì đã biết chuyện các cuộc tấn công cảm tử được tiến hành từ năm trước, nên bản đăng ký tham gia cảm tử không còn là chuyện gây kinh hãi. Nhiệm vụ của đội Shikishima tại Leyte mùa thu năm 1944 được công bố rộng rãi trên các mặt báo. Sau đó, tin tức về đội tấn công đặc biệt Thần Phong cũng được đưa tin liên tiếp trên báo và các phát biểu của Tổng hành dinh. Do đó, ta cũng chuẩn bị trước tâm trạng lờ mờ như...

Nỗi kinh hoàng của ta khi lần đầu nghe tin về đội cảm tử quân à? Thành thực mà nói, ta nghĩ không kinh hoàng đến thế, nhưng tâm trạng ta khá căng thẳng.

Có lẽ thời gian đó ta đã lãnh cảm với cái chết của con người. Ngay cả trên báo cũng không hiếm các dòng *Hy sinh oanh liệt*. Nó có nghĩa là *Toàn diệt*. Là toàn quân đều phải chết. Người ta dùng từ *Hy sinh oanh liệt* thế cho *Toàn diệt*, nhằm che giấu đi sự bi thương. Thời ấy, Quân đội Nhật Bản dùng vô số từ thay thế như vậy. Chạy nạn từ thành thị về nông thôn thì gọi

là *Dàn quân*, gọi rút lui là *Chuyển hướng*. Vậy nhưng, *Hy sinh oanh liệt* lại là một ví dụ quá kinh khủng, có ý đồ ví cái chết như một thứ đẹp đẽ. Chẳng mấy chốc, trên báo tràn ngập những câu như “Một triệu người chết cho vinh quang.”

Liên tục đọc thấy nhiều cái chết như thế, sinh mệnh dần dần bị xem thường. Trong số hàng ngàn người chết ngoài chiến trường hàng ngày, thì cỡ 10 người đội cảm tử quân không phải quá kinh khủng. Thế nhưng, khi bản thân lâm vào tình cảnh ấy, sự tình hoàn toàn khác hẳn. Con người vốn ích kỷ mà.

Ta đã nghĩ đến bố mẹ, những người yêu thương ta hơn tất cả. Rồi nghĩ về đứa em gái kém 10 tuổi, ta đã tưởng tượng rằng nếu mình chết đi, bố mẹ ta dù có chịu đựng được thì em gái cũng sẽ khóc thương thế nào. Con bé yêu ta hơn bất kỳ ai khác, nó thường nói: “Em yêu anh nhất, yêu hơn cả bố, hơn cả mẹ luôn.”

Thật ra, em gái của ta mắc bệnh thiếu năng. Cũng như nhiều đứa trẻ mắc chứng bệnh này, nó rất thuần khiết không bao giờ nghi ngờ người khác, con bé rất tội nghiệp và đáng thương. Nếu đã có vợ hay người yêu, chắc ta đã suy nghĩ khác nhưng thật may ta vẫn còn độc thân. Hơn nữa ta cũng chẳng có người con gái nào để nhớ thương. Vì thế, lúc ấy chỉ có bố mẹ và em gái là gánh nặng trong lòng ta.

Bố mẹ chắc sẽ chịu đựng được chứ? Có thể tha thứ cho đứa con bất hiếu như ta chứ? Họ sẽ tự hào vì ta hy sinh để bảo vệ Tổ quốc phải không? Thế nhưng lòng ta đầy cảm giác có lỗi với đứa em gái. Hơn nữa, khi bố mẹ mất đi, sẽ chẳng còn ai chăm sóc con bé. Điều đó cũng làm ta áy náy

Ta không còn nhớ mình đã quyết tâm đưa ra quyết định như thế nào trước bản đăng ký. Ta không thể nhớ mình có nhận thức được việc lựa chọn con đường đi hay không nữa.

Gần sáng, ta khoanh tròn vào mục “Tình nguyện”. Hẳn chính ý nghĩ nhiều người sẽ đánh dấu tự nguyện đã buộc ta làm vậy. Ta không muốn chỉ mình ta trở thành kẻ nhát gan. Ta đã cố gắng để chữ viết không bị run khi viết tên.

Hình như toàn đội học viên phi công đều đánh dấu tình nguyện. Nhưng sau đó, ta nghe đồn rằng có vài người đã không đánh dấu, và bị thượng cấp gọi riêng ra thuyết phục. Lời thuyết phục của thượng cấp trong quân đội Nhật Bản thời ấy tương đương với mệnh lệnh, không thể kháng cự.

Các cháu có nghĩ bọn ta thiếu chí khí không? Dù vậy, đó là việc mà những người sinh ra và lớn lên trong bầu trời tự do bây giờ không thể hiểu được. Ngay cả hiện tại, trong các tổ chức, cơ quan, có bao nhiêu người có thể thẳng thắn nói “Không” với cấp trên khi cuộc sống của mình đang dựa vào họ?

Khi nghe tin có vài người không đánh dấu tham gia, ta đã nghĩ dù sao cũng sẽ bị thuyết phục, cũng sẽ bị bắt tình nguyện tham gia, vậy thì đánh dấu tình nguyện ngay từ đầu có phải tốt hơn không.

Thế nhưng, bây giờ ta tin chắc rằng những chàng trai không đánh dấu tham gia ấy thật sự rất bản lĩnh. Không trói buộc chuyện sống chết của bản thân mình vào những người khác, quyết định bằng chính ý nguyện của bản thân. Đó chính là những người đàn ông thật sự. Nếu đa phần người Nhật, bao gồm cả ta đều giống như thế chắc chiến tranh đã sớm kết thúc rồi.

Người bắt ép họ phải tình nguyện tham gia có lẽ không phải thượng cấp mà là chính chúng ta cũng nên. Bọn ta tuyệt nhiên không cảm thấy mừng rỡ khi đón nhận cái chết, nhưng vào thời ấy, không có sự lựa chọn nào khác. Quân đội ắt sẽ không tha cho các chiến sĩ không tình nguyện tham gia đội cảm tử.

Thực ra ta còn nghe tin đồn thế này: Những người kiên quyết không đăng ký tình nguyện tại các phi đội thực hành khác bị đưa ra lực lượng đổ bộ ở tiền tuyến hoặc sẽ bị đưa vào các trận chiến gần như đã tuyệt vọng. Vì là tin đồn nên ta không biết độ tin cậy thế nào, nhưng sống qua thời chiến này rồi, ta tin nó cũng không xa sự thật là bao.

Quân đội thời bấy giờ hoàn toàn không nghĩ đến sinh mệnh của binh sĩ. 4.400 thanh niên trẻ đã hy sinh vì tấn công cảm tử nhưng chỉ một cuộc tấn công cảm tử trên biển của chiến hạm Yamato tại trận Okinawa, chúng ta đã mất số mạng người gần như vậy.

Cuộc tấn công của Yamato hoàn toàn không có hy vọng. Chiến hạm này đã được đưa vào chiến dịch hoang đường rằng phe ta tiến đến bờ biển Okinawa, tạo thành pháo đài trên đất liền và pháo kích quân Mỹ đã đổ bộ. Tuy nhiên, chuyện đó là không thể.

Nói cách khác, Yamato là tấn công tự sát. Có 3.300 thủy thủ Yamato và thủy thủ của các con tàu cỡ nhỏ khác tham gia chiến dịch, nghĩa là chừng ấy thủy thủ của Yamato đã phải chịu chung số phận với con tàu. Chắc hẳn với các tham mưu lập ra kế hoạch ấy, mạng người là thứ chẳng cần phải quan tâm. Họ không thể nghĩ tới 3.300 thủy thủ, mỗi người đều có gia đình, con cái, anh chị em hay sao? Trận chiến đã cầm chắc sẽ thua, nhưng lý nào họ lại khoanh tay đứng nhìn. Chiếc Yamato và các tàu tuần dương hạng nhẹ, tàu khu trục, và cả mấy ngàn binh tướng đã được sử dụng chỉ vì sĩ diện của quân đội, cố gắng chiến đấu bằng cuộc tấn công đặc biệt.

Ngay cả Yamato, niềm tự hào của Hạm đội Liên hợp còn bị ném ra tác chiến trong cuộc tấn công này thì hẳn các cán bộ Bộ quân lệnh và Hạm đội Liên hợp cũng chẳng hề do dự khi sử dụng các học viên dự bị. Nếu suôn sẻ thì một mạng người và một chiếc máy bay không chừng có thể đánh chìm một chiến hạm. Chắc họ nghĩ, được như vậy thì dù lãng phí mười mấy chiếc cũng là chuyện chấp nhận được phải không?

Mặt khác, dù đã đăng ký tình nguyện tham gia tấn công cảm tử nhưng không phải lập tức trở thành cảm tử quân. Việc tình nguyện là tiền đề hiển nhiên trong quân đội thời đó, là một thủ tục thôi. Một khi đã đăng ký tham gia, quân đội có thể chỉ định cảm tử quân từ bất cứ lúc nào trong số đó.

Bọn ta dù đã kết thúc thời hạn đào tạo và được bổ nhiệm nhưng vẫn tiếp tục tập huấn. Khoảng thời gian đó, dù có cảm tử quân thì cũng không đủ máy bay. Không chỉ vậy, ngay cả nhiên liệu cũng không đủ. Trong tình thế ấy, ngay cả việc luyện tập cũng không được kỹ càng.

Chiến dịch tấn công cảm tử Okinawa bắt đầu vào khoảng thời gian đó.

Bước vào tháng Ba năm 1943, các máy bay cảm tử xuất phát từ căn cứ Kyushu ngày ngày nhắm vào Hạm đội Mỹ tại các hải vực quanh Okinawa. Những đợt tấn công ấy cũng được đăng tin rộng rãi trên báo.

Một ngày tháng Tư, tên 16 sĩ quan dự bị khóa 14 chúng ta được công bố cho nhiệm vụ cảm tử quân. Không có tên ta trong ấy. Những người được chọn đều có kỹ thuật giỏi.

Trong 16 người ấy, có cậu bạn học thân Takahashi Yoshio của ta ở Keio. Anh chàng ấy say mê văn chương, mơ ước trở thành một học giả. Đồng thời, cũng là một võ sĩ Judo, kỹ thuật của cậu ấy thuộc hàng tam đẳng Kodokan. Thân cao một mét tám, người vững chãi, chính xác là văn võ song toàn.

Có một ký ức về Takahashi mà ta không thể nào quên. Hôm cậu ấy đến nhà chơi, vô tình đúng lúc đưa em gái của ta vừa chạy về vừa khóc. Hỏi bé gái hàng xóm đi cùng thì biết trên đường đi học về, nó bị tụi trung học châm chọc là “Đồ chậm phát triển”, và bị đánh liên tiếp vào đầu nên khóc. Từ trước đến giờ, em gái ta luôn bị bỡn chọc, bắt nạt, mỗi lần như thế ta đều bực tức nhưng riêng lần ấy thật sự điên tiết không kiềm chế được. Chỉ vì chậm phát triển mà bị đánh sao? Thật vô lý.

Ta liền hỏi cô bạn rằng tụi kia là học sinh trường nào. Nhưng đúng lúc ấy, ta thấy một chuyện ngạc nhiên. Takahashi đang xoa đầu em gái ta và khóc.

“Tội nghiệp! Tội nghiệp quá! Bé Kazuko có làm gì xấu đâu.” Vừa nói, nước mắt cậu ấy vừa rơi lã chã.

Giờ đây, anh chàng Takahashi ấy đã bị chọn làm cảm tử quân.

“Đổi cho tao đi!” Ta đã bảo Takahashi.

“Đừng có nói xàm.” Cậu ấy cười nói.

“Xin mà đấy. Đổi cho tao đi.”

“Không được!”

Ta túm lấy cổ áo cậu ấy, như thét lên.

“Đổi cho tao!”

“Không được!”

Takahashi cũng lớn tiếng đáp lại. Ta ra sức xô ngã cậu ta.

“Đổi đi, Takahashi!”

“Không!”

Takahashi đáp, đẩy ta văng ngược ra. Ta liền đứng dậy, bám vào hông cậu ấy. Cậu ấy lại đẩy văng ta ra. Ta đứng dậy, vừa khóc vừa xông tới. Cậu ấy cũng vừa khóc vừa liên tục đẩy ta ra. Đến cuối cùng, ta kiệt sức, nằm bẹp xuống đất mà khóc.

“Okabe, mà phải sống! Vì Kazuko, mà không được chết!” Takahashi ôm lấy vai ta nói. Cậu ấy cũng đang khóc.

Ngày hôm ấy, những thằng đàn ông rơi lệ không chỉ có một mình ta. Tối đó, khi rượu vào, những thằng không được chọn khóc lóc, luôn miệng lải nhải “Đổi cho tao đi.” Trong đó, có những đứa vừa khóc vừa trực tiếp cầu xin Phi đội trưởng, “Hãy cho tôi đi tấn công!”

Cả người được chọn và người không được chọn đều khóc.

Sau buổi hôm đó, 16 người được chọn bắt đầu tập huấn với nhiên liệu hàng không có trị số octan * cao dùng trong thực chiến. *Tập huấn cho cái chết.*

Dù vậy, bọn Takahashi vẫn vững vàng. Được chọn làm cảm tử quân cũng đồng nghĩa với việc nhận bản án tử hình. Thế nhưng trước mặt bọn ta, họ tuyệt đối không nói những điều sợ hãi, cũng không lộ vẻ mặt ảo não, thay vào đó lại hành xử vui vẻ, phấn khởi.

Những điều đó có lẽ không thật lòng, bọn họ chỉ cố tỏ ra như thế vì nghĩ cho bọn ta. Đứng trước cái chết, suy nghĩ chu đáo cho những người ở lại... Họ là những người như thế nào vậy?

Giáo quan của họ là Miyabe, thầy ấy hiển nhiên đã biết việc bọn Takahashi bị chọn làm cảm tử quân.

“Ông ấy thật sự là một người có tâm.” Takahashi đã nói vậy về thầy Miyabe.

Ta hỏi đó là ý gì.

“Ông ấy đau đớn vô cùng khi đào tạo bọn tao. Tao có thể cảm nhận rõ chuyện đó. Cái chết của bọn tao thật đau đớn.”

“Vậy sao?”

“Tao rất đau lòng khi nhìn thấy gương mặt khổ sở của thầy Miyabe.”

Ta kể Takahashi nghe về những lời thầy Miyabe đã nói. Takahashi gật gật đầu. “Ừ... ừ... thầy ấy là người như vậy đấy.”

Sau đó, cậu ấy đã kể câu chuyện thế này.

“Là lời đồn thôi nhưng nghe nói thầy Miyabe đã từng từ chối tham gia tấn công cảm tử tại Bắc Đảo.”

Chuyện đó thật đáng kinh ngạc.

“Tao nghĩ, có lẽ chuyện đó là thật.” Takahashi nói. “Tao kính trọng con người đó.”

Ta đã không thể nói gì khác. Sau đó, Takahashi nói với gương mặt u buồn. “Bọn chúng ta là những kẻ yếu hèn.”

Đầu tháng Năm, nhóm Takahashi cất cánh từ căn cứ Kokubun. Vì số lượng máy bay không đủ nên chỉ có 11 trong số 16 người lái Reisen đi. Dẫn đường là thầy Miyabe.

Trước khi xuất phát, Takahashi đã nói với ta.

“Tao đi nhé!”

Ta chẳng biết nói gì đáp lại.

“Đừng thiếu não thế!” Takahashi mỉm cười rạng rỡ nói, sau đó, cậu ấy chạy về phía đường băng.

Sau này ta mới biết, 11 người đi khi ấy, không đầy một tháng sau toàn bộ đều chết cả.

Thầy Miyabe ở lại cứ địa Kokubun, nhiều lần đảm nhiệm vai trò yểm trợ cho máy bay cảm tử. Ta nghe nói thầy ấy mất trong cuộc tấn công cảm tử ngay trước chiến tranh kết thúc.

Sau đó, ta được phân về căn cứ Gounoike thuộc tỉnh Ibaraki. Tại đó ta trở thành phi công Oka *.

Các cháu biết Oka không? Nó là loại tên lửa đạn đạo do con người điều khiển, không phải máy bay, mà thật sự là một quả bom. Tự Oka không thể cất cánh, hạ cánh, cũng không thể xoay vòng được, nó chỉ có thể lướt thẳng một mạch. Đó là tên lửa được gắn vào máy bay tấn công mặt đất kiểu

1, từ không trung bay thẳng xuống tàu địch. Làm thế nào người ta lại có thể chế tạo thứ vũ khí phi nhân tính đến thế?

Chương trình huấn luyện tại đây chỉ có thuật bổ nhào: từ trên không lao xuống, đâm thẳng vào mục tiêu. Chỉ vậy thôi! Reisen được sử dụng cho tập huấn bổ nhào.

Tập huấn bổ nhào chỉ diễn ra một lần thôi. Vì không có bánh xe dùng cho việc hạ cánh, Oka được gắn đế trượt, nó lao xuống với vận tốc khủng khiếp từ trên cao, bay ngang dần và tiếp đất trên đường băng. Những người tiếp đất thành công sẽ xếp hạng A và được đăng ký làm phi công Oka. Sau đó, họ sẽ bị đưa đến Kyushu.

Những người thất bại trong buổi đào tạo tiếp đất thì sao à? Họ sẽ chết ở đấy!

Có những quả tên lửa không bay ngang được, đâm thẳng xuống mặt đất; có quả lao mạnh qua đường băng, đâm vào đê; có quả đế trượt bị hỏng, ma sát với đường băng rồi bốc cháy; có quả máy phóng tên lửa gặp sự cố, rơi hẫng xuống... Đợt tập huấn đó thật sự quá khủng khiếp!

Ta cũng từng trải qua sự kinh hãi đó. Khi di chuyển từ máy bay mẹ sang Oka, tay chân ta cứng đờ. Sàn chiếc máy bay tấn công mặt đất kiểu 1 vừa mở, ta nhảy vào ghế điều khiển Oka trước áp lực gió thổi muốn bay người. Đương nhiên là không có thiết bị bảo hộ nào. Nếu lúc ấy, xảy ra sự cố gì khiến Oka rơi xuống thì chắc chắn sẽ mất mạng.

Nhưng so với nỗi kinh hãi khi rơi xuống thì điều đó chẳng là gì. Vừa bị cắt rời khỏi máy bay mẹ, Oka rơi xuống khoảng 300 mét với xung lực kinh hoàng. Gia tốc trọng trường * cực mạnh làm máu toàn thân dồn lên đầu như sắp nổ tung, lục phủ ngũ tạng như chực bay ra khỏi mồm. Ta cố hết sức chịu đựng để không bị mất ý thức, dồn sức lực toàn thân kéo cần điều khiển, nâng thân máy bay lên lướt về phía phi trường. Sau đó, càng kéo cao hơn nữa khi đến sát mặt đất, di chuyển theo hướng bay ngang. Với trọng lực lớn quá mức tưởng tượng, ta sa sầm mặt mày, không còn thấy gì phía trước. Có lẽ những người bạn của ta thất bại cũng vì lâm vào cảnh như vậy. Cú va chạm khi Oka tiếp đất khủng khiếp vô cùng, cảm giác như cả

thân xác bị đập xuống mặt đất. Ta đã sống qua 80 năm rồi, nhưng chưa từng trải nghiệm nỗi sợ nào khủng khiếp đến thế.

Chắc hẳn những người thực sự đắm vào tàu địch trong các đợt tấn công tự sát còn ném trái nõi kinh hoàng khủng khiếp hơn nhiều.

Tháng Bảy, ta nhận nhiệm vụ phi công đội Oka, di chuyển đến căn cứ Omura, Nagasaki. Giai đoạn đó, nhóm căn cứ Nam Kyushu như Kagoshima hay Miyazaki bị không kích và mất chức năng căn cứ. Vì thế, nhóm căn cứ đảo Kagishima chỉ được dùng khi xuất kích cho những cuộc tấn công đặc biệt.

Ta nhớ là mình đã gặp thầy Miyabe tại Omura, nhưng không rõ lúc ấy có nói chuyện với thầy hay không. Những chuyện xảy ra vào khoảng thời gian đó chỉ là một dòng ký ức mơ hồ. Sáng nào không thấy tên mình trong bảng phân công nhiệm vụ thì biết mạng sống của mình được kéo dài thêm một ngày. Tuy nhiên, trước khi có lệnh xuất kích thì chiến tranh kết thúc.

Tâm trạng của ta khi chiến tranh kết thúc sao? Chính xác là rất nhẹ nhõm, nhưng đồng thời ta cũng cảm thấy chiến tranh kết thúc quá muộn màng. Ta thấy thật áy náy khi chỉ còn riêng ta sống sót, xót thương cho những đồng đội đã ra đi. Suy nghĩ ấy mãi không biến mất được, đến bây giờ cũng không.

Ông Okabe dứt lời, sự im lặng bao trùm cả căn phòng. Tôi có thể nghe cả tiếng muỗi vo ve.

“Kẻ nghĩ ra Oka không phải là con người!” Chị ghen ngào thốt lên.

Ông Okabe gật đầu không chút lưỡng lự.

“Nghe nói căn cứ Gonoike nơi ta tập huấn bây giờ là công viên Oka. Tại đó còn trưng bày cả những chiếc Oka. Nhưng ta không nghĩ mình còn muốn thấy lại chúng lần nữa.”

“Cháu hiểu.” Tôi đáp.

“Tuy nhiên, ta lại vô tình nhìn thấy chúng tại Viện bảo tàng Smithsonian khi đi Mỹ du lịch 10 năm trước. Chiếc Oka được treo trên trần

nhà. Ta thoáng kinh ngạc. Sau đó, việc làm ta sốc hơn chính là tên gọi họ đặt cho nó. Các cháu có biết là gì không? Là Baka * Bomb.”

“Bakabon?” Chị hỏi lại.

“BAKA BOMB, tức là quả bom ngu ngốc ấy. Dù đang đứng cạnh vợ chồng đứa con trai nhưng ta đã bật khóc thành tiếng. Tức tối, xót xa. Khóc bao nhiêu nước mắt cũng không vơi. Dù vậy, họ nói nó ngu ngốc không sai chút nào. Chiến thuật tấn công cảm tử là chiến dịch ngu ngốc nhất trong lịch sử mà đội quân điên cuồng ấy đã nghĩ ra. Nhưng ta không khóc chỉ vì chuyện ấy. Mà bởi bọn Takahashi đã chết vì chiến thuật ngu ngốc ấy, thật... đáng thương... đáng thương... mà ta không ngăn được nước mắt.”

Mặt ông Okabe đột nhiên rúm lại, nước mắt lăn chã rơi. Nỗi thương xót và phần uất của ông ấy như truyền sang cả tôi. Tôi cũng chịu một cú sốc lớn với từ *ngu ngốc* ấy.

“Nhắc đến đây, mục đích chính của phi đội Thần Sấm là tấn công bằng Oka. Số người chết khi lái Oka là hơn 150 người, nhưng số người chết của toàn phi đội Thần Sấm là hơn 800 người. Tại sao lại như vậy? Đó là vì những thành viên phi đội máy bay tấn công mặt đất kiểu 1 mang Oka cũng tử nạn.”

“Máy bay mẹ cũng bị bắn rơi ạ?”

“Đúng vậy đấy.” Ông Okabe đáp lại câu hỏi của tôi. “Một quả Oka nặng gần 2 tấn. Máy bay tấn công mặt đất kiểu 1 treo theo Oka hầu như không bay nổi, cứ lơ lửng như miếng mồi ngon vậy đó. Tầm bắn Oka xa nhất là 30 cây số. Tuy nhiên, máy bay ném bom ôm Oka phải đột phá qua trận đánh chặn của chiến cơ địch, tiếp cận Hạm đội đối phương với khoảng cách 30 cây số là chuyện hoàn toàn không thể. Kẻ chế tạo ra Oka ắt hẳn chẳng hiểu gì về thực trạng không chiến.”

Ông tức tối nói.

“Đợt không kích Oka đầu tiên diễn ra vào tháng Ba năm 1945. 15 chiếc Oka được chất lên 18 chiếc máy bay ném bom. Toàn đội đã bị máy bay chiến đấu địch bắn rơi. Khi ấy, chỉ huy đội Thần Sấm là Thiếu tá

Nonaka Goro kịch liệt phản đối chiến thuật liều lĩnh này nhưng Đô đốc Ugaki Matome buộc họ phải tác chiến. Dù thiếu tá Nonaka đã yêu cầu phải cho 70 chiếc Reisen yểm trợ nhưng thực tế thì họ chỉ được 30 chiếc bay kèm. Thiếu tá Nonaka không chịu được việc các thuộc cấp của mình phải tiến hành chiến dịch này, nên anh ấy đã tham gia xuất kích với cương vị chỉ huy.”

“Ôi!” Chị bật thốt lên.

“Những người biết đều nói anh ấy là một thượng cấp tuyệt vời. Câu cửa miệng của anh là ‘Anh em, chúng ta cùng tung hoành một trận nào!’ Thiếu tá Nonaka xem trọng cấp dưới từ tận đáy lòng. Đội của anh ấy được gọi là Gia đình Nonaka, anh ấy được nhiều thuộc cấp tôn kính như cha chú.”

“Quả là một người có khí phách!”

“Thiếu tá Nonaka dù không phải tự thân xuất kích cũng đã có lập trường đúng đắn rồi. Thế nhưng, anh ấy quyết đi theo thuộc cấp của mình vì không thể đứng nhìn họ chết. Đồng thời cũng tính dùng mạng sống của mình để chứng minh cho các sỹ quan cấp cao biết đó là một chiến thuật ngu ngốc.”

“Ông ấy đúng là một quân nhân thực thụ.”

“Thế nhưng, dù cả Gia đình Nonaka bị tiêu diệt hoàn toàn, đội Thần Sấm sau đó vẫn tiếp tục xuất kích. Hầu hết đều không thể đến được Hạm đội cơ động địch, máy bay mẹ cũng bị bắn rơi cùng. Cứ thế, toàn bộ phi đội Thần Sấm đã chết cả thảy 800 người.”

“Ông Okabe, sao ông lại chấp nhận tấn công cảm tử?” Chị Keiko hỏi.

“Chấp nhận là sao?”

“Trong cuộc tấn công cảm tử, ông đã thuyết phục bản thân về cái chết của mình như thế nào ạ?”

“Hỏi khó đấy!” Ông Okabe khoanh tay trước ngực.

“Cháu nghĩ một khi đã chấp nhận cái chết thì không thể không có mục đích cao cả vượt qua cái chết ấy. Với ông Okabe mục đích đó là gì ạ?”

Ông Okabe trầm mặc một lúc rồi mở lời.

“Ta đã nghĩ rằng ta sẽ bảo vệ được gia đình bằng cái chết của mình mà vui vẻ hiến dâng sinh mạng.”

“Ông nghĩ có thể bảo vệ gia đình bằng cái chết sao?” ông Okabe lặng lẽ nhìn chị chăm chăm.

“Vậy cháu muốn nói cái chết của các cảm tử quân chẳng có nghĩa lý gì hay sao?”

“Không ạ.”

Chị lắc đầu, vẻ hốt hoảng. Ông Okabe nói tiếp. “Ta kể về chuyện khác một chút có được không?”

“Mỹ là một quốc gia dân chủ, tôn trọng sinh mạng của quốc dân hơn bất cứ đất nước nào. Nước Mỹ ấy trong chiến tranh Thế giới II đã chiến đấu với Đức quốc xã để bảo vệ nền tự do của thế giới. Sau đó, để phá hủy nhà máy vũ khí của Đức, Mỹ đã cho máy bay B17 ném bom vào ban ngày mà không có máy bay chiến đấu yểm trợ. Bởi thời đó Mỹ không có chiếc máy bay chiến đấu nào có tầm hoạt động như thế, hơn nữa, họ ném bom ban ngày vì ban đêm không thể nhắm trúng được nhà máy.”

“Vâng.”

“Tuy nhiên, đây là nhiệm vụ cực kỳ nguy hiểm. B17 gặp phải các đợt đánh chặn dữ dội của không quân Đức, mỗi lượt đều có hơn 40% máy bay không trở về. Nghe nói, không có phi công nào sống sót qua bốn lần xuất kích. Mặc dù vậy, để đánh bại Hitler và Đức quốc xã, quân Mỹ đã không cho dừng các đợt ném bom ban ngày, vẫn dũng cảm đột kích vào không phận Đức. Số phi công B17 tử trận lên đến hơn 5.000 người. Con số này thực sự vượt xa 4.000 người chết vì tấn công cảm tử Thần Phong.”

“Như thế...”

“Đó là chiến tranh. Chúng ta cũng liều mạng mình như các binh sĩ Mỹ, tin tưởng vào chiến thắng của Tổ quốc mà xả thân chiến đấu. Giả như mình có chết mà bảo vệ được Tổ quốc và gia đình thì cái chết đó cũng không vô nghĩa. Chúng ta tin vào điều đó mà chiến đấu. Ta biết những người lớn lên trong nước Nhật hòa bình như các cháu không thể hiểu được. Thế nhưng, chúng ta đã tin tưởng vậy mà chiến đấu đấy. Nếu không, làm sao có thể chết vì tấn công cảm tử. Có thể đi chết mà nghĩ rằng cái chết của

mình vô nghĩa, chẳng có giá trị gì hay sao? Dù thế nào ta cũng không thể nói với những người bạn đã chết của mình rằng ‘Mày chết chẳng có nghĩa lý gì cả.’ ”

Chị Keiko lặng thinh. Cả căn phòng tràn ngập bầu không khí nặng nề. Người phá vỡ sự im lặng là ông Okabe.

“Nhưng dù vậy ta vẫn không đồng ý với việc tấn công cảm tử. Kiên quyết phản đối.” Ông Okabe nói giọng chắc nịch. “Tấn công cảm tử là chiến thuật chỉ có chết chứ không thể sống. Phi công B17 của Mỹ rất nhiều người đã hy sinh nhưng họ có khả năng sống sót trở về, vì thế họ vẫn dũng cảm chiến đấu. Còn thứ chiến lược buộc phải chết thì sao gọi là chiến lược chứ. Chuyện này ta nghe được từ một người sau chiến tranh. Đô đốc Ugaki Matome, Tư lệnh Hạm đội Không chiến Năm, người hô hào toàn quân tấn công cảm tử, sau khi bắt tay từng người, rơi nước mắt khích lệ trước khi đội cảm tử quân xuất phát đã hỏi ‘Bọn bay có câu hỏi gì không?’ Khi đó, một phi công kỳ cựu chiến đấu từ trận Midway đã hỏi ‘Nếu chúng tôi ném bom trúng tàu địch thì có thể quay về không?’ ‘Không thể.’ Đô đốc Ugaki thẳng thắn trả lời.

“Hả?” Tôi bất giác thốt lên.

“Đó là sự thật về tấn công cảm tử. Nó không phải chiến dịch nhằm giành thắng lợi. Tới nửa sau trận Okinawa thì không còn chuyện lựa chọn tình nguyện hay không nữa, mà nó được tiến hành như một mệnh lệnh thông thường.”

KAMIKAZE

Tôi gặp cựu Trung úy Hải quân Takeda Takanori tại khách sạn Shirogane. Vì cuộc nói chuyện này, ông ấy đã cất công đến ở tại khách sạn.

Điều ngạc nhiên rằng ông Takeda đã từng là giám đốc một công ty hàng đầu mà tôi biết, ngay cả chị Keiko cũng từng nghe danh. Ông trở thành học viên phi công dự bị khi đang là sinh viên Đại học Tokyo. Sau chiến tranh, ông quay lại học tiếp. Khi ra trường, ông xây dựng xí nghiệp và là người đi đầu trong việc khôi phục nền kinh tế thời hậu chiến.

Tôi thấy ngạc nhiên vì một nhân vật quan trọng của giới doanh nghiệp lại từng là cựu cảm tử quân, nhưng theo tiểu sử thì thời gian hơn một năm làm lính Hải quân của ông Takeda vô cùng phi thường.

Tôi hẹn Keiko tại sảnh nhưng chị nhắn đến trễ một lát nên tôi gọi điện lên phòng ông Takeda.

“Ta là Takeda.” Một lúc sau ông và vợ đi xuống, chào tôi bằng giọng sang sảng.

Ông Takeda người to lớn, tóc bạc trắng, còn để cả ria trắng, rất lịch lãm. Thật không thể nhận thấy ông đã qua tuổi 80.

“Cháu là Saeki Kentaro, cháu ngoại ông Miyabe Kyuzo ạ.”

Tôi xin lỗi việc chị sẽ đến trễ, sau đó cảm ơn ông vì đã cất công đến ở tại khách sạn. Ông Takeda quay nhìn người vợ mỉm cười nói.

“Không có gì. Vợ chồng ta cũng nhân tiện đi nghỉ thôi mà, lâu rồi không ra khỏi nhà. Vậy chúng ta uống chén trà chờ người đi cùng cậu đến nhé.”

Ba người chúng tôi ngồi vào bàn gọi thức uống xong thì chị đến. Tuy nhiên, không ngờ đi bên cạnh chị là anh Takayama.

“Anh Takayama nhất định muốn nghe chuyện của ông Takeda nên cháu dẫn theo. Anh ấy cùng nghe có được không ạ?”

Ông Takeda không trả lời, quay sang nhìn tôi.

“Khó xử quá chị à. Đây là chuyện riêng, anh Takayama không liên quan.”

Chị Keiko tỏ vẻ khó xử, Nhưng ông Takeda nói.

“Xin thứ lỗi ạ.” Anh Takayama lịch sự cúi đầu và ngồi vào bàn, sau đó trao danh thiếp cho ông Takeda và tự giới thiệu.

“Nhà báo à?” Ông Takeda cầm danh thiếp, nói như cần nhân. Gương mặt thoáng u ám.

“Hôm nay không phải cháu đến lấy tư liệu, chỉ mong ông cho cháu ngồi cùng, tham dự vào câu chuyện riêng tư này.”

Anh Takayama cúi thấp đầu. Ông Takeda im lặng gật đầu.

“Chúng ta sẽ nói chuyện thông thả trên phòng sau.”

Nghe ông Takeda nói thế, chị và anh Takayama bèn gọi người phục vụ, chọn thức uống.

“Tuy nhiên, như đã nói trong điện thoại, ta sẽ không nói chuyện về bản thân ta, về cuộc tấn công cảm tử, chỉ đơn thuần là những ký ức về ông Miyabe Kyuzo thôi.”

Ông Takeda vừa cho sữa vào hồng trà vừa nói.

“Tại sao ông lại không nói về chuyện tấn công cảm tử ạ?” Đột nhiên, anh Takayama lên tiếng. Cháu có mối quan tâm rất lớn về việc ông Takeda từng là cảm tử quân.”

“Ta không phải là cảm tử quân, chỉ là quân nhân dự bị. Cảm tử quân là những người được chọn vào đội tấn công cảm tử.”

“Xin thứ lỗi nếu có quá lời, nhưng cháu nghĩ câu chuyện của những người từng trải nghiệm cuộc tấn công cảm tử như ông Takeda hết sức đáng quý.”

“Ta không muốn nói về chuyện tấn công cảm tử. Đặc biệt là với cậu.”

“Tại sao vậy ạ?”

Ông Takeda thở hắt, nhìn thẳng vào mặt anh Takayama nói. “Bởi vì ta không tin tờ báo của cậu.”

Mặt anh Takayama đỡ ra.

“Tờ báo của cậu sau chiến tranh đã quay phắt lại chối bỏ tất cả những việc trước chiến tranh, đáp ứng thị hiếu đại chúng. Rồi cướp mất lòng yêu nước của người dân.”

“Chúng cháu xác nhận sai lầm trước chiến tranh, phản đối chiến tranh và quân đội. Sau đó, uốn nắn lại lòng yêu nước sai lệch của người dân, vì hòa bình.”

“Ta mong cậu đừng nói ra từ hòa bình nhẹ tênh như thế.”

Mặt anh Takayama biến sắc trước lời nói của ông Takeda. Sau một quãng im lặng nặng nề, anh nói.

“Xin cho cháu hỏi một câu. Cảm tử quân được chọn ra từ những quân nhân dự bị cho đội cảm tử, phải không ạ?”

“Đúng vậy.”

“Quân nhân dự bị ấy đều tự nguyện phải không?”

“Về hình thức thì đúng vậy.”

“Vậy ông Takeda cũng tự nguyện chứ ạ?”

Ông Takeda không trả lời câu ấy, đưa tách hồng trà lên miệng.

“Thế có nghĩa là cả ông cũng có thời là kẻ yêu nước mù quáng phải không?”

Bàn tay cầm tách trà của ông Takeda khựng lại. Anh Takayama không bận tâm, tiếp tục nói.

“Sau khi chiến tranh kết thúc, ông đã trở thành một nhân viên xuất sắc trong công ty, nhưng ngay cả người như ông, cũng có thời từng yêu nước mù quáng. Thời kỳ ấy, tất cả người dân, ngay cả những người như ông, đều bị tẩy não ư?”

Ông Takeda đặt mạnh tách trà lên đĩa, vang thành tiếng. “Ta là một người yêu nước nhưng không bị tẩy não. Cả những đồng đội đã chết của ta cũng vậy.”

“Cháu nghĩ các cảm tử quân nhất thời bị tẩy não. Đó không phải lỗi của họ, mà là lỗi của thời đại, lỗi của quân đội. Tuy nhiên, sau chiến tranh việc tẩy não đó đã được xóa bỏ. Chính vì thế sau chiến tranh, Nhật Bản đã trở thành nước chủ nghĩa dân tộc, đạt được sự phục hồi như thế đó.”

“Ôi trời!” Ông Takeda lẩm bẫm.

“Nói thẳng ra, cháu nghĩ tấn công cảm tử là một dạng khủng bố. Điều đó có thể thấy được qua các di thư họ để lại. Họ nghĩ về lòng tự hào nhiều hơn ca thán về sự hy sinh cho đất nước, tận lực vì quốc gia. Cháu còn đọc thấy trong đó có cả chủ nghĩa anh hùng nữa.”

“Câm ngay!” Bất thành linh ông Takeda quát lớn. Người phục vụ cũng giật mình quay phắt lại. “Đừng có nói như mày biết tất cả. Bọn ta không hề bị tẩy não!”

“Nhưng nếu đọc di thư của các cảm tử quân, tinh thần tử vì đạo rất rõ rệt.”

“Đồ ngu! Mày nghĩ những bức di thư đó là lời thật lòng của các cảm tử quân sao?”

Mặt ông Takeda đỏ rần vì tức giận. Mọi người xung quanh đều nhìn về phía chúng tôi, nhưng ông chẳng quan tâm.

“Nhiều loại giấy viết tay thời đó đều có sự kiểm duyệt của cấp trên, trong số đó đương nhiên có nhật ký và di thư. Những câu chữ phê phán quân đội hay chiến tranh là tuyệt đối cấm. Hơn nữa, cũng không được phép viết những điều nhu nhược không xứng với một quân nhân. Họ đã phải đặt suy nghĩ của mình vào từng dòng từng chữ trong sự quản chế khắt khe đó. Đừng bị lừa bởi những từ yêu nước hay trung thành với quốc gia. Chỉ bởi họ viết vui mừng vì được chết là mày nghĩ thật sự họ vui mừng hay sao? Vậy mà cũng là nhà báo sao? Mày có đầu óc không, có trái tim của một con người không vậy?”

Ông Takeda run lên vì giận. Vợ ông đưa tay đỡ cánh tay chồng. Anh Takayama vươn người tới trước như khiêu chiến, nói tiếp.

“Những người không có ý vui mừng khi chấp nhận cái chết ắt hẳn không cần cất công viết làm gì.”

“Vậy họ phải viết ‘Không muốn chết! Đau khổ quá!’ trong lá thư gửi gia đình à? Mày có biết đọc những dòng đó, cha mẹ họ sẽ đau lòng đến nhường nào không? Biết đứa con trai mình cực khổ nuôi lớn chết trong những suy nghĩ đau đớn đó, họ sẽ bi thương đến mức nào. Khi đối mặt với cái chết, ít nhất họ cũng muốn cho cha mẹ thấy hình ảnh của đứa con trai

chết trong bình thân, mà không hiểu sao?” Ông Takeda vẫn tiếp tục lớn giọng. “Dù không viết những lời thật lòng nhưng gia đình thương yêu vẫn hiểu được tâm trạng của họ, bởi di thư chứa đựng vô vàn suy nghĩ được gói ghém dành cho những người thân. Những người vui mừng vì được chết liệu có thể viết những lá thư ẩn giấu sự yêu thương như vậy sao?”

Ông Takeda rơi nước mắt. Từ này đến giờ người phục vụ vẫn trân trân đứng nhìn.

“Là nhà báo... mà lại không đọc ra được tấm lòng ẩn chứa sau những dòng chữ của người sắp chết, kìm nén tâm trạng rồi bởi để viết về cho gia đình hay sao?”

Trong khi ông Takeda rơi nước mắt thì trên miệng Takayama nở nụ cười lãnh đạm.

“Tôi hiểu các dòng chữ được viết như nó vốn thế. Văn chương thường vậy mà. Có những cảm tử quân viết về ngày xuất kích rằng *Hôm nay là một ngày vui lớn*. Lại có người viết rằng họ vui mừng vì được hiến dâng thân mình cho Thiên hoàng. Các cảm tử quân viết những điều tương tự nhiều vô kể. Về mặt tâm lý, họ giống như những tên khủng bố đánh bom cảm tử vì đạo.”

“Đồ ngu!”

Ông Takeda đập tay xuống bàn, làm chiếc tách va vào thìa kêu lanh canh. Người phục vụ bất giác tiến lên một bước. Từ này đến giờ, những người xung quanh nhìn về phía chúng tôi suốt.

“Khủng bố? Mà ăn nói cho cẩn thận! Đối tượng tàn sát của chúng là những người dân vô tội. Máy bay khủng bố tại New York chẳng phải thế sao? Mà trả lời xem!”

“Đúng vậy. Chính vì thế nên chúng là những tên khủng bố.”

“Mục tiêu của đội cảm tử chúng tao không phải những tòa nhà của người dân vô tội, mà là đám mẩu hạm chất đầy máy bay ném bom và chiến cơ. Mẩu hạm Mỹ đang không kích Tổ quốc chúng ta, nổ súng, ném bom vào dân chúng. Bọn chúng là những người vô tội sao?”

Takayama bỗng cứng họng.

“Mẫu hạm là thứ vũ khí hủy diệt đáng sợ. Cảm tử quân lái máy bay công suất thấp, mang bom nặng nề, lại được ít máy bay yểm trợ, phải vượt qua số lượng gấp bội máy bay chiến đấu của địch. Sau khi thoát qua cảnh ấy lại tằm trong màn pháo đối không khủng khiếp. Tuyệt đối không giống những tên đâm vào tòa trung tâm thương mại không có sự phòng bị kia.”

“Tuy nhiên, riêng điểm vứt bỏ mạng sống vì đức tin, có thể xem là điểm chung...”

“Câm ngay!” Ông Takeda chặn miệng. “Là nhà báo... Mà định về phe chính nghĩa à? Tao luôn nghĩ những kẻ thổi phồng cuộc chiến tranh này chính là đám báo chí. Chiến tranh Nga-Nhật kết thúc, Hòa ước Portsmouth được ký kết nhưng xung quanh các điều kiện hòa giải, nhiều tòa soạn đã bày tỏ sự tức giận, dùng giấy mực tranh luận liệu có thể chấp nhận điều kiện như thế không. Người dân bị báo chí kích động, gây bạo loạn chống chính phủ khắp nơi trên cả nước. Hội trường Hibiyaya bị đốt phá, dinh thự của Komura Jutarō - người ký hòa ước cũng bị thiêu hủy. Chủ trương phản đối chiến tranh là tờ báo quốc gia của Tokutomi Soho. Cả tờ báo quốc gia ấy cũng bị đốt phá.”

“Đó là...” Anh Takayama toan nói nhưng ông Takeda phớt lờ.

“Ta nghĩ những chuỗi sự kiện đó chính là bước ngoặt của Nhật Bản. Sau đó, xảy ra sự kiện ngày 15 tháng Năm *. Các binh sĩ trẻ của quân đội đã ám sát người đứng đầu chính phủ khi chiến tuyến xâm lược được thu hẹp, dần hướng đến việc giải trừ vũ khí. Đó chẳng phải cuộc đảo chính quân sự sao? Vậy mà nhiều tòa soạn xưng tụng chúng như những anh hùng, chủ trương giảm nhẹ hình phạt cho chúng. Bị báo chí kích động, phong trào yêu cầu giảm án lan ra toàn quốc, hơn một triệu thư thỉnh cầu được gửi về tòa án. Rốt cuộc những thành phần chủ mưu được giảm án vô cùng nhẹ. Người ta nói chính sự giảm hình bất thường đó đã dẫn đến biến cố ngày 26 tháng Hai *. Ngay cả bây giờ, những kẻ chủ mưu biến cố đó vẫn được coi là chiến sĩ yêu nước chân chính. Từ đó về sau, không còn ai có thể chống lại các quyết định của quân đội, Nhật Bản mang một màu chủ nghĩa quân phiệt, đến lúc nhận ra điều đó là không nên thì đã quá muộn rồi. Những kẻ biến

quân đội thành con quái thú chính là đảm bảo chí và cả những người dân bị kích động.”

“Đúng là trước chiến tranh các phóng viên đã sai lầm nhưng sau chiến tranh thì không.” Takayama ưỡn ngực nói.

Vợ ông Takeda lại ấn nhẹ tay chồng một lần nữa. Ông Takeda nhìn về phía vợ khẽ gật đầu, sau đó nói tiếp giọng bất mãn.

“Sau chiến tranh, nhiều tờ báo tranh luận, hướng quốc dân vứt bỏ lòng yêu nước. Như thế, yêu nước là một cái tội vậy. Không một quốc gia nào sản sinh ra những nhà văn hóa, chính trị gia bán nước, khinh miệt nước nhà, xu nịnh các quốc gia láng giềng như đất nước này.”

Sau đó, ông nhìn thẳng vào anh Takayama nói rõ ràng từng tiếng.

“Ta không quan tâm tư tưởng chính trị của cậu. Tuy nhiên, hãy ngừng việc bàn luận về đội cảm tử từ quan điểm của hệ tư tưởng ngu xuẩn ấy đi. Người không thể đọc ra nỗi lòng của những cảm tử quân khi quyết chọn cái chết thì không xứng được gọi là phóng viên.”

Trước câu nói của ông Takeda, Takayama ngạo nghễ xoay người. Sau đó, khoan tay nói.

“Dù có tô điểm ra sao thì đa phần các cảm tử quân là những tên khủng bố.”

Ông Takeda nhìn chăm chăm Takayama. Sau đó, lặng lẽ nói.

“Những thằng như mày chỉ giỏi khua môi múa mép. Làm ơn về cho!”

“Tôi biết rồi. Xin chào!”

Anh Takayama vẻ mặt thất vọng, đứng lên. Trong phút chốc, chị Keiko tỏ ra bối rối rồi vội đuổi theo.

“Không về sao?” Ông Takeda hỏi khi thấy tôi vẫn ngồi lại.

“Ông ngoại cháu chết vì tấn công cảm tử.”

“Đúng rồi. Cháu của thầy Miyabe đây mà.”

“Cháu không biết về phút cuối của ông ngoại. Trong nhà cháu cũng không có di thư của ông. Nhưng bây giờ, nghe ông Takeda nói, cháu nghĩ mình đã hiểu đôi phần về nỗi đau của ông ngoại.”

Ông Takeda chậm rãi lắc đầu.

“Nếu không phải là cảm tử quân thì không hiểu nỗi đau của họ đâu. Ta nghĩ rằng giữa quân nhân dự bị như ta và họ lớn như một bờ vực vậy.”

Khi ấy, chị Keiko quay trở lại. “Anh Takayama đã về rồi, cho cháu ngồi lại nghe chuyện có được không ạ?”

“Nếu có lòng muốn nghe thì chẳng hề gì.”

“Có ạ.”

Ông Takeda gật đầu nói. “Chúng ta lên phòng thôi.”

Đây là lần đầu tiên tôi vào phòng Suite một khách sạn cao cấp. Vợ ông Takeda lấy trà trong phòng pha mời chúng tôi.

Ông Takeda lặng lẽ uống trà, dường như cơn kích động trong lòng đã dần lắng xuống. Một lát sau, ông khẽ mở lời.

“Trước khi nói chuyện thầy Miyabe, ta muốn kể chuyện này.”

Sau chiến tranh, cảm tử quân bị khen chê đủ điều. Có lúc được xưng tụng như những bậc anh hùng xả thân vì Tổ quốc nhưng cũng có khi bị bôi nhọ là những kẻ yêu nước mù quáng.

Tuy nhiên, cảm tử quân không phải người hùng, cũng chẳng phải kẻ điên. Họ chỉ là những người chấp nhận cái chết không thể tránh được, muốn để lại cuộc sống gần gũi đó chút ý nghĩa. Ta đã chứng kiến họ suy tư về gia đình, nghĩ về đất nước. Họ không hề ngốc nghếch, bởi họ cũng biết không thể thay đổi cục diện lúc bấy giờ bằng việc tấn công cảm tử.

Họ không phải những binh lính trẻ cuồng tín trong sự kiện ngày 26 tháng Hai. Không chàng trai nào mơ tưởng về một cái chết vinh quang của chủ nghĩa anh hùng. Chắc hẳn cũng có những người tự ép mình vào trạng thái tinh thần đó để chấp nhận cái chết, nhưng giả sử có thể thật, thì ai có thể trách cứ họ chứ.

Các cảm tử quân không vì bị chọn mà trở nên mất kiểm soát. Đương nhiên, cũng không ai kêu khóc khi xuất kích. Phần nhiều trước khi xuất kích đều mang nụ cười trên gương mặt, họ vốn đã giác ngộ từ trước rồi.

Nhiều tử tù vào ngày hành quyết gào khóc vì sợ hãi, có những người không thể đứng mà đi nổi. Dù phải trả giá cho những việc làm sai trái của mình, họ cũng bi đát không thể chấp nhận chuyện đó.

Trong số những người phản đối việc tử hình, có người nói nỗi sợ hãi tâm lý ấy là quá tàn nhẫn. Có lẽ đúng là như vậy. Sau khi bị tuyên án, họ sống trong nỗi sợ hãi ngày hành quyết khi nào sẽ đến. Sự tra tấn kéo dài cho đến ngày đó đúng là nỗi đau đớn cho việc chuộc tội.

Thế nhưng, giây phút quân nhân dự bị được chọn làm cảm tử quân cũng mang tâm trạng giống như vậy. Khi nào có tên trên bảng đen phân chia nhiệm vụ trong phòng chỉ huy thì đó là ngày chết, không có tên thì kéo dài mạng sống thêm một ngày. Không biết khi nào ngày ấy sẽ đến, không thể gặp người thân yêu, việc muốn làm cũng không còn cơ hội. Tương lai chỉ còn vài giờ sẽ chấm hết — điều đó đáng sợ đến thế nào?

Vậy mà họ lại có thể bình thản chấp nhận điều đó. Nhiều người bạn mỉm cười cất cánh trước mắt ta, họ đã phải đấu tranh như thế nào cho đến khi đó. Những người không thể hiểu ngay cả việc đó thì không có tư cách kể chuyện của họ. Ta nói cảm tử quân và quân nhân dự bị hoàn toàn khác nhau là vì vậy.

Hiển nhiên quân nhân dự bị chúng ta cũng nhận thức rằng nếu bị chỉ định làm cảm tử quân, sẽ hy sinh như một người đàn ông. Tuy nhiên, vẫn chênh lệch rất lớn với những cảm tử quân thực thụ.

Nhiều nhà văn hóa và trí thức đã viết phần đông người Nhật trước chiến tranh tin Thiên hoàng là thần linh. Lập luận đó thật ngớ ngẩn, chẳng có ai tin vậy cả. Chẳng phải giới quân phiệt cực hữu cũng không tin vào chuyện đó hay sao?

Ta đã nói rồi, kẻ biến nước Nhật thành một quốc gia thế này chính là bọn nhà báo!

Trước chiến tranh, báo giới lan truyền phát ngôn của Đại bản doanh, mỗi ngày đều hăm hờ viết bài nâng cao tinh thần chiến đấu. Sau chiến tranh, Nhật Bản bị GHQ* của Mỹ chi phối, đám báo chí lại hăm hờ viết bài theo mệnh lệnh của chúng, ca ngợi chủ nghĩa dân tộc. Nhật Bản trước chiến tranh là một quốc gia ngu muội. Chúng viết như thế toàn bộ quốc dân đều không có học thức. Việc coi riêng mình là chính nghĩa, xem thường dân chúng thật đáng khinh bỉ.

Chà, lại lạc đề mất rồi. Đến tuổi này, không tránh được việc cầu nhàu những chuyện như vậy. Chỉ là nhìn anh chàng lúc này, ta chợt nhớ đến bọn sĩ quan trong quân đội ngày ấy. Tin tưởng mù quáng vào tổ chức, không dùng cái đầu để suy nghĩ mà luôn tin những điều mình nghe theo là đúng, vì tổ chức mà tận sức trung thành.

Nhiều kẻ chỉ huy chiến dịch tấn công cảm tử cũng thế. “Không phải chỉ có bọn bay chết đâu. Chính tao cũng nhất định sẽ nổi gót theo sau!” Chúng đã nói như vậy đấy. Nhưng hầu như chẳng có ai nổi gót theo họ cả. Chiến tranh kết thúc, tất cả tỏ vẻ như thể bản thân chẳng có trách nhiệm gì. “Cảm tử quân là tự nguyện. Họ chân thành hiến dâng tính mạng cho Tổ quốc từ tận đáy lòng.” Chúng tâng bốc các cảm tử quân, nhằm tránh né trách nhiệm của mình, hoặc giả để giảm bớt sự dằn vặt lương tâm đi phần nào. Chính vì sự ngụy biện thối phồng của bọn chúng mà việc phán xét, khen chê cảm tử quân mới bắt đầu.

Tuy vậy, Trung tướng Onishi Takijiro người được xem là cha đẻ của việc tấn công cảm tử đã mổ bụng tự sát vào ngày thế chiến kết thúc. Có không ít người coi đó là cái chết anh dũng. *Chết vì nhận trách nhiệm*. Ta lại chẳng nghĩ nó oanh liệt chút nào. Liệu một ông già tự sát có thể lãnh được trách nhiệm về việc cướp đi mạng sống của bao thanh niên trẻ có tiền đồ sao?

Đành rằng chiến dịch đòi hỏi việc cảm tử ở trận Leyte là xác đáng. Nhưng các cuộc tấn công cảm tử từ trận Okinawa trở về sau là hoàn toàn vô nghĩa. Nếu có dũng khí hy sinh tại sao không mổ bụng mà nói: “Dù có đổi mạng mình, cũng phản đối tấn công cảm tử.”

Chiến thuật tấn công cảm tử được cho là do trung tướng Onishi Takijiro đề xuất và tiến hành vào tháng Mười năm 1944 nhưng sự thật có phải vậy không? Bản thân ông ấy gọi tấn công cảm tử là chiến dịch bá đạo.

Hải quân sử dụng các vũ khí tấn công như Kaiten và Oka vào năm cuối thế chiến, nhưng nó được phát triển từ đầu năm 1943. Bất kỳ loại vũ khí mới nào được phát triển cũng phải có chính sách của quân đội. Nếu nói vậy, trung tướng Onishi chắc chắn bị hàm oan. Vậy nhưng cho đến lúc chết,

trung tướng Onishi vẫn không biện minh gì về chuyện này. E là ông ấy đã chết vì bảo vệ cho nhiều người. Nếu thực vậy, ta mong ông ấy che giấu cho những người trẻ tuổi.

Nhắc đến Kaiten, nó là quả ngư lôi sống. Ngư lôi hiện đại bây giờ do máy tính điều khiển, dù tàu địch có chạy trốn, nó vẫn bám đuôi chính xác, vẫn có thể bắn trúng đích, còn Kaiten thì nhiệm vụ đó sẽ giao cho con người. Chắc chẳng có quân đội quốc gia nào nghĩ ra được chuyện như thế đâu nhỉ.

Tuy nhiên, đối với Hải quân có lẽ nền tảng tấn công cảm tử đã có từ thuở ban đầu. Trong trận Trân Châu Cảng mở đầu cho cuộc chiến, cũng đã có chuyện những chiếc tàu ngầm Ko-hyoteki tấn công cảm tử.

Ko-hyoteki là loại tàu ngầm đặc biệt do hai người điều khiển. Trong đợt tấn công Trân Châu Cảng, Hải quân đã cho lắp đặt Ko-hyoteki vào tàu ngầm mẹ, đưa đến gần biển Hawaii, cho lao vào cảng Trân Châu. Nhưng tàu ngầm loại nhỏ không thể phá vỡ hàng cảnh giới nghiêm ngặt của cảng quân sự Mỹ. Dù có thể thành công, thì thoát ra ngoài chờ tàu ngầm thu về là điều không thể. Tóm lại, nó cũng không khác gì đội tấn công cảm tử. 10 chiến sĩ tàu Ko-hyoteki đã xuất kích mà không mong có thể sống sót quay trở về. Có thể nói chuyện xảy ra khi đó đã hứa hẹn cho việc tấn công cảm tử sau này.

Chuyện ngoài lề thôi, nhưng khi ấy có một chiếc mắc kẹt tại cửa vịnh, một người đã bị bắt làm tù binh. Đại bản doanh rầm rộ tán dương 9 chiến sĩ hy sinh và bỏ qua sự tồn tại của người bị bắt và còn sống là thiếu úy Sakamaki. Tuy nhiên, chẳng bao lâu tên của thiếu úy Sakamaki lộ ra ngoài, nhà của anh ấy bị ném đá, các bức thư quấy nhiễu đầy những lời lẽ như “Đồ phản động,” “Sao không tự sát?” từ khắp cả nước đổ tới.

Tàu của thiếu úy Sakamaki bị hỏng la bàn con quay hồi chuyển, thứ tuyệt đối cần thiết cho việc di chuyển *. Cũng vì vậy mà Thiếu úy không thể lái tàu, lạc mất vị trí và bị mắc cạn. Đồng đội đi cùng đã chết. Nghe nói ngược với thiếu úy Sakamaki, 9 chiến sĩ đã hy sinh kia, dân làng và trẻ con xếp hàng xưng tụng họ như anh hùng. Vậy mà sau chiến tranh, lại quay

phất trở thành tội phạm chiến tranh, bị dân trong làng nhìn bằng ánh mắt lạnh nhạt. Không gì đau lòng bằng giai đoạn ấy.

Những biến cố và con người liên quan đến tấn công cảm tử nhiều vô số, nhưng dù thế nào ta cũng không thể tha thứ cho Đô đốc Hạm đội Không quân Năm Ugaki Matome. Ugaki sau khi biết chiến tranh sẽ kết thúc, đã tìm chỗ chết cho mình, ông ta dẫn theo 17 thuộc cấp đi tấn công cảm tử. Cha của đại úy Nakaturu, một trong những người bị dẫn theo đã nói rằng, “Nếu muốn chết, ông ấy chết một mình đi.” Quả đúng vậy.

Tuy nhiên, có cả những người ta không thể quên. Đó là thiếu tá Minobe Tadashi, người kiên quyết phản đối tấn công cảm tử.

Thiếu tá Minobe là người đã phản đối thẳng thắn phương châm “Toàn lực tấn công tự sát” do tham mưu trưởng thông báo trong hội nghị tác chiến mặt trận Okinawa của Hạm đội Liên hợp được tổ chức tại Kisarazu với sự tham gia của hơn 80 chỉ huy.

Quân lính bị áp đặt rằng “Lệnh của cấp trên là lệnh của Thượng Đế.” Với tội kháng lệnh nếu bị đưa ra Tòa án quân sự có thể sẽ bị tử hình. Vậy mà thiếu tá Minobe đánh cược bằng tính mạng mình, mạnh dạn phản đối. Không những vậy còn hỏi ngược lại vị thượng cấp rằng, “Đưa các máy bay luyện tập ra tấn công cảm tử là điều vô cùng khủng khiếp. Nếu các vị nghĩ tôi nói láo thì có thể leo lên máy bay tập luyện thử tấn công đi. Tôi sẽ bắn rơi toàn bộ bằng Reisen.”

Khi biết được những lời thiếu tá Minobe đã nói, ta khâm phục từ tận đáy lòng, không ngờ trong Hải quân Đế quốc cũng có vị chỉ huy dũng cảm đến thế. Nếu trong hội nghị ngày ấy có nhiều người như thiếu tá Minobe thì cuộc tấn công cảm tử Okinawa không chừng đã không xảy ra.

Tên của thiếu tá Minobe Tadashi không được nhiều người Nhật biết đến là thiếu sót của nghề làm báo.

Tại sao anh ấy lại không được biết đến? Ta nghĩ đó là do quá trình hoạt động của anh ấy sau chiến tranh. Thiếu tá Minobe sau chiến tranh là sĩ quan của Lực lượng tự vệ. Các phóng viên tiến bộ nghĩ xấu về Lực lượng tự vệ ắt chẳng tán dương sĩ quan của họ đâu phải không? Thêm một điều

nữa, Minobe không hoàn toàn chối bỏ tấn công cảm tử. Sau chiến tranh, anh ấy từng bày tỏ rằng, “Khi không còn biện pháp tấn công nào hiệu quả ngoài tấn công cảm tử thì cũng đành phải chọn cách đó.” Dù vậy, thiếu tá Minobe đã không cho bất cứ máy bay nào trong đội của mình tham gia cảm tử.

Minobe mới chính là một người Nhật có bản lĩnh thật sự. Anh ấy được đánh giá cao tại hải ngoại hơn là ở Nhật. Thật đáng tiếc. Ta nghĩ đó là người chúng ta không nên cho vào quên lãng.

Thiếu tá Shido Saburo cũng là một chỉ huy chiến đấu cơ anh dũng. Shido Saburo là vị chỉ huy 13 chiếc Reisen trình diễn màn mở đầu ngoạn mục tại Trung Hoa đại lục. Sau đó, anh chiến đấu tại Rabaul rồi chuyển về Mariana và Leyte. Năm cuối thế chiến thì trở thành Phi đội trưởng phi đội 203 của Kagoshima. Thế nhưng trước sự kêu gọi toàn quân tấn công cảm tử của cấp trên, một chiếc anh ấy cũng không cho tham gia.

Thiếu tá Okajima Kiyokuma thuộc phi đội chiến đấu 303 cũng kiên quyết từ chối đưa máy bay tấn công đi tự sát, dù bị Bộ tư lệnh tuyên bố là kẻ phản quốc. Trong số các sĩ quan xuất thân từ trường Quân sự Hải quân cũng có những người bản lĩnh như thế đó. Tiếc là số lượng ấy quá nhỏ nhoi.

Chúng ta nói chuyện về thầy Miyabe nào!

Thầy ấy là một giáo quan tuyệt vời, được nhiều học viên dự bị ngưỡng mộ. Cung cách tử tế, giọng điệu lễ độ, hoàn toàn không giống các quân nhân. Tuy vậy, cả người thầy toát lên một uy lực gì đó rất khó diễn tả. Bọn ta bàn tán rằng đó là chính là sự chuyên nghiệp.

Chúng ta không được huấn luyện không chiến. Bởi vì các học viên dự bị đều là phi công tấn công cảm tử.

Chúng ta bị bắt viết đơn tình nguyện tham gia tấn công vào ngày cuối của khóa đào tạo. Đó là một mệnh lệnh mang hình thức đơn xin tự nguyện. Chính vì thế mà các cảm tử quân bị những người ban lệnh nói rằng ‘Bọn chúng tham gia tấn công là do ý nguyện của bản thân.’ Và sau sáu mươi năm vẫn tiếp tục bị những người như anh chàng vừa rồi phán xét đấy. Ta

bảo đảm với các cháu. Tấn công cảm tử đều làm theo mệnh lệnh, từ một bộ phận nhỏ ngoại lệ.

Dù kết thúc giai đoạn học viên phi hành và nhiệm chức Thiếu úy nhưng bọn ta chưa được bố trí thực chiến mà tiếp tục tham gia tập huấn điều khiển. Khoảng thời gian đó, vì nhiên liệu bay không có nên học viên hầu như không được bay, tốt nghiệp chỉ là hình thức thôi.

Thứ chúng ta được lái trong khóa tập huấn là những chiếc máy bay huấn luyện cánh kép “Chuồn chuồn đỏ” hay những chiếc máy bay tiêm kích trên mẫu hạm kiểu 96 đời cũ. Những chiếc máy bay huấn luyện đó bay bằng xăng thô, dầu thông hoặc cồn ethyl. Sau này ta nghe nói, ngay cả máy bay thực chiến cũng không được sử dụng xăng hàng không chuyên dụng có chỉ số octan cao.

Đây là chuyện ngoài lề thôi. Sau chiến tranh, khi quân Mỹ kiểm tra tính năng của các chiến đấu cơ Nhật Bản, họ cho xăng có chỉ số octan của Mỹ vào máy bay tiêm kích loại 4 * của Lục quân thì tính năng của nó còn vượt cả chiếc mustang P51. P51 được cho là máy bay chiến đấu mạnh nhất trong chiến tranh Thế giới thứ hai. Khi nghe chuyện đó, ta đã nghĩ chiến tranh thật sự là một cuộc đọ sức toàn diện. Dù có một hay hai điểm vượt trội cũng chẳng làm nên trò trống gì.

Mặc dù vậy, bọn ta vẫn cố gắng, nguyện dùng chút sức lực nhỏ bé của mình, dâng hiến thân mình để bảo vệ đất nước. Suy nghĩ đó là của kẻ yêu nước mù quáng sao?

Sau khi trở thành quân nhân dự bị cho đội cảm tử quân, ta được lái Reisen trong khóa huấn luyện và bất ngờ vì tính năng tuyệt vời của nó khác xa các loại máy bay tập huấn. Đây là chiếc Reisen đã bắn máy bay Mỹ rơi rụng sao? Chỉ ngồi vào ghế điều khiển thôi cũng đã ngập tràn cảm xúc rồi.

Tuy nhiên, bài tập huấn của bọn ta là bố nhào bằng Reisen. Đó là bài tập huấn cho tấn công cảm tử, bài tập cho cái chết. Mang bom, tìm tàu địch và đâm vào. Dù vậy chúng ta vẫn tham gia huấn luyện một cách nghiêm túc. Tại sao ư? Con người là vậy mà phải không?

Một hôm, ta nghĩ mình đã thể hiện khá tốt trong buổi tập bay nâng đầu máy bay sau khi bổ nhào. Khi buổi tập kết thúc, ta đã nói với thầy Miyabe tại phi trường.

“Hôm nay tôi làm khá lắm phải không?”

“Cậu làm tôi ngạc nhiên đấy. Làm rất tốt!” Thầy Miyabe cười nói.

“Thật chứ?”

“Thật! Không phải nịnh đâu. Không riêng cậu mà tất cả mọi người đều rất xuất sắc. Tôi hiểu vì sao Hải quân lại chọn nhiều sinh viên cho việc lái máy bay. Nhưng mà...” Nụ cười trên gương mặt thầy Miyabe tắt lịm. “Những người thể hiện tốt sẽ bị đưa ra chiến trường trước tiên.”

Ta hiểu ngụ ý câu nói đó. Ra chiến trường có nghĩa là tấn công cảm tử. Thầy Miyabe nói tiếp.

“Đối với tôi, các bài huấn luyện bay là luyện để sống sót. Làm sao để bắn địch, làm sao để tránh khỏi địch. Nhưng với các cậu thì khác. Các cậu được đào tạo để chết. Hơn nữa, lại tuân tự bắt đầu từ những người giỏi. Vì thế, cứ dở hoài lại tốt hơn.”

Ta không biết phải trả lời thầy thế nào.

“Tất cả các cậu đều là những người cần thiết cho nước Nhật, rất cần, rất cần sau khi chiến tranh kết thúc.” Thầy nói rất rõ ràng.

Thế nhưng bây giờ ta tin, chính thầy Miyabe mới là người cần thiết cho Nhật Bản. Chính thầy ấy mới là người không nên chết.

“Chiến tranh sẽ kết thúc sao?”

“Sẽ kết thúc.”

“Chúng ta sẽ thắng chứ?”

Thầy Miyabe cười. Đó là một nụ cười buồn.

“Điều đó thì tôi không biết.” Thầy nói. “Tôi đã chiến đấu trên Thái Bình Dương với quân Mỹ từ sau trận Trân Châu Cảng. Quân lực của họ rất đáng sợ.”

“Về số lượng ư?”

“Không chỉ số lượng mà tất cả đều hơn hẳn chúng ta.”

“Vậy còn những chiếc Reisen tuyệt vời thì sao?”

“Thời khai chiến, nó là chiếc chiến cơ vô địch. Tôi từng nghĩ rằng chỉ cần ngồi trên nó thì chắc chắn sẽ không thua. Tuy nhiên, từ nửa sau năm 1943, Mỹ đã tung ra các chiến đấu cơ có tính năng vượt hơn hẳn Reisen là Grumman F6F và Sikorsky.”

Những lời nói ấy thật bàng hoàng. Cho đến lúc đó, chúng ta vẫn được dạy Reisen là máy bay chiến đấu mạnh nhất thế giới, đã bắn rơi vô số máy bay Mỹ.

“Reisen đã chiến đấu quá lâu rồi!” Thầy Miyabe nói. “Nó đã chiến đấu liên tục trên tuyến đầu suốt năm năm từ chiến tranh Trung-Nhật. Dù đã được cải tiến nhiều lần nhưng không có tính năng nào vượt trội. Điều đáng buồn với Reisen là không phát triển được thế hệ máy bay tiếp nối. Reisen khi xưa là một chiến binh vô địch còn bây giờ... đã là một người lính già rồi!”

Ta như thấy hình ảnh chiếc Reisen mà thầy Miyabe vừa nói trùng khớp với bản thân thầy ấy. Có phải chính Reisen là một hình ảnh khác của thầy Miyabe không?

Dù trong lúc chiến cuộc ngày càng chuyển biến xấu, chúng ta vẫn cố gắng tập huấn hằng ngày. Dù là tập huấn nhưng cũng nguy hiểm đến tính mạng, chỉ cần sai sót một bước trong màn bố nhào là có thể dẫn đến cái chết. Thực tế đã có nhiều học viên chết trong buổi tập bay ấy.

Người bạn thân chí cốt của ta cũng vì thế mà chết. Ito thất bại trong việc nâng đầu phi cơ tại buổi tập bố nhào và cứ thế đâm thẳng xuống đất. Cậu ấy là một chàng trai vui vẻ, được mọi người yêu mến, giỏi thơ Dodoitsu *. Sau những buổi tập huấn cực khổ, cậu ấy lại dùng chất giọng trời phú của mình khiến mọi người vui vẻ. Chàng trai ấy đã chết ngay trước mắt ta. Không có cú sốc nào hơn thế.

Giáo quan khi ấy là thầy Miyabe. Thầy từ máy bay bước xuống, mặt xanh xao. Đêm đó, toàn bộ học viên dự bị được gọi tập trung thành hàng. Một Trung úy xuất thân từ trường quân sự kích động quát tháo.

“Tao nghĩ chuyện xảy ra ngày hôm nay bọn mày đã biết rồi.”

Bọn ta đã nghĩ vị trung úy sẽ nói những lời tiếc thương với Ito. Nhưng những lời phát ra từ miệng hẳn thật quá sức tưởng tượng. “Sĩ quan dự bị đã chết không có đủ tinh thần. Không thể chiến đấu ngoài chiến trường với trạng thái như thế được!”

Trung úy quát như hét lên, quát đầu gờm xuống sàn. Vì truyện của Ito mà cất công gọi các sĩ quan dự bị tập trung để miệt thị.

“Những kẻ mất mạng trong các buổi huấn luyện không xứng đáng được gọi là quân nhân. Làm sao có thể làm tổn thất các chiến cơ quý giá như thế! Bọn bay, đừng bao giờ lặp lại chuyện đó lần thứ hai!”

Bọn ta bất mãn đến độ ruột gan cháy bỏng, đổ lệ trong lòng. Chiến tranh là đây ư? Quân đội là đây ư? Nơi đây sinh mạng con người còn bị xem nhẹ hơn một chiếc máy bay.

“Trung úy!” Khi ấy, ta nghe tiếng của thầy Miyabe. “Thiếu úy Ito đã mất là một chàng trai bản lĩnh. Không phải là người không có tư chất quân nhân.”

Không khí lúc bấy giờ đặc quánh như đóng băng. Mặt tên trung úy biến sắc, run lên bần bật vì tức giận.

“Mày!”

Tên trung úy từ trên lao xuống, đâm thẳng vào mặt thầy Miyabe. Gã đâm liên tục không ngơi tay. Máu từ mũi và miệng phun ra nhưng thầy không ngã.

Trung úy thấp người, dù hẳn có đánh hết sức thì thầy Miyabe cũng không thể ngã. Không những thế, còn như đứng từ trên nhìn xuống tên trung úy.

“Thiếu úy Ito là một chàng trai đầy khí phách!”

Thầy Miyabe không chịu thua, lớn tiếng đáp lại khiến toàn thân hẳn bắt đầu run lên.

“Sĩ quan đặc vụ mà dám xất láo!”

Tên trung úy nói, tiếp tục đâm đá. Được một lúc rồi quay lưng bỏ về phía doanh trại. Phi đội trưởng thoáng bối rối cho giải tán.

Vết thương trên mặt thầy Miyabe rất trầm trọng. Mũi rách, cả trên mắt cũng chảy máu. Tất cả bọn ta đều hết lòng cảm phục, thầm cảm ơn thầy

Miyabe đã bảo vệ danh dự cho Ito. Khi ấy ta đã nghĩ, nếu tham gia tấn công mà có thể bảo vệ con người này ta cũng bằng lòng.

Tâm trạng đó không phải chỉ của riêng ta. Thực tế đã có người liều mạng bảo vệ thầy Miyabe.

Chuyện đó xảy ra không lâu sau khi Ito qua đời. Thầy Miyabe dẫn ba học viên dự bị tập bổ nhào. Khi đó, phía sau thầy Miyabe bốn chiếc Sikorsky từ đám mây tiến ra công kích.

Không có tín hiệu cảnh báo. Có lẽ đó là lực lượng máy bay trinh sát đến từ mẫu hạm gần biển. Khi lực lượng canh phòng phát hiện ra thì chúng đã tiến xuống cao độ khá thấp. Thầy Miyabe lại hoàn toàn sơ ý, không phát hiện máy bay địch. Thầy đang bay bảo vệ các phi cơ của sĩ quan dự bị tập bổ nhào. Đám Sikorsky từ từ tiến đến thu hẹp khoảng cách. Chúng ta dùng hết sức kêu gào nhưng chắc chắn thầy Miyabe không thể nghe thấy.

Đúng lúc ấy, chiếc Reisen của học viên dự bị đã hoàn thành bài bổ nhào, bay ngược lên đâm bổ vào giữa phi cơ của thầy Miyabe và chiếc Sikorsky. Vì máy bay của sĩ quan dự bị không được trang bị đạn súng nên không thể bắn được kẻ thù. Dù thế, cậu ấy một lòng muốn cứu thầy Miyabe nên đã liều mình bay bổ vào máy bay địch.

2 trong 4 chiếc Sikorsky không bận tâm, vẫn tiếp tục bám theo thầy Miyabe. Chiếc dẫn đầu nổ súng. Khoảnh khắc ấy, thầy Miyabe đã nhận ra, cho phi cơ trượt đi nhưng dường như đã muộn.

Thế nhưng khi Reisen của sĩ quan dự bị nhắm Sikorsky đâm thẳng vào thì 2 chiếc chiến cơ địch né ra, một chiếc cứ thế bay thẳng lên. Đó là quyết định sai lầm chết người! Từ phía dưới, máy bay thầy Miyabe nổ súng khiến nó bốc cháy trong phút chốc.

Một chiếc Sikorsky sau khi xoay vòng định bay lên trên trốn thoát nhưng thầy Miyabe đã bắt được vị trí cao độ. Vì đây là cuộc chiến tầm thấp nên địch không thể dùng thuật bổ nhào trốn thoát đặc trưng.

Máy bay địch đảo chiều, quay về hướng máy bay thầy Miyabe. Hai chiếc bay ngược chiều nhau, máy bay địch nghiêng thân máy và rơi xuống, cũng chẳng nhảy dù ra, e là đã bị bắn trực diện vào ghế điều khiển. Hai

chiếc Sikorsky rút lui lên cao, hoặc giả là dụ ta bay lên, nhưng thầy Miyabe không đuổi theo bọn chúng.

Thầy Miyabe tập hợp các máy bay học viên dự bị trên không, bản thân thầy thì bay lên cao, canh chừng khoảng mười phút. Sau đó, cho bọn họ hạ cánh.

Thầy Miyabe đáp xuống sau cùng. Ta nhìn chiếc máy bay đó mà rùng mình, hai cánh và bụng máy bay lõ chỗ như tổ ong. Sau đó kiểm tra thấy, có cả vết đạn cách thủng nhiên liệu bên trong cánh chỉ chừng một centimet. Nếu trúng vào thùng nhiên liệu đó chắc chắn máy bay của thầy Miyabe sẽ phát nổ.

“Sơ suất quá!” Giọng thầy run run, gương mặt tái mét. “Ai là người vừa cứu tôi?”

Sĩ quan dự bị đã cứu thầy Miyabe bị trúng đạn vào thẳng ghế điều khiển, kính chắn gió vỡ bay từng mảnh, đồng hồ đo cũng nhảy loạn xạ. Bản thân phi công cũng bị trúng đạn, giữ được mạng đúng là kỳ tích.

Thầy chạy theo cậu ấy, đang được chuyển đi bằng băng ca.

“Cậu làm trò ngu ngốc gì vậy hả?”

Sĩ quan dự bị đó nằm liệt trên băng ca, ngẩng gương mặt đầy máu lên hỏi.

“Thầy không sao chứ?”

“Sao cậu lại hành xử liều lĩnh như vậy?”

“Thầy là người cần thiết cho đất nước này. Thầy không thể chết!”

Khi nghe câu nói đó, lòng ta bồi hồi cảm xúc. Cậu ấy đã truyền đạt được sâu sắc tình cảm của mình. Chắc hẳn cậu ấy đã nghĩ, vì thầy Miyabe, dù chết cũng cam lòng. Và ta cũng có cùng một tâm trạng ấy.

Dù bị bất ngờ vậy, kỹ thuật không chiến của thầy Miyabe có thể gói gọn trong từ “Tuyệt hảo!” Thầy đã bắn hai chiếc Sikorsky vượt xa về tính năng trong tích tắc, quả là viên ngọc quý của Hải quân Nhật Bản.

Vậy mà, Hải quân cũng không để cho người như thầy được sống. Thầy Miyabe sau đó dẫn vài sĩ quan dự bị di chuyển đến căn cứ Kyushu. Nghe nói toàn bộ các sĩ quan dự bị bay đến Kyushu khi ấy đều hy sinh vì tấn công cảm tử. Sau đó, ta cũng nhanh chóng được lệnh đến Kyushu.

Nơi ta đến là cứ địa Kokubun ở Kagoshima. Ta đã nghĩ những ngày cuối đời của mình sắp kết thúc rồi, thế nhưng lệnh tấn công chưa được ban ra ngay. Những chiếc Reisen bọn ta mang đến, được các cảm tử quân khác lái đi tấn công.

Giai đoạn đó, máy bay tấn công cảm tử từ Kokubun xuất kích gần như mỗi ngày. Ta đã tiễn đưa nhiều người bạn và nghĩ tiếp theo sẽ tới lượt mình. Ta còn viết di thư để lại cho cha mẹ. Trước khi ra đi, ta ước ao cháy bỏng được gặp lại họ dù chỉ một lần, nhưng e rằng không thể thực hiện được.

Sau khi trận Okinawa kết thúc, căn cứ Kokubun nhiều lần bị quân Mỹ không kích. Với các trận ném bom và bắn phá mặt đất, nhiều máy bay đã bị phá hỏng. Nhiều người, bao gồm cả ta được lệnh chuyển đến Phi đội Usa tại Oita.

Khi vừa bước ra khỏi căn cứ thì ta bị một đôi vợ chồng già gọi lại. Họ hỏi thăm tin tức của con trai là một học viên dự bị nọ. Người thiếu úy ấy, cách đó vài hôm đã tham gia tấn công cảm tử. Khi nghe ta thuật lại vậy, người đàn ông cúi đầu lặng lẽ, còn người phụ nữ ngồi sụp xuống đất.

“Vừa nghe tin nó ở Kokubun, chúng tôi liền đến đây ngay nhưng đã không kịp rồi.” Người cha thất vọng nói.

“Cậu ấy rất vững vàng, còn mỉm cười trước khi xuất kích, rồi cất cánh bay đi như một nam tử hán.”

“Cám ơn cậu. Nghe thế chúng tôi đã yên tâm rồi.”

Người cha nói thế rồi cúi thấp đầu. Người mẹ ngồi sụp cất lên những tiếng thốn thức.

“Nó là con một.”

Ông ấy lẩm bẩm sau đó ôm lấy người vợ, đỡ bà đứng dậy, chào ta một lần nữa và rời khỏi căn cứ.

Đó là cảnh tượng không hiếm gặp ở Kokubun.

Các cảm tử quân bị cấm thông báo cho gia đình biết việc xuất kích. Những người bạn còn sống sẽ nhờ người bên ngoài căn cứ chuyển thư thông báo về cho gia đình. Nhưng đến kịp trước khi xuất kích là chuyện hy

hữu, nhiều người thân đến sau khi xuất kích và rời khỏi căn cứ cùng nỗi bi thương.

Tại căn cứ, ta cũng thấy những phụ nữ trẻ được thông báo về cái chết của chồng mình. Và cả ở Kokubun lẫn Usa nữa. Có những người vì quá đau buồn và sốc nên không thể đứng vững. Nhìn họ ta thầm nghĩ việc mình chưa kết hôn quả là may mắn. Thế nhưng, cùng lúc đó ta lại thấy thương bản thân mình đến lúc chết vẫn không biết người phụ nữ mình yêu là ai.

Tại Usa ta vẫn là quân nhân dự bị. Tâm trạng khi ấy ta chẳng còn nhớ rõ. Có lẽ rằng sợ hãi. Thế nhưng nỗi đau đớn khi đưa tiễn bạn bè của mình, có muốn chắc cũng không thể quên được.

Ở Kokubun hay Usa ta đều không gặp được thầy Miyabe.

Một khoảng lặng ngắn sau những lời của ông Takeda. Người mở lời trước là vợ ông.

“Đây là lần đầu tiên ông kể về tấn công cảm tử.”

Trước câu nói của vợ, ông Takeda gật đầu.

“Tôi đã không kể với bất cứ ai về chuyện tấn công cảm tử. Vì tôi nghĩ, dù có kể với ai họ cũng sẽ không hiểu được.”

“Ông cũng nghĩ tôi như vậy à?”

Ông Takeda lắc đầu.

“Nhiều lần tôi đã định nhưng mãi vẫn chưa nói được. Một mặt, tôi muốn người khác hiểu về nỗi đau của tôi, nhưng riêng bà, tôi không muốn bà biết điều đó.”

“Tôi cũng có một chuyện đến giờ vẫn chưa nói với ông.” Vợ ông Takeda nhìn vào mắt chồng. “Tôi và ông quen nhau tại nơi làm việc và kết hôn vào năm 1950. Tôi từng nghe bàn tán rằng ông là cảm tử quân nhưng tôi hoàn toàn không thể tưởng tượng được chuyện đó. Bởi tại nơi làm việc ông lúc nào cũng vui vẻ, cười nói.”

Ông Takeda gật đầu.

“Trước khi cưới ông cũng không hề nói về chuyện đội cảm tử quân. Thế nhưng khi đã thành vợ thành chồng tôi đã rất kinh ngạc. Mỗi đêm ông đều mơ thấy ác mộng bật lên những tiếng kêu đau đớn. Đó là vẻ mặt đáng sợ mà ban ngày tôi chưa từng thấy. Khi ấy, tôi đã nghĩ con người này đã

gặp những chuyện đau đớn đến thế nào đây, và tôi không cầm được nước mắt.”

“Tôi đã không biết...” Ông Takeda nói. “Sao bà không nói với tôi?”

“Nói cũng để làm gì chứ? Tôi cũng không thể gánh giúp ông nỗi đau ấy. Khi con trai đầu của chúng ta học trung học, cuối cùng những cơn ác mộng đêm đã biến mất. Nhìn gương mặt bình yên của ông trong giấc ngủ, tôi nghĩ cuối cùng ông cũng thoát khỏi chiến tranh và trở về.”

Ông Takeda khẽ nói cảm ơn rồi đặt tay mình lên tay vợ.

Lúc từ biệt, ông Takeda đã nói.

“Thầy Miyabe là một người đầy khí phách. Tuy chỉ tiếp xúc chưa đầy vài tháng nhưng ta thấy thầy ấy thực sự là một người tuyệt vời.”

“Cảm ơn ông.”

“Chính thầy ấy mới là người phải sống.”

“Cháu rất vui vì câu nói ấy.”

Mặt ông Takeda hơi đanh lại.

“Khi thầy Miyabe sắp leo lên Reisen bay đến Kyushu, ta đã nói ‘Thầy bảo trọng nhé.’ Lập tức thầy bảo ‘Tôi tuyệt đối sẽ không chết’ với gương mặt nghiêm nghị, trong mắt thầy tràn đầy ý niệm sống mãnh liệt. Ta đã nghĩ con người ấy tuyệt đối sẽ không chết.”

“Dù vậy, chiến tranh cũng không tha cho ông ngoại cháu.”

“Không phải chiến tranh.” Chị nói. “Ông ngoại đã bị Hải quân giết chết.”

Ông Takeda gật đầu.

“Đúng như cháu nói, có lẽ người giết thầy ấy chính là Hải quân.”

QUỶ ALULA

“Định mệnh của hãn là phải chết.” Cựu thượng đẳng binh tào Không lực Hải quân, Kageura Kaizan nhìn thẳng vào mắt tôi nói. “Tao biết hãn muốn sống sót trong cuộc chiến ấy nhưng tự hãn đã đập tắt ước vọng đó.”

Ngược tôi đánh trống dữ dội, cố gắng nắm bắt cảm xúc của ông Kageura nhưng gương mặt ông không chút biểu cảm.

Ông Kageura vốn từng là Yakuza *. Nhà ông nằm trên một khu phố yên tĩnh tại Nakano nhưng trên cổng không có bảng tên, các bức tường xung quanh được gắn máy chống trộm. Dù ông ta đã lui về nghỉ ngơi rồi nhưng tôi cũng có chút do dự khi đến viếng thăm. Chị Keiko muốn đi cùng, nhưng tôi không định đưa chị đến nơi ở của người từng có tiền án giết người.

Chuông reo, một thanh niên đầu trọc tiến ra. Gã nói năng rất nhã nhặn nhưng ánh mắt vô cùng sắc bén. Sau khi báo danh tính và lý do đến thăm, gã lịch sự dẫn tôi vào phòng khách.

Gian phòng khách không hào nhoáng nhưng tôi nhận thấy tường và trần được làm bằng vật liệu loại tốt. Nội thất tối giản gần như không có.

Ông Kageura hình như đã 79, tóc đã thưa nhưng da dẻ và dáng điệu thì chỉ như 60 tuổi thôi vậy.

Gã đón tôi ở sảnh luôn đứng phía sau ông. Có lẽ là vệ sĩ.

“Mày là cháu của Miyabe sao?” Ông Kageura nói, miệng không nở nụ cười. Giọng nói trầm, nhẹ nhưng đầy uy lực.

Dù hơi bị áp đảo về tinh thần, tôi vẫn lặp lại mục đích đến thăm lần này một lần nữa. Sau khi nghe hết, ông ta nói.

“Tao căm ghét hãn!”

Tôi im lặng gật đầu. Chuyện đó tôi cũng đã cảm nhận được qua điện thoại, vả lại cũng không phải lần đầu nên tôi không bị dao động.

“Chiến tranh đã là chuyện xưa hơn sáu mươi năm rồi. Tao đã quên gần hết những người tao gặp khi ấy. Nhưng hần, đến bây giờ tao vẫn nhớ rất rõ. Thật kỳ lạ!”

Tao căm ghét Miyabe. Đó là nỗi căm ghét đến cực độ.

Tao vẫn nhớ lần xuất kích tấn công cảm tử của hần. Vì máy bay của tao khi ấy có nhiệm vụ hộ tống.

Đáng tiếc, tao đã không nhìn thấy giây phút cuối cùng của hần. Từ sau trận Okinawa, máy bay cảm tử hầu như không thể đến được Hạm đội Mỹ. Ba tầng máy bay chiến đấu địch đã chờ sẵn ở phía xa trước hạm đội cơ động. Chắc chắn không thể ôm một bụng đạn được nặng nề tiến đến gần hạm đội địch được. Ngay cả máy bay hộ tống nhanh hơn cũng vô số chiếc không thể quay về.

Tao căm thù hần!

Chẳng có lý do gì đặc biệt. Xung quanh mà chắc cũng có thằng khó ưa nào đó, những thằng mà sự tồn tại của nó thật khiến mày khó chịu.

Hần luôn trân trọng tấm ảnh một ả nào đó với một đĩa nhóc. Bọn trẻ thời bây giờ chắc sẽ bảo, “Ai chẳng thế!” Tao chẳng phàn nàn chuyện đó. Trong thời buổi yên ả, những thằng làm công ăn lương nhu nhược chỉ dựa vào công ty, coi hình vợ con trong ví như tấm bùa hộ mệnh, cũng có phần đáng quý. Tuy nhiên, sáu mươi năm trước không như vậy, bọn tao chiến đấu bằng cả sinh mạng.

Từ *liều mạng* bây giờ dùng phổ biến quá rồi nhưng chỉ là cách nói màu mè của việc gắng sức thôi. Nhưng trước kia thì không phải chuyện đùa đâu. Tao sẽ dạy cho mày biết từ *liều mạng* có nghĩa là thế nào. Vào thời của bọn tao, nó có nghĩa là đánh liều mạng sống. Hần lại giống như công nhân viên chức bây giờ, ngồi ngấm bức ảnh và nói “Muốn sống trở về”. Bọn bay thử nghe mấy câu tỉnh rụi đó trong lúc đang liều mạng chiến đấu xem!

Thực sự tao cũng không nhớ mình đã từng nghe hần nói vậy chưa, nhưng dù không nói ra miệng thì suy nghĩ đó của hần mọi người đều rõ.

Tao tốt nghiệp khóa thực hành dự bị ở Kasumigaura vào đầu năm 1943. Đầu tiên là Đài Loan, sau đó tao đến Bắc Đảo, Java rồi Balikpapan ở Borneo. Tao chỉ thực hiện bốn phận của một phi công lái máy bay chiến đấu. Đó là bắn càng nhiều máy bay địch càng tốt.

Thật may mắn vì chiến trường đầu tiên ta tham gia là Balikpapan. Ở đó có mỏ dầu, nhiên liệu phong phú nên tập huấn bao nhiêu cũng được. Tao nghĩ kỹ thuật của ta được nâng cao chính nhờ nơi ấy.

Tao đã bắn rơi được máy bay địch trong trận đấu tại Balikpapan. Đó là một chiếc Spitfire *. Giai đoạn đó, những phi công trẻ đi cùng ta từ Nhật Bản đến đều mất mạng ngay trận đầu tiên. Những bọn đến sau cũng thế. Giống như đến đó để chết vậy. Những người có thể sống sót qua ba lần không chiến là rất hiếm. Máy bay địch với tính năng vượt trội hơn Reisen, kỹ thuật của phi công cũng đã nâng cao. Hơn nữa, chúng còn có radar, số lượng lại áp đảo.

Vậy mà trong tình cảnh đó, ngay trong tuần đầu với bốn lần xuất kích tao đã bắn rơi hai chiếc. Mọi người nhìn tao hoàn toàn bằng con mắt khác. Không phải tự mãn, nhưng tao phải thừa nhận tài không chiến của mình. Trong nửa năm đầu, bao gồm cả những chiếc không xác định được thì tao đã bắn được gần 10 chiếc máy bay địch.

Tao đến Rabaul vào mùa thu năm 1943. Rabaul khi đó đã không còn là Phi đội Rabaul hiển hách như xưa. Các hòn đảo xung quanh lần lượt bị quân Mỹ chiếm đóng, quân ta chỉ chiến đấu phòng thủ. Mệnh lệnh điều chuyển đến Rabaul được gọi là tấm vé một chiều.

Liên tiếp hằng ngày đều bị không kích. Quy mô của chúng lại rất khủng khiếp. Cả máy bay chiến đấu và máy bay ném bom từ 150 đến 200 chiếc được điều đến mỗi ngày. Khi nhiều còn lên đến 300. Phe ta chỉ vòn vẹn 50 chiếc. Các trận chiến hầu hết đều là đánh chặn. Tuy nhiên, việc này hợp với tính tao. Nói thẳng ra tao rất ghét việc hộ tống cho các máy bay ném bom chậm chạp, bởi việc đó như bị xích lại. Nếu là các trận đánh chặn thì tao có thể tự do chiến đấu.

Với các trận đánh chặn thì cơ bản là người nhanh sẽ thắng. Khi có cảnh báo địch đến tấn công, các phi công chạy hết tốc độ leo lên các máy bay chiến đấu đã được lính bảo trì chuẩn bị, chạy động cơ và cất cánh.

Tao không chọn các máy bay cỡ lớn để chiến đấu. Kẻ thù của ta chỉ là máy bay chiến đấu. Bốn phận của máy bay đánh chặn là bắn hạ máy bay ném bom đến căn cứ không kích nhưng tao không cần biết. Tao chiến đấu theo cách riêng.

Máy bay chiến đấu địch rất kiên cố. Bắn bằng súng 7.7 li không thể rơi. Tung pháo 20 li thì có thể bắn rơi nhưng vận tốc ban đầu chậm, tầm bắn ngắn nên hiếm khi trúng. Dù vậy, tao đã bắn hạ được máy bay địch bằng pháo 20 li.

Làm thế nào ư? Đoán chừng mà bắn thôi. Bắn các máy bay địch không lọt vào ống ngắm.

Máy bay đã lọt vào tầm ngắm thì đạn khó mà trúng được. Chính vì thế tao dự đoán vị trí của địch sắp đến rồi bắn vào khoảng không.

Chuyện đó, trong khóa huấn luyện bay không ai dạy. Mà ngay cả các phi công giàu kinh nghiệm cũng có mấy ai tác chiến như thế. Biển tấu mà. Tao hẳn là có tài năng thiên bẩm. Nghe nói, Marseille của Đức cũng là người nổi tiếng với kiểu bắn dự đoán này.

Tao tập bắn kiểu này hằng ngày. Trong đội bắt đầu bình phẩm kỹ thuật đặc biệt này của tao. Mọi người khiêu chiến nhưng hiếm người có thể vượt qua được.

Ở Rabaul, tao đã bắn được hơn 20 chiếc.

Không phải là thành tích chính thức, bởi thời ấy Hải quân không công nhận việc ghi nhận thành tích của cá nhân. Việc bắn hạ chỉ được ghi nhận bởi quân đội. Đúng là cách làm của Nhật Bản. Thành tích cá nhân ghi nhận không được xem ra gì.

Tao ngờ rằng việc Hải quân không chấp nhận việc ghi nhận thành tích của cá nhân vì nếu công khai số máy bay bắn rơi của cá nhân thì ai là người có kỹ thuật cao, ai là kẻ ngớ ngẩn nhất sẽ bị nhìn rõ chân tướng. Các sĩ quan vô dụng hẳn sẽ rất khó chịu.

Các phân đội trưởng chỉ huy đội hình đều được chọn từ các sĩ quan mà không cần kỹ thuật. Hiếm hoi cũng có những kẻ xuất sắc nhưng hầu như các phân đội trưởng xuất thân từ trường Hải quân đều vô dụng, lại thiếu kinh nghiệm. Chuyện đội hình bị mắc vào nguy hiểm do các quyết định sai lầm của chỉ huy nhiều như núi. Bản thân tao nhiều lần cũng gặp cảnh nguy hiểm. Tuy nhiên, trong quân đội, mệnh lệnh của thượng cấp tuyệt đối phải tuân theo, dù biết rằng bay về phía ấy sẽ chết. Sau đó y như dự đoán, quân ta bị địch tấn công tiêu diệt.

Nếu công khai số lượng máy bay bắn hạ chẳng phải sẽ thấy rõ môn một biểu đồ các chỉ huy vô dụng chạy theo đuôi các hạ sĩ quan tài năng sao?

Quân đội Mỹ thì khác. Các phi công đều là sĩ quan, những người xuất sắc sẽ được chọn làm chỉ huy. Công bố số điểm bắn máy bay của cá nhân, khen thưởng nghiêm túc. Các phi công hăng hái chiến đấu nhằm tăng số điểm của mình. Trong trường hợp hai chiếc cùng bắn thì mỗi chiếc được cho 0.5 điểm. Chẳng phải là đúng kiểu Mỹ sao? Nếu thế, họ cũng sẽ cố gắng hợp tác với người khác.

Hải quân Đế quốc thì không như vậy. Dù là phi công ưu tú thế nào thì hạ sĩ quan cũng tuyệt đối không thể trở thành chỉ huy. Một số ít chỉ làm tới tiểu đội trưởng. Cấp bậc của ta là nhất đẳng binh, là binh sĩ cấp ba từ dưới lên. Có bắn bao nhiêu máy bay địch thì tốc độ thăng tiến cũng không tăng. Trong Hải quân Đế quốc, cá nhân kiệt xuất tuyệt nhiên không thể đi lên bằng con đường binh nghiệp được.

Trong tình cảnh đó vẫn có kẻ tự đắc và chống đối. Iwamoto Tsuzou còn tự ý vẽ lên chiếc chiến cơ yêu quý của hắn vô số ký hiệu bắn hạ là hoa anh đào, nhìn từ xa vô cùng lấp lánh. Hắn ta từng tự xưng là “Hiệp khách bần hàn.” Đúng là một gã kỳ lạ!

Nishizawa Hiroyoshi khi nghe tin có phi công bắn rơi B17 bằng chiếc Nguyệt Quang * kiểu mới được ban thưởng thanh bảo đao đã lớn tiếng mỉa mai cho mọi người nghe thấy, “Tao phải bắn bao nhiêu chiếc mới được ban nó nhỉ?” Nishizawa là người trầm tính nhưng phong thái toát lên vẻ cương

ngộ. Hẳn ta nói vậy vì muốn thể hiện sự bất mãn của các phi công Reisen chiến đấu miệt mài ngoài tiền tuyến không được đền đáp. Nghĩ lại, chính hẳn mới là thanh bảo đao của Hải quân Đế quốc. Vậy mà Hải quân lại bắt hẳn lên tàu vận tải ở Bắc Đảo và đánh mất viên ngọc ấy một cách dễ dãi. Quả là quá sức ngu xuẩn!

Tao lại không vẽ ký hiệu bắn hạ lên thân chiến cơ nhưng số máy bay bắn được tao đều nhớ cả. Không ai biết cũng chẳng sao, chỉ cần bản thân tao biết là được.

Mỗi lần bắn được một chiếc tao lại đếm nhẩm trong đầu. Tao đã nghĩ đến một lúc nào đó sẽ bắn hạ được hàng trăm chiếc. Số máy bay Iwamoto và Nishizawa bắn rơi khi ấy đã vượt hơn trăm chiếc, bọn họ là những anh hùng kỳ cựu từ thời chiến tranh Trung-Nhật, trải qua bao năm mới tích lũy được số lượng đó. Tao hoàn toàn vẫn chỉ là một tân binh, chắc chắn sẽ đến lúc tao bắt kịp.

Thời ấy thành tích không được ghi nhận công khai nên số lượng bắn hạ của mỗi người đều chỉ biết được qua lời nói của họ. Cả Iwamoto và Nishizawa cũng vậy, con số bọn hẳn tán gẫu với nhau được mọi người lan truyền. Các con số cũng biết nói mà, có khoa trương hay không thì thực tài của bọn họ thế nào, ai cũng biết rõ. Đó là môi trường không thể nói láo được.

Tao rất khoái không chiến. Chính bầu trời mới là thế giới tao được sống, dù bị kẻ thù bắn chết tao cũng không ân hận.

Sau chiến tranh, tao trở thành Yakuza, sự khát khao được chiến đấu của tao đã đẩy tao vào thế giới ấy, tao luôn nghĩ dù vậy cũng không đáng bị căm ghét như những kẻ dựa vào quyền thế, kêu gọi bạo lực. Sau một thời gian dài tìm ý nghĩa nơi để chết, tao chợt nhận ra mình đã trở thành một kẻ vô lại.

Ta từng giết người, nhiều lần phải vào khám, mạng sống cũng bị đe dọa không biết bao lần nhưng cao số nên vẫn còn sống được đến giờ này. Dù thế, những thứ đó so với cuộc chiến trên bầu trời vẫn quá ngọt ngào, mọi việc đều có thể giải quyết bằng tiền, kể cả mạng sống.

Trên bầu trời thì hoàn toàn không có sự thỏa hiệp. Một sơ suất nhỏ cũng có thể bỏ mạng. Tuy nhiên, nếu bị kẻ thù giỏi hơn bắn diệt, tao sẽ chấp nhận chết như một thằng đàn ông.

Chiến cơ địch quả thật rất ưu việt nhưng chỉ dùng mỗi chiến thuật bắn và thoát. Đã tránh được một cú đầu tiên rồi sẽ thấy chúng chẳng còn đáng sợ. Lính Mỹ hiếm khi đấu tay đôi vì bọn chúng cũng biết rõ năng lực chiến đấu đáng gờm của lão già Reisen.

Dù vậy, tao vẫn thường dẫn dụ địch tấn công, cố tình né xuống phía bên dưới, bắt địch đuổi theo. Những lúc ấy, việc xê dịch trục đường súng máy của địch rất quan trọng, chỉ cần xê dịch trục đường thì dù bắn bao nhiêu đạn cũng không trúng. Địch nghĩ chỉ trong nháy mắt là có thể bắn được tao, nhưng sau rốt, kẻ ra tay lại là tao. Nâng đầu máy bay, kéo địch vào cuộc chiến xoay vòng. Khi địch phát hiện ra thì đã quá muộn. Ngay trong vòng xoay đầu tiên, ta bám phía sau địch rồi phát pháo. Bằng cách đó, tao đã bắn được vô khối chiếc.

Có mấy ai dùng cách đánh này chứ! Chẳng hạn như Iwamoto, hầu như chẳng đấu tay đôi bao giờ, tay ấy rất giỏi bắn và thoát. Cách đánh của hắn giống quân Mỹ, nhanh chóng phát hiện kẻ địch, tiếp cận từ phía trên bắn một phát và thoát ngay. Hơn nữa, thường nhắm vào một chiếc máy bay địch đơn độc. Trong các cuộc đánh chặn, ban đầu sẽ không tiến đánh, đến khi địch rút lui sẽ quyết liệt tấn công từ phía sau. Tao có cảm giác như hắn là một bậc thầy Iai *, hoàn toàn trái ngược với Nishizawa, kẻ giỏi lối tấn công trực diện. Iwamoto là người bị ám ảnh bởi các cuộc không chiến, hắn đã mạo hiểm cả mạng sống cho điều đó. Ta cũng đặt cược tất cả cho các cuộc không chiến, nhưng khi ta trở thành phi công năm 1943, Iwamoto đã chiến đấu được bảy năm. Nếu xem Nishizawa là thanh bảo đao chính tông Masamune *, thì Iwamoto là thanh yêu đao Muramasa *. Đường nhiên đó chỉ là quan điểm tùy tiện của tao mà thôi, nhưng nhìn chung cũng không sai lệch lắm.

Yêu đao Muramasa sẽ biến người cầm nó thành một tên đồ tể đáng sợ. Đối với Iwamoto, có lẽ Reisen chính là Muramasa. Tao nghe nói Iwamoto sau chiến tranh không thể dung hòa với xã hội, bị người đời quên lãng. Vết thương chiến tranh để lại là nguyên nhân dẫn đến cái chết bất hạnh của hắn. Có lẽ đó không phải là thế giới dành cho các phi công át chủ bài.

Tao không chiến đấu vì quốc gia. Hiển nhiên, cũng không phải vì quốc dân. Cũng không phải vì gia đình. Lại càng không phải vì Thiên hoàng. Tuyệt đối không!

Tao không có người thân. Vì thế không có chuyện chiến đấu vì bất cứ ai cả. Tao là một đứa con hoang. Mẹ tao là vợ lẽ. Bà sớm mồ côi, phải đi làm thiếp để sống. Cha tao là một thương nhân mới nổi. Khi vào trung học, mẹ mất, tao được cha đón về. Trong dinh thự rộng lớn ấy, bà vợ cả và các anh trai cùng cha khác mẹ nhìn tao như thể tao là thứ đồ dơ bẩn. Tao không nhận được dù chỉ chút tình thương hay thậm chí cả tên họ của cha. Cha tao ở rể, tính tình nhu nhược, không bao giờ dám cãi lại vợ.

Trận Trân Châu Cảng diễn ra khi tao học năm thứ năm trung học. Khi tốt nghiệp vào năm sau, tao dự thi vào khóa huấn luyện dự bị. Vì sau khi cuộc chiến với Mỹ nổ ra, khóa dự bị ấy cũng bắt đầu chiêu mộ đại trà, kẻ kém cỏi như tao cũng có thể qua.

Sau đó, tao không một lần gặp lại gia đình. Mà không, ngay từ đầu nó đã không phải là gia đình của tao.

Từ khi trở thành phi công, tao đã quyết sống như một võ sĩ. Cụ ngoại tao là võ sĩ Nagaoka, hy sinh trong cuộc chiến Mậu Thìn *. Đứa con trai lại mang tiếng xấu là nghịch tặc, từ sau cuộc Duy Tân, gia đình lâm vào cảnh lầm than. Sau đó, ông bỏ lại mẹ tao mới 15 tuổi và chết trong bần cùng.

Hồi tao còn nhỏ, mẹ tao thường nói. “Trong người con chảy dòng máu Samurai. Hãy sống anh dũng như một võ sĩ!” Chính vì thế, cuộc chiến tranh đó là dành cho tao. Tao không chiến đấu vì ai cả. Tao chiến đấu vì chính mình.

Giống như Miyamoto Musashi * chiến đấu vì thanh kiếm của mình, tao chiến đấu như một phi công đơn độc.

Ta cũng chẳng có bạn bè. Từ thời con nít đã không có bạn. Tình bạn là gì? Thử đó chỉ đơn giản là sự đú đờn mà thôi. Đú đờn nhau chơi bời, đú đờn nhau uống rượu. Tao chưa từng nghĩ mình cần một người như vậy.

Còn vợ con ư? Ngàn này tuổi rồi ta cũng chưa từng kết hôn, và đương nhiên, cũng chẳng có con.

Phụ nữ thì tao có nhưng không trói buộc dài lâu. Có người đã từng chung sống với tao, nhưng đó đều là chuyện sau chiến tranh. Khi ấy, tao không có người yêu cũng chẳng có người trong mộng, hãy còn là trai tân. Tao biết đến đàn bà qua bọn gái Geisha. Tao cũng không nghĩ mình muốn có con. Tao lại không có anh em, nên nhà Kageura đến ta là chấm hết.

Nhiều lần bọn đàn bà của tao có thai, nhưng mỗi lần như thế tao đều bắt bỏ. Năm 40 tuổi, tao đã đi thắt ống dẫn tinh. Tao đã được giải thoát, không còn bị phiền phức bởi chuyện này nữa. Thậm chí tao còn nghĩ giờ thì muốn chết lúc nào cũng được. Nếu đã lỡ sinh con thì không thể sống như một hảo hán được. Đương nhiên chuyên có phụ nữ cũng vậy. Phụ nữ cũng chỉ là trò vui để giải trí. Có người đã sống cùng tao nhiều năm. Thế nhưng tao chưa từng yêu ai, hẳn họ cũng chẳng yêu thương gì tao.

Thế nhưng, Miyabe lại là thằng nghĩ về gia đình nhiều hơn bất cứ việc gì trong cuộc chiến sống chết ấy. Các võ sĩ vừa đâm chém nhau trên chiến trường vừa có thể nghĩ về gia đình sao? Tao không thể chấp nhận việc xem trọng vợ con khi quốc gia đang gặp lâm nguy.

Nếu hẳn chỉ là một tên sâu mọt hèn yếu thì tao sẽ chỉ cười vào mặt hẳn. Nhưng tao lại không thể chịu được trước những lời bàn tán hẳn ta là phi công xuất chúng.

Vừa nghĩ về gia đình vừa chiến đấu mà kỹ thuật không chiến lại xuất sắc. Không thể chấp nhận được. Tao không thể chịu được việc trong lúc tất cả mọi người, bao gồm cả tao đang liều mạng chiến đấu, thì một mình hẳn

lại mong nhớ vợ con, chiến đấu trên không như thể trò vui, hơn nữa lại xoay sở xuất sắc hơn bất kỳ ai.

Tao chưa trực tiếp chứng kiến kỹ thuật của Miyabe nhưng nhiều phi công kỳ cựu, đặc biệt là Nishizawa rất đề cao hẳn. Thế mà số lượng máy bay hẳn bắn hạ lại là điều bí mật. Người ta bàn tán đủ điều, từ cả trăm chiếc đến những lời đồn chỉ 10 chiếc. Đó là bởi hẳn không bao giờ báo cáo. Con số bắn rơi chính xác được chấp nhận là khi máy bay địch phát nổ trên không trung, hoặc phi công thoát ra ngoài, hoặc máy bay rơi xuống biển. Ngoài những trường hợp đó thì việc nhìn thấy máy bay địch đang rơi hoặc bắt lửa đều không được tính. Do vậy, Miyabe thường không được xác nhận.

Một hôm, tao đã trực tiếp hỏi hẳn.

“Chuẩn úy Miyabe đã bắn được bao nhiêu máy bay địch?”

“Tôi không nhớ.”

Câu trả lời của hẳn thật đơn giản, cách dùng từ lịch thiệp một cách ngu ngốc. Nói chuyện với người dưới cấp đến ba bậc mà vẫn đối đáp như đang nói với thượng cấp. Điều đó càng làm tao phát điên.

“Nhiều người bàn tán về điều đó, có người bảo mười chiếc nhưng cũng có người bảo trăm chiếc. Sự thật là thế nào?” Tao kiên trì nói tiếp.

“Tôi nghĩ là trên 10 chiếc.”

Câu trả lời ngoài dự đoán của tao. Tao đã suy nghĩ mãi với cách trả lời đó thì ước chừng là bao nhiêu chiếc đây? Nếu hẳn chỉ cười trừ và lảng tránh câu hỏi thì con số máy bay mà hẳn bắn rơi chẳng to tát gì. Còn nếu nói nhiều thì rõ ràng là khoác lác. Nhưng câu trả lời của Miyabe lại không thuộc kiểu nào cả.

“Dù có bắn được bao nhiêu máy bay địch đi nữa thì chỉ bị địch bắn một lần cũng xem như chấm hết.” Miyabe nói.

Trong phút chốc tao chẳng nói được lời nào.

“Chiến tranh là cuộc chiến gây tổn thất lẫn nhau. Phe ta tổn thất ít, đối phương tổn thất nhiều thì Bộ Tổng tư lệnh sẽ đoán định phe ta thắng. Phe ta thiệt hại 1, quân địch thiệt hại 10 là thắng lớn. Thế nhưng, chẳng may chiếc duy nhất đó lại chính là ta thì sao?”

Tao bối rối trước câu hỏi của Miyabe. “Tôi chỉ chiến đấu cuộc chiến của tôi, thế thôi.”

“Tôi cũng vậy. Chính vì thế tôi cố hết sức chiến đấu để bản thân không bị bắn hơn là bắn được bao nhiêu.” Miyabe cười.

Tao có cảm giác mình bị giấu cợt.

Tao đã nghĩ không chiến giống như trận chiến của các kiếm sĩ. Cái chết chẳng mấy may đáng sợ. Nếu đã dùng hết tuyệt kỹ rồi mà vẫn thua, tao cũng mãn nguyện. Những lời nói của Miyabe phủ định hoàn toàn ý niệm đó.

Miyabe ôm lấy vai tao, nói. “Nghe nói Nhất đẳng phi tào Kageura hâm mộ Miyamoto Musashi. Thế nhưng Musashi trong đời cũng đã vài lần trốn chạy. Còn điều này nữa. Musashi tuyệt đối không đấu với đối thủ mà ông không thể thắng. Chẳng phải chính điều đó mới là cảnh giới của kiếm thuật hay sao?”

Tao biết rõ mặt mình đang nóng lên. Rõ ràng hẳn đang cười dòng chữ KIẾM THIÊN NHƯ NHẤT *, câu nói của Miyamoto Musashi, tao viết trên khăn choàng. Như thế muốn nói “Mày, đối với tao, chỉ như một đứa con nít thôi.”

Sau khi Miyabe bỏ đi, tao tức giận xé toạc chiếc khăn. Tao quyết phải trở thành phi công vượt xa Miyabe.

Nỗi căm hận của tao đối với Miyabe không phải một sớm một chiều. Dù thức hay ngủ trong đầu tao vẫn ám ảnh về Miyabe. Ngay cả trong những giấc mơ, nghe tiếng cười của hắn khiến tao mồ hôi đầm đìa bật dậy.

Một hôm, tao nói với Miyabe.

“Chuẩn úy Miyabe, xin nhờ anh!”

Miyabe vẻ mặt bình thản như thường ngày, hỏi lại.

“Chuyện gì vậy?”

“Tôi muốn cùng anh thử một trận diễn tập không chiến, nghe đồn tài nghệ không chiến mô phỏng của anh không ai sánh bằng. Mong anh chỉ giáo!”

“Diễn tập không chiến nói cho cùng cũng chỉ là tập luyện, không phải thực chiến. Về thực chiến thì cậu giỏi hơn tôi.”

“Xin anh đấy!”

“Nơi đây là tiền tuyến. Hiện nay, quân đội ta không dư thời gian cho việc đó. Bộ Tổng tư lệnh cũng sẽ không cho phép.”

Tao quỳ xuống trước mặt Miyabe, nói. “Làm ơn!”

“Tôi từ chối!” Miyabe dứt khoát nói rồi vội bỏ đi.

Tao chưa từng chịu sự sỉ nhục đến thế. Kể từ đó về sau, đời tao cũng chưa từng ném lại nỗi nhục nào đến nhường vậy. Tao đập cho hẳn một trận trời tả. Nếu không có vài lính bảo trì nhìn từ đằng xa, chưa biết chừng tao đã làm thế rồi.

Nhiều ngày sau đó, tao cứ nghĩ suốt về chuyện đấu với Miyabe. Thậm chí tao còn nghĩ, phải chi tao là phi công Mỹ thì đã có thể thực hiện không chiến với Miyabe rồi.

Vài ngày sau, khi đang chạy đến chiếc chiến cơ chuẩn bị cho cuộc đánh chặn, tao nhận thấy Miyabe chạy bên cạnh.

Tao nói lớn để không bị tiếng bom át đi.

“Chuẩn úy Miyabe, sau khi kết thúc trận hôm nay, hãy diễn tập không chiến với tôi!”

Miyabe vừa chạy vừa nói, không thèm nhìn về phía tao. “Tôi từ chối!”

“Dù chuẩn úy Miyabe không đồng ý, tôi vẫn làm!” Tao nói như hét lên.

Miyabe liếc nhìn tao. Đó là gương mặt tức tối nhất của hẳn mà trước đó tao chưa từng thấy. Sau đó, hẳn không nói lời nào, tiếp tục chạy về phía phi cơ.

Trong trận không chiến ngày hôm đó, địch có khoảng 30 chiếc B17 và 150 chiếc Grumman. Số lượng Reisen bay lên đánh chặn chỉ có 40. Địch áp đảo hơn hẳn nhưng chúng ta có lợi thế chiến đấu trên không phận của căn cứ địa.

Địch bắt đầu ném bom từ độ cao 3.000 mét. Đội đánh chặn chúng ta tấn công máy bay địch khi chúng vừa kết thúc trận ném bom. Grumman liền tấn công lại. Để dẫn dụ chúng, tao tạm trốn xuống bên dưới cho chúng

thấy. Khi kẻ thù đã mắc bẫy, tao lập tức nâng đầu máy bay, đưa chúng vào trận chiến xoay vòng. Xoay một vòng ngắn tao đã bám vào phía sau địch. Khi quân địch phát hiện, định bỏ nhào thoát thân thì chỉ chờ có thể, tao liền bắn pháo 20 li vào hướng mà tao đoán địch định né qua. Ngọn lửa vàng vụt cháy “Phụt! Vừa thoáng thấy phi công nhảy dù thoát ra, tao liền quay đi tìm chiếc chiến cơ địch khác.

Nhìn lên trên, thấy hai chiếc Reisen đang tấn công chiếc BI7, tao nâng đầu máy bay hướng đến đó. Không phải để tham gia cùng, tao định tóm chiếc Grumman nhằm vào các Reisen đang tấn công BI7.

Tao bám sau lưng chiếc Grumman, nã súng 7 li và pháo 20 li. Grumman rơi xuống nhưng đồng thời chiếc Reisen bị nó bắn cũng rơi theo. Chiếc B17 vội chạy trốn để không bị bắn.

Trận đánh chặn kết thúc sau 10 phút. Mặt biển xa tít bên dưới dâng lên vài đợt sóng lớn khi các chiến cơ rớt xuống. Chẳng rõ máy bay bên nào rơi nhiều hơn.

Xung quanh tao không còn chiếc nào của phe mình.

Khi tao trở lại Rabaul, bên dưới có một chiếc Reisen. Đó là Miyabe. Quyết định thực hiện điều mình mong muốn, tao lập tức bỏ nhào xuống, tấn công phía sau máy bay hắn. Rồi nổ súng ở cự li khoảng 1.000 mét. Đó tuyệt nhiên không phải khoảng cách có thể bắn trúng. Phát súng đó chỉ là ám hiệu “Chúng ta thực hiện không chiến đi!”

Miyabe nâng đầu máy bay, xoay vòng đến. Phút chốc tạo thành thế đối đầu, cự li quá gần. Cứ thế, hai chiếc bay ngược chiều qua nhau, khoảng cách chẳng mấy chốc đã mở ra 2.000 mét. Tại đó, cả hai xoay một vòng lớn hướng vào nhau, kẻ xướng người tùy.

Miyabe đã chấp nhận diễn tập không chiến. Đôi bên đang cân bằng cao độ. Đó gọi là trận chiến đồng vị.

Hai chiếc cùng thu hẹp khoảng cách. Tao xoay vòng lớn theo hướng trái bám vào sau Miyabe. Hắn ta cũng xoay vòng như thế. Cả hai dần dần thu hẹp khoảng cách, tạo thế bám vào đuôi đối phương. Tiếng anh gọi là Dogfight, vì giống hai con chó chạy vòng quanh cổ cắn vào đuôi của nhau.

Cả hai nghiêng cánh, liên tục xoay vòng gấp, thân người bị cuốn theo lực G *, đau đớn như thể nội tạng và tròng mắt sắp vỡ ra. Chưa từng nếm trải sự đau đớn bởi lực G này chắc sẽ không hiểu được, nhưng nó là cơn đau tột cùng, như bị một tảng đá vài trăm cân đè nặng lên người vậy. Nếu không luyện tập cơ bụng và cơ lưng thì xương cốt chắc sẽ gãy mất. Cơ mặt như bị giật ngược về phía sau, không còn là gương mặt con người nữa. Nhân cầu cũng bị hút sâu bởi một lực khủng khiếp, tròng mắt hõm xuống như chỉ có khung xương. Tầm nhìn nhanh chóng bị thu hẹp, cảm giác giống như ngắm ngược kính viễn vọng vậy. Khoảnh khắc một bên chịu thua sự đau đớn do lực G mà ngừng xoay vòng, đó là lúc trận không chiến kết thúc.

Tao định rằng nếu đã tham gia không chiến mô phỏng, dù có chết cũng không ngừng xoay. Tao thét lên đau đớn, liếc nhìn máy bay Miyabe phía sau đầu. Tao dùng sức kéo cần lái nhưng nó chẳng chịu quay về.

Đột nhiên hãm ngừng xoay, di chuyển theo đường bay ngang. Thăng rồi! Tao vòng ra phía sau, máy bay của hãm lọt vào ống ngắm. Bỗng, giây tiếp theo hãm lộn nhào. Lộn nhào ở thế yếu hơn với tốc độ rơi nhanh là hành vi tự sát. Tao cứ thế dõi mắt theo máy bay hãm và kéo cần điều khiển đuổi theo. Khi vừa kết thúc vòng lộn nhào, hãm lọt vào ống ngắm. Khi ấy, mạng sống của hãm nằm chắc trong tay tao.

Nhưng lúc ấy, một chuyện không thể tin được xảy ra. Máy bay hãm đã biến mất. Không phải chỉ trong ống ngắm mà hoàn toàn biến mất khỏi tầm nhìn. Tao vừa lộn nhào vừa quay đầu nhìn quanh. Không thấy hãm đâu cả! Tao bổ nhào xuống theo phản xạ. Khi ấy, một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng. Ngoảnh lại, đã thấy hãm ở ngay sau lưng.

Nỗi kinh hoàng đó bây giờ tao vẫn không thể quên. Sau chiến tranh, nhiều lần tao đã bị đe dọa đến tính mạng, nhưng chưa bao giờ có cảm giác sợ hãi như khi ấy.

Máy bay hãm đã kề sát máy bay tao. Không cần ngắm, cũng có thể bắn trúng. Trò chơi đã kết thúc. Cảm giác lúc ấy thế nào nhỉ? Phải nói là kinh hãi. Hãm dò xét gương mặt tao đang ngoảnh lại rồi tăng tốc bay ngang qua,

cứ thế tiến lên phía trước. Và rồi máy bay hấn lọt vào ống ngắm, khi tao nhận thức được việc đang xảy ra thì quá trễ. Tao đã ấn nút nổ súng.

Tao không muốn biện minh.

Tao đã làm chuyện không nên làm, chẳng khác nào trong trận đấu kiểm trúc, đã thua rồi mà còn vung kiếm chém vào lưng đối thủ. Tao hận hấn! Hấn là đối thủ khiến tao thất bại hoàn toàn. Nhất thời không suy nghĩ, tao đã chớp lấy cơ hội đó bắn hạ đối thủ. Dù bị coi là kẻ bỉ ổi tao cũng chấp nhận. Thế nhưng thật không ngờ, giây tiếp theo, viên đạn ấy như sợ hãi mà chệch hướng. Tao thấy mình như lạc trong cơn ác mộng, vào thế giới ma quái. Hấn là ma ư?

Hấn lập tức lộn nhào bám vào phía sau tao. Lần này tao không quay lại nhìn, cũng không nghĩ sẽ chạy trốn. Tao đã thầm mong bị Miyabe bắn. Từ giây phút ấn nút phát pháo, tao đã là một thằng không đáng sống nữa rồi. Nếu bị Miyabe bắn, tao cũng thỏa nguyện. Bị một phi công thực thụ bắn rơi là ước mơ của tao. Không quan trọng là người Mỹ hay người Nhật.

Thế nhưng Miyabe đã không bắn.

“Bắn đi!” Tao dùng hết sức hét lên. “Bắn đi! Bắn tôi đi!”

Khi nhận ra hấn không có ý sẽ bắn, tao nghiêng cánh bồ nhào xuống. Đã đến nước này thì chỉ có thể tự sát thôi. Vậy mà chuyện không thể tin được lại xảy ra. Hấn bay xuống chặn trước, cắt ngang đường bay của tao. Tao xoáy vòng gấp để tránh. Hấn mở kính chắn gió của khoang điều khiển, dùng tay ra hiệu “Dừng lại!”

Khi nhìn thấy hiệu lệnh ấy, tao đã từ bỏ ý định tự tử, ra hiệu lại “Biết rồi!”

Tự sát là hành động của kẻ hèn nhát.

Tao quyết trở về phi trường sẽ kể việc đã bắn hấn với toàn đội, sau đó sẽ mổ bụng tự sát. Tao không có ý sẽ tạ lỗi cùng Miyabe. Không thể xin lỗi mà xong được. Hơn nữa, xin lỗi suông thì ích gì chứ, chỉ có mổ bụng mới thể hiện ý chí của tao.

Đáp xuống đường băng, tao leo ra khỏi ghế điều khiển, tiến về phòng chỉ huy. Miyabe đáp xuống sau, vội chạy theo nói.

“Được rồi. Đừng nói gì hết! Đây là lệnh!” Miyabe nói, vẻ mặt uy nghiêm. “Cậu đã bắn nhưng tôi vẫn còn sống. Vậy nên đừng nói gì hết!”

Sau đó, lại nói thêm. “Đừng chết một cách vô ích!”

Hắn đã biết. Hắn đã biết toàn bộ suy nghĩ của tao. Ý định tự sát trong tao tắt ngấm.

Bọn bay có nghĩ tao quá yếu đuối không? Nếu là cụ ngoại tao chắc ông ấy đã rạch bụng hình chữ thập * Thế nhưng tao lại không mổ bụng tự sát. Vì sao chứ? Bởi tao nghĩ mạng sống của mình giờ đã do hắn định đoạt.

Thế nhưng, kỹ thuật của hắn là cái thứ quái quỷ gì vậy?

Tao lập tức có câu trả lời. Xoắn trái. Đó là kỹ thuật được cho là bí truyền của phi công Hải quân Nhật Bản. Là kỹ thuật khi bị chiến cơ địch bám đuôi, tại đỉnh của vòng lộn nhào, xoay vòng như xoắn sang trái, rồi đảo ngược bám vào phía sau địch. Chuyện này khi còn là thực tập sinh tao đã nhiều lần được nghe nói. Thế nhưng các giáo quan chẳng ai làm được chuyện đó. Từng có người chứng kiến trong trận diễn tập không chiến đã kể lại rằng người sử dụng kỹ thuật ấy là một phi công giàu kinh nghiệm chiến đấu từ chiến tranh Trung-Nhật. “Máy bay biến mất trong không trung. Đó là thứ kỹ xảo đầy ma thuật. Chắc trong Không lực Hải quân người có thể sử dụng kỹ xảo ấy chẳng ai còn sống.” Ông ta còn nói thêm vậy.

Đó chính là kỹ thuật Miyabe cho tao thấy ngày hôm ấy. Quả thực thần kỳ! Thật không thể tin rằng có thể điều khiển máy bay như vậy.

Tuy vậy, điều ngạc nhiên hơn lại là chuyện sau đó. Ổng ngấm của tao rõ ràng đã bắt được hắn, vậy mà đạn súng máy lại trượt. Tao cũng lập tức hiểu ra ngay lý do. Máy bay của tao đã bị “ngã”. Thật khó để giải thích việc này. Tóm lại là hắn đã không bay ngang.

Việc đầu tiên bọn tao phải học khi trở thành phi công là bay ngang. Những người lái máy bay lần đầu hầu như sẽ bay nghiêng về một bên nào đó, như vậy gọi là “ngã”. Thực tập sinh sẽ bị sửa triệt để việc đó trước tiên. Nếu thân máy bay bị ngã thì chiến cơ không thể bắn trúng máy bay địch.

Nói xa hơn, bom hay ngư lôi của máy bay cũng sẽ không thể trúng đích. Chính vì thế, việc bay ngang được khắc sâu vào nhận thức phi công một cách triệt để.

Thế nhưng, khi bay ra phía trước tao, hẳn đã cố ý cho thân máy bay ngã. Tao lại đuổi theo hẳn theo bản năng. Tuy nhiên, khi đuổi theo thẳng hướng máy bay của hẳn thì máy bay tao cũng ngã đi mà không biết. Hiểu không? Tao bám ngay sau hẳn. Hai chiếc Reisen bay thành hàng dọc, nhưng thật ra lại cùng ngã. Tao đã bắn trong trạng thái đó, đạn bị lệch một khoảng lớn.

Không phải vô ý mà hẳn bay lên phía trước. Là hẳn thử tao. Tao đã hiểu tại sao hẳn vẫn còn sống từ trận Trân Châu Cảng đến giờ. Người nắm bắt kỹ thuật ấy như vậy thì không có lý nào bị phi công Mỹ bắn hạ. Hẳn đích thị là một phi công đáng sợ như quý Atula.

Tao bị nhấn chìm trong cảm giác thất bại thảm hại. Đã thua trong trận không chiến, lại còn bị thử lòng. Khi nhận ra điều đó, lòng tao dâng tràn giận dữ. Tao đã thề một ngày nào đó nhất định sẽ bắn bằng được hẳn. Đêm hôm ấy, trong căn phòng tối, tao đã mơ thấy cảnh máy bay Miyabe bốc cháy và rơi xuống.

Đối với tao, kẻ địch không phải Mỹ, cũng chẳng phải Nhật. Tao sẽ trở thành phi công không thất bại trước bất kỳ ai. Đó là ước mơ, là khát vọng của tao. Tao hoàn toàn không sợ cái chết, một khi đã dùng toàn lực chiến đấu thì dù có bị bắn, tao cũng cảm thấy thỏa lòng. Bị tiêu diệt trong trận không kích đặc biệt khoan khoái hơn chết vì những căn bệnh tâm phào như sốt rét hay sốt xuất huyết. Huống chi chết vì già cỗi thì quá tầm thường. Chẳng phải vậy sao?

Thế mà tao đã không chết trên bầu trời. Sau chiến tranh, nhiều lần mạng sống của tao cũng đã bị đe dọa, nhưng chẳng may một lần sợ hãi cái chết. Trên người tao có vô số vết dao, có cả lỗ đạn, nhưng có lẽ thần chết đã bỏ qua tao chẳng. Tao cũng không nghĩ mình có thể sống đến ngần này tuổi.

Thằng đứng cạnh tao là thành viên trong băng gửi đến đào tạo, định kèm cả cận vệ cho tao. Đúng là một sự chu đáo dư thừa. Linh hồn của tao

cho đi lúc nào cũng được, nhưng nếu thế sẽ lại gây ra cuộc chiến không cần thiết. Đó là lý do vì sao tao vẫn để hăn bên cạnh.

Tao chỉ thua Miyabe một lần, mà thật ra cũng chưa phải thua bởi hăn đã không bắn rơi tao. Bọn bay nghĩ tao nghĩ lợi về phía mình à? Không phải vậy đâu. Hăn đã không thể giết tao.

Từ sau hôm đó, tao đã biết quý trọng sinh mạng. Tao sợ cái chết ưỡng phí. Đời tao trân trọng mạng sống của mình, chỉ có lúc ấy.

Cho đến ngày bắn hạ được máy bay Miyabe thì tao quyết không thể chết. Tao không thể chết nếu ngày đó chưa đến. Ước mơ của tao là giao chiến với Miyabe, súng máy của tao sẽ bắn máy bay hăn lỗ chỗ như tổ ong, rồi rơi xuống.

Tao biết rằng chuyện ấy chẳng thể xảy ra. Chính vì thế nguyện vọng của tao là sống lâu hơn Miyabe. Tao tự nhủ trong lòng rằng khi nghe tin báo Miyabe bị địch bắn hạ, tao sẽ cười nhạo hăn. Chính lúc ấy, chiến thắng thuộc về tao.

Hăn chết rồi! Tao đã thắng!

Nghe vậy bọn bay có cảm ghét tao không? Nhưng cảm phần tao là sai rồi. Hăn chết vì tấn công cảm tử. Không phải do tao giết hăn.

Phi công thuộc phi đội Rabaul chẳng bao lâu được thu hồi về nội địa. Tất cả phi công được tái tổ chức. Tao và Miyabe bị phân tách.

Kỳ lạ thay, tao đã nghĩ, “Miyabe à, đừng có chết đấy. Mà phải chết trước mắt tao. Tao nhất định sống đến ngày đó!”

Tao trở thành giảng viên tại căn cứ Iwakuni, huấn luyện học viên dự bị. Công việc của giảng viên chán ngán đến buồn nôn. Khóa huấn luyện bay của học viên dự bị được chỉ định là một năm. Dù bọn chúng rất hăng hái và ưu tú, nhưng một năm là chuyện không tưởng. Tao đã nghĩ, đào tạo số lượng lớn phi công không thể sử dụng được thì để làm gì. Nhưng ngay từ đầu, quân đội đã chiêu mộ chúng để làm phi công cảm tử.

Nhiều lần tao đã cầu xin Phi đội trưởng cho tao ra tiền tuyến, nhưng những lời thỉnh cầu ấy chẳng được đáp lại.

Tháng Mười năm 1944, tao dẫn bọn chim non ấy đến Wonsan ở Triều Tiên. Thứ chờ đợi tao ở đó vẫn lại là cuộc sống giảng viên. Tao đã nghe

chuyện đội Shikishima vào khoảng thời gian ấy. Tao tuyệt đối không tán thành tấn công cảm tử. Nếu chết vì bị địch bắn rơi đã đành nhưng tao căm ghét vì tấn công cảm tử mà phải chết. Tao muốn mình được chết như một phi công, bị người giỏi hơn mình giết hạ.

Ngày hôm sau, ngay cả ở Wonsan, Tư lệnh cũng trưng cầu ý nguyện tấn công cảm tử. Toàn đội được phát cho phong bì và mảnh giấy. Trên mảnh giấy có ba lựa chọn: ao ước được tham gia, tình nguyện tham gia, không tình nguyện. Chúng ta sẽ khoanh dấu tròn vào đó.

“Quyết định cuối cùng là ý nguyện tự do của mỗi cá nhân. Dù có chọn không tình nguyện cũng không sao. Hãy suy nghĩ kỹ!” Tư lệnh nói.

Tao vẽ vòng tròn vào dòng “Ao ước được tham gia.” Vì bọn ta thừa hiểu đánh dấu vào các mục khác sẽ gặp phải chuyện gì rồi. Quân đội là nơi như thế đấy. Nếu hy sinh ngoài tiền tuyến thì không sao, nhưng để bị tước máy bay và đưa đến các đơn vị đồn trú trên đảo thì thật không thể chịu đựng nổi.

Tháng Một năm sau, phi đội Wonsan trở thành đội cảm tử quân. Trận đầu không có tên tao mà chủ yếu là các sĩ quan xuất thân từ học viên dự bị. Họ sẽ xuất kích từ cứ địa cảm tử Kyushu. Các thành viên trong đội từ biệt những người ở lại, mỉm cười cất cánh.

Sau đó, đội cảm tử quân lần lượt hướng về nội địa xuất kích. Tao đưa tiễn bọn chúng, bụng nghĩ, Nhật Bản đã đến nước này thì chắc sắp hết thời rồi. Để các phi công mới không hề có kinh nghiệm thực chiến xuất kích chắc chắn sẽ chẳng có hiệu quả gì. Tao có thể nhìn thấy trước cảnh chúng bị máy bay đánh chặn của địch bắn rơi.

Chẳng bao lâu sau, tao cũng bị chuyển về nội địa, thuộc căn cứ Kanoya, đảo Kagoshima. Tại đó, tao được phân vào đội không chế không phận, không phải làm cảm tử quân.

Quân đội không công nhận số lượng bắn rơi máy bay của cá nhân, nhưng chắc hẳn Tư lệnh cũng biết việc tao bắn rơi được số lượng kha khá. Lúc bấy giờ, số phi công lão luyện từ khi khai chiến hầu như đã không còn ai sống sót, nên ngay cả người trở về từ Rabaul như tao cũng xem như phi công giàu kinh nghiệm.

Tháng Ba, sau khi Hạm đội Mỹ xuất hiện tại vùng ven Okinawa, tại Kanoya đội cảm tử quân xuất kích gần như hằng ngày. Phần nhiều là các phi công trẻ của khóa thao luyện và học viên dự bị.

Đám học viên dự bị thật đáng thương. Vừa vào quân đội đã được thăng sĩ quan, nhưng lại chỉ được học cách lái máy bay và tấn công cảm tử. Tuy nhiên, tao nghĩ chúng chẳng thể đến được tàu địch. Để điều khiển thuần thục chiến cơ chỉ với khóa huấn luyện chưa đầy một năm không phải chuyện đơn giản. Chắc chắn chúng chẳng thể thoát khỏi vô số chiến cơ địch đến tấn công, treo theo quả bom nặng nề đó thì ngay cả phi công lão luyện cũng vất vả.

Giai đoạn ấy, Hải quân cũng như Lục quân chỉ nhắm vào việc xuất kích cảm tử. Ngay cả chiếc 96 đời cũ và thủy phi cơ cũng tấn công cảm tử. Ta nghe nói, những lúc cam go ngay cả máy bay tập luyện cũng bị đem đi xuất kích.

Tuy không phải kẻ biết cảm thông, nhưng tao nghĩ lũ nhóc đó thật đáng thương. Hy sinh vì Tổ quốc, vì gia đình nhưng lại chẳng được đền đáp, chết một cách vô nghĩa như thế.

Xuất kích tấn công cảm tử vốn là việc nghiêm trọng, khốc liệt nhưng thấy nó diễn ra hằng ngày rồi cũng dần quen. Lính bảo trì ban đầu còn khóc lóc, vẫy mũ tiễn biệt nhưng sau rồi cũng thấy đó chỉ là công việc thường ngày. Nghe tàn nhẫn làm sao, nhưng nhân sinh vốn như thế đấy.

Thế nhưng những kẻ bị phân công lại vô cùng bản lĩnh. Tao từng nghĩ rằng sĩ quan dự bị xuất thân từ Đại học ắt hẳn chỉ là đám công tử bột, nhưng vì lẽ gì chúng lại đều kiên cường đến vậy.

Tao từng thấy biết bao sĩ quan xuất thân từ trường Hải quân miệng lúc nào cũng đầy khí thế nhưng tuyệt không bao giờ lăn xả vào các trận đấu ác liệt. Vậy mà bọn học viên dự bị, kỹ thuật lái đỡ tệ thì tất thấy lại hiên ngang ngã xuống. Tao còn thấy vài gã xuất thân từ trường Hải quân bị hạ lệnh đi tấn công cảm tử đã cao giọng hỏi lại rằng “Tôi cũng phải đi sao?” Lũ khốn đốn hèn!

Sau chiến tranh, tao đã gặp rất nhiều Yakuza nhưng chưa một ai trong số chúng gan góc được bằng các học viên dự bị. Đám nhóc đó, một năm

trước mới chỉ là sinh viên bình thường, vậy mà lại đầy bản lĩnh nam nhi như vậy. Động lực chết vì người mình yêu thương có thể khiến những thanh niên bình thường mạnh mẽ đến vậy sao? Lũ người sinh ra sung sướng trong thời bình như bọn bay làm sao có thể hiểu được. Ngay cả tao cũng không tài nào thấu hiểu.

Đội cảm tử quân ấy có cả đám lính trẻ chỉ mới mười tám đôi mươi. Dù chúng có khí khái bảo rằng sẽ vui vẻ hy sinh, nhưng tao biết trong thâm tâm chúng luôn phải chiến đấu với nỗi sợ hãi. Sáng nào mắt bọn chúng cũng đều sưng húp. Chắc hẳn đêm đến chúng đã khóc thầm trong chăn. Nhưng nhất định sẽ không để một ai thấy sự yếu đuối đó.

Dù vậy với tao, cái chết của chúng hoàn toàn lãng phí. Tấn công cảm tử là kế hoạch tác chiến vì sĩ diện của quân đội. Khi trận Okinawa diễn ra, Hải quân vốn không còn hạm đội nào có thể chiến đấu ngang ngửa với quân đội Mỹ nữa. Vốn dĩ, khi đã không còn khả năng chiến đấu thì nên xin hàng, vậy mà không. Tại sao chứ? Vì vẫn còn máy bay! Thế nên những chiếc máy bay đó được dùng cho các cuộc tấn công cảm tử. Các cảm tử quân đã bị giết là vì thế.

Cả soái hạm Yamato cũng chung số phận. Tại Okinawa, Lục quân tiến hành một trận chiến không có đường thắng, Hải quân lại không thể khoanh tay đứng nhìn. Trong khi tất cả chiến hạm khác đều đã bị tiêu diệt, chỉ còn lại Yamato thì có được không? Thế nên dù sẽ cầm chắc phần thua, Yamato vẫn phải ra trận.

Sau chiến tranh, nhiều lần tao đã mở sòng bài. Càng là người mới thì càng hăng máu. Khi đã mất một số tiền kha khá thì máu dâng lên, chúng nghĩ dù có để lại chút tiền còn con cũng chẳng thể làm gì, liền cược hết số còn lại.

Với Bộ tư lệnh thì chiến hạm, chiến cơ hay binh sĩ cũng giống như tiền trong canh bạc vậy. Khi thắng thì chỉ nhỏ từng giọt, bỏ qua cơ hội thắng lớn. Đến khi bắt đầu nghèo túng, sắp thua trắng rồi thì chơi hăn một cú. Đó là kiểu đánh bạc điển hình của những kẻ nghiệp dư.

Cuộc tấn công cảm tử của Yamato là hoàn toàn vô nghĩa sao? Những cảm tử quân hy sinh trong trận Okinawa là hoàn toàn vô ích sao? Ở

Okinawa, nhiều binh sĩ và thường dân đã chiến đấu trong tuyệt vọng. Họ sẵn sàng hy sinh trước số quân Mỹ áp đảo dù biết sẽ chẳng thể sống được. Nhưng kết quả đúng là vô ích thật. Đều đốc Ito và hơn 3.000 thuyền viên đã tuân tiết cho Okinawa, không khác gì đội cảm tử quân Thần Phong.

Họ bị giết vì Bộ quân lệnh và Bộ tư lệnh Hạm đội Liên hợp, nhưng bản thân họ đã dâng sinh mạng của mình cho Okinawa, cho Tổ quốc. Thôi, chuyện về Yamato còn đây!

Nhiệm vụ của tao là hộ tống máy bay cảm tử, bắn hạ các chiến cơ địch đến tấn công. Tuy nhiên vào thời gian đó, chúng ta thiếu số đấu với đa số, không cách nào thắng nổi. Quân đội Mỹ đã đưa đến nhiều khu trục hạm quan sát, bố trí từ khoảng xa phía trước Hạm đội cơ động. Chúng đã bắt sóng được máy bay cảm tử bằng radar, thậm chí còn biết cả cao độ. Chúng tao bay 3.000 thì chúng bay 4.000, bay 5.000 thì chúng bay 6.000, luôn luôn phục sẵn phía trên, sau đó tấn công xuống. Các máy bay yểm trợ giàu kinh nghiệm sẽ xoay sở được cú ấy nhưng các máy bay cảm tử hầu như không thoát được và bị tiêu diệt kha khá ngay từ cú đầu tiên. Số máy bay cảm tử có thể đến được Hạm đội cơ động địch là vô cùng hiếm.

Cũng có những chiếc máy bay cảm tử đoán mình không có khả năng tiến đến Hạm đội cơ động, bèn đâm vào các khu trục hạm quan sát. Cái chết đó có giá trị hơn là cứ lao đầu nhắm vào mẩu hạm rồi bị bắn rơi.

Dường như đám khu trục hạm cũng không chịu nổi chuyện ấy, có chiếc còn vẽ hình mũi tên trên boong tàu như muốn nói “Mẩu hạm ở hướng này.” Khi lần đầu thấy cảnh tượng ấy, tao rất sững sờ nhưng sau đó lại vô cùng khâm phục họ. Chẳng phải có thể làm những điều như vậy mới thật sự là một đội quân đáng nể hay sao?

Máy bay cảm tử tuy không thể đánh chìm các chiến hạm cỡ lớn của Mỹ nhưng chắc hẳn đã đánh chìm nhiều tàu cỡ nhỏ như khu trục hạm và tàu vận tải. Tao nghĩ các thành viên thủy thủ đoàn khu trục hạm của quân Mỹ phải gánh chịu máy bay cảm tử phía trước Hạm đội cơ động cũng thật dũng cảm.

Nhiệm vụ của máy bay yểm trợ chúng tao là bảo vệ máy bay cảm tử. Vậy nhưng máy bay địch liên tục dồn tấn công, mỗi lần như thế, đều có

một, hai chiếc máy bay cảm tử bị bắn rơi. Có khi toàn đội bị bắn rơi trước mắt tao. Thật bi thảm! Nhắc đến máy bay cảm tử, người ta thường tưởng tượng ra cảnh chúng hùng hổ đâm vào tàu địch hy sinh. Nhưng thực tế, hầu hết chúng đều bị bắn rơi trên mặt biển từ xa phía trước. Tại Mariana, quân Mỹ thích thú bắn hạ các máy bay tấn công của Nhật Bản, còn cười cợt gọi là *Cuộc bắn gà tây tại Mariana*. Việc bắn các máy bay cảm tử trong trận Okinawa chắc còn dễ hơn thế.

Số thẳng có thể đột kích vào Hạm đội cơ động địch vô cùng hiểm hoi. Dù bị pháo đối không tiêu diệt thì đến được đó cũng mãn nguyện rồi.

Sau khi máy bay cảm tử bị bắn rơi, máy bay yểm trợ có thể tự do không chiến, nhưng cũng chẳng rảnh rang gì bởi vô số địch bao vây. Hơn nữa, đối thủ lại là Grumman F6F và Skorsky có tính năng vượt trội hơn hẳn Reisen. Nếu phe ta cũng đồng ngang ngửa với địch thì còn có thể chiến đấu, nhưng đây lại là thiếu số chống đa số thì ngay từ đầu đã không có cơ hội thắng.

Dù có tiêu diệt được một chiến cơ địch thì ngay khoảnh khắc đó đã có tên địch khác bám phía sau. Hơn nữa, dù ta bắn đôi chút đạn chúng cũng chẳng hề hấn gì, ngược lại, bọn ta dù chỉ bị bắn một viên thôi cũng đủ xong đời rồi.

Kỹ thuật điều khiển của phi công địch đã hơn hẳn thời Rabaul hai năm về trước. Vì thế, cũng có nhiều máy bay chiến đấu yểm trợ bị bắn hạ, có đôi khi toàn đội yểm trợ đều không trở về được.

Vả lại, vào giai đoạn đó, nhà máy trong nội địa bị tàn phá vì các đợt không kích, không thể chế tạo ra các máy bay hoàn thiện. Thực tế, mỗi ngày có khá nhiều máy bay cảm tử xuất kích rồi lại quay về vì động cơ gặp sự cố. Số máy bay hạ cánh khẩn cấp xuống Kikaijima cũng không ít, những thẳng xấu số thì trước đó đã rơi xuống biển.

Trong lúc làm nhiệm vụ yểm trợ máy bay cảm tử, tao cũng không quên chuyện Miyabe. Ban đêm, tao nằm dài trên bờ đê gần đường băng, ngắm nhìn bầu trời sao, đôi khi lại nghĩ về Miyabe. Lúc này, chắc hẳn hẳn cũng đang ngắm những vì sao ấy. Tao thầm nghĩ trong lòng, “Đừng chết đó, Miyabe!”

Giây phút mà y chết, tao phải được chứng kiến tận mắt.

Trận Okinawa kéo dài ba tháng. Tao nhiều lần thực hiện nhiệm vụ lái máy bay yểm trợ, cũng có khi tham gia đội không chế không phận, xuất kích trước máy bay cảm tử, chiến đấu với máy bay địch đang phục kích.

Cuối tháng Sáu, Okinawa hoàn toàn bị quân đội Mỹ chiếm đóng, đã có hơn 2.000 máy bay cảm tử hy sinh. Vì Iwojima đã bị chiếm từ tháng Ba nên thời điểm Okinawa thất thủ, xem như hào trong của Nhật Bản cũng bị san bằng.

Trước đó, các khu vực thành thị của Nhật Bản đã bị B29 * đến từ Saipan không kích gần như hằng ngày. Nhưng từ sau khi Iwojima bị chiếm đóng, chúng lại có P51 hộ tống. Trước đội hình không lồ kết hợp máy bay chiến đấu và máy bay ném bom, đội phòng không tại các căn cứ Nhật Bản chỉ như bọ ngựa đá xe.

Tao cũng vài lần tham gia các trận chiến phòng không. P51 quả là một chiếc chiến cơ phi thường, hết một con quái vật! So với tính năng của Reisen thì cách biệt như thế so sánh người trưởng thành với một đứa nhai ranh vậy.

Vận tốc hành trình của P51 là 600km/h. Ngay cả vận tốc tối đa của Reisen cũng không thể đạt tới mức đó. Vận tốc hành trình là vận tốc khi bay với chế độ ít tổn nhiên liệu nhất. Nói cách khác, vận tốc hành trình của Reisen là xấp xỉ 300km/h. Vận tốc nhanh nhất của P51 là hơn 700km/h, trang bị vũ khí và thiết kế chống đạn cũng vượt xa Reisen. Hơn nữa, con quái thú ấy lại bay thông dong từ Iwojima đến nội địa, chiến đấu hằng hái rồi lại quay về Iwojima. Chúng đã di chuyển cả quãng đường xa hơn cả Rabaul và Guadalcanal mà Reisen bay khi xưa.

Tính năng tại cao độ của P51 cũng vượt trội, nó có thể thực hiện không chiến nhẹ nhàng dù ở cao độ 8.000 mét. Ở độ cao đó, chiến cơ Nhật Bản bay không thôi đã khó khăn rồi, bởi không khí loãng, hơn nữa lại rất lạnh. Trong ghế điều khiển có mặt nạ oxy, nhưng không có trang thiết bị

chống lạnh. Chính vì thế khi P51 yểm trợ B29, bọn tao hoàn toàn bất lực. Chẳng có chiếc chiến cơ nào có thể thắng P51 ở cao độ 8.000 mét.

Bọn tao cố sống cố chết chiến đấu nhưng mỗi lần phe ta bay lên đánh chặn đều bị bắn rơi thảm hại. Cả P51 và Grumman ung dung đáp xuống tầm thấp bắn phá mọi thứ: công trình xây dựng, xe lửa, xe hơi, sau đó là con người. Bọn chúng dùng súng bắn vào những người dân đang chạy loạn. Chắc hẳn bọn chúng không nghĩ người Nhật cũng là con người. Chúng hành động chẳng khác nào đang đi săn một loài động vật nào đó.

Tuy nhiên, cơ hội đến khi bọn chúng hạ cao độ. Khoảng tháng Sáu năm 1945, tao đã bắn được P51. Sau khi bay lên đánh chặn không kích, trên đường trở về căn cứ, tao phát hiện 4 chiếc P51 đang bắn phá một đoàn xe lửa.

Tao tấn công đám P51 từ trên cao. Địch lập tức nhận ra, ngạc nhiên là trong 4 chiếc chỉ có một chiếc tiến lên, 3 chiếc còn lại đứng yên quan sát. Bọn chúng khinh miệt phi cơ Nhật!

Vào giai đoạn ấy, phi công Nhật Bản đều chỉ là những tân binh. Hầu như không ai có thể chiến đấu với máy bay Mỹ tính năng cao, huống chi P51 lại là chiến cơ vô địch, thẳng tiến về phía tao ắt hẳn đã nói qua điện đàm rằng: “Thằng đó cứ để tao, bọn bay đừng có động tay!” Hẳn ba thằng kia đã cười nhảu chờ xem. Chiếc P51 dù ở tầm thấp vẫn thách tao đấu tay đôi.

Chờ đó, tao đâu phải tay mơ. Tao đã sống sót tại Rabaul. Hơn nữa, ở tầm thấp Reisen khá mạnh. Tao tránh làn đạn liên thanh như vòi sen của P51, xoay vòng gắt, bám vào phía sau. Địch cho máy bay lượn đi, định thoát thân nhưng quá muộn, hẳn lãnh phát pháo 20 li của tao, bay mất cả cánh.

Thấy đồng bọn bị bắn, ba chiếc kia kết thành đội hình tiến về phía tao. Tao vừa tránh vừa bay lên trên. Hai chiếc tao né được, lao thẳng về phía trước, chiếc cuối cùng tăng mã lực vùn vụt đuổi theo tao. Khi ấy, tao lộn nhào, máy bay địch cũng bám theo. Đồ ngu! Tao xoay vòng gấp, vòng ra phía sau hẳn. Địch hoảng hốt định bỏ nhào chạy trốn. Tao bắn pháo 20 li vào hướng địch bỏ nhào xuống. Chiếc P51 tự lao vào làn đạn tao vừa nã.

Đạn xuyên thủng thân máy bay, kính chắn gió của ghế điều khiển bay tán loạn. Chiếc P51 xoay tròn tròn và rơi xuống.

Hai chiếc còn lại từ trên cao tấn công xuống như thế gọng kìm. Tao nâng đầu máy bay, hướng về một chiếc. Địch nã đạn xối xả nhưng tao đã thấy trực đường, đạn đánh dấu bay lệch hết lên trên. Địch có cảm giác như tao sắp đâm vào nên né sang phải. Đó là hành vi tự sát! Tao bắn tất cả số đạn mà mình có. Bùm! Chiếc P51 bốc khói đen nghi ngút, rơi xuống núi. Chiếc còn lại đã vội bay trốn ra xa.

Đó là trận bắn P51 duy nhất của tao, cũng không có gì đáng tự kiêu. Đối phương đã phạm sai lầm khi khiêu chiến tay đôi với Reisen ở tầm thấp, kỹ thuật lại vụng về. Nếu là thằng có kỹ thuật lại ở tầm cao thì chắc hẳn không có chuyện đó đâu.

Sau chiến tranh, tao biết chuyên Akamatsu Sadaaki nổi danh từng đơn độc khiêu chiến đội hình khổng lồ 75 chiếc P51, bắn rơi một chiếc và trở về. Hẳn là kẻ khoe khoang hiếm thấy nhưng lúc ấy có nhiều người chứng kiến, hơn nữa cũng phải nói rằng tài không chiến của hẳn là thứ thiệt. Sống sót từ sau chiến tranh Trung Nhật thì hẳn cũng không phải tay vừa.

Tuy nhiên, tao chưa từng nghĩ mình không đấu lại P51. Nếu một chọi một thì tao tự tin rằng sẽ không thua, vì chiến thuật của bọn chúng là bắn và thoát nên nếu tránh được cú đầu tiên thì chúng không phải đối thủ đáng sợ đến thế. Chỉ là, các phi công trẻ non nớt thì khó mà tránh được màn tấn công của P51.

Từ sau mùa xuân năm 1945, các thành phố trọng yếu của Nhật Bản như Tokyo, Osaka, Nagoya, Fukushima bị đốt cháy thành bình địa bởi các cuộc ném bom rải thảm. Tin tức đó truyền đến cả Kanoya. Sự thật rằng phe ta dù chiến đấu thế nào cũng không thể thắng đã rõ như ban ngày. Các công xưởng quân giới hầu như đều bị phá hủy, có tiếp tục chiến đấu nữa cũng vô ích.

Vào tháng Năm, Đức quốc xã đầu hàng. Kẻ chiến đấu với Thế giới giờ chỉ còn lại Nhật Bản. Khoảng thời gian ấy, căn cứ không quân Nam Kyushu chịu đòn hủy diệt với những trận không kích của quân đội Mỹ từ

Okinawa, nên phải di chuyển hầu hết máy bay lên cứ địa ở Bắc Kyushu. Tao cũng chuyển đến Omura.

Tháng Bảy, toàn đội Không lực Hải quân đều được tổ chức thành cảm tử quân. Các phi công trẻ, toàn bộ phải tham gia, các phi công giàu kinh nghiệm cũng lập thành đội ném bom bắn phá - gần như tuyên bố chấm dứt nhiệm vụ máy bay chiến đấu.

Tin tức về thứ bom đạn tối tân thả xuống Hiroshima lan rộng, rằng trong nháy mắt cả thành phố đã biến mất. Không lâu sau, thứ bom đó cũng đã ném xuống Nagasaki. Vì Omura gần Nagasaki nên tình trạng thảm khốc đó lập tức được lan tới. Vậy nhưng tao vẫn không dao động. Tao chỉ chiến đấu vì cuộc chiến của mình. Dù có là chiếc chiến cơ cuối cùng, tao vẫn phục kích máy bay Mỹ.

Tao được lệnh điều đi từ Omura đến Kanoya ngay trước khi chiến tranh kết thúc, nhận nhiệm vụ yểm trợ máy bay cảm tử xuất phát từ Kanoya. Tại đó, tao đã tái ngộ người mà trong mơ tao cũng thấy Miyabe. Đó là lần gặp lại đầu tiên sau một năm rưỡi.

Vậy mà khi thấy Miyabe, tao đã không nhận ra vì sắc diện hần hoàn toàn khác hẳn. Má hóp, râu ria không cạo, riêng đôi mắt toát lên vẻ dị thường. Trước đây hần là kẻ chần chừ, lúc nào cũng cạo râu sạch sẽ. Nhìn phù hiệu cấp bậc, hần đã là thiếu úy.

Nói cho mày nghe tâm trạng thật sự của tao khi gặp lại Miyabe nhé: Là vui mừng! Dù cũng không biết vì sao.

Có lẽ trong hơn một năm qua tao đã thấy quá nhiều người chết. Nhiều phi công lão luyện cũng hy sinh vì thực hiện nhiệm vụ bảo vệ máy bay cảm tử.

“Thiếu úy Miyabe!”

Tao cất tiếng gọi. Nhưng Miyabe chỉ khẽ liếc nhìn, không trả lời.

“Sau dạo ấy, tay lái của tôi đã khá lên nhiều rồi. Tôi sẽ không thua anh dễ dàng nữa đâu.”

Hần nhìn tao nghi ngại, lờ đờ gật đầu, không nói gì và quay lưng đi.

Hần không nhớ tao. Cơ phần nộ và sự nhục nhã một năm trước sống lại. Tao từng muốn tận mắt thấy cái chết của con người ấy. Tao sống đến

tận hôm nay là để nhìn thấy hãn chết trước mắt tao.

Mờ sáng hôm sau, các phi công được lệnh tập trung tại phòng chỉ huy. Trên đường băng ngày hôm trước, đã dàn đầy những chiếc máy bay được thu gom từ các khu vực thuộc Kyushu. Tất cả các chiến cơ đều đã được khởi động. Trong tiếng gầm rú của động cơ, tao đọc bảng phân công nhiệm vụ được viết trên tấm bảng đen phía trước phòng chỉ huy. Tên tao có trong đội hộ tống như đã được báo từ hôm trước.

Sau màn chào hỏi của Tư lệnh, uống hết ly rượu cuối cùng, các cảm tử quân bước về hướng phi cơ. Tao nhìn theo bọn hãn, phút chốc, người tao cứng đờ. Trong đám cảm tử quân, không phải là Miyabe kia sao?

Giây tiếp theo, tao đuổi theo Miyabe.

“Thiếu úy Miyabe!”

Miyabe có vẻ giật mình, ngoảnh lại.

“Anh tham gia cảm tử đấy ư?”

Miyabe lơ mơ gật đầu. Tao ghen lời.

“Nếu được Kageura hộ tống thì tôi yên tâm rồi.” Miyabe mỉm cười, vỗ vai tao. Sau đó, bước về phía chiếc Reisen đã được trang bị bom.

Đây là chuyện tao chưa từng nghĩ đến. Miyabe mà lại tham gia tấn công cảm tử thì... Tao chỉ đứng nhìn theo bóng dáng Miyabe.

Vài phút sau, tất cả máy bay cất cánh.

Ánh mắt tao chỉ dõi theo máy bay của Miyabe. Đáng ngạc nhiên là chiếc Reisen mà Miyabe lái không phải chiếc đời 52 mà là đời 21 cũ kỹ. Nó là chiếc Reisen kiểu cũ thời Trân Châu Cảng. Chiếc Reisen cũ kỹ đó đào ở đâu ra vậy? Trên bụng nó được gắn 250kg bom.

Trong đầu tao chỉ có một điều duy nhất. Tao quyết yểm trợ Miyabe. Chỉ có vậy thôi.

Dù có chuyện gì xảy ra tao cũng phải bảo vệ máy bay Miyabe đến cùng, không cho địch bắn trúng viên đạn nào. Tao sẽ bắn tất cả máy bay địch tấn công Miyabe. Nếu hết đạn, dù phải liều mình tao cũng sẽ tiêu diệt chúng.

Thế nhưng, đột nhiên máy bay tao rung lên bần bật, động cơ phụt ra khói.

“Đống sắt vụn này! Bay lên xem nào!”

Tao hét lên nhưng động cơ không vì thế mà bình thường trở lại. Tao nhanh chóng bị tụt lại. Đội hình của Miyabe đã mất hút ngoài xa.

Tao lấy hết sức bình sinh kêu gào. “Nhật Bản bại trận đi! Hải quân Đế quốc diệt vong đi! Quân đội, biến đi cho tao! Còn nữa, đám binh lính chết hết đi!”

Sau khi kêu gào dữ dội, tao thì thào với cổ họng khô khốc. “Miyabe, tha thứ cho tôi.” Khi tao nhận ra mình lẩm bẩm như thế thì nước mắt đã chảy ròng ròng.

Một tuần sau, chiến tranh kết thúc.

Khi nghe tuyên bố đầu hàng Gyokuon *, tao phục xuống đất mà khóc thảm thiết. Có vài người cũng khóc nhưng không ai khóc cạnh tiếng như tao. Tao không khóc vì Nhật Bản thua trận, vì đã biết trước dù thế nào chúng ta cũng thua. Tao khóc vì Miyabe. Nếu hẳn sống thêm một tuần nữa thôi thì đã được cứu rồi. Sẽ có thể trở về bên người vợ mà hẳn hết mực yêu thương.

Sau chiến tranh, tao trở thành Yakuza. Tao muốn báo thù cuộc đời đảo điên này. Tao đã giết người, giết nhiều người đến nỗi tao ngạc nhiên là mình vẫn còn sống đến giờ. Tao cũng đã quên chuyện về Miyabe, mãi cho đến hôm nay tao chưa hề nhớ lại.

“Chuyện của tao đến đây hết rồi!” Ông Kageura thẳng thừng.

Từ giữa câu chuyện ông ta đã đeo kính râm nên tôi không thể nhìn thấy biểu hiện trên gương mặt. Gã đứng sau lưng ông ta mím chặt môi.

“Khi ấy...” Bất ngờ ông ta thì thầm. “.. Ánh mắt của hẳn không phải là ánh mắt chấp nhận cái chết.” Nói rồi ông ta ngược lên trần nhà.

Có phải ông Kageura muốn nói rằng đến phút cuối ông ngoại vẫn không mất đi khát vọng sống không? Ông Kageura khoanh tay lại, không biết đôi mắt đằng sau chiếc kính râm đang nhìn vào nơi nào.

Một lát sau, ông ta nói.

“Bà ngoại mày đã mất rồi nhỉ?”

“Bà mất sáu năm trước ạ.”

“Bà ấy có sống hạnh phúc không?”

“Cháu nghĩ là có.”

Tôi thấy biểu cảm của ông ta thoáng dịu lại, nhưng cũng có thể do tôi tưởng tượng nên.

“Vậy thì tốt rồi!”

“Ông đã từng gặp bà cháu phải không ạ?”

“Không.” Ông ta lập tức phủ định. “Tao chẳng có hứng thú gì với gia đình của hãn cả.”

Ông ta đột ngột đứng dậy, và nói như quát.

“Chuyện của tao hết rồi. Về đi!”

Tôi đứng lên, cúi đầu cảm ơn. Khoảnh khắc ấy, một chuyện không ngờ đã xảy ra. Ông Kageura ôm chầm lấy tôi. Không biết phải làm sao, tôi chỉ đứng yên. Hơi ấm từ người ông lão gầy gò truyền sang tôi. Khi thả tôi ra, ông Kageura nói, “Xin lỗi, thứ lỗi cho tao! Tao thích những chàng trai trẻ!”

Ông Kageura khẽ cười, sau đó bảo tên đàn em dẫn tôi ra rời rời khỏi phòng.

Gã vệ sĩ tiễn tôi ra đến sảnh, sau cùng hãn nói. “Cám ơn anh đã cho tôi nghe một câu chuyện hay!”

Gã thanh niên cúi thấp đầu chào.

Tôi cũng cúi đầu và rời khỏi dinh thự ông Kageura.

PHÚT CUỐI

Mùa hè nóng bức đã sắp qua. Chuyến tìm hiểu về Ông ngoại cũng sắp kết thúc. Tôi sẽ tổng hợp câu chuyện về ông cho mẹ đọc. Tôi lưu phần ghi âm vào máy tính, nghe đi nghe lại những câu chuyện về ông. Tôi đã bảo chị Keiko cho tôi đảm nhận việc tổng hợp câu chuyện. Những tưởng sẽ bị từ chối, nhưng chị lại đồng ý.

“Lần điều tra này, em đã bỏ công sức từ đầu đến cuối, em tổng hợp là đương nhiên rồi.” Tôi nghe tin cáo phó của ông Izaki Genjiro từ bà Emura Reiko vào giữa tháng Tám.

“Gương mặt ông rất thanh thản.” Khi gặp tại lễ tang, bà Emura đã nói vậy. Lúc thắp hương, tôi thấy Seichi - cháu trai ông Izaki, nhưng ban đầu tôi đã không nhận ra cậu ấy. Mái tóc dài đã cắt ngắn, tóc vàng đã nhuộm đen lại. Dù không trò chuyện nhưng khi nhận ra tôi, cậu ấy đã cúi thấp đầu chào.

Trong lòng tôi cũng xuất hiện một sự thay đổi. Tôi đã đọc lại đồng sách luật phủ đây bụi, định thử sức với kỳ thi tư pháp một lần nữa. Tôi đã lấy lại quyết tâm làm luật sư, muốn tận lực vì mọi người như khi xưa. Bản thân tôi cũng thấy kỳ lạ.

Cuối tháng Tám, chị rủ tôi đi uống nước, chuyện vốn hiếm có nhưng thoáng thấy chị, tôi biết đã có chuyện gì đó.

“Anh Takayama lại cầu hôn chị lần nữa.” Sau khi vào tiệm, chị hồ hững nói.

“Chị trả lời sao?”

Keiko lặng yên không trả lời.

“Em không muốn gọi người đó là anh rể đâu!”

“Đừng nói thế! Chuyện khi ấy, anh Takayama đã kiểm điểm lại rồi. Bị ông Takeda nói về tòa soạn mình như thế nên anh ấy mới nổi cơn thịnh nộ như vậy...”

“Anh ấy đã sỉ nhục ông ngoại. Tuy không phải trực tiếp nhưng anh ta đã sỉ nhục tất cả cảm tử quân.”

“Anh Takayama đã hối lỗi rồi. Nghe ông Takeda nói, anh ấy đã nhận ra mình sai. Có lẽ em không tin nhưng anh ấy đã khóc khi nói vậy đấy.”

“Chị nghĩ lấy người như vậy sẽ hạnh phúc sao?”

Keiko dường như hơi giận trước cách nói chuyện của tôi. “Chị nghĩ chị sẽ hạnh phúc. Anh Takayama yêu chị, hơn nữa...”

“Điều kiện cũng tốt để lấy làm chồng?”

“Không được sao?”

Tôi lắc đầu. Đối với phái nữ, kết hôn rất thực tế. Hơn nữa anh Takayama lại yêu chị. Có thể anh ấy là người có suy nghĩ lệch lạc nhưng không phải vì thế mà là kẻ xấu. Người rơi nước mắt nhận sai lầm của mình chắc hẳn chân thành. Và lại, chị có ước mơ mãnh liệt muốn phát hành sách, anh ta thì có khả năng thúc đẩy giấc mơ đó.

“Em quan tâm một chuyện.” Tôi nói. “Chị chưa nói đến trọng tâm.”

“Chị có yêu anh Takayama không?”

Thay vì trả lời, chị im lặng uống rượu Mizuwari. Khi cốc đã cạn, chị đưa lên ngang tầm mắt, ngắm những viên đá.

“Còn anh Fujiki thì sao?”

Mặt chị bỗng biến sắc.

“Đối với anh Fujiki, việc cầu hôn chị có lẽ sánh ngang với chuyện nhảy xuống từ đài Shimizu vậy. Em nghĩ chắc hẳn anh ấy đã lấy hết dũng khí để thổ lộ.”

Chị gật đầu, sau đó nói nhỏ. “Chị cũng nghĩ vậy.”

“Chị làm như thế chuyện trả đũa của trẻ con ấy. Em chỉ mong chị hãy xin lỗi anh Fujiki đàng hoàng.”

Chị yên lặng gật đầu.

“Cuộc đời chị là của chị, vì vậy chuyện kết hôn không cần bàn gì thêm, cứ quyết theo những gì bản thân chị cho là tốt.”

“Chị biết rồi.” Keiko đáp.

Tôi chuyển đề tài, nói rằng mình sẽ ra sức học hành một lần nữa, năm sau sẽ lại đối mặt với kỳ thi tư pháp quốc gia. Chị có hơi ngạc nhiên nhưng chỉ mỉm cười động viên, “Cố lên nhé!”

Tôi chẳng lo lắng gì về kỳ thi. Bây giờ nghĩ lại, khi tham dự kỳ thi tư pháp lần đầu, do lòng đầy hoài bão nên khi thất bại tôi đâm ra mất kiên nhẫn. Giờ định tâm lại, quyết chí học hành, tôi thấy nếu đã cố gắng hết sức mình, thì ra sao cũng là số mệnh. Nếu thi hỏng, tôi định sẽ xin làm một công việc nào đó.

“Nhưng rất cuộc, tại sao ông ngoại lại tham gia tấn công cảm tử?” Bất giác chị hỏi.

“Đây chỉ là ý nghĩ của em thôi...” Tôi chột khựng lại.

“Nói đi. Không sao đâu.”

“Theo lời ông Kageura, Yamato dù biết sẽ bị đánh chìm nhưng vẫn tiến vào Okinawa. Đó là một cái chết vô ích nhưng họ cũng không thể bỏ mặc những người đang chiến đấu tại Okinawa.”

Chị nhìn tôi với ánh mắt nghiêm trọng.

“Có phải do ông đã đưa tiễn quá nhiều đội cảm tử... Trong đó, cũng có những học viên mà mình dạy dỗ, ông không thể chịu được việc chỉ riêng mình còn sống chẳng?”

Ánh mắt chị chuyển xuống mặt bàn, nhìn đăm đăm chiếc cốc trước mặt, sau đó nhỏ giọng thì thầm. “Chị không nghĩ như vậy.”

Tôi chờ, nhưng chị không nói gì hơn.

“Chuyện về ông Kageura, chị hiểu tâm trạng của con người ấy.” Bất ngờ chị nói. “Trong tâm khảm ông ấy rất ngưỡng mộ ông ngoại.”

Tôi cũng nghĩ vậy.

“Vậy cuộc điều tra về ông sẽ kết thúc phải không?” Chị hỏi.

“Thực ra vài ngày trước, chúng ta lại có liên lạc từ Hội cựu chiến binh. Ở căn cứ Kanoya, Kyushu có người từng làm thông tin viên, nhưng hình như người đó cũng không nhớ nhiều chuyện lắm.”

“Vậy thôi, đừng đi.”

“Em muốn đến nơi cuối cùng mà ông đã cất cánh, tiện thể đi gặp luôn. Sau đó, sẽ chấm dứt cuộc hành trình tìm hiểu về ông ngoại.”

“Khi nào em đi?”

“Cuối tuần này.”

Chị suy nghĩ một chút rồi nói giọng quả quyết.

“Chị đi cùng được không? Không, nhất định em phải dẫn chị đi cùng.”

Cứ địa Kanoya khi xưa giờ đã là căn cứ của Lực lượng phòng vệ, nằm giữa bán đảo Osumi, phía tây nam có thể nhìn thấy ngọn núi Kaimon. Tôi có thể trông thấy đường băng từ ngọn đồi nhỏ Kirishimagaoka gần đó, đường băng thời chiến được giữ nguyên để sử dụng, hầm trú ẩn từ sáu mươi năm trước cũng vẫn còn. Tôi như thấy khung cảnh mà ông đã thấy khi xưa, trong lòng dâng lên nhiều cảm xúc.

Cạnh căn cứ Lực lượng phòng vệ, có một Viện lưu trữ triển lãm tư liệu về Không lực Hải quân khi xưa. Lần đầu tiên, tôi tận mắt thấy một chiếc Reisen. Chiếc máy bay nhỏ hơn so với những gì tôi tưởng tượng. Trong viện còn trưng bày cả di thư của đội cảm tử quân nhưng tôi không thể cầm lòng đọc nổi, vội bước ra khỏi Viện lưu trữ.

Chị Keiko đã đọc vài bức di thư, mắt đỏ au bước ra. Tôi và chị không nói gì, cả hai đều thấu hiểu nỗi niềm của các cảm tử quân. Sau đó, chúng tôi đến viếng Đài tưởng niệm cảm tử quân, rồi rời thành phố Kanoya.

Nhà của cựu Nhất đẳng phi tào Hải quân Onishi Yasuhiko nằm trong nội thành Kagoshima, Từ Kanoya đi xe buýt và qua phà hết ba giờ đồng hồ.

Ông Onishi đang kinh doanh một quán trọ nhỏ, nhưng đã giao lại cho con trai và sống cuộc đời điền viên rồi.

Tôi và chị được đưa vào phòng khách của quán trọ. Đó là một căn phòng hướng nam sáng sủa, nhìn ra khu vườn nhỏ. Điều ngạc nhiên khi chúng tôi gặp Onishi là ông ấy dùng chuẩn âm quốc ngữ.

“Ông phát âm chuẩn quá ạ!” Chị Keiko nói.

“Ta vốn sinh ra ở Tokyo mà.” Ông Onishi cười đáp, trái đầy cuốn tập sinh viên cũ mèm trên bàn. Cuốn nào bìa cũng tả tơi, vàng úa.

“Đây là mấy thứ ta viết những khi nhớ về thời ấy.” Ông Onishi vừa lật giở trang vở vừa nói. “Ta còn ghi lại toàn bộ tên những cảm tử quân cất

cánh từ cứ địa Kanoya.”

Ta đến Kanoya vào năm 1944, đã sáu mươi năm rồi. Đến giờ ta vẫn chưa thể nói trôi chảy tiếng địa phương nơi đây, nhưng kinh doanh quán trọ thì nói chuẩn quốc ngữ cũng tiện lắm.

Sau chiến tranh, ta cũng định quay về Tokyo nhưng quê nhà đã bị thiêu rụi vì không kích, gia đình lại di tản về nhà bà con ở Chiba. Ta quay về cũng chẳng để làm gì. Hơn nữa, ta lại có tình cảm với bà xã ta bây giờ. Đó là lý do ta ở lại nơi đây.

Bà xã ta từng hoạt động trong đội tình nguyện xây dựng hào phòng không của căn cứ Kanoya. Dù vậy, trong thời chiến chúng ta chưa từng nói chuyện một lần nào, mãi cho đến khi chiến tranh kết thúc. Nhà bà ấy kinh doanh quán trọ này, vợ ta có hai người anh nhưng đều chết trận. Ta ở rể và thừa kế lại ngôi nhà này. Đến bây giờ tình cảm của chúng ta vẫn tốt lắm.

Nhiệm vụ của ta ở Kanoya là thông tin viên, làm những việc như liên lạc với các quân đoàn khác, trao đổi thông tin với đội tấn công nhưng từ mùa xuân năm 1945, công việc chủ yếu là nhận điện tín từ đội cảm tử quân. Đó là một công việc đầy đau đớn.

Các đội cảm tử quân giai đoạn ấy hầu như không được kèm máy bay xác nhận chiến tích. Dù đội cảm tử có ngoạn mục đâm được vào tàu địch mà không có người chứng kiến báo cáo lại thì phe ta cũng không thể biết được.

Trận ở Philippines luôn có máy bay xác nhận chiến tích được gửi đi, nhưng đến giai đoạn Okinawa, nếu gửi đi thì ngay cả máy bay xác nhận chiến tích cũng sẽ bị bắn rơi nên không được bay kèm.

Những lời Đô đốc Onishi từng nói với đội Shikishima, rằng “Chiến tích của các cậu nhất định sẽ được trình báo lên trên!” cũng sớm bị ném vào thùng rác. Chiến công của cảm tử quân không được thông báo cho bất kỳ ai.

Vậy việc xác nhận chiến tích phải làm sao đây? Các máy bay cảm tử được gắn điện tín không dây, phi công buộc phải truyền tin bằng điện tín lúc tấn công. Điện thoại vô tuyến thời ấy của Hải quân Nhật Bản đầy tạp

âm, hoàn toàn không dùng được, thứ mà chúng ta có thể trông cậy là tín hiệu Morse. *

Trường hợp máy bay cảm tử phát hiện chiến cơ địch sẽ liên tiếp gửi các mã ngắn, khi sắp đâm vào tàu địch sẽ đánh mã dài, và ấn giữ nút điện tín cho đến giây phút va chạm.

Khi nghe âm thanh đó là cả cơ lữ chúng ta đông cứng lại. Âm thanh đó vang lên đồng nghĩa với chính lúc này đây các cảm tử quân đang lao mình xuống. Âm thanh ấy kết thúc, cuộc sống của họ cũng chấm dứt. Tuy nhiên, chúng ta lại không thể cảm thương cho sự hy sinh ấy ngay lúc đó. Chúng ta phải tính toán thời gian máy bay cảm tử bắt đầu đánh mã dài cho đến khi âm thanh đó kết thúc, và suy đoán liệu máy bay có thể lao mình xuống tấn công không hay bị pháo đối không địch bắn rơi. Nếu âm thanh đó tắt quá nhanh sau khi bắt đầu thì chúng ta sẽ đoán định chiếc ấy đã bị pháo địch tiêu diệt, còn nếu nó kéo dài liên tục mới tắt thì có thể đoán chiếc đó đã lao mình xuống thành công. Nói cách khác, điện tín viên chúng ta vừa nghe âm thanh đó vừa phải xác định chiến tích.

Tin nhắn cuối cùng mà các cảm tử quân để lại trong đời là tín hiệu thông báo chiến tích cho Bộ Tổng tư lệnh. Bây giờ nghĩ lại, chuyện đó thật tàn nhẫn quá! Chuyện xác nhận chiến tích lẽ ra phải do ai đó thực hiện, phi công máy bay cảm tử cần vứt hết tạp niệm mà lao mình vào chiến hạm địch thôi chứ? Phút giây trước khi chết còn phải xác nhận chiến tích, phát tín hiệu cho cái chết của chính mình. Không có chuyện nào nhẫn tâm hơn thế!

Thế nhưng, cảm tử quân là những chàng trai đầy khí phách, nhiều người đã đánh mã dài khi lao xuống. Dù trước khi chết họ vẫn trung thành với nhiệm vụ của mình. Xoay sở trong trận đánh chặn khủng khiếp của chiến cơ địch, giữa màn pháo đối không kinh hoàng đó, họ vừa điều khiển máy bay nhắm vào tàu địch mà lao xuống, vừa đánh điện tín. Hơn nữa, máy điện tín nằm phía tay phải, để đánh mã phải đổi tay cầm lái sang tay trái. Trong trạng thái cùng cực của cái chết, sự bình tĩnh đó... họ lại không được tập luyện mà chỉ làm việc ấy duy nhất một lần trong đời.

Khi ấy ta không nhận ra nhưng bây giờ ta biết, họ đã mạnh mẽ biết nhường nào. Chẳng có ai hoảng sợ, thất kinh trước cái chết.

Đã nhiều lần nghe mã dài, ta nín thở, tập trung toàn bộ ý thức để lắng nghe tín hiệu cuối cùng của cuộc đời họ. Chẳng có gì ví được với nỗi nặng nề của khoảng thời gian âm thanh đó vang lên cho đến khi nó ngừng lại. Khoảnh khắc âm thanh đó kết thúc, cuộc đời của một chàng trai trẻ cũng chấm hết. Ta không biết phải diễn đạt nỗi sợ hãi và đau đớn lúc đó như thế nào, cảm giác như kim đâm vào tim vậy.

Trong tai ta bây giờ vẫn còn vang lên âm thanh ấy. Ngay cả bây giờ, nhiều khi nghe thấy những âm thanh giống như vậy, người ta đông cứng, trống ngực đập dữ dội, không thể đứng dậy nổi.

Nói về chuyện Miyabe nhé!

Vì anh ấy là phi công kỳ cựu từ trận Trân Châu Cảng, nên ở căn cứ Kanoya ai cũng kính nể.

Thực ra ta từng mơ ước trở thành phi công. Ta đã dự thi khóa huấn luyện dự bị, nhưng bị trượt. Nói ra điều này thật không phải với những người đã khuất, nhưng ta nghĩ việc trượt khóa huấn luyện dự bị lại là điều may mắn. Nếu lúc ấy được nhận vào khóa huấn luyện dự bị chắc ta đã chết vì tấn công cảm tử rồi.

Ta và thiếu úy Miyabe thường xuyên gặp nhau trong phòng thông tin.

Thiếu úy Miyabe là phụ tá phân đội trưởng nên thường đến hỏi về thông tin của đội tấn công và đội trinh sát. Miyabe là Thiếu úy đặc vụ nhưng không tỏ vẻ kiêu ngạo như những sĩ quan xuất thân từ trường Hải quân, mà rất thân thiện bắt chuyện với các binh lính nên ta khá mến con người ấy.

Thiếu úy Miyabe ở Kanoya thực hiện nhiệm vụ yểm trợ cho máy bay cảm tử trước máy bay chiến đấu địch, tiến đến mẫu hạm địch bình an vô sự. Tuy không hiểu lắm về chiến cơ, nhưng ta có thể tưởng tượng được việc bảo vệ máy bay cảm tử khỏi các chiến cơ vượt xa về tính năng, lại áp đảo về số lượng là chuyện khó khăn đến mức nào.

Mỗi lần xuất kích đều có máy bay yểm trợ hy sinh, có lúc toàn đội không ai quay về được. Nói cách khác, dù không phải máy bay cảm tử

nhưng họ cũng giống các cảm tử quân vậy. Giai đoạn ấy, ngay cả những máy bay trinh sát cũng không thể quay về.

Có lần ta đã hỏi thiếu úy Miyabe.

“Máy bay yểm trợ cũng giống đội cảm tử quân phải không?”

Thiếu úy Miyabe lập tức phản bác.

“Hoàn toàn khác. Đúng là trong hoàn cảnh đó máy bay yểm trợ cũng gặp khó khăn. Nhưng dù thế, chúng tôi vẫn là thập tử nhất sinh, dù tuyệt vọng cũng có thể chiến đấu để sống sót. Nhưng các cảm tử quân là thập tử vô sinh.”

Thập tử vô sinh là từ được dùng để nói về đội cảm tử quân Thần phong thời ấy. Trong tiếng Nhật có từ Hisshi *, dù ý chỉ liều mạng nhưng nghĩa thực sự không phải vậy. Thập tử vô sinh thì khác, ngay từ đầu đã định sẵn là sẽ chết rồi.

Bi thảm nhất trong các cuộc tấn công cảm tử là đội Thần Sấm.

Thần Sấm là đội Oka, không có cuộc tấn công nào kinh khủng hơn thế. Chiếc máy bay ném bom trên mẫu hạm kiểu 1 là loại bom người. Không chuyện nào táo bạo hơn thế. Trong trận xuất kích đầu tiên vào tháng Ba, đội Thần Sấm gồm 18 chiếc máy bay ném bom kiểu 1 toàn bộ đã không quay về. Trong số 30 chiếc Reisen hộ tống, có đến 10 chiếc hy sinh. Ta nghe nói vì số lượng máy bay hộ tống không đủ nên Tư lệnh và tham mưu đã khuyên Trung tướng Ugaki cho hoãn kế hoạch, nhưng Trung tướng gạt phắt. Trung tá Nonaka — người dẫn đầu đội ném bom đã xuất kích sau khi nói “Không có chiến dịch nào ngu ngốc hơn thế!”

Ngày hôm ấy, ta đợi tín hiệu từ đội ném bom, nhưng một tín hiệu nhỏ cũng không có, kể cả tin “Đã nhìn thấy chiến cơ địch.” Điều đó thật kỳ lạ! Trên máy bay ném bom thuộc mẫu hạm kiểu 1 có cả thông tin viên chuyên môn. Dù bị chiến cơ địch đánh chặn, cũng vẫn có thể đánh điện “Đã thấy chiến cơ địch.” Vậy mà cả 18 chiếc máy bay ném bom không gửi một dòng điện tín nào. Ta nghĩ, phải chăng đó là sự ngấm ngầm chống đối của Trung tá Nonaka.

Tuy vậy, sau đó đội Thần Sấm vẫn tiếp tục được lệnh tấn công.

Chuyện ấy xảy ra vào tháng Năm. Thiếu úy Miyabe lần đầu tiên được lệnh hộ tống đội Thần Sấm từ sau khi đến Kanoya. 6 chiếc Reisen hộ tống 6 chiếc máy bay ném bom kiểu 1 treo Oka. Thiếu úy Miyabe xuất kích với gương mặt xanh xao hiểm thấy.

Hôm ấy chỉ có mỗi máy bay Miyabe trở về. Anh ấy đã báo cáo rằng toàn đội máy bay ném bom đã bị bắn hạ. Thân máy bay của thiếu úy Miyabe lỗ chỗ vết đạn, đặc biệt là phần đuôi. Thiếu úy Miyabe hầu như chưa bao giờ trở về trong tình trạng như thế.

Đêm hôm ấy, khi định trở về phòng nghỉ, ta nhìn thấy trên bờ đê gần đường băng có một phi công đang ngồi. Đó là một đêm trăng sáng, ta nhận ra ngay thiếu úy Miyabe.

Miyabe nhận ra ta và vẫy tay gọi.

“Murata, ngồi đây không?”

Họ cũ của ta là Murata.

“Tôi ngồi cùng nhé.”

Ta ngồi xuống bên cạnh thiếu úy. Khi đó, người anh ấy nồng nặc mùi rượu.

“Uống cùng không?” Thiếu úy nắm chai rượu đặt bên cạnh, đưa cho ta. “Không có ly, nên uống vậy đi.”

Ta thấy ngại nên từ chối. Thiếu úy chẳng lấy gì làm khó chịu, ngửa cổ uống rượu.

“OKA CHẮC CHẮN KHÔNG THỂ THÀNH CÔNG!” Thiếu úy nói to đống đạc, những lời ấy khiến ta hoảng hồn. “Ngay cả máy bay cảm tử còn khó tiếp cận Hạm đội cơ động, thì chắc chắn Chuko mang Oka không thể nào tiếp cận được.”

“Máy bay cảm tử cũng khó lắm sao?”

“Quân Mỹ định vị được chúng ta bằng radar, rồi phục kích bằng vô số máy bay chiến đấu. Chúng ta không thể đột phá được chỉ với vài chiếc máy bay hộ tống. Huống hồ máy bay cảm tử lại ôm bom nặng nề, phi công thì kinh nghiệm non yếu.”

“Nhưng trong đó vẫn có những chiếc có thể đến được Hạm đội cơ động mà.” Vì ta vẫn nhận được những tín hiệu dài nên phản bác lại.

“Đúng là đôi lúc vẫn có những chiếc đột phá được. Nhưng trong vài chục chiếc họa hoằn lắm mới có một chiếc qua được. Trong trận Okinawa phe ta đã đưa đi hơn 2.000 chiếc máy bay cảm tử, có bao nhiêu chiếc đã đánh điện tín báo về là đang lao xuống?”

Bị hỏi thế, ta chẳng thể trả lời được. Quả thực có vài chục tin điện báo, nhưng so với 2.000 máy bay cảm tử thì tỷ lệ thành công quá thấp.

“Dù có may mắn thoát khỏi sự truy kích của chiến cơ địch, vẫn còn hàng loạt pháo đối không kinh khủng của mẫu hạm địch đang chờ. Nhiều lần ta đã thấy máy bay cảm tử đâm mình xuống. Chẳng có gì khủng khiếp như pháo đối không của quân Mỹ. Ở trận Mariana ta đã nghĩ nó khủng khiếp lắm rồi, vậy mà giờ nó còn vượt xa hơn thế. Vậy mà Bộ Tổng tư lệnh chẳng biết gì hết. À không, là họ biết mà vờ như không biết mới đúng chứ.”

Thiếu úy Miyabe bắt đầu khóc.

“Bổ nhào, đâm mình xuống cũng cần có kỹ thuật. Nếu là các phi công máy bay ném bom đánh trận Trân Châu Cảng thì chắc đã có thể thành công, nhưng những phi công trẻ này thì không thể. Để tránh pháo đối không của địch thì phải lao sâu xuống hết mức có thể. Nếu lao theo góc hẹp, thì sẽ trực tiếp lãnh đạn pháo đối không. Nhưng nếu bổ nhào, lao xuống theo góc đứng thì vận tốc nhanh quá, cánh nặng vô cùng, thân máy bay sẽ bị thả trôi. Ngay trước khi đâm xuống dù muốn thay đổi góc độ, phương hướng cũng không phải chuyện dễ dàng. Vì vậy mà lao luôn xuống biển.”

Thiếu úy nói cứ như ta là thực tập sinh vậy. Rõ ràng anh ấy đã say rồi. Đây là lần đầu ta thấy dáng vẻ đó của thiếu úy.

Đột nhiên anh ấy nắm chai rượu, ném về phía đường băng. Cái chai vẽ một hình cung dưới ánh trăng, rơi xuống đất vỡ tan tành.

“Hôm nay, 6 chiếc Chuko bị bắn rơi ngay trước mắt. Ta đã không thể làm gì cả.”

Thiếu úy thét lên. Tiếng thét đó làm ta sợ đến run người.

“Trong nhóm phi công Oka hôm nay có đứa trẻ ta đã dạy ở Tsukuba. Trước khi xuất kích, nó đã nhìn ta mà nói rằng *Có giáo quan Miyabe hộ*

tổng, tôi yên tâm lắm. Vậy mà trước mắt ta, chiếc máy bay ném bom kiểu 1 mang thẳng nhóc đã bốc cháy, rơi xuống. Các thành viên đội Chuko còn chào ta trong lúc rơi xuống.”

Thiếu úy nhìn trừng trừng vào ta mà nói.

“Ta chẳng bảo vệ được một chiếc nào.” Miyabe nói với giọng đau lòng. “Chỉ một chiếc cũng không.”

“Không thể làm gì hơn mà.”

“Không thể làm gì hơn sao?” Thiếu úy quát. “Cậu có biết bao nhiêu người đã chết rồi không? Máy bay hộ tống có nhiệm vụ bảo vệ máy bay cảm tử, dù bản thân bị bắn đi chẳng nữa. Vậy mà ta đã bỏ mặc bọn họ.” Thiếu úy ôm gối, gục đầu, vai khẽ run lên.

Không biết phải nói gì, ta cảm nhận được sự tự trách và nỗi tuyệt vọng trong lòng thiếu úy Miyabe.

“Mạng sống của ta hiện giờ là đạp trên sự hy sinh của họ.”

“Tôi hiểu những gì anh nói, nhưng tôi nghĩ không phải như vậy đâu.”

“Đúng là vậy đó. Vì họ chết mà ta vẫn có thể sống.”

Nghe câu nói ấy, ta hiểu Miyabe cảm thấy bị dày vò như thế nào. Con người ấy quá lương thiện.

Thiếu úy im lặng đứng dậy, bước loạng choạng về doanh trại. Ta nhìn dáng lưng ấy, không nói được lời nào.

Từ nửa sau trận Okinawa, Miyabe thay đổi rõ rệt. Râu ria để dài, mắt ánh lên vẻ dị thường. Anh ấy vốn đã cao, giờ trông lại càng gầy đi. Gò má hõm sâu trông thấy, dáng vẻ đã thay đổi, ngay cả nụ cười cũng biến mất.

Mỗi lần thực hiện nhiệm vụ hộ tống máy bay cảm tử là mỗi lần thiếu úy bị bào mòn. Ta còn nhớ cảm giác kinh hoàng vào một buổi chiều, ta nhìn thấy thiếu úy Miyabe đứng trên đường băng. Anh ấy đứng trong làn sương mù nhìn hư ảo như không còn giống người của thế giới này. Cảm giác như anh ấy vốn đã đặt một chân sang bờ bên kia.

Ngay cả sau khi Okinawa bị chiếm đóng, tấn công cảm tử vẫn tiếp tục được tiến hành. Tuy nhiên không lâu sau, quân Mỹ từ Okinawa ồ ạt đến không kích, phi công và máy bay tại các căn cứ Nam Kyushu, đặc biệt là

Kanoya được dời đến căn cứ Bắc Kyushu. Sau đó, căn cứ Kanoya chỉ được sử dụng khi đưa đội cảm tử quân đi tấn công. Ta vẫn ở lại Kanoya.

Ta nghĩ Nhật Bản sắp thua thật rồi. Vào tháng Tám, Hiroshima và Nagasaki bị ném một loại bom tối tân, lòng ta tràn đầy cảm giác tuyệt vọng, phải chăng nước Nhật sắp bị diệt vong.

Từ nửa sau trận Okinawa, cùng lời kêu gọi toàn đội tấn công cảm tử, Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh tấn công cảm tử như các đợt tấn công thông thường. Ngoài các phi công trẻ và học viên dự bị, ngay cả phi công tốt nghiệp trường Hải quân và phi công kỳ cựu xuất thân từ khóa dự bị cũng lần lượt được lệnh tấn công. Nếu cãi lại mệnh lệnh đương nhiên là mang tội kháng lệnh.

Tuy nhiên, vào giai đoạn ấy có nhiều chiến cơ dù đã xuất kích nhưng vì động cơ gặp sự cố nên quay trở lại. Cũng có không ít chiến cơ rơi xuống biển trước khi đến được Hạm đội địch. Bản thân ta cũng từng nhìn thấy chiến cơ vừa cất cánh khỏi Kanoya đã rơi xuống. Dù lính bảo trì đã cố gắng hết sức nhưng trung bình cứ ba chiếc sẽ có một chiếc vì động cơ gặp sự cố mà quay về. Lúc tệ nhất, thậm chí cả đội đều quay lại. Nhật Bản đã không còn khí tài, không còn nhiên liệu, không còn gì cả.

Trong tình hình đó, cuối cùng, ngay cả thiếu úy Miyabe cũng có lệnh xuất kích.

Vào sáng hôm xuất kích, ta đến nói lời từ biệt với thiếu úy Miyabe. Lúc ấy trời vẫn chưa rạng đông, trời tối mịt, không nhìn rõ ai với ai nhưng cuối cùng ta cũng tìm thấy bóng dáng anh ấy.

Ta không biết phải bắt đầu như thế nào, mãi mới nói được câu “Chúc anh thành công...” Thiếu úy gật đầu nhưng vì tối quá nên ta không nhìn thấy biểu hiện trên gương mặt anh ấy.

Động cơ máy bay đã được chuẩn bị từ lâu, các cảm tử quân bước về phía máy bay của từng người. Khi ấy thiếu úy Miyabe đã nhờ một sĩ quan dự bị đổi máy bay.

Máy bay của thiếu úy Miyabe là đời 52. Reisen của sĩ quan dự bị là chiếc đời cũ 21. Thời ấy chiếc đời 21 vô cùng hiếm. Ta nghĩ chắc nó đã là

đồng sắt vụn bị bỏ quên ở cứ địa nào đó, được sửa chữa lại và đưa đến. Lần đầu tiên ta thấy nó.

Thiếu úy bảo anh ấy muốn lái chiếc 21, loại máy bay anh đã lái khi ở Rabaul. Tính năng chiếc 21 không thể so sánh với chiếc 52. Chiếc 52 mã lực lớn hơn, tốc độ cũng vượt trội hơn. Dù vậy, chiếc 21 lại có tính năng chiến đấu tốt hơn, nhưng với máy bay cảm tử thì tính năng chiến đấu không quan trọng. Có tốc độ và mã lực thì vẫn hơn.

Sĩ quan dự bị được thiếu úy Miyabe yêu cầu cũng biết thế nên đã từ chối.

“Thiếu úy nên lái chiếc đời 52. Thiếu úy giỏi hơn tôi nhiều. Chiến cơ tốt đương nhiên phải được lái bởi người có kỹ thuật cao.”

Thiếu úy biết rõ điều ấy nhưng vẫn nhất mực xin đổi. Thiếu úy Miyabe nói lớn để át tiếng động cơ.

“Kỹ thuật của tôi là hàng thượng đẳng. Chính vì thế dù lái chiếc 21 tôi vẫn thực hiện nhiệm vụ một cách hoàn hảo.”

Khi nghe câu nói ấy, ta đã nghi ngờ đôi tai của mình. Bởi những lời đó không giống với ngôn từ của anh ấy. Anh ấy không phải người tự mãn về kỹ thuật của mình và tuyệt đối không phát ngôn những câu như thế.

Tuy nhiên, việc thiếu úy bảo muốn lái chiếc 21 hình như có ý riêng. Phải chăng đó là cơn tức giận đối với Hải quân Nhật Bản: “Hạ lệnh tấn công cảm tử đối với phi công ưu tú như ta sao? Vậy được! Nhưng ta sẽ lái chiếc kiểu cũ đời 21.”

Dù vậy, có thể sự thật như thiếu úy Miyabe nói, anh ấy muốn lái chiếc 21 đây hoài niệm đó.

Reisen là chiếc chiến cơ đặc thù của Hải quân Đế quốc. Thời kỳ đầu khai chiến nó từng là chiếc chiến cơ vô địch nhưng cứ thế chiến đấu liên tục ngoài tiền tuyến, không có thể hệ kế thừa. Con chiến mã tung hoành khi xưa giờ đã là một con ngựa già yếu. Chiếc 21 sau khi ra đời, tung hoành hai năm trên Thái Bình Dương và Trung Hoa đại lục, tạo nên huyền thoại Reisen vô địch. Có thể thiếu úy thấy chiếc 21 như gặp lại một người chiến hữu xưa.

Trao qua đổi lại với chàng sĩ quan dự bị trẻ nhiều lần, cuối cùng cậu ta đành thua cuộc, đồng ý đổi máy bay. Tình cảnh lúc ấy ta vẫn còn nhớ rõ. Cuộc đổi thoại giữa hai người rất kỳ lạ nhưng sự việc xảy ra sau đó lại càng in đậm trong ký ức ta. Họ xuất kích trước lúc bình minh. Hôm đó, thiếu úy Miyabe đã không trở về.

Ông Onishi có vẻ sợ hãi, lặng im. Sau một khoảng lặng dài, ông nói.

“Trong chuyện này, có điều thật khó nói.”

“Là gì vậy ạ?”

Ông Onishi dường như vẫn loay hoay để nói thành lời.

“Dù là chuyện gì, xin ông hãy nói cho chúng cháu biết.” Nghe tôi nói vậy, ông Onishi như hạ quyết tâm, mở lời. “Reisen trang bị bom xuất kích tấn công cảm tử khi ấy có 6 chiếc, nhưng một chiếc duy nhất vì sự cố động cơ đã hạ cánh khẩn cấp xuống Kikaijima.

Một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng tôi.

“Chiếc đó... Lẽ nào là...”

“Đúng vậy. Đó là chiếc lẽ ra ban đầu Miyabe sẽ lái. Chiếc Reisen 52. Phi công là người đã nhường chiếc 21 cho anh ấy.”

Tôi ghen lời.

“Nếu Miyabe không bảo đổi máy bay, thì người được sống có thể đã là anh ấy.”

“Sao lại thế chứ!” Chị cất tiếng kêu bi thảm.

“Đây chính là định mệnh phải không? Cuối cùng thì Miyabe đã bị nữ thần số mệnh bỏ rơi.”

“Thật kinh khủng!” Chị kêu lên, còn tôi chết lặng.

“Nhưng nếu đó là số mệnh thì chẳng phải ông ngoại đã lựa chọn con đường chết cho mình sao?”

Ông Onishi không đáp lại câu nói của tôi.

Vào ngày xuất kích cuối cùng ông ngoại đã nhìn thấy chiếc 21 đầy kỷ niệm và muốn lái nó đi chết sao? Có phải ông muốn chết cùng người chiến hữu khi xưa ở Guadalcanal không? Nếu không xuất hiện chiếc 21 đó, có phải ông sẽ không đổi máy bay, và có thể kéo dài mạng sống của mình hay không?

Chiếc 21 có phải là vị thần chết đưa ông ngoại đến thế giới bên kia không? Trên đời có định mệnh đáng sợ đến thế sao? Không, không phải. Không thể nào. Chuyện này quá ngẫu nhiên.

Phút giây ấy, có một dòng điện chạy ngang tim tôi.

“Ông Onishi, tên người ấy là gì ạ?” Tôi dốc hết nghị lực, hỏi.

Ông Onishi phút chốc không hiểu chuyện gì.

“Tên của người phi công đã hạ cánh khẩn cấp đó là gì vậy ông?”

“Thời đó, mỗi ngày đều có học viên dự bị hy sinh. Ta không có thời gian để nhớ hết tên của họ.”

“Có ký lục không ạ?”

“Có đấy.”

Ông Onishi mang kính lão vào, lật các trang vở trước mặt.

“Đây rồi.” Ông Onishi chỉ. Trong đó, với mốc thời gian là tháng Tám năm 1945, có ghi tên của những người đã chết vì tấn công cảm tử. Tôi liếc nhìn cuốn vở. Bên cạnh tên năm cảm tử quân là tên một người kèm dòng chữ “Hạ cánh khẩn cấp tại Kikaijima.”

“Cho cháu xem được không ạ?”

Ông Onishi gật đầu, tôi vội cầm cuốn tập như giật từ tay ông. Trong đó, một dòng chữ được viết ngay ngắn: “Thiếu úy Oishi Kenichiro, 23 tuổi. Học viên dự bị khóa 13, Đại học Waseda.”

“Trời ơi!” Tôi thốt lên.

“Sao vậy?” Chị hỏi, giọng hoảng hốt. Sau đó, liếc nhìn quyển vở rồi cũng thốt lên sững sốt.

Tôi định nói gì đó nhưng không tài nào cất nên lời, răng đánh càm cạp. Mãi rồi mới lên tiếng nói.

“Oishi Kenichiro... Là ông ngoại... của chúng ta!”

CHÂN TƯỞNG

Ông tựa lưng vào chiếc ghế trong thư phòng, mắt nhắm lại, sau đó nói.

“Ta đã định một lúc nào đó phải kể cho các cháu nghe.”

Chị em tôi yên lặng gật đầu.

“Khi nghe các cháu bảo sẽ tìm hiểu về Miyabe, ông đã dự cảm sẽ có ngày này.”

Ông vừa nói vừa đưa tay lấy viên thuốc trị bệnh tim trong chiếc hộp nhỏ ra uống.

“Matsuno bảo không cần phải nói với bọn trẻ chuyện ấy nhưng ông đã định một lúc nào đó sẽ nói. Nếu vạn nhất không có cơ hội đó thì còn có một bức thư ông viết lại toàn bộ câu chuyện. Hơn mười năm trước ông đã đưa cho một luật sư giữ hộ. Phòng khi ông đột ngột qua đời, bức thư sẽ được gửi đến cho Kiyoko.”

Ông gặp Miyabe tại Phi đội Tsukuba.

Tại đó, chúng ta được huấn luyện để làm cảm tử quân. Tuy nhiên lúc đó chúng ta chưa biết gì, ban đầu chỉ là khóa huấn luyện bay cơ bản. Khi đó, Miyabe làm giáo quan.

Sau khi giáo trình kết thúc, học viên chúng ta được phát một mảnh giấy rằng có tình nguyện tham gia tấn công cảm tử không. Ông đã đánh dấu tình nguyện dù không muốn tham gia. Chắc hẳn ai cũng vậy, thế nhưng tất cả đều tình nguyện. Là chúng ta không có dũng khí sao? Không phải vậy.

Vào độ ấy, cả trên đại lục và nhiều đảo trên Thái Bình Dương, mỗi ngày đều có vô số binh sĩ hy sinh. Trên báo đăng những bài viết hào hùng của Tổng hành dinh Đế quốc nhưng một mặt cũng đầy những dòng *Chết cho vinh quang*. Trong tình cảnh ấy, ông đã nghĩ dù hy sinh thân mình mà

có thể bảo vệ Tổ quốc và những người mình thương yêu thì chết cũng cam tâm, dù là tấn công tự sát.

Thế nhưng một mặt ông lại không muốn chết. Chúng ta không phải là những thằng điên. Chúng ta cũng không phải loài chuột Lemming lập thành bầy mà lao xuống biển. Chúng ta muốn cái chết của mình mang một ý nghĩa.

Miyabe là người có phong thái và ngôn từ nhã nhặn. Phong thái điềm tĩnh đó không giống như người đã từng đi qua nơi địa ngục không biết bao nhiêu lần. Hoàn toàn khác với các giáo quan khác.

Ông nhớ sự mâu thuẫn trong cách thầy ấy dạy. Miyabe đã rất khổ tâm khi dạy những kỹ thuật bay cho chúng ta.

Khi chúng ta dần giỏi lên, Miyabe lúc nào cũng khen ngợi nhưng luôn ẩn sâu một nỗi buồn trong gương mặt cười đó. Miyabe là người có lòng trắc ẩn.

Một lần, trong buổi huấn luyện bay có đồng đội đã tử nạn. Trước sự đau buồn của chúng ta, một sĩ quan đã buông những lời lăng mạ. Khi ấy, Miyabe đã liếc mình rửa nhục cho học viên dự bị đó.

Mọi người chúng ta đều nghĩ vì vị giáo quan này có chết cũng cam lòng.

Nếu khi ấy Miyabe im lặng, chắc là vận mệnh của ông và Miyabe đã hoàn toàn khác rồi phải không? Vận mệnh con người chỉ vì một chuyện nhỏ nhất đã xoay chuyển một vòng lớn. Định mệnh quả là kỳ lạ.

Chuyện xảy ra một tháng sau đó.

Ngày hôm ấy, khi đang bay tập, quân địch đột ngột đến tấn công. Giáo quan Miyabe lo tập trung vào chúng ta nên không phát hiện ra địch. Ngay cả người lão luyện như Miyabe cũng có lúc như thế.

Ông phát giác ra quân địch, vừa đúng lúc kết thúc lượt bổ nhào, đang định quay về đội hình. Ông liền lao vào giữa máy bay địch và giáo quan. Khi đó, ông không nghĩ gì cả, chỉ làm trong vô thức. Nhưng quả thực lúc đó ông không thể để thầy Miyabe gặp nguy hiểm được.

Máy bay thực tập của học viên chúng ta không được trang bị súng máy. Dù vậy ông vẫn lao đến phía trước và bị trúng đạn của địch thật. Đạn

phá vỡ ghế điều khiển. Ông bất tỉnh, cứ thế rơi xuống nhưng gần chạm mặt đất thì ông tỉnh táo trở lại nên kịp thời hướng đầu máy bay lên. Ngược nhìn lên, ông thấy máy bay địch đang rơi. Chiếc máy bay địch còn lại cũng bị thầy Miyabe bắn rơi nốt. Chuyện xảy ra sau đó, ông không còn nhớ bởi vì sau khi tiếp đất, ông đã thực sự bất tỉnh.

Ông được đưa vào bệnh viện Hải quân. Miyabe chỉ đến thăm một lần duy nhất, tặng ông một chiếc áo choàng. Chắc hẳn Miyabe đã nhìn thấy chiếc áo choàng đã sờn, rách tả tơi của ông. Áo choàng của Miyabe là quân trang nhưng có chỉnh sửa thêm đôi chút. Bên trong được chần thêm bông và may thêm một miếng da trên cổ.

Tuy nhiên, chưa kịp xỏ tay qua chiếc áo choàng ấy một lần thì mùa xuân đã đến rồi. Ra viện, ông trở về đội, lúc đó đã không còn thấy thầy Miyabe đâu, cả bạn bè cùng khóa của ông nữa. Họ đã đi trước ông rồi. Ông có cảm giác mình cũng sẽ sớm nối gót theo họ thôi.

Tâm trạng lúc ấy thực sự rất phức tạp. Ban đầu ông không thể chấp nhận cái chết, nghĩ rằng không thể có chuyện vô lý đến thế. Dù vậy, dần dần ông lại nghiêng về tâm trạng chấp nhận cái chết. Đó là cảnh giới tinh thần ông đạt được sau khi trải qua sự đau khổ và đấu tranh nội tâm cực độ. Một lời không thể giải thích được tâm trạng ấy. Sau chiến tranh ông suy nghĩ về chuyện này rất nhiều nhưng tới giờ vẫn không thể tái hiện lại được những suy nghĩ lúc ấy. Trong thời đại đảo điên ấy, có lẽ suy nghĩ cũng thật điên khùng.

Dù vậy, ông có thể khẳng định bọn ông không hăm hở đón nhận cái chết, không vui sướng gì khi tấn công cảm tử. Ông chưa bao giờ nghiêm túc nghĩ về gia đình và đất nước nhiều như lúc ấy, chưa từng nghĩ đến cuộc sống của những người yêu thương sau khi ông chết đi như lúc ấy.

Ông nhận được lệnh xuất kích đến cứ địa Omura ở Kyushu vào tháng Bảy. Ngay sau đó, ông nhận được một lá thư báo tin buồn từ mẹ, vị hôn thê của ông đã qua đời. Cô ấy là em họ của ông, từ nhỏ chúng ta đã rất thân thiết, mọi người đều xem cô ấy là hôn thê của ông. Cả hai đều mến nhau nhưng theo ông thì đó không phải là tình yêu. Mỗi quan hệ đó rất trong sáng, đến tay còn chưa nắm. Tuy nhiên khi trở thành học viên phi công dự

bị, ông đã hủy hôn ước vì nghĩ mình không thể sống sót trong cuộc chiến này.

Trong thư mẹ viết, cô ấy bị bom nặng trong đợt không kích Tokyo vào tháng Năm, hai tuần sau thì mất. Ông đã tình nguyện tham gia tấn công cảm tử vì mong muốn cứu lấy những người mình yêu thương, vậy mà... Khi biết cô ấy trước khi chết đã gọi tên ông, ông không kìm được nước mắt.

Vào tháng Tám, ông nghe tin Hiroshima và Nagasaki bị một thứ bom tối tân tàn phá thảm khốc. Một học viên dự bị từng theo học khoa Vật lý tại Đại học Kyoto đã nói, “Thứ bom được thả xuống Nagasaki chắc là bom nguyên tử.”

“Nó là thứ gì vậy?” Ai đó hỏi.

Anh chàng kia giải thích: Bom nguyên tử là loại bom phân hạch các hạt nhân nguyên tử, có sức tàn phá mà không loại bom nào từ trước đến giờ có thể so sánh được.

“Thứ được ném xuống Nagasaki là bom nguyên tử thật à?”

“Tôi không biết. Nhưng nếu tin đồn về tình trạng hủy diệt là thật thì có khả năng đó. Loại bom đạn tối tân được ném xuống Hiroshima có lẽ cũng chính là nó.”

Ông đã nghĩ, nếu đúng vậy thì đất nước Nhật Bản có lẽ sẽ bị diệt vong thật sự. Nếu tham gia tấn công cảm tử mà có thể bảo vệ Tổ quốc thì ông sẽ nguyện chết một cách anh dũng. Hơn nữa, ông sẽ có thể đến bên vị hôn thê của mình...

Chẳng bao lâu sau, ông nhận được lệnh tấn công cảm tử cùng một người bạn cùng khóa Teranishi. Vì chúng ta đã chấp nhận nên hầu như chẳng nao núng gì, cả hai đều nói “Chúng ta sẽ đi cùng nhau.”

Nơi ông đến là Kanoya. Tại đó ông đã gặp lại Miyabe. Lúc ấy Miyabe gần như là một người khác. Nói sao nhỉ... Đó là gương mặt của người đã mất đi linh hồn, mắt đỏ ngầu, toàn thân đặng đặng sát khí. Lần đầu ông thấy Miyabe như thế.

Ông không thể cất tiếng gọi nhưng Miyabe đã nhận ra.

“Vết thương của cậu đã lành chưa?” Miyabe hỏi, mặt không chút biểu cảm.

“Rồi ạ.”

“Vậy thì tốt.”

Cuộc đối thoại giữa ông và Miyabe chỉ có thế.

Vừa đến Kanoya, ông được thông báo là hai ngày sau sẽ xuất kích. Không hề nao núng, ông chỉ cảm thấy tiếc vì không thể nói lời từ biệt mẹ. Đêm đó, ông đã viết di thư cho bà.

Ngày tiếp theo, ông tản bộ ngoài căn cứ, rời thôn bản, đi về hướng núi. Hôm ấy là một ngày nắng nóng, nhưng mồ hôi đổ ra nên cũng thấy dễ chịu. Từ ngày mai thì ngay cả mồ hôi cũng không chảy được kia mà.

Tất cả mọi thứ trong mắt ông đều đáng yêu. Thứ gì cũng đẹp cả. Cỏ dại ven đường cũng đẹp vô cùng. Ông ngồi ngắm những bông hoa màu trắng nhỏ nở giữa đám cỏ dại. Ông thầm nghĩ “Đẹp thật!” Lần đầu tiên ông nhìn thấy loài hoa ấy trong đời.

Ông cởi giày, thả chân xuống suối. Cái lạnh của dòng nước khiến ông rất dễ chịu. Ông cứ ngâm cả hai chân như thế vào nước, nằm bên bờ suối, khép mắt nghe tiếng ve sầu. Lần đầu tiên ông thấy cả tiếng ve sầu cũng êm tai đến thế. Con của những chú ve này chắc cũng sẽ kêu như thế vào mùa hè bảy năm sau. Khi ấy Nhật Bản ra sao? Nghĩ đến đó, tâm trạng ông đau đớn vô ngần.

Ngày hôm sau, trời chưa sáng chúng ta đã tập trung tại sở chỉ huy, nghe Tư lệnh phát biểu trước khi xuất kích. Khi ấy, ông kinh ngạc thấy Miyabe trong nhóm cảm tử quân. Bởi ông nghĩ Miyabe sẽ lái máy bay hộ tống. Đến cuối cùng, Hải quân còn giết cả người này ư?

Sau khi uống ly rượu cuối cùng, toàn đội hướng về phía phi cơ, ông và Teranishi đến chào Miyabe.

“Được chết cùng thầy Miyabe, tôi cảm thấy rất mãn nguyện.”

Trước câu nói của Teranishi, Miyabe chỉ im lặng gật đầu rồi đặt tay lên vai bọn ông. Bàn tay ấy rất có lực. Bộ râu ria xồm xoàm của Miyabe đã được cạo sạch sẽ.

“Tôi vẫn chưa trả lại chiếc áo choàng quý giá mà thầy Miyabe đã tặng.”

Lúc đó, chẳng hiểu tại sao ông lại nói câu ấy.

“Mùa hè thì cần gì đến nó đâu.” Miyabe cười đáp. Ông cũng bất giác bật cười.

“Nào, đi thôi!”

Miyabe nói và bước về phía đường băng.

Động cơ đã được khởi động sẵn. Khi ông định leo lên máy bay thì Miyabe bước đến lên tiếng.

“Thiếu úy Oishi, nhờ cậu một việc.”

“Gì vậy ạ?”

“Cậu đổi máy bay cho tôi được không?”

Miyabe nói muốn đổi chiếc 52 sang chiếc 21. Chiếc 52 vận tốc nhanh hơn hẳn. Ông nghĩ rằng Miyabe nên lái chiếc tốt hơn nên đã từ chối.

Miyabe quay về. Nhưng chẳng mấy chốc ông ấy lại quay lại, một lần nữa muốn đổi máy bay. Sau nhiều lần tranh luận, ông đã chấp nhận việc hoán đổi máy bay.

Ông xuống khỏi chiếc 21, leo lên chiếc 52.

Không lâu sau, miếng chèn bánh xe được lấy ra, máy bay từ từ chuyển động, sau đó rời mặt đất. Bên cạnh ông là máy bay của Miyabe. Nhìn thấy ông ấy ở ghế điều khiển, đột nhiên nước mắt ông giàn giụa. Ông đã nghĩ bản thân mình chết cũng không sao, nhưng ông muốn Miyabe ấy được sống. Nếu ông chết thì có thể cứu được người này không?

Ông quyết dùng thân mình bảo vệ Miyabe. Ông sẽ bám sát Miyabe cho đến phút cuối cùng. Nếu chiến cơ địch tấn công ông ấy, ông sẽ lao vào. Tất cả pháo đối không, ông sẽ lãnh hết.

Đội hình di chuyển theo hướng nam. Bầu trời phương đông rạng sáng yếu ớt. Ngắm bầu trời lúc bình minh bất chợt ông nhớ đến từ *hừng đông*.

Hừng đông... Người xưa dùng từ mới đẹp làm sao.

Ông ngược nhìn phía sau, vịnh Kagoshima ánh lên lấp lánh, những ngọn núi Kyushu phủ đầy màu xanh dần tằm mình trong nắng sớm. Đẹp quá!

Nếu vì bảo vệ Tổ quốc xinh đẹp này mà hy sinh thì ông không hối hận. Giờ mình sẽ được chết cùng một người đàn ông bản lĩnh thật sự.

Ông nhớ về vị hôn thê. *Sắp được về bên em rồi...*

Mẹ, con xin lỗi. Ông kêu lên trong lòng. Cuộc đời con thật hạnh phúc. Con đã lớn lên trong tình yêu thương tràn đầy của mẹ. Nếu được sinh ra một lần nữa, con vẫn muốn được làm con của mẹ. Nếu có thể, lần này con sẽ là con gái để suốt đời sống cùng mẹ.

Rồi ông dẹp bỏ mọi lưu luyến. Cả vẻ đẹp Tổ quốc, cả tình yêu thương dành cho vị hôn thê, cả sự tưởng nhớ về mẹ già. Tất cả. Từ bây giờ, việc đâm mình vào tàu địch là tất cả. Và chuyện ông quyết hy sinh vì Miyabe nữa.

Dù vậy, xuất kích chưa đầy một giờ đồng hồ, động cơ có biểu hiện lạ thường. Cổ máy bắt đầu rung lên từng đợt, dầu bôi trơn từ động cơ bắn lên. Dầu dính vào kính chắn gió, nhanh chóng nhuộm đen mặt kính. Ông hoàn toàn không thể nhìn rõ phía trước.

Thình thoảng ông thay đổi góc độ máy bay, tránh không làm hỏng đội hình và tiếp tục bay. Tuy nhiên, tình trạng động cơ ngày càng tệ hơn. Lực đẩy giảm rõ rệt, tốc độ bị hạn chế. Ông mở van tiết lưu nhưng cũng không thể tăng tốc, ngay lập tức ông bị tụt lại.

Phân đội trưởng bay sát bên hông, ra hiệu hỏi “Sao thế?” Ông báo động cơ có dấu hiệu bất thường. Phân đội trưởng nhìn thấy kính chắn gió của ông bị nhuộm đen ngòm, ra chỉ thị bằng tay “Rút về!” Ông đáp “Không!” Tuy nhiên, đúng lúc ấy, máy bay lại rung lên bần bật. Phân đội trưởng ra lệnh “Quay về!” một lần nữa và rời khỏi.

Ông đã thử nhiều cách nhưng động cơ không thể phục hồi được nữa. Máy bay ông bị bỏ rơi khỏi đội hình.

“Miyabe!” Ông gào hết sức lực. Sau đó vừa khóc vừa cho quay đầu phi cơ.

Thế nhưng, máy bay dường như không thể quay về tận Kanoya. Ông tìm vị trí Kikaishima trên bản đồ. Nó nằm cách khoảng 50 hải lý về phía tây. Động cơ có thể chịu được hay không còn nhờ vào vận may. Nếu động

cơ ngừng trước khi đến Kikaishima thì ông sẽ chết. Giữa đường chiến đấu cơ địch xuất hiện cũng chết. Tất cả là định mệnh của ông.

Để giảm sức nặng cho máy bay, ông rút dây thả bom. Thế nhưng quả bom không rơi, dù ông có rút dây bao nhiêu lần. Nó đã được gắn chặt vào thân máy bay, không thả xuống được. Họ đã làm chuyện tàn nhẫn như vậy sao? Nếu vậy, thậm chí còn không thể hạ cánh khẩn cấp được ư? Mục đích của Bộ Tổng tư lệnh là đã xuất kích cảm tử thì toàn đội đều phải chết.

20 phút sau, Kikaishima đã xuất hiện trong tầm nhìn của ông. Trên không phận đảo không có bóng dáng quân địch.

Vừa lúc đó động cơ cũng ngừng hoạt động, chỉ còn cách lướt trên không. Hơn nữa, kính chắn gió lại dính đầy nhớt đen, tầm nhìn rất hạn chế. Nếu sai góc độ tiếp đất, bom dưới bụng máy bay sẽ phát nổ. Cũng không thể bay ngược lên để thực hiện tiếp đất lại.

Đã chuẩn bị tâm lý đón cái chết, đột nhiên khi đó ông nghe tiếng của Miyabe vang lên.

“Thiếu úy Oishi! Tuyệt đối đừng bỏ cuộc! Dù thế nào cũng phải sống!”

Ông nghe tiếng nói đó rất rõ ràng, dù đã qua sáu mươi năm, tiếng nói ấy vẫn còn đọng trong ký ức. Không phải là ông hoang tưởng đâu, có chuyện ấy thật đấy.

Ngay trước khi vào đường băng, ông nghiêng thân máy bay nhìn bao quát phi trường. Ghi nhớ cự li và góc độ rồi quay máy bay lại như cũ. Sau đó, ông nhắm mắt lại và quyết định tiếp đất bằng con mắt của trái tim.

Trong đầu ông hiện rõ khung cảnh của phi trường như nhìn rõ bằng mắt vậy. Trạng thái máy bay đến gần đường băng cũng cảm nhận được một cách sinh động. Cho chiếc máy bay đang hạ xuống quay theo chiều ngang, vào tư thế tiếp đất ba điểm. Máy bay hạ thấp hơn nữa. Cao độ 50 mét... 20 mét... 5 mét... Sau đó khi ông đoán chừng chỉ còn 1 mét, bánh xe gỗ xuống đường băng, máy bay cứ thế trượt đi, không lâu sau thì dừng lại.

Đến giờ ông vẫn nghĩ đó là một kỳ tích. Bảo ông làm lại một lần nữa, cũng tuyệt đối không thể, chỉ có thể nghĩ đó là một trải nghiệm hy hữu.

Ông đã được cứu. Dù vậy, khi trở lại nội địa chắc chắn sẽ phải tiếp tục xuất kích trong đội cảm tử quân khác. Tuy nhiên, động cơ máy bay đã bị hỏng hoàn toàn, không thể sửa lại một cách nhanh chóng.

Chiều tối hôm đó ông được thông tin viên cứ địa thông báo, đợt tấn công hôm ấy, ngoại trừ ông, tất cả các phi công còn lại đều hy sinh.

Miyabe đã mất.

Ông cũng nghe phát Tuyên bố đầu hàng Gyokuon tại Kikaishima.

“Đó là số mệnh của ông ngoại rồi!” Chị Keiko thì thầm.

“Đó không phải là số mệnh!” Ông nói rành mạch. “Đến Kikaishima, khi định bước ra khỏi ghế điều khiển, ông phát hiện một mảnh giấy. Trên đó là dòng chữ viết nhanh nguệch ngoạc của Miyabe.”

“Hả?” Tôi bất giác bật thốt lên.

“Trên tờ giấy viết: *Nếu thiếu úy Oishi may mắn sống sót trong cuộc chiến này, tôi xin nhờ cậu một việc. Nếu gia đình tôi lưu lạc, sống khổ cực đầu đường xó chợ, mong cậu hãy giúp họ. Có lẽ anh ấy đã viết nó khi quay lại chiếc 52 một lần nữa. Điều đó không thể là ngẫu nhiên được.*”

Tôi im lặng lắc đầu, khó khăn lắm mới mở miệng được. “Sao...”

Ông khẽ lắc đầu.

“Chuyện đó, ông không biết. Nhưng...” Ông nhìn tôi nói. “Ông nghĩ, khi leo lên chiếc 52, Miyabe đã phát hiện ra động cơ không ổn. Lúc ấy, người đó đã nhận ra trong tay mình có tấm vé sống còn của bản thân...”

Trong lòng tôi dâng lên thứ cảm xúc rất khó diễn tả thành lời. Nữ thần số mệnh vào phút cuối lại trao cho ông Miyabe sự lựa chọn quá tàn nhẫn.

Ông Miyabe đã do dự quay về chiếc 52 một lần. Nhưng rồi, ông đã dứt khoát trao tấm vé sống còn lại cho ông Oishi... Bên cạnh tôi, chị đang nhìn xuống, trên má đầm nước mắt.

Một lúc sau, ông ngoại lại khẽ kể tiếp.

Tuy nhiên, ông phải mất ba năm mới gặp được vợ Miyabe.

Nhà Miyabe ở Yokohama nhưng cả thành phố đều bị hủy hoại sau trận không kích tháng Năm. Không có người hàng xóm nào biết tin tức của cô ấy.

Ông quay về trường Đại học. Hễ có thời gian là ông đi hỏi thăm về vợ của anh ấy, nhưng hoàn toàn không có tin tức gì. Hai năm sau, ông tốt nghiệp và vào làm trong Sở đường sắt Quốc gia.

Khoảng thời gian ấy, nhiều người trong khu phố mà vợ anh Miyabe từng sống đã quay trở về, nhưng vẫn không thấy cô ấy đâu. Ông cũng thường xuyên liên lạc với các bạn cùng khóa, bởi ông nghĩ nếu vợ anh Miyabe gặp khó khăn có thể sẽ liên lạc với ai đó. Vậy mà vẫn không nhận được tin tức gì, cứ thế lại một năm nữa trôi qua.

Thời ấy, ai cũng bận rộn với cuộc sống của mình. Ông có thể quay lại học Đại học quả là một điều may mắn. Mẹ ông là giáo viên Tiểu học ở Tokyo nên cũng không phải khổ sở để kiếm cái ăn. Thế nhưng đó cũng không phải một cuộc sống no đủ. Áo quần đều phải sửa từ các quân phục cũ, áo choàng thì ông cứ mặc suốt chiếc áo anh Miyabe đã tặng.

Ông biết tin tức về gia đình Miyabe là nhờ một người bạn làm trong Bộ Y tế và Phúc lợi. Nghe nói văn phòng cựu quân nhân của Bộ Y tế và Phúc lợi nhận được đơn xin trợ cấp từ nhà của quả phụ Miyabe, địa chỉ ở Osaka.

Ông tức tốc đến Osaka. Đó là mùa đông năm 1949. Khi ấy, từ Tokyo đến Osaka phải đi mất mười mấy tiếng, bằng thời gian bay sang Mỹ bấy giờ.

Đó là một ngày đông lạnh giá. Ông lần theo địa chỉ tìm đến, nơi ấy là một xóm nghèo, đến độ có thể gọi là khu ổ chuột. Đó là một dãy nhà như trại lính, cả xóm bốc lên một thứ mùi hôi thối xộc vào mũi.

Ngực ông thắt lại. Vợ con anh Miyabe, những người anh ấy sống chết muốn bảo vệ lại phải sống nơi đây, thật quá đau lòng. Không, còn hơn cả đau lòng, ông còn cảm thấy phẫn nộ.

Ông len vào con hẻm nhỏ. Một cô bé đang lê loi đứng đó, mặc bộ đồ đầy mảnh vá, choàng thêm chiếc khăn len màu đỏ. Khi thấy gương mặt khả ái đó, ông chợt nhớ đến gương mặt Miyabe.

“Cháu có biết nhà Miyabe ở đâu không?” Ông cất tiếng hỏi. Cô bé quay lưng chạy đi, ông vội bước theo sau. Rồi cô bé chui vào một gian

trong dãy nhà. Đó cũng gọi là nhà sao? Dãy nhà được ghép từ những tấm ván cũ tạp nham, mái nhà lợp bằng kẽm.

Ông đứng trước nhà. Tấm thớt Kamaboko * được dùng thay cho bảng tên, trên đó viết nắn nót dòng chữ “Miyabe”.

“Xin lỗi ạ!” Ông chào.

“Vâng.” Cùng với tiếng thưa, một phụ nữ bước ra.

Cô ấy mặc quần thụng, quần khắn. Tuy xuề xòa nghèo túng nhưng vẫn là một mỹ nhân. Ông bỗng quên hết những lời cần nói, chỉ nhìn cô ấy chăm chăm.

Thật lạ là cô ấy cũng đứng nhìn ông sững sờ, như thể nhìn thấy ma hay thứ gì đó rất đáng sợ.

“Tôi là Oishi Kenichiro. Trong thời chiến đã từng được anh nhà chiếu cố nhiều.”

Cô ấy như giật mình, cúi người chào.

“Tôi là vợ anh Miyabe. Cám ơn cậu đã giúp đỡ chồng tôi.”

“Không, người hàm ơn là tôi.” Bên cạnh cô ấy, bé gái lúc nãy nhìn ông không rời mắt.

“Mời cậu vào nhà.”

Ông từ hiên bước vào, không có cửa trước, lập tức vào đến gian phòng. Hơn thế, căn phòng chỉ rộng chừng bốn chiếu Tatami, trên sàn chỉ là chiếu rơm trải trên ván. Trong nhà, nút áo chất cao như núi.

“Thật ngại quá! Tôi nhận việc làm tại nhà nên bày bừa nhiều.”

Cô ấy gọi con gái, lấy vại đồng xu bảo con bé mua nước về.

“Nước ép? Thật hả mẹ?” Đứa bé ngạc nhiên hỏi lại.

Ông bối rối, lấy tiền trong ví mình ra đưa cho cô bé.

“Con hãy mua nước hay kẹo, bất cứ thứ gì con thích.”

“Thật khó xử quá, chuyện này...”

“Không sao. Tôi không mang theo gì, lại đường đột đến thăm nhà, hãy để tôi gửi tiền.”

“Vâng nghe theo cậu.” Ông nói mãi cô ấy mới đồng ý.

Ông kể với cô ấy chuyện ông được thầy Miyabe chăm sóc khi còn là học viên dự bị và chuyện ở cùng căn cứ Kanoya với Miyabe.

Nhưng chuyện hôm xuất kích tấn công cảm tử, ông không thể nào mở miệng nói được rằng Miyabe đã chết thay ông. Thay vào đó, ông nói Miyabe đã cứu ông trong trận không chiến. Cô ấy chỉ yên lặng lắng nghe.

“Tôi còn sống như bây giờ là nhờ ơn anh Miyabe.”

“Miyabe, anh ấy... Anh Miyabe thích giúp đỡ người khác nhỉ.” Cô ấy nói.

“Không phải chỉ riêng tôi, anh Miyabe còn giúp đỡ nhiều người khác nữa.”

“Anh Miyabe chết không phải vô ích rồi.”

Vừa nghe câu nói của cô ấy, mắt ông ngấn lệ.

“Tha lỗi cho tôi.” Ông chống hai tay xuống sàn. “Phải chi tôi chết thay được cho anh ấy.” Nước mắt rơi lã chã trên tay ông.

“Xin cậu ngừng mặt lên.” Cô ấy nói. “Anh Miyabe đã chết vì chúng tôi. Không, không riêng gì anh ấy, những người chết vì cuộc chiến đó, tất cả đều vì chúng tôi mà đúng không?”

Ông ngược lên, thấy cô ấy đang mỉm cười.

“Phút cuối của anh Miyabe như thế nào?”

“Anh ấy đón nhận giây phút cuối cùng của mình đầy khí khái như một quân nhân thực thụ.”

“Vậy là tôi vui rồi.” Cô ấy nói thế rồi lại cười. Ông nghĩ, người phụ nữ này mới mạnh mẽ làm sao.

“Nhưng mà, người đó đã nói dối tôi.” Đột nhiên, cô ấy trở giọng lạnh lùng. “Anh ấy đã hứa nhất định sẽ trở về, vậy mà...”

Đôi mắt cô ấy ngấn lệ, hai giọt nước mắt lăn dài xuống má khi nhắm mắt lại.

Ngực ông thắt lại. Sau đó là nỗi ăn năn lớn nhất trong ba năm qua của ông. Tại sao khi đó ông lại đổi máy bay? Tại sao lại không kiên quyết từ chối yêu cầu của anh ấy? Nếu thế bây giờ cô ấy đã có thể sống hạnh phúc cùng Miyabe rồi.

Lúc ấy, cô bé gái quay trở lại, giật mình khi thấy mẹ khóc.

“Không có gì đâu.” Cô ấy nói với con gái. “Mẹ nói chuyện về cha nên buồn chút thôi.”

“Cha của Kiyoko hả? Cha là người như thế nào?”

“Là người đàn ông bản lĩnh, tốt bụng, dũng cảm hơn bất kỳ ai.” Ông trả lời thay.

“Nhưng cha chết rồi.”

Một lần nữa, ông lại đau nhói như ngực bị bóp nghẹt. Khi từ biệt, ông đưa cho vợ anh Miyabe một phong bì ông đã chuẩn bị từ trước.

“Chút lòng thành này mong chị nhận cho.”

“Cái này là...”

“Tôi chỉ muốn trả lại anh Miyabe một phần sự quan tâm của anh ấy trong thời chiến.”

“Tôi không thể nhận.”

Tuy nhiên, ông rất mực kiên quyết. “Nếu không thể báo đáp ân nhân cứu mạng của mình thì tôi không còn là người nữa.”

Cuối cùng cô ấy cũng chịu thua.

Đó là cuộc gặp gỡ giữa ông và Matsuno.

Cứ vài tháng ông lại dối mẹ đi công tác một lần, đến thăm nhà cô ấy ở Osaka. Mỗi lần như thế, ông đều đưa tiền. Matsuno nói không thể nhận nhưng ông vẫn cố để lại. Số tiền thì ông quên rồi, nhưng có lẽ là phân nửa lương của ông khi đó. Ông nói dối Matsuno rằng lương của nhân viên Đường sắt, đã tốt nghiệp Đại học thì cao lắm.

Mẹ ông cũng khổ sở lắm. Sau khi ông tốt nghiệp Đại học và đi làm thì bà phải nghỉ việc ở trường tiểu học do cơ thể suy nhược. Hình như bà nghĩ ông giở trò quậy phá, nhưng cũng không nói gì. Có lẽ bà nghĩ ông muốn tìm cách quên đi trải nghiệm cay đắng là cảm tử quân bằng cuộc sống phóng đảng.

Các đồng nghiệp ở Sở thì nghĩ ông là một tên keo kiệt, bủn xỉn. Ông không đi chơi cùng đồng nghiệp, áo quần vẫn là quân phục được sửa lại. “Nghe nói thằng ấy tích góp cũng được kha khá rồi đấy.” Tin đồn như thế còn lọt vào tai, nhưng ông vẫn bình thản. Còn có cả tin đồn rằng, “Hắn để

tiền cho gái.” Tin đồn ấy có lẽ cũng đúng nửa phần. Bởi vì ông đã bị Matsuno lôi cuốn.

Lúc nào đi Osaka ông cũng bắt chuyến đêm. Buổi sáng là đến nhà cô ấy. Cả ngày hôm ấy phần lớn thời gian ông dạo phố cùng Matsuno và Kiyoko. Chúng ta đi gần như hết thành phố Osaka: Shinsekai, thành Osaka, Dotonbori, nhà ga Tenroku, phố Sennichimae.

Mỗi lần đến Osaka, ông đều nhận thấy thành phố ấy đang dần dần hồi phục. Khuôn mặt mọi người tươi vui hơn, nhịp sống cũng năng động hơn. Dù vậy, vẫn còn đó những tàn tích của chiến tranh. Những tòa nhà bị hư hại vì không kích, vẫn còn các lều bán chợ trời trên những cánh đồng bị thiêu rụi.

Hơn thế, trước nhà ga Osaka có khá nhiều thương binh. Người hỏng mắt, người mất tay, người cụt chân, có người mất cả tay lẫn chân mặc áo trắng của bệnh nhân, ngồi bên đường. Cảnh đó thậm chí còn có ở Tokyo. Nhìn thấy vậy, ngực ông đau nhói. Họ vì đất nước mà mất đi một phần thân thể, phải tiếp tục sống cuộc đời đau khổ kéo dài. Nhưng mặt khác, đường phố ngày ngày đổi mới như muốn quên đi ký ức về chiến tranh. Khoảng cách đó thật đáng sợ.

Mỗi lần đi ngang các thương binh, Matsuno đều đưa tiền cho Kiyoko, bảo cô bé bỏ vào thùng quyên góp.

Chúng ta thường ăn cơm trưa tại quán. Ông kể chuyện về thời còn là học viên phi hành dự bị. Thầy Miyabe là một giáo quan tốt như thế nào. Matsuno khi vui vẻ, khi đượm buồn khi nghe chuyện của chồng.

Matsuno hầu như không kể gì về Miyabe, chỉ duy nhất một lần cô ấy kể về chuyện kết hôn. Cô ấy kết duyên với Miyabe qua việc xem mắt. Khi Miyabe trở về từ Trung Quốc năm 1941 và tạm dừng ở phi đội của hạm Yokohama, đã được ông chủ quán nơi đó yêu mến và gả cho cô con gái duy nhất của mình. Có lẽ ông ấy nhìn thoáng qua đã thấu anh Miyabe là người thích hợp với con gái mình rồi. Ông mất trong trận không kích tại Yokohama vào năm 1945. Anh Miyabe và Matsuno đã tổ chức lễ cưới mà chưa từng nói chuyện với nhau câu nào.

Ông cùng Matsuno và Kiyoko đi dạo giống như đôi vợ chồng dẫn theo đứa con nhỏ. Kiyoko dần gần bó với ông, ông thường cho Kiyoko ngồi trên vai. Sau một ngày dạo phố như thế, ông lại đi chuyển đêm về Tokyo. Cứ như thế liên tục vài tháng một lần.

Đến thăm Osaka được vài lần thì Matsuno mặc váy. Vì cô ấy chỉ luôn mặc quần thụng nên đó là một hình ảnh tươi mới đáng ngạc nhiên.

“Hôm trước có một người quen bán rẻ vải cho, nên tôi đã may.” Matsuno nói, vẻ ngượng ngùng.

“Rất hợp với chị. Hơn nữa lại...” Tuyệt đẹp! Ông định nói thế nhưng không thốt ra miệng được.

Hôm ấy không có Kiyoko, cô bé đã đi chơi cùng đám bạn. Ông cùng Matsuno đi dạo ở Shisaibashi. Trong buổi hẹn riêng lần đầu của hai người khi ấy, trống ngực ông đập mạnh, nhưng đồng thời cũng có cảm giác tội lỗi.

Buổi chiều hôm ấy, khi ở quán ăn tại Takashima, cô ấy đã nghiêm túc hỏi. “Tại sao cậu Onishi lại tốt với chúng tôi như vậy?”

“Vì tôi đã được anh Miyabe cứu mạng.”

“Đó chẳng phải là chuyện đương nhiên ở chiến trường sao?”

“Không. Anh Miyabe thật sự đã liều mình bảo vệ tôi.”

“Chuyện đó xảy ra khi nào, ở đâu?” Cô ấy hỏi như tra vấn. “Lúc trước tôi đã hỏi nhưng cậu không trả lời.”

Ông ghen lời.

“Xin cậu hãy nói sự thật cho tôi biết.”

“Tôi biết rồi. Tôi sẽ nói.” Ông hạ quyết tâm và kể cho Matsuno nghe về làn xuất kích cuối cùng của ông và anh Miyabe. Tất cả.

Từ giữa câu chuyện, Matsuno yên lặng nhìn xuống. Ngay cả sau khi câu chuyện kết thúc, cô ấy cũng cúi mặt, không nói câu nào.

“Sau chiến tranh tôi cũng không ngừng suy nghĩ về chuyện của anh Miyabe khi ấy. Anh Miyabe đã tìm thấy một sợi dây có thể cứu mạng mình. Nhưng cuối cùng anh ấy đã từ chối nắm lấy nó.”

Matsuno vẫn kiên nhẫn hướng mắt xuống, rồi một lúc sau, cô ấy nói như thì thầm.

“Tại sao anh Miyabe lại chọn cậu?”

“Tôi không biết. Nhưng tôi nhớ lại một chuyện.” Ông kể về sự việc hồi còn là học viên dự bị, chuyện ông vô tình cứu mạng thầy Miyabe, sau đó bị thương và được thầy tặng chiếc áo khoác khi đến thăm ông tại bệnh viện.

“Chiếc áo đó là do tôi sửa lại.” Matsuno nói giọng yếu ớt.

Ông nhớ bên trong chiếc áo khoác có chần bông, trên cổ còn may thêm lớp da.

“Vậy sao ạ? Anh Miyabe đã tặng tôi món đồ quý giá quá.”

“Ngày xuất kích đó, anh Miyabe gặp cậu đúng là định mệnh.” Matsuno ngẩng mặt lên nói, nhìn thẳng vào mắt ông. Khi nhìn vào đôi mắt đầy đau buồn đó, lòng ông lại dâng lên nỗi ân hận sâu sắc. Tại sao lúc đó ông lại đồng ý đổi máy bay?

“Xin hãy tha thứ cho tôi.” Ông nói. Matsuno im lặng cúi đầu. “Tôi còn sống đến hôm nay là nhờ ơn anh Miyabe. Chính vì vậy, hãy cho tôi được tạ tội nguyện. Anh Miyabe đã nhờ tôi chăm sóc chị và Kiyoko. Vì lý do đó mà tôi mới có thể sống, nếu không thể thực hiện việc ấy, cuộc đời tôi sẽ chẳng còn ý nghĩa gì nữa.”

Matsuno không đáp gì. Dù vậy, cô ấy không từ chối sự giúp đỡ của ông. Nhưng ông đã quyết dù cô ấy nghĩ thế nào, ông cũng không ngừng việc giúp đỡ đó lại. Thế nên ông vẫn tiếp tục lui tới Osaka.

Hai năm sau, cô ấy chuyển nhà từ nội thành Osaka đến Toyonaka. Đó chỉ là một căn hộ nhỏ nhưng có cả bếp. Matsuno cũng được nhận vào làm tại một công ty vận tải ở Toyonaka. Công ty ấy lại có quan hệ với Sở Đường sắt, ông đã lợi dụng sự kết nối này.

Ông chỉ nói dối cô ấy một điều. Ông nói vì giữ lời hứa với di ngôn của anh Miyabe mà tận lực vì Matsuno và Kiyoko. Đó là thật nhưng không chỉ có thế. Ông muốn gặp Matsuno...

Lý do ông lui tới Osaka cũng vậy. Nếu là chu cấp tiền bạc thì chỉ cần gửi đến là xong rồi. Ông cất công bắt chuyến tàu đêm, không gì hơn là muốn gặp cô ấy.

Matsuno chắc cũng biết chuyện ấy. Không, cũng có thể cô ấy không biết. Ông chẳng thể nhớ tâm trạng của mình nữa. Tuy nhiên, dù thế nào

Matsuno cũng không phải cô gái có thể mở miệng nói, “Chỉ cần gửi tiền là được rồi.” Cứ như thế, mỗi quan hệ kỳ lạ của chúng ta kéo dài năm năm.

Trong khoảng thời gian ấy, mẹ ông mất, Kiyoko cũng đã là học sinh Trung học. Cô bé đã trở thành một thiếu nữ xinh đẹp, hoạt bát. Ông 30, còn Matsuno đã 33 tuổi.

Đó là vào ngày giỗ anh Miyabe, tháng Tám năm 1954. Chúng ta đi thăm mộ. Hai năm trước, Matsuno đã mua phần đất của nghĩa trang phía Bắc Osaka, xây một ngôi mộ nhỏ cho chồng tại đó. Matsuno không gắn kèm pháp danh, trên bia chỉ khắc *Miyabe Kyuzo chi mộ*.

Cách khu mộ không xa có một ngôi chùa, chúng ta sau khi viếng mộ đã ghé qua. Trong chùa không một bóng người, chúng ta ngồi xuống trước hiên của chính điện. Bất ngờ Matsuno nói.

“Cậu Oishi, thời gian qua, rất cảm ơn cậu.”

Ông khá bất ngờ, không biết phải nói gì.

“Chúng tôi đã được cậu Oishi chăm sóc quá nhiều rồi.” Matsuno gật đầu xuống. “Không có lý do gì chúng tôi lại nhận của cậu nhiều hơn nữa.”

“Tôi vẫn chưa báo đáp xong ân tình của anh Miyabe.”

Matsuno nhìn thẳng vào mặt ông và nói. “Cậu định báo đáp ơn ấy đến bao giờ? Nếu là báo ơn cho Miyabe thì cậu đã báo đáp đủ rồi.”

“Vẫn chưa...” Ông khổ sở nói.

“Cậu định sống vì chúng tôi cả đời như thế sao?”

“Không được sao? Tôi đã được anh Miyabe cứu mạng, không, là anh Miyabe đã chết vì tôi.”

“Còn cuộc sống của cậu thì sao? Hạnh phúc của cậu sẽ thế nào?”

“Tôi có vị hôn thê. Khi tôi trở thành học viên dự bị, hôn ước đã được hủy bỏ nhưng nếu tôi sống sót trở về, có thể tôi đã sống cùng cô ấy.”

“Cô gái đó bây giờ ra sao?”

“Cô ấy đã mất trong một trận không kích.”

Matsuno im lặng. Giữa hai người có một khoảng lặng khá dài. Người phá vỡ sự im lặng đó là Matsuno.

“Cậu tận lực vì chúng tôi như thế, chỉ vì ân tình với anh Miyabe thôi sao?” Matsuno nhìn thẳng vào mắt ông, ánh mắt sắc sảo. Ông bất giác đưa

mắt sang hướng khác.

“Tôi thật đáng xấu hổ.” Ông quay lưng về phía Matsuno. “Quả là vì ân nghĩa với anh Miyabe. Nhưng tôi tận lực vì chị không phải chỉ vì thế. Tôi là một thằng đê tiện!”

Tiếng ve ở đâu đó vang lên. Ông bật khóc vì sự xấu xa và tủi thẹn của mình. Khi ấy, có thứ gì đó nhẹ nhàng chạm vào vai ông. Quay lại, Matsuno đang đặt tay lên vai ông. Từ mắt Matsuno một giọt nước mắt lớn lăn xuống.

“Nghe tôi nói có được không?”

Ông gật đầu.

“Lần cuối cùng tôi gặp anh Miyabe... là khi anh ấy từ phương Nam trở về đất liền, lấy được vài ngày phép trở về Yokohama. Người ấy khi từ biệt đã nói nhất định sẽ sống trở về, dù có cụt tay, què chân, cũng sẽ trở về...”

Ông gật đầu.

“Sau đó, anh Miyabe còn nói ‘Giả dụ có chết, ngay cả như thế, anh cũng sẽ trở về. Dù có đầu thai kiếp khác, anh cũng nhất định quay về bên em.’ ”

Matsuno liếc nhìn ông. Đôi mắt ấy rất đáng sợ, lần đầu tiên ông nhìn thấy ở cô ấy.

“Khi lần đầu nhìn thấy cậu, tôi đã nghĩ anh Miyabe tái sinh quay về. Ngày hôm ấy, khi nhìn thấy cậu mặc chiếc áo choàng của anh ấy đứng trước cửa nhà, tôi nghĩ anh Miyabe đã giữ lời.”

Ông đã ôm chặt Matsuno. Cô ấy cũng ôm chặt ông. Cả hai cùng lặng lẽ khóc.

“Các cháu nghĩ rốt cuộc cũng là chuyện tình nam nữ thôi phải không?”

Kể xong, ông ngoại hỏi. Tôi lắc đầu, không nói được câu gì.

“Thế là ông và Matsuno đã kết hôn. Chiến tranh đã kết thúc được chín năm. Sau đó, hai người chưa một lần nhắc đến Miyabe. Tuy nhiên chưa lúc nào chúng ta quên Miyabe. Matsuno cho đến khi mất vẫn tận tụy vì ông.”

Tôi nhắm mắt hồi tưởng về bà. Bà trong ký ức của tôi là người có nụ cười nhẹ nhàng, hiền từ, vậy mà lại có cuộc đời như thế...

“Chuyện này ông chỉ nói riêng với tụi cháu thôi. Thật khó nói với Kiyoko. Chuyện này ông đã định mang theo xuống mồ.” Ông khẽ nói.

Tôi im lặng gật đầu.

“Matsuno sau chiến tranh vô cùng cực khổ. Thời gian ấy, phụ nữ một mình nuôi con, không người thân thuộc là chuyện vô cùng vất vả. Hiểu ý ông muốn nói không? Trước khi kết hôn, Matsuno đã nói hết với ông chuyện bản thân đã sống ra sao trong thời kỳ hậu chiến. Ông đã nghe hết toàn bộ và chấp nhận Matsuno. Hoàn toàn không do dự.” Ông thở mạnh. “Matsuno đã bị lừa... trở thành thê thiếp của trưởng nhóm Yakuza nọ. Cô ấy không kể chi tiết nhưng có lẽ bị khuất phục bởi tiền và vũ lực. Cũng không chừng là vì mất anh Miyabe nên đành phó thác số phận.”

Chị Keiko ôm mặt.

“Thường thì khó thoát khỏi sự chi phối của thứ ác ma đó. Nhưng một chuyện bất ngờ đã xảy ra. Đó là việc lạ kỳ đến mức ông không nghĩ trên đời lại có chuyện kỳ diệu đến thế.” Ông ngoại hạ giọng. “Tại ngôi nhà mà Matsuno bị giam cầm, nhiều người đã bị tấn công và giết chết. Hai thằng Yakuza của nhóm cũng bị thương nặng.”

Tôi cảm giác có một luồng hơi lạnh chạy dọc sống lưng.

“Khi ấy Matsuno đã trải qua một chuyện kỳ lạ. Cô ấy cũng có mặt tại đó nhưng... Cô ấy đã nhìn thấy một người đàn ông mang thanh gươm đâm máu, đó là một người không hề quen biết. Người đàn ông toàn thân đầy máu ấy ném ví tiền xuống cho Matsuno, và bảo ‘Cố mà sống.’ ”

Trong đầu tôi hiện lên hình ảnh một người.

“Matsuno đã nghĩ người đó là anh Miyabe sống lại. Vốn biết không thể nào có chuyện đó nhưng trên đời lại xảy ra kỳ tích như thế. Có lẽ những việc đó được dẫn dắt bởi tình cảm của anh Miyabe dành cho Matsuno. Cô ấy đã được anh Miyabe bảo vệ. Ông nghĩ cũng giống như việc kéo ông đến với Matsuno, Miyabe đã điều khiển tên sát nhân đó.”

Người đàn ông đó chính là ông ấy. Tuy không có căn cứ nhưng tôi tin chắc là vậy. Cả ông ấy sau chiến tranh cũng không ngừng tìm kiếm vợ của ông ngoại... Cả ông ấy cũng liều mạng vì Miyabe Kyuzo.

Nước mắt tôi rơi xuống. Ông ngoại nhìn tôi chăm chăm. “Matsuno khi lâm chung đã nói cảm ơn ông.”

Chuyện đó tôi cũng nhớ. Đó là câu nói cuối cùng của bà. Sau đó, bà ngoại nhắm mắt.

“Các cháu còn nhớ khi ấy ông đã khóc không?”

Tôi gật đầu. Khi ấy, ông ngoại đã đã bám lấy thi thể của bà gào khóc vang vọng cả căn phòng bệnh.

“Ông đã muốn nói người cảm ơn phải là ông. Nhưng ông khóc còn vì một lý do nữa. Khi ấy ông đã nhìn thấy Miyabe. Miyabe mặc bộ đồ bay, đang đứng bên cạnh Matsuno. Anh ấy đến đón Matsuno... Chuyện ấy chắc các cháu không tin phải không?” Ông ngoại nói, ánh mắt nhìn xa xăm. “Không tin cũng không sao. Bản thân ông cũng có cảm giác như mình thấy ảo giác. Có lẽ là ảo giác. Nhưng lúc ấy cảm giác của ông rất rõ ràng. Sau đó anh Miyabe và Matsuno rời đi. Lúc Matsuno rời đi, đã nói lời cảm ơn với ông.”

“Ông ơi, không phải vậy đâu.” Tôi nói. “Bà yêu ông mà.”

“Cháu cũng nghĩ vậy.” Chị Keiko nói.

Ông ngoại không đáp, một giọt lệ trào ra.

“Ông chắc cũng chẳng còn lâu nữa. Thời trẻ thì sợ chết. Khi nhận lệnh tấn công cảm tử cuối cùng cũng sợ hãi. Khi ấy ông đã cố gắng chiến đấu với nỗi sợ hãi đó. Tuy nhiên, bây giờ ông còn không sợ gì nữa. Ông đã sống một cuộc đời hạnh phúc. Khi ông chết, Matsuno sẽ đến đón ông, anh Miyabe cũng sẽ đến phải không?”

Sau đó, ông bảo muốn được ở một mình một lát.

Tôi và chị rời khỏi phòng. Khi ra khỏi nhà ông ngoại, trời đã tối hẳn. Vừa bước ra khỏi cổng, chị đã bật khóc dữ dội. Tôi ôm lấy vai chị. Từ khi trưởng thành đến giờ tôi và chị mới lại ôm nhau như thế. Tôi không biết rằng chị nhỏ nhắn đến thế. Trên khu phố tĩnh lặng, chỉ vang lên tiếng khóc của chị. Đường ướt sũng, khi này có cơn mưa rào chẳng?

Một lúc sau, chị Keiko bình tĩnh trở lại rồi nói. “Chị sẽ từ chối lời cầu hôn của anh Takayama. Chị cứ suy nghĩ suốt nhưng đến hôm nay chị đã rõ tình cảm của mình.”

Mặt chị đầm nước mắt nhưng có vẻ tươi tỉnh.

“Chắc cũng khỏi cần phải viết thành sách.”

Đáp lại câu đùa của tôi, chị cười nói, “Vậy thì đã sao.” Sau đó nói khẽ. “Chuyện này chị chưa nói với Kentaro, chị nhận được một lá thư dài từ anh Fujiki. Anh ấy xin lỗi về việc cầu hôn qua điện thoại, còn viết rằng mong chị hãy hạnh phúc. Sau đó, kể lại những kỷ niệm ngày xưa, có cả nhiều kỷ ức đẹp mà chị đã quên... Anh Fujiki vẫn luôn xem trọng chị...”

Chị Keiko vừa nói lại vừa khóc. “Nếu chị không lấy người mình yêu, thì ông sẽ giận chị mất.”

Tôi gật đầu, vô tình ngược nhìn bầu trời đêm. Thật ngạc nhiên, cả bầu trời đầy sao. Đây là lần đầu tiên tôi thấy nhiều sao đến thế trên bầu trời Tokyo. Chị cũng ngược lên nhìn trời.

Khi ấy, tôi thấy một ngôi sao phương đông vẽ một đường ngắn và biến mất.

KẾT

Bây giờ nghĩ lại, tôi vẫn nghĩ chiếc Zero đó là do ma quỷ điều khiển. Nó ôm dưới bụng cả 500 tấn đạn dược mà có thể di chuyển như vậy, không thể tin được. Trong khoang lái không phải người, mà là ma quỷ.

Chiếc Zero hạ sát xuống tầm thấp. Gần như bay là là trên mặt biển. Hơn nữa, lại ngay sau đuôi hàng không mẫu hạm. Chúng tôi bắn pháo có gắn ngòi nổ tiếp cận nhưng mặt biển phản xạ sóng điện từ, trước khi đến mục tiêu đã phát nổ. Hẳn đã biết được yếu điểm của ngòi nổ tiếp cận hay sao?

Dù vậy, khi đến gần sẽ còn súng máy. Giai đoạn này, trên các hàng không mẫu hạm lớp Essex đều được trang bị số lượng súng máy và pháo đối không khổng lồ. 12 hạng pháo 5 inch. 72 khẩu súng máy 40 li, 52 khẩu 20 li. Nó chính xác là một con nhím gai, căn con nhím gai này là chuyện không thể.

Khi Zero gần đến 3.500 mét, một loạt súng máy 40 li phụt lửa. Vài ngàn phát đạn dược bắn lên chỉ để nhắm vào một chiếc phi cơ. Vô số đạn đánh dấu khác màu từ mỗi chiếc súng máy bay hướng đến chiếc Zero.

Cuối cùng, tôi cũng thấy chiếc Zero phụt lửa. Tôi hét lên. Chiếc Zero phụt khói đen rồi bất ngờ bay vọt lên. Các xạ thủ hết hoảng theo ngay sau đó, nhưng không thể bắt được chuyển động quay ngoắt ấy. Zero vừa cháy vừa bay lên cao, xoắn vòng, xoay lưng xuống. Sau đó, khi đến được khoảng không trên mẫu hạm, nó cứ thế dốc ngược xuống. Chúng tôi đứng ngây nhìn ác ma từ trên không lao xuống. Tôi chưa từng thấy kiểu bố nhào nào như thế. Một chiếc phi cơ đang cháy lại có thể chuyển động như thế sao?

Zero lao xuống đúng theo góc thẳng đứng. Giây phút nó đâm vào, tôi nhắm nghiền mắt. Chiếc Zero đâm vào chính giữa boong tàu. Tiếng chấn động khủng khiếp nhưng bom không phát nổ. Bom không nổ.

Bom không nổ.

Chiếc Zero bốc cháy ngay giữa boong. Xung quanh là các mảnh vỡ bay ra nằm rải rác. Về sau, tôi nghe vài lính thủy bảo rằng, ngay trước khi chiếc Zero đụng vào boong thì cánh đã bị thổi bay.

Chúng tôi tất cả đều run rẩy đến độ không nói được gì. Trên boong là nửa thân trên tươi tắn của phi công Zero. Đó không phải là ác quỷ. Anh ta là người cũng giống chúng tôi. Ai đó hét lên và nã súng vào thi thể ấy.

Ngọn lửa trên boong chẳng mấy chốc được dập tắt. Thuyền trưởng bước xuống.

“Người này đã băng qua hàng rào chiến cơ đánh chặn ưu tú và lưới pháo đối không của phe ta, ngoạn mục đến được đây.”

Chúng tôi cũng có cùng suy nghĩ ấy. Chiếc Zero này đã ngoạn mục đột phá màn pháo đối không mãnh liệt của chúng tôi. Thuyền trưởng quay về phía chúng tôi, nói to.

“Tôi tin là chúng ta nên bày tỏ lòng kính phục với người đàn ông này. Sáng mai, tôi muốn có một buổi thủy táng.”

Mọi người xung quanh ồn ào bàn tán. Tôi cũng ngạc nhiên. Thật là chuyện nực cười. Nếu quả bom nổ, có lẽ nhiều người trong chúng tôi đã chết.

Tuy nhiên, thuyền trưởng gườm gườm nhìn chúng tôi. Anh mắt ấy có nghĩa “Đừng có xen vào quyết định này.”

Chúng tôi gom lại các phần thi thể. Khi ấy, ai đó lấy từ trong túi người lính Nhật ra một tấm ảnh.

“Đứa trẻ...”

Nghe thấy vậy, mọi người đều nhìn vào tấm ảnh. Tôi cũng nhìn. Đó là hình một người phụ nữ mặc Kimono bông đưa bé sơ sinh.

“Chết tiệt! Tao cũng có một nhóc con.”

Chuẩn úy Lou Amberson thốt lên. Sau đó, trịnh trọng trả tấm ảnh vào túi áo của thi thể, nói với thuộc hạ lính thủy. “Chôn theo!”

Thi thể được bọc trong tấm vải trắng, đặt trong phòng chờ máy bay dưới tháp điều khiển. Khi bọc thi thể, tôi đã vượt đôi mắt đang mở của viên phi công. Tôi vẫn nhớ gương mặt đáng sợ ấy bỗng trở nên hiền lành.

Xác chiếc Zero được ném xuống biển. Phần thi thể còn lại trong buồng lái không lấy ra được, nên cũng đi theo cùng. Quả bom chiếc Zero mang theo được tháo ngòi nổ và cũng bị thả xuống biển.

Sáng hôm sau, tất cả những người không bận việc tập trung tại boong tàu. Bây giờ tôi vẫn nghĩ thái độ của thuyền trưởng khi ấy rất uy nghiêm. Sau chiến tranh, tôi được biết con trai của thuyền trưởng đã hy sinh trong trận Trân Châu Cảng. Nghe chuyện ấy, tôi càng nghĩ thuyền trưởng bản lĩnh thật hơn hẳn người thường.

Chúng tôi tập trung để tỏ lòng kính phục đối với một người Nhật Bản mà ngay cả tên cũng không biết. Đặc biệt là các phi công, họ còn có lòng kính sợ đối với anh ta. Theo lời họ nói thì viên phi công này vì không để Radar tóm được nên đã bay là là trên mặt biển đến mấy trăm cây số để đến đây. Điều đó cần kỹ thuật, sức tập trung và cả lòng dũng cảm nữa.

“Hắn thật sự là một át chủ bài.”

Trung úy Carl Levinson nói. Anh ấy là át chủ bài của tàu Ticonderoga. Nhiều phi công khác gật đầu.

Toàn bộ thủy thủ đoàn xếp hàng trên boong, tràng súng tiễn biệt vang lên. Trong khung cảnh ấy, thi thể người phi công bọc trong tấm vải trắng được tất cả giơ tay chào đưa tiễn, cho trượt từ ván cầu xuống biển.

Thi thể được gắn con quay của dây xích, từ từ chìm xuống đáy đại dương.

HẾT

Table of Contents

Tác giả: Naoki Hyakuta

MỞ ĐẦU

HƯƠNG HỒN

KẺ HÈN NHÁT

TRÂN CHÂU CẢNG

RABAU

GUADALCANAL

ẢNH NUDE

DIÊN CUỒNG

HOA ANH ĐÀO

KAMIKAZE

QUỶ ALULA

PHÚT CUỐI

CHÂN TƯỚNG

KẾT